



Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Phúc mừng
Năm Mới*

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 40
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG GIÁO DỤC CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á
THE 40th COUNCIL CONFERENCE
SOUTHEAST ASIAN MINISTERS OF EDUCATION ORGANIZATION
Hanoi, Vietnam - March 15-17, 2005

JAN - 0 2006

CURRENT SERIALS

1

1-2006

Digitized by Google

Huyện HIỆP ĐỨC



BCH Đảng bộ huyện Hiệp Đức khóa VI nhiệm kỳ 2005-2010

Địa chỉ: thị trấn Tân An - huyện Hiệp Đức - tỉnh Quảng Nam * Điện thoại: 0510 883 209 - 883 425



Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy
ĐOÀN VĂN VIÊN

Hiệp Đức là huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam. Với truyền thống anh hùng cách mạng, đoàn kết, thống nhất, biết kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong những năm qua, luôn nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, Đảng bộ và nhân dân huyện Hiệp Đức đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực như:

A. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: Toàn huyện đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu mùa vụ-cây trồng-con vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống. Sản lượng lương thực bình quân hàng năm 10.300 tấn. Giá trị sản xuất tăng bình quân 11,7%/năm. Kinh tế vườn, kinh tế trang trại được

đầu tư trong 5 năm qua tăng đáng kể.

B. Lâm nghiệp tập trung chỉ đạo theo hướng xã hội hoá. Công tác giao đất, khoán rừng được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả.

C. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: toàn huyện có 200 cơ sở sản xuất CN-TTCN, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 2,8%.

D. Thương mại- dịch vụ: Giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ tăng bình quân hàng năm 14,6%.

E. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 9,8%/năm, bình quân thu nhập đầu người 202 USD/năm.

G. Giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010

- Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế của huyện là: Nông nghiệp: 50%, CN&XD: 15%, Thương mại - dịch vụ: 35%
- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm: 10,1%
- Thu nhập bình quân đầu người/năm: 306 USD
- Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân hàng năm 6,66%
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân hàng năm 14,87%
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tăng bình quân hàng năm 13,3%
- Giá trị sản xuất đạt từ 15- 20 triệu đồng/năm
- Sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt: 10.500 - 11.000 tấn
- Tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 45% trở lên
- Thu phát sinh kinh tế tại huyện tăng bình quân hàng năm 18%
- Vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hàng năm 15,84%
- Số lao động được giới thiệu đào tạo nghề và việc làm: 500 người/năm
- Cơ cấu lao động nông nghiệp 72,6%; phi nông

nghiệp 27,4%; lao động công nghiệp: 4,3%; lao động dịch vụ: 23,1%

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: 07 trường (03 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02 trường mầm non). Duy trì tốt và không ngừng nâng cao chất lượng đối với các trường đã đạt chuẩn

- Hoàn thành PCGDTHCS toàn huyện, tiến đến PCGDTHPT II nhất ở 02 xã

- Xây dựng trung tâm học tập cộng đồng: 10/12 xã, thị trấn

- 10/12 xã thị trấn có bác sĩ, 7/12 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, phần đầu đạt tỷ lệ 6 bác sĩ trên vạn dân

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 20%

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1%

- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới của quốc gia còn 27%.

- Giáo dục đạt 100% chỉ tiêu tình giao

- Phát triển đảng viên mới bảo đảm chất lượng, phần đầu bình quân mỗi năm kết nạp 100 đảng viên trở lên

- 70% tổ chức cơ sở đảng trở lên trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém

- Xây dựng 100% xã, thị trấn đạt vững mạnh về an ninh quốc phòng và vững mạnh toàn diện



Khu di tích lịch sử khu ủy V (xã Sông Trà-Hiệp Đức)



Mô hình trồng cỏ nuôi bò kinh tế vườn, kinh tế trang trại là hướng phát triển kinh tế của huyện



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 748

1

1-2006

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 60 NĂM QUỐC HỘI VIỆT NAM (6-1-1946 - 6-1-2006)

XÃ LUẬN - Quốc hội của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	3
NGUYỄN VĂN AN - Để xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân	7
NGUYỄN VĂN YẾU - Đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới	13
TÀO HỮU PHÙNG - Quốc hội với việc thực hiện chức năng quyết định về ngân sách và các chương trình, dự án quan trọng quốc gia	18

ĐẤT NƯỚC - MÙA XUÂN

NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2005	23
PHAN DOÃN NAM - Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong năm qua	30
HUỖNH VĂN BE - Năm mới, Bến Tre tiếp tục cuộc hành trình "đồng khởi mới"	34
LÊ DANH VĨNH - Ngành thương mại: nhìn lại 20 năm đổi mới	38
NGUYỄN THỊ NGÀ - Phát huy truyền thống yêu nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	43

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TÔ HUY RỬA - Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta	48
TRẦN QUANG NHIẾP - Để khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay	54
NGUYỄN VŨ CÂN - Ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng - biện pháp quan trọng tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngang tầm nhiệm vụ	60
NGUYỄN VĂN CẢNH - Hoàn thiện pháp luật về thương mại dịch vụ, đáp ứng yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới	64
CHU THÁI THÀNH - Mở rộng và phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa	69

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

CHÂU GIANG - Diễm phúc	74
------------------------	----

THẾ GIỚI: VĂN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Thế giới năm 2005: nhìn từ bình diện an ninh chính trị	76
--	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may (Lào) thăm Việt Nam	80
*** Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản thăm Cộng hòa Pháp	

Bìa 1: Tin tưởng, tự hào bước vào năm mới 2006

СОДЕРЖАНИЕ

• **Передавая:** Национальное собрание народа, выбранное народом, во имя народа. • **НГУЕН ВАН АН:** Для того, чтобы быть достойным высшего государственного органа власти, высшего органа представителей народа. • **НГУЕН ВАН ИЕУ:** Обновление законодательной деятельности Национального собрания в целях удовлетворения требованиям, задачам в новый период. • **ТАО ХЫУ ФУНГ:** Национальное собрание и выполнение функций решения бюджета и важных государственных программ, проектов. • **НГУЕН ШИНЬ КУК:** Обзор о вьетнамской экономике 2005 г. • **ФАН ЗОАН НАМ:** Внешнеполитическая деятельность Вьетнама в прошедшем году. • **ЛЕ ЗАНЬ ВИНЬ:** Торговая отрасль: ретроспективный обзор за 20 лет обновления. • **ТО ХУ РЫА:** Строительство и развитие культурной промышленности во Вьетнаме. • **ЧАН КУАНГ НИЕП:** Чтобы выйти из положения падения духа, ухудшения моральных качеств, стипя жизни части кадровых, партийных работников в настоящее время. • **НГУЕН ВАН КАНЬ:** Усовершенствование законодательной системы в области сервисной торговли для удовлетворения требованиям вступления в ВТО. • **НГУЕН ХОАНГ ЖАП:** Мир в 2005 г. – оценка с точки зрения политической безопасности.

CONTENTS

• **Editorial:** The National Assembly of the people, by the people and for the people. • **NGUYỄN VĂN AN:** In order to be deserving as the supreme state authority and highest representative body of the people. • **NGUYỄN VĂN YẾU:** Renovating the National Assembly's legislative activities, satisfying demands and tasks in the new period. • **TÀO HỮU PHỤNG:** The National Assembly and implementation of the function deciding budgets, important programs and projects of the state. • **NGUYỄN SINH CÚC:** Overview of Vietnam's economy in 2005. • **PHAN ĐOÀN NAM:** Vietnam's foreign activities in the past year. • **LÊ DANH VINH:** The trade branch: looking back at 20 years of the renovation. • **TÔ HUY RÚA:** Building and developing the cultural industry in our country. • **TRẦN QUANG NHIẾP:** In order to overcome the situational decline of thoughts, morality and lifestyle of a part of cadres and party members nowadays. • **NGUYỄN VĂN CẢNH:** Perfecting laws on trade and services, satisfying the demands to join WTO. • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP:** The World in 2005: a political -safety perspective.

SOMMAIRE

• **Editorial :** Une Assemblée nationale du peuple, par le peuple, pour le peuple. • **NGUYỄN VĂN AN :** Pour mériter d'être l'organe suprême du pouvoir d'Etat et l'organe de représentation suprême du peuple. • **NGUYỄN VĂN YẾU :** Rénover les activités législatives de l'Assemblée nationale pour répondre aux demandes et tâches de la nouvelle étape. • **TÀO HỮU PHỤNG :** L'Assemblée nationale et la réalisation de ses fonctions décisives concernant le budget et les programmes et projets nationaux importants. • **NGUYỄN SINH CÚC :** Panorama de l'économie vietnamienne de 2005. • **PHAN ĐOÀN NAM :** Les activités extérieures du Vietnam durant l'année précédente. • **LÊ DANH VINH :** La branche de commerce : regard rétrospectif sur 20 années de renouveau. • **TÔ HUY RÚA :** Edification et développement de l'industrie culturelle dans notre pays. • **TRẦN QUANG NHIẾP :** Pour surmonter la dégradation dans les domaines de l'idéologie, de la morale et du mode de vie d'une partie des fonctionnaires et membres du Parti à l'heure actuelle. • **NGUYỄN VĂN CẢNH:** Parachever les lois du commerce et du service pour satisfaire les exigences de l'adhésion à l'OMC. • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP :** Le monde en 2005 : vu de l'angle de sécurité politique.

SUMARIO

• **Editorial :** La Asamblea Nacional del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. • **NGUYỄN VĂN AN :** Para ser digno del supremo órgano de poder estatal, supremo órgano representativo del pueblo. • **NGUYỄN VĂN YẾU:** Renovar las actividades legislativas de la Asamblea Nacional a fin de responder las demandas y las tareas en el nuevo período. • **TÀO HỮU PHỤNG:** La Asamblea Nacional para con el cumplimiento de función de decidir el presupuesto y los importantes programas y proyectos nacional. • **NGUYỄN SINH CÚC:** Panorama económica vietnamita de 2005. • **PHAN ĐOÀN NAM:** Actividades exteriores de Vietnam en 2005. • **LÊ DANH VINH:** La rama de comercio: revisión de 20 años de renovación. • **TÔ HUY RÚA:** La construcción y el desarrollo de la industria cultural en nuestro país. • **TRẦN QUANG NHIẾP:** A fin de superar el estado corrupto de pensamiento, moral y modo de vida en una parte de cuadros y militantes en la actualidad. • **NGUYỄN VĂN CẢNH:** Perfeccionar las leyes de comercio y servicio a fin de responder las exigencias de ingreso a la Organización Comercial Mundial. • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP:** El mundo en 2005: a la vista del plano de seguridad política.

目 录

• 社论—民有、民享、民治的国会 • 阮文安：不愧为国家最高权力机关、人民的最高代表机关 • 阮文岳：为满足新阶段的要求及任务革新国会立法活动 • 曹友逢：国会及其实现决定有关国家预算及各国家重要项目、工程的职能 • 阮生菊：越南 2005 年经济综观 • 潘尹南：越南今年的对外活动 • 黎名永：商贸业：回顾 20 年革新 • 苏辉若：建设及发展我国文化工业行业 • 陈光摄：为克服目前一部分干部、党员思想、道德、生活作风衰退的状况 • 阮文景：为满足加入世贸组织的要求完善商贸服务有关法律 • 阮黄甲：世界 2005 年：从政治安宁平台来看。



**Chủ tịch Hồ Chí Minh bỏ phiếu bầu cử
các vị lãnh đạo của Nhà nước và Quốc hội 15/7/1960**

120
Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Quốc hội ta họp lần này trong ~~tình hình~~ ^{lúc} cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã trở nên rất quyết liệt và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang. Giặc Mỹ bị thua to trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam đã liều mạng ném vào chiến trường miền Nam nước ta 25 vạn quân Mỹ và chư hầu, cùng 60 vạn quân ngụy, điên cuồng đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng mở những cuộc càn quét ~~trên quy mô lớn~~ ^{trong và ở bất cứ chỗ}, đi đến đâu là "đốt sạch, giết sạch, phá sạch", ^{chết vạn} chúng huy động hàng nghìn máy bay thả hàng ~~trăm~~ ^{hàng} tấn bom, tàn phá đất nước ta, ^{chết} ~~còn~~ ^{đang} những chất độc và hơi độc giết hại đồng bào ta ở miền Nam. Chúng ^{lạm} ~~tương~~ ^{được khinh} sức mạnh tàn bạo của vũ khí có thể làm cho đồng bào miền Nam ta ~~khuyết phục, đầu hàng~~. Nhưng đồng bào miền Nam Việt Nam anh hùng ~~vẫn~~ ^{không} hề máy may khiếp sợ. Những tội ác cực kỳ man rợ của giặc Mỹ và bọn tay sai ^{như} ~~như~~ đổ thêm dầu vào lửa, càng làm sục sôi thêm lòng yêu nước, chí căm thù Quân và dân miền Nam ta ~~vẫn~~ ^{tiếp} luôn luôn giành thế chủ động, dồn dập tiến công quân địch khắp các chiến trường, lập được nhiều chiến công vô cùng oanh liệt, ^{ta và} ~~làm~~ ^{những thế lợi} nước lòng nhân dân cả nước vang dội khắp năm châu ~~thời~~.

^{Đời} ~~Tôi~~ đề nghị Quốc hội ta nhiệt liệt hoan hô Quân giải phóng và đồng bào miền Nam anh hùng ~~đánh giặc, thắng lớn~~, ~~đã tiêu diệt hàng vạn quân Mỹ, đã diệt và làm tan rã hàng chục vạn quân ngụy~~.

^{sa đây} Chính vì ngày càng ~~thua to~~ và bị động, và hòng gỡ thế bí ấy mà để Quốc Mỹ đã liều lĩnh mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Hơn một năm nay, chúng đã dùng hàng trăm máy bay ngày đêm bắn phá miền Bắc ta. Chúng cũng ^{lạm} ~~tương~~ bom đạn của chúng có thể làm ~~cho~~ ^{cho} tinh thần của dân ta lung lay, ~~sức mạnh của dân ta giảm sút~~. Nhưng sự thật là các chiến sĩ và đồng bào ta ở miền Bắc đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Đến nay hơn 950 máy bay ~~hiện đại~~ của giặc Mỹ đã bị bắn rơi. Vì Tổ quốc thân yêu, vì miền Nam ruột thịt, vì chủ nghĩa xã hội,

Bản đánh máy bài phát biểu của Bác Hồ
tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội Khóa III (22/4/1966)
có bút tích của Người



QUỐC HỘI CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

CÁCH đây 60 năm, ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên theo nguyên tắc dân chủ, trực tiếp và bỏ phiếu kín đã thành công rực rỡ, bầu ra Quốc hội của nước Việt Nam mới. Sự kiện này đánh dấu việc khai sinh Quốc hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lịch sử phát triển của Quốc hội gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam. Qua 11 khóa hoạt động, Quốc hội ngày càng khẳng định vai trò quan trọng là cơ quan

đại diện dân cử cao nhất, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tính đại diện cao nhất của Quốc hội nước ta thể hiện ở chỗ: 1 – Quốc hội có cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân; 2 – Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình trên cơ sở sự tín nhiệm của nhân dân, do nhân dân ủy quyền; 3 – Quốc hội do toàn dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đại biểu Quốc hội có cơ cấu, thành phần phản ánh sự đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp nhân dân và các dân tộc. Vì vậy, Quốc hội là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam. "Quốc hội là tiêu biểu ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi" ⁽¹⁾.

Quốc hội và các đại biểu của Quốc hội chịu sự giám sát của nhân dân, thông qua việc bảo đảm cho nhân dân theo dõi quá trình làm việc của mình như tham dự các phiên họp, nghe chất vấn, trả lời chất vấn, và thông qua việc đại biểu Quốc hội phải báo cáo hoạt động tại đơn vị đã bầu cử mình.

Tính quyền lực nhà nước của Quốc hội thể hiện ở thẩm quyền của Quốc hội đã được cụ thể hóa thành ba chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể. Đó là lập hiến, lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao.

Về chức năng lập hiến và lập pháp, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền thông qua, sửa đổi Hiến pháp và luật. Hiến pháp và luật có vị trí vô cùng quan trọng, bởi vì nó thể hiện những đường lối cơ bản, những chủ trương lớn của Đảng đã được Nhà nước thể chế hóa và có hiệu lực thi hành trên toàn lãnh thổ nước ta. Các quy phạm pháp luật khác do các cơ quan nhà nước ban hành phải căn cứ vào Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

Về chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; quy định những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Về chức năng giám sát tối cao, Quốc hội giám sát toàn bộ hoạt động của Nhà nước, nhằm bảo đảm cho mọi hoạt động của Nhà nước đúng pháp luật. Quốc hội giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội, của các cơ quan nhà nước ở trung ương, của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Những cơ quan chịu sự giám sát

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 7, tr 497

của Quốc hội, có trách nhiệm báo cáo công tác của mình trước Quốc hội. Những cá nhân do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn nếu phạm sai lầm sẽ bị Quốc hội xem xét đề miễn, hoặc bãi nhiệm.

Trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước, Quốc hội có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm những người đứng đầu các cơ quan nhà nước khác. Nhiệm kỳ hoạt động của các cơ quan nhà nước do Quốc hội quy định theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Các cơ quan nhà nước ở trung ương do được Quốc hội bầu, hoặc có thể bị bãi miễn, nên rất phụ thuộc vào sự tín nhiệm của Quốc hội.

Quốc hội nước ta hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Các vấn đề được Quốc hội quyết định phải được tập thể các đại biểu Quốc hội xem xét và chỉ được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Riêng trường hợp sửa đổi Hiến pháp phải có hai phần ba tổng số đại biểu tán thành.

*

* *

Sáu mươi năm qua, Quốc hội nước ta luôn luôn bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thể hiện ngày càng tốt hơn vai trò quyền lực, ý chí và nguyện vọng cao nhất của nhân dân. **Quốc hội đã thông qua 4 văn bản Hiến pháp, 197 văn bản luật và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 195 văn bản pháp lệnh.** Những văn bản đó đã đi vào cuộc sống của nhân dân và giữ vai trò trọng yếu trong quản lý đất nước.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Quốc hội đang phát huy vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đẩy mạnh và từng bước hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tăng cường pháp chế và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước. Truyền thống và những kinh nghiệm hoạt động của 11 khóa Quốc hội đang được nhân lên. **Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Quốc hội nước ta đang tiếp tục đổi mới, vươn lên tầm cao mới.**

Trong thời gian tới, yêu cầu chung đặt ra đối với Quốc hội là phấn đấu thực thi đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xứng đáng với vị trí, vai trò là cơ quan đại biểu và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Yêu cầu cụ thể là: 1 – Khắc phục những khuyết điểm, hạn chế hiện nay trong tổ chức, hoạt động của Quốc hội; 2 – Phát huy vai trò của Quốc hội trong việc tạo lập môi trường thể chế và điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy và phát triển nền kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3 – Góp phần mở rộng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; 4 – Định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 5 – Phát triển đất nước phù hợp với xu hướng vận động của thời đại; 6 – Thúc đẩy quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Để thực hiện tốt các yêu cầu trên, chúng ta cần tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức một cách đầy đủ và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội nhằm phát huy vị trí, vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đổi mới, nâng cao chức năng lập pháp và quyết định các vấn đề quan trọng của Quốc hội theo hướng tập trung quyền lập pháp vào Quốc hội, giảm dần và tiến tới không ban hành pháp lệnh; luật hóa tối đa các quyết định của Quốc hội, đề luật của Quốc hội giữ vai trò chủ đạo trong việc điều chỉnh các quan hệ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội; phân biệt rõ ràng bản chất giám sát của Quốc hội là giám sát mang tính quyền lực nhà nước, khác với các hình thức giám sát khác. Phát huy có hiệu quả, đồng bộ các hình thức giám sát của Quốc hội: giám sát của tập thể Quốc hội, giám sát của Hội đồng Dân tộc, của các ủy ban và của đoàn đại biểu Quốc hội; nâng cao vai trò giám sát thi hành pháp luật tại địa phương của các đại biểu Quốc hội.

Nâng cao chất lượng của đại biểu Quốc hội; tăng cường hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội và ở các đoàn đại biểu Quốc hội; tăng cường mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri thông qua cơ chế ràng buộc trách nhiệm. Phát huy tính chủ động, tự lập, trách nhiệm cá nhân của đại biểu Quốc hội và chịu trách nhiệm trước cử tri.

Tiếp tục đổi mới cách thức làm việc của Quốc hội, phát huy dân chủ trong hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội có thể ban hành được nhiều quyết định có chất lượng tốt...

Kỷ niệm 60 năm thành lập Quốc hội nước ta đúng vào dịp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang phấn khởi đón chào mùa xuân mới 2006, thi đua lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội X của Đảng. Tự hào với những thành tích to lớn đã đạt được trong 60 năm qua, chúng ta tin tưởng chắc chắn, trong thời gian tới Quốc hội sẽ tiếp tục phát huy mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, góp phần đưa dân tộc ta vững bước trên con đường đổi mới, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀ CƠ QUAN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CAO NHẤT, CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO NHẤT CỦA NHÂN DÂN

NGUYỄN VĂN AN

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội

1 – Chúng ta vui mừng kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội khóa I (6-1-1946). Nhìn lại lịch sử ra đời và phát triển của Quốc hội nước ta, tuy không dài so với nhiều nước trên thế giới, nhưng chúng ta có thể tự hào rằng, vốn là một nước không có truyền thống nghị viện, song từ sau ngày Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội khóa I đến nay, Quốc hội nước ta đã trở thành một thiết chế dân chủ đại diện cao nhất, ngày càng phát huy mạnh mẽ vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, với chức năng lập hiến, lập pháp; giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.

Nhớ lại 60 năm về trước, trong thế nước "ngàn cân treo sợi tóc", chúng ta càng thấy sâu sắc vai trò của cơ quan đại diện dân cử cao nhất trong đời sống nhà nước và xã hội. Có thể nói, chính quyền nhà nước ở nước ta được xác lập ngay từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2-9-1945. Tuy vậy, Nhà nước đó, xét về mặt pháp lý lẫn phương diện tổ chức bộ máy, vẫn chưa phải là một nhà nước hoàn chỉnh. Trên thực tế,

Nhà nước ta lúc đó mới chỉ có một bộ máy hành chính mang tính chất lâm thời. Để bảo đảm tính pháp lý và uy tín của Nhà nước trước toàn thể nhân dân và cộng đồng thế giới, mặc dầu tình hình lúc đó cực kỳ khó khăn, phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: "Phải bầu ngay Quốc hội, càng sớm càng tốt. Bên trong thì nhân dân tin tưởng vào chế độ mình. Trước thế giới, Quốc hội do dân bầu ra sẽ có một giá trị pháp lý không ai có thể phủ nhận được". Thực hiện chủ trương đó, sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta bầu Quốc hội khóa I đã thành công rực rỡ. Quốc hội khóa I thay mặt nhân dân cả nước thông qua Hiến pháp năm 1946 - cơ sở pháp lý cao nhất đầu tiên - để củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, khẳng định tính pháp lý của một nhà nước trước thế giới, đồng thời là một dấu mốc thể hiện sự hoàn chỉnh về cơ bản bộ máy nhà nước ta, một thể chế dân chủ đại diện được nhân dân trực tiếp bầu ra.

Tiếp tục vai trò đó, ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), trên cơ sở Nghị quyết của Hội nghị hiệp thương thống nhất Tổ quốc, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất đã diễn ra sôi nổi trong



Ảnh: TL

cả nước vào ngày 15-4-1976 và thành công rực rỡ. Quốc hội khóa VI ra đời trở thành nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc cho sự hình thành và phát triển Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất. Với quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và chế độ bầu cử tự do, tiến bộ, Quốc hội đã thực sự thể hiện chân thực hình ảnh "nhân dân cả nước được thu nhỏ", hiện thân của sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết dân tộc trong một nhà nước thống nhất, cùng nhau phấn đấu khắc phục hậu quả của chiến tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

Sáu mươi năm qua, với 11 khóa, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước, Quốc hội nước ta đã xây dựng và thông qua 4 bản Hiến pháp: Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nhà nước kiểu mới; Hiến pháp năm 1959 - Hiến pháp xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà; Hiến pháp năm 1980 - Hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể, cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội; Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tất cả các bản Hiến pháp đều là sản phẩm trí tuệ của toàn dân, thể hiện ý chí và nguyện vọng của đồng bào cả nước, quyết tâm tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong từng thời kỳ. Các Hiến pháp không phủ định nhau mà kế thừa và phát triển Hiến pháp trước, với nội dung thể hiện sâu sắc ý chí và nguyện vọng của nhân dân, vừa thấm đượm những giá trị vốn có của dân tộc ta, vừa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của nhân loại. Trên cơ sở các Hiến pháp, Quốc hội các khóa đã lần lượt được nhân dân bầu ra, với tổ chức và hoạt động không ngừng được đổi mới, hiệu lực và

hiệu quả hoạt động ngày càng nâng cao, được nhân dân quan tâm, đồng tình, ủng hộ.

Với chức năng hàng đầu là lập hiến và lập pháp, Quốc hội các khóa đã không ngừng chăm lo công tác xây dựng pháp luật. Mặc dầu đến nay, hệ thống pháp luật nước ta chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, nhưng nhìn chung, trên nhiều lĩnh vực của đời sống nhà nước và xã hội, từ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, ngoại giao, đến các lĩnh vực giáo dục, khoa học - công nghệ, giao lưu dân sự, hành chính, tư pháp... đã có luật hoặc bộ luật điều chỉnh. Nhiều bộ luật với trình độ pháp điển hóa cao lần lượt được ban hành như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự...; nhiều đạo luật mới lần đầu tiên ra đời ở nước ta như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Phá sản, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Các tổ chức tín dụng... Nhờ đó mà tạo lập được môi trường pháp lý bình đẳng, thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tồn tại và phát triển; các chủ trương phát huy nội lực, tăng nhanh vốn đầu tư trong nước và nhất là từ nước ngoài, tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, nâng cao đời sống của nhân dân từng bước đi vào cuộc sống và trở thành hiện thực.

Cùng với hoạt động lập pháp, Quốc hội các khóa đã thực hiện ngày càng có hiệu lực và hiệu quả chức năng quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Các nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ pháp triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm; về chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia; về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước; về các công trình trọng điểm quốc gia; về tổ chức nhân sự của bộ máy nhà nước; về chính sách dân tộc; về an ninh - quốc phòng và đối ngoại... đã góp phần ổn định và phát triển đất nước. Các hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội về đầu tư, xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm quốc gia, giáo dục - đào tạo,

xuất khẩu lao động, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao... đã góp phần thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra, đấu tranh phòng chống các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong bộ máy nhà nước, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật.

Tóm lại, thực tiễn 60 năm qua chỉ ra rằng, *tăng cường vai trò của Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của cử tri và nhân dân cả nước trong việc thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp; quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước; giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước - nhân tố cực kỳ quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng của toàn thể dân tộc, phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và củng cố nền tảng chính trị - pháp lý của đất nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đề cao pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ngược lại, hạ thấp vai trò của Quốc hội chính là hạ thấp vai trò của nhân dân trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước xa rời bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; hạ thấp việc xây dựng và củng cố nền tảng chính trị - pháp lý, làm suy yếu nền tảng pháp chế của quốc gia, hạ thấp dân chủ xã hội chủ nghĩa trong đời sống nhà nước và xã hội.*

2 - Mặc dầu 60 năm qua, vai trò của Quốc hội ngày càng được tăng cường, song trong điều kiện hiện nay, tổ chức và hoạt động của Quốc hội đang đứng trước những đòi hỏi khách quan, bức thiết sau đây:

Một là, phải nhanh chóng tăng cường năng lực lập pháp đáp ứng những đòi hỏi bức xúc về nâng cao chất lượng và số lượng các dự án luật, bộ luật

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang khẩn thiết đòi hỏi phải nhanh chóng đổi mới và hoàn thiện pháp luật, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Điều đó đang đặt Quốc hội nói chung, đại biểu Quốc hội nói riêng trước đòi hỏi gay gắt phải nâng cao năng lực lập pháp để nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân sự, kinh tế, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đang đòi hỏi phải đổi mới và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đối với công dân; thể chế hóa và ghi nhận sự phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mức độ hoàn thiện pháp luật phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân và tuân thủ pháp luật trở thành tiêu chí để đánh giá tính pháp quyền của một nhà nước. Điều đó đang đặt Quốc hội nói chung, các đại biểu Quốc hội nói riêng trước đòi hỏi phải đổi mới và hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về quyền con người, quyền công dân và cơ chế để bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

- Xây dựng, phát triển các mối quan hệ quốc tế theo đường lối mở cửa, chủ động hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế và từng bước mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác đang đặt ra đòi hỏi khách quan phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để tạo lập khung pháp lý cho sự hợp tác phát triển. Đồng thời, hệ thống pháp luật còn là phương tiện đầy hiệu lực để đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong điều kiện quốc tế đang tiếp tục có nhiều biến đổi phức tạp, toàn cầu

hóa về kinh tế chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực; đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt, các thế lực thù địch đang điên cuồng chống phá và xuyên tạc. Điều đó đang đòi hỏi Quốc hội nói chung, đại biểu Quốc hội nói riêng phải khẩn trương hoàn thiện pháp luật.

- Hệ thống pháp luật nước ta hiện đang còn thiếu và chưa đồng bộ; thiếu cũng nhiều mà chưa đồng bộ cũng còn lớn. Trong bản thân hệ thống pháp luật còn bộc lộ những yếu kém. Một số lĩnh vực của đời sống xã hội vẫn chưa có luật điều chỉnh. Các luật đã ban hành còn chứa đựng nhiều "khung không nội dung điều chỉnh", thiếu độ minh bạch, thiếu ổn định; nhiều quy định không trực tiếp điều chỉnh được các quan hệ xã hội, phải chờ đợi văn bản hướng dẫn mới đi vào cuộc sống, nên kém hiệu lực, hiệu quả. Nội dung của một số văn bản quy phạm pháp luật chưa theo kịp với sự phát triển của thực tiễn, với tồn tại xã hội, còn mang nặng mong muốn chủ quan, nên tính khả thi và dự báo thấp. Tình hình đó đặt Quốc hội và đại biểu Quốc hội trước hai nhiệm vụ rất nặng nề: *một mặt*, phải ban hành nhiều văn bản luật mới phục vụ cho phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; *mặt khác*, phải sửa đổi, bổ sung những văn bản luật hiện hành nhằm khắc phục những yếu kém vốn có trong bản thân hệ thống pháp luật.

Hai là, đời sống nhà nước và xã hội đang khẩn thiết đòi hỏi mọi công dân, trước hết là cán bộ, đảng viên, công chức, phải gương mẫu chấp hành pháp luật; phải xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật, nhất là xử lý nghiêm minh trách nhiệm của người đứng đầu trực tiếp để xảy ra vi phạm pháp luật và tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình. "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" là phương châm hành động của mọi người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Luật pháp là tối thượng, pháp luật "bất vi thân". Ai vi phạm, dù người đó ở bất kỳ cương vị nào cũng đều phải có hình thức xử lý nghiêm minh. Khi còn tình trạng "nhẹ trên, nặng dưới", "chín bỏ làm mười", "dĩ hòa vi quý", "dễ người dễ ta", nể nang, né tránh, thậm chí cơ hội,... thì luật dù tốt đến mấy cũng chỉ là những điều luật khô khan, không hõn nằm trên giấy, lạc lõng trong cuộc sống, không có nghĩa lý gì cả. Tất cả những điều đó đang đặt hệ thống chính trị nước ta nói chung, Quốc hội nói riêng trước đòi hỏi phải khẩn trương nâng cao năng lực giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước để bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật được nghiêm chỉnh chấp hành trong cuộc sống, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý nhà nước bằng pháp luật, đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm có hiệu quả.

Ba là, đề cao vai trò của Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước, đang là đòi hỏi của nền dân chủ đại diện, của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tình trạng quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước một cách hình thức, dựa dẫm, y lại vào người khác, thiếu cơ sở thực tiễn và khoa học, không kịp thời... đều trái với ý nguyện của nhân dân, không phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Điều đó đặt Quốc hội trước đòi hỏi phải nâng cao năng lực thực hiện chức năng quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước một cách thực quyền, đúng đắn, kịp thời, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

3 – Trước những đòi hỏi khách quan nói trên, trong thời gian tới chúng ta phải **phấn đấu xây dựng một Quốc hội thực thi đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo luật định, xứng đáng với vai trò là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều đó đòi hỏi Quốc hội phải mạnh về lập pháp, quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và giám sát tối cao.**

Phương thức hoạt động của Quốc hội phải dựa trên hai trụ cột chính là Ủy ban và đại biểu Quốc hội. Vai trò của các Ủy ban và Hội đồng Dân tộc phải được tăng cường. Coi trọng vai trò của các cá nhân đại biểu Quốc hội bằng cách phát huy trí tuệ chuyên sâu, chuyên trách và trách nhiệm của đại biểu trước nhân dân. Đồng thời, phải có sự đổi mới kỳ họp của Quốc hội để chuyển từ tham luận, phát biểu, nêu vấn đề sang một Quốc hội tranh luận và quyết định chủ yếu theo hình thức luật tại các kỳ họp.

Để xây dựng Quốc hội theo định hướng tổng thể nói trên đáp ứng các đòi hỏi khách quan, bức xúc hiện nay, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau đây:

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò của Quốc hội, tạo điều kiện để Quốc hội làm đúng, làm đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo luật định nhằm xây dựng một Quốc hội mạnh, thực quyền.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng dân chủ hóa, tạo mọi điều kiện để các kỳ họp của Quốc hội diễn ra thực sự dân chủ; cải tiến các hình thức lấy ý kiến nhân dân đối với các dự án luật và các hình thức tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội với cử tri, tăng cường mối quan hệ gắn bó và trách nhiệm lẫn nhau giữa đại biểu Quốc hội và cử tri; sớm ban hành Luật Trưng cầu dân ý để nhân dân trực tiếp quyết định một số vấn đề hệ trọng và thiết thực.

- Nâng cao năng lực lập pháp của Quốc hội. Phát huy vai trò của mình, đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội phấn đấu thực hiện "quyền trình kiến nghị về luật, dự án luật ra trước Quốc hội" theo quy định của Hiến pháp. Để làm tốt điều đó, cần sửa đổi quy trình lập pháp, tạo cơ chế khuyến khích đại biểu Quốc hội thực hiện quyền sáng kiến lập pháp. Có cơ chế, chính sách thu hút các

hiệp hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các chuyên gia giỏi vào việc nghiên cứu thẩm định, thẩm tra các dự án luật, giúp cho các đại biểu Quốc hội có các luận cứ khoa học và thực tiễn để quyết định lựa chọn chính sách, mô hình pháp lý tối ưu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong việc thực hiện quyền sáng kiến lập pháp.

- Khắc phục tình trạng giám sát theo bề rộng mà thiếu chiều sâu. Tập trung vào việc giám sát các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; giám sát ngân sách, đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nhất là giám sát để làm rõ trách nhiệm chính trị và đạo đức của những người do Quốc hội bầu ra hoặc phê chuẩn. Cần xác định rõ phạm vi, nội dung, đối tượng giám sát trong từng thời kỳ theo hướng tập trung giám sát cơ quan hành pháp cao nhất bao gồm Chính phủ, các bộ và các cơ quan ngang bộ.

- Tăng cường hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Các cơ quan này phải chịu trách nhiệm chính về những vấn đề trong các báo cáo của mình trình ra Quốc hội, đặc biệt là các báo cáo thẩm tra. Trọng tâm hoạt động của Quốc hội phải chuyển từ hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Đoàn đại biểu Quốc hội sang hoạt động chủ yếu tại Ủy ban, Hội đồng Dân tộc và quyết định tại kỳ họp toàn thể của Quốc hội.

- Thành lập thêm một số Ủy ban của Quốc hội để tạo điều kiện cho các Ủy ban chuyên trách hóa hoạt động của mình theo hướng chuyên sâu về các lĩnh vực như tư pháp, tài chính, ngân sách... Tăng đại biểu Quốc hội chuyên trách theo hướng bảo đảm cho phần lớn các thành viên của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban đều hoạt động chuyên trách.

- Nâng cao chất lượng của đại biểu Quốc hội, hoàn thiện cơ chế lựa chọn và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo hướng khắc phục tình trạng thiên về đại diện theo vùng, miền mà ít chú ý đến đại diện theo ngành, giới, nghề nghiệp. Các ứng viên phải có chương trình hoạt động cụ thể, có tính khả thi để trình bày, đối thoại với cử tri về kết quả thực hiện các cam kết của mình để cử tri có cơ sở nhận xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của đại biểu. Cùng với việc nâng cao kiến thức, đại biểu Quốc hội phải nâng cao bản lĩnh dám nói và dám đấu tranh với các biểu hiện vi phạm pháp luật, nhất là tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Cần phát huy tính chủ động, tự lập, tự chịu trách nhiệm cá nhân của đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội, đặc biệt là đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương phải có chế độ làm việc định kỳ ở địa phương để kịp thời nắm bắt ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phải thực sự là người đại diện cho cử tri đã bầu ra mình.

- Kien toan các cơ quan tham mưu giúp việc cho Quốc hội trở thành một thiết chế mạnh, có tính ổn định. Cần thiết lập chức danh Tổng Thư ký Quốc hội (Văn phòng Quốc hội chuyên lo về cơ sở vật chất) để tập trung tham mưu giúp việc cho Quốc hội. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn giúp việc Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội với các đơn vị phục vụ chung cho Quốc hội như các bộ phận dịch vụ nghiên cứu, thông tin, thư viện; tăng cường năng lực thông tin để kịp thời cung cấp thông tin khách quan, đầy đủ, đa chiều, chi tiết cho đại biểu Quốc hội, giúp đại biểu xem xét và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước một cách thực chất. Coi trọng việc trao đổi kinh nghiệm các kỹ năng hoạt động của các đại biểu Quốc hội, nhất là các kỹ năng về chất vấn, kỹ năng khai thác, sử dụng và phân tích thông tin; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm quý của một số nghị viện trên thế giới. □

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG LẬP PHÁP CỦA QUỐC HỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NGUYỄN VĂN YẾU *

TRONG bộ máy nhà nước, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Trong những năm qua, hoạt động lập pháp của Quốc hội đã được thường xuyên coi trọng và đạt được kết quả rất đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật không ngừng được xây dựng, hoàn thiện. Quy trình xây dựng pháp luật đã được chính quy hóa bằng việc Quốc hội ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 và được tiếp tục đổi mới một bước thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật này vào cuối năm 2002. Do vậy, chất lượng hoạt động lập pháp đã được nâng lên một bước. Nếu tính về số lượng văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành chúng ta có thể thấy, chất lượng và số lượng các

văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày càng tăng lên. Trong nhiệm kỳ khóa IX, Quốc hội đã thông qua 41 luật và bộ luật, Quy chế hoạt động của các cơ quan Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 44 pháp lệnh. Trong nhiệm kỳ khóa X, Quốc hội đã thông qua 35 luật và bộ luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 44 pháp lệnh. Từ đầu nhiệm kỳ khóa XI đến nay, Quốc hội đã thông qua 47 luật và bộ luật, 3 quy chế, 1 nội quy; Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 27 pháp lệnh.

Tuy nhiên, hoạt động lập pháp vẫn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đến nay, mặc dù Nhà nước ta đã ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản pháp luật hiện hành, song hệ thống pháp luật vẫn chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, vẫn còn có chỗ chùng chéo, mâu thuẫn; một số quy định trong văn bản pháp luật mới ban hành

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

chất lượng chưa cao, chưa sát với cuộc sống, tính khả thi thấp hoặc nhiều quy định mang tính nguyên tắc chung, chưa cụ thể để thi hành, áp dụng được ngay, mà còn phải ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa, hướng dẫn thi hành. Trong khi đó, nhiều văn bản hướng dẫn lại ban hành không kịp thời nên pháp luật chậm đi vào cuộc sống và không tránh khỏi có những cách hiểu, cách làm khác nhau, dẫn đến sơ hở, lợi dụng trong việc thi hành pháp luật. Đây là một trong những nguyên nhân không nhỏ làm cho pháp luật chậm phát huy trong thực tiễn cuộc sống.

Từ tình hình trên và yêu cầu của việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đã đặt ra sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội, một trong những nhiệm vụ quan trọng để góp phần vào việc bảo đảm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Các nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương: *Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở nguyên tắc chung mà muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, phải tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật.* Chúng ta cần phấn đấu đến năm 2020, cùng với việc cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà nước ta có một hệ thống luật tương đối đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, bảo đảm để tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, về cơ bản, đều được điều chỉnh bằng các luật, bộ luật, (các văn bản pháp quy do Chính phủ ban hành chủ yếu là để hướng dẫn

đội ngũ cán bộ, công chức trong thi hành công vụ; Ủy ban Thường vụ Quốc hội không còn phải ra pháp lệnh), nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của quá trình đổi mới đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trên tinh thần các tư tưởng chỉ đạo nêu trên, việc đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội cần bảo đảm các yêu cầu sau:

Một là, bảo đảm tính nhân dân và tính dân chủ trong hoạt động lập pháp. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, vì vậy, trong hoạt động lập pháp là hoạt động mà Quốc hội biểu ý chí của nhân dân thành ý chí của Nhà nước, thành quy định của pháp luật, phải thể hiện rõ tính nhân dân. Cần phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật. Quốc hội phải nắm bắt được ý dân về những vấn đề mà cuộc sống đòi hỏi cần có sự điều chỉnh của pháp luật để ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung kịp thời những quy định của pháp luật. Các văn bản luật phải thể hiện ý chí, lợi ích chung của nhân dân, bảo đảm kết hợp và cân bằng một cách hài hòa giữa lợi ích của các tầng lớp nhân dân vì sự phát triển của cả cộng đồng, của cả xã hội.

Hai là, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động lập pháp. Cũng như các mặt hoạt động khác của Quốc hội, hoạt động lập pháp của Quốc hội phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo Quốc hội thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các đường lối, chính sách của Đảng thành các quy định của pháp luật và đưa đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động lập pháp vừa mang tính nguyên tắc, vừa là điều kiện để Nhà nước ta xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, có chất lượng theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, bảo đảm tiếp tục nâng cao chất lượng lập pháp. Việc nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội phải phấn đấu để có thể đáp ứng được các yêu cầu: xây dựng được hệ thống các văn bản luật đồng bộ, thống nhất và đầy đủ; mỗi đạo luật trong hệ thống pháp luật phải có chất lượng tốt; việc ban hành các văn bản luật phải kịp thời, ưu tiên những lĩnh vực trọng tâm, đồng thời coi trọng tính đồng bộ, toàn diện; bảo đảm tiết kiệm về vật chất và thời gian trong hoạt động xây dựng pháp luật. Các văn bản luật cần bảo đảm yêu cầu cụ thể, dễ thực hiện để khi luật được ban hành và có hiệu lực có thể thực hiện được ngay mà không phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành. Ngôn ngữ sử dụng trong luật phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu. Nội dung các văn bản luật phải xuất phát từ nhu cầu khách quan, từ những đòi hỏi của cuộc sống, bảo đảm tính khoa học và tính khả thi.

Để thực hiện được những yêu cầu nêu trên, đòi hỏi phải có sự cố gắng, nỗ lực của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và từng đại biểu Quốc hội; sự cố gắng, nỗ lực của Chính phủ và các cơ quan khác của Nhà nước; sự tham gia thiết thực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội. Đồng thời, phải có một quy trình xây dựng pháp luật hoàn chỉnh, khoa học ở tất cả các bước của hoạt động lập pháp và bảo đảm các điều kiện cho hoạt động của các cơ quan được phân công thực hiện.

Trong phương hướng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, cần chú trọng những vấn đề sau:

1 – Về chương trình xây dựng pháp luật

Cần coi trọng nâng cao chất lượng việc lập chương trình xây dựng luật, pháp lệnh dài hạn và hằng năm của Quốc hội. Các chương trình này phải căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước, định hướng xây dựng pháp luật được xác định trong các văn kiện của Đảng. Cần bảo đảm tính

liên tục, kế thừa trong công tác xây dựng pháp luật; dự báo và xác định một cách toàn diện, đầy đủ những nhu cầu xã hội cần điều chỉnh bằng pháp luật, đồng thời thể hiện tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Trong chương trình xây dựng pháp luật, phải xác định các lĩnh vực ưu tiên và khả năng thực thi. Việc xác định tính cần thiết ban hành một văn bản pháp luật cần được giải quyết ngay từ khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập dự kiến và Quốc hội quyết định chương trình. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm tính khoa học, chặt chẽ và tính khả thi của chương trình đã được Quốc hội thông qua.

2 – Về việc soạn thảo, thẩm tra và xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định tương đối cụ thể về thẩm quyền, thủ tục, trình tự ban hành luật, pháp lệnh. Tuy nhiên, để có thể xây dựng được những văn bản luật, pháp lệnh có chất lượng cao, các cơ quan hữu quan phải thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong mỗi giai đoạn của quy trình xây dựng luật, pháp lệnh.

- Trong hoạt động soạn thảo và thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, cần sớm phân công hợp lý cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm tra đối với các dự án luật, pháp lệnh để tạo điều kiện cho các cơ quan hữu quan sớm có kế hoạch phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Đặc biệt coi trọng việc nâng cao chất lượng soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh. Thủ trưởng các cơ quan được phân công chuẩn bị dự án luật, pháp lệnh phải coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác của cơ quan mình; tập trung đầu tư nhiều thời gian, công sức trong việc soạn thảo dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị, đáp ứng được yêu cầu về thời gian, đồng thời nâng cao chất lượng soạn thảo cả về nội dung và kỹ thuật văn bản, để bảo đảm khi

xem xét, thông qua luật, pháp lệnh, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ tập trung vào nội dung chính sách của dự án. Trong quá trình xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, cần quán triệt đầy đủ các quan điểm được thể hiện trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Phải căn cứ vào những quy định của Hiến pháp và kế thừa những nội dung đúng đắn, phù hợp của các văn bản pháp luật hiện hành trong từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó, xác định phạm vi, đối tượng của từng dự án luật, pháp lệnh để nghiên cứu, xem xét vấn đề gì quy định mới, vấn đề gì phải sửa đổi, bổ sung. Chú trọng công tác khảo sát, tổng kết thực tiễn, tổ chức hội thảo khoa học có chất lượng thiết thực, bảo đảm các dự án luật, pháp lệnh có luận cứ khoa học, căn cứ thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng biên soạn, bảo đảm thời gian của việc chuẩn bị và trình các dự án. Cần tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, trung tập các chuyên gia có kinh nghiệm về các lĩnh vực trong việc xây dựng dự án pháp luật. Việc tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài phải có chọn lọc, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan nhằm bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và nâng cao chất lượng của văn bản pháp luật. Tiếp tục kiện toàn Vụ Pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ để làm tốt chức năng tham mưu cho bộ trưởng về công tác xây dựng pháp luật; nâng cao chất lượng thẩm định của Bộ Tư pháp, tăng cường hoạt động của Chính phủ trong việc xem xét, thảo luận đối với các dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ trình hoặc việc tham gia ý kiến đối với các dự án do cơ quan, tổ chức khác và đại biểu Quốc hội trình. Đề cao trách nhiệm của Ban Xây dựng pháp luật thuộc Văn phòng Chính phủ trong việc tham mưu giúp Chính phủ đối với công tác xây dựng pháp luật, nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị, nâng cao chất lượng soạn thảo.

Công tác thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc

hội cần được tổ chức bảo đảm chiều sâu. Các dự án, một mặt, cần được xem xét về sự phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng; mặt khác, xem xét về tính hợp hiến, tính đồng bộ, thống nhất, tính khoa học, sự phù hợp với thực tiễn, với ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Việc cân nhắc, xem xét một cách thận trọng tất cả các ý kiến khác nhau trong quá trình xây dựng dự án sẽ làm cho hoạt động thẩm tra ngày càng phong phú, khoa học, chặt chẽ và toàn diện hơn. Bên cạnh đó, cần bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong việc thẩm tra các dự án có nội dung liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan trong toàn bộ quá trình chuẩn bị các dự án về lĩnh vực mình phụ trách.

- Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý vào các dự án luật, pháp lệnh cần hết sức coi trọng. Mỗi đợt lấy ý kiến phải bảo đảm mục đích huy động được trí tuệ của các ngành, các cấp và của nhân dân; đồng thời cũng là đợt sinh hoạt, tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với từng lĩnh vực trong nhân dân. Chính vì vậy, việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải được tiến hành một cách thực chất, có kế hoạch, yêu cầu cụ thể, căn cứ vào nội dung từng dự án luật, pháp lệnh mà xác định đối tượng cần tập trung thảo luận, tránh hình thức và tổ chức cộp rập, thiếu chỉ đạo cụ thể, làm mất nhiều thời gian, tiền của, công sức mà kết quả thu được không nhiều. Trong việc tổ chức, cần xác định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan hữu quan đối với công tác chuẩn bị và nêu lên các vấn đề cần tập trung thảo luận, đóng góp; việc tập hợp, tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến chính lý vào dự án luật, pháp lệnh phải được tiến hành chu đáo, kịp thời.

Việc tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách để thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự án luật và việc tổ chức để đại biểu

Quốc hội và các Đoàn đại biểu Quốc hội tham gia đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật một cách thường xuyên giữa hai kỳ họp đã bước đầu được thực hiện có kết quả tốt, cần tiếp tục rút kinh nghiệm, đổi mới cách làm để đạt hiệu quả ngày càng tốt hơn.

- Việc xem xét, thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội cần được tiếp tục đổi mới mạnh mẽ theo hướng tại kỳ họp, Quốc hội chỉ tập trung thảo luận về quan điểm, chính sách, nội dung cơ bản của luật và thông qua các dự án luật. Bởi vậy, các công việc chuẩn bị phải được tiến hành thật chu đáo, đầy đủ trước kỳ họp Quốc hội. Thực tế đã chứng minh, nếu việc chỉnh lý các dự án luật được tiến hành một cách cẩn trọng, kỹ lưỡng; kỹ thuật văn bản bảo đảm chất lượng, việc giải trình, tiếp thu được tiến hành nghiêm túc, đầy đủ, chặt chẽ, thuyết phục thì việc xem xét, thông qua luật của Quốc hội sẽ được nhanh hơn và chất lượng dự án luật được nâng lên. Để làm tốt việc này, cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan trình dự án, Bộ Tư pháp, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và Ban Công tác lập pháp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần tiếp tục phát huy đầy đủ hơn nữa trách nhiệm của mình trong việc giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật trình Quốc hội. Cần nghiên cứu, rút kinh nghiệm cách thức tổ chức thảo luận đồng thời tại một số địa điểm đối với các dự án luật được Quốc hội cho ý kiến lần đầu.

3 – Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội và kiện toàn các cơ quan của Quốc hội

Đây là yếu tố quan trọng để đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động của Quốc hội, trong đó có hoạt động lập pháp. Cần tiếp tục đổi mới phương thức lựa chọn, hiệp thương, giới thiệu ứng cử viên đại biểu Quốc hội nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng của đại biểu (đại biểu Quốc hội phải là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, trình độ, có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc

hội); đồng thời, chú ý đúng mức đến cơ cấu, tính đại diện trong Quốc hội; giảm hợp lý số đại biểu Quốc hội thuộc các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Trong thời gian tới, cần nghiên cứu tăng dần số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lên một tỷ lệ thích hợp trong Quốc hội, phù hợp với thực tiễn nước ta (có thể là 40% hoặc 50% tổng số đại biểu Quốc hội).

Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội cần được kiện toàn theo hướng tăng dần số đại biểu Quốc hội làm việc chuyên trách. Các ủy ban cần bố trí các thành viên hoạt động chuyên trách với số lượng từ 15 đến 20 người; bảo đảm cho Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thực sự là những cơ quan hoạt động thường xuyên, là những cơ quan tư vấn có hiệu quả cho Quốc hội. Đồng thời, nghiên cứu thành lập một số ủy ban mới như: Ủy ban Ngân sách (tách từ Ủy ban Kinh tế), Ủy ban Tư pháp (tách từ Ủy ban Pháp luật).

4 – Tiếp tục củng cố và tăng cường bộ máy giúp việc của Quốc hội

Để đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động của Quốc hội, trong đó có hoạt động lập pháp, đòi hỏi bộ máy giúp việc của Quốc hội phải được tăng cường những cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ cao, am hiểu thực tiễn sâu sắc, đủ sức để nghiên cứu, tham mưu đáp ứng kịp thời những yêu cầu mà Quốc hội đề ra. Cần có cơ chế để có thể huy động được các nhà khoa học, các chuyên gia làm cộng tác viên của các cơ quan của Quốc hội trong việc xây dựng pháp luật. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lập pháp. Trách nhiệm của bộ máy giúp việc trong việc bảo đảm thông tin cho Quốc hội cũng là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội. Cần cung cấp đầy đủ thông tin về kinh nghiệm lập pháp của quốc hội các nước, thông tin về những vấn đề thuộc nội dung các dự án luật và các vấn đề có liên quan để giúp đại biểu Quốc hội nghiên cứu và quyết định đối với từng dự án luật. □

QUỐC HỘI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUYẾT ĐỊNH VỀ NGÂN SÁCH VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA

TÀO HỮU PHÙNG *

NHỮNG cải cách về tài chính - pháp lý thời gian qua, thể hiện trong một số văn bản quan trọng như Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi), Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Ngân sách nhà nước..., đã mang lại cho Quốc hội quyền hạn rất lớn và trách nhiệm nặng nề trong việc thực hiện 3 chức năng cơ bản của mình là chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của quốc gia. Khi dân chủ được mở rộng trên nền tảng là xã hội công dân, sự tham gia ngày càng tăng của người dân vào công việc quốc gia thì càng đòi hỏi Quốc hội - cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân phải hoạt động thực chất hơn, hiệu quả hơn trong việc thực hiện các chức năng cơ bản của mình. Trong những năm qua, thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật đầy đủ, minh bạch và công bằng, hệ thống giám sát hiệu quả thì việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội trong việc quyết định những vấn đề quan trọng quốc gia là một trong những nhiệm vụ

ưu tiên của Quốc hội và được đông đảo cử tri quan tâm, giám sát. Trong bài viết này, khi bàn về vai trò của cơ quan lập pháp trọng việc quyết định những vấn đề quan trọng quốc gia, chỉ xin đề cập đến hai nội dung cơ bản là vấn đề ngân sách và các chương trình, dự án quan trọng quốc gia.

Hiến pháp năm 1992 đã được Quốc hội khóa X sửa đổi, bổ sung năm 2001. Tại Điều 84, Hiến pháp này khẳng định quyền và trách nhiệm của Quốc hội trong lĩnh vực tài chính - ngân sách như sau: Ban hành và bãi bỏ các sắc thuế; quyết định dự toán ngân sách nhà nước, trực tiếp phân bổ ngân sách trung ương; phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước; quyết định chiến lược và chính sách tài chính quốc gia; quyết định các công trình quan trọng quốc gia. Thực hiện quyền quyết định của mình, năm 1996, Quốc hội khóa IX, đã thông qua Luật Ngân sách nhà nước và có hiệu lực thi hành từ ngày

* GS, TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

1-1-1997. Đây là văn bản pháp lý cao nhất đối với công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế, phục vụ quá trình đổi mới kinh tế - xã hội. Vai trò của Quốc hội và các cơ quan quốc hội trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như lĩnh vực kinh tế - ngân sách, danh mục các công trình quan trọng quốc gia được cụ thể hóa trong luật, là một bước khẳng định vai trò của cơ quan dân cử trong đời sống chính trị đất nước. Tuy nhiên, qua 7 năm thực hiện, trước yêu cầu tiếp tục đổi mới công tác quản lý, phân cấp về tài chính - ngân sách, nâng cao minh bạch ngân sách và trách nhiệm giải trình tài chính của các cơ quan tham gia quy trình ngân sách, cải cách thể chế tiếp tục được đặt ra để hoàn thiện chức năng của các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị, trong đó có cơ quan lập pháp.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) về chức năng của Quốc hội, năm 2002, Quốc hội khóa XI, tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước năm 1996. Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi (năm 2002) có hiệu lực từ năm ngân sách 2004 đã cụ thể hóa thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Ví dụ, Điều 15, Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội như sau:

Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:

a. Tổng số thu ngân sách nhà nước, bao gồm thu nội địa, thu từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại;

b. Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo các lĩnh vực đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả

nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ;

c. Mức bội chi ngân sách nhà nước và nguồn bù đắp;

Quyết định phân bổ ngân sách trung ương:

a. Tổng số và mức chi cho từng lĩnh vực;

b. Dự toán chi của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực;

c. Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu;

Quyết định các dự án, các công trình quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước...

So với Luật Ngân sách nhà nước năm 1996, Luật Ngân sách nhà nước mới quy định Quốc hội không những quyết định ngân sách nhà nước theo tổng mức, cơ cấu và một số lĩnh vực mà quyết định dự toán chi từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, mức bổ sung ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quốc hội không chỉ quyết định danh mục các dự án, công trình quan trọng quốc gia mà quyết định cụ thể những nội dung của công trình. Sự tham gia trực tiếp của Quốc hội trong việc quyết định phân bổ chi tiết ngân sách trung ương và bổ sung cho ngân sách địa phương, quyết định những công trình quan trọng quốc gia là một bước cải cách về thể chế nhằm trao cho Quốc hội thực hiện đúng chức năng của mình - chức năng thuộc về

bản chất của cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân. Sự cải cách đó đã tạo sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa cơ quan hành pháp và lập pháp trong hệ thống chính trị, thúc đẩy cơ quan chuẩn bị dự án trình và cơ quan thẩm tra, quyết định; cơ quan thực hiện và cơ quan giám sát phải làm tốt hơn trách nhiệm của mình, góp phần tạo ra sự chuyển biến tích cực trong quá trình phân chia quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cơ quan trong quy trình ngân sách.

Qua 2 năm thực hiện Luật Ngân sách nhà nước đã cho thấy Quốc hội đã có thực quyền quyết định về ngân sách nhà nước nên tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ ngân sách trung ương đã có tiến bộ nổi bật, hạn chế được tình trạng "xin-cho" trong lĩnh vực ngân sách, đã tạo ra động lực thúc đẩy các ngành, các cấp các khu vực tích cực khai thác các nguồn thu và chi tiêu ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả. Số tỉnh tự cân đối được ngân sách và có nộp về ngân sách trung ương đã tăng 3 lần so với Luật Ngân sách nhà nước năm 1996.

Ngoài việc quyết định những vấn đề quan trọng ngân sách, Quốc hội đã quyết định chủ trương xây dựng các công trình quan trọng quốc gia như dự án trồng mới 5 triệu héc-ta rừng, dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khí - Điện - Đạm Cà Mau, nhà máy thủy điện Sơn La, quy hoạch sử dụng đất đai trong thời gian 5 năm, sửa đổi, bổ sung nhiều luật thuế quan trọng, đóng góp nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả và tác động tích cực vẫn còn những *mặt hạn chế về quy trình ngân sách, tổ chức bộ máy cơ quan lập pháp và công cụ hỗ trợ biểu hiện như sau:*

Một là, thời gian giành cho hoạt động thẩm tra, thảo luận ngân sách và quyết định chương trình, dự án quan trọng quốc gia trong lịch biểu tài chính còn hạn chế. Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, để các cơ quan của Quốc hội xem xét, thẩm tra tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương, các báo cáo này phải gửi tới Hội đồng nhân dân và các Ủy ban của Quốc hội trước ngày 1-10. Ủy ban Kinh tế và Ngân sách chủ trì thẩm tra chậm nhất là ngày 5-10, tiếp đó các báo cáo phải được hoàn thiện gửi tới đại biểu Quốc hội 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội. Quy trình trên cho thấy các cơ quan Quốc hội phải chịu sức ép về thời gian rất lớn để hoàn thành báo cáo thẩm tra trình ra Quốc hội. Thời gian khoảng 1 tuần để Ủy ban Kinh tế và Ngân sách chủ trì thẩm tra cùng với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội về các báo cáo ngân sách là quá ngắn. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo thẩm tra ngân sách và chất lượng thảo luận, quyết định ngân sách của Quốc hội. Ở nhiều quốc gia, thời gian để Quốc hội và các ủy ban thẩm tra, thảo luận ngân sách từ 2 đến 3 tháng, có một số nước trên 4 tháng.

Hai là, sự phối hợp giữa Ủy ban Kinh tế và Ngân sách với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội trong quá trình thẩm tra, giám sát ngân sách, thẩm định chương trình, dự án quan trọng quốc gia còn thiếu hiệu quả. Việc chia sẻ thông tin, phân tích số liệu giữa các cân đối vĩ mô với chỉ tiêu chuyên ngành; sự hợp lý, gắn kết giữa chính sách ngân sách nhà nước và ngân sách ngành, lĩnh vực cũng chưa được phối hợp đánh giá một cách chặt chẽ, gắn kết giữa các

ủy ban. Nội dung trình các chương trình, dự án quan trọng quốc gia tại Quốc hội rất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, nên sự phối hợp giữa các ủy ban của Quốc hội để có một báo cáo thẩm tra toàn diện, có chất lượng là rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thảo luận và quyết định của Quốc hội về chương trình, dự án đó tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Ba là, chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho cơ quan Quốc hội còn nhiều bất cập, sự phối hợp giữa cơ quan hành pháp và lập pháp về chia sẻ thông tin còn mang tính hình thức, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thảo luận và quyết định ngân sách và những công trình quan trọng quốc gia của Quốc hội. Để cơ quan lập pháp có điều kiện thảo luận và quyết định ngân sách một cách tích cực, có chất lượng thì những thông tin quản lý cần được cung cấp một cách kịp thời, chính xác và có hệ thống. Ngoài những thông tin do Chính phủ cung cấp, Quốc hội cũng cần nhận được những thông tin từ Kiểm toán Nhà nước và những ý kiến đóng góp của các tổ chức xã hội. Nguồn thông tin độc lập sẽ tạo ra cách nhìn nhận, đánh giá của các đại biểu quốc hội từ nhiều góc độ, quan điểm khác nhau.

Bốn là, bộ máy của Quốc hội còn nhiều hạn chế về cơ cấu và tổ chức, thiếu công cụ chuyên môn hỗ trợ có hiệu quả cho việc quyết định những vấn đề quan trọng quốc gia. Một trong những khó khăn khi triển khai hoạt động thẩm tra, đánh giá về những vấn đề quan trọng của quốc gia là giới hạn về số lượng các ủy ban của Quốc hội nên lĩnh vực hoạt động quá rộng. Điều đó làm phân tán nguồn nhân lực của ủy ban. Hơn nữa, số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách quá ít,

đội ngũ chuyên gia hỗ trợ các ủy ban còn thiếu về số lượng và hạn chế về kinh nghiệm, kỹ năng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - ngân sách. Luật Kiểm toán nhà nước có hiệu lực từ ngày 1-1-2006, theo đó Kiểm toán nhà nước là cơ quan chuyên môn do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập theo pháp luật là một bước tiến dài về cải cách thể chế. Để Kiểm toán nhà nước trở thành một công cụ hữu hiệu giúp Quốc hội thực hiện quyền giám sát của mình, cần sớm sắp xếp lại tổ chức và nhân sự của cơ quan này theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước. Ở nhiều quốc gia, bộ máy của Quốc hội được tổ chức thành nhiều ủy ban chuyên sâu, các thành viên đều hoạt động chuyên trách với kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội được kế thừa, tích lũy qua nhiều nhiệm kỳ do Quốc hội có tính chuyên nghiệp cao, và nghị sỹ đã trở thành một nghề. Cơ quan kiểm toán quốc gia là cơ quan chuyên môn hỗ trợ Quốc hội rất tích cực thông qua việc cung cấp thông tin và trình Quốc hội báo cáo kiểm toán trước và kiểm toán sau đối với những chương trình, dự án Quốc hội đặc biệt quan tâm.

Năm là, cơ chế trách nhiệm trong toàn hệ thống không rõ ràng, có sự mâu thuẫn về lợi ích khi đại biểu Quốc hội vừa ở vai hành pháp, vừa ở vai lập pháp, hoặc đại diện cho đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương. Nhìn chung, chưa có động lực thực sự để đại biểu Quốc hội làm tốt chức năng của mình. Sự đan xen, lẫn lộn giữa trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong quy trình ra quyết định hiện nay là rào cản cho quy trình xác định trách nhiệm khi có sai phạm, nhất là những sai phạm lớn thuộc về chủ trương, chính sách. Quy định bỏ phiếu tín nhiệm các

thành viên Chính phủ đã được luật hóa nhưng vẫn còn thiếu những trình tự, thủ tục cụ thể để quy định này có tính khả thi. Những yếu tố đó đều ảnh hưởng đến việc trình, thảo luận và quyết định, triển khai những vấn đề quan trọng của Quốc hội trong toàn hệ thống chính trị.

Sáu là, chức năng giám sát của Quốc hội đối với cơ quan hành pháp trong việc thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Quốc hội trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian qua còn chưa tốt nên đã hạn chế tính hiệu quả, hiệu lực chức năng giám sát của Quốc hội.

Để Quốc hội thực hiện có hiệu quả chức năng lập hiến, lập pháp của mình trong lĩnh vực kinh tế - ngân sách, khắc phục những hạn chế nêu trên, cần tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất: Cần thay đổi lịch biểu tài chính trong quy trình ngân sách thông qua việc sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước để các cơ quan Quốc hội có thêm thời gian thẩm tra, thảo luận ngân sách và những vấn đề quan trọng khác. Thời gian bắt đầu xây dựng dự toán ngân sách tiến hành sớm hơn, nên bắt đầu từ tháng 2, dự toán ngân sách chính phủ trình Quốc hội nên vào khoảng tháng 8 hằng năm.

Các Ủy ban của Quốc hội khóa tới (khóa XII) cần chia nhỏ để tạo sự chuyên môn hóa cao; đồng thời, tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách hoạt động trong các ủy ban. Chẳng hạn, Ủy ban Kinh tế và Ngân sách nên tách ít nhất thành hai ủy ban là Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Tài chính - Ngân sách. Cải cách cơ cấu của Quốc hội, không nên nặng về cơ cấu cho đủ các thành phần xã hội mà nên coi trọng chất lượng đại biểu Quốc hội, nhất là đại biểu chuyên trách. Trong

Quốc hội, nên có đại biểu là những chuyên gia, những cán bộ khoa học đầu đàn trong các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

Thứ hai: Quốc hội cần thảo luận và quyết định về chính sách đối với những vấn đề quan trọng quốc gia, gồm cả chính sách ngân sách trước khi thảo luận những vấn đề cụ thể. Khi thảo luận về mặt chính sách, ngay từ ban đầu nhằm bảo đảm chính sách đó là một sự lựa chọn tối ưu, có tính khả thi cao.

Thứ ba: Cần đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giám sát của Quốc hội thông qua lựa chọn nội dung và hình thức giám sát thích hợp, kết hợp chặt chẽ giữa giám sát của các ủy ban của Quốc hội với các đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; sử dụng có hiệu quả các công cụ phục vụ công tác giám sát của Quốc hội như Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tài chính, Thanh tra chuyên ngành.

Thứ tư: Cần nâng cao chất lượng báo cáo thẩm tra các dự án về kinh tế - ngân sách, các báo cáo thẩm tra các dự án công trình quan trọng quốc gia kết hợp với cung cấp cho đại biểu Quốc hội đầy đủ các thông tin liên quan cần thiết để giúp Quốc hội có thể thảo luận, đưa ra những quyết sách đúng đắn, có hiệu quả cao.

Thứ năm: Cần đổi mới cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Quốc hội để bảo đảm Quốc hội vừa thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, vừa phát huy tính dân chủ, quyền chủ động trong hoạt động nhằm tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả những chức năng được Hiến pháp và luật quy định; đặc biệt là quyền quyết định của Quốc hội đối với những vấn đề quan trọng của quốc gia. □

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2005

NGUYỄN SINH CÚC *

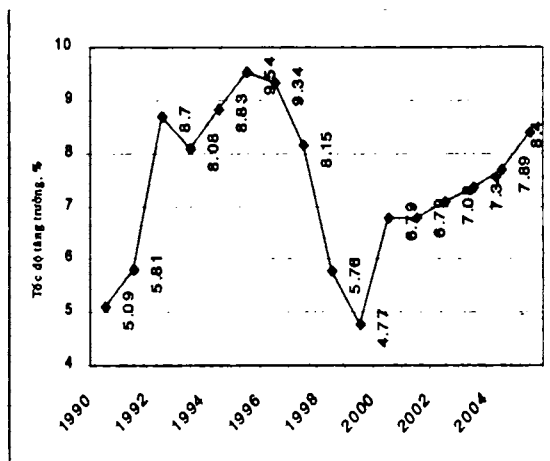
NĂM 2005, Việt Nam phải đương đầu với nhiều khó khăn khách quan: thời tiết không thuận lợi, đầu năm hạn hán gay gắt, kéo dài trên phạm vi rộng, nặng nhất là ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, cuối năm bão lũ lớn gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương trên cả ba miền, đặc biệt là các cơn bão số 6, 7 và 8; dịch cúm gia cầm tái phát ở nhiều địa phương; thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ trên thế giới biến động bất lợi, nhất là giá xăng, dầu và một số nguyên liệu quan trọng tăng đột biến. Thị trường xuất khẩu hàng hóa chủ lực như dệt may, da giày, thủy sản bị thu hẹp... Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Chính phủ nền kinh tế nước ta vẫn đạt được mức tăng trưởng khá so với các năm trước. Hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2005 đều đạt và vượt.

1 - NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT

Kinh tế đang trở lại đà tăng trưởng cao và đạt mức cao nhất từ năm 1997 tới nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 ước tăng trên 8,4% (mục tiêu đề ra 8,5%) là mức tăng cao nhất trong vòng 8 năm qua (xem: Biểu đồ).

Năm 2005, cả 3 khu vực kinh tế trọng yếu đều đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn năm 2004, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng khoảng 4% (năm 2004 tăng 3,5%), công nghiệp và xây dựng tăng 10%, riêng công nghiệp tăng 10,6% (năm 2004 tăng 10,5%); dịch vụ tăng 8,2% (năm 2004 tăng 7,5%). Trong năm, xu hướng tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước: quý I tăng 7,2%; 6 tháng tăng 7,7%, 9 tháng tăng 8,1% và cả năm tăng trên 8,4%.

Biểu đồ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế 15 năm (1990 – 2005)



* PGS, TS Tổng cục Thống kê

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng tốc độ tăng trưởng đạt được của năm 2005 là rất đáng tự hào. Thành tựu đó đã được thế giới công nhận và đánh giá cao. Chẳng hạn, đầu năm 2005, *Báo cáo thường niên của Ngân hàng thế giới (WB)* dự báo kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 7,5%, nhưng cuối năm đánh giá ước đạt 8,4%, đứng thứ 2 khu vực châu Á (Trung Quốc đạt trên 9%). Cũng theo Trưởng đại diện của WB tại Hà Nội, năm 2005 Việt Nam có tỷ lệ vay nợ thấp, chưa đến 8% GDP và có khả năng thanh toán được. Theo ông, duy trì được mức tăng trưởng này, Việt Nam sẽ chuyển sang nhóm các nước có thu nhập trung bình trong vòng 6 - 7 năm tới. Tại Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam năm 2005 diễn ra ngày 6-12 vừa qua, các đại biểu cũng đánh giá cao thành tựu đó và nhất trí tăng vốn vay ODA cho Việt Nam năm 2006 lên 3,7 tỉ USD, cao hơn năm 2005 là 300 triệu USD.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP tăng từ 40,09% năm 2004, ước tăng lên 41% năm 2005. Tỷ trọng dịch vụ tăng từ 38,15% lên 38,4%. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 21,76% xuống 20,6%. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng khu vực, từng ngành cũng có chuyển biến tích cực. Các ngành sản xuất và dịch vụ tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng kinh tế hàng hóa, gắn với thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Vượt qua khó khăn, nông nghiệp vẫn được mùa. Sản lượng lương thực năm 2005 ước đạt 40 triệu tấn, tăng 400 nghìn tấn (1,1%) so với năm 2004 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Lương thực bình quân nhân khẩu tăng nhanh từ 462,9 kg năm 2003 và

476 kg năm 2004, ước lên 480 kg năm 2005. An ninh lương thực quốc gia được bảo đảm và ổn định trên phạm vi cả nước. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5%, trong đó nông nghiệp tăng 4%, lâm nghiệp tăng 0,8% và thủy sản tăng 9,7%.

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng thủy sản. Sản xuất lúa phát triển theo hướng giảm diện tích, tăng năng suất, đồng thời tăng tỷ trọng lúa gạo có chất lượng cao để đáp ứng tiêu dùng và xuất khẩu. Riêng sản lượng lúa năm 2005 ước tăng lên 36,0 triệu tấn. Diện tích gieo trồng các giống lúa chất lượng cao đạt 150.000 ha, trong đó đồng bằng sông Cửu Long có 100.000 ha lúa đặc sản xuất khẩu.

Sản xuất ngô có tiến bộ vượt bậc. Năm 2005, diện tích trồng ngô là 1.039.437 ha, tăng 48.000 ha, năng suất đạt 35,5 tạ/ha, (tăng 0,9 tạ/ha) sản lượng đạt 3,69 triệu tấn, tăng 257 nghìn tấn so với năm 2004. Nhờ vậy, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm tăng nhanh.

Sản xuất rau màu, cây công nghiệp tăng khá. Năm 2005, ước sản lượng rau đạt 9,66 triệu tấn, tăng 6,9%; sắn đạt 6,5 triệu tấn, tăng 12,5%; đỗ tương đạt 297 nghìn tấn, tăng 20,7%; lạc đạt 485,4 nghìn tấn, tăng 3,5%; bông tăng 9,6%; chè tăng 4%; cao su mủ khô tăng 12,1%; hồ tiêu tăng 6,4%; điều tăng 10,6% so với năm 2004. Diện tích cây ăn quả đạt 766.000 ha, tăng 19.300 ha so với năm 2004 do chuyển dịch cơ cấu cây trồng và cải tạo vườn tạp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ. Sản lượng cam, quýt tăng 12,2%; dứa tăng 13%; bưởi tăng 15,7%; xoài tăng 12,8%. Chất lượng một số loại quả có tiến bộ nên đã đáp ứng được

nhu cầu xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu rau quả năm 2005 ước đạt 230 triệu USD, tăng 32%.

Chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển và chuyển hướng mạnh sang nuôi lấy thịt, sữa và tăng trưởng khá cả về đầu con và sản lượng. So với năm 2004, đàn bò cả nước năm 2005 ước đạt 5,54 triệu con, tăng 12,9%; trong đó, bò lai 1,3 triệu con, tăng 288 nghìn con, bò sữa đạt 105 nghìn con, tăng 8,3 nghìn con. Sản lượng thịt bò xuất chuồng đạt 142,2 nghìn tấn, tăng 18,7%; sản lượng sữa tươi tăng 30%. Đàn lợn đạt 27,43 triệu con, tăng 4,9%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 2,3 triệu tấn, tăng 13,7%. Phong trào nuôi lợn thịt hướng nạc tiếp tục phát triển, góp phần thay đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường.

Diện tích rừng trồng tập trung năm 2005 ước đạt 190.000 ha, bằng mức năm 2004. Độ che phủ của rừng đạt gần 38%, cao hơn năm 2004. Sản lượng gỗ khai thác tăng 1,8%, chủ yếu là gỗ rừng trồng nguyên liệu giấy.

Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản tuy gặp nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi, nhưng vẫn tăng trưởng khá. Sản lượng thủy sản năm 2005 ước đạt 3.408 nghìn tấn, tăng 8,8% so với năm 2004; trong đó, nuôi trồng đạt 1.403 nghìn tấn, khai thác đạt 2.008 nghìn tấn.

Do sản xuất phát triển, kim ngạch xuất khẩu tăng cao so với năm 2004. Gạo xuất khẩu năm 2005 ước đạt trên 5 triệu tấn, đưa kim ngạch xuất khẩu gạo đạt trên 1,33 tỉ USD, tăng 30% về lượng và 50% về kim ngạch. Kim ngạch xuất khẩu các nông sản khác đều tăng cao: rau quả tăng 32%; cao su tăng 29%; hạt điều tăng 14% và nước ta đã

chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội hạt tiêu quốc tế (IPC), luôn dẫn đầu về sản lượng và xuất khẩu hạt tiêu; lạc tăng 25%; cà phê tăng 15%; thủy sản đạt 2,6 tỉ USD, tăng 15%. Năm 2005, đã có trên 100 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đạt tiêu chuẩn thị trường EU.

Cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều loại nông sản, hải sản xuất khẩu năm 2005 đã đứng vững trên thị trường thế giới, rõ nhất là gạo, cà phê, thủy sản... Năm 2005, Việt Nam đã vào được các thị trường khó tính, yêu cầu chất lượng cao như Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ. Tại thị trường Nhật Bản, riêng 10 tháng đầu năm 2005 Việt Nam đã xuất khẩu hơn 40 nghìn tấn gạo thơm. Có được kết quả đó là do chất lượng gạo Việt Nam đã đạt tiêu chuẩn của thị trường Nhật Bản (với 579 tiêu chuẩn khắt khe thay cho 250 tiêu chuẩn trước đây). Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2005 đạt 275 USD/tấn so với 232 USD/tấn năm 2004 và 188,2 USD/tấn năm 2003.

Công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17%, duy trì liên tục mức năm sau cao hơn năm trước (năm 2001 tăng 14,6%; năm 2002 tăng 14,8%; năm 2003 tăng 16,8%; năm 2004 tăng 16%). Như vậy, tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất công nghiệp đã vượt mục tiêu đề ra dù có nhiều khó khăn về thị trường, giá cả nguyên, nhiên, liệu nhập khẩu có nhiều biến động bất lợi (tăng giá hàng loạt các loại nguyên, nhiên vật liệu nhập, như: phôi thép, xăng dầu, chất dẻo, bông, hóa chất, nguyên phụ liệu dệt may...). Điều đáng lưu ý là, tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất công nghiệp ở khu vực ngoài quốc doanh tăng cao nhất.

đạt 25% và khu vực cổ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 20% (riêng dầu mỏ - khí đốt giảm 7,5%, nhưng các ngành khác lại tăng cao, đạt 28,2%). Điều đó thể hiện môi trường kinh doanh trong nước đã có nhiều cải thiện.

Tuy tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế nhà nước không cao (trên 9%), nhưng chiếm tỷ trọng lớn (27% tổng giá trị sản xuất toàn ngành), sản xuất các sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế (95,6% sản xuất điện; 97% khai thác than; 99,6% sản xuất phân bón; 67% xi-măng). Nhiều ngành sản xuất và sản phẩm công nghiệp quốc doanh đã tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước, có tốc độ tăng trưởng cao, trong đó: khai thác than tăng 32,8%; quần áo dệt kim tăng 20,2%; ắc-quy tăng 30,8%; động cơ đi-ê-zen tăng 31,7%; ô-tô lắp ráp tăng 60,1%. Hiệu quả sản xuất của nhiều doanh nghiệp đã tăng lên so với các năm trước do đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí trung gian...

Công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 29%, mức tăng trưởng đã vượt xa so với các thời kỳ trước đó. Khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng trên 44% giá trị sản xuất, vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao (20%). Nhiều sản phẩm công nghiệp FDI đạt chất lượng cao, đứng vững trong cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu, kể cả những mặt hàng điện tử, máy tính, cơ khí chính xác, lắp ráp ô-tô, xe gắn máy, chế biến thủy sản, đồ gỗ, động cơ đi-ê-zen, cáp điện và dây điện, đóng tàu thủy, chế biến thực phẩm...

Với kết quả trên, mục tiêu trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng lên 39% - 40% đã trở thành hiện

thực. Cơ cấu kinh tế trong công nghiệp chuyển dịch theo hướng đa thành phần, đa sản phẩm. Nếu năm 2000, khu vực ngoài quốc doanh mới chiếm 24,6% trong giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, thì năm 2005 đã lên tới 29%; khu vực doanh nghiệp nhà nước từ 34,2% giảm xuống còn dưới 27%; khu vực FDI tăng từ 41,3% lên 44%.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu giữa các khu vực kinh tế, loại hình doanh nghiệp công nghiệp diễn ra theo đúng đường lối của Đảng về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Cơ cấu sản xuất giữa các ngành công nghiệp đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng đa ngành. Ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng lớn và tăng dần so với ngành công nghiệp khai thác và ngành sản xuất điện, nước. Những năm qua, ngành công nghiệp chế biến có tốc độ tăng trưởng cao và liên tục, nên tỷ trọng có xu hướng tăng dần từ 79,8% năm 1996 lên 80,3% năm 2005. Một số ngành sản phẩm mới có điều kiện tăng trưởng sản xuất cao như lắp ráp ô-tô, sản xuất xe gắn máy và các phương tiện vận tải khác; thiết bị điện, điện tử, sản xuất kim loại và các sản phẩm khác từ kim loại; các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại... đều tăng khá. Chất lượng một số sản phẩm công nghiệp cơ khí, đóng tàu đã vươn lên mạnh mẽ, đạt tiêu chuẩn quốc tế, được xuất khẩu sang nhiều nước công nghiệp phát triển. Năm 2005, nhà máy đóng tàu Bạch Đằng đã ký hàng chục hợp đồng với các nước châu Âu đóng tàu biển công suất lớn.

Đầu tư có tiến bộ. Các nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển đa dạng. Nội lực được phát huy tốt hơn, vốn của dân, của các doanh nghiệp trong nước được huy động thông qua nhiều hình thức: Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu công trình... đã đáp ứng

yêu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển. Nhờ đó, tiến độ thi công các công trình trọng điểm quốc gia được bảo đảm, tốc độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng nhanh hơn các năm trước. Nhiều công trình xây dựng lớn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng làm thay đổi bộ mặt thành thị, nông thôn như: đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1), quốc lộ 1 A, đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Tiền Giang, đường hầm qua đèo Hải Vân, đường dây tải điện 500kV Bắc - Nam mạch 2... Các dự án được triển khai đúng tiến độ như thủy điện Sơn La - công trình thủy điện lớn nhất nước, công suất 2.400 MW, thủy điện Na Hang (Tuyên Quang), khởi công nhà máy lọc dầu Dung Quất công suất 6,5 triệu tấn dầu thô/năm...

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh: Năm 2005, cả nước đã thu hút trên 700 dự án FDI được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký 3.608 triệu USD và 500 lượt dự án tăng vốn đầu tư trên 2 tỉ USD. Tính chung năm 2005, số vốn đầu tư mới và vốn tăng thêm đã làm cho tổng số vốn FDI tăng lên trên 5,6 tỉ USD, tăng 41,7% so với năm 2004.

Thương mại, nhất là xuất khẩu khởi sắc. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2005 ước tăng 20,3% so với năm 2004, trong đó kinh tế nhà nước chiếm 13% tổng mức, tăng 2,7%; kinh tế cá thể chiếm 62,2%, tăng 25,9%; kinh tế tư nhân chiếm 20,1%, tăng 18%; khu vực FDI tăng 6,2%. Trong các ngành: thương nghiệp chiếm 78,2% tổng mức và tăng 19%; khách sạn nhà hàng chiếm 13%, tăng 30,3%; dịch vụ chiếm 8,1%, tăng 17,9%; du lịch chiếm 0,7%, tăng 20,7% so với năm 2004. Một số hoạt động dịch vụ chất lượng cao như tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, tư vấn, kinh doanh bất động sản, bu

chính - viễn thông, vận tải hàng không, khoa học - công nghệ... tiếp tục phát triển khá.

Đáng chú ý là năm 2005, lần đầu tiên phát hành Trái phiếu chính phủ ra nước ngoài, kết quả đạt được rất khả quan tại thị trường Mỹ với số vốn gần 270 triệu USD, mở ra kênh thu hút vốn bên ngoài đầy triển vọng từ dịch vụ tài chính. Thị trường chứng khoán được mở rộng cả về phạm vi và số lượng hàng hóa, đơn vị doanh nghiệp tham gia giao dịch.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2005 ước đạt 32 tỉ USD, tăng gần 23% so với năm 2004, vượt kế hoạch đề ra; trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 13,9%, khu vực FDI tăng 27,7%; riêng dầu thô tăng 30,3%. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng khá; than tăng 82%; hàng điện tử, máy tính đạt trên 1 tỉ USD, tăng 36,4%; dây điện và cáp điện tăng 30%; rau quả tăng 31,9%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 40,9%; sản phẩm nhựa tăng 37%; lạc nhân tăng 24,7%; mì ăn liền tăng 47,9%.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt trên 36 tỉ USD, tăng 17% so năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 12,6%, khu vực FDI tăng 24%. Các mặt hàng phục vụ sản xuất tăng trên 30% về kim ngạch, như xăng dầu đạt trên 4,59 tỉ USD, tăng 43,4%; sắt thép tăng 21,7%; chất dẻo tăng 23,3%; hóa chất tăng 28,6%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 29,7%; vải tăng 25,5%; sữa và sản phẩm từ sữa tăng 52,5%; thức ăn gia súc tăng 26,9%; lúa mỳ tăng 20%... Trong cơ cấu nhập khẩu hàng tiêu dùng đáng lưu ý là xe gắn máy tăng 23%, trong đó nhập nguyên chiếc tăng 92,6% so năm 2004. Một số mặt hàng nhập khẩu giảm so cùng kỳ là: ô-tô nguyên chiếc, dầu mỡ động, thực vật, phân bón, riêng phân u-rê giảm 53,5%... Nhập siêu năm 2005 ước đạt trên 4,03 tỉ USD,

bằng 13% kim ngạch xuất khẩu, so với năm 2004, đây là tỷ lệ tích cực.

Du lịch khởi sắc. Năm 2005, số khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt 3,4 triệu lượt người, tăng 18,8% so với năm 2004. Khách đến với mục đích du lịch đạt gần 2 triệu lượt (chiếm 58,6%) tăng 28,9%, thăm thân nhân tăng 10,4%, và với mục đích khác tăng 20,4%.

Tài chính quốc gia lành mạnh. Do sản xuất và dịch vụ tăng trưởng khá nên tình hình tài chính quốc gia lành mạnh. Tổng thu ngân sách năm 2005 ước tăng 25,9% (so năm 2004) và vượt kế hoạch năm 2005 trên 13,1%. Trong đó, thu nội địa vượt kế hoạch, riêng thu dầu thô đạt 135,3%. Các khoản thu lớn trong thu nội địa như thu thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước, thu từ doanh nghiệp FDI, thu từ doanh nghiệp nhà nước đều đạt và vượt kế hoạch năm. Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu, thuế xuất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu đạt 102,7%. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt dự toán cả năm. Những khoản chi lớn trong chi thường xuyên đều đạt kế hoạch, như: chi cho giáo dục - đào tạo, chi lương hưu và bảo đảm xã hội, chi sự nghiệp quản lý hành chính, chi y tế. Bội chi ngân sách nhà nước giảm, ước chỉ bằng 80,3% mức bội chi dự kiến cả năm, trong đó 75,2% được bù đắp bằng vay trong nước và 24,8% vay nước ngoài.

Kinh tế tăng trưởng cao đã tác động tích cực đến sự phát triển về các mặt của xã hội. Tình hình chính trị, xã hội ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh - quốc phòng được giữ vững. Hầu hết các chỉ tiêu xã hội đề ra đều đạt kế hoạch.

2 - NHỮNG BẤT CẬP VÀ HẠN CHẾ

Hiệu quả sản xuất trong công nghiệp chưa cao. Tỷ lệ chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm còn lớn và cao hơn năm 2004 (gần 7%) cơ bản là do chi phí trung gian tăng. Trong khi tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt trên 17% thì tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm chỉ đạt trên 10%, không đạt kế hoạch đề ra (tăng 11%). Sức cạnh tranh của một số mặt hàng công nghiệp trên thị trường trong nước và bên ngoài chưa đáp ứng kịp yêu cầu hội nhập sâu vào thị trường thế giới theo lộ trình thực hiện AFTA và chuẩn bị gia nhập WTO của Việt Nam. Công nghiệp khu vực nhà nước tăng trưởng chậm, trong đó công nghiệp do địa phương quản lý giảm so với năm 2004. Công nghiệp ngoài quốc doanh tăng trưởng cao nhưng không bền vững do chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ, vốn ít, trình độ máy móc thiết bị, công nghệ và công nhân kỹ thuật còn nhiều hạn chế cả số lượng và chất lượng; sức cạnh tranh của sản phẩm còn thấp.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2005 chưa thực sự gắn với thị trường trong nước và thế giới. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tuy cao, nhưng đóng góp của khu vực này trong tốc độ tăng trưởng GDP cả nước chưa đến 1%. Điều đó cho thấy khu vực này chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng chưa cao, vị trí chưa tương xứng trong nền kinh tế của đất nước. Về sản xuất lương thực, 6 trong số 8 vùng lãnh thổ tăng chậm và giảm sản lượng so với năm 2004. Nguyên nhân giảm năng suất lúa, ngô của một số địa phương không chỉ do thời tiết, mà còn do chất lượng giống không bảo đảm. Xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn nặng tính tự phát, manh mún, không theo

quy hoạch, chưa gắn với thị trường. Sản xuất cây công nghiệp không gắn với chế biến vẫn còn diễn ra ở một số loại cây như bông, mía, cói. Trong khi nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy đường rất thiếu thì sản xuất mía cây lại giảm cả diện tích và sản lượng so với năm 2004 (diện tích giảm 7,1%, sản lượng giảm 5,5%). Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch chậm, tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp thấp và có nguy cơ giảm do dịch cúm gia cầm tái phát trên diện rộng.

Sản xuất thủy sản tuy tăng trưởng khá cao nhưng chưa bền vững, tình trạng chuyển đổi cơ cấu sản xuất vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, phân tán theo quy mô hộ gia đình, nuôi quảng canh vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Theo đánh giá của các địa phương khoảng 30% số hộ nuôi tôm không có lãi do việc chăm sóc, chọn giống, thức ăn, vệ sinh, phòng bệnh chưa tốt. Hoạt động khai thác hải sản xa bờ vẫn chưa ổn định, hiệu quả kinh tế thấp. Hệ số hoạt động của tàu thuyền mới đạt 80% tổng công suất hiện có.

Hoạt động dịch vụ tuy có tiến bộ, nhưng chưa đều và chưa bền vững. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP vẫn còn thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày dép, chỉ tăng ở mức dưới 15% so cùng kỳ. Cơ cấu nông sản xuất khẩu đơn điệu, chất lượng chưa cao, nên sức cạnh tranh trên thị trường thế giới còn hạn chế. Gạo xuất khẩu chủ yếu vẫn là gạo trắng, trong khi nhu cầu của thị trường thế giới lại cần gạo thơm và chất lượng cao. Trong cơ cấu gạo xuất khẩu của Việt Nam hiện nay, tỷ lệ gạo trắng thường chiếm 95% - 97%, còn gạo thơm mới 3% - 5%. Đã thế, lượng gạo thơm xuất khẩu lại giảm dần, từ 100 nghìn tấn năm 2004 ước

còn 50 nghìn tấn năm 2005, do không cạnh tranh được với gạo Thái Lan, Ấn Độ. Tình hình tương tự cũng diễn ra đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu khác như cà phê, chè, rau và hoa quả tươi.

Chỉ số giá tiêu dùng vẫn tiếp tục tăng, tháng 12 - 2005 ước tăng 8,3%, không đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra. Trong đó, nhóm hàng phương tiện đi lại tăng cao nhất: 10,3%; lương thực: 6,5%; thực phẩm: 10,1%; nhà ở và vật liệu xây dựng: 9,2%. Giá các nhóm hàng khác đều tăng phổ biến từ 4,4% đến 5,3%. Nếu so với kỳ gốc năm 2000 chỉ số giá tháng 12 - 2005 tăng 33,5%, trong đó lương thực, thực phẩm: 38,8%; nhà ở và vật liệu xây dựng: 37%, dược phẩm, y tế: 40,1%.

Nguyên nhân của những bất cập trên có nhiều, nhưng đáng lưu ý là các yếu tố tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chung chưa ổn định. Thị trường nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu cũng như thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ vẫn tiềm ẩn nhiều bất cập. Thị trường trong nước tăng trưởng chậm và không bền vững, sức mua của dân cư hạn chế do thu nhập, đời sống nhân dân nông thôn nói chung, nhất là các vùng bị thiên tai, dịch cúm gia cầm còn nhiều khó khăn. Lao động dư thừa, việc làm thiếu đang trở thành áp lực đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo mới bằng 24% (kế hoạch đề ra là 30%). Sức ép về lao động việc làm đối với lao động trẻ ở khu vực thành thị còn lớn do tỷ lệ thất nghiệp còn cao (13,4%). Tuy nhiên, những bất cập và hạn chế trên đây không phải là cơ bản. Đảng và Nhà nước đã có nhiều giải pháp để đưa nền kinh tế nước ta tiếp tục vững bước đi lên trong những năm tới. □

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG NĂM QUA

PHAN DOÀN NAM

TRONG năm qua, tiếp tục phát huy truyền thống của tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao "đi bất biến ứng vạn biến", dưới ánh sáng của đường lối đối ngoại của Đảng, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã được triển khai một cách chủ động, sáng tạo, đồng bộ, đa dạng, đã củng cố và phát huy thêm một bước vị thế của nước ta trên thế giới, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững an ninh Tổ quốc. Những thắng lợi đó được thể hiện rõ nét qua các mặt sau:

I - VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI SONG PHUONG

1 - Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước láng giềng khu vực đã được nâng lên một tầm cao mới và ngày càng phát triển theo chiều sâu.

Với Lào, sự hợp tác toàn diện trong quan hệ hữu nghị đặc biệt, sự tin cậy giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước tiếp tục được củng cố, phát triển ổn định qua chuyến thăm chính thức nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và các cuộc trao đổi ý kiến thường kỳ giữa lãnh đạo hai nước, giữa các bộ, ngành và địa phương có liên quan. Do đó, sự hợp tác giữa hai nước

có tính chất thiết thực và hiệu quả hơn. Ngoại giao của hai nước đã có sự phối hợp nhịp nhàng tại các diễn đàn khu vực và quốc tế. Chúng ta đã hỗ trợ tích cực bạn trong việc tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN 10 và Hội nghị của Tổ chức liên Quốc hội ASEAN lần thứ 26 (AIPO). Tình hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước trong năm 2005 đã tạo đà cho sự phát triển và chuyển biến về chất trong quan hệ hai nước trong thời gian tới.

Sự kiện có ý nghĩa quan trọng, nổi bật trong quan hệ với Cam-pu-chia năm qua là chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Hun-sen. Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Cam-pu-chia nhân chuyến thăm của Thủ tướng Hun-sen đã đưa quan hệ hai nước lên một tầm cao mới. Hai bên đã ký một loạt hiệp định mới về nhiều lĩnh vực liên quan đến lợi ích của hai nước. Đặc biệt tại Hội nghị lần thứ 2 về hợp tác phát triển về biên giới giữa hai nước, hai bên đã đạt được nhiều thỏa thuận quan trọng làm cơ sở cho việc thúc đẩy sự hợp tác nhiều mặt giữa các tỉnh biên giới của Việt Nam và Cam-pu-chia.

Năm 2005 Việt Nam và Trung Quốc kỷ niệm 55 năm thành lập quan hệ ngoại giao. Chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch Trần Đức Lương và chuyến thăm Việt Nam

của Tổng Bí thư, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã tiếp tục thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước theo phương châm 16 chữ, tăng cường hơn nữa sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, làm cho quan hệ hợp tác về mọi mặt giữa hai nước phát triển thuận lợi. Hai bên đã ra tuyên bố kết thúc đàm phán song phương về việc Việt Nam gia nhập WTO. Riêng trong chuyến thăm Việt Nam của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, hai bên đã ký các Hiệp định hợp tác có giá trị lên tới 1 tỉ USD. Kim ngạch buôn bán song phương Việt - Trung năm qua tăng khoảng 7 tỉ USD và dự kiến sẽ tăng 10 tỉ USD vào năm 2010. Hai bên đã hoàn tất việc chuẩn bị để đưa một số Hiệp ước về biên giới đã ký kết đi vào hiệu lực và có những biện pháp thích hợp giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh vừa qua liên quan đến biên giới và lãnh thổ.

Quan hệ giữa nước ta với các nước thành viên ASEAN có tầm quan trọng đặc biệt cả về mặt song phương cũng như quan hệ đa phương trong khuôn khổ của Hiệp hội. Chúng ta đã phát huy được vai trò tích cực và chủ động trong việc đóng góp thiết thực vào các hoạt động chung của ASEAN, góp phần tăng cường đoàn kết nội bộ trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc không can thiệp công việc nội bộ của nhau, thúc đẩy liên kết kinh tế và tăng cường hợp tác để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước hội viên. Chúng ta đã cùng các nước ASEAN phối hợp trên nhiều vấn đề quốc tế. Những đóng góp của Việt Nam được các thành viên khác hoan



Hồ Gươm - Ảnh: TL

ngheh và nâng cao uy tín của Việt Nam trong ASEAN.

2 - Hoạt động đối ngoại của nước ta trong năm qua đã được triển khai đều khắp các khu vực trên thế giới và đã thu được những thành quả cụ thể, đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Một trong những sự kiện ngoại giao của Việt Nam trong năm 2005 được dư luận chú ý và đánh giá cao là chuyến thăm Hoa Kỳ của Thủ tướng Phan Văn Khải. Sau 10 năm bình thường hóa quan hệ, đây là lần đầu tiên người đứng đầu Chính phủ nước ta thăm chính thức Hoa Kỳ và hội đàm với Tổng thống G. Bu-sơ. Hai bên nhất trí cần thúc đẩy phát triển quan hệ song phương trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi. Tổng thống G. Bu-sơ tuyên bố ủng hộ việc Việt Nam gia nhập WTO, ủng hộ nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và nhận lời thăm

chính thức Việt Nam và dự Hội nghị cấp cao APEC sẽ tổ chức tại Hà Nội vào cuối năm 2006.

Trong quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cũng còn một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết như hoạt động của một số thế lực ở Mỹ vẫn âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta thông qua cái gọi là vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo v.v.. Chúng ta đã đấu tranh với hành động sai trái của chính quyền một số bang ở Mỹ cho phép treo cờ của chính quyền Sài Gòn cũ và với một số tranh chấp về thương mại.

Quan hệ với Nhật Bản, Liên minh châu Âu và các nước có nền kinh tế phát triển khác tiếp tục phát triển thuận lợi. Các chuyến thăm của các nhà lãnh đạo Việt Nam đã đưa quan hệ nước ta với các nước này phát triển lên tầm cao mới. Nhật Bản tiếp tục viện trợ ODA cho Việt Nam ở mức cao (khoảng 800 triệu USD/năm). Đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam tăng cả về khối lượng vốn và số lượng dự án. EU đã xóa bỏ hạn ngạch dệt may đối với Việt Nam kể từ 1-1-2005 và là đối tác thương mại hàng đầu của nước ta. Đầu tư của EU chiếm khoảng 15% tổng số đầu tư nước ngoài ở Việt Nam với số vốn đăng ký đạt khoảng trên 6 tỉ Ô-rô, trong đó nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng hơn gấp đôi so với năm 2004. Về ngoại giao, EU ủng hộ việc nước ta ứng cử vào ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009.

Cũng như đối với Mỹ, chúng ta đã đấu tranh và xử lý thỏa đáng với EU vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo cũng như việc EU kiện ta bán phá giá giày dép và một số mặt hàng khác vào thị trường EU.

Nước ta cũng đã ký tuyên bố về khuôn khổ quan hệ hợp tác, ổn định, toàn diện và tin cậy lẫn nhau với Niu Di-lân, ký thông cáo chung

với Ô-xtrây-li-a về những định hướng quan hệ lâu dài giữa hai nước. Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân đều cam kết duy trì và tăng viện trợ ODA cho Việt Nam, trong đó Niu Di-lân tuyên bố sẽ tăng viện trợ gấp 3 lần trong thời gian tới. Cả hai nước đều hứa sẽ hỗ trợ Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC 2006.

3 - Quan hệ giữa nước ta với các nước bạn bè truyền thống, các nước đang phát triển cũng có những bước phát triển mới.

Quan hệ hai nước Việt Nam - Liên bang Nga đã được xác định là "đối tác chiến lược". Trong khuôn khổ đó, hai bên đã thỏa thuận tiến hành tham khảo chính trị thường kỳ và tư vấn lãnh sự giữa hai Bộ Ngoại giao. Quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật phát triển ổn định và không ngừng được thắt chặt để xứng với tầm vóc của quan hệ đối tác chiến lược. Kim ngạch buôn bán hai chiều tăng nhiều so với năm 2004 nhưng còn chưa tương xứng với mối quan hệ truyền thống của hai nước.

Quan hệ với Cu-ba tiếp tục phát triển tốt về mọi mặt. Trong năm qua đã có khoảng 50 đoàn các cấp sang thăm lẫn nhau và trao đổi kinh nghiệm, đặc biệt là chuyến thăm Việt Nam của Phó Chủ tịch Ra-un Ca-xơ-rô đã góp phần tăng cường sự tin cậy, tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước anh em. Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Cu-ba đã họp phiên thứ 23 tại La Ha-ba-na. Trong năm qua, kim ngạch buôn bán hai chiều đạt khoảng 200 triệu USD so với 119 triệu USD năm 2004. Kỷ niệm 45 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Cu-ba, hai nước tiếp tục khẳng định củng cố và phát triển tình hữu nghị và đoàn kết anh em, sự hợp tác toàn diện giữa hai đảng và nhân dân hai nước.

Trong năm qua, ta cũng đã có những nỗ lực nhằm thúc đẩy quan hệ với các nước đang

phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh. Quan hệ thương mại Việt Nam - châu Phi bước đầu tăng đáng kể. Quan hệ kinh tế - thương mại với các nước Mỹ La-tinh, dự kiến đạt 500 triệu USD trong năm 2005.

Việc tăng cường quan hệ với các nước Á - Phi - Mỹ La-tinh đã góp phần tăng cường hợp tác giữa nước ta với các nước đang phát triển về mặt chính trị, đồng thời tạo điều kiện cho ta mở rộng thị trường và khách hàng quốc tế.

II - HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG VÀ CÁC MẶT KHÁC

Cùng với việc tích cực và chủ động hội nhập vào khu vực và thế giới, hoạt động ngoại giao đa phương của Việt Nam ngày càng được triển khai mạnh mẽ và phong phú. Đây là một mặt công tác đối ngoại rất quan trọng. Tại các diễn đàn đa phương chúng ta có thể hiểu rõ quan điểm của nhiều nước về các vấn đề đang đặt ra đối với thế giới và khu vực. Đồng thời chúng ta cũng bày tỏ quan điểm về các vấn đề thế giới quan tâm, góp phần nâng cao uy tín quốc tế của nước ta. Trong năm qua, các nhà lãnh đạo của nước ta đã tham gia tích cực các hoạt động tại các diễn đàn đa phương. Riêng hoạt động ngoại giao đa phương của Quốc hội năm qua rất phong phú. Sáng kiến của Quốc hội Việt Nam về việc thiết lập "Đối tác Nghị viện toàn cầu vì các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ" đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo Nghị viện thế giới tại Niu Oóc đã được sự đồng tình và ủng hộ của nhiều nước. Các hoạt động trên cùng với các hoạt động khác ở cấp thấp hơn đã góp phần nâng cao vai trò của Quốc hội Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Cách ứng xử của chúng ta đối với vấn đề cải tổ Liên hợp quốc và mở rộng Hội đồng Bảo an là có lý, có tình và khôn khéo tranh

thủ được cảm tình của nhiều nước có ý kiến khác nhau.

Hoạt động ngoại giao nhân dân năm vừa qua cũng đã đóng góp vào việc tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước trên thế giới. Năm 2005 chúng ta kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới. Qua hoạt động phong phú và đa dạng của các Hội hữu nghị, nhân dân ta đã bày tỏ tình đoàn kết, lòng biết ơn đối với nhân dân các nước đã ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Hoạt động ngoại giao nhân dân và hoạt động ngoại giao nhà nước không dừng lại ở các hoạt động song phương mà cả các diễn đàn đa phương. Chúng ta đã tham dự các diễn đàn đa phương lớn như "Diễn đàn xã hội nhân dân thế giới", "Đại hội thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 16", Hội đồng Hòa bình thế giới... Đặc biệt, chúng ta đã tổ chức nhiều chuyến tham quan, để các nhà doanh nghiệp nước ta có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu thị trường các nước v.v.. Ngày càng có nhiều nhà khoa học, văn nghệ sỹ, doanh nghiệp Việt Nam đang sống ở nước ngoài trở về làm ăn sinh sống ở quê hương. Thông qua hoạt động ngoại giao nhân dân, chúng ta cũng đã tranh thủ được sự giúp đỡ có hiệu quả của nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO).

Trong bối cảnh thế giới đầy biến động phức tạp, công tác đối ngoại của Việt Nam năm qua vẫn tiếp tục phát huy được tính độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tất cả các nước trên thế giới, làm tròn nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đã giao là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. □

NĂM MỚI, BẾN TRE TIẾP TỤC CUỘC HÀNH TRÌNH "ĐỒNG KHỞI MỚI"

HUỲNH VĂN BE *

BẾN Tre, nằm cuối nguồn sông Cù Long được hình thành cách nay hơn 300 năm, là vùng *đất địa linh nhân kiệt*, nhân dân giàu truyền thống yêu nước và cách mạng.

Theo dòng chảy lịch sử, truyền thống yêu nước, cách mạng và bản sắc văn hóa của người Bến Tre ngày càng được bồi đắp và phát huy mạnh mẽ. Đồng khởi năm 1960 là một trong những sáng tạo về văn hóa cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre, được khởi phát từ nền tảng truyền thống văn hóa cha ông hun đúc qua hàng trăm năm trước. Đồng khởi đã để lại cho Đảng bộ Bến Tre nhiều kinh nghiệm quý báu, lớn nhất là bài học về "thể trận lòng dân". Từ đó, người dân Bến Tre càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ: "Đễ trăm lần, không dân cũng chịu. Khó vạn lần, dân liệu cũng xong". Bài học "thể trận lòng dân" tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương 30 năm qua.

Ba mươi năm sau ngày giải phóng, nhất là 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, được sự chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các bộ, ngành, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh bạn, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tự lực, tự cường; từng bước hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại quê hương.

Kết thúc năm 2005, bước vào năm mới 2006, cũng là thời điểm Đảng bộ Bến Tre vừa hoàn thành Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010, kiểm điểm quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và những thành tựu qua 20 năm đổi mới, nhất là 5 năm đầu thế kỷ XXI. Nhìn lại chặng đường 5 năm, Bến Tre đã giành được nhiều thành tựu quan trọng và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm đạt 9,38%. Tăng thu nhập bình quân đầu người từ 380 USD năm 2001 lên 461 USD năm 2005. Kinh tế của tỉnh phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong nông nghiệp, tỉnh đã tập trung lãnh đạo phát triển toàn diện, làm bật dậy tiềm năng hai thế mạnh là thủy sản và kinh tế vườn. Các chỉ tiêu đề ra đều đạt và vượt, có nhiều mô hình tốt về kinh tế vườn và thủy sản. Riêng về diện tích nuôi tôm tăng lên 43.500 ha, trong đó có 6.500 ha nuôi tôm công nghiệp. Mô hình hợp tác xã và tổ hợp tác trong nuôi tôm, nghêu, đã thu hút nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tham gia góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho một bộ phận nhân dân các huyện ven biển. Phần lớn diện tích vườn dừa được thâm canh, cải tạo và trồng xen các loại cây có múi như: măng cụt, ca cao, chanh... góp phần tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích gấp nhiều lần.

* Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển toàn diện hơn, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm từ dừa. Đến nay có trên 50 mặt hàng từ ngành công nghiệp chế biến dừa xuất khẩu, đã tạo đầu ra hiệu quả cho cây dừa. Đời sống người trồng dừa được cải thiện, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân 16,38%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 340 triệu USD, tăng gấp 2,3 lần so với 5 năm trước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi được tăng cường. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 14,766 tỉ đồng, vượt chỉ tiêu 47,4%. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi quan trọng như cống đập Ba Lai (công trình thủy lợi lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long) và các công trình giao thông huyết mạch như quốc lộ 57, quốc lộ 60, các công trình điện khí hóa nông thôn được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả. Đã khởi công xây dựng cầu Rạch Miễu, phà Cổ Chiên và đang chuẩn bị khởi công cầu Hàm Luông. Khi hoàn thành các công trình này sẽ giúp Bến Tre phá thế biệt lập về địa lý, mở rộng giao lưu thuận lợi với các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và các tỉnh trong khu vực.

Với phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*" Bến Tre đã đầu tư gần 700 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp trên 135 tỉ đồng và 1,5 triệu ngày công lao động để nhựa hóa và bê-tông hóa trên 1.538km đường nông thôn liên xã, ấp; xây dựng mới 1.445 cầu bê-tông cốt thép thay cho cầu khỉ phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại, giao lưu kinh tế, văn hóa cho nhân dân. Đến cuối năm 2005 có 85% hộ sử dụng điện, 55% hộ được cung cấp nước sạch, 6,92 máy điện thoại trên 100 dân. Các hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực và đạt nhiều thành tựu mới quan trọng. Chất lượng giáo dục - đào tạo không ngừng tăng lên, hoàn thành phổ cập tiểu học theo độ tuổi, trên 50% xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Phần đầu đến cuối 2007 hoàn thành phổ

cập trung học cơ sở tiến tới phổ cập trung học phổ thông. Cơ sở vật chất cho giáo dục được tăng cường, xây mới 2.462 phòng học với tổng số vốn trên 432 tỉ đồng, xóa tình trạng học 3 ca. Nhân dân được chăm sóc sức khỏe ngày càng tốt hơn; người nghèo, gia đình chính sách được ưu tiên khám chữa bệnh miễn phí. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh mẽ ở cả thành thị và nông thôn. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa phát triển mạnh. Đến nay đã có 22 xã văn hóa, 622 ấp, khu phố văn hóa, trên 260.000 gia đình văn hóa. Kết quả đó đã góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự xã hội ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao.

Công tác xây dựng đảng được tăng cường trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Có từ 95% - 98% đảng viên được học tập các chủ trương, Nghị quyết Đảng, qua đó góp phần củng cố, nâng cao nhận thức chính trị, tạo sự đoàn kết thống nhất trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năm 2005, có 74% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh; trong đó có trên 30% đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu nhiều năm liền. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện. Công tác luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện tốt; kịp thời kiểm tra, ngăn chặn những tiêu cực trong Đảng, xử lý nghiêm và kịp thời các trường hợp vi phạm, giải quyết căn bản các vấn đề bức xúc trên địa bàn. Qua đó, đã tạo được sự đoàn kết thống nhất và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Đánh giá những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua, nhân chuyển thăm và làm

việc tại Bến Tre vào ngày 9 và 10-10-2005, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hoan nghênh và biểu dương Đảng bộ và nhân dân Bến Tre: "Tỉnh có bề dày truyền thống lịch sử đấu tranh cách mạng, nổi tiếng là nơi khởi nguồn phong trào Đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - đã phát huy truyền thống đó trong 30 năm sau ngày giải phóng, đã chủ động vận dụng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nhờ vậy mà đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, đặc biệt là trong năm năm 2001 - 2005, nổi bật là: kinh tế tăng trưởng liên tục, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và mang lại hiệu quả rõ rệt".

Những thành tựu đạt được trong 5 năm qua là do Đảng bộ biết khơi dậy sức dân, tổ chức và thực hiện có kết quả các phong trào thi đua yêu nước. Giờ đây, bộ mặt của tỉnh từ thành thị đến nông thôn có bước khởi sắc mới. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Sự phấn khởi, đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và sự đồng thuận xã hội ngày càng tăng. Những thuận lợi này sẽ tạo thế và lực mới cho Bến Tre phát triển mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn trong những năm tới.

Tuy vậy, Bến Tre vẫn còn là tỉnh nghèo so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 70% so bình quân cả nước. Những thành tựu toàn diện và quan trọng, nhưng do điểm xuất phát thấp, nên đến nay, quy mô nền kinh tế, nhất là lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ vẫn còn nhỏ lẻ; kết cấu hạ tầng còn khó khăn, yếu kém. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, khu vực nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao trong GDP. Năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị một số mặt còn hạn chế; năng lực và phẩm chất một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ. Đó là những yếu kém đang cản trở trong quá trình phát triển của tỉnh.

Nhằm tạo bước đột phá mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai

đoạn 2006 - 2010, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre quyết tâm tập trung đẩy mạnh cuộc "Đồng khởi mới", lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, chăm lo văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội. Quán triệt quan điểm trên, Đảng bộ xác định mục tiêu, phương hướng tổng quát 5 năm tới là *"Phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; chú trọng phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội. Nâng cao chất lượng cho các hoạt động văn hóa, tạo nền tảng tinh thần cho phát triển bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến 2010, Bến Tre thoát khỏi tình nghèo, có GDP bình quân đầu người ngang mức bình quân chung cả nước"*.

Với mục tiêu đó, 5 năm tới Đảng bộ và nhân dân Bến Tre tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục khơi dậy, phát huy truyền thống Đồng khởi, tập trung lãnh đạo huy động tối đa mọi nguồn nhân lực trong nhân dân. Đẩy mạnh mọi phong trào hành động cách mạng, thi đua "Đồng khởi mới", tạo nên "thế trận lòng dân" trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tập trung lãnh đạo, khai thác có hiệu quả các nguồn đầu tư, ưu tiên chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi. Phấn đấu huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên 40 ngàn tỉ đồng. Quyết tâm hoàn thành việc xây dựng cầu Rạch Miễu, cầu Hàm Luông, để tạo thế giao lưu với các tỉnh. Tập trung phục vụ cho phát triển kinh tế thủy sản, kinh tế vườn; xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; triển khai các dự án trọng điểm; giải quyết cơ bản các vấn đề giao thông, thông tin, liên lạc, điện, nước ngọt, nước sạch cho nhân dân.

Hai là, nhận thức rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong thời gian tới, Bến Tre sẽ đẩy mạnh đầu tư, phát triển giáo dục toàn diện nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, có chính sách thu hút nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nhất là cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ, phục vụ tốt yêu cầu ứng dụng những công nghệ tiên bộ để phát triển kinh tế, nhất là trên lĩnh vực kinh tế thủy sản, kinh tế vườn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp để đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; vận dụng và có chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút mạnh các nguồn vốn nước ngoài và các thành phần kinh tế trong, ngoài tỉnh, nhằm tạo bước đột phá trong phát triển công nghiệp và dịch vụ. Ưu tiên cho công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu, phấn đấu đạt kim ngạch 750 triệu USD. Đến 2010 đưa nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 13%/năm, thu nhập bình quân đầu người ngang với mức bình quân cả nước. Đặc biệt là đẩy mạnh đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2007 thị xã Bến Tre trở thành đô thị loại 3, và năm 2010 trở thành thành phố trực thuộc tỉnh.

Ba là, Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi trọng xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đúng với vị trí là nhiệm vụ then chốt, nhằm không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ mới, đẩy mạnh việc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đảng. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng bộ và tổ chức cơ sở Đảng. Tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội, nhằm tăng cường khối đại

đoàn kết toàn dân, xem đó là yếu tố quyết định thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng bộ. Cùng với xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ tập trung xây dựng và phát triển văn hóa. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 10, khóa IX *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Chú trọng gìn giữ và phát triển các giá trị truyền thống, văn hóa cách mạng, gắn với xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, với nội dung cơ bản là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và giáo dục 5 đức tính của con người Việt Nam. Phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng; tạo môi trường văn hóa lành mạnh, để văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển đúng định hướng và bền vững.

Vươn lên thoát nghèo để sánh vai với các tỉnh trong khu vực và cả nước, đó là niềm tin, là khát vọng của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre. Để thực hiện đạt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ tỉnh đề ra, trong 5 năm tới, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, Bến Tre còn phải đương đầu với bao khó khăn, thách thức lớn, nhất là vốn xây dựng kết cấu hạ tầng. Do vậy, Bến Tre rất cần sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chính phủ và sự giúp đỡ, hỗ trợ các bộ, ngành trung ương cũng như các tỉnh trong cả nước. Bên cạnh đó, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre "tiếp tục phát huy cao độ truyền thống Đồng khởi trong chiến đấu thành tinh thần "Đồng khởi mới" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương", quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ tỉnh và Đại hội X của Đảng, tạo đà tăng tốc phát triển cho những nhiệm kỳ tiếp theo, đưa Bến Tre vươn lên xứng đáng với truyền thống của quê hương Đồng khởi anh hùng và có vị trí xứng đáng trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. □

1 – Bối cảnh trong nước và quốc tế vào thời điểm bắt đầu đường lối đổi mới

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, nước ta đã xuất hiện các dấu hiệu khủng hoảng kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp (0,4%/năm); thiếu lương thực (mỗi năm phải nhập khẩu gần 1 triệu tấn); lạm phát cao (khoảng 20%/năm); kim ngạch xuất khẩu chỉ bằng 1/5 nhập khẩu.

Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (năm 1979), Đảng ta đã có *Chỉ thị Về phát triển hộ kinh tế cá thể và hộ tư nhân, Chỉ thị số 100 Về khoán sản phẩm trong nông nghiệp*, Nghị định số 25/CP ngày 21-8-1981 của Chính phủ cho phép các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp nhà nước được vận hành "kế hoạch 3".

Tuy nhiên, hậu quả của cải cách giá, lương, tiền tháng 9-1985 đã làm cho giá cả hàng hóa biến động mạnh, hoạt động tiền tệ hỗn loạn; tiền lương thực tế giảm sút nhanh chóng; lạm phát ở tốc độ "phi mã"; trong nước hàng hóa khan hiếm, cung không đủ cầu.

Hoạt động xuất nhập khẩu thời kỳ này thực hiện theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước độc quyền ngoại thương, với thị trường chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa và căn cứ vào nghị định thư đã ký kết. Cả nước chỉ có 37 tổng công ty xuất nhập khẩu. Cán cân thương mại bị thâm hụt nặng nề, kéo dài (kim ngạch nhập khẩu thường cao gấp xấp xỉ 3 lần kim ngạch xuất khẩu). Bình quân xuất khẩu theo đầu người chỉ ở mức dưới 10 Rúp - USD, trong đó 70% kim ngạch xuất khẩu thuộc khu vực đồng Rúp, vì thế, luôn gây sức ép phải hạn chế các nhu cầu nhập khẩu thiết bị, vật tư

NGÀNH THƯƠNG MẠI: *nhìn lại* 20 năm đổi mới

LÊ DANH VINH *

nguyên liệu, hàng tiêu dùng thiết yếu cho phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Cân đối tiền - hàng và cung - cầu một số mặt hàng thiết yếu bị mất cân đối nghiêm trọng.

Trên bình diện quốc tế, "chiến tranh lạnh" sắp bước vào hồi kết, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang đứng trước nguy cơ tan rã với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu; xu thế kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập và tự do hóa thương mại.

Với bối cảnh trong nước và quốc tế như trên, Đại hội lần thứ VI của Đảng tháng 12-1986 đã đề ra đường lối Đổi mới, mà thực chất là tiến hành *cuộc cải cách sâu rộng về kinh tế, chính trị và xã hội* nhằm đưa đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, khôi phục và phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của nhân dân, giải quyết tốt hơn các nhu cầu giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội khác.

Trong lĩnh vực kinh tế, đổi mới hướng vào việc khai thác mọi tiềm năng trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng những chủ trương lớn, như: Chuyển từ một nền kinh tế chủ yếu gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập

* TS. Thứ trưởng Bộ Thương mại

thể sang một nền kinh tế nhiều thành phần, cùng tồn tại lâu dài, bình đẳng trước pháp luật; Hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở hiệu quả kinh tế - xã hội, hướng vào nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; Xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; Thực hiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Mở cửa nền kinh tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, khuyến khích xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, du lịch quốc tế, thu hút vốn nước ngoài, từng bước hội nhập với kinh tế thế giới.

2. Quá trình đổi mới cơ chế chính sách thương mại và những thành tựu đạt được

Trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu, nhiều biện pháp đổi mới về cơ chế, chính sách nhằm phát triển ngoại thương nước nhà đã được thực hiện. Cụ thể là: Chuyển hoạt động ngoại thương chủ yếu do các doanh nghiệp nhà nước thực hiện sang được thực hiện bởi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tiến tới tự do hóa xuất, nhập khẩu; Nới lỏng các biện pháp quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu; Ban hành Luật Thuế xuất, nhập khẩu và các loại thuế có liên quan; Tham gia vào các thể chế thương mại đa biên trong khu vực và quốc tế.

Những thay đổi cơ bản trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực xuất, nhập khẩu đã góp phần làm cho xuất, nhập khẩu *đạt được những thành quả cơ bản sau*:

Một là, xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, xây dựng môi trường pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh xuất, nhập khẩu vận hành theo cơ chế thị trường, góp phần khơi dậy được mọi tiềm năng, sức sáng tạo, tính chủ động của các đơn vị kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để phát triển xuất khẩu.

Hai là, từ chỗ hàng năm Nhà nước phải bù lỗ lớn cho hoạt động xuất, nhập khẩu, đến nay ngân sách nhà nước đã có nguồn thu đáng kể từ hoạt động này.

Ba là, hoạt động xuất, nhập khẩu đã góp phần đáng kể vào việc giải quyết khủng hoảng kinh tế, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, khắc phục những khó khăn trong nước, nhất là từ khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã làm cho nguồn thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu quan trọng, hàng tiêu dùng thiết yếu chủ yếu được nhập khẩu bằng vay nợ và viện trợ không còn.

Bốn là, từ chỗ việc kinh doanh xuất, nhập khẩu phải thực hiện theo giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Thương mại, đến nay thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (được thành lập theo quy định của luật pháp) đều được trực tiếp kinh doanh xuất, nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa (trừ hàng cấm xuất, cấm nhập và hàng xuất, nhập khẩu có điều kiện) và chỉ cần phải làm thủ tục tại hải quan cửa khẩu, tạo nên sự thuận lợi cho hoạt động ngoại thương phát triển.

Năm là, xuất khẩu tăng nhanh đã trang trải cho nhu cầu nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng tiêu dùng cho phát triển kinh tế trong nước và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Sáu là, những đổi mới trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu góp phần làm tăng số lượng doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp lên tới con số 35.714, bằng gấp gần 1000 lần năm 1986; tăng kim ngạch xuất khẩu (năm 2005 ước đạt 31,5 tỉ USD, bằng gấp 40 lần năm 1986); tăng tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu (năm 2005 dự kiến bằng 23 lần năm 1986); giảm mức nhập siêu (năm 1986 ở mức 300%, nhưng trong 5 năm gần đây không chế được ở mức dưới 20% kim ngạch xuất khẩu và tỷ lệ nhập siêu của năm 2005 so với kim ngạch xuất khẩu dự kiến bằng 1/10 tỷ lệ đó của 10 năm trước). Đồng thời, thị trường xuất khẩu được mở rộng vượt bậc, từ chỗ (trước năm 1986) chỉ trong khối các nước xã hội chủ nghĩa, đến năm 2005, hàng hóa nước ta

đã vươn tới hầu hết các vùng, lãnh thổ trên thế giới.

Trong phát triển thị trường trong nước. Từ năm 1986, ngành thương mại cũng đã liên tục thực thi nhiều chính sách đổi mới quan trọng liên quan đến thị trường nội địa, như: Thực hiện mô hình khoán sản trong nông nghiệp nhằm tạo động lực cho kinh tế hộ phát triển sản xuất; Xóa bỏ hoàn toàn hình thức phân phối bằng tem phiếu, toàn bộ hàng tiêu dùng được mua bán theo giá thị trường trên phạm vi cả nước; Thực hiện thu mua lương thực và nông sản của nông dân trên cơ sở giá thỏa thuận, theo giá cả thị trường; dỡ bỏ hình thức kiểm soát giá cả, tiến hành kinh doanh theo giá thị trường đối với các vật tư kỹ thuật cung ứng cho sản xuất; Khuyến khích lưu thông hàng hóa trên phạm vi cả nước, bãi bỏ tất cả các biện pháp kiểm soát hành chính trên các trục đường giao thông; Ban hành Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, thông qua luật thuế giá trị gia tăng...

Nhờ vậy, trên thị trường nội địa chúng ta cũng đạt được những chuyển biến tích cực. Cụ thể như: Về cơ bản đã xóa bỏ cơ chế lưu thông cũ, chuyển sang cơ chế lưu thông mới, khắc phục được tình trạng "ngăn sông, cấm chợ", hình thành thị trường thống nhất, khá ổn định và thông suốt trong cả nước; Cung cấp được ngày càng nhiều hàng hóa, dịch vụ một cách phong phú, đa dạng về chủng loại, với chất lượng nâng cao, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng; Kiểm chế được lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng ở mức hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; Giá cả đã phản ánh đúng hơn giá trị và quan hệ cung - cầu trên thị trường; Việc thực hiện cơ chế một giá và mua bán bình thường vật tư hàng hóa đã làm giảm mạnh những nhu cầu giả tạo, nạn đầu cơ, tích trữ vật tư, hàng hóa. Nhu cầu về các mặt hàng trọng yếu được

bảo đảm bình thường; Từng bước hình thành các kênh lưu thông của một số mặt hàng chủ yếu; Kết cấu hạ tầng thương mại ngày càng phát triển theo hướng văn minh, hiện đại; Đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia thị trường, khuyến khích sự phát triển của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; Đạt được sự đổi mới có hiệu quả hơn trong công tác quản lý nhà nước ở lĩnh vực thương mại từ trung ương đến địa phương cả về tư duy, nội dung, phương pháp quản lý, tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và hoạt động của thương nhân phát triển.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế. Gần 20 năm qua, đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế của Đảng đã được đề ra nhất quán và được ngành thương mại triển khai rất tích cực, phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp Đổi mới, phát triển đất nước với một số mốc sự kiện chính như sau: Thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng độc lập, tự chủ và rộng mở, thực hiện chủ trương "độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại" với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển", nhấn mạnh việc "phát huy những điểm đồng, hạn chế những điểm bất đồng"; Mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)...; Thực hiện đổi mới theo phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"; Thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế.

Những nỗ lực trong việc đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế của ngành thương mại

đã đưa lại những kết quả rất đáng kể cho đất nước. Đó là: Khắc phục được tình trạng phân biệt đối xử, tạo dựng được thế và lực của nước ta trong thương mại quốc tế; Mở rộng thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu và tăng thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam; Việt Nam đã được hưởng những ưu đãi thương mại trong thương mại quốc tế, đồng thời tạo dựng được một môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế; Nâng cao vị thế của đất nước, góp phần giữ gìn hòa bình trong khu vực và trên thế giới; Tạo điều kiện để tiếp thu những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, sản phẩm Việt Nam.

3 - Bài học kinh nghiệm và một số định hướng đối với phát triển thương mại thời gian tới

Đối với xuất, nhập khẩu. Dù đã đạt được những thành quả to lớn, sự nghiệp đổi mới cơ chế, chính sách xuất - nhập khẩu vẫn còn những hạn chế nhất định. Từ những thành công và hạn chế về cơ chế, chính sách xuất - nhập khẩu 20 năm qua có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây: a - Đổi mới cơ chế xuất, nhập khẩu cần thực hiện từng bước, đồng bộ trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng, hải quan; b - Trong đổi mới, phát hiện, dỡ bỏ các rào cản của cơ chế cũ, tìm khâu đột phá, tạo ra bước chuyển biến mới, phù hợp với tiến trình đổi mới, hoàn thiện chính sách cơ chế xuất nhập khẩu vận hành theo cơ chế thị trường mới có thể thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu; c - Cơ chế mới phải khơi dậy mọi tiềm năng tăng nhanh và nâng cao hiệu quả xuất khẩu, sử dụng có hiệu quả nguồn ngoại tệ, bảo hộ hợp lý có thời hạn, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng sản xuất trong nước; d - Tích cực cải cách hành chính, loại bỏ cơ

chế "xin cho" và những khâu quản lý không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất, nhập khẩu; đ - Mở rộng cơ chế xuất khẩu phải gắn với mở rộng cơ chế nhập khẩu. Đổi mới cơ chế xuất, nhập khẩu phải phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ các ngành công nghiệp non trẻ của đất nước, đồng thời phải hài hòa với các thông lệ trong thương mại quốc tế, các cam kết quốc tế. Vì thế, định hướng xây dựng cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa thời gian tới là cần xóa bỏ tình trạng duy trì quá lâu sự độc quyền trong một số ngành hàng, dịch vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xóa bỏ các thủ tục phiền hà. Thực hiện các chính sách nhất quán, công khai, minh bạch, ổn định, phù hợp với luật pháp Việt Nam và các cam kết quốc tế, bảo đảm khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ hợp lý có chọn lọc hàng sản xuất trong nước, nâng cao được khả năng cạnh tranh hàng Việt Nam. Đồng thời, tổ chức thực hiện Pháp lệnh về tự vệ, về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, Pháp lệnh chống bán giá hàng hóa tại Việt Nam, về đối xử tối huệ quốc. Sử dụng hữu hiệu các công cụ điều hành nhập khẩu.

Đối với thị trường trong nước. Một số bài học được rút ra trong những năm đổi mới vừa qua gồm: a - Cần nâng cao hơn nữa nhận thức về vị trí, vai trò của thị trường và thương mại nội địa đối với phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của nhân dân; b - Phải huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, xác định rõ vị trí, vai trò của từng loại hình thương nhân trên kênh lưu thông, tạo ra môi trường cạnh tranh thực sự bình đẳng giữa thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, tăng cường hơn nữa hiệu quả và vai trò hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong việc bình ổn thị trường nội địa; c - Trong đổi mới, cần có sự giúp đỡ đội ngũ thương nhân

Việt Nam để họ không ngừng nâng cao được khả năng cạnh tranh ngay trên “sân nhà” và ở thị trường ngoài nước trong quá trình hội nhập kinh tế của đất nước; d - Muốn phát triển thị trường và thương mại nội địa, phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại theo hướng coi trọng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại; từng bước hoàn thiện cơ chế chính sách mặt hàng, chính sách thương nhân...

Thời gian tới thương mại nội địa phải thực hiện nhiệm vụ: duy trì nhịp độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ là 14% - 15%/năm thời kỳ 2006-2010; tạo ra nhiều mặt hàng đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng khoảng 5%/năm, hạn chế mức gia tăng cánh kéo giữa giá hàng công nghiệp và dịch vụ với hàng nông sản. Để có thể thực hiện được các mục tiêu nêu trên, cần thực hiện tốt những giải pháp chủ yếu: Xây dựng và phát triển các mô hình tổ chức thị trường nội địa phù hợp với từng địa bàn và từng mặt hàng; Hình thành và phát triển các hệ thống phân phối hàng hóa đối với những mặt hàng thiết yếu; Hình thành từng bước các tập đoàn, các tổng công ty thương mại lớn theo hướng văn minh, hiện đại về mạng lưới kinh doanh, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động và công nghệ quản lý; Đổi mới tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã thương mại - dịch vụ; Khuyến khích, tạo điều kiện cho các loại hình thương mại tư nhân phát triển một cách ổn định, lâu dài, bền vững, có hiệu quả; Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ thương mại trên các địa bàn; Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin thị trường và xúc tiến thương mại trong nước; Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về thương mại.

Đối với hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình đổi mới của những năm qua trong lĩnh vực

này cho phép chúng ta có thể thấy rõ: Nhận thức, tư duy về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng luôn phát triển, phù hợp với bối cảnh và tình hình quốc tế ở mỗi thời kỳ; Đảng ta luôn kiên định đường lối giữ vững độc lập, tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi; Nước ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Do đó, khi hội nhập kinh tế quốc tế phải dựa theo một lộ trình với những bước đi thích hợp và cần thường xuyên tổng kết các vấn đề lý luận và thực tiễn để có các đối sách thích hợp. Và, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, với bước đi phù hợp chúng ta có thể hội nhập thành công, lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế sẽ là căn bản, vừa phục vụ mục đích phát triển lâu dài, vừa bảo đảm những lợi ích kinh tế trước mắt. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập chúng ta phải chú trọng tranh thủ các công ty, tập đoàn đa quốc gia để thu hút vốn đầu tư, tranh thủ công nghệ, thị trường và phương thức quản lý của họ nhằm đẩy nhanh hơn nữa quá trình hội nhập kinh tế của đất nước.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế, ngành thương mại sẽ phấn đấu thực hiện theo các định hướng sau đây: Tăng cường đổi mới kinh tế trong nước và vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước nhằm tạo tiền đề và điều kiện thúc đẩy hội nhập; Hoàn thiện chính sách đầu tư gắn với điều chỉnh cơ cấu kinh tế; Đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao tính chủ động, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; Giải quyết vấn đề mất việc làm và thay đổi ngành nghề của người lao động - hậu quả tất yếu của quá trình mở cửa, tham gia vào cạnh tranh và phân công lao động quốc tế; Tăng cường cải cách hành chính... □

Phát huy truyền thống yêu nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

NGUYỄN THỊ NGÀ*

TRONG hệ thống giá trị tinh thần của người Việt Nam, yêu nước là giá trị trụ cột. Giá trị ấy, từ lâu đã đi vào tâm thức của mọi người như một tình cảm tự nhiên bởi nó được hun đúc, thử thách, gạn lọc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Truyền thống yêu nước được thể hiện ở mấy đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, yêu nước biểu hiện ở ý thức bảo vệ chủ quyền non sông đất nước

Trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã sớm hình thành ý thức về chủ quyền quốc gia và có thể nói, đó là ý thức có tính thường trực. Nguyên nhân của thực tế này bắt nguồn từ việc dân tộc ta liên tục phải chống lại nhiều thế lực ngoại xâm hùng mạnh hơn mình nhiều lần và sự mưu sinh để tồn tại, phát triển đầy gian khó. Vì thế, hơn ai hết, họ biết quý trọng, nâng niu những thành quả mà lớp lớp các thế hệ người Việt Nam không chỉ đổ mồ hôi mà còn cả máu xương mới tạo ra được và hình thành ý thức bảo vệ các thành quả đó. Ý thức về chủ quyền quốc gia đã đi vào huyền thoại, ngự trị trong tâm thức con người, hình thành một lối sống, một cách ứng xử mà trong hoàn cảnh nào, lợi ích

Tổ quốc cũng được đặt lên hàng đầu. Đó là cội nguồn sâu xa của câu chuyện Thánh Gióng mà người Việt Nam sáng tạo ra, yêu quý nhân vật Thánh Gióng, xem Thánh Gióng là cốt cách của dân tộc, là biểu tượng cao đẹp về tình yêu quê hương, đất nước và ý chí chống giặc ngoại xâm.

Không chỉ tồn tại trong huyền thoại, ý thức về chủ quyền quốc gia của người Việt Nam còn hiện diện trong cuộc sống hằng ngày, thôi thúc con người hành động vì Tổ quốc. Bài thơ thần của Lý Thường Kiệt, Hịch tướng sỹ của Trần Hưng Đạo hay Đại cáo Bình Ngô của Nguyễn Trãi đã phản ánh thực tế đó. Có thể nói, đó là những áng hùng văn bất hủ khẳng định chủ quyền của dân tộc và là lời tuyên cáo về tinh thần quyết chiến, quyết thắng để giữ vững chủ quyền của dân tộc mình. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, tinh thần ấy bằng nhiều hình thức đã chuyển thành sức mạnh của dân tộc, nhấn chìm bè lũ cướp nước và bán nước.

Thứ hai, yêu nước thể hiện ở sự gắn bó giữa những con người có cùng nguồn tộc tổ tiên, cùng chia sẻ đau thương, ngọt bùi, cùng gắn bó máu thịt với mảnh đất quê hương. Yêu nước là gìn giữ và tăng cường tình đoàn kết cộng đồng.

Có lẽ vì vậy mà trong ngôn ngữ Việt Nam, yêu nước luôn gắn với thương nòi. Tất cả những con người sống trên đất Việt đều là anh em một nhà, có cùng nguồn cội, vì công cuộc mưu sinh mà mỗi người ở một nơi, kẻ lên rừng, người xuống biển. Hai tiếng "đồng bào" chứa đựng tâm thức sâu thẳm ấy. Yêu nước là yêu

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đồng bào, yêu những người con sinh ra từ Đất Mẹ, gìn giữ, bảo vệ, làm giàu đẹp thêm Đất Mẹ.

Thứ ba, yêu nước biểu hiện ở tình cảm gắn bó, gìn giữ, trân trọng và làm giàu truyền thống văn hóa, lịch sử, phong tục, tập quán của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam, trong cuộc đấu tranh khốc liệt với tự nhiên và các thế lực ngoại xâm đã sớm hình thành một hệ thống giá trị văn hóa đa dạng và giàu bản sắc. Đó là kết quả sáng tạo của nhiều thế hệ người Việt Nam ở mọi vùng đất nước, mọi thời đại. Vì vậy, nó trở thành báu vật được trân trọng, giữ gìn, tôn tạo. Hệ thống giá trị ấy là chuẩn mực để điều chỉnh hành vi của con người trước tự nhiên, đồng loại và trước bản thân mình. Cũng chính vì thế mà các giá trị văn hóa Việt Nam trở nên bền vững mặc cho mưu toan và thủ đoạn muốn

đồng hóa của các thế lực ngoại xâm thâm độc và xảo quyệt đến mức độ nào.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam còn là tình cảm gắn bó, thái độ trân trọng và ý thức bảo vệ, tôn tạo các giá trị văn hóa của dân tộc. Quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm của người Việt Nam không chỉ nhằm gìn giữ non sông gấm vóc, mà còn để bảo vệ vốn văn hóa của dân tộc. Chẳng thế mà trong cuộc đại phá quân Thanh, đề khích lệ tướng sỹ, Quang Trung đã nói:

"Đánh cho để dài tóc

Đánh cho để răng đen".

Ngẫm ra, ý tưởng của người xưa đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong xã hội hiện đại, nhất là khi toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ nhanh, nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa vẫn là một trong những hiểm họa mà các dân tộc đang phải đối mặt. Đây đó trên hành tinh,



Hành hương về quê Bác

Ảnh: TL

âm mưu và thủ đoạn nhằm tiến hành các cuộc xâm lăng văn hóa văn nghệ trị trong suy nghĩ và hành động của các thế lực cường quyền. Bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc trở thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu của các quốc gia. Bởi đánh mất bản sắc văn hóa là đánh mất cội nguồn, đánh mất hồn thiêng của dân tộc. Yêu nước còn là tình yêu và sự gìn giữ truyền thống, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa của dân tộc.

Thứ tư, với người Việt Nam, yêu nước là một trong những giá trị nền tảng nhất, có vị trí cao nhất trong thang bậc các giá trị tinh thần. Đó không thuần túy tình cảm nhất thời mà là sự thống nhất hữu cơ giữa tình cảm và lý trí, suy nghĩ và hành động, trở thành đạo lý sống của cá nhân và của cộng đồng.

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, ở mọi dân tộc, sự hiểu thảo với cha mẹ đều được đề cao và trở thành tình cảm tự nhiên, có tính thiêng liêng. Tuy nhiên, chỉ có ở Việt Nam chữ "hiếu" mới được phân biệt thành "đại hiếu" (hiếu với nước) và "tiểu hiếu" (hiếu với cha mẹ). Vì quan niệm có cả "đại hiếu" và "tiểu hiếu" nên khi đất nước có giặc ngoại xâm, người Việt Nam biết đặt đại hiếu lên hàng đầu.

Lịch sử Việt Nam khắc cốt ghi công những con người trung hiếu. Người có công với nước, với dân được nhân dân tôn vinh, thờ phụng như những bậc thánh thần. Dấu tích của tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, thờ anh hùng dân tộc có ở khắp mọi miền đất nước đã chứng tỏ điều ấy. Ngược lại, những kẻ bán nước, cầu vinh, tham quan vô lại, hại nước, hại dân đều bị người đời lên án, phỉ nhổ.

Thứ năm, yêu nước của người Việt Nam là hành động vì Tổ quốc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm và cả trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Do thường xuyên phải chống các thế lực ngoại xâm nên người Việt sớm hình thành tư

duy và nghệ thuật quân sự. Nhờ vậy, với một quốc gia "đất không rộng, người không đông" nhưng đã đánh bại nhiều kẻ thù hùng mạnh hơn mình nhiều lần. Đó là sự thật lịch sử. Tuy nhiên, người Việt Nam, dân tộc Việt Nam rất chuộng hòa bình, yêu lao động và giàu lòng nhân ái. Đánh thắng kẻ thù, họ vẫn quyết "mở lượng hiếu sinh", cấp thuyền, cấp ngựa cho chúng về quê. Thậm chí, vong hồn của kẻ bại trận vẫn được hương khói bởi triết lý, đó cũng là đồng loại.

Dù thời gian để xây dựng không nhiều và nội lực phần lớn phải ưu tiên cho công cuộc bảo vệ đất nước, song dân tộc Việt Nam đủ sức để phát triển giang sơn, xã tắc của mình càng ngày càng tươi đẹp. Những người có công với làng, với nước, dù trong lĩnh vực nào đều được nhân dân ghi tạc, tôn vinh là anh hùng dân tộc.

Thứ sáu, yêu nước Việt Nam còn là hành động vì lợi ích chân chính của dân tộc và đó là biểu hiện tình cảm và khát vọng cao nhất trong mỗi con người Việt Nam.

Lòng yêu nước của nhân dân ta thời nào cũng có, song không chỉ dừng lại ở tình cảm mà còn trở thành động lực thôi thúc con người hành động vì Tổ quốc. Do vậy, biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước là hành động xả thân vì lợi ích của đất nước. Người Việt Nam tôn vinh Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... bởi họ là hiện thân không chỉ của khát vọng, tình cảm mà còn là hiện thân của những hành động anh hùng vì đất nước. Trong số họ, Hồ Chí Minh là biểu hiện vinh quang và chói lọi nhất, bởi Người là sự hội tụ những gì tinh hoa nhất của truyền thống Việt Nam. Người không chỉ có tình yêu Tổ quốc nồng nàn mà còn có một ý chí, một quyết tâm cứu nước cháy bỏng. Tình cảm ấy, ý chí ấy đã đưa Người đến những hành động thực tế, làm thay đổi thân phận nô lệ của đất nước, làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có sức mạnh hiện thực để giải quyết các yêu

cầu mà dân tộc đặt ra. Vì lẽ ấy, chúng ta trân trọng tình cảm của mọi người đối với quê hương, đất nước, song phải tạo điều kiện để tình cảm ấy chuyển thành hành động thực tế. Có như vậy, yêu nước mới có sức mạnh hiện thực.

Truyền thống yêu nước đã trở thành tài sản tinh thần quý báu của dân tộc ta, thành nội lực tiềm ẩn trong nhân dân. Tuy nhiên, sức mạnh và ảnh hưởng của nó đến đâu còn phụ thuộc vào khả năng đánh thức, hiện thực hóa và phát huy của các thế hệ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *Nhân dân ta sẵn có truyền thống tốt đẹp là lao động cần cù... lại có tinh thần yêu nước nồng nàn. Chúng ta cần phát huy truyền thống và tinh thần ấy.* Kế thừa, phát huy truyền thống của cha ông, trong đó có truyền thống yêu nước là đạo lý của dân tộc, là đòi hỏi bức thiết của thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Để kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc trong thời kỳ phát triển mới, chúng ta cần quan tâm đến các vấn đề cơ bản sau:

Một là, cụ thể hóa các phương thức biểu hiện của yêu nước để mọi người dễ hiểu, dễ thực hiện.

Tinh thần yêu nước chỉ trở thành sức mạnh khi nó được hiện thực hóa thành các hành động hiện thực cụ thể, thành các phong trào xã hội. Mặt khác, yêu nước ở mỗi người, mỗi hoàn cảnh, mỗi vị trí khác nhau đều có biểu hiện khác nhau. Bác Hồ dạy: "Từ những chiến sỹ ngoài mặt trận... đến những công chức ở hậu phương..., từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sỹ săn sóc yêu thương bộ đội... Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất... đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước"⁽¹⁾.

Dù các hình thức và phương thức thể hiện lòng yêu nước ở mỗi người, mỗi lĩnh vực khác nhau, phong phú, muôn hình, muôn vẻ song đều vì sự trường tồn và lớn mạnh của đất nước, con người và nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hiện nay, *từ góc nhìn kinh tế*, yêu nước không phải là cao xa trừu tượng, mà tùy từng điều kiện của từng người vươn lên rửa cái nhục nghèo nàn, lạc hậu, tham gia một cách hiệu quả vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Yêu nước trong thời kỳ kinh tế mở cửa chính là khẳng định vị trí của nước mình trên trường quốc tế bằng các thương hiệu hàng hóa chất lượng cao mang nhãn hiệu Việt Nam. Yêu nước chính là cần cù, sáng tạo, tiết kiệm, kỷ luật trong lao động, không ngừng học hỏi, nâng cao tay nghề, áp dụng tri thức khoa học, công nghệ tiên tiến, đạt năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao. Yêu nước là sự không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp nhà nước v.v.

Từ góc độ an ninh – quốc phòng, truyền thống yêu nước được thể hiện ở khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, ở việc phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, sáng tạo vượt khó của quân đội và công an nhân dân; ở việc phát huy tinh thần cảnh giác trong nhân dân nhằm phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi các tội phạm và tệ nạn xã hội... Yêu nước trong tình hình hiện nay cũng chính là góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ an ninh quốc phòng trên từng địa phương, từng địa bàn, từng lĩnh vực tùy theo điều kiện của mỗi con người.

Từ góc độ xã hội, yêu nước thể hiện ở tinh thần đấu tranh chống lại những cái xấu, cái bảo thủ, trì trệ trong cách nghĩ, cách làm; chống những hủ tục, thói quen lạc hậu,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995, t 6, tr 172

phản khoa học; chống cách làm ăn gian lận, bất chính. Ngăn chặn những biểu hiện chống phá của các thế lực thù địch trong "chiến lược diễn biến hòa bình"... Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, yêu nước chính là dũng cảm đấu tranh chống lại nạn tham nhũng, quan liêu của một số cán bộ được coi như một thứ giặc "nội xâm" giấu mặt, bảo vệ công lý, bảo vệ sự trong sạch của bộ máy đảng và nhà nước...

Thực chất mọi dấu hiệu đồng thuận với mục tiêu vì một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đều là yêu nước và mọi biểu hiện cản trở mục tiêu ấy là đi ngược lại với tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc.

Hai là, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy tinh thần yêu nước trong mỗi người dân, trước hết công việc này được thực hiện qua môi trường nhà trường.

Thông qua các bài học về văn học, lịch sử, đạo đức, giáo dục công dân... để giáo dục, tuyên truyền khơi dậy lòng yêu nước cho thế hệ trẻ. Trên thực tế mọi người đều biết đó là những môn học bắt buộc ở hầu hết các cấp học, song qua bài thi học sinh giỏi văn của một số học sinh lớp 11, kết quả kỳ thi đại học môn lịch sử năm 2005 vừa qua khiến không ít người băn khoăn day dứt. Thực tế này cho thấy chúng ta cần có những cải tiến về nội dung, phương thức biểu đạt sao cho thế hệ trẻ thấm đượm sâu sắc văn ta, sử ta, tâm hồn người Việt Nam chúng ta.

Bằng các hoạt động của các đoàn thể, xã hội tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước đến với mọi đối tượng như việc treo băng rôn, khẩu hiệu, qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, thông qua các hoạt động văn hóa, lễ hội, du lịch... Việt Nam có đền, chùa, di tích miếu thờ thần... rất phong phú. Hầu hết các thần tích đều gắn với công

cuộc trị thủy, mở mang bờ cõi, chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Ngoài giá trị văn hóa vật thể, những nơi này cũng trở thành các địa chỉ sống động để giáo dục truyền thống yêu nước của cha ông nếu chúng ta biết khai thác một cách hợp lý. Những năm gần đây đời sống của đa số nhân dân được nâng lên, nhu cầu du lịch của người dân tăng cao. Đây cũng chính là môi trường hữu hiệu để giáo dục, khơi dậy tinh thần yêu nước trong quần chúng nhân dân.

Tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước hiện nay cần tập trung ở chiều sâu với những hình thức biểu đạt tự nhiên, tinh tế qua các tác phẩm văn học - nghệ thuật.

Ba là, đa dạng hóa những hình thức khen thưởng, nêu gương những cá nhân, tập thể yêu nước điển hình.

Trong chiến tranh chống ngoại xâm, dũng cảm chiến đấu, hy sinh đánh giặc là anh hùng thì trong hòa bình những con người trung thực, sáng tạo dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu, cái bảo thủ, lạc hậu cũng được coi là dũng sỹ tiên phong được xã hội tôn vinh, dư luận ca ngợi. Có nhiều hình thức tôn vinh những con người vượt khó, làm ăn giỏi. Hiện nay, chúng ta có gần ba triệu bà con người Việt ở nước ngoài. Phần lớn trong số họ không quên nguồn cội dân tộc. Chúng ta cần tạo điều kiện để không chỉ người trong nước mà cả những người con xa quê hương đều có cơ hội để thể hiện lòng yêu quê hương đất nước của mình.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới. Yêu nước cũng như nhiều giá trị tinh thần truyền thống khác cần được nuôi dưỡng, phát huy bằng nhiều phương thức phù hợp để có thể phát huy được sức mạnh trên thực tế vì công cuộc đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. □



XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở NƯỚC TA

TÔ HUY RỬA*

TRONG sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa hiện nay, việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa đang trở thành một yêu cầu cấp thiết. Đây chính là thực hiện *chính sách kinh tế trong văn hóa* do Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm, khóa VIII nêu ra. Công nghiệp văn hóa là việc sản xuất, tái sản xuất và truyền bá các dịch vụ văn hóa và sản phẩm văn hóa được tạo ra bằng phương thức công nghiệp hóa, tin học hóa, thương phẩm hóa. Là ngành nghề sản xuất sản phẩm văn hóa và cung cấp dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa lấy sự thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mọi người làm mục tiêu chủ yếu. Về phạm vi của ngành nghề, công nghiệp văn hóa bao gồm ngành sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật, dịch vụ tin tức, vui chơi giải trí, đào tạo văn nghệ sỹ và kinh doanh tác phẩm nghệ thuật, ngành phát hành, xuất bản, ngành phát thanh truyền hình, điện ảnh, vi-di-ô, quảng cáo...

Công nghiệp văn hóa là loại hình công nghiệp phát triển đặc biệt mạnh mẽ vào giữa thế kỷ XX. Đó là sản phẩm kết hợp chặt chẽ giữa kỹ thuật cao với sự nghiệp văn hóa, thể hiện xu thế kinh tế và văn hóa thấm sâu vào nhau. Trong thế kỷ XX, những thành tựu về

kỹ thuật xuất bản, băng ghi âm ghi hình, sắp chữ điện tử, mạng lưới truyền thông và kỹ thuật số được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực văn hóa đã làm cho sản phẩm văn hóa nghệ thuật được sản xuất với khối lượng lớn, tạo thành một thị trường rộng lớn. Đó chính là những tiền đề vật chất đặt nền móng cho việc hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa. Việc sử dụng các phương thức quản lý kinh doanh và hình thức tổ chức hiện đại, cùng với việc vận dụng và mở rộng quy tắc kinh tế thị trường trong lĩnh vực văn hóa đã đẩy nhanh tính cấp thiết phải xây dựng ngành công nghiệp văn hóa.

Phát triển công nghiệp văn hóa đang dần trở thành nhận thức chung của nhiều quốc gia. Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong hệ thống kinh tế của nhiều nước đã được nâng lên với tốc độ nhanh và công nghiệp văn hóa trở thành một ngành công nghiệp trụ cột trong nhiều nền kinh tế. Theo UNESCO, giá trị các sản phẩm của công nghiệp văn hóa được thực hiện trong thương mại toàn cầu đã

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tăng gấp 3 lần trong khoảng thời gian từ năm 1980 đến năm 1991, từ 67 tỉ USD lên 200 tỉ USD. Lợi nhuận khổng lồ của công nghiệp văn hóa đã khiến cho rất nhiều doanh nghiệp lớn trên thế giới đua nhau tham gia. Một trong những mũi nhọn xuất khẩu của Mỹ chính là ngành vui chơi - giải trí. Chỉ tính riêng doanh thu của kinh đô điện ảnh Hô-li-út, năm 1997 đã lên tới 30 tỉ USD. Sự xuất khẩu của những sản phẩm văn hóa ngày càng phong phú ra thế giới tác động mạnh đến văn hóa dân tộc của các nước đang phát triển.

1 - Sự tìm tòi phát triển của công nghiệp văn hóa ở nước ta hiện nay

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, nhận thức của chúng ta đối với văn hóa có những thay đổi đáng kể và sâu sắc hơn. Một mặt, chúng ta chú ý đến việc phát huy những giá trị tinh thần cao đẹp, những giá trị văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; mặt khác việc xây dựng văn hóa phải thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải chú trọng thích đáng đến việc hạch toán giá thành, nâng cao hiệu quả kinh tế. Trong môi trường kinh tế thị trường tuyệt đại đa số các sản phẩm văn hóa đều trở thành hàng hóa, được bán rộng rãi; các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng văn hóa đều phải thích nghi với quá trình chu chuyển và quy tắc chung của kinh tế thị trường. Sự kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế, sự tương hỗ và thẩm thấu giữa việc xây dựng văn hóa với xây dựng kinh tế là sự thể hiện nổi bật đặc tính công nghiệp của văn hóa. Mục tiêu quan trọng của phát triển công nghiệp văn hóa chính là việc đưa cơ chế công nghiệp vào xây dựng văn hóa, thực hiện sự phát triển ổn định lâu dài và khả năng tích lũy của văn hóa, hình thành cơ chế mở rộng tái

sản xuất trong phát triển văn hóa. Đây là con đường còn khá mới mẻ của sự nghiệp xây dựng văn hóa trong thời kỳ mới.

Thực ra, ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ở nước ta đã bắt đầu xuất hiện quan niệm mới về lao động văn hóa - nghệ thuật, khi coi đó là một loại hàng hóa đặc biệt và bắt đầu tìm tòi những phương thức mới nhằm phát triển văn hóa - nghệ thuật dưới điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Trong một số lĩnh vực như điện ảnh, sân khấu, xuất bản đã đòi hỏi cần hạch toán để sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư. Các hoạt động "lấy thu bù chi" và kinh doanh có lãi chính là sự đổi mới cơ chế cung - cầu xuất hiện trong lĩnh vực văn hóa khi đó. Nó đã thức tỉnh ý thức thị trường của người làm văn hóa. Đã có sự tham gia của các hãng phim, các sân khấu nghệ thuật các nhà xuất bản tư nhân. Trước sự bùng nổ của các hoạt động này, Nhà nước đã ban hành những quy định, quy chế về cải tiến quản lý sân khấu nhạc nhẹ, quản lý vũ hội, chính thức cho phép những hoạt động kinh doanh ngành vui chơi giải trí văn hóa. Thị trường văn hóa đã dần phát triển cùng với ý thức xây dựng ngành công nghiệp văn hóa từng bước được hình thành. Đến nay, một số ngành như điện ảnh, xuất bản, sân khấu, biểu diễn nghệ thuật... đang từng bước đi vào thị trường, thực hiện xã hội hóa rộng rãi. Đây là bước tiến đáng chú ý và đáng khích lệ để tiến hành việc xây dựng ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta.

Tuy nhiên, trong những chặng đường đầu tiên, hàng loạt vấn đề đặt ra cần giải quyết về nhận thức lý luận. Chẳng hạn như mâu thuẫn giữa các giá trị văn hóa vốn mang tính trừu tượng, định tính với hiệu quả kinh tế thị trường vốn mang tính cụ thể, định lượng;

mâu thuẫn giữa tính cấp bách của phát triển văn hóa với nhận thức lạc hậu của nhiều người đối với công nghiệp văn hóa; mâu thuẫn giữa khả năng tăng trưởng nhanh chóng của tiêu dùng văn hóa với sự lạc hậu của phương thức sản xuất văn hóa, cơ chế kinh doanh văn hóa chưa có sự linh hoạt và đồng bộ; mâu thuẫn giữa nhu cầu bức thiết của công nghiệp văn hóa và hệ thống chính sách không nhất quán dẫn tới sự chia cắt giữa các ngành nghề, các khu vực theo lối mạnh ai nấy làm; mâu thuẫn giữa nhu cầu rất lớn của công nghiệp văn hóa với tiền vốn và nguồn vốn xã hội chưa thu hút được. Rõ ràng, đã đến lúc cần có nhận thức mới đối với tầm quan trọng của công nghiệp văn hóa.

2 – Ý nghĩa quan trọng của phát triển công nghiệp văn hóa

Hiện nay sức mạnh tổng hợp của đất nước đang tăng lên, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân được nâng cao và trong tình hình nhiều loại tư tưởng văn hóa tác động lẫn nhau trong phạm vi thế giới thì ý nghĩa của việc phát triển thật nhanh ngành công nghiệp văn hóa ngày càng trở nên bức thiết. Có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, xây dựng công nghiệp văn hóa là tiền đề hết sức quan trọng để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng và Nhà nước ta coi việc xây dựng văn hóa phải đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Hai việc này phải nâng đỡ bổ sung cho nhau. Việt Nam muốn hiện đại hóa không những phải có sự phồn vinh về kinh tế mà còn phải có sự phồn vinh về văn hóa. Cho nên công nghiệp văn hóa lấy phương thức sản xuất hiện đại hóa làm đặc trưng là cực kỳ quan trọng trong quá trình thực hiện mục tiêu này.

Xây dựng công nghiệp văn hóa là tiền hành xây dựng văn hóa trong tình hình mới,

sử dụng điều kiện thuận lợi của cơ chế thị trường và kỹ thuật cao để tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của sự nghiệp văn hóa - nghệ thuật. Việc phát triển văn hóa thích ứng với sự phát triển của xã hội cần có cơ chế công nghiệp; việc thu hút kỹ thuật mới sáng tạo sản phẩm văn hóa càng cần phải có cơ chế công nghiệp. Tận dụng cơ chế công nghiệp và thông qua thị trường để khai thác tài nguyên văn hóa, công nghiệp văn hóa có năng lực mở rộng tái sản xuất, giải phóng và phát triển sức sản xuất văn hóa. Phải thông qua phát triển công nghiệp văn hóa mới có thể không ngừng thỏa mãn nhu cầu văn hóa ngày càng cao và đa dạng của quần chúng nhân dân. Cùng với sự tăng trưởng thu nhập của người dân, sự tăng lên của tỷ trọng chi cho vui chơi văn hóa và sự tăng nhiều lên của thời gian tiêu dùng văn hóa, tổng lượng tiêu dùng văn hóa nâng cao lên nhanh chóng thì tính chọn lựa của mọi người đối với sản phẩm văn hóa cũng ngày một nhiều lên. Thực tế ấy chỉ có thể trông chờ vào sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp văn hóa vì chỉ có công nghiệp văn hóa mới có khả năng tạo nên hệ thống sản xuất và phục vụ văn hóa nhiều chủng loại, nhiều cấp độ, nhiều loại hình; mới có thể đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng đa dạng hóa, đẩy nhanh việc phổ cập văn hóa.

Phát triển công nghiệp văn hóa là nhu cầu của phát triển kinh tế quốc dân và xã hội. Mục tiêu của chúng ta là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó việc phát triển công nghiệp văn hóa sẽ thúc đẩy việc xây dựng và kiện toàn thể chế văn hóa thích ứng với thể chế kinh tế thị trường. Những việc làm đó sẽ tác động trực tiếp tới tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đầy đủ công nghiệp văn hóa có thể tới

ưu hóa kết cấu công nghiệp nhà nước, xúc tiến việc điều chỉnh kết cấu kinh tế quốc dân. Công nghiệp văn hóa là một ngành công nghiệp có khả năng rõ rệt về mặt xúc tiến việc làm. Mặt khác, phát triển công nghiệp văn hóa sẽ thúc đẩy việc nâng cao văn hóa quốc dân và thực hiện tiến bộ xã hội, tạo ra sự phát triển nhịp nhàng giữa kinh tế và văn hóa, hình thành môi trường văn hóa tốt đẹp.

Phát triển công nghiệp văn hóa cũng là con đường để văn hóa Việt Nam tham gia cạnh tranh trên thị trường văn hóa quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước. Là một bộ phận hợp thành quan trọng của sức mạnh tổng hợp đất nước, văn hóa ngày càng trở thành "quyền lực mềm" có vai trò không thể thay thế. Trình độ phát triển công nghiệp văn hóa dần dần trở thành tiêu chí quan trọng để xác định trình độ phát triển văn hóa đất nước. Đó là lý do mà nhiều quốc gia chú trọng thúc đẩy chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa của nước mình. Hơn nữa, trong bối cảnh cần giữ chủ quyền và tính độc lập của văn hóa thì Việt Nam muốn chống lại ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai nhất là sự xâm thực của nhiều hiện tượng phản văn hóa thì phải đẩy nhanh việc xây dựng công nghiệp văn hóa, nâng cao sức cạnh tranh và tỷ lệ thị phần quốc nội trong thị trường hàng hóa văn hóa. Hiện nay chủ nghĩa tư bản quốc tế có mưu đồ lợi dụng ưu thế công nghiệp văn hóa của nước mình thúc đẩy việc bá quyền văn hóa trong cạnh tranh thị trường văn hóa quốc tế. Đối mặt với tình hình gay gắt như vậy nước ta phải biết sử dụng và phát huy tối đa tài nguyên văn hóa độc đáo của mình, đẩy mạnh xây dựng công nghiệp văn hóa dân tộc, từng bước chiếm lấy thị phần nhất định trong thị trường văn hóa quốc tế góp phần bảo vệ chủ quyền và an ninh văn hóa của nước ta,

thúc đẩy sự tiến bộ và phồn vinh của văn hóa dân tộc.

3 – Phải đổi mới hơn nữa để có bước phát triển trong việc xây dựng ngành công nghiệp văn hóa

Trước hết, chúng ta yêu cầu những đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp làm công việc sản xuất sản phẩm tinh thần phải tiếp tục đặt hiệu quả xã hội lên hàng đầu, sau đó mới chú trọng đến hiệu quả kinh tế. Cùng với sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc lưu thông sản phẩm tinh thần ngày càng liên hệ chặt chẽ với các quy luật của cơ chế thị trường, vấn đề hiệu quả kinh tế trở nên nổi bật. Hiệu quả kinh tế tốt, chúng có lợi cho việc phát triển tự thân của văn hóa. Mục đích căn bản phát triển của việc xây dựng công nghiệp văn hóa của chúng ta không phải là để kiếm tiền mà là để nâng cao tố chất văn hóa khoa học của nhân dân, xây dựng con người với 5 đức tính cơ bản mà Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đã nêu ra, bảo đảm xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta. Xây dựng công nghiệp văn hóa không thể đi chệch hướng với những mục tiêu căn bản này. Chúng ta phải nhìn thấy sáng tạo vĩ đại của nhân dân Việt Nam mấy nghìn năm nay với nguồn tài nguyên văn hóa vô cùng phong phú đã tích lũy được và sự phát triển nhanh chóng của xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới tới nay. Nước ta có điều kiện để phát triển thành nước có ngành công nghiệp văn hóa. Để làm việc này phải thực hiện những khâu căn bản dưới đây:

a – Trước hết cần đổi mới tư duy xây dựng quan niệm mới về phát triển công nghiệp văn hóa

Muốn xây dựng công nghiệp văn hóa trước hết phải đổi mới quan niệm của chúng

ta về lĩnh vực mới mẻ này. *Một là*, phải thay đổi tư tưởng coi sự nghiệp văn hóa là ngành nghề phi sản xuất. Trước đây có quan niệm cho rằng sự nghiệp văn hóa là ngành nghề phi sản xuất không thể đem lại của cải cho xã hội. Về cơ bản Chính phủ cung cấp phúc lợi miễn phí cho quần chúng nhân dân. Đổi mới tư duy là phải coi sự nghiệp văn hóa cũng là một ngành sản xuất, có khả năng tạo ra các sản phẩm tinh thần cao đẹp, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực. *Hai là*, phải nhìn đúng các vấn đề xuất hiện trong thị trường văn hóa. Pháp luật, cơ chế, thể chế và ý thức quần chúng của nước ta đang ở vào thời kỳ biến đổi nhanh chóng. Trong thị trường văn hóa khó tránh khỏi xuất hiện các vấn đề phức tạp. Không thể vì tồn tại nhiều vấn đề phức tạp mà phủ định thị trường văn hóa, làm ảnh hưởng đến việc tìm tòi xây dựng công nghiệp văn hóa. *Ba là*, phải tạo dựng một cách vững chắc quan niệm mới về công nghiệp văn hóa, mạnh dạn tìm tòi mô hình mới hiệu quả. Phát triển công nghiệp văn hóa là một biến đổi quan trọng đối với phương thức phát triển văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa là một công việc hoàn toàn mới mẻ trong xây dựng văn hóa, đòi hỏi chúng ta phải mạnh dạn, táo bạo tìm ra những bước đi sao cho vững chắc và hiệu quả nhất

b – Tạo ra sự chuyển biến về hệ thống chính sách và cơ chế quản lý văn hóa khoa học

Công nghiệp văn hóa là một ngành công nghiệp, vì thế nó cần đến một hệ thống chính sách phù hợp. Trình độ quản lý hành chính về văn hóa trực tiếp tác động vào sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Về đường lối quản lý, phải tiến lên từ *làm* văn hóa từ *mong cho* văn hóa là chính đến *quản* văn hóa là chính. Trong tình hình mới, việc quản lý văn hóa đòi hỏi phải có hành lang pháp lý thuận lợi

cho quá trình sản xuất và tiêu dùng văn hóa. Đối tượng quản lý chủ yếu phải là thị trường, cơ chế quản lý khoa học phải có khả năng kiểm soát thị trường, thị trường dẫn dắt doanh nghiệp. Về phương pháp quản lý, lấy quản lý vĩ mô làm chính, quản lý vi mô làm phụ. Về biện pháp quản lý, vừa tổng hợp cả những biện pháp về kinh tế và pháp luật, hành chính, giáo dục, dư luận, tin tức.

Việc đổi mới cơ cấu quản lý văn hóa của Nhà nước nhất định phải tuân theo nguyên tắc thống nhất, tinh giản, hiệu quả, tiến hành tổ chức lại một cách khoa học các tổ chức quản lý văn hóa để cho việc quản lý phù hợp với quy luật phát triển văn hóa và xây dựng công nghiệp văn hóa.

c – Thúc đẩy cải cách các đơn vị sự nghiệp văn hóa

Nhiệm vụ cấp bách nhất và khó khăn nhất trong việc xây dựng công nghiệp văn hóa là việc xác lập vị trí của đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp văn hóa như là chủ thể công nghiệp văn hóa. Tình hình phát triển của chủ thể công nghiệp văn hóa trực tiếp quyết định trình độ phát triển của công nghiệp văn hóa. Phải căn cứ vào tinh thần thúc đẩy nhanh đổi mới doanh nghiệp nhà nước để đẩy nhanh đổi mới đơn vị sự nghiệp văn hóa. Chúng ta có thể chia đơn vị xí nghiệp sự nghiệp văn hóa chủ yếu thành hai loại lớn mang tính công ích và phi công ích, lợi nhuận và phi lợi nhuận. Đối với các đơn vị văn hóa mang tính công ích như thư viện, nhà bảo tàng công cộng và đơn vị làm nghệ thuật (được nhà nước giúp đỡ), phải được đầu tư tài chính. Nhà nước nhất định phải giúp đỡ, nâng đỡ những đơn vị sự nghiệp này. Đối với đơn vị văn hóa có tính công ích dùng vào các hạng mục kinh doanh tự mình phát triển về mặt thuế phải thực hiện chính sách thuế suất bằng 0 hoặc thuế suất thấp. Đối với đơn vị công nghiệp phi công

ích (lợi nhuận) phải từng bước đưa họ vào thị trường thông qua cạnh tranh thị trường để thúc đẩy họ phát triển. Đã là đơn vị kinh doanh văn hóa thì phải đi sâu hơn nữa vào nền kinh tế thị trường, xây dựng tốt hơn nữa cơ chế quản lý kinh doanh hiện đại. Có thể áp dụng việc đầu tư tài chính giảm dần hàng năm cho tới khi hoàn toàn xóa bỏ sự hỗ trợ, đầu tư kinh phí của Nhà nước. Doanh nghiệp sau khi đổi mới cơ chế phải nâng cao trách nhiệm kinh doanh, tăng cường quản lý nội bộ, thu hút mạnh mẽ vốn và công nghệ hiện đại, thu nhập của người lao động ngày càng tăng lên.

d – Có chính sách xây dựng công nghiệp văn hóa

Căn cứ vào thực trạng văn hóa hiện nay của nước ta với trình độ phát triển tổng thể của kinh tế quốc dân và tính cấp bách của xây dựng công nghiệp văn hóa trước mắt, cần có sự nâng đỡ tích cực của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng công nghiệp văn hóa. *Một là*, định ra chính sách sử dụng tài nguyên văn hóa, chính sách thuế tài chính, chính sách bồi dưỡng nhân tài về văn hóa nghệ thuật, chính sách xã hội hóa, nhằm tạo môi trường rộng thoáng cho sự phát triển công nghiệp văn hóa. *Hai là*, định ra các chính sách về kết cấu công nghiệp văn hóa, chính sách tổ chức quản lý và chính sách phân bố khu vực, ngành nghề văn hóa. Phải đặc biệt chú trọng chính sách phát triển khoa học kỹ thuật, dựa vào tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao trình độ công nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổ chức và kết cấu của công nghiệp văn hóa phải chủ yếu dựa vào thị trường để tiến hành điều tiết. Chính phủ phải tăng cường xây dựng các cơ chế, chính sách để bù đắp cho sự thiếu hụt của điều tiết thị trường, thúc đẩy tổ chức và bố cục hợp lý. *Ba là*, xây dựng hệ thống pháp lý nhằm bảo đảm thực hiện

chính sách công nghiệp văn hóa. Chính sách công nghiệp văn hóa một khi đã xây dựng nên thì phải có hiệu lực pháp lý. Thể chế hóa các chính sách văn hóa nhằm phát huy vai trò quy phạm, chỉ đạo và xúc tiến việc xây dựng công nghiệp văn hóa phát triển.

e – Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phát huy và quy phạm hóa thị trường văn hóa

Công nghiệp hóa kiểu mới là loại hình công nghiệp tập trung trí thức và tập trung vốn. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là yếu tố bảo đảm cho thị trường văn hóa phát triển lành mạnh, trực tiếp quyết định sự tồn tại và phát triển của công nghiệp văn hóa. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là điều kiện tất yếu để phát triển công nghiệp văn hóa. Muốn thế phải hoàn thiện hơn nữa quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích sáng tạo văn hóa mới.

Thị trường văn hóa có phát triển tốt đẹp và có trật tự lành mạnh hay không trực tiếp quyết định sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Vì vậy tăng cường quản lý thị trường văn hóa chính là nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho công nghiệp văn hóa phát triển. Nhà nước cần quan tâm phát triển thị trường văn hóa, coi trọng xây dựng cơ sở thị trường văn hóa, xây dựng hệ thống lưu thông hàng hóa văn hóa hiện đại. Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống pháp luật về thị trường văn hóa. Kiên quyết đấu tranh với các hoạt động kinh doanh văn hóa phi pháp, bảo đảm tính hợp pháp của chủ thể kinh doanh thị trường văn hóa trong hoạt động xuất nhập hàng hóa văn hóa và giao dịch giữa người kinh doanh và người tiêu dùng, từng bước hình thành cơ chế quản lý văn hóa có lợi cho thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa phát triển lành mạnh tốt đẹp. □

ĐỂ KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA MỘT BỘ PHẬN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

TRẦN QUANG NHIẾP

ĐẢNG ta là Đảng cầm quyền. Sức mạnh của Đảng được thể hiện ở sức mạnh của từng đảng viên. Đây là sự hội tụ về nhận thức, ý chí và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng. Tuy nhiên, hiện nay do nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trong Đảng có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng quan liêu, lãng phí, tham nhũng có chiều hướng gia tăng... là những nguyên nhân quan trọng làm suy yếu Đảng. Thực tế đáng lo ngại này làm ảnh hưởng tới uy tín và sự lãnh đạo của Đảng ta hiện nay.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí hành động trong Đảng. Đây được xem như một trong những giải pháp tích cực để khắc phục sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

1 - Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của mỗi người

Nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao nhận thức, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, hình thành và củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên vào mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ đó giúp họ có đủ trình độ và khả năng thường xuyên giữ vững niềm tin cho chính mình và đấu tranh phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái của các lực lượng thù địch.

Nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết phải bảo đảm cho cán bộ, đảng viên nắm được một cách hệ thống; hiểu rõ bản chất cách mạng và khoa học của những nguyên lý, lý luận Mác - Lê-nin và biết vận dụng nó một cách sáng tạo vào thực tiễn đất nước để phân tích những hiện tượng phức tạp đang diễn ra. Đồng thời, thông qua đó khẳng định sức sống và giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay; khẳng định tính đúng đắn hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tin tưởng vào xu thế tất yếu và khả năng hiện thực của chủ nghĩa xã hội. Đây là vấn đề cơ bản,

cốt lõi nhất để xây dựng thể giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên hiện nay.

Nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh không dừng ở những nhận thức cảm tính mà phải chuyển hóa thành tình cảm, niềm tin, ý chí, động cơ và hành động cách mạng của mỗi cán bộ đảng viên. Từ đó tạo cơ sở để trước những diễn biến phức tạp ở trong nước và quốc tế cũng như những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày, cán bộ, đảng viên có khả năng phân tích, lý giải để phân biệt được đúng, sai, tốt, xấu, có bản lĩnh chính trị và lập trường tư tưởng vững vàng, nhân quan chính trị đúng đắn, thái độ chính trị dứt khoát, hành động kịp thời đấu tranh sắc bén với những người muốn bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bác bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để chúng ta bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2 - Tăng cường giáo dục về Đảng và đường lối, quan điểm của Đảng cho cán bộ, đảng viên

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, vừa là hạt nhân của hệ thống chính trị, vừa giữ vai trò lãnh đạo toàn xã hội. Thông qua hệ thống chính trị, Đảng quy tụ và phát huy sức mạnh của toàn dân; làm cho quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển của xã hội. Trong tiến trình cách mạng của nước ta suốt 75 năm qua, sự lãnh đạo của Đảng đã được thử thách và khẳng định điều đó.

Hiện nay, cần tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của Đảng thông qua việc giáo dục sâu sắc lịch sử Đảng; Điều lệ Đảng, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng trong quá trình

lãnh đạo cách mạng; những thành tựu của cách mạng do Đảng mang lại, qua đó giúp họ xác định động cơ đúng đắn khi đứng trong hàng ngũ Đảng, sẵn sàng cống hiến hy sinh cho sự nghiệp cách mạng cao cả của Đảng.

Tăng cường giáo dục về bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Ở nước ta, bản chất giai cấp công nhân của Đảng hòa quyện nhuần nhuyễn với tinh thần dân tộc. Giai cấp công nhân Việt Nam có quan hệ máu thịt với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân, các dân tộc. Lợi ích của Đảng, của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Giáo dục bản chất giai cấp công nhân của Đảng chính là giúp cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn những điều quan trọng đó.

Tăng cường giáo dục về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Đảng ta là một tổ chức chặt chẽ thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cao nhất, thực hiện tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng. Đây là những nguyên tắc được quán triệt và tuân thủ tuyệt đối trong tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Một đảng cách mạng chỉ vững mạnh khi nó được thực thi những nguyên tắc đó với tính kỷ luật cao, tự giác và thống nhất từ trên xuống dưới.

Điều quan trọng hiện nay là cần kiên quyết đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây rối, chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết trong Đảng, hoặc mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu làm suy yếu Đảng. Nếu xa rời hoặc nhận thức sai lệch nguyên tắc tập trung dân chủ là làm mất đi sức mạnh của tổ chức Đảng từ trong bản chất, từ trong nhận thức và hành động.

3 – Đổi mới phương thức giáo dục chính trị tư tưởng

Ngoài những chương trình học tập hệ thống, cần thông qua môi trường thực tiễn của xã hội để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên giúp họ vận dụng, kiểm nghiệm các tri thức lý luận đã tiếp thu ở nhà trường, đồng thời tự tổng kết, rút ra những tri thức, những kinh nghiệm cần thiết. Mặt khác, thực tiễn là môi trường thử thách đối với cán bộ, đảng viên về lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, lý tưởng và động cơ phấn đấu, ý thức trách nhiệm... Ở đây, những cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất suy thoái sẽ tự bộc lộ bản chất thật của mình và sẽ bị cuộc sống loại bỏ.

Mỗi cán bộ, đảng viên cùng một lúc có thể giữ nhiều cương vị công tác khác nhau, sinh hoạt trong nhiều tổ chức khác nhau. Cho nên công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải triển khai đồng bộ trong tổ chức của Đảng và các tổ chức chính trị, xã hội. Như vậy, giúp cho cán bộ, đảng viên không chỉ có nhận thức thống nhất về chính trị, tư tưởng, mà còn thống nhất trong ý chí và hành động, nhờ đó có thể tránh được nguy cơ suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Nhận thức khoa học về tư tưởng, chính trị, tình cảm cách mạng và niềm tin sâu sắc, hướng về một lý tưởng sống cao đẹp là tự mỗi cá nhân cảm nhận, tôn vinh và hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng cao cả đó. Vấn đề quan trọng là làm cho mỗi người cán bộ, đảng viên có ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình để từ đó tự giác, tích cực tu dưỡng, rèn luyện và phấn đấu. Chính nhờ tự giáo dục nên mỗi cán bộ, đảng viên có thể chiến thắng giấc "nội xâm" vượt qua những khó khăn, thử thách, những cám dỗ tầm thường của cuộc sống để không bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

4 – Thường xuyên tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên

Ở nước ta hiện nay, tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có nguyên nhân từ sự hạn chế nhận thức về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, không ít vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra cũng như trước những tư tưởng, quan điểm sai trái, phản động không phải không có những người không đủ trình độ phân tích, luận giải, đấu tranh dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút niềm tin vào lý tưởng, mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội dựa trên sự chỉ dẫn về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Những quan điểm rất cơ bản về chủ nghĩa xã hội được C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n, V.I.Lê-nin nêu ra cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Song đó chỉ là những nguyên lý chung nhất, phổ biến nhất, cơ bản nhất mang tính định hướng. Điều quan trọng là phải vận dụng lý luận đó sao cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Sự nghiệp đổi mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay lại hoàn toàn mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, nhiều vấn đề mới đặt ra hết sức phức tạp. Đó chính là những tác động không nhỏ đến tư tưởng, tình cảm, động cơ và ý chí phấn đấu của cán bộ, đảng viên. Do đó, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần được bổ sung, phát triển trước yêu cầu mới của thực tiễn.

Tăng cường tổng kết thực tiễn để rút ra những kết luận khoa học nhằm bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta chính là tạo tiền đề, điều kiện cho việc trang bị những tri thức khoa học cần thiết để nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên. Từ đó có thể ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, giảm sút lòng tin, tăng cường khả năng "miễn dịch" cho cán bộ, đảng viên trước sự tác động xấu bởi những tư tưởng, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

5 – Kết hợp giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống với việc quản lý cán bộ, đảng viên

Tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống trong bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay không chỉ có nguyên nhân từ sự hạn chế về nhận thức, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện mà còn có nguyên nhân rất quan trọng là sự quản lý thiếu chặt chẽ cán bộ, đảng viên của các tổ chức đảng. Do đó, để khắc phục tình trạng này, một mặt phải tăng cường công tác giáo dục; mặt khác phải đổi mới công tác quản lý cán bộ, đảng viên ngay từ mỗi tổ chức cơ sở đảng. Sự kết hợp có hiệu quả này là giải pháp tích cực để ngăn chặn sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay. Đổi mới công tác quản lý cán bộ, đảng viên bảo đảm sự giám sát chặt chẽ của tổ chức đảng đối với từng cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú.

Tăng cường trách nhiệm quản lý của cấp ủy theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy hiểu rõ và nắm chắc đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình. Nắm chắc đội ngũ cán bộ, đảng viên không chỉ nắm ưu điểm, nhược điểm của từng người mà còn kịp thời nắm được diễn biến tư tưởng, quan điểm và đạo đức, lối sống của họ. Thường xuyên đi sâu, đi sát thực tế để kiểm tra, xem xét, đánh giá việc chấp hành đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Không nên quản lý cán bộ, đảng viên chỉ thông qua báo cáo tổng kết và phân loại, bình bầu các danh hiệu hằng năm mà cần tổ chức những cuộc đối thoại cởi mở, dân chủ với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; lắng nghe ý kiến nhận xét của nhân dân về cán bộ, đảng viên. Phải coi uy tín của cán bộ, đảng viên đối với quần chúng là một tiêu chí để đánh giá cán bộ, đảng viên.

Thực hiện dân chủ, công khai và tiếp thu thông tin từ nhiều phía trong việc đánh giá

cán bộ, đảng viên. Đánh giá cán bộ đúng sẽ là điều kiện, là cơ sở cho việc quy hoạch, lựa chọn, bố trí và sử dụng cán bộ. Ngược lại, nếu đánh giá cán bộ sai, tất yếu sẽ dẫn đến sai lầm trong việc lựa chọn, quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ và hậu quả sẽ thật khôn lường. Để đánh giá đúng cán bộ, đảng viên, cấp ủy phải có quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử, cụ thể và thật sự công tâm, trung thực. Khi nhận xét đánh giá cán bộ, đảng viên cần xem xét về phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, tác phong, lối sống, ưu, nhược điểm trong quá trình công tác và các mối quan hệ xã hội của người được đánh giá. Phải nắm vững diễn biến tư tưởng của họ trong những thời điểm lịch sử có tính bước ngoặt của tình hình. Đánh giá cán bộ, đảng viên không chỉ là trách nhiệm của các cấp quản lý mà còn phải coi trọng và biết sử dụng tốt các kênh thông tin khác như: chi bộ; người cộng sự, quần chúng nhân dân nơi cư trú của cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội.

Cần thực hiện dân chủ khi nhận xét, đánh giá và thông báo công khai cho cán bộ, đảng viên. Người được đánh giá có quyền phản hồi, bảo lưu ý kiến đánh giá về bản thân mình, nhưng phải chấp hành khi đã có kết luận của cấp có thẩm quyền.

Quản lý tốt các quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần gắn với thị trường và mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên ngày càng mở rộng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không loại trừ khả năng các thế lực thù địch thông qua nhiều hình thức để mua chuộc, lôi kéo làm tha hóa cán bộ, đảng viên. Quan hệ xã hội của nhiều cán bộ, đảng viên ngày càng phong phú, phức tạp và trở nên khó kiểm soát hơn.

Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện chế độ báo cáo của đảng viên với tổ chức đảng, chính quyền khi

tham gia bất kỳ tổ chức xã hội nào và phải được tổ chức đồng ý là yêu cầu rất cần thiết, không thể bỏ qua. Như vậy, phải duy trì hình thức sinh hoạt đảng đều đặn, có nền nếp, có chất lượng; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, thực hiện có chất lượng công tác kiểm tra các hoạt động của đảng viên.

Đổi mới công tác lập và quản lý hồ sơ của cán bộ, đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng. Thực tế cho thấy, chính vì buông lỏng quản lý và sự quan liêu trong công tác quản lý hồ sơ của cán bộ, đảng viên nên cấp ủy không nắm được cán bộ, đảng viên, không theo dõi kịp thời những diễn biến tư tưởng và hành động của họ dẫn đến sử dụng, bố trí một số cán bộ kém đạo đức, sa sút phẩm chất chính trị, non yếu về trình độ chuyên môn và năng lực hoạt động vào những cương vị lãnh đạo, quản lý. Nhiều khi số cán bộ này bị tha hóa, biến chất nhưng vẫn nằm ngoài vòng kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng và pháp luật Nhà nước nhưng không bị tổ chức đảng phát hiện và xử lý nghiêm. Việc lập hồ sơ một cách khoa học với những quy định chặt chẽ, cụ thể không chỉ giúp cho cơ quan đảng hiểu về tiểu sử bản thân của cán bộ, đảng viên mà còn nắm chắc quá trình đào tạo, học tập, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu và cống hiến cho cách mạng của cán bộ, đảng viên qua các thời kỳ khác nhau.

6 – Kết hợp giáo dục, thuyết phục với kiểm tra xử lý nghiêm những người vi phạm nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước

Công tác kiểm tra có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng đảng nói chung và trong đấu tranh khắc phục sự suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của bộ phận cán bộ, đảng viên nói riêng. Nó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, làm cho sự lãnh đạo gắn bó với thực tiễn, bảo đảm sự thống nhất giữa đường lối, chính sách

với việc tổ chức thực hiện; giữa lời nói và việc làm; giúp cấp ủy, tổ chức Đảng khắc phục bệnh quan liêu, chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo, ngăn chặn sự chia rẽ, mất đoàn kết và suy thoái của cán bộ, đảng viên.

Để thực hiện tốt điều đó chúng ta cần nâng cao nhận thức về vai trò của công tác kiểm tra đối với việc ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái của cán bộ, đảng viên hiện nay. Công tác kiểm tra phải trở thành công việc thường xuyên, trực tiếp hằng ngày của các cấp ủy, của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, chứ không chỉ của cơ quan tham mưu, ủy ban kiểm tra các cấp. Nội dung công tác kiểm tra của Đảng cần tập trung chủ yếu vào kiểm tra việc chấp hành và thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; kiểm tra dấu hiệu vi phạm và hành vi vi phạm của các tổ chức Đảng, của cán bộ, đảng viên, đấu tranh khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống nhất là đối với các quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Tập trung làm rõ những biểu hiện và mức độ của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, trong đó lưu ý những biểu hiện như thiếu thống nhất về nền tảng tư tưởng, đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật; phai nhạt lý tưởng cách mạng, mơ hồ về bản chất giai cấp của Đảng, dao động hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, đi ngược lại đường lối của Đảng. Kịp thời phát hiện và đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội chính trị, vi phạm nguyên tắc, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; những kẻ tha hóa, biến chất về đạo đức, lối sống.

Công tác kiểm tra cần xây dựng kế hoạch chi tiết, nắm vững những vấn đề chủ yếu,

những đối tượng cụ thể để xử lý, giải quyết dứt điểm ở từng tổ chức và từng cá nhân vi phạm nguyên tắc, Điều lệ Đảng. Phối hợp công tác kiểm tra của cơ quan tham mưu về công tác tư tưởng với ủy ban kiểm tra các cấp để kịp thời phát hiện dấu hiệu và mức độ suy thoái về tư tưởng, chính trị đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Phối hợp các hình thức kiểm tra, coi trọng cả kiểm tra thường xuyên, đột xuất, định kỳ và kiểm tra trực tiếp, gián tiếp.

Thực hiện những vấn đề nêu trên, chi bộ có vị trí vai trò rất quan trọng. Thường xuyên lấy kết quả thực nhiệm vụ chính trị của chi bộ, của đảng viên làm thước đo trong việc nhận xét, đánh giá cán bộ, đảng viên. Đó là, cơ sở, là biểu hiện cụ thể cho việc đánh giá lập trường, quan điểm chính trị, nhận thức và ý thức chấp hành đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên. Không thể có một cán bộ, đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao mà lại là một cán bộ, đảng viên tốt.

Sinh hoạt tư tưởng trong chi bộ cần làm cho cán bộ, đảng viên ngày càng nhận thức và ý thức đầy đủ hơn về mục tiêu, lý tưởng của Đảng; về vị trí, vai trò của người cán bộ, đảng viên trong từng giai đoạn của cách mạng. Trong sinh hoạt chi bộ cần kịp thời và tập trung làm rõ những vấn đề mới nảy sinh, không để tồn đọng những vướng mắc, những băn khoăn về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên. Cần kịp thời đấu tranh tự phê bình, phê bình và uốn nắn những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng và chính trị của cán bộ, đảng viên. Sinh hoạt chi bộ là tập trung nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng. Khắc phục tình trạng đơn điệu, nhàm chán, trùng lặp trong sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt chuyên môn. Sinh hoạt chi bộ phải nhằm vào công tác chính trị, tư tưởng và những yêu cầu nội dung công tác đảng là chính, từ đó tác động tích cực tới việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn. Công tác đảng, công tác chi bộ và công tác chuyên môn luôn thống nhất tuy không đồng nhất. □



Cố đô Huế _ Ảnh: TL

QUAN liêu, tham nhũng là những vấn đề xã hội khi giai cấp ra đời và được tổ chức thành bộ máy nhà nước. Chúng là những căn bệnh đồng hành của mọi nhà nước, là khuyết tật bẩm sinh của quyền lực, là biểu hiện của "sự tha hóa quyền lực nhà nước". Tệ quan liêu, tham nhũng diễn ra ở tất cả các quốc gia, không kể quốc gia đó giàu hay nghèo, ở trình độ phát triển kinh tế thấp hay cao. Chúng len lỏi vào mọi mặt của đời sống xã hội, gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; làm giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, làm xói mòn đạo đức, phẩm giá con người, cản trở sự phát triển của xã hội.

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến công tác đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Nếu không kiên quyết chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô, thì nó sẽ cản trở, phá hoại ta tiến lên chủ nghĩa xã hội"⁽¹⁾. Người chỉ rõ: Muốn chống được lãng phí, tham ô thì phải tìm ra nguyên nhân của nó vì đâu và trách nhiệm về ai? Lãng phí, tham ô là kết quả mà nguyên nhân là bệnh quan liêu mệnh lệnh, do đó "phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh"⁽²⁾.

Trung thành và nhất quán với tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị, đặc biệt từ Đại hội VIII và IX của Đảng đã xác định, quan liêu, tham nhũng là một

Ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng - biện pháp quan trọng tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngang tầm nhiệm vụ

NGUYỄN VŨ CÁN

trong bốn nguy cơ cản trở công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta; đồng thời đề ra nhiều chủ trương, biện pháp kiên quyết để đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn này. Cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp, nhất là tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ Luật hình sự, ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện các chương trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu tham nhũng. Gần đây nhất, ngày 29-11-2005, kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI đã nhất trí thông qua Luật phòng, chống tham nhũng tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc cho việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong thời kỳ mới. Đó chính là sự thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước ta

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 10, tr 81

trong cuộc chiến chống "giặc nội xâm" đầy cam go.

Với quyết tâm đó, thời gian qua, công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng đã có những chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành đã chú trọng hơn việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, công chức; đề ra những quy định cụ thể như: kê khai tài sản nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh, nguồn tài trợ cho vợ, con đi học và du lịch nước ngoài; nghiêm cấm dùng ngân sách nhà nước, tập thể làm quà biếu, quà tặng; xử lý và công khai trách nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan đã để cơ quan mình, ngành mình xảy ra những vụ tham nhũng lớn..., nhằm răn đe hạn chế các điều kiện dễ nảy sinh tham nhũng. Bên cạnh đó, đối với cán bộ, công chức, chúng ta đã bước đầu thực hiện việc kê khai nhà đất và tài sản có giá trị đối với cán bộ từ trường phòng cấp huyện trở lên; nghiêm cấm *việc tích tụ ruộng đất*, phát canh thu tô; cấm vợ (hoặc chồng), con cái kinh doanh các ngành nghề mà người đó trực tiếp quản lý. Các biện pháp này có ý nghĩa nhất định nhằm đề cao tính tự giác, thực hiện kỷ luật trong đảng viên, cán bộ, công chức; là cơ sở cho cấp ủy và chính quyền quản lý, xem xét, đánh giá, bố trí, bổ nhiệm cán bộ. Các ngành, các cấp cố gắng chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo gắn với công tác đấu tranh chống tham nhũng, tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm dễ phát sinh tham nhũng và lãng phí, như: quản lý, sử dụng đất đai; xây dựng cơ bản; tài chính, tín dụng; các chương trình, dự án đầu tư. Do đó đã phát hiện và thu hồi cho nhà nước hàng nghìn tỉ đồng, hàng ngàn héc-ta đất, cùng nhiều tài sản có giá trị khác; xử lý hàng chục nghìn cán bộ, công chức

sai phạm. Ngoài ra, việc phát hiện và xử lý theo kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước những vụ tham nhũng lớn như EPCO – Minh Phụng, Tân Trường Sanh, Nhà máy Dệt Nam Định...; tiếp tục làm rõ các vụ án lớn như: Công ty Thương mại Đồng Tháp, Công ty Lương thực An Giang, Công ty Dược xuất nhập khẩu Cà Mau, vụ Năm Cam... cũng đã có tác dụng phòng ngừa, răn đe giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Tuy nhiên tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu chưa được ngăn chặn và đẩy lùi như mong muốn. Thậm chí tình trạng này còn lan rộng sang nhiều lĩnh vực khác làm suy giảm hiệu lực lãnh đạo và sức chiến đấu, tổn hại đến uy tín của Đảng, gây ra những bức xúc và nhức nhối trong Đảng và trong nhân dân. Quan liêu, tham nhũng đã trở thành một tác nhân lớn gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng, làm xói mòn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội trong hệ thống chính trị ở nước ta.

Vì vậy, muốn đổi mới mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Đảng ta là Đảng cầm quyền, là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mọi thắng lợi và thành tựu cũng như mọi khiếm khuyết, tổn thất của sự nghiệp cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm và sự lãnh đạo của Đảng. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng phát triển sâu, rộng càng phải đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Trong tình hình hiện nay, phát triển kinh tế là nhiệm vụ

trọng tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, từ sau Đại hội IX của Đảng đến nay tình hình trong Đảng có chuyển biến tích cực trên một số mặt. Nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước. Những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên tiếp tục được cảnh tỉnh, răn đe. Các vụ việc liên quan đến tham nhũng, lãng phí, quan liêu tiếp tục được giải quyết một cách khá hiệu quả nhưng cũng còn không ít hạn chế. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những yếu kém, bất cập trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu là do các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên thực hiện không nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ. Tình trạng vi phạm hoặc thực hiện sai lệch, không đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu ngày càng diễn biến phức tạp.

Điều đáng lưu ý là, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa kiên quyết chỉ đạo, tập trung giải quyết dứt điểm những vụ việc về tham nhũng. Một số chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu còn thực hiện nửa vời, mang tính hình thức, chiếu lệ. Nhiều cấp ủy thực hiện chưa nghiêm túc, thậm chí còn né tránh những vụ tham nhũng lớn, nương nhẹ trong xử lý một số cán bộ có liên quan; không xử lý hoặc xử lý không nghiêm đối với người đứng đầu.

Tự phê bình và phê bình là biện pháp rất quan trọng để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tham nhũng, quan liêu. Nhưng không ít cấp ủy, tổ chức đảng sử dụng kém hiệu quả vũ khí sắc bén này. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên

trong đấu tranh chống tham nhũng. Nhiều vụ việc tham nhũng của cán bộ, đảng viên không được đấu tranh, phát hiện từ trong nội bộ cấp ủy, tổ chức đảng mà do quần chúng tố cáo, phát hiện. Nhiều nơi chưa hướng dẫn, tổ chức, lấy ý kiến của nhân dân tham gia đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên; chưa công khai kết quả tự phê bình và phê bình để phát huy vai trò của nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên.

Một số cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cơ quan, đơn vị gia trưởng, độc đoán không thực hiện đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lợi dụng chức quyền, coi thường sự lãnh đạo của tập thể để tham nhũng, quan liêu. Có người lấy cớ "dân chủ tập thể", nhân danh tập thể cấp ủy, tổ chức ra những quyết định trái với nghị quyết của cấp trên, hòng bao che hoặc tạo điều kiện cho tham nhũng, quan liêu phát triển.

Để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, quan liêu một cách hiệu quả, trước hết trong bộ máy của Đảng, cần thực hiện những biện pháp sau:

Một là, xây dựng các quy chế, quy định nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, các mối quan hệ công tác của cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tổ chức đảng và chính quyền. Mọi vấn đề liên quan đến công tác cán bộ, tài chính, tài sản, vật chất, phương tiện cần được bàn bạc, quyết định tập thể - cấp có đủ thẩm quyền. Cụ thể hóa chế độ thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức về những lĩnh vực, những vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng.

Hai là, chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy các cấp, của các tổ chức đảng; nhất là bàn về những vấn đề liên quan đến tham nhũng hoặc dễ xảy ra tham nhũng.

Những cuộc sinh hoạt này phải được chuẩn bị chu đáo về nội dung, phải bảo đảm thực sự dân chủ. Mọi thành viên phải có trách nhiệm tham gia thảo luận thẳng thắn, trung thực, khách quan, với tinh thần xây dựng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trên cơ sở tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu tôn trọng, tiếp thu ý kiến đúng đắn của đảng viên trước khi kết luận, quyết nghị. Mọi cán bộ, đảng viên phải nói và làm theo quyết định của tập thể. Những vấn đề liên quan hoặc dễ nảy sinh tham nhũng càng phải được tuân thủ theo quyết định của tập thể.

Ba là, thực hiện thường xuyên và có chất lượng chế độ tự phê bình và phê bình trong cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là trong đội ngũ cán bộ chủ trì và cấp ủy. Cán bộ giữ chức vụ càng cao, giữ trọng trách càng lớn càng phải gương mẫu và thực sự nghiêm túc trong tự phê bình và phê bình. Thực hiện tự phê bình từ trên xuống dưới, phê bình từ dưới lên trên. Kết hợp tự phê bình và phê bình trực tiếp với tự phê bình và phê bình gián tiếp. Phát huy cao độ vai trò của quần chúng nhân dân, của công luận trong đấu tranh, ngăn chặn tham nhũng, quan liêu. Ban hành những quy định cụ thể và biện pháp xử lý thích đáng đối với những trường hợp tự phê bình và phê bình một cách hình thức, chiếu lệ, trấn áp, trù dập người phê bình hoặc lợi dụng tự phê bình và phê bình để vu cáo, gây chia rẽ, bè phái, bao che cho tệ tham nhũng.

Bốn là, tiếp tục xây dựng cơ chế hợp lý, chặt chẽ và khả thi nhằm thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, quy chế về phòng, chống tham nhũng, nhất là những điều đảng viên không được làm; quy định về kê khai nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức; Quy chế Dân chủ ở cơ sở... Thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện các quy định đó trong sinh hoạt của cấp ủy và tổ chức đảng.

Quy rõ trách nhiệm, xử lý thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy kết hợp với cơ quan kiểm tra, thanh tra, viện kiểm sát, tòa án... giải quyết dứt điểm những vụ việc nổi cộm, kéo dài. Quy rõ trách nhiệm và xử lý thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên, người đứng đầu. Thường xuyên sơ, tổng kết rút kinh nghiệm về phòng chống tham nhũng, quan liêu. Có chính sách khen thưởng thích đáng, đồng thời có biện pháp tích cực, hiệu quả để bảo vệ những tập thể và cá nhân tích cực đấu tranh chống tham nhũng.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy, của tổ chức đảng, của các cơ quan thanh tra nhà nước, của cấp trên và của nhân dân đối với những lĩnh vực, những cán bộ, đảng viên giữ những chức vụ dễ phát sinh tham nhũng. Trong sạch hóa đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đó, kịp thời đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi cơ quan kiểm tra, thanh tra. Phát huy vai trò của nhân dân, của công luận trong công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh phát hiện, ngăn chặn những hiện tượng tham nhũng, quan liêu.

Bảy là, tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng. Quản lý chặt chẽ, thường xuyên cán bộ, đảng viên ở trong cơ quan, đơn vị khi đi công tác và ở nơi cư trú. Mọi hành vi vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, gây chia rẽ, bè phái phải được xử lý một cách kịp thời, nghiêm minh. Cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù hòng lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng để tuyên truyền, xuyên tạc, gây chia rẽ, bè phái, phá hoại khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. □

Hoàn thiện pháp luật về thương mại dịch vụ, đáp ứng yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới

NGUYỄN VĂN CẢNH *

ĐỂ trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam cũng như các quốc gia khác, phải thực hiện rất nhiều công việc, nhất là phải sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật của mình như Điều XVI.4 của Hiệp định thành lập WTO đã quy định: *"Phải bảo đảm các luật, quy tắc và quy phạm hành chính của nước mình tương thích với các nghĩa vụ được quy định trong các hiệp định của WTO"*. Bài viết này đề cập những điểm khác biệt của pháp luật Việt Nam hiện hành về thương mại dịch vụ so với các quy định của WTO và đề xuất một số hướng hoàn thiện.

1 – Những điểm còn khác nhau về thương mại dịch vụ giữa pháp luật Việt Nam và các quy định của WTO

– *Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN)*. Đây là nguyên tắc bắt buộc trong Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), theo đó các nước cam kết dành cho nhau những "ưu đãi" đối với mọi lĩnh vực dịch vụ, ngoại trừ các lĩnh vực đã được đưa vào danh mục loại trừ đãi ngộ Tối huệ quốc tạm thời. Thời gian qua, nước ta đã có nhiều cố gắng để xử lý vấn đề này. Tuy vậy, mức độ xử lý chưa đáp ứng được các yêu cầu chung trong lĩnh vực hội nhập về thương mại dịch vụ.

– *Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT)*. Theo quy định, các thành viên phải dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sự đối xử giống như họ dành cho dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ trong nước. Thế nhưng, Việt Nam mới có Luật Đầu tư chung thay thế cho Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước hiện nay. Vì vậy, các doanh nghiệp nước ngoài nói chung vẫn đang từng bước thoát khỏi

tình trạng bị phân biệt đối xử. Ngoài ra vẫn còn sớm khắc phục một số hạn chế liên quan đến các vấn đề như giá cả (giá cao hơn so với các nhà cung cấp dịch vụ trong nước), điều kiện đầu tư (điều kiện về vốn, tiêu chuẩn nghiệp vụ, kỹ thuật), sự hiện diện của các thể nhân nước ngoài trong các lĩnh vực tư vấn luật, tư vấn xây dựng, kiểm toán...

– *Nguyên tắc minh bạch hay công khai*. Việt Nam đang trong quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường, nên chính sách và pháp luật về thương mại dịch vụ chưa ổn định; các chính sách và các quy định của pháp luật về thương mại dịch vụ thường thay đổi, đồng thời khi có những thay đổi thì lại chưa thông tin một cách kịp thời cho các doanh nghiệp, các nhà kinh doanh dịch vụ trong nước cũng như nước ngoài.

– *Nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh công bằng*. Ngày 03-12-2004, Quốc hội thông qua Luật Cạnh tranh và đã có hiệu lực từ ngày 01-07-2005. Luật này quy định cụ thể về hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh, biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh... nhằm tạo môi trường cạnh

* ThS, Trường đại học Ngoại thương, Hà Nội

tranh bình đẳng cho các dịch vụ cũng như người cung ứng dịch vụ trong nước và ngoài nước. Tuy nhiên, giữa các loại hình doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vẫn còn khoảng cách trong đối xử, chưa thực sự bình đẳng, điều này không chỉ liên quan đến Luật Cạnh tranh.

– *Cam kết mở cửa thị trường.* Có thể nói đây là một trong những điểm vướng mắc lớn nhất của nước ta trong các cuộc đàm phán để gia nhập WTO. Việt Nam chưa mở cửa trong một số lĩnh vực thương mại dịch vụ, như: viễn thông, hàng không, ngân hàng, tài chính, kiểm toán..., có những phân ngành dịch vụ còn chưa có các quy định của pháp luật (như dịch vụ nghiên cứu và phát triển, dịch vụ nghiên cứu thị trường, dịch vụ săn bắn, dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ nhiếp ảnh, dịch vụ đóng gói, dịch vụ hội nghị...), nên khó khăn trong việc xin đăng ký kinh doanh. Một số dịch vụ còn sử dụng những quy định, biện pháp mang tính hạn chế về số lượng, trợ giá các dịch vụ, số lượng người cung cấp dịch vụ, số lượng thể nhân được tuyển dụng, tỷ lệ góp vốn của các bên nước ngoài, hình thức công ty của nước ngoài... Pháp luật Việt Nam mới quy định cụ thể về hình thức cung cấp dịch vụ là hiện diện thương mại và hiện diện thể nhân; chưa tạo điều kiện mở cửa thị trường phát triển các hình thức cung cấp dịch vụ qua biên giới và tiêu thụ dịch vụ ở nước ngoài.

– *Trong dịch vụ tài chính,* sự khác biệt thể hiện ở những hạn chế của pháp luật Việt Nam về dịch vụ tài chính. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 09-10-1995 của Chính phủ về công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam, thì tổng tài sản cho thuê đối với một khách hàng không vượt quá 30% vốn tự có của công ty thuê tài chính liên doanh hoặc của công ty thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, trường hợp vượt mức quy định này phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 1997 được sửa đổi, bổ sung ngày 15-06-2004

(đạo luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, nhóm chủ thể lớn trên thị trường dịch vụ tài chính), mặc dù đã tạo cơ sở pháp lý tốt cho việc củng cố và sắp xếp lại hệ thống các tổ chức tín dụng, đồng thời đã đa dạng hóa các hình thức kinh doanh tiền tệ, hoạt động ngân hàng cũng đa năng hơn, nhưng chưa có sự tách bạch rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng kinh doanh tiền tệ. Điều đó đã dẫn đến tình trạng tồn tại nhiều quy định dạng giấy phép con, gây phiền hà, chậm trễ và mất cơ hội kinh doanh, nhiều quy định chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt chưa tách bạch giữa cho vay thương mại và vay chính sách, gây ra sự hiểu lầm rằng ngân hàng thương mại sử dụng tiền Nhà nước để cho vay, hay tín dụng là cấp phát...

– *Trong dịch vụ ngân hàng,* sự khác biệt thể hiện ở những hạn chế của pháp luật Việt Nam về dịch vụ ngân hàng, trước hết đó là hạn chế về đối xử quốc gia, chẳng hạn ngân hàng nước ngoài được mở chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhưng không được mở chi nhánh phụ thuộc của chi nhánh đó. Tại nơi đã được mở chi nhánh, ngân hàng nước ngoài không được đặt văn phòng đại diện. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mở các điểm giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào, ngoài trụ sở chi nhánh của mình (Điều 20, Khoản 1, Nghị định 13/1999/NĐ-CP, ngày 17-03-1999 Về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam của Chính phủ).

Về tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong ngân hàng liên doanh thực hiện nghiệp vụ ngân hàng thương mại, phần vốn góp của bên nước ngoài không quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh (Điều 26, Khoản 1 Nghị định 13/1999/NĐ-CP, ngày 17-03-1999 về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam của Chính phủ).

– Trong dịch vụ bảo hiểm, các quy định của pháp luật Việt Nam còn nhiều điểm khác biệt so với các quy định của GATS. Đó là những hạn chế trong chế độ đối xử quốc gia, trong các hình thức cung cấp dịch vụ. Hiện tại, còn có các hạn chế thâm nhập thị trường đối với các liên doanh bảo hiểm có vốn nước ngoài, đối với doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn nước ngoài. Còn tồn tại nhiều yêu cầu về số vốn điều lệ đã góp không được thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ (Điều 63 và Điều 106 Luật Kinh doanh bảo hiểm).

Có những quy định mang tính hạn chế trong các hình thức cung cấp dịch vụ bảo hiểm. Chẳng hạn, về dịch vụ qua biên giới, các nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, một số dịch vụ bảo hiểm như tái bảo hiểm, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm, dịch vụ tư vấn đánh giá rủi ro. Về tiêu thụ dịch vụ ở nước ngoài thì chỉ có người nước ngoài làm việc ở Việt Nam mới có quyền mua bảo hiểm ở nước ngoài, các tổ chức và cá nhân Việt Nam không được phép mua bảo hiểm nước ngoài cho các rủi ro phát sinh tại Việt Nam. Về *hiện diện thương mại*, người nước ngoài chỉ được tiến hành dịch vụ bảo hiểm theo các hình thức doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (Điều 105 Luật Kinh doanh bảo hiểm). Ngoài ra, doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài còn bị hạn chế về đối tượng khách hàng, về địa bàn kinh doanh, về phạm vi kinh doanh (Điều 39 Nghị định số 42/2003/NĐ-CP ngày 01-08-2001). Về *hiện diện thể nhân*, hiện nay không có một thể nhân nước ngoài nào được phép thực hiện dịch vụ bảo hiểm dưới bất kỳ hình thức nào tại Việt Nam.

– Trong các quy định về dịch vụ viễn thông, còn có những hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chẳng hạn, nhà đầu tư nước ngoài được cung cấp dịch vụ viễn thông Việt Nam thông

qua văn phòng đại diện và hợp đồng hợp tác kinh doanh (*hạn chế về hiện diện thương mại*), doanh nghiệp nước ngoài không được cung cấp dịch vụ qua biên giới Việt Nam, trừ những doanh nghiệp đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (*hạn chế về cung cấp dịch vụ qua biên giới*), thể nhân nước ngoài chưa được phép vào Việt Nam để kinh doanh dịch vụ bưu chính - viễn thông (theo Nghị định số 109/1997/NĐ-CP, ngày 12-11-1997 về bưu chính - viễn thông, Thông tư số 04/1998/TT-TCBC hướng dẫn thi hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP).

2 – Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại dịch vụ

a – Quan điểm hoàn thiện pháp luật thương mại Việt Nam

– *Giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đường lối chính trị của Đảng, chi phối mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh... Mục tiêu này tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng: Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, khi ban hành, sửa đổi, bổ sung pháp luật về thương mại dịch vụ, các nhà làm luật Việt Nam cũng phải có nhiệm vụ thể chế hóa đường lối của Đảng.

– *Tôn trọng tính kế thừa trong sửa đổi bảo đảm sự phát triển liên tục trong quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại dịch vụ.* Bên cạnh việc loại bỏ những quy định có tính bất cập, không khả thi, cản trở quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, chúng ta phải kế thừa và phát triển những thành tựu, những mặt tích cực của hệ thống pháp luật hiện hành cũng như việc kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam đã được kết tinh một phần trong những hoạt động thương mại dịch vụ, đã được phản ánh trong

các quy phạm pháp luật hiện hành về thương mại dịch vụ. Bên cạnh đó, pháp luật về thương mại dịch vụ sửa đổi cũng phải tiếp thu, có chọn lọc những kinh nghiệm của các nước có nền pháp luật về thương mại dịch vụ tiên tiến trong khu vực và thế giới cũng như các quy định của WTO đáp ứng với điều kiện, yêu cầu Việt Nam gia nhập WTO.

– *Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại dịch vụ vừa nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa phù hợp với các quy định của WTO.* Pháp luật Việt Nam về thương mại dịch vụ cần được sửa đổi, bổ sung để tiếp tục hoàn thiện, nhằm tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp cho sự hình thành một cách đồng bộ các loại thị trường thương mại dịch vụ hoạt động hiệu quả, năng động, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch. Đồng thời cũng nhằm tạo một môi trường pháp lý phù hợp với "luật chơi chung" của thế giới, phù hợp với các quy định của WTO đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết của Việt Nam. Pháp luật về thương mại dịch vụ cần được hoàn thiện sao cho vừa là phương tiện quản lý của Nhà nước, vừa là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các thành phần kinh tế trong các hoạt động thương mại dịch vụ.

b – Một số giải pháp cụ thể

– *Khẩn trương xây dựng, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các đạo luật chuyên ngành về thương mại dịch vụ theo hướng tiếp cận dần với các chuẩn mực của GATS.* Hiện nay, một số lĩnh vực dịch vụ quan trọng mới có các văn bản dưới luật, chưa có các văn bản luật do Quốc hội ban hành để điều chỉnh. Vì vậy, cần đẩy nhanh tốc độ xây dựng và ban hành mới các đạo luật về các dịch vụ này, như: Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Luật Cung ứng các dịch vụ phân phối; Luật Kinh doanh các dịch vụ môi trường; Luật Kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật Cung ứng các dịch vụ văn hóa và giải trí; Luật Cung

ứng các dịch vụ xã hội, liên quan đến sức khỏe; Luật Bưu chính - Viễn thông (thay thế Pháp lệnh Bưu chính - viễn thông hiện hành); Luật Cung ứng dịch vụ pháp lý (thay thế Pháp lệnh luật sư); Luật Kế toán... tránh trường hợp luật có hiệu lực, nhưng vì chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên không thể triển khai thực hiện trong cuộc sống được, mà phải chờ đợi.

– *Các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại dịch vụ trong một số lĩnh vực cụ thể:*

Đối với dịch vụ bảo hiểm, rà soát lại toàn bộ hệ thống pháp luật về dịch vụ bảo hiểm và đối chiếu với những quy định quốc tế (cụ thể là các nguyên tắc và quy định của GATS). Trên cơ sở đó, từng bước sửa đổi, bổ sung, thậm chí ban hành mới các văn bản luật và dưới luật điều chỉnh dịch vụ bảo hiểm theo hướng vẫn giữ được định hướng chính trị, bản sắc văn hóa dân tộc mà vẫn có thể tương thích với các quy định bắt buộc của GATS một khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO.

Ngay trước mắt chưa thể sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 vì luật này mới có hiệu lực từ tháng 4-2001. Tuy nhiên, nước ta cần xây dựng lộ trình cam kết mở cửa thị trường về dịch vụ bảo hiểm, dựa vào đó để ban hành các văn bản dưới luật chứa đựng những quy định tương ứng về mở cửa dần dịch vụ bảo hiểm. Ví dụ, từng bước cho phép các công ty bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động sâu rộng hơn trên thị trường bảo hiểm nước ta; đến năm 2010 xóa bỏ hạn chế việc mở chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài, xóa bỏ tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc; đến năm 2015 xóa bỏ các hạn chế về đối tượng khách hàng, phạm vi kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với dịch vụ tài chính, công việc trước mắt hiện nay là nước ta cần xóa bỏ các chính sách trái với các nguyên tắc của GATS, trái với

các cam kết quốc tế của Việt Nam về dịch vụ tài chính. Ví dụ, chính sách về quản lý ngoại hối, trong điều kiện dự trữ ngoại hối của Việt Nam còn thấp thì việc kiểm soát và quản lý ngoại hối là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, trong quản lý cũng cần phân loại, tách biệt giữa những biện pháp mang tính chất thận trọng nhằm bảo đảm dự trữ ngoại hối với những biện pháp gây cản trở thương mại. Loại bỏ dần chính sách thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Đây được xem là hạn chế lớn của môi trường đầu tư Việt Nam.

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, rõ ràng và minh bạch của hệ thống pháp luật về dịch vụ tài chính. Loại bỏ tình trạng mâu thuẫn lẫn nhau trong các văn bản. Chẳng hạn như Luật Doanh nghiệp quy định trường hợp thành lập công ty kiểm toán cần tối thiểu 1 kiểm toán viên, nhưng trong Nghị định 07/CP về kiểm toán độc lập thì quy định tối thiểu là 5 kiểm toán viên. Hoặc đã ban hành luật nhưng lại thiếu các văn bản hướng dẫn gây tình trạng thiếu đồng bộ, những tác động không tốt tới hiệu quả thực thi luật. Ví dụ, khi quy định các loại hình công ty bảo hiểm, Luật Kinh doanh bảo hiểm (Điều 59.3) đã chỉ rõ bao gồm cả các tổ chức bảo hiểm tương hỗ, nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể, nên cho tới nay vẫn chưa có một tổ chức bảo hiểm tương hỗ nào đi vào hoạt động. Điều đó đã hạn chế sự đa dạng hóa các loại hình công ty bảo hiểm ở Việt Nam.

Đối với dịch vụ ngân hàng, ngay trước mắt chưa thể sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước vì luật này mới sửa đổi tháng 6-2003. Tuy nhiên, để gia nhập GATS/WTO cũng như việc thực hiện các quy định về dịch vụ bảo hiểm của GATS/WTO sau khi gia nhập, nước ta cần thiết xây dựng lộ trình cam kết mở cửa thị trường về dịch vụ ngân hàng, nên chúng ta phải sửa đổi Luật Tổ chức tín dụng cùng với các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Tổ chức tín dụng theo hướng bảo đảm sự bình đẳng cho các chủ thể khai thác dịch vụ ngân hàng, tính minh bạch rõ ràng của

pháp luật, thể hiện được các hình thức cung cấp dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam. Các điều kiện đặt ra cho phép việc cấp phép đặt chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài, thành lập ngân hàng liên doanh, thành lập tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như vốn pháp định, thời hạn đã hoạt động kinh doanh cho đến thời điểm xin phép, yêu cầu phát triển kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam,... cần được loại bỏ dần và đến năm 2015 thì loại bỏ hoàn toàn. Đến đó, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài được huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam cũng như ngoại tệ từ dân cư.

Trước mắt, cần loại bỏ sự khác biệt về mức phí cấp phép mở chi nhánh. Văn phòng đại diện của ngân hàng liên doanh, của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (theo Nghị định số 13/1999/NĐ-CP) để không còn phân biệt đối xử quốc gia về mức phí này. Bên cạnh đó cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số văn bản về nghiệp vụ ngân hàng có liên quan như: sửa đổi Pháp lệnh Kế toán, bổ sung những quy định mới về lập chứng từ kế toán, hạch toán theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là các chứng từ ngân hàng điện tử, chữ ký điện tử... để tiến tới công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, công nhận tính pháp lý của các văn bản điện tử ở các hợp đồng thương mại,...

Đối với dịch vụ viễn thông, Pháp lệnh Bưu chính - Viễn thông được Quốc hội thông qua ngày 25-5-2002, trong đó đã thể hiện những quan điểm lớn của Đảng và Chính phủ nêu trong Nghị quyết 07/NQ-TW của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương 3, khóa IX là: "Đảm bảo chủ quyền, phát huy nội lực, thể hiện thiện chí mở cửa, hội nhập". Vì vậy, trước mắt cần tiến hành xây dựng mới những văn bản dưới luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch và công khai của các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bưu chính - viễn thông theo hướng loại bỏ độc quyền kinh doanh. □

TỪ khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, xã hội hóa các hoạt động văn hóa bắt đầu phát triển. Chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa đã được thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác xã hội hóa văn hóa; coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian qua, phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã phát triển khá mạnh mẽ, đông viên, khích lệ, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và huy động được nhiều nguồn lực to lớn của xã hội cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Xã hội hóa hoạt động văn hóa là các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa với sự tham gia của các lực lượng và thành phần xã hội ở trong nước, kể cả các tổ chức, cá nhân ngoài nước, nhằm huy động các nguồn lực cho sự phát triển sự nghiệp văn hóa đất nước. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa nhằm vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của xã hội vào việc nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa và phát triển về thể chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng cộng đồng trách nhiệm, mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài đức, góp phần quan trọng thực hiện chính sách công bằng xã hội và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, khắp nơi trong cả nước đã xuất hiện và phát triển nhiều mô hình văn hóa thông tin cơ sở hoạt động có hiệu quả. Đó là *mô hình văn hóa gia đình*, bao gồm các hình thức xây dựng gia đình văn hóa, câu lạc bộ gia đình văn hóa, khu văn hóa gia đình vườn nhà. *Mô hình văn hóa cộng đồng*, xây dựng làng, ấp, khu phố văn hóa. *Mô hình văn hóa tập thể*,

câu lạc bộ "Đờn ca tài tử" ở phía Nam, "Đàn và hát dân ca" ở nhiều tỉnh phía Bắc, nhiều loại hình thiết chế văn hóa ở xã, thôn, làng, ấp, bản như nhà văn hóa, nhà rông văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng (Hội quán), điểm bưu điện - văn hóa xã đã được xây dựng và hoạt động có hiệu quả.

Điều đáng mừng là nhiều lĩnh vực hoạt động chuyên ngành tốc độ xã hội hóa cao, phát triển phong phú và đa dạng. Cả nước đã có

gần 10 ngàn cơ sở in (in lụa), hộ kinh doanh cá thể phô-tô-cóp-py, vi tính, đóng xén, khoảng 600 cơ sở in công nghiệp, có cơ sở in đã cổ phần hóa; 12.500 điểm mua bán, cho thuê sách tư nhân. Số cơ sở in này đã giải quyết cho trên 30 ngàn người có công ăn việc làm và tạo ra một khối lượng lớn về xuất bản phẩm phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Một số công ty phát hành sách nhà nước đã được cổ phần hóa, có tới 10 ngàn điểm mua bán, cho thuê sách tư nhân. Nhiều nhà xuất bản có tới 70% số sách phát hành thông qua hệ thống của cửa hàng sách tư nhân.

Mở rộng và phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa

CHU THÁI THÀNH

Trong lĩnh vực điện ảnh, hằng năm tư nhân đã bỏ vốn sản xuất được nhiều bộ phim có giá trị phục vụ xã hội, có năm sản xuất được 60 phim vi-di-ô, 4 bộ phim nhựa với tổng trị giá trên 10 tỉ đồng. Tư nhân còn bỏ vốn để thuê, nâng cấp, cải tạo, đầu tư trang thiết bị cho các rạp chiếu bóng. *Lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật*, đã có khoảng 100 đoàn, nhóm tư nhân của các thể loại ca múa nhạc, sân khấu, xiếc, cải lương, rối nước và trên 100 rạp hát tư nhân. Các mô hình "Sân khấu nhỏ", "Câu lạc bộ ca nhạc" với hàng ngàn đội viên văn nghệ quần chúng do nhân dân tự lo kinh phí và tổ chức biểu diễn. *Lĩnh vực mỹ thuật* có nhiều sưu tập tư nhân đã mở cửa đón khách tham quan. Số tư nhân hiến tranh cho Nhà nước ngày càng nhiều. Hiện cả nước có 14 câu lạc bộ những người yêu thích nhiếp ảnh và 25 câu lạc bộ những người yêu thích mỹ thuật được thành lập, có gần 2 ngàn lớp vẽ thiếu nhi do các họa sỹ, giáo viên tự tổ chức giảng dạy.

Hiện nay, các mô hình thư viện cơ sở đang phát triển mạnh theo hướng xã hội hóa. Cả nước đã có hơn 7 ngàn thư viện, 7 ngàn điểm bưu điện - văn hóa xã, 10 ngàn tủ sách pháp luật, 4 trăm tủ sách đồn biên phòng. Chỉ 4 năm lại đây, cả nước đã huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để chống xuống cấp di tích khoảng trên 460 tỉ đồng. Kinh phí nhân dân đóng góp cho tu bổ di tích lớn gấp 2 - 3 lần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước. Ở thành phố Hồ Chí Minh có cá nhân đã hiến một tỉ đồng để xây dựng tượng đài Quang Trung, có người bỏ ra toàn bộ kinh phí để xây dựng cụm tượng đài 9 vị văn thần, võ tướng Tây Sơn tại Bảo tàng Quang Trung (Bình Định). Ở một số địa phương, nhất là các thành phố, nhiều sưu tập tư nhân đã được hình thành. Điều đáng quan tâm là, ngay trong lĩnh vực đào tạo, cả nước có 15 trường văn hóa - nghệ thuật trên cơ sở đóng góp kinh phí của người học, 9 trường được mời

giáo viên nước ngoài vào giảng dạy theo phương thức họ tự chi trả phần lớn kinh phí.

Phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã góp phần tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa không chỉ huy động nguồn lực xã hội ngày càng nhiều, tạo nguồn kinh phí chủ yếu cho các cơ sở đầu tư, xây dựng các thiết chế, công trình văn hóa mà còn tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Các giá trị văn hóa được quan tâm bảo vệ và phát huy, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số không ngừng được bồi đắp, phát triển. Sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa được phát triển về nội dung, quy mô, chất lượng và đối tượng. Đa số các doanh nghiệp văn hóa thông tin, kể cả các doanh nghiệp mới được cổ phần hóa đều tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh đứng vững trong cơ chế thị trường. Phong trào xây dựng gia đình, làng, ấp, khu phố văn hóa được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng. Mô hình văn hóa cấp xã, huyện đang phát triển ở nhiều địa phương trong cả nước; tính tự chủ, tự quản và tự nguyện đóng góp của nhân dân cho sự nghiệp phát triển văn hóa ngày càng cao. Hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thông tin diễn ra sôi nổi, làm cho đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa thêm phong phú, lành mạnh. Sự phát triển phong phú, đa dạng và có hiệu quả cao của phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã chứng tỏ chủ trương thực hiện xã hội hóa văn hóa của Đảng và Nhà nước ta là kịp thời, đúng đắn, góp phần quan trọng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Những thành tựu trong xã hội hóa các hoạt động văn hóa là đáng ghi nhận. Tuy nhiên,

trong quá trình thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa còn bộc lộ không ít những mặt yếu kém, khuyết điểm. Chúng ta chưa có được giải pháp hiệu quả để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về đời sống văn hóa của đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với miền xuôi và khu vực đô thị. Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa phát triển không đồng đều ở các vùng miền và các lĩnh vực văn hóa. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở một số địa phương hiệu quả thấp, bị động, lúng túng trong biện pháp chỉ đạo, điều hành, dẫn đến tình trạng hoạt động văn hóa thông tin nghèo nàn, đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí của nhân dân thấp, chất lượng xây dựng gia đình, làng, ấp, khu phố văn hóa chưa cao. Hiện tượng "cưới to", ăn uống linh đình, những biểu hiện phô trương, háms lợi vẫn tồn tại, nhất là đối với những người có mức sống cao và một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước ở các đô thị và thành phố. Nhiều đám tang vẫn còn những hủ tục lạc hậu, kéo dài nhiều ngày, xây cất mồ mả, lăng tẩm gây nhiều tốn kém, lãng phí về tiền của, thời gian.

Một số lĩnh vực như in, phát hành và các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa công tác xã hội hóa phát triển mạnh. Mặt tích cực của sự phát triển này làm cho các hoạt động văn hóa khởi sắc, phong phú, đa dạng, tạo ra được nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị. Tuy nhiên, vì chạy theo lợi nhuận nên đã nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, thiếu lành mạnh, làm ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

So với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi ngày càng phong phú trong đời sống xã hội những năm gần đây, những thành tựu, tiến bộ đạt được trong xã hội hóa các hoạt động văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để có tác động hiệu quả

đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống, làm hạn chế sự phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần xã hội.

Trong những nguyên nhân của tình trạng nêu trên, có nguyên nhân thuộc về công tác quản lý, chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước, còn thiếu nhiều cơ chế, chế độ, chính sách đặc thù để tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các mặt tích cực và ngăn chặn các mặt tiêu cực trong công tác phát triển xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Có nguyên nhân thuộc về nhận thức của các ngành, các cấp, nhất là lãnh đạo các đơn vị cơ sở chưa thật sâu sắc, chưa thấy hết tính tất yếu và lợi ích lâu dài của công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa. Vì thế, công tác chỉ đạo còn thiếu kiên quyết, tập trung. Tư duy bao cấp vẫn còn khá phổ biến trong lãnh đạo các cấp, các ngành. Mặt khác, văn hóa là lĩnh vực nhạy cảm, mang tính định hướng tư tưởng, nên trong chỉ đạo còn lúng túng, chưa lường hết được những mặt trái nảy sinh trong quá trình thực hiện xã hội hóa. Do thiếu quy hoạch, kế hoạch tổng thể để định hướng và xác định bước đi cụ thể phù hợp cho từng vùng, từng lĩnh vực nên việc thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa còn mang tính tự phát.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cá nhân, gia đình, các tổ chức kinh tế - xã hội, đoàn thể tham gia các hoạt động văn hóa nhằm tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, có văn hóa giữa các thành phần kinh tế trong xã hội khi tham gia các hoạt động văn hóa - vì văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, do dân và vì dân, trong đó nhân dân vừa là người hưởng thụ, vừa là người sáng tạo văn hóa.

Trong nền kinh tế thị trường, nói đến cạnh tranh không thể xem nhẹ yếu tố lợi nhuận. Tuy nhiên, cạnh tranh trong văn hóa phải hướng tới nội dung và nghệ thuật phù hợp với thuần

phong mỹ tục của dân tộc đã được hình thành qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, tạo ra những sản phẩm văn hóa có chất lượng cao phục vụ cuộc sống. Mục đích tối đa hóa lợi nhuận luôn được quan tâm, nhưng không phải bằng mọi giá, mọi thủ đoạn, mọi biện pháp để đạt được, mà phải là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân. Mỗi người dân trong xã hội đều được bình đẳng trong hưởng thụ và cống hiến, được tham gia vào hầu hết các hoạt động văn hóa, cũng như hưởng lợi từ chính những hoạt động sáng tạo văn hóa mang lại.

Trong những năm tới, xã hội hóa các hoạt động văn hóa sẽ nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ làm cho xã hội nước ta biến đổi sâu sắc và toàn diện. Dự báo vào năm 2010 số dân thành thị sẽ chiếm khoảng 30% - 35% và vào năm 2020 khoảng 50% dân số cả nước. Từ sự thay đổi này dẫn đến những thay đổi về nếp sống, tập tục... đòi hỏi phải hình thành những thiết chế văn hóa phù hợp, vừa đáp ứng những yêu cầu hưởng thụ ngày càng cao, đồng thời đấu tranh chống lại những biểu hiện bất cập của quá trình đô thị hóa. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa theo hướng **chân - thiện - mỹ** càng đặt ra vừa cấp thiết, vừa cơ bản, lâu dài.

Mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta trong xã hội hóa hoạt động văn hóa là nhằm thu hút mọi nguồn lực, thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân trong xã hội tham gia sáng tạo, cung cấp, phổ biến và tạo ra nhiều sản phẩm, tác phẩm, công trình văn hóa có chất lượng để không ngừng nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đến năm 2010 các cơ sở ngoài công lập và các lực lượng tham gia xã hội hóa các hoạt động văn hóa bảo đảm 40% - 60%

nhu cầu dịch vụ văn hóa và huy động vốn từ xã hội chiếm khoảng 49%. Củng cố và xây dựng các cơ sở văn hóa nhà nước đủ mạnh để giữ vai trò chủ đạo và định hướng các hoạt động văn hóa theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Để đạt được mục tiêu đó, góp phần thực hiện thắng lợi Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, trong thời gian tới chúng ta cần tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước về xã hội hóa hoạt động văn hóa. Khai thác và phát huy sức mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền sâu rộng nội dung xã hội hóa các hoạt động văn hóa trên phạm vi cả nước. Chú trọng công tác thông tin đối ngoại, giao lưu văn hóa nhằm giới thiệu chính sách đầu tư về văn hóa của nước ta để thu hút các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, tư nhân nước ngoài đầu tư vốn về văn hóa ở Việt Nam. Triển khai các mô hình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở theo hướng xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Phổ biến những kinh nghiệm hay, nhân rộng những mô hình hoạt động xã hội hóa tốt và những lợi ích xã hội mang lại khi đẩy mạnh tiến trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Hai là, tăng cường đầu tư để nâng cao vai trò chủ đạo, nòng cốt của các cơ quan, đơn vị văn hóa nhà nước trong quá trình xã hội hóa hoạt động văn hóa. Nhà nước có biện pháp hỗ trợ các đơn vị ngoài công lập ở các lĩnh vực ít có lợi nhuận như lĩnh vực dân tộc, truyền thống; các đơn vị trong và ngoài công lập ở vùng nghèo, miền núi, dân tộc thiểu số, vùng

sâu vùng xa để tạo điều kiện mở rộng và phát triển các hoạt động văn hóa, từng bước tạo ra sự công bằng trong hưởng thụ văn hóa trên phạm vi cả nước. Điều quan trọng là phải xác định đúng liều lượng cần thiết khi Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho các đơn vị công lập, ngoài công lập để không ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh vì sự bình đẳng của các thành phần kinh tế khi tham gia xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Ba là, tạo cơ chế, chính sách thích hợp để phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa. Huy động và đa dạng hóa các hình thức đóng góp ở trong và ngoài nước về công sức, của cải, cơ sở vật chất theo hướng xã hội hóa cho cả hai loại hình phát triển văn hóa công lập và ngoài công lập. Mở rộng các hình thức xã hội hóa các hoạt động văn hóa để cho tất cả mọi người có thể cùng tham gia đóng góp công của và sức sáng tạo, nhưng phải có chính sách miễn giảm và ưu tiên hưởng thụ văn hóa cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, vùng nghèo. Đãi ngộ thỏa đáng để khai thác các tri thức, kiến thức văn hóa - nghệ thuật tiềm ẩn của các văn nghệ sỹ tài năng, sưu tầm vốn kiến thức của các nghệ sỹ lão thành. Có chế độ trích thưởng thích hợp cho các tổ chức, cá nhân có công huy động mọi nguồn lực cho phát triển xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận, chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa, nhất là các cấp cơ sở. Phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ về văn hóa nghệ thuật, phát huy sự đóng góp, sáng tạo của văn nghệ sỹ thông qua xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Năm là, đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tổng kết, đánh giá để có giải pháp xây dựng các huyện điểm, thị xã văn hóa của các tỉnh, phát triển các mô hình, điển hình tiên

tiến về xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình, làng, ấp, khu phố văn hóa. Phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, tìm tòi, áp dụng những mô hình thích hợp cho hoạt động văn hóa từng vùng, miền. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thị trường văn hóa và dịch vụ văn hóa, phòng ngừa các sai phạm nảy sinh trong quá trình thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Sáu là, các hoạt động văn hóa có tính đặc thù rất nhạy cảm về mặt chính trị, tư tưởng, nên trong quá trình quy hoạch phát triển xã hội hóa các hoạt động văn hóa cần có bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng, miền. Chú trọng hơn nữa đến những lĩnh vực văn hóa then chốt trong việc định hướng chính trị, tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ và giá trị xã hội. Nhà nước bảo tồn và phát triển giá trị di sản văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống, dân gian, phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục tốt đẹp của dân tộc, làm cơ sở và chỗ dựa vững chắc cho quá trình xã hội hóa hoạt động văn hóa.

Chúng ta tiến hành xã hội hóa các hoạt động văn hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường đang hình thành và phát triển, ngoài những yếu tố tích cực, nền kinh tế thị trường còn là môi trường nảy sinh nhiều sự việc, hiện tượng tiêu cực. Để đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nhất thiết phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia đắc lực của các ngành, các cấp, đoàn thể chính trị - xã hội. Họ có vai trò rất quan trọng, vừa là "hạt nhân", vừa đi đầu trong nhiệm vụ mở rộng và phát triển xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thực hiện bằng được mục tiêu: xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. □



DIỆM PHỤC

CHÂU GIANG

TRONG buổi sinh hoạt tự phê bình và phê bình nhân dịp tổng kết cuối năm, ông Q (thủ trưởng cơ quan) được anh chị em cán bộ dưới quyền đóng góp khá nhiều ý kiến (khen có, chê có, nhắc nhở có, và có cả những ý kiến mong muốn, đòi hỏi ở ông). Nói chung đều là những ý kiến chân thành, bổ ích, song chủ yếu vẫn là khen. Điều đó cũng dễ hiểu bởi vì: *thứ nhất*, bản chất ông rất tốt; *thứ hai*, bản tự kiểm điểm của ông rất thành thật; *thứ ba*, ông là thủ trưởng và tuổi cũng đã cao, do đó mọi người có phần vị nể. Sau buổi sinh hoạt tự phê bình và phê bình ấy, ông cảm thấy hài lòng về bản thân và càng thêm quý trọng những cán bộ dưới quyền.

Trong số những ý kiến đóng góp, ông chú ý nhiều nhất tới ý kiến của một đồng chí vụ trưởng còn rất trẻ, bởi vì nó gợi cho ông nhiều điều phải suy nghĩ, xem xét lại bản thân mình một cách nghiêm túc. Anh ta nói: Thủ trưởng là một người có năng lực và

phẩm chất tốt; không nịnh trên, nạt dưới, sống trung thực, thẳng thắn, phúc hậu, độ lượng, không bao giờ thành kiến, trù dập cán bộ dưới quyền. Đó là những mặt tốt rất cơ bản cần được phát huy. Song tôi có một ý kiến nhỏ muốn gợi ý để thủ trưởng xem xét, suy nghĩ. Đánh giá cán bộ là vấn đề rất hệ trọng, rất nhạy cảm, tế nhị và cũng rất phức tạp. Nó là *tiền đề* để đi tới những quyết định đúng hay sai, chính xác hay không chính xác trong việc tuyển chọn, xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ. Thực tế cho thấy, lâu nay trong việc đánh giá cán bộ, không ít thủ trưởng chỉ dựa vào việc người cán bộ đó "ngoan" hay "không ngoan", vụng về hay khôn khéo trong quan hệ giao tiếp ứng xử mà ít chú ý tới năng lực và phẩm chất thực sự của họ. Vì thế dẫn đến tình trạng "vàng thau lẫn lộn";

người tốt nhiều khi lại bị đánh giá là xấu, còn kẻ xấu lại được xem là có triển vọng, có khả năng phát triển. Ở thủ trưởng không có những biểu hiện lệch lạc đó, nhưng chúng tôi mong muốn trong việc nhận xét, đánh giá cán bộ, thủ trưởng nên chú ý sao cho thật *khách quan* trong cái đã tương đối khách quan, *thật chính xác* trong cái đã tương đối chính xác, *thật công bằng* trong cái đã tương đối công bằng.

Anh vụ trưởng tiếp tục phân tích làm rõ ý kiến của mình: Nếu dùng một cái gạch ngang để phân định phần trên là khách quan, phần dưới là thiếu khách quan thì thủ trưởng không có cái phần dưới đó. Nhưng ngay ở phần trên cũng có điều cần phải rút kinh nghiệm. Đó là, đối với anh A, thủ trưởng nhận xét, đánh giá đúng với những gì anh ấy vốn có (kể cả ưu điểm và khuyết điểm) nhưng đối với anh B, thủ trưởng lại nhận xét, đánh giá về ưu điểm cao hơn những gì anh ta vốn có, còn về khuyết điểm thì thấp hơn. Điểm này nếu không khắc phục kịp thời rất dễ làm cho mọi người nhìn thủ trưởng với con mắt khác. Họ

buộc lòng phải xem xét lại tính khách quan, chính xác và sự công bằng trong những nhận xét, đánh giá của thủ trưởng. Đừng tưởng rằng mình không thành kiến, không trù dập cán bộ như thế là khách quan và công bằng lắm rồi. Nhìn nhận tính khách quan và công bằng bao giờ người ta cũng đặt nó trong sự đối chiếu, so sánh. Nếu tách riêng trường hợp của anh A và anh B ra thì không có vấn đề gì. Song nếu đặt nó bên cạnh nhau để đối chiếu, so sánh thì sẽ thấy ngay những điều không ổn, cần phải rút kinh nghiệm.

Ông Q tâm sự với tôi: "Thú thật, khi nghe những ý

kiến trên, cảm thấy giật mình. Giật mình vì nó đúng quá và sâu sắc quá. Chính xác, khách quan khi nhận xét đánh giá anh A, nhưng lại ưu ái khi nhận xét, đánh giá anh B thế thì còn gì là tính khách quan và công bằng nữa (mặc dù không cố ý). Âu cũng là một bài học. Một thủ trưởng mà có những cán bộ dưới quyền thẳng thắn, trung thực như thế thì thật là điểm phúc".

Tâm sự mà cứ như là sám hối. Thấy thế, tôi bèn động viên ông Q: "Anh không việc gì phải tự giày vò như thế, bởi vì: *Thứ nhất*, Thánh cũng còn có lúc sai nữa là ta. Thí dụ, Khổng Tử là bậc đại thánh mà vẫn bị lừa. Tể Dư là học trò

của ông. Tể Dư có vẻ bề ngoài khôi ngô, sáng sủa, lại khéo ăn nói nên Khổng Tử rất cưng. Song, thực tế đã chứng minh Tể Dư không phải là người thật sự có đức, có tài. Còn Tử Vũ (cũng là một học trò của Khổng Tử) nhưng dung mạo xấu xí, đã thế nói năng lại không khôn khéo nên bị Khổng Tử xem thường, không cho học nữa. Về sau, thực tế đã chứng minh Tử Vũ là một người có cả tài và đức hơn hẳn Tể Dư. *Thứ hai*, anh nhận ra vấn đề và có ý thức sửa chữa là quý lắm rồi. Những cán bộ dưới quyền mà có thủ trưởng như anh thì cũng thật là *điểm phúc*".

Ông Q cười hiền khô. □





THẾ GIỚI NĂM 2005: NHÌN TỪ BÌNH DIỆN AN NINH CHÍNH TRỊ

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

BỨC tranh toàn cảnh thế giới năm 2005 hiển hiện trong những sắc màu đan xen đa dạng. Nếu kinh tế toàn cầu năm qua tăng trưởng không mấy gây ấn tượng bởi liên tiếp phải đối diện trước cơn sốt giá dầu cao và sự tái gia tăng một cách rất đáng quan ngại của hàng rào bảo hộ mậu dịch thì, nhìn từ bình diện an ninh chính trị thế giới, năm 2005 có thể coi là năm tương đối yên ả. Hòa bình và an ninh thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều bất trắc, nhưng nhìn chung có những khuynh hướng chuyển biến khả quan hơn so với những năm trước: không bùng phát chiến tranh cục bộ mới; các điểm nóng xung đột vũ trang ở nhiều nơi đều có biểu hiện "hạ nhiệt" dần và đi vào tìm kiếm giải pháp thương lượng bằng con đường hòa bình; quan hệ giữa các nước lớn có phần hòa dịu hơn trong hình thái vừa hợp tác vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, vừa cạnh tranh vừa thỏa hiệp nhằm đi đến xác lập cơ chế mới cho sự hợp tác theo hướng hình thành một trật tự thế giới ít lệ thuộc vào Mỹ... Nhìn khái quát, an ninh chính trị thế giới năm 2005 có thể thấy rõ qua một số nét chính sau:

Trước hết, chủ nghĩa can thiệp mới thông qua các cuộc "cách mạng màu sắc" vốn từng mạnh lên trong những năm trước đây, đến nay có phần đã chững lại và không tạo ra hiệu ứng lây lan có tính dây chuyền. Nếu như năm 2004 qua đi với các cuộc "cách mạng màu sắc" được coi là hệ quả của chủ nghĩa can thiệp mới ở U-crai-na và Gru-di-a, thì cuộc "cách mạng hoa Tuy-lip" ở Cu-rơ-gư-xtan (tháng 3-2005) được coi là "dư chấn" cuối cùng của nó tại khu vực Trung Á. Thực tế chính trị phức tạp và ảm đạm ở các nước sau các cuộc "cách mạng màu sắc" đã trở thành bài học hữu

ích cho các quốc gia còn lại. Điều rõ ràng là những luận điệu về "dân chủ", "nhân quyền", "sự giúp đỡ tái chính"... mà các ứng cử viên được Mỹ và phương Tây hậu thuẫn đưa ra chỉ là những "cái bánh vẽ" không hơn, không kém. Tháng 6-2005, tại cuộc gặp thượng đỉnh của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), các nước thành viên đã yêu cầu Mỹ phải đưa ra lịch trình rút quân khỏi các căn cứ ở U-dơ-bê-ki-xtan và Cu-rơ-gư-xtan. Tháng 7-2005, Tổng thống U-dơ-bê-ki-xtan I. Ka-ri-mốp chính thức yêu cầu Mỹ rút quân khỏi căn cứ Ka-si Kha-na-bát vào cuối năm đó. Tháng 12-2005, bầu cử ở Ca-dắc-xtan với chiến thắng áp đảo 91% thuộc về Tổng thống Na-gia-bai-ép - người đã giữ cương vị này liên tục trong 16 năm qua, bất chấp những mưu mô can thiệp từ bên ngoài. Dưới sự lãnh đạo của ông, kinh tế Ca-dắc-xtan tăng trưởng cao, GDP bình quân đầu người đạt 2.226 USD (cao nhất vùng Trung Á). Giới phân tích bình luận rằng thắng lợi này của ông Na-gia-bai-ép đã chấm dứt các cuộc "cách mạng màu sắc" ở Trung Á.

Trong quan hệ giữa các nước lớn, năm 2005 ghi nhận những động thái mới, trong đó nổi rõ *sự nỗ lực hợp tác của Nga và Trung Quốc*. Cách đây 4 năm, khi Mỹ lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố đã đưa quân chiếm đóng các vị trí quân sự chiến lược then chốt ở khu vực Trung Á, điều này khiến cho Nga, Trung Quốc cùng các nước trong khu vực không khỏi lo ngại. Đây chính là một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của SCO từ cơ cấu tiền thân là Diễn đàn Thượng Hải. Trong thời gian qua, SCO đã phát triển

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nhau nhằm tạo nên một khối an ninh trong khu vực. Hiện tổ chức này đã được cộng đồng quốc tế công nhận là một thực thể địa - chính trị, một nhân tố mang tính xây dựng quan trọng đối với an ninh, chính trị khu vực cũng như trên thế giới. Giới chuyên gia cho rằng Nga và Trung Quốc, hai thành viên trụ cột của SCO có điểm nhất trí là phải hạn chế ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực. Tháng 8-2005, Nga và Trung Quốc đã có cuộc tập trận chung biểu dương lực lượng tại vùng Đông - Bắc Á. Tại cuộc họp cấp cao an ninh của SCO diễn ra ở Mát-xcơ-va (tháng 12-2005) đã có sự tham gia của các thành viên cấp cao của 3 nước quan sát viên là Ấn Độ, Pa-ki-tan và I-ran. Các nước này bày tỏ mong muốn được gia nhập SCO. Nếu điều này trở thành hiện thực thì tầm ảnh hưởng của SCO sẽ trải dài từ Nam Á đến tận Trung Đông. Theo giới phân tích, động thái đáng chú ý này cho thấy các cường quốc trong khu vực đang chứng tỏ họ muốn giải quyết các vấn đề tại lục địa Á - Âu mà không cần sự tham gia của Mỹ. Ông A. Đu-gin, Chủ tịch Phong trào quốc tế Á - Âu đã tuyên bố: "Chúng ta đang từng bước xây dựng một trật tự thế giới không dựa vào quyền bá chủ đơn cực của Mỹ" (theo Roi-tơ, ngày 6-12-2005).

Một động thái nữa cho thấy quyết tâm của các nước Trung Á muốn giảm bớt ảnh hưởng của Mỹ là Hội nghị Thượng đỉnh của Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) được tổ chức tại Ca-dan (Nga) vào tháng 10-2005. Đây là cuộc gặp có tầm quan trọng chiến lược đối với SNG, bởi nó đề ra đường lối cải cách, tìm ra mô hình liên kết mới phù hợp với lợi ích chung của Cộng đồng cũng như của từng quốc gia thành viên. Hội nghị đã thành lập "Hội đồng các nhà thông thái", thông qua hàng loạt các văn kiện, trong đó có Nghị định thư về hợp tác biên phòng, hợp tác nhân đạo, các chương trình hợp pháp chống di cư bất hợp pháp, chống khủng bố và cực đoan. Tất cả các điều trên cho thấy quyết tâm của các nước thành viên trong việc tạo ra một động lực mới cho sự phát triển của một cộng đồng rộng lớn, có một vị trí địa - chính trị đặc biệt quan trọng này. Đồng thời, nó mở ra một tương lai gắn kết chặt chẽ hơn trong nội bộ SNG nhằm có thể chống lại ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây.

Năm 2005, Mỹ và Trung Quốc tỏ rõ sự tích cực thiết lập cơ chế đối thoại mới về chính trị và an ninh. Gần 30 năm qua kể từ ngày bình thường hóa quan hệ,

hai nước Mỹ và Trung Quốc đã thiết lập được nhiều kênh và cơ chế đối thoại khác nhau, nhưng đầu tháng 8-2005 đến nay, hai nước thiết lập được thêm cơ chế đối thoại cấp cao, định kỳ về chính trị và an ninh theo thỏa thuận đạt được giữa cấp cao hai nước. Mỹ giờ đây đã chấp nhận một thực tế là Trung Quốc đang trở dậy nhanh chóng và có vị thế ngày càng lớn ở khu vực cũng như trên thế giới. Vì vậy, Mỹ muốn "chung sống lâu dài" cũng như tranh thủ vai trò của Bắc Kinh trong giải quyết một số vấn đề quốc tế. Còn đối với Trung Quốc, cơ chế đối thoại mới giúp nước này giải quyết những vấn đề nhạy cảm trong quan hệ Mỹ - Trung, nhất là vấn đề Đài Loan, mà lại tránh cho đôi bên khả năng đối đầu quân sự. Các vấn đề còn tồn đọng của thời kỳ "chiến tranh lạnh" như vấn đề bán đảo Triều Tiên, Đài Loan, có triển vọng được giải quyết thông qua đàm phán hòa bình.

Trên bình diện an ninh, chính trị thế giới năm 2005, một chuyển biến đáng ghi nhận khác, đó là các "điểm nóng" có xu hướng "hạ nhiệt" chuyển sang giải pháp hòa bình. Tại Trung Đông, càng về cuối năm, "con tàu hòa bình Trung Đông" dường như có cơ may tìm được bến đậu. Sự kiện gây ấn tượng trong năm không phải việc I-xra-en rút quân khỏi dải Ga-da và bờ Tây sông Gioóc-đan, trả lại đất cho người Pa-le-xtin, mà là việc Thủ tướng I-xra-en A.Sa-rôn đã rời khỏi Đảng cực hữu Li-cút và tuyên bố thành lập một đảng mới - Ka-đi-ma (Tiến lên) để chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử vào tháng 3-2006. Tiếp sau đó vài ngày, cựu Thủ tướng I-xra-en - ông S.Pê-rét cũng chia tay Công đảng - nơi ông đã gắn bó suốt 60 năm để ủng hộ Thủ tướng A.Sa-rôn với "quyết tâm theo đuổi lộ trình hòa bình Trung Đông". Với khẩu hiệu "Đổi độc lập lấy an ninh", ông A.Sa-rôn đã khuôn gọn mâu thuẫn của tiến trình hòa bình Trung Đông chỉ còn trong quan hệ giữa I-xra-en và Pa-le-xtin, thay vì giải quyết mâu thuẫn chung giữa I-xra-en với cả thế giới Ả-rập như trước đây. Như vậy, ông A.Sa-rôn đã tách vấn đề độc lập của Pa-le-xtin ra khỏi vấn đề trả đất cho các nước Ả-rập láng giềng mà nước này đã chiếm giữ để làm vùng đệm an ninh trong các cuộc chiến tranh trước đó. Dù "Đổi độc lập lấy an ninh" chưa phải là phương án giải quyết triệt để vấn đề hòa bình ở Trung Đông, nhưng dấu sao nó vẫn có thể được xem là một phương án tích cực hơn so với những quan điểm cực đoan của Đảng Li-cút và nhờ đó mà "Con tàu hòa bình Trung Đông" có cơ may tiến triển.

Năm 2005, điểm nóng *Ca-sơ-mia* cũng có dấu hiệu "hạ nhiệt" bằng việc Ấn Độ và Pa-ki-xtan cùng phối hợp giải quyết hậu quả của trận động đất 7,5 độ rich-te trong năm. Hai nước đã đạt được thỏa thuận mở cửa biên giới giữa khu vực tranh chấp *Ca-sơ-mia*, cho phép các hoạt động hỗ trợ nạn nhân động đất được thực hiện thuận lợi hơn. Ngoài ra, lần đầu tiên sau nhiều năm trở lại đây, Ấn Độ còn cử các đội cứu trợ và viện trợ 25 triệu USD giúp Pa-ki-xtan giải quyết hậu quả trận động đất. Động thái trên đây chứng tỏ quan hệ giữa hai quốc gia Nam Á đã có những bước cải thiện đáng kể, có lợi cho hòa bình và ổn định khu vực sau hàng chục năm căng thẳng về an ninh chính trị.

Năm 2005 trôi qua, tuy những hình ảnh của mạng lưới khủng bố An-kê-da vẫn còn xuất hiện trên truyền hình và Ô-sa-ma Bin-la-đen chưa bị bắt, nhưng các vụ khủng bố đẫm máu diễn ra như các năm trước đây ở Nga, Tây Ban Nha hay In-đô-nê-xi-a hầu như không xảy ra. Các "điểm nóng" hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, I-ran chưa được giải quyết dứt điểm, nhưng tình hình tại đó đã có phần dịu hơn, không còn quá căng thẳng như những năm trước. Các chủ đề về chống khủng bố, không phổ biến vũ khí hạt nhân,... vẫn luôn là các đề tài thảo luận trong chương trình nghị sự tại các diễn đàn từ Liên hợp quốc đến các tổ chức khu vực hay các cuộc đàm phán song phương. Việc giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu này đã thể hiện rõ đây không còn là chuyện riêng của một nước, một khu vực mà là mối quan tâm chung của cộng đồng thế giới và chỉ có thể giải quyết bằng sự hợp tác đa phương trên diện rộng theo luật pháp quốc tế.

Năm 2005 cũng là năm *Mỹ và nhiều nước phương Tây phải đối mặt với những vấn đề nan giải*, bộc lộ mặt tiêu cực và tính thiếu bền vững trong sự phát triển của các chính thể tư bản hiện nay. Nước Mỹ trong năm qua tiếp tục sa lầy sâu hơn ở I-rắc. Bản Hiến pháp của I-rắc do Mỹ "đạo diễn" đã không được thông qua cũng đồng nghĩa với mô hình dân chủ kiểu Mỹ không thành công ở I-rắc và nước Mỹ cũng không thể áp đặt nó với các nước Trung Đông khác... Thực tế đã cho thấy chiến lược của Mỹ ở Trung Đông đã đi vào tình thế bế tắc. Trong khi đó, những cuộc tấn công ở I-rắc nhằm vào Mỹ ngày một nhiều hơn với những biến thái khó lường. Tính đến ngày 4-12-2005, số lính Mỹ thiệt mạng tại I-rắc đã lên tới 2.120 người kể từ khi Mỹ phát động cuộc chiến (tháng 3-2003). Vậy mà

Tổng thống Mỹ G.W.Bu-sơ vẫn tuyên bố Mỹ sẽ không rút quân sớm khỏi I-rắc trước năm 2006.

Cùng với sự sa lầy tại I-rắc, chính quyền Mỹ đang bị tố cáo trong hành động của CIA đã vận chuyển trái phép tù nhân nguy hiểm qua các sân bay ở châu Âu và lập các khu giam giữ tù nhân bí mật cũng như dùng cực hình đối với tù nhân ở một số nước Đông Âu, Thái Lan, Á-p-ga-ni-xtan, Vùng Goan-ta-na-mô. Lời cáo buộc trên cùng việc chậm ứng phó đối với hậu quả các cơn bão nhiệt đới vừa qua đã bộc lộ những yếu kém của chính quyền Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề về dân chủ, nhân quyền. Điều này cũng cho thấy một phần trong sự trớ trêu của chính quyền Mỹ trong việc áp đặt các giá trị dân chủ, nhân quyền của mình cho các nước trên thế giới.

Liên minh châu Âu (EU) trong năm 2005 cũng phải đối mặt với những vấn đề nổi cộm mà trước tiên là phản ứng của dư luận xã hội đối với bản dự thảo Hiến pháp chung đầu tiên của 25 nước EU. Có 54,87% cử tri Pháp đã không đồng ý thông qua dự thảo Hiến pháp này. Tiếp theo, 61,6% cử tri Hà Lan cũng nói "không" với dự thảo bộ luật cơ bản này của Liên minh châu Âu. Việc Pháp và Hà Lan - hai trong sáu thành viên sáng lập EU - bác bỏ dự thảo Hiến pháp chung đã phản ánh tính không chắc chắn về chính trị trong Liên minh. Thêm vào đó, trong các ngày 16 và 17-6-2005 tại Brúc-xen (Bỉ), Hội nghị Thượng đỉnh EU đã thất bại khi không thông qua được ngân sách 120 tỉ Ô-rô/năm cho giai đoạn 2007 - 2013. Cuộc tranh cãi giữa các nước thành viên EU về vấn đề ngân sách dài hạn càng làm cho mâu thuẫn nội bộ giữa các nước thành viên ngày càng sâu sắc hơn.

Cuối năm, nhịp sống chính trị EU càng "nóng" hơn bởi những bất ổn về an ninh. Tháng 10-2005, các nước Tây Âu phải đương đầu với một làn sóng bạo lực của những thanh niên da màu nhập cư, mà điểm khởi phát đầu tiên là ở Pháp, sau đó lan truyền sang các nước láng giềng như Bỉ, Đức, Hà Lan... Làn sóng bạo lực này là sự biểu hiện của những bất cập, những mặt trái không dễ khắc phục trong sự phát triển kinh tế - xã hội và chính sách đối nội của một số quốc gia Tây Âu giàu có. Theo đánh giá của giới nghiên cứu, nhiều năm qua, mô hình kinh tế Tây Âu bộc lộ khá rõ nét tính thiếu bền vững với các chính sách chủ yếu nghiêng về bảo vệ xã hội và an ninh việc làm, hơn là phát triển, tạo thêm việc làm mới. Mặc dầu các chính sách của EU, xét về mục tiêu, đều nhấn mạnh tới bảo

đảm mức sống khá giả cho người dân, nhưng trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay, vô hình trung, nó tạo ra một tầng lớp công dân hạng hai trẻ tuổi thất nghiệp, với tâm trạng chơi vơi và hẫng hụt trong lý tưởng sống, nhiều người trong số đó có nguồn gốc nhập cư. Ông Y.Sa-béc, một doanh nhân quốc tịch Pháp cho rằng: "Những thanh niên này không có ước mơ, họ cảm thấy nhục nhã và bị đứng ngoài cuộc"⁽¹⁾.

Sự bất bình gia tăng trong cộng đồng nhập cư còn đặt châu Âu trước một nguy cơ mới - sự bài ngoại dữ dội. Những đảng chống người nhập cư đang hồi sinh. Các chính phủ trung hữu từ các nước Xcăng-đi-na-vơ đến Địa Trung Hải hiện đang có mối quan hệ liên minh với các đảng chống người nhập cư và những cuộc bạo loạn vừa qua ở Tây Âu có thể giúp các nhóm cực đoan thu hút thêm sự ủng hộ. Như vậy, châu Âu đã từng là khu vực đi trước trong việc giải quyết những mâu thuẫn mang tính vấn nạn toàn cầu, như khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo và quan hệ Bắc - Nam trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa. Song, những bất ổn của nhiều nước EU vừa qua cũng là bài toán nan giải, đồng thời cũng trở thành một bài học hữu ích trong phát triển kinh tế, xã hội cho các nước tư bản phát triển cũng như cho tất cả các nước nói chung đang hội nhập quá trình toàn cầu hóa đa bình diện và nhiều nghịch lý hiện nay.

Trên bức tranh toàn cảnh an ninh chính trị thế giới năm 2005 phải kể đến một mảng sáng rất ấn tượng, đó là sự phát triển ngoạn mục về kinh tế, sự ổn định chính trị và an ninh của các nước xã hội chủ nghĩa mà tiêu biểu là Trung Quốc, Việt Nam và Cu-ba. Tiếp theo những năm trước, Trung Quốc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng GDP là 9%. Quan hệ đối ngoại của nước này không chỉ phát triển mạnh với Mỹ mà còn với hầu khắp các trung tâm kinh tế, chính trị quốc tế chủ chốt.

Chuyên gia Vi-véc Su-ri thuộc văn phòng Ngân hàng thế giới (WB) tại Việt Nam cho rằng, năm 2005 GDP của Việt Nam tăng trưởng ấn tượng với tỷ lệ khoảng 8,4%. Sự ổn định chính trị và tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam đã củng cố lòng tin cho các đối tác nước ngoài. Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam kết thúc ngày 7-12 vừa qua đã cam kết sẽ tài trợ 3,747 tỉ USD cho Việt Nam vào năm 2006. Điều này thể hiện sự đánh giá cao và ủng hộ mạnh mẽ của các nhà tài trợ đối với công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Kinh tế Cu-ba năm nay tăng trưởng trên 9%. Đây là thành tựu rất có ý nghĩa vì nó đạt được trong bối cảnh chính quyền Mỹ vẫn tăng cường chính sách bao vây, cấm vận và Cu-ba vừa trải qua các trận bão lụt, hạn hán gây thiệt hại nặng nề. Điều này chứng tỏ sức sống, sự vươn lên mạnh mẽ của một nhà nước tự do đang vững bước trên con đường đi tới những mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn. Sự đoàn kết giúp đỡ tương trợ lẫn nhau giữa Cu-ba với các nước Nam Mỹ như Vê-nê-xu-ê-la, Bra-xin, Chi-lê, Ác-hen-ti-na... cũng là một nét đẹp trong quan hệ quốc tế năm 2005. Mối quan hệ hữu nghị giữa Cu-ba và nhiều nước Mỹ La-tinh không chỉ tạo nên sự tăng trưởng về kinh tế mà còn giúp các nước này ổn định chính trị - xã hội, giảm bớt sự lệ thuộc vào Mỹ, lựa chọn con đường phát triển phù hợp.

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tình hình an ninh chính trị năm 2005 vẫn tiếp tục được củng cố, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế phát triển. Hội nghị cấp cao APEC tại Bu-san (Hàn Quốc) khẳng định lại sự cam kết của các nước thành viên đẩy mạnh các vấn đề liên kết, tự do hóa thương mại và đầu tư, duy trì và củng cố môi trường hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực cũng như trên thế giới. Đặc biệt, phải kể đến những nỗ lực của các nước ASEAN và 3 nước Đông - Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trong quyết tâm chính trị đưa hợp tác Đông Á lên tầm cao mới. Theo hướng này, Hội nghị cấp cao Đông Á lần đầu tiên đã được tiến hành tại Ma-lai-xi-a vào trung tuần tháng 12-2005.

Nhìn tổng quát tình hình an ninh chính trị trên thế giới năm 2005 cho thấy, tuy có những diễn biến phức tạp về tương quan lợi ích giữa các chủ thể, nhất là giữa các nước lớn trên bàn cờ quyền lực ở các cấp độ khu vực và toàn cầu, nhưng nhân tố tích cực có lợi cho hòa bình ổn định, hợp tác cùng phát triển đã trở nên rõ ràng hơn những năm trước. Đây là cơ sở quan trọng để có thể hy vọng về một triển vọng khả quan và sáng sủa của đời sống an ninh, chính trị thế giới trong năm 2006. đương nhiên, điều đó còn phụ thuộc rất nhiều vào các nỗ lực của cộng đồng quốc tế, nhất là sự chủ động của các lực lượng, các chủ thể trong sự phối hợp hành động hướng tới một thế giới hòa bình, ổn định và phồn vinh.□

(1) Xem "Cơn bão Katrina của Pháp", www.laodong.com.vn, ngày 12-8-2005

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ A-LUN-MAY (LÀO) THĂM VIỆT NAM

SAU chuyến thăm và làm việc của đoàn cán bộ Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vào đầu tháng 12-2005, từ ngày 17 đến 26-12-2005, nhận lời mời của Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, đoàn cán bộ của Tạp chí A-lun-may, do đồng chí tiến sĩ Bua-chăn Pheng-sa-vát - Tổng Biên tập dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam.

Trong thời gian ở nước ta, đoàn đã được đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và GS, TS Lê Hữu Nghĩa - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản tiếp.

Đoàn đã làm việc với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, trao đổi về công tác quản lý báo chí, về công tác biên tập, phát hành Tạp chí hiện nay nhằm tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao trong thời kỳ mới.

Đoàn cũng đã đến thăm và làm việc với lãnh đạo Công ty in của Tạp chí Cộng sản; thăm một số cơ sở kinh tế - văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng ở thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Kiên Giang và huyện đảo Phú Quốc. Ngày 26-12-2005, đoàn rời thành phố Hồ Chí Minh về nước, kết thúc tốt đẹp chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam. □

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM CỘNG HÒA PHÁP

ĐƯỢC sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, vừa qua, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã cử đoàn cán bộ do PGS, TS Trần Quang Nhiếp - Phó tổng biên tập thường trực dẫn đầu sang thăm, làm việc tại Cộng hòa Pháp từ ngày 6 đến 15-12-2005.

Đoàn đã làm việc với Tổng vụ trưởng châu Á, Vụ trưởng vụ Đông - Nam Á,... thuộc Bộ Ngoại giao Pháp; làm việc với đồng chí Trưởng Ban Đối ngoại Đảng Cộng sản Pháp, báo *Nhân Đạo* (L'Humanite), báo *Thế giới ngoại giao* (Lemonde diplomatique), tạp chí *Nền Cộng hòa của những ý tưởng* (La republique des Idées), tạp chí *Nghiên cứu* (Etudes), tạp chí *Tranh luận* (Le Débar)... Đoàn cũng đã trao đổi và làm việc với Quỹ Ga-bri-en - một tổ chức chính trị ở Pháp mang tên đồng chí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp đã bị phát xít Đức giết hại năm 1941. Cùng dự buổi làm việc có đại diện Bộ Ngoại giao Pháp, lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp, báo Nhân Đạo.

Trong thời gian ở Pa-ri đoàn đã có những cuộc tiếp xúc, trao đổi với ngài tiến sĩ,

giám đốc - Vụ trưởng vụ nghiên cứu của Tổng Công đoàn Pháp với một số cán bộ lão thành của Đảng Cộng sản Pháp và một số giáo sư ở Pháp...

Đoàn đã tập trung nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình chính trị - xã hội của Cộng hòa Pháp, về tổ chức, hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp và tổ chức công đoàn, phong trào công nhân ở nước Pháp hiện nay; cũng như về các hoạt động và tổ chức báo chí của Pháp...

Trong các buổi tiếp xúc và làm việc, đoàn đã trình bày và làm rõ những vấn đề mà phía Pháp quan tâm như: Đường lối và kết quả đổi mới của Việt Nam; hoạt động của báo chí cũng như chức năng, nhiệm vụ của Tạp chí Cộng sản và công tác nghiên cứu lý luận ở nước ta; về chính sách dân tộc, tôn giáo đúng đắn, nhất quán của Đảng, Nhà nước ta; về đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay...

Đoàn đã đến thăm Đại sứ quán nước ta và dự lễ khai trương trụ sở mới của tùy viên quốc phòng Việt Nam tại Pa-ri.

PV

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quận Hoàng Mai

Địa chỉ Quận uỷ: Khu Đền Lũ - Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai - Hà Nội

Bí thư: Trần Thị Thanh Nhân



Ban Chấp hành Đảng bộ quận khoá I (2005 - 2010)

Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2005 - 2010 của Đảng bộ quận Hoàng Mai diễn ra trong điều kiện sự nghiệp đổi mới đất nước và Thủ đô, tiếp tục tạo thế và lực cho sự phát triển toàn diện, hướng tới 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Những thành tích, kinh nghiệm sau hai năm thành lập là tiền đề quan trọng; sự quan tâm lãnh đạo và đầu tư nhiều mặt của Trung ương, thành phố; quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; sự tận tụy trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của nhân dân, cùng với lợi thế về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên, lao động, ngành nghề, truyền thống văn hóa... là những thuận lợi cơ bản cho sự phát triển đi lên của quận.

Đại hội đã quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển quận.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

* Cơ cấu kinh tế: tiếp tục tăng dần tỷ trọng dịch vụ - thương mại trong cơ cấu kinh tế công nghiệp, tiểu thủ CN dịch vụ, thương mại và nông nghiệp; Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 16% trở lên; Giá trị CN - TTCN - xây dựng tăng bình quân 16%; Giá trị dịch vụ - thương mại tăng bình quân 17% trở lên; Giá trị nông nghiệp - thủy sản tăng bình quân 1,5-2%, giá trị sản xuất phần đầu đạt 78-80 triệu đồng/ha canh tác.

* Xây dựng và quản lý đô thị: phần đầu hoàn thành cơ bản quy hoạch chi tiết phường và các quy hoạch chuyên ngành vào năm 2008.

* Văn hóa - xã hội: phần đầu xây dựng 30% trường đạt chuẩn quốc gia, 100% phường đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở vào năm 2006; giải quyết việc làm cho 4.000 lao động/năm.

* Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: các Nghị quyết của Đảng được quán triệt đến 100% TCCS đảng, phần

đầu có từ 75% trở lên các tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh; xây dựng bộ máy chính quyền các cấp vững mạnh để làm tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

- Phối hợp với các ngành của thành phố để sớm hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chi tiết các phường và quy hoạch phát triển ngành.

- Sắp xếp các khu công nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng dự án khôi phục các làng nghề truyền thống; vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

- Đẩy nhanh GPMB thực hiện các dự án, ưu tiên các dự án trọng điểm của thành phố và quận, như: dự án cầu Thanh Trì - tuyến nam vành đai 3, đường nối Đền Lũ - Trương Định - Giáp Bát, triển khai xây dựng trung tâm hành chính của quận...

- Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, như: quản lý đô thị, đất đai và trật tự xây dựng...

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết TW 6 (lần 2), khóa VIII; tăng cường củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra; thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở.

Phát huy truyền thống Thủ đô anh hùng, ngàn năm văn hiến của Thăng Long - Hà Nội, Đảng bộ và nhân dân quận Hoàng Mai đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I. Tất cả vì mục tiêu: Đoàn kết, dân chủ, đổi mới; phát huy mọi nguồn lực xây dựng quận Hoàng Mai từng bước phát triển toàn diện, vững chắc hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.



Vinatea



Đường
Tâm
Hồn
Việt



TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM - VIETNAM NATIONAL TEA CORPORATION

Website : www.vinatea.com.vn * Email : info@vinatea.com.vn

Điện thoại: 40 6 226 990 - Fax: 04 6 226 991

Digitized by Google

▶ NHÀ SẢN XUẤT VLXD ĐA NGÀNH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
▶ NHÀ ĐẦU TƯ TIN CẬY CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ



VIGLACERA

Website: www.viglacera.com.vn

Chức năng Xương sống
Binh Tuất
2006



**CHIA KHÓA
THÀNH CÔNG**



KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

Chúc Mừng Năm Mới 2006
Xuân Bình Thuận



TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

Thể lệ chương trình khuyến mại **HÃY TẠO SỰ KHÁC BIỆT CÙNG XĂNG 95** **MẠNH MẼ HƠN- HIỆU QUẢ HƠN**

Đối tượng tham gia: Chương trình áp dụng cho tất cả các khách hàng tiêu dùng trực tiếp mua xăng 95 (R95 KC) tại các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX). Không áp dụng cho nhân viên của PETROLIMEX, của các doanh nghiệp quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại.

Cơ cấu giải thưởng: bao gồm:

- 10 giải thưởng mỗi giải 01 xe máy PIAGGIO VESPA-LX 125
- 50 giải thưởng mỗi giải 01 xe máy HONDA WAVE ZX (hoặc WAVE RS)
- 300 giải thưởng mỗi giải 100 lít xăng R95 KC

Hình thức khuyến mại: Rút thăm trúng thưởng

Thời gian khuyến mại: từ ngày 20/12/2005 đến hết ngày 07/2/2006

Thể lệ tham dự: Trong thời gian khuyến mại khách hàng mua xăng 95 tại các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của PETROLIMEX sẽ được nhận phiếu tham gia rút thăm trúng thưởng như sau:

Khi mua mỗi 03 lít xăng R95 KC/lần được nhận 01 phiếu tham dự rút thăm trúng thưởng xe máy WAVE ZX (hoặc WAVE RS)

Khi mua mỗi 15 lít xăng R95 KC/lần sẽ được nhận thêm 01 phiếu tham dự rút thăm trúng thưởng xe máy PIAGGIO VESPA LX 125

hoặc xăng R95 KC

Quy định về phiếu tham dự rút thăm trúng thưởng hợp lệ:

- Là phiếu do PETROLIMEX phát hành, có dấu giáp lai của đơn vị phát hành (là các Công ty, Chi nhánh, Xi nghiệp trực thuộc PETROLIMEX). Phiếu phải còn nguyên vẹn, không tẩy xóa và được điền đầy đủ thông tin bằng viết tay.

- Phiếu phải được bỏ vào thùng phiếu tại các cửa hàng xăng dầu trước 24h ngày 07/2/2006. Nếu phiếu gửi bằng đường bưu điện thì phải được gửi trước 24h ngày 07/2/2006 và đến Công ty mở thưởng trước 0h ngày 23/2/2006 (theo dấu của bưu điện)

Quy định về việc tổ chức rút thăm trúng thưởng: PETROLIMEX sẽ tổ chức rút thăm trúng thưởng dưới sự chứng kiến của Đại diện Cục xúc tiến Bô Thương mại, Đại diện Hội bảo vệ người tiêu dùng, Đại diện các cơ quan báo chí tại địa phương, Đại diện khách hàng. Việc rút thăm sẽ được tổ chức làm 02 đợt, đợt cuối vào ngày 23/2/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình khuyến mại) tại 5 hội đồng ở 5 vùng trong cả nước.

Quy định về việc trả thưởng: Kết quả trúng thưởng sẽ được công bố rộng rãi trên các báo Lao Động, Thanh Niên, Thương Mai... trên phạm vi toàn quốc trong vòng 10 ngày sau khi xác định kết quả trúng thưởng.

PETROLIMEX sẽ tổ chức trao thưởng cho các khách hàng trúng thưởng xe máy tại các Công ty xăng dầu trực thuộc PETROLIMEX nơi có khách hàng trúng thưởng.

Quy định khác:

- Chương trình khuyến mại này chỉ áp dụng cho người tiêu dùng trực tiếp, vì vậy chỉ chấp nhận khách hàng nhận thưởng là cá nhân, không trao giải thưởng cho tập thể.

- Người trúng thưởng phải thanh toán mọi khoản thuế và nghĩa vụ tài chính liên quan đến giải thưởng được nhận theo quy định, cùng như chịu mọi chi phí đi lại, ăn nghỉ để nhận giải thưởng.

- Khi đi nhận thưởng, khách hàng phải xuất trình CMND và cuốn phiếu. Nếu nhận thưởng thay phải có Giấy ủy quyền.

- PETROLIMEX có quyền sử dụng tên và hình ảnh của người trúng thưởng cho mục đích tuyên truyền, quảng cáo của PETROLIMEX mà không phải trả bất kỳ chi phí nào.

Mọi chi tiết Quý khách hàng vui lòng liên hệ với các Công ty, Chi nhánh, Xi nghiệp trực thuộc PETROLIMEX trên toàn quốc, hoặc liên hệ theo các số điện thoại sau:

- + Miền Bắc: 04 8272279 và 033.846373
- + Miền Trung: 0511.572132
- + Miền Nam: 08 9101931
- + Miền Tây Nam Bộ: 071.823913

PETROLIMEX - KHỞI NGUỒN CỦA MỌI CHUYỂN ĐỘNG

Digitized by Google



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN SAIGON TRADING GROUP

Địa chỉ: 275B Phạm Ngũ Lão, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 368 779 - 8 368 735 Fax: (84.8) 8 375 902 - 8 369 327

Email: satra@hcm.vnn.vn

Website: www.satra.hochiminhcity.gov.vn

Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA được hình thành từ những công ty chuyên nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh có năng lực và nhiều uy tín của thành phố Hồ Chí Minh. SATRA sở hữu một số vốn rất lớn và hiện đang chiếm lĩnh một thị phần đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực phía Nam Việt Nam.

Một số lĩnh vực hoạt động chính của Satra:

1. **Sản xuất - kinh doanh:** sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán sỉ, bán lẻ và phân phối các loại thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp như: thủy hải sản, lương thực, nông sản phẩm, thịt và chế phẩm từ thịt, thực phẩm chế biến, hàng bách hóa và gia dụng, gỗ và đồ gỗ gia dụng, vải, sợi và quần áo may sẵn, hàng thủ công mỹ nghệ, bao bì, các loại giấy, nhựa, sắt thép, máy móc, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, nhiên liệu, xăng dầu, chất đốt, v.v...

2. **Dịch vụ:** phục vụ nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp và cá nhân như: cung ứng tàu biển, giao nhận xuất nhập khẩu, du lịch, cho thuê bất động sản (cao ốc văn phòng, cửa hàng, kho bãi), cung ứng lao động và các dịch vụ khác cho cơ quan và người nước ngoài, dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác thăm dò và khai thác dầu khí, v.v...

3. **Đầu tư tài chính:** tham gia vào các dự án đầu tư, góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá khác, v.v...





Độc Bí thư Tỉnh uỷ Hoàng Văn Hôn tặng Cờ lưu niệm nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngành GTVT tỉnh Hoà Bình.

CHúc Mừng Ngày Mới 2006

Thực hiện kế hoạch 5 năm 2001- 2005, ngành Giao thông Vận tải tỉnh Hoà Bình đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Cụ thể:

I. CÔNG TÁC VẬN TẢI

1. Trong hoạt động giao thông đường bộ:

- Sở Giao thông Vận tải đã chỉ đạo các đơn vị quản lý, các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải tiếp tục thực hiện triệt để các quy định của Nhà nước, phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành có liên quan để tuyên truyền hướng dẫn Luật Giao thông đường bộ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn giao thông.

- 100% số phương tiện vận tải khách của tỉnh đạt tiêu chuẩn quy định.

- Bến xe khách trung tâm thị xã và bến xe Chăm Mát hoạt động ổn định, đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần giữ gìn trật tự an toàn giao thông, tăng cường được hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực vận tải.

2. Trong hoạt động vận tải đường thủy:

- Thường xuyên phối hợp với thanh tra giao thông Cục Đường sông Việt Nam, Đoàn Quản lý đường sông số 9, cảnh sát giao thông đường thủy kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động của các bến thủy, các phương tiện thủy nội địa.

- Đăng ký mới 4 bến đò ngang thuộc hạ lưu sông Đà, đăng ký lại bến cảng Bích Ho, đăng ký lại 3 bến chợ trên vùng thượng lưu hồ sông Đà.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG

- Bằng nguồn vốn XDCBTT đã xây dựng mới 417m cầu, mở mới 21,1km đường, nâng cấp cải tạo 149 km với tổng kinh phí 180,6 tỉ đồng.

- Vốn dự án vùng hồ sông Đà xây dựng mới được 74,9km đường, nâng cấp cải tạo 5km với tổng kinh phí 59,5 tỉ đồng.

- Vốn ADB nâng cấp được 10,23km đường với tổng kinh phí 5,9 tỉ đồng. Ngoài ra, còn có các công trình giao thông được đầu tư nâng cấp bằng các nguồn vốn của các dự án khác trên địa bàn tỉnh như: chương trình 135, dự án giảm nghèo...

ĐỊA CHỈ: ĐỒNG TIẾN, THỊ XÃ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

ĐIỆN THOẠI: (018) 852 124 * FAX: (018) 856 027 * GIÁM ĐỐC: BÙI VĂN THẮNG

SỞ
GIAO
THÔNG
VẬN
TẢI
HÒA
BÌNH

ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HÒA BÌNH

ĐC: Đường Trần Hưng Đạo - Phường Lâm - tỉnh Hòa Bình * ĐT: (018) 852 151- 856 163; Fax: (018) 856 163- 852 743



Giám đốc
NGUYỄN THỊ KHUYẾN

I/Truyền hình:

- Cột Anten cao 108m; hệ thống máy phát hình màu; thiết bị sản xuất chương trình hiện đại.
- Tiếp sóng các chương trình của Đài THVN (VTV1, VTV2, VTV3).
- Chương trình Truyền hình địa phương phát sóng 6h/ngày; có 3 chương trình phim truyện mới phát sóng các giờ 11h, 17h, 20h30.

II/Phát thanh:

- Cột Anten cao 105m, máy phát sóng trung 10kW, tần số 1.035 KHZ.
- Sản xuất và phát sóng 3 chương trình/ngày.
- Tổng thời lượng phát sóng: 180 phút/ngày.

Đội ngũ cán bộ phòng viên, biên tập viên, kỹ sư, kỹ thuật viên trẻ, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và mọi nhu cầu thông tin, quảng bá sản phẩm của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

III/ Giá quảng cáo trên các kênh truyền hình Hòa Bình:

Thời điểm quảng cáo	Thời gian	Giới thiệu kinh doanh, dịch vụ sản phẩm sản xuất trong nước		Giới thiệu kinh doanh, dịch vụ liên doanh và nước ngoài	
		15"/đồng	30"/đồng	15"/đồng	30"/đồng
* Trong giải trí buổi sáng	Từ 6h30	250.000	350.000	600.000	800.000
* Ngoài giải trí buổi sáng	Từ 6h30	170.000	250.000	400.000	600.000
* Trong giải trí buổi trưa, chiều	Từ 11h	300.000	500.000	700.000	1.000.000
* Trong giải trí buổi trưa, chiều	Từ 11h	200.000	300.000	500.000	800.000
* Trong giải trí buổi tối	Từ 18h	500.000	1.000.000	1.000.000	2.000.000
* Trong giải trí buổi tối	Từ 18h	300.000	500.000	800.000	1.600.000

Nếu thời lượng ngoài 30 giây thì cứ tăng 5 giây phải cộng thêm 20% giá trị của một lần phát sóng.

IV/Cơ cấu ưu đãi:

Từ 3.000.000đ đến dưới 5.000.000đ: 3%	Từ 80.000.000đ đến dưới 120.000.000đ: 16%
Từ 5.000.000đ đến dưới 10.000.000đ: 6%	Từ 120.000.000đ đến dưới 200.000.000đ: 18%
Từ 10.000.000đ đến dưới 20.000.000đ: 10%	Từ 200.000.000đ đến dưới 600.000.000đ: 20%
Từ 20.000.000đ đến dưới 40.000.000đ: 13%	Từ 600.000.000đ đến dưới 1.000.000.000đ: 25%
Từ 40.000.000đ đến dưới 80.000.000đ: 15%	Từ 1.000.000.000đ trở lên: 26%

Những khách hàng không thực hiện giảm giá trên hợp đồng thì được hưởng hoa hồng khuyến khích từ 3% đến 5% trên tổng giá trị hợp đồng khi tuân thủ các điều kiện quy định của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hòa Bình.

**Chúc
Mừng
Năm
Mới
2006**



THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Bí thư: PHẠM XUÂN ĐƯƠNG

Địa chỉ: 27 đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên
Điện thoại: 0280. 651 989



Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XV - nhiệm kỳ 2005 - 2010

MỪNG ĐẢNG - MỪNG XUÂN 2006

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV, Đảng bộ thành phố đã quán triệt sâu sắc quan điểm lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, công tác xây dựng, chỉnh trang đô thị được chọn là khâu đột phá đã tác động tích cực để thành phố có bước phát triển khá toàn diện, đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đề ra:

1. VỀ KINH TẾ

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng bình quân hàng năm đạt 11,53%. GDP tăng 2,09 lần so với năm 2000 và chiếm 51,4% của toàn tỉnh. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 49,71%, dịch vụ chiếm 44,02%, nông - lâm nghiệp chiếm 6,27%.

- GDP bình quân đầu người từ 5,95 triệu đồng năm 2000 tăng lên 11,5 triệu đồng/người năm 2005.

* Công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao và tương đối bền vững. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng từ 1.681,3 tỉ đồng năm 2000 lên 3.604 tỉ đồng năm 2005, bình quân tăng 16,5%/năm.

* Các ngành dịch vụ có chuyển biến mạnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội: Các loại hình dịch vụ về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, văn tài, bưu chính viễn thông bước đầu đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

* Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá:

- Sản xuất nông nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 4,36%; giá trị sản xuất bình quân trên 1 héc-ta canh tác tăng từ 16 triệu đồng năm 2000 lên 25 triệu đồng/héc-ta năm 2005, vượt 4,5%.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển khá, đã có những mô hình chăn nuôi quy mô lớn.

- Sản xuất lâm nghiệp ổn định, có 3.000 ha đất lâm nghiệp được quản lý, khai thác có hiệu quả.

* Hoạt động tài chính, tín dụng, ngân hàng phát triển lành mạnh.

* Xây dựng và quản lý đô thị có nhiều tiến bộ; trong 5 năm qua thành phố đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư, tạo bước đột phá trong xây dựng, chỉnh trang đô thị. Tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn năm 2005 đạt 1.640 tỉ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000.

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Hệ thống giáo dục - đào tạo trên địa bàn, từ mầm non đến đại học với các loại hình công lập, bán công, dân lập và tư thực đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân. Chất lượng giáo dục - đào tạo không ngừng được nâng lên.

- Cơ sở vật chất các nhà trường được đầu tư theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và phổ thông ngày càng phát triển, khẳng định vai trò trung tâm giáo dục - đào tạo của vùng Việt Bắc.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

- Công tác xây dựng Đảng đã có chuyển biến tích cực trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ thành phố đặc biệt coi trọng việc củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Các cấp ủy tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Nhiều cấp ủy cơ sở đã làm tốt công tác quản lý đảng viên, thông qua việc thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

- Trong 5 năm đã kết nạp được 1.808 người vào Đảng, vượt 20,5% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV đề ra.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ XV

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân từ 15% trở lên. Trong đó: công nghiệp - xây dựng từ 16% trở lên, dịch vụ 18% trở lên, nông nghiệp 3% trở lên.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp với tỷ trọng GDP của công nghiệp 49%, dịch vụ 47%, nông nghiệp 4%.
- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt trên 23 triệu đồng/người/năm, (tăng gấp 2 lần so với năm 2005).
- Phân bổ đầu tư giá trị sản phẩm bình quân 30 triệu đồng trên 1 héc-ta đất canh tác; 50 triệu đồng trên 1 héc-ta chè và cây ăn quả.
- Thu ngân sách hàng năm tăng 12% trở lên.
- Phân bổ 100% trung tâm các phường, xã và 50% diện tích đất nội thị được quy hoạch chi tiết; 100% đường phố có điện chiếu sáng.
- Xây dựng 60% xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá; 95% cơ quan đạt chuẩn văn hoá; 80% xóm có nhà văn hoá; 100% xã, phường có nhu cầu được đầu tư xây dựng trạm truyền thanh cơ sở; 50% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 8.500 lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5%.
- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Hàng năm có trên 85% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, kết nạp 1.500 đảng viên mới trở lên.



HƯỚNG THỨC SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

THANG LONG ENVIRONMENTAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY (ENSERCO)



Đội xe - máy chuyên dùng của Công ty

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 5 115 555 5 111 894

Fax: (84-4) 5 116 855

Email: thanglongenserco@fpt.vn

Giám đốc: Ks NGUYỄN PHÚC THÀNH

Kế toán trưởng: ĐINH CẨM NHUNG



Vận chuyển rác các quận nội thành, cơ quan, xí nghiệp



Dịch vụ thu dọn, vận chuyển phế thải trong ngõ, xóm



Dịch vụ quét, hút bụi



DV vệ sinh công cộng, chăm sóc cây, hoa



Dịch vụ rửa xe

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

Đội cơ giới VSMT: Mỏ Trĩ - Từ Liêm - Hà Nội * ĐT: 04.5 531 358

Đội VSMT quận Hoàng Mai: 357 Nguyễn Tam Trinh - quận Hoàng Mai - Hà Nội * ĐT: 04.6 340 395

Đội DV VSMT quận Long Biên: 31/76 Vũ Xuân Thiều - Sài Đồng - Q. Long Biên Hà Nội * ĐT: 04.8 757 349

Đội Vệ sinh công cộng: Đường Trần Nhân Tông - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội * ĐT: 04.6 340 395

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

1. Tháo dỡ nhà, chung cư, thu dọn, vận chuyển xử lý phế thải xây dựng.
2. Thu gom rác thải.
3. Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật lĩnh vực VSMT.
4. Bơm hút, nạo vét, vận chuyển, xử lý phân, bùn.
5. Vệ sinh phương tiện, thiết bị vận tải, rửa đường, quét hút bụi.
6. Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, chất thải công nghiệp.
7. Chuyển giao công nghệ VSMT cho các tổ chức, cá nhân.
8. Tổ chức các dịch vụ quản lý, duy tu, duy trì cơ sở hạ tầng, kỹ thuật các khu chung cư, đô thị.
9. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị, phụ tùng xe-máy chuyên ngành vệ sinh đô thị.
10. Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Thu gom, vận chuyển rác thải các quận nội thành: Hoàng Mai, Long Biên, Thanh Xuân và một số xã thuộc huyện Từ Liêm: Cổ Nhuế, Xuân Đình, Đại Mỗ, Tây Mỗ.

Thu gom, vận chuyển rác thải, phế thải xây dựng trên địa bàn quận Thanh Xuân, Cầu Giấy, Đống Đa, Long Biên, Hoàng Mai.

Duy trì quản lý hệ thống nhà vệ sinh công cộng văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Lắp đặt, quản lý, vận hành hệ thống trạm rửa xe, trạm tiếp nhận vận chuyển phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố.

Cung ứng dịch vụ VSMT với hơn 600 khách hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tham gia công tác giải phóng mặt bằng-VSMT các dự án trọng điểm của thành phố.



Chỉ bộ Đảng Công ty



Nghiên cứu chuyển giao công nghệ



Dịch vụ tưới nước rửa đường

KẾT QUẢ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ





BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ

WESTERN HO CHI MINH CITY TELEPHONE COMPANY

Số 02 Hùng Vương, phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08-8 336 666 - Fax : 08-8 396 688

E-mail: whtc@hcmpt.com.vn - Website : <http://www.whtc.com.vn>

WHTC
ISO 9001:2000

*Chúc Mừng
Năm Mới*

2006

Xuân Bình Thuận

An Khang

Thịnh Vượng



CÁC ĐIỂM GIAO DỊCH:

- Số 2 Hùng Vương - P.01- Q.10
- Số 1 Trịnh Hoài Đức - P.13 - Q.5
- Số 270B Lý Thường Kiệt - P.14 - Q.10
- Số 246 Phan Văn Trị - P.10 - Q.GV
- Số 1041H Lũy Bán Bích - phường Hòa Thạnh - Q. Tân Phú
- Số 411 Kinh Dương Vương - P12- quận 6
- Số 6/1 Quang Trung - thị trấn Hóc Môn
- Khu phố 8 - thị trấn Củ Chi (dưới chân cầu vượt ngã 5 Củ Chi)
- Bưu điện Củ Chi: Khu phố 2 - thị trấn Củ Chi
- Bưu điện Hóc Môn: 57/7 Lý Nam Đế - thị trấn Hóc Môn
- Bưu điện Bình Chánh: 164 Kinh Dương Vương - thị trấn An Lạc

ĐT: 8 322666

Fax: 8 299666

ĐT: 8 566666

Fax: 9 508650

ĐT: 8 652720

Fax: 8 657700

ĐT: 9 969391

Fax: 9 969268

ĐT: 9 732266

Fax: 9 734735

ĐT: 6 670000

Fax: 6 670011

ĐT: 8 910555

Fax: 7 103705

ĐT: 8 923333

Fax: 8 920511

ĐT: 7 907777

Fax: 8 920780

ĐT: 8 910555

Fax: 7 100555

ĐT: 8 750980

Fax: 8 750630



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ PHÚ NHUẬN
PHU NHUAN COTRACO LTD., Co.

Vốn điều lệ: 222 tỉ đồng VN
Thời hạn hoạt động 49 năm kể từ 3 tháng 9 năm 2005.



CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG & KINH DOANH NHÀ ĐẤT
Specializing In Building And Trading Real Estate

- ★ Kinh doanh mua bán nhà, đất;
- ★ Kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi.
- ★ Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng;
- ★ Kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp;
- ★ Kinh doanh dịch vụ tư vấn thiết kế, tư vấn đầu tư;
- ★ Kinh doanh dịch vụ cho thuê hộ nhà, văn phòng, kho bãi;
- ★ Liên doanh góp vốn với các đối tác trong và ngoài nước để kinh doanh nhà, đất;
- ★ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở nhân dân;
- ★ Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư, khu công nghiệp;
- ★ Thi công san lấp mặt bằng, xây dựng cầu đường;

Chúc Mừng Năm Mới
Đinh Tuất 2006



Cao ốc văn phòng cho thuê.

14 Lê Quý Đôn, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

99 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 8 447 959 - 8 440 221 - 8 420 076 - 8 448 387- Fax: (84.8) 8445 410 - Email: nhapnco@hcm.vnn.vn

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA - ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 05 - Hà Nội - TP. Huế * ĐT: 054 - 845 833 - Fax: 054 833 652 * Email: huecdt@dng.vnn.vn * Website: www.huecdt.edu.vn



Giám đốc

NGUYỄN, PGS, TS VÕ DUY DẪN

CHÚC
MỪNG
MẠM
MƠI
2006

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 359/QĐ/GD-ĐT, ngày 24 - 01 - 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Là đơn vị hành chính sự nghiệp, Trung tâm có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động không hưởng ngân sách nhà nước cấp, thu chi tự cân đối từ nguồn kinh phí đóng góp của học viên, là một đơn vị độc lập trực thuộc Đại học Huế, đào tạo đa ngành theo phương thức từ xa. Trung tâm hiện đang đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn trọn khóa để cấp bằng cử nhân đại học cho các học viên là giáo viên PTTH, PTCS, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý kinh tế quản lý xã hội và nhân dân có nhu cầu học tập, thực hiện chiến lược xã hội hoá giáo dục.

Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế với hơn 100 cán bộ công chức, là một trong những cơ sở đào tạo từ xa trong phạm vi cả nước thực hiện Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về đề án "Phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005 - 2010".

LIÊN TỊCH, NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

Từ khi thành lập đến nay, đã có hơn 100.000 lượt người theo học tại Trung tâm và có trên 30.000 học viên tốt nghiệp cử nhân các chuyên ngành. Trung tâm hiện đang đào tạo trọn khóa cấp bằng cử nhân đại học 13 chuyên ngành: Toán học, Vật lý, Hoá học,

Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Anh văn, Giáo dục tiểu học, Đại học sư phạm mẫu giáo, Giáo dục chính trị, Luật học, Quản trị kinh doanh.

Trong quá trình đào tạo, Trung tâm chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về rà soát chặt chẽ đầu vào, đầu ra, cấp chứng chỉ, văn bằng; hiện nay Trung tâm đang tập trung toàn lực, tìm mọi biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật; truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục và đào tạo. Phần đầu đến năm 2010, về cơ bản đổi mới công nghệ đào tạo (E-Learning, Videoconferencing), mở rộng đối tượng đào tạo, chú trọng đến vùng nông thôn, miền núi đào tạo cấp chứng chỉ các kiến thức về phổ biến kiến thức khoa học nghề nghiệp, khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ môi trường, sức khoẻ cộng đồng, văn hoá du lịch.

ĐỊA BÀN ĐÀO TẠO HIỆN NAY CỦA TRUNG TÂM:

- Học viên đang theo học tại trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế cư trú ở 54/64 tỉnh, thành trong cả nước, hiện nay có hơn 46.000 học viên đang theo học.

- Đã thành lập 28 cơ sở tiếp nhận chương trình đào tạo từ xa tại các cơ sở giáo dục và đào tạo các tỉnh từ Hà Tây đến Cà Mau.



TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ ĐIỆN TÊN THƯƠNG MẠI: THIBIDI



CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI MÁY BIẾN ÁP

1. Máy biến áp ngâm dầu:

Máy biến áp phân phối ngâm dầu, làm mát tự nhiên, lắp đặt trong nhà và ngoài trời, có bộ điều chỉnh và bộ đổi cấp bên ngoài vỏ máy.

- Máy biến áp 1 pha: Điện áp đến 22KV.
Dung lượng (KVA): từ 10 đến 100KVA
- Máy biến áp 3 pha phân phối, trung gian: Điện áp đến 35KV
Dung lượng (KVA): từ 30 đến 10.000KVA

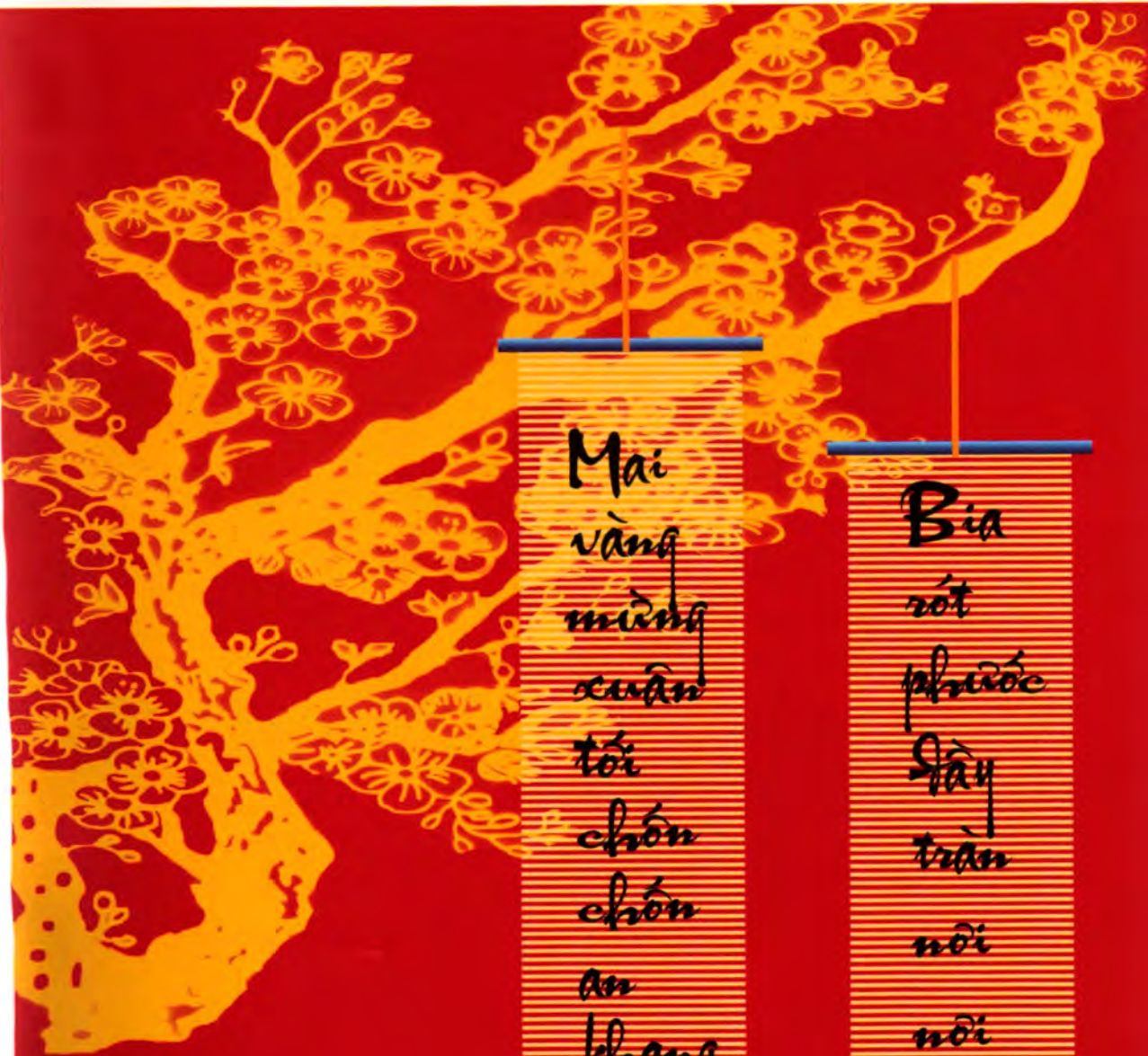
2. Máy biến áp khô 3 pha: Điện áp đến 22KV

Dung lượng: từ 100 đến 2.500KVA

3. Ngoài ra, THIBIDI nhận thiết kế sản xuất máy biến áp có hộp cáp và sửa chữa máy biến áp



ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 9 KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HOÀ - ĐỒNG NAI
TEL: (061) 836139 - 836276 - 836373 - 836443
Website: www.thibidi.com.vn - Email: tmthibidi@hcm.vnn.vn
Fax: 84.61.836070



Mai
vàng
mừng
xuân
tối
chón
chón
an
lành

Bia
rót
phước
Sài
trần
nơi
nơi
thịnh
vượng



Bia Sài Gòn - bia của người Việt Nam

CHI NHÁNH SÔNG ĐÀ

908

CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SƠN LA

CHÚC
MỪNG
HÀM
MỚI

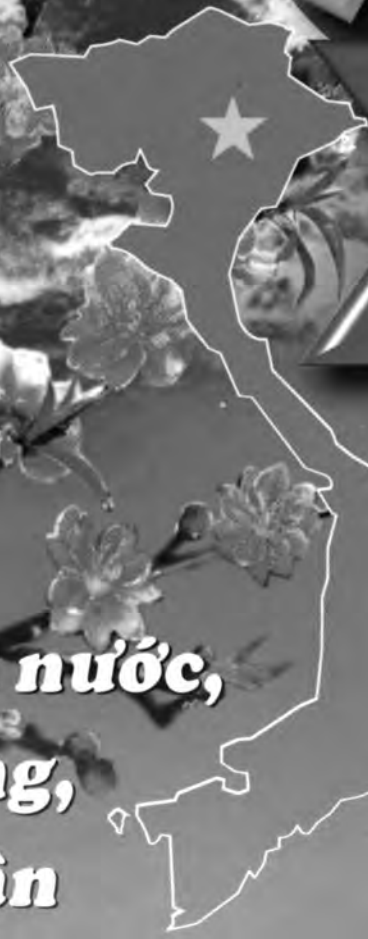
2006



4X
7
468B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



**Mừng Đất nước,
Mừng Đảng,
Mừng Xuân**

UNIV. OF MICH.
MAR 09 2006
CURRENT SERIALS

2+3
2006

THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

I/ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI



Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy
PHẠM THANH HẢI

Thành phố Quảng Ngãi có vị trí gần như trung độ của tỉnh Quảng Ngãi, phía Bắc giáp huyện Sơn Tịnh; phía Tây, phía Nam và phía Đông giáp huyện Tư Nghĩa; cách cảng và khu kinh tế Dung Quất 30 km; cách biển 10 km; cách thành phố Đà Nẵng 123 km. Diện tích tự nhiên 37,13 km², dân số (tính đến hết năm 2004) có 133.843 người.

Từ năm 2000 đến nay, kinh tế - xã hội phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

1/Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất năm 2001 là 126 tỉ đồng, năm 2005 ước đạt 277 tỉ đồng, vượt 40,6% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

2/Thương mại - dịch vụ

Năm 2001 doanh thu đạt 844 tỉ đồng, năm 2005 ước đạt 1.930 tỉ đồng vượt 20,2% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Mạng lưới thương mại - dịch vụ rộng khắp, từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt của nhân dân và khách du lịch.

3/Nông nghiệp

Giá trị sản xuất năm 2001 là 79,7 tỉ đồng, năm 2005 ước đạt 100 tỉ đồng, vượt 11,1% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Đến cuối năm 2005, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 51% giá trị sản xuất nông nghiệp.

4/Văn hóa - xã hội

Chất lượng giáo dục toàn diện được tiếp tục nâng lên, tỷ lệ học sinh khá giỏi và hạnh kiểm tốt đều đạt và vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được tăng cường. Đến nay, có 95,2% trường phổ thông được tăng hóa. Đã có bốn trường tiểu học và hai trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia.

5/Y tế, Dân số - Gia đình và trẻ em

Các chương trình y tế quốc gia đều được triển khai, công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có tiến bộ. Công tác dân số gia đình và trẻ em được quan tâm chủ trọng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,85%.

Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân có nhiều chuyển biến. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" có bước phát triển.



II/ MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2010

- Về kinh tế: Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế chủ yếu bình quân hàng năm từ 22 - 23%; trong đó : công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 27 - 27,5%; thương mại - dịch vụ tăng 20 - 21%; nông nghiệp tăng 5,5 - 6%

- Về văn hóa - xã hội: Đạt phổ cập giáo dục trung học phổ thông trong độ tuổi vào năm 2009. 100% trường tiểu học và 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Giảm tỷ suất sinh bình quân hàng năm

0,04 - 0,05%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giữ ổn định dưới 0,9%. Hạ thấp tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 10% (theo tiêu chí mới)

Đến năm 2010 giảm hộ nghèo còn dưới 2,5%.

Hàng năm giải quyết cho 2.500 - 3.000 lao động có việc làm (trong đó tạo việc làm mới 1.500 lao động).

- Xây dựng Đảng

Từ 70% tổ chức cơ sở đảng trở lên đạt trong sạch vững mạnh.

Từ trên 70% số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hàng năm, kết nạp 100 đảng viên trở lên.



RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 749

**2 + 3
2006**

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Mừng Năm mới 2006

Trình bày: Phạm Văn Tư

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

XÃ LUẬN - Năm mới, sức mạnh mới, phát triển nhanh hơn, vững chắc hơn **3**

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ và tinh thần trách nhiệm, thảo luận, quyết định những nội dung cơ bản sẽ trình Đại hội X của Đảng **5**

PHẠM GIA KHIÊM - Xóa đói, giảm nghèo ở nước ta - thành tựu, thách thức và giải pháp **7**

ĐẶNG VĂN THANH - Nhiệm vụ kinh tế năm 2006: tăng trưởng cao, bền vững và chất lượng **12**

NGUYỄN ĐỨC HÀ - Thành công của đại hội đảng bộ các cấp, tiền đề quan trọng bảo đảm cho thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng **17**

MỪNG ĐẤT NƯỚC, MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN

HÀ ĐĂNG - Công cuộc đổi mới: nhìn từ điểm cao 2005 **22**

NGUYỄN DUY NIÊN - Hoạt động ngoại giao của Việt Nam năm 2005 **28**

LÊ HỮU NGHĨA - Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay **34**

HOÀNG VĂN TUỆ - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, thống nhất và quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam **39**

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Hai mươi năm đổi mới - một chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam **44**

ĐẬU ĐỨC KHỖI - Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2: niềm tự hào của nội lực Việt Nam **50**

TRIỀU HẢI QUỲNH - Bình Dương - những mùa xuân công nghiệp **55**

NGÔ ĐỨC THỊNH - Ngày xuân bản vẽ lễ hội cổ truyền **59**

NGHIÊN CỨU - TRẢO DỊ

PHẠM QUANG NGHỊ - Phòng, chống tham nhũng và vấn đề hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội **64**

QUANG CẬN - Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta: mấy vấn đề cơ bản **69**

HỒ TRỌNG VIỆN - Phát huy vai trò quản lý của Nhà nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa **75**

NGUYỄN PHÚ BÌNH - Những chuyển biến tích cực trong công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài năm 2005 **79**

LÊ XUÂN ĐÌNH - **NGUYỄN HOÀNG HẢI** - Hai mươi năm đổi mới kinh tế: nhìn lại để biết chúng ta đang ở đâu, tiếp tục đi lên như thế nào? **83**

NGUYỄN VĂN HUYỀN - Để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội **88**

VŨ MINH TÂM - Quan niệm về dân của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam **93**

PHẠM TIẾN DUẬT - Về tác phẩm văn học đỉnh cao **98**

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

MINH THANH - Đảng mãi là niềm tin yêu nhất **103**

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

MINH HƯƠNG - Quyển lực ăn theo **105**

THẾ GIỚI: VĂN ĐỀ - SỰ KIẾN

TRẦN VĂN TÙNG - Quan hệ kinh tế Việt Nam - Cam-pu-chia **106**

NGUYỄN VĂN THANH - Hội nghị Bộ trưởng ở Hồng Kông: vẫn là một cuộc chiến khó có lối thoát **111**

QUA SÁCH BẢO NƯỚC NGOÀI

*** Việt Nam đang vươn mình trở thành con hổ

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Новый год с новой силой, развитие наиболее быстрыми и устойчивыми шагами. • **НОНГ ДЫК МАНЬ:** Сосредоточивается ум, развиваются демократия и дух ответственности в обсуждении и решении главных проблем, которые будут выдвинуты на X Съезде Партии. • **ФАМ ЖА КХИЕМ:** Ликвидация голода, снижение уровня бедности во Вьетнаме – достижения, испытания и меры решения. • **ДАНГ ВАН ТХАНЬ:** Экономические задачи 2006 г.: высокие, устойчивые и качественные темпы роста. • **ХА ДАНГ:** Дело обновления: точка зрения с высоты 2005 г. • **НГУЕН ЗИ НИЕН:** Вьетнамская дипломатия 2005 г. • **ЛЕ ХЫУ НГИА:** Идеи Хо Ши Мина о морали и улучшение нравственных качеств у кадровых и партийных работников в настоящее время. • **ХОАНГ ВАН ТУЭ:** Идеи Хо Ши Мина о сплочении, единстве и процесс основания Коммунистической Партии Вьетнама. • **НГУЕН ЧОНГ ФУК:** Двадцатилетие обновления – славный исторический путь Коммунистической Партии Вьетнама. • **ДАУ ДЫК КХОЙ:** Строительство Северо-Южной ЛЭП-500Кв (2-ая цепь): гордость внутренних сил Вьетнама. • **ФАМ КУАНГ НГИ:** Борьба с коррупцией и проблема усовершенствования механизмов управления экономикой и обществом. • **КУАНГ КАН:** Путь к социализму во Вьетнаме: некоторые основные проблемы. • **НГУЕН ФУ БИНЬ:** Активные сдвиги в агитационной и пропагандистской работе среди вьетнамских соотечественников за рубежом в 2005 г. • **ЧАН ВАН ТУНГ:** Вьетнамо-Камбоджийские экономические отношения. • **НГУЕН ВАН ТХАНЬ:** Министерский саммит в Гонконге: всё же борьба без выхода.

CONTENTS

Editorial: New year, new vitality, faster and more steady development. • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** Concentrating intelligence, promoting democracy and responsibility, discussing, deciding the principal contents to be submitted to X Party Congress. • **PHAM GIA KHIEM:** Famine cancellation and poverty reduction in our country: achievements, challenges and solutions. • **ĐẶNG VĂN THANH:** Economic tasks in 2006: high, sustainable and qualitative economic growth. • **HÀ ĐĂNG:** Renovation matter: a look from the high point of 2005. • **NGUYỄN DUY NIÊN:** Vietnam's foreign activities in 2005. • **LÊ HỮU NGHĨA:** Hồ Chí Minh's thoughts of morality and the enhancement of cadres' morality. • **HOÀNG VĂN TUỆ:** Hồ Chí Minh's thoughts of solidarity, unity and the CPV foundation process. • **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** 20 years of renovation: a glorious historical stage of CPV. • **ĐÀU ĐỨC KHỎI:** The project of building the 2nd Canal of North-South 500 KV Electric Cables: a proud promotion of Vietnam's internal strengths. • **PHAM QUANG NGHỊ:** Prevention, opposition to corruption and the problem of perfecting socio-economic management mechanism. • **QUANG CẬN:** Our country's path to socialism: some principal issues. • **NGUYỄN PHÚ BÌNH:** Active shifts in the matter of agitation and propaganda among overseas Vietnamese in 2005. • **TRẦN VĂN TÙNG:** Economic relations between Vietnam and Cambodia. • **NGUYỄN VĂN THANH:** The Hongkong Conference of Ministers: still a combat that will hardly have an outway.

SOMMAIRE

Editorial : Une nouvelle année, une nouvelle force, un développement plus rapide et plus durable. • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** Réunir l'intelligence, faire valoir de la démocratie et de l'esprit de responsabilité pour discuter et décider les contenus essentiels à présenter au X^e Congrès national du Parti. • **PHAM GIA KHIÊM:** L'éradication de la famine et la réduction de la misère dans notre pays – réalisations, défis et solutions. • **ĐẶNG VĂN THANH:** Les tâches économiques pour 2006: croissance rapide, durable et de qualité. • **HÀ ĐĂNG:** L'œuvre de renouveau : vue de la hauteur de 2005. • **NGUYỄN DUY NIÊN:** Les activités diplomatiques du Vietnam en 2005. • **LÊ HỮU NGHĨA:** La pensée de Hồ Chí Minh sur la morale et le rehaussement de la morale chez les membres du Parti à l'heure actuelle. • **HOÀNG VĂN TUỆ:** La pensée de Hồ Chí Minh sur la solidarité, l'unité et le processus de formation du Parti communiste du Vietnam. • **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** 20 années de renouveau – un parcours glorieux du Parti communiste du Vietnam. • **ĐÀU ĐỨC KHỎI:** La deuxième réseau de lignes de 500 KV Nord-Sud: la fierté de la force endogène du Vietnam. • **PHAM QUANG NGHỊ:** La prévention et la lutte contre la corruption et la question de perfectionner le mécanisme de gestion économique et sociale. • **QUANG CẬN:** La voie au socialisme dans notre pays : quelques questions essentielles. • **NGUYỄN PHÚ BÌNH:** Les changements positifs dans le travail de sensibilisation auprès des ressortissants vietnamiens à l'étranger en 2005. • **TRẦN VĂN TÙNG:** Relations économiques Vietnam-Cambodge. • **NGUYỄN VĂN THANH:** Conférence ministérielle à Hong Kong: un conflit pour lequel il est difficile de trouver une issue.

SUMARIO

Editorial : El año nuevo, la fuerza nueva y el desarrollo más rápido y más estable. • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** Concentrar la inteligencia, desplegar la democracia y el espíritu responsable, discutir y decidir los contenidos esenciales que serán presentados ante el X Congreso del Partido. • **PHAM GIA KHIÊM:** La liquidación de hambre y la disminución de pobreza en nuestro país – éxitos, retos y medidas. • **ĐẶNG VĂN THANH:** Tareas económicas de 2006: crecimiento alto, estable y con calidad. • **HÀ ĐĂNG:** La obra de renovación: vista desde la altura de 2005. • **NGUYỄN DUY NIÊN:** Actividades diplomáticas de Vietnam en 2005. • **LÊ HỮU NGHĨA:** El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la moral y la elevación de la moral de cuadros y militantes del Partido en la actualidad. • **HOÀNG VĂN TUỆ:** El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la unidad, la unificación y el proceso de la fundación del Partido Comunista de Vietnam. • **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** 20 años de renovación – una trayectoria de historia gloriosa del Partido Comunista de Vietnam. • **ĐÀU ĐỨC KHỎI:** La obra de segundo circuito de la línea eléctrica de 500 KV norte-sur: orgullo de la fuerza interna de Vietnam. • **PHAM QUANG NGHỊ:** La prevención de malversación y el perfeccionamiento del mecanismo de gestión económica y de gestión social. • **QUANG CẬN:** El camino hacia el socialismo en nuestro país : algunos asuntos esenciales. • **NGUYỄN PHÚ BÌNH:** Activos cambios en la movilización de la comunidad de residentes vietnamitas en 2005. • **TRẦN VĂN TÙNG:** Las relaciones económicas Vietnam-Cambodia. • **NGUYỄN VĂN THANH:** La Conferencia Ministerial en Hong Kong es todavía un combate difícil para obtener la salida.

目录

社论: 新年、新力量, 发展更迅速、更稳定 • **农德孟:** 集中智慧, 发挥民主和责任精神, 讨论决定基本内容将上呈第十届党代会 • **范嘉谦:** 我国的消饥减贫一成就、挑战和解决措施 • **邓文清:** 2006 年经济任务: 高速增长、稳固和质量 • **何登:** 革新事业: 从 2005 年高点而视 • **阮颐年:** 2005 年越南的外交活动 • **黎友义:** 胡志明思想道德与目前提高干部、党员的道德问题 • **黄文慧:** 胡志明思想有关越南共产党的团结、统一及其成立过程 • **阮仲福:** 20 年革新—越南共产党光辉历史道路 • **裴德起:** 南—北第二脉 500 千瓦载电工程: 越南内力的自豪 • **范光毅:** 防止抵制贪污腐败及完善经济管理、社会管理机制 • **光近:** 我国向社会主义迈进之路: 几个基本问题 • **阮富平:** 2005 年发动旅居外国越南共同体工作中的积极转变 • **陈文纵:** 越南—柬埔寨经济关系 • **阮文清:** 在香港召开的部长会议: 仍是一个难有出路的一场战争。



NĂM MỚI, SỨC MẠNH MỚI, PHÁT TRIỂN NHANH HƠN, VÙNG CHẮC HƠN

BÍNH Tuất – 2006, một năm mới, một mùa xuân mới đã bắt đầu. Đất nước ta đang chứng kiến một bước chuyển lớn trong kinh tế – xã hội, một sự bàn giao đầy ấn tượng giữa hai nửa trước và sau của thập niên đầu thế kỷ XXI.

Năm Ất Dậu – 2005 vừa kết thúc với những thành tích về kinh tế rất đáng khích lệ: GDP đạt mức tăng trưởng 8,4%, mức cao nhất trong gần 10 năm trở lại đây. GDP bình quân đầu người đạt con số 10 triệu đồng, tương đương với 640 USD. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu khác cũng đều đạt hoặc vượt mức kế hoạch. Những thành tích của năm 2005 góp phần đáng kể vào việc thực hiện tốt đẹp những nhiệm vụ do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đề ra cho 5 năm 2001 – 2005. Những thành tựu của 5 năm này là bộ phận hợp thành quan trọng của những thành tựu trong 20 năm đổi mới, kể từ năm 1986, khi Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện.

Thông qua một cuộc tổng kết sâu sắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta nhận định rằng “công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử”.

Nhìn một cách tổng quát, đến nay, mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị – xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ thực tiễn đổi mới, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội

xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Thật đáng phấn khởi và tự hào!

Kế thừa và phát huy những thành tựu đạt được của năm 2005, của 5 năm 2001 – 2005 và của 20 năm đổi mới nói chung, năm 2006 và các năm tiếp theo nhất định phải đánh dấu một bước phát triển mới trong quá trình đi lên của đất nước ta, dân tộc ta.

Năm 2006 là năm tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, năm mở đầu thời kỳ 5 năm 2006 – 2010, là 5 năm có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI. Trong thời điểm có tầm quan trọng đặc biệt này, Đại hội X của Đảng sẽ quyết định phương hướng phát triển đất nước và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010 cùng với phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời kỳ 5 năm ấy.

Chủ đề của Đại hội đã được khẳng định là: **“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”**.

Mỗi người chúng ta đều có thể tìm thấy trong chủ đề Đại hội X quyết tâm rất cao của Đảng ta trong nửa cuối thập niên đầu thế kỷ, tạo nên một bước phát triển mới mạnh mẽ hơn, nhanh hơn và vững chắc hơn.

Quyết tâm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển trước thời hạn, tức là trước năm 2010 và càng sớm càng tốt, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Quyết tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ sức thực hiện tốt nhất nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của nước ta trong thời kỳ mới.

Quyết tâm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, sức mạnh của cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, các lực lượng chính trị, xã hội, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, vì mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quyết tâm đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tức là đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội, đổi mới một cách mạnh mẽ và đồng bộ, tuy vẫn có trọng tâm, trọng điểm, coi đổi mới là một nguồn động lực dồi dào và to lớn của sự phát triển.

Chủ đề Đại hội X của Đảng có thể coi là bức thông điệp mà Đảng ta gửi tới toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong mùa Xuân Bính Tuất – 2006 này.

Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bước vào năm mới, với sức mạnh mới, cùng một ý chí và niềm tin, hãy tiến tới những thắng lợi mới ngày càng lớn hơn! □



TẬP TRUNG TRÍ TUỆ, PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM, THẢO LUẬN, QUYẾT ĐỊNH NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN SẼ TRÌNH ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG *

NÔNG ĐỨC MANH

**Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam**

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hôm nay, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX khai mạc đúng vào dịp đầu năm dương lịch 2006. Tôi xin gửi tới các đồng chí Trung ương cùng tất cả các đồng chí tham dự Hội nghị lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất.

Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ chủ yếu là chuẩn bị hai nội dung cơ bản để tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: tiếp thu ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp và một số

* Bài phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (ngày 11-1-2006). Đầu đề của báo Nhân Dân

cơ quan, tổ chức đảng để tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình Đại hội trước khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân và chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X để giới thiệu với Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Từ giữa năm 2005 đến nay, căn cứ vào quyết định của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12, Bộ Chính trị đã gửi dự thảo các văn kiện trình Đại hội X để lấy ý kiến đóng góp của đại hội các đảng bộ từ cấp cơ sở đến cấp huyện, quận, các tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc Trung ương. Các dự thảo văn kiện cũng đã được gửi lấy ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XI; của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, của giới trí thức và nhiều tổ chức xã hội. Các ý kiến đóng góp đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết đối với công việc của Đảng và của đất nước. Bộ Chính trị đã cho tổng hợp các ý kiến đó và đã thảo luận, nghiêm túc tiếp thu những nội dung hợp lý, chỉ đạo chỉnh lý các văn bản để trình Hội nghị Trung ương lần này.

Về chuẩn bị nhân sự, Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo quán triệt phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X do Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương thông qua, đồng thời hướng dẫn các cấp ủy về quy trình giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương đã nghiêm chỉnh chấp hành và tham gia tích cực vào các bước chuẩn bị này. Các đồng chí Ủy viên Trung ương cũng đã tự mình bày tỏ ý kiến vào

việc tái ứng cử hay đề cử. Tại đại hội đảng bộ các cấp vừa qua, nhất là ở cấp tỉnh, thành phố và tương đương đã bầu được những đồng chí xứng đáng vào cấp ủy, là một trong những nguồn cán bộ, để qua đó, lựa chọn những đồng chí tiêu biểu giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa mới. Việc giới thiệu cán bộ để Đại hội X của Đảng bầu vào Ban Chấp hành Trung ương là công việc hết sức hệ trọng, có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến thành công của Đại hội toàn quốc của Đảng, có ý nghĩa lớn lao và lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, vận mệnh của đất nước. Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, thực hiện đúng nguyên tắc của Đảng, cân nhắc giới thiệu những đồng chí xứng đáng, đủ tiêu chuẩn đức tài, được nhân dân tin cậy để kiến nghị với Đại hội xem xét, bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Bộ Chính trị sẽ trình với Hội nghị những nội dung cụ thể về công tác nhân sự Đại hội để Trung ương xem xét, quyết định.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, thời gian còn rất ít. Do tính chất quan trọng của Hội nghị lần này, tôi đề nghị các đồng chí Trung ương tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ và tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận và quyết định chính xác để hoàn thành tốt các nội dung của kỳ họp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Xin trân trọng cảm ơn. □

XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở NƯỚC TA - THÀNH TỰU, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

PHẠM GIA KHIÊM *

Ở nước ta, đói, nghèo vẫn đang là vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Xóa đói, giảm nghèo toàn diện, bền vững luôn luôn được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm và xác định là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong gần 20 năm đổi mới, nhờ thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn nước ta, công cuộc xóa đói, giảm nghèo đã đạt được thành tựu đáng kể, có ý nghĩa to lớn cả về kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh - quốc phòng, phát huy được bản chất tốt đẹp của dân tộc ta và góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh trong khoảng thời gian 5 năm từ 17,2% năm 2001 với 2,8 triệu hộ, xuống còn 8,3% năm 2004 với 1,44 triệu hộ, bình quân mỗi năm giảm 34 vạn hộ, đến cuối năm 2005 còn khoảng dưới 7% với 1,1 triệu hộ. "Những thành tựu giảm nghèo của Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế". Đó là đánh giá trong "Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004" của Ngân hàng thế giới.

Do đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, cùng với định hướng chung là

từng bước tiếp cận với trình độ của các nước đang phát triển trong khu vực, nên chuẩn nghèo đã được điều chỉnh lại, trong đó có tính đến các nhân tố ảnh hưởng. Chuẩn nghèo mới áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010 quy định: Hộ nghèo là những hộ ở khu vực nông thôn có thu nhập bình quân 200.000 đồng/người/tháng trở xuống, đối với những hộ ở khu vực thành thị có thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng trở xuống. Theo quy định này, ước tính năm 2005 cả nước ta có khoảng 3,9 triệu hộ nghèo, chiếm 22% số hộ trong toàn quốc; Các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao là vùng Tây Bắc (44%) và Tây Nguyên (40%); vùng có tỉ lệ hộ nghèo thấp nhất là vùng Đông Nam Bộ (9%).

Với sự phấn đấu không mệt mỏi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong nhiều năm qua, công cuộc xóa đói, giảm nghèo đã đạt được một số thành tựu quan trọng, nhưng phía trước vẫn còn không ít khó khăn và thách thức:

Thứ nhất là, về nhận thức, một bộ phận không nhỏ người nghèo và địa phương nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nên chưa chủ động vượt lên để thoát nghèo.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ

Thứ hai là, sự đánh giá tỷ lệ nghèo còn thấp hơn thực tế ở một vài địa phương, nên một bộ phận người thực sự nghèo chưa được tiếp cận với các chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Thứ ba là, nguồn lực huy động cho chương trình xóa đói, giảm nghèo còn khiêm tốn. Hằng năm, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chương trình xóa đói, giảm nghèo mới chỉ được bình quân khoảng 60.000 đồng/người. Trong khi đó, một số địa phương chưa chủ động huy động hoặc huy động chưa tương xứng với tiềm năng của nguồn lực tại chỗ; chưa lồng ghép hài hòa các loại nguồn lực trên cùng địa bàn và chưa huy động được sự tham gia mạnh mẽ của các doanh nghiệp, các tổ chức, các cộng đồng và các cá nhân có điều kiện vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của người nghèo để đủ điều kiện thoát nghèo bền vững, dẫn đến mục tiêu thoát nghèo khó thực hiện được.

Thứ tư là, một số cơ chế, chính sách và biện pháp hỗ trợ xóa đói giảm nghèo chưa thật phù hợp, việc tổ chức thực hiện còn bất cập, còn mang tính bao cấp, nên không tạo được động lực để người nghèo chủ động vượt nghèo. Biện pháp hỗ trợ làm nhà ở cho đồng bào nghèo chưa thật phù hợp với nhu cầu và tập quán của từng dân tộc, từng địa phương; có địa phương chưa chú ý đầy đủ đến quy hoạch sản xuất lâu dài và môi trường sống của nhân dân trong khi xây dựng các khu dân cư vượt lũ; mức chi phí cho khám, chữa bệnh còn thấp; chính sách trợ cước, trợ giá cũng còn bất hợp lý; mức vốn vay tín dụng ưu đãi còn thấp và chưa thật phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh; cơ chế phân bổ vốn còn mang tính bình quân, v.v.. Ở một số nơi, nhất là vùng cao, vùng sâu thông tin đến với người dân chưa đầy đủ nên nhận thức về các chính sách của Nhà nước đối với người nghèo còn hạn chế. Những khiếm khuyết

nói trên đã làm cho hiệu quả của chương trình xóa đói, giảm nghèo bị giảm bớt một phần.

Thứ năm là, việc tổ chức thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo không đồng đều ở một số địa phương. Đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực. Phần lớn cán bộ thực thi chương trình ở cấp xã đều kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc theo dõi, giám sát chương trình chưa có hệ thống và đồng bộ. Công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá chương trình chủ yếu dựa trên các báo cáo với lượng thông tin chưa đầy đủ.

Do nhiều yếu tố tác động khách quan trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tình trạng nghèo đói hiện nay đang vận động theo hướng:

- Tốc độ giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng và có xu hướng chậm lại, các hệ số tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo từ 1 - 0,7 trong những năm 1992 - 1998, giảm xuống còn khoảng 1 - 0,3 giai đoạn 1998 - 2004. Tốc độ giảm nghèo thể hiện rõ nhất là ở những vùng bị chia cắt về địa lý, kết cấu hạ tầng và mật độ dân trí còn thấp. Một số chính sách và giải pháp động lực cho xóa đói, giảm nghèo đã bộc lộ những hạn chế, không còn tác dụng mạnh mẽ như giai đoạn đầu, như các chính sách về đất đai, về giao đất, giao rừng, về khoán trong nông nghiệp,... Vì vậy, cần phải có động lực mới cho tương lai, đó là chính sách phát triển và chuyển giao công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị sản xuất trên một diện tích gieo trồng, chính sách chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh phục vụ cho xuất khẩu và cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến (bông, cà phê, cao su, hạt điều, chè, mía, gỗ, tre, lúa, ngô, khoai, sắn, vùng, lạc, đậu...); chính sách phát triển kinh tế trang trại, phát triển tiểu, thủ công nghiệp,

doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ; chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa chăn nuôi đại gia súc có hiệu quả kinh tế cao thành ngành sản xuất chính, v.v..

- Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực miền núi vẫn còn cao, gấp từ 1,7 đến 2 lần tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của cả nước có chiều hướng tăng từ 21% năm 1992 lên 36% năm 2005. Tỷ lệ hộ nghèo tập trung chủ yếu ở những vùng khó khăn, có nhiều yếu tố bất lợi như điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng thấp kém, trình độ dân trí thấp, trình độ sản xuất manh mún, sơ khai. Ngoài ra, xuất hiện một số đối tượng nghèo mới ở những vùng đang đô thị hóa và nhóm lao động nhập cư vào đô thị, họ thường gặp nhiều khó khăn hơn và phải chấp nhận mức thu nhập thấp hơn lao động sở tại. Đây là những điều kiện cơ bản làm gia tăng yếu tố tái nghèo và tạo ra sự không đồng đều trong tốc độ giảm nghèo giữa các vùng. Các vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên có tốc độ giảm nghèo nhanh nhất, song đây cũng là những vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất.

- Chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm giàu và nhóm nghèo có xu hướng gia tăng: Trong những năm gần đây, chênh lệch về thu nhập giữa 20% nhóm giàu và 20% nhóm nghèo từ 4,3 lần năm 1993 lên 8,14 lần năm 2002; chênh lệch giữa 10% nhóm giàu nhất và 10% nhóm nghèo nhất từ 12,5 lần năm 2002, tăng lên 13,5 lần năm 2004; Mức độ nghèo còn khá cao, thu nhập bình quân của nhóm hộ nghèo ở nông thôn chỉ đạt 70% mức chuẩn nghèo mới. Sự gia tăng khoảng cách giàu - nghèo sẽ làm cho tình trạng nghèo tương đối trở nên gay gắt hơn, việc thực hiện các giải pháp để giảm nghèo sẽ càng khó khăn hơn.

Mặc dù, trong những năm qua số hộ nghèo trong cả nước đã giảm mạnh, song trên thực tế

công cuộc xóa đói, giảm nghèo còn vô cùng gian nan. Nguy cơ tái nghèo có thể tăng do tác động của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; do đầu tư phát triển kinh tế giữa các vùng chưa đồng đều; cơ hội về việc làm của người nghèo ngày càng khó khăn hơn do đổi mới công nghệ trong sản xuất, yêu cầu trình độ của người lao động ngày càng cao. Đói nghèo trở lại là vấn đề luôn rình rập một bộ phận khá lớn số hộ nghèo vừa vượt khỏi ngưỡng nghèo. Chỉ cần gặp thiên tai, dịch bệnh, đau ốm hoặc biến động giá cả, thì các hộ này lại dễ rơi vào tình trạng đói nghèo.

Để thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới từ 22% năm 2005 xuống còn 11% năm 2010, cải thiện đời sống người nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau đây:

1 – Dựa trên sự tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm để nâng cao đời sống cho người nghèo

Bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao, bền vững là điều kiện tiên quyết để giảm nghèo. Kinh nghiệm ở một số nước và thực tế ở nước ta cho thấy trong gần một thập kỷ vừa qua, nước ta đạt được thành tựu tích cực về giảm nghèo là dựa trên sự tăng trưởng kinh tế cao và liên tục. Để bảo đảm cho kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định, vấn đề cải cách cơ cấu kinh tế và bộ máy quản lý nhà nước đã trở thành một đòi hỏi cấp thiết trên tất cả các mặt chủ yếu như thể chế kinh tế, thúc đẩy thị trường phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách mạnh mẽ khu vực kinh tế nhà nước, xóa bỏ bao cấp, hỗ trợ phát triển mạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cải cách hành chính và các hoạt động phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh, v.v..

Phát triển kinh tế, xã hội đồng bộ từ miền xuôi đến miền núi, từ vùng thuận lợi đến vùng sâu, vùng xa. Chú trọng giúp các địa phương nghèo phát triển kinh tế thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hóa, đổi mới cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp. Có được như vậy, mới tạo thêm nhiều việc làm ở cả thành thị và nông thôn. Việc giảm tỷ lệ nghèo đói nghiêm trọng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa đòi hỏi có sự đầu tư mạnh mẽ, liên tục của Nhà nước và sự chủ động vượt lên của chính địa phương và người nghèo ở những nơi này.

2 – Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các loại hình dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

Đây mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, hệ thống điện, trường học, cơ sở khám chữa bệnh và các thiết chế văn hóa cho các địa phương nghèo để sớm khắc phục tình trạng thiếu điện, thiếu nước sạch, thiếu thuốc chữa bệnh, thiết bị y tế nghèo nàn, lạc hậu, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt chú trọng đào tạo, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế và cung cấp đầy đủ thuốc chữa bệnh, phù hợp với thu nhập của người dân. Kết hợp chặt chẽ chương trình xóa đói, giảm nghèo với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường.

Giải pháp nói trên nhằm nâng cao thiết thực mức sống và chất lượng cuộc sống nhân dân ở các xã nghèo, vùng nghèo, giảm dần khoảng cách giữa các vùng, các dân tộc và các tầng lớp dân cư; bảo đảm cho người nghèo tiếp cận được với các dịch vụ xã hội, đặc biệt là về chăm sóc y tế, giáo dục và kế hoạch hóa

gia đình, sẽ làm giảm bớt những hậu quả trước mắt và nguồn gốc của nghèo đói.

3 – Xã hội hóa các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là về nguồn lực

Trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, nguồn lực của Nhà nước vừa có vai trò chủ đạo, vừa mang tính xúc tác, khơi nguồn, nguồn lực của cộng đồng, của quốc tế cũng có vai trò rất quan trọng. Xây dựng và phát triển các chương trình “Những tấm lòng từ thiện”; “Nối vòng tay lớn”; “Một thế giới trái tim”; “Quỹ tình thương”; “Nhà đại đoàn kết”..., đã thu hút đông đảo các cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế tham gia hỗ trợ người nghèo. Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo”, đã giúp cho hàng trăm nghìn hộ nghèo sửa chữa hoặc xây mới được nhà ở. Các mô hình tín dụng - tiết kiệm, nông dân sản xuất giỏi, thanh niên làm kinh tế, v.v. đã góp phần cải thiện điều kiện sống cho nhiều thành viên của các tổ chức, các đoàn thể xã hội.

Ngoài các nguồn lực trong nước và nguồn hỗ trợ tài chính của cộng đồng quốc tế, điều quan trọng hơn là chúng ta đã tiếp thu có hiệu quả sự trợ giúp kỹ thuật của bè bạn quốc tế và đã nhân rộng được nhiều bài học kinh nghiệm và mô hình tốt về xóa đói, giảm nghèo như: phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, vấn đề giới trong xóa đói, giảm nghèo, cơ chế tăng cường phân cấp cho địa phương, đặc biệt là cấp xã,... Những kinh nghiệm và bài học quý báu ấy đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Trong những năm tới, xã hội hóa các hoạt động xóa đói giảm nghèo cần được các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và mọi người tiếp tục quan tâm và thúc đẩy lên một tầm cao mới, nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của xã hội và của mọi người dân trong việc giải quyết vấn đề nghèo đói ở nước ta.

4 – Đổi mới công tác tổ chức, bảo đảm tính công khai, minh bạch và làm rõ trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động, người dân bàn bạc, thảo luận, nhằm tạo ra sự đồng thuận và hợp tác, quyết tâm vượt nghèo, vươn lên làm giàu của các xã nghèo, vùng nghèo và chính bản thân người nghèo trong quá trình triển khai chương trình xóa đói, giảm nghèo

Những năm gần đây, các cơ quan quản lý nhà nước đã có nhiều tiến bộ trong công tác chỉ đạo, điều hành bảo đảm thực hiện có chất lượng các chương trình xóa đói, giảm nghèo. Cơ chế tự chủ về phân bổ ngân sách, tổ chức thực hiện và quản lý các chương trình trên cơ sở nhu cầu thực tiễn, lập kế hoạch và huy động nguồn lực trên địa bàn đã tạo điều kiện cho các cấp chính quyền chủ động, tự giải quyết và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của chương trình. Song trên thực tế, việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát và ra quyết định tại cấp xã vẫn rất hạn chế. Vì vậy, cần tạo mọi điều kiện để phát huy tính năng động, chủ động của cơ sở, phát huy sức mạnh về vật chất và tinh thần của cả cộng đồng để nâng cao hiệu quả của chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Hai yếu tố quan trọng nhất để thực hiện giảm nghèo là, Nhà nước tạo động lực giảm nghèo thông qua các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và ý chí vượt nghèo của người nghèo. Các chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng nghèo, xã nghèo bước đầu được nhân dân trong cộng đồng tham gia, thảo luận và quyết định. Người dân từng bước nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc tham gia thực hiện các chương trình giảm nghèo. Phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” phải được thực hiện xuyên suốt trong các hoạt động của chương trình giảm nghèo ở địa phương.

Trong thời gian tới, công tác xóa đói, giảm nghèo cần tập trung vào các địa bàn là các xã khó khăn nhất ở vùng căn cứ cách mạng, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và các đối tượng khó khăn nhất, trong đó, đặc biệt ưu tiên phụ nữ và trẻ em nghèo. Động viên cộng đồng người nghèo phát huy nội lực, tự vươn lên thoát nghèo, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và các cộng đồng khác, tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực, kết hợp sử dụng có hiệu quả các nguồn lực quốc tế; có chính sách, cơ chế khuyến khích và các giải pháp có tính đột phá, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thích hợp đến các xã nghèo, người nghèo, khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo nghề và tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người nghèo để xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Chống đói nghèo là một cuộc chiến đấu lâu dài và quyết liệt. Mặc dù đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước ta luôn luôn ưu tiên giành nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo; đồng thời thực hiện cam kết với cộng đồng quốc tế về việc thực hiện các chỉ tiêu thiên niên kỷ, trong đó có các chỉ tiêu về xóa đói, giảm nghèo.

Sắp tới, để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, Chính phủ sẽ tiếp tục tạo lập động lực để phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, đồng thời chủ động chỉ đạo thực hiện công cuộc xóa đói, giảm nghèo với sự đồng tâm hiệp lực của các ngành, các cấp, của cả cộng đồng, của các tổ chức kinh tế, xã hội và của chính người nghèo.

Với quyết tâm cao và tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả và đầy tính nhân văn đã cam kết với cộng đồng quốc tế - mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trên đất nước ta. □

NHIỆM VỤ KINH TẾ NĂM 2006: TĂNG TRƯỞNG CAO, BỀN VỮNG VÀ CHẤT LƯỢNG

ĐẶNG VĂN THANH *

KỠ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2006 là phải tăng trưởng cao và bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế. Năm 2005, kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,4%. Quốc hội đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cho năm 2006 là 8%, đồng thời yêu cầu phấn đấu tăng cao hơn 8%, nhưng đặc biệt phải quan tâm tới chất lượng tăng trưởng. Tăng trưởng cao nhưng phải bền vững, nền kinh tế phải ổn định, nâng cao chất lượng tăng trưởng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhìn lại năm 2005, có thể thấy, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn khách quan, hạn hán diễn ra gay gắt trên diện rộng, gây hậu quả nặng nề; dịch cúm gia cầm tái phát và diễn biến phức tạp; tăng đột biến giá xăng dầu, vật tư, nguyên liệu, hàng hóa thiết yếu, quan trọng, đã thiết lập mặt bằng giá mới ở mức cao, tác động bất lợi đến sản xuất, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của nền kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và nhiều mặt hoạt động xã hội. Trong khu vực ASEAN, khu vực châu Á và trên thế giới có sự cạnh tranh gay gắt về vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ, xuất hiện nhiều rào cản thương mại gây

khó khăn cho xuất khẩu một số sản phẩm của Việt Nam. Sự bất ổn và những nhạy cảm tại nhiều khu vực trên thế giới đã tác động không thuận đến mở rộng quan hệ kinh tế, văn hóa của Việt Nam với các nước. Tuy vậy, với sự nỗ lực vượt khó, lao động sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, của doanh nghiệp và doanh nhân nên hầu hết các nhiệm vụ và chỉ tiêu kinh tế chủ yếu do Quốc hội đề ra đều đạt và vượt, có chỉ tiêu tăng cao so với năm 2004. Tăng trưởng kinh tế (GDP) đã đạt mức cao nhất trong 5 năm 2001 - 2005, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế 5 năm 2001 - 2005 (tăng bình quân 7,5%/năm). GDP bình quân đầu người đã đạt được 640 USD, gấp 1,5 lần năm 2001. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 36,8% GDP (kế hoạch là 36,5%), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt mức cao (5,8 tỉ USD), vốn ODA đạt 3,74 tỉ USD. Thu chi ngân sách nhà nước vượt dự toán, tăng nhiều so với năm 2004. Nhiều mục tiêu "Thiên niên kỷ" hoàn thành trước thời hạn, như xóa đói giảm nghèo, tăng khả năng phát triển giáo dục, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, tuổi thọ bình quân, tăng khả năng phát triển toàn diện của con người;

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

tăng khả năng kinh doanh và thu hút việc làm; nâng cao khả năng xác định và lựa chọn của người dân trong đời sống kinh tế - xã hội. Những thành tựu đó là kết quả của đường lối đổi mới của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của tinh thần đại đoàn kết toàn dân, là chính sách phát huy nội lực, huy động ngoại lực, tận dụng mọi lợi thế và tiềm năng để đưa đất nước tiếp tục phát triển.

Để có giải pháp hiệu quả cho phát triển kinh tế năm 2006, thiết nghĩ, phải thấy hết những yếu kém của nền kinh tế trong năm 2005, đó là :

- *Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng chất lượng và hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Nhiều cơ hội, nhiều nhân tố kinh tế thuận lợi chưa được khai thác và sử dụng đầy đủ, đúng mục đích, có hiệu quả. Đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vẫn là vốn và lao động. Hàm lượng trí tuệ, khoa học, công nghệ trong sản phẩm hàng hóa, dịch vụ còn thấp. Năng suất lao động xã hội chưa cao. Nền kinh tế còn thiếu các ngành dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ, nhất là các ngành có chất lượng và trình độ công nghệ cao. Thị trường tài chính, tiền tệ, vốn, lao động; thị trường khoa học - công nghệ còn sơ khai, thị trường bất động sản còn trầm lắng, tồn tại nhiều hoạt động ngầm.*

- *Còn thiếu một chiến lược phù hợp để khai thác và sử dụng đúng mức, có hiệu quả nguồn lực, nguồn tài nguyên của đất nước. Chiến lược phát triển và an ninh năng lượng chưa thật chủ động và bền vững. Khai thác và xuất khẩu dầu thô ngày càng tăng, trong khi xăng dầu phải nhập khẩu và trong tình trạng bị động, chịu ảnh hưởng lớn của biến động giá cả trên thị trường thế giới. Thiếu điện đã gây thiệt hại cho nền kinh tế. Cần có những phương án và quyết sách sớm hơn, có hiệu quả hơn.*

- *Hoạt động đầu tư phát triển có chuyển biến tích cực, nhưng chưa đạt yêu cầu và tiềm năng còn lớn chưa được khai thác. Hiệu quả*

đầu tư chưa được cải thiện. Việc chấp hành kỷ luật, quy trình, quy phạm đầu tư chưa nghiêm. Tình trạng vốn đầu tư bố trí dàn trải, thiếu tập trung, mất cân đối vẫn diễn ra khá phổ biến và thậm chí tồn tại ngay từ trong kế hoạch. Công tác quản lý đầu tư xây dựng còn yếu kém. Tình trạng công trình, dự án bị rút ruột xảy ra nghiêm trọng. Còn công trình, dự án đầu tư không phù hợp chiến lược phát triển kinh tế. Đã xử lý được một phần nợ xây dựng cơ bản, nhưng số nợ đọng thực tế của không ít địa phương vẫn lớn hơn nhiều so với số đã báo cáo, gây nhiều bức xúc cho các cấp, các ngành.

- *Cơ chế phân phối và sử dụng nguồn lực, phân chia các lợi ích kinh tế chưa thực sự là động lực thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, tài sản, tiền vốn, lao động, chưa tác động mạnh đến việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Nguồn lực và ngân quỹ còn lãng phí; duy trì và kéo dài cơ chế “xin - cho” dưới nhiều hình thức đã tạo môi trường, cơ hội cho tệ nạn của quyền, những nhiễu, tham ô. Một phần thu nhập quốc dân vẫn được phân phối thiếu minh bạch, thông qua các kiểu lòng vòng để vụ lợi, hoặc rơi vào tình trạng bình quân.*

- *Đã có cố gắng khắc phục tình trạng thiếu lành mạnh trong hệ thống tài chính, tiền tệ, tín dụng, nhưng còn chưa căn bản. Một số chỉ tiêu quan trọng, nhạy cảm đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô, như: cán cân thanh toán thấp; nhập siêu tăng mạnh; nợ dây dưa và khó có khả năng thu hồi ở các ngân hàng thương mại, nợ tồn đọng chưa xử lý xong lại phát sinh nợ mới trong xây dựng cơ bản; thu nội địa mới chiếm trên 50% tổng thu ngân sách, dự trữ và dự phòng đều mỏng; giá cả và tỷ giá vẫn ẩn chứa tác động bất lợi đến sản xuất, đời sống nhân dân và nhiều mặt của nền kinh tế.*

- *Nhập siêu cao, cần có sự phân tích kỹ và đặt trong mối quan hệ tổng thể về kinh tế đối ngoại và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.*

Nhập siêu tăng cao, chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp trong nước. Hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu, khoáng sản, gia công, nhiều hàng xuất khẩu qua trung gian giá trị thấp. Việt Nam xuất siêu vào Hoa Kỳ, EU, nhưng lại nhập siêu chủ yếu từ các nước châu Á.

Năm 2006, nền kinh tế Việt Nam đứng trước những thuận lợi lớn do kết quả đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội nhiều năm qua đem lại, vị thế của đất nước trong khu vực và thế giới tiếp tục được nâng lên. Các nước trên thế giới đã biết nhiều hơn về một đất nước Việt Nam phát triển kinh tế năng động, ổn định chính trị - xã hội, đã và đang tiến hành đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế.

Từ thực tế năm 2005 và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 về *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp*, Quốc hội đã đề ra các mục tiêu: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2006 là 8%; giá trị tăng thêm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,8%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 10,2%; ngành dịch vụ tăng 8%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16,4%; tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 38,6%...

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế 2006 với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng cần tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu:

Thứ nhất: *Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm được coi là khâu bứt phá của từng ngành, từng lĩnh vực và có giải pháp tích cực, cụ thể tạo môi trường thuận lợi cho phát triển. Tập trung nguồn lực và sức lực để chỉ đạo thực hiện những công việc đã và đang tiến hành có hiệu quả, những công việc trọng tâm mới bắt đầu triển khai từ năm 2006 theo một lộ trình cụ thể, dứt điểm, tránh phân tán và để dây dưa, kéo dài.*

Trong nông nghiệp, tập trung cao và xử lý đồng bộ các công trình thủy lợi trọng điểm, về giống và cơ cấu mùa vụ, hình thành vùng nguyên liệu tập trung gắn với cơ sở chế biến công nghiệp, tăng khả năng và chủ động phòng chống thiên tai một cách cơ bản, dịch bệnh trong chăn nuôi và thủy sản. Rà soát để cơ cấu lại các loại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, để có định hướng lâu dài cho trồng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hiệu quả và bền vững. Điều tra, đánh giá kỹ để phát triển mạnh ngành nghề truyền thống mà thị trường đang cần. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông thôn.

Trong công nghiệp, thúc đẩy việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp phụ trợ có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, như: năng lượng (điện, dầu khí), công nghiệp phần mềm, cơ khí chính xác, công nghiệp hóa dầu, công nghiệp ô-tô, công nghiệp tàu thủy, luyện cán thép, chế biến và công nghiệp sinh học... Nâng dần hàm lượng trí tuệ trong các sản phẩm công nghiệp, chuyển mạnh hơn từ gia công, lắp ráp sang sản xuất tại chỗ. Với tốc độ phát triển như hiện nay, tình trạng thiếu điện cho sản xuất và tiêu dùng trong những năm tới sẽ còn lớn hơn nhiều. Bởi vậy, phải có giải pháp huy động các nguồn lực, cơ chế, chính sách phù hợp để tập trung đầu tư phát triển điện dưới nhiều hình thức; xử lý kịp thời những vướng mắc giữa các nhà sản xuất điện với nhà cung ứng điện; rà soát, điều chỉnh định mức bán điện nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức kinh tế trong nước tham gia đầu tư sản xuất điện. Xác định rõ và cân đối đủ vốn, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khí điện đạm Cà Mau...

Phát triển mạnh các ngành dịch vụ tương ứng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan tâm phát triển những loại hình dịch vụ mang tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, doanh nhân và dân cư,

như dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn pháp lý, tư vấn đầu tư, dịch vụ khoa học và công nghệ, thông tin tiếp thị, các loại dịch vụ tài chính (vốn, thuê mua tài chính, định giá tài sản, kê khai và tính thuế, kế toán, kiểm toán...). Cần có chính sách khuyến khích cụ thể, thiết thực hơn để mở cửa, phát triển các doanh nghiệp dịch vụ trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài vào những dịch vụ cần thiết, nâng cao chất lượng dịch vụ của nước ta đạt trình độ tiên tiến.

Thứ hai: Khuyến khích và phát huy tối đa tiềm năng của kinh tế dân doanh, đầu tư nước ngoài; tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, nhanh chóng xóa bỏ độc quyền, xóa bỏ sự phân biệt đối xử bất lợi đối với kinh tế dân doanh ngay trong quy định của pháp luật, chính sách và trong tổ chức thực hiện. Chủ động chuẩn bị về tổ chức bộ máy, văn bản hướng dẫn cụ thể hóa và các điều kiện bảo đảm khác để triển khai thực hiện thông suốt ngay khi có hiệu lực của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu và các luật kinh tế khác. Đặc biệt quan tâm đến các quy định của pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong đăng ký kinh doanh - đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, giải quyết mặt bằng kinh doanh và trong việc tiếp cận các ưu đãi của Nhà nước. Xác định và áp dụng lộ trình, nhưng càng sớm càng tốt, chuyển chính sách ưu đãi trước đầu tư sang ưu đãi sau đầu tư, khuyến khích và hỗ trợ các dự án đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, có tác động tích cực, trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Các cấp, các ngành chức năng cần tổ chức sớm việc rà soát, thống kê và nắm lại doanh nghiệp hiện có, khuyến khích và bảo vệ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoạt động đúng pháp luật; ngăn chặn có hiệu quả và xử lý nghiêm theo pháp luật tình trạng doanh nghiệp ma, mua bán hóa đơn chứng từ bất hợp pháp. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế "hậu kiểm", pháp luật kế toán, kiểm toán,

thống kê nhằm minh bạch hóa tài chính, tài sản, tạo điều kiện thúc đẩy mạnh hơn việc sắp xếp, tổ chức lại, chuyển đổi, cổ phần hóa và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới căn bản tổ chức và phương thức quản lý, làm rõ và thực hiện đúng trách nhiệm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Đề cao và phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chú trọng sắp xếp và phát triển nông, lâm trường quốc doanh theo quan điểm đổi mới toàn diện; nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ và phát triển rừng.

Thứ ba: Phát triển mạnh mẽ các loại thị trường, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Khẩn trương hoàn thiện các thể chế cho các loại thị trường phát triển đồng bộ, hoạt động năng động trong trật tự, loại bỏ các biện pháp hành chính không phù hợp quy luật để duy trì độc quyền trong đầu tư - kinh doanh. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy hoạch phát triển các thị trường dịch vụ có liên quan trực tiếp, có tác dụng chi phối tới ổn định kinh tế vĩ mô; có cơ chế kiểm soát thích hợp các loại thị trường này, khắc phục tình trạng vừa tự phát, vừa buông lỏng. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để phát triển nhanh thị trường vốn, thị trường bất động sản, khoa học - công nghệ, lao động... Chú trọng phát triển thị trường vốn trung hạn và dài hạn, cải thiện rõ rệt thị trường chứng khoán. Thí điểm phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình ra nước ngoài vào những thời điểm thuận lợi, tăng cường hoạt động thuê - mua tài chính. Cần có biện pháp khắc phục thị trường ngầm chuyển đổi ngoại tệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài. Thị trường hóa hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ.

Trong lúc thị trường tiền tệ thế giới có những biến động khó lường, chúng ta cần có giải pháp chủ động, linh hoạt và tăng cường vai trò của Nhà nước trong điều hành chính

sách tiền tệ, tỷ giá và lãi suất; đẩy mạnh cải cách, cơ cấu lại và đổi mới cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước thông qua việc sắp xếp và cổ phần hóa theo lộ trình. Cơ cấu lại nợ, tăng hệ số an toàn, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thuận lợi để thúc đẩy ngân hàng thuộc mọi thành phần tự chủ kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn và tiện ích ngân hàng cho doanh nghiệp và dân cư. Chuẩn bị các điều kiện và tạo thuận lợi cho việc chủ động và tích cực tiếp nhận sự tham gia của ngân hàng nước ngoài vào thị trường vốn và dịch vụ ngân hàng theo lộ trình cam kết.

Đối với thị trường ngoài nước, tập trung tháo gỡ mọi rào cản, chủ động ngăn chặn phát sinh rào cản mới để đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng Việt Nam có lợi thế và đang có thị trường. Phát triển thị trường mới đa phương và song phương, cả hàng hóa và dịch vụ, giữ vững và phát triển mạnh hơn thị trường truyền thống, bảo hộ có lựa chọn, có điều kiện và thời hạn thị trường trong nước.

Thứ tư: Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trong mọi tình huống. Có biện pháp xử lý hoặc làm giảm thiểu các biểu hiện không lành mạnh, như: thâm hụt quá mức cán cân thanh toán, nhập siêu, tình trạng mất cân đối về vốn đầu tư, nợ tồn đọng vốn đầu tư v.v.. Chủ động kiểm soát và điều hành lãi suất tín dụng bằng VND và USD đang tăng mạnh và ở mức khá cao. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước trong lĩnh vực lưu thông tiền tệ, kiểm soát lạm phát, điều hành tỷ giá, lãi suất và tăng sức mua chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam. Có biện pháp điều hành mềm dẻo để việc hình thành lãi suất hợp lý không tác động bất lợi đến nền kinh tế và khuyến khích đầu tư phát triển. Không chỉ kiểm chế và kiểm soát tình trạng tăng lãi suất ngân hàng bằng đàm phán và thỏa thuận giữa các hội viên của Hiệp hội ngân hàng, mà cần có sự kiểm tra, đánh giá khách quan, đầy đủ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình nợ, nhất là nợ xấu của các ngân hàng

thương mại. Kiểm soát và đánh giá mức độ tác động của việc tăng cao các khoản chi tiêu của ngân sách nhà nước cho tăng trưởng, chi quản lý hành chính, chi trả nợ và một số nhiệm vụ chi khác trong khi các nguồn thu chưa vững chắc. Rà soát kỹ khả năng thực hiện các khoản thu ngân sách, để chủ động thu đúng theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, trốn thuế, nợ đọng và gian lận về thuế, đặc biệt là thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Xử lý nghiêm trước pháp luật các hành vi trốn thuế, gian lận trong hoàn thuế giá trị gia tăng, mua bán hóa đơn giá trị gia tăng để kiếm lời bất chính. Phấn đấu tăng thu để có nguồn tăng dự phòng, chủ động đáp ứng các nhiệm vụ chi mới phát sinh. Kiên quyết thu hồi tiền, tài sản và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật trong sử dụng ngân sách và ngân quỹ nhà nước. Cố gắng giữ bội chi ngân sách ở mức không quá 5% GDP, nhưng đáng lưu ý là về số tuyệt đối, hàng năm bội chi tăng 7.000 - 8.000 tỉ đồng, là mức không nhỏ. Cần đặc biệt quan tâm đến hiệu quả sử dụng ngân sách, giữ ở mức hợp lý nợ chính phủ, nợ quốc gia, duy trì an ninh tài chính quốc gia.

Hiện nay, thị trường trong nước và ngoài nước vẫn tiềm ẩn biến động phức tạp. Giá cả nhiều mặt hàng thiết yếu trong nước chịu tác động rất nhanh của sự biến động giá cả trên thị trường thế giới. Cần dự báo tốt, theo dõi và chỉ đạo sát sao, có những giải pháp kinh tế, hành chính và các biện pháp tình thế mạnh, kịp thời hạn chế sự tăng giá đột biến, dây chuyền, tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân, bảo đảm sự ổn định và tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Đồng thời, cần nhìn nhận khách quan, đánh giá đúng mức mức độ tăng giá, các nhóm hàng hóa tăng giá mạnh, các lĩnh vực kinh tế, các nhóm dân cư chịu ảnh hưởng lớn, để có sự sắp xếp, cơ cấu

(Xem tiếp trang 38)

THÀNH CÔNG CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP, TIỀN ĐỀ QUAN TRỌNG BẢO ĐẢM CHO THÀNH CÔNG CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN ĐỨC HÀ *

THỰC hiện Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 06-12-2004 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của các ban đảng Trung ương về "Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng", đến hết tháng 12-2005 có 72/74 đảng bộ trực thuộc Trung ương đã hoàn thành đại hội đảng bộ 3 cấp. Cụ thể là: các tổ chức cơ sở đảng được tiến hành từ đầu tháng 6 và cơ bản hoàn thành vào cuối tháng 9-2005; đại hội các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở bắt đầu từ cuối tháng 8 và cơ bản hoàn thành vào cuối tháng 10-2005; đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương bắt đầu từ cuối tháng 11 và cơ bản hoàn thành vào cuối tháng 12-2005. Nhìn chung, đại hội đảng bộ các cấp vừa qua là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng và trong xã hội; yêu cầu về đổi mới, dân chủ và nâng cao chất lượng cấp ủy các cấp đã có bước chuyển tích cực, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nội dung theo Chỉ thị 46 của Bộ Chính trị, tạo tiền đề quan trọng cho thành công của

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Điều đó được thể hiện trên các nội dung chính sau:

Khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị và hướng dẫn của các ban đảng Trung ương, các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương đã khẩn trương xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các hướng dẫn của Trung ương để thực hiện cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; tổ chức hội nghị cán bộ để quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị, các hướng dẫn của Trung ương và triển khai kế hoạch đại hội của đảng bộ cấp mình; mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn quy trình công tác nhân sự, nguyên tắc, thủ tục tiến hành đại hội cho cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở. Hầu hết các tỉnh, thành ủy và cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở đã thành lập các Tiểu ban giúp cấp ủy chỉ đạo, lập các tổ công tác, chọn và tập trung chỉ đạo đại hội điểm ở cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở để

* Vụ trưởng, Ban Tổ chức Trung ương

rút kinh nghiệm. Nhiều đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh, thành ủy đã chỉ đạo công tác chuẩn bị, trực tiếp dự, theo dõi và tổ chức rút kinh nghiệm ở các đại hội điểm. Khi triển khai ra diện rộng, nhiều tỉnh, thành ủy đã chỉ đạo các ban xây dựng đảng cấp tỉnh, các huyện ủy, quận ủy, đảng ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở tiến hành rà soát, xác định những nơi có khó khăn, phức tạp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; quy định chế độ thông tin, báo cáo và thực hiện việc giao ban định kỳ với các đảng bộ trực thuộc để nắm tình hình, tiến độ và kết quả đại hội, có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời. Nhiều nơi đã quan tâm chỉ đạo và làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau đại hội. Các phiên khai mạc, bế mạc đại hội cấp tỉnh đều được truyền hình trực tiếp để nhân dân theo dõi, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong đảng bộ và nhân dân.

Trước khi tiến hành đại hội, các cấp ủy cơ sở đều tổ chức để đảng viên ở các chi bộ nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện của Trung ương trình Đại hội X và báo cáo của cấp ủy cấp trên từ 1 đến 2 ngày. Tỷ lệ đảng viên tham gia thảo luận đạt từ 80% trở lên. Nhìn chung, ý kiến thảo luận của đảng viên ở các chi bộ cũng như ý kiến thảo luận tại đại hội đảng bộ các cấp thể hiện sự nhất trí cao với các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội X của Đảng. Trong nhiều đại hội, không khí thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, có nhiều ý kiến tâm huyết, được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ và thể hiện tinh thần trách nhiệm xây dựng Đảng. Những nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội X của Đảng (14 vấn đề ở đại hội cơ sở và 17 vấn đề ở đại

hội từ cấp huyện trở lên) đều được lấy ý kiến bằng phiếu của đại biểu đại hội và được đa số đồng tình theo phương án chuẩn bị của Trung ương thể hiện trong báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Nhìn chung, báo cáo chính trị của các cấp ủy được chuẩn bị kỹ và bước đầu có sự đổi mới. Nhiều cấp ủy đã bám sát những quan điểm chỉ đạo trong các dự thảo văn kiện của Trung ương và của cấp ủy cấp trên; nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ trước đề ra và tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ qua, làm rõ ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ tới. Nhiều báo cáo chuẩn bị ngắn gọn, súc tích, có chất lượng và giảm đáng kể tình trạng sao chép nội dung trong các dự thảo văn kiện của cấp trên. Nhiều nơi đã tổ chức tốt việc lấy ý kiến tham gia, đóng góp của cán bộ lão thành, đảng viên trong đảng bộ, các đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện các tầng lớp nhân dân vào báo cáo chính trị và công tác nhân sự cấp ủy; đề ra được những giải pháp cụ thể, thiết thực, có tính khả thi về phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện xóa đói, giảm nghèo, công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Báo cáo kiểm điểm của nhiều cấp ủy đã thể hiện tinh thần tự phê bình và phê bình thẳng thắn, chỉ ra khuyết điểm và xác định rõ trách nhiệm của tập thể cấp ủy và từng cá nhân cấp ủy viên. Việc thảo luận, tham gia ý kiến vào báo cáo của cấp mình ở nhiều đại hội khá phong phú, đi sâu vào từng lĩnh vực, nội dung thiết thực và có chất lượng.

Công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy ở đại hội lần này được chuẩn bị kỹ, mở rộng dân chủ hơn, bảo đảm đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên. Nhiều cấp ủy đã tiến hành rà soát, đánh giá và bổ sung quy hoạch cán bộ, coi trọng tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng cấp ủy; chú ý tăng tỷ lệ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, xuất thân từ thành phần công nhân tham gia cấp ủy. Danh sách chuẩn bị nhân sự cấp ủy của cấp ủy khóa trước và danh sách bầu cử cấp ủy ở đại hội đảng bộ các cấp hầu hết đều bảo đảm số dư trên 15%, nhiều nơi dư trên 20% so với số lượng cấp ủy cần bầu. Việc tiến hành bầu cử cấp ủy và đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên ở các đại hội cơ bản đúng nguyên tắc, thủ tục quy định, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, chất lượng; số phiếu bầu không đủ số lượng quy định ít, phiếu bầu không hợp lệ tuy có nhưng không đáng kể. Hầu hết các đồng chí được cấp ủy khóa trước giới thiệu đều trúng cử và đa số các đồng chí chủ chốt trúng cử với tỷ lệ phiếu cao. Qua tổng hợp bước đầu kết quả bầu cử cấp ủy các cấp ở một số tỉnh, thành phố cho thấy: hầu hết số cấp ủy viên mới được bầu đều nằm trong quy hoạch; số cấp ủy cũ tái cử từ 60% đến 65%; chất lượng cấp ủy các cấp được nâng lên một bước: độ tuổi bình quân của cấp ủy giảm; tỷ lệ cấp ủy viên là nữ, tuổi trẻ tăng so với nhiệm kỳ trước; số cấp ủy viên ở cơ sở là cán bộ nghỉ hưu giảm nhiều; trình độ học vấn, lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ của cấp ủy các cấp được nâng lên nhiều so với nhiệm kỳ trước, nhất là đối với cấp ủy cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy và tổ chức đảng. Sau khi bầu cử ban chấp hành, các đại hội đảng bộ đều tiến hành

lấy phiếu giới thiệu tín nhiệm đối với chức danh bí thư theo đúng hướng dẫn của Trung ương và hầu hết các đồng chí được cấp ủy cũ chuẩn bị được tín nhiệm cao. Nhiều nơi đã tiến hành họp phiên thứ nhất của ban chấp hành mới để bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và đã công bố trong thời gian đại hội.

Nhìn chung, quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp lần này được các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ, mở rộng dân chủ, đề cao trách nhiệm của cấp ủy và phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên; coi trọng công tác kiểm tra, chỉ đạo điểm, thường xuyên sơ kết và tổ chức rút kinh nghiệm kịp thời. Công tác tổ chức điều hành đại hội và việc bầu cử cấp ủy, đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên cơ bản bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định. Đại hội đảng bộ các cấp đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nội dung và thời gian theo Chỉ thị 46-CT/TW của Bộ Chính trị đã đề ra, tạo tiền đề quan trọng cho sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Tuy nhiên, đại hội đảng bộ các cấp cũng bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót, cần rút kinh nghiệm là:

Việc tổ chức thảo luận, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội X ở một số đại hội, nhất là cấp cơ sở còn hạn chế, chủ yếu là nêu tình hình và kiến nghị với cấp trên. Thời gian dành cho thảo luận vào các dự thảo văn kiện chưa thỏa đáng, chủ yếu thời gian dành cho công tác nhân sự. Nhiều ý kiến tham luận tại đại hội chưa đi sâu đề xuất, tìm ra những giải pháp cụ thể, có tính đột phá, chưa tạo được không khí thảo luận, tranh luận về những

vấn đề mới hoặc ý kiến còn khác nhau. Việc lấy ý kiến của đại biểu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng chưa được hướng dẫn cụ thể nên một số nội dung thiếu chính xác.

Việc xây dựng báo cáo chính trị của nhiều cấp ủy chưa quán triệt sâu sắc những quan điểm chỉ đạo trong các dự thảo văn kiện của Trung ương và cấp ủy cấp trên cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương. Việc xác định mục tiêu và các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội ở một số nơi chưa thật sát, đúng với thực tiễn, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương và thiếu những giải pháp mang tính đột phá. Nhiều báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành, báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII còn chung chung, chưa chỉ rõ những yếu kém trong thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; nhiều báo cáo kiểm điểm ban chấp hành còn trùng lặp với Báo cáo chính trị.

Công tác chỉ đạo của một số cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở thiếu chặt chẽ, thường xuyên, nhất là khi triển khai ra diện rộng. Cấp ủy cấp trên có nơi chưa nắm chắc cán bộ, còn nể nang, hữu khuynh, thiếu kiên quyết. Công tác chuẩn bị nhân sự của một số cấp ủy chưa thật kỹ, một số nơi chưa thực hiện đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương, nhất là việc nhận xét, đánh giá cán bộ trước đại hội. Do đó, ở nhiều đại hội cấp cơ sở còn xảy ra tình trạng bầu thiếu cấp ủy, phải bầu 2 - 3 lần. Có nơi cán bộ chủ chốt được cấp ủy cũ giới thiệu tái cử, được cấp trên đồng ý nhưng không trúng cử. Qua tổng hợp bước đầu đã có không ít cấp ủy viên cơ sở, bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND

xã, phường, thị trấn; ủy viên cấp huyện và tỉnh, trong đó có cán bộ chủ chốt cấp huyện và ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành ủy không trúng cử ban chấp hành; tỷ lệ nữ, tuổi trẻ tham gia cấp ủy ở nhiều đảng bộ còn thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra.

Việc thực hiện các nguyên tắc, quy định, thủ tục ở một số đại hội, chủ yếu là cấp cơ sở vẫn còn sai sót, nhầm lẫn. Một số nơi không thực hiện việc ứng cử, đề cử tại đại hội. Có nơi biểu quyết cả số dư để bầu cử ban chấp hành và danh sách bầu cử chưa bảo đảm số dư 15% so với số lượng cấp ủy cần bầu. Một số nơi bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên không có số dư hoặc không bầu đại biểu dự khuyết. Có nơi bầu nhiều lần vẫn không đủ số lượng đại biểu. Cá biệt một số cơ sở, vi phạm nguyên tắc và quy chế bầu cử, phải hủy bỏ kết quả.

Công tác chỉ đạo, điều hành của đoàn chủ tịch ở một số đại hội còn lúng túng, bị động, nhất là khi tiến hành công tác nhân sự hoặc trước những tình huống phát sinh tại đại hội. Đoàn chủ tịch ở nhiều đại hội chưa làm tốt việc phân công điều hành cho các thành viên, chưa định hướng, gợi mở để đại hội tập trung vào thảo luận những vấn đề mới, quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau. Một số đại hội chưa đi sâu thảo luận và biểu quyết những chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu và các giải pháp lớn, nghị quyết quá dài và trùng lặp với báo cáo chính trị.

Một số kinh nghiệm rút ra:

Một là, các cấp ủy cần quán triệt kỹ, sâu sắc và thực hiện đúng Chỉ thị 46-CT/TW của Bộ Chính trị, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên, nhất là những yêu cầu, nội dung mới của mỗi kỳ

đại hội, tạo sự thống nhất về nhận thức tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa thành những nội dung thiết thực, phù hợp với tình hình, đặc điểm của mỗi đảng bộ để thực hiện; coi trọng việc bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cấp ủy viên cấp dưới, nhất là đối với cấp ủy cơ sở.

Hai là, trong quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội, cấp ủy cấp trên cần tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy cấp dưới; phân công các đồng chí ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên và cán bộ các ban xây dựng đảng có kinh nghiệm để theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ cấp ủy cấp dưới, nhất là đối với những đảng bộ có khó khăn, phức tạp, đội ngũ cán bộ yếu; coi trọng công tác chỉ đạo đại hội điểm ở các cấp và thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm kịp thời, nhất là khi triển khai ra diện rộng.

Ba là, việc chuẩn bị báo cáo chính trị cần quán triệt những quan điểm chỉ đạo trong các dự thảo văn kiện của Trung ương và báo cáo của cấp ủy cấp trên để vận dụng phù hợp, nhằm phát huy và khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy phải thực sự dân chủ, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và thực hiện theo đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên. Những cán bộ, đảng viên có liên quan đến nhân sự cấp ủy khóa mới có vấn đề về lịch sử chính trị, có đơn thư tố cáo, hoặc có dư luận liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, cần xác minh, làm rõ. Nếu có sai phạm phải xử lý kịp thời, hoặc chủ động cho rút khỏi danh sách chuẩn bị nhân sự ban chấp hành trước đại hội.

Bốn là, trong quá trình tổ chức đại hội, đoàn chủ tịch đại hội cần coi trọng và quan tâm chỉ đạo thực hiện toàn diện các nội dung, khắc phục tình trạng quá chú trọng đến công tác nhân sự, xem nhẹ việc thảo luận, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện của cấp trên và báo cáo chính trị của đảng bộ cấp mình. Cần lựa chọn những đồng chí có năng lực, kinh nghiệm, nắm vững nguyên tắc, thủ tục, quy trình đại hội tham gia đoàn chủ tịch, đoàn thư ký và ban kiểm phiếu. Chương trình và thời gian đại hội cần được xây dựng khoa học, hợp lý để thực hiện tốt các nội dung của đại hội. Những vấn đề trình bày trước đại hội cần được chuẩn bị kỹ bằng văn bản để chủ động trong điều hành, tránh những nhầm lẫn, sai sót.

Năm là, sau khi kết thúc đại hội, cấp ủy cấp trên cần khẩn trương chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các cấp ủy viên, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy trên các lĩnh vực; làm tốt công tác tuyên truyền và giải quyết dứt điểm những vấn đề còn vướng mắc trước, trong và sau đại hội; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy. Cấp ủy khóa mới cần cụ thể hóa nghị quyết đại hội thành chương trình hành động cụ thể để thực hiện, chú ý chọn và tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ trọng tâm, bức xúc, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong đảng bộ và nhân dân. Cấp ủy các cấp cần làm tốt công tác tuyên truyền, lãnh đạo, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, lập thành tích thiết thực chào mừng thành công của đại hội. □

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI: NHÌN TỪ ĐIỂM CAO 2005

HÀ ĐĂNG

CÁNH cửa năm Ất Dậu - 2005 đã khép lại. Một mùa xuân mới, Xuân Bính Tuất - 2006 đang mở ra. Đây là thời điểm rất thuận lợi để chúng ta cùng nhìn lại những năm tháng đã qua, đánh giá đúng sự nghiệp đổi mới với những bước tiến và đỉnh cao đạt được, cả những khó khăn, thách thức phải vượt qua và triển vọng của bước đường đi lên. Trước hết, chúng ta điểm lại năm 2005 và từ đó nhìn lại cả quá trình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Cũng từ điểm cao năm 2005, chúng ta nhìn lại 20 năm đổi mới để có được một sự so sánh có tính lịch sử giữa trước đây và hiện nay. Rồi cũng từ điểm cao này, chúng ta nhìn về phía trước, tìm hiểu Đại hội X của Đảng sẽ họp vào quý II năm 2006, một Đại hội mà toàn Đảng, toàn dân ta đặt vào đó niềm tin lớn và cả những kỳ vọng lớn.

NĂM 2005 VÀ 5 NĂM 2001 - 2005

Năm 2005, ngay từ đầu, đã được khẳng định là một năm có vị trí đặc biệt quan trọng.

Đó là năm cuối cùng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, 5 năm mở đầu thế kỷ mới, cũng là năm cuối cùng thực hiện những nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra, cho nên việc hoàn thành những nhiệm vụ của năm này có

ý nghĩa không chỉ cho riêng nó mà cho cả một kế hoạch 5 năm, một nhiệm kỳ Đại hội.

Đó là năm kỷ niệm những ngày lịch sử trọng đại của nước ta: Giỗ Tổ Hùng Vương, 75 năm Ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, 30 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm Cách mạng Tháng Tám và thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đảng ta khẳng định, việc tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử đó chỉ thật sự có ý nghĩa khi phát huy được truyền thống văn hóa và cách mạng của dân tộc ta, biến truyền thống ấy thành sức mạnh của hiện tại, thành ý chí và quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

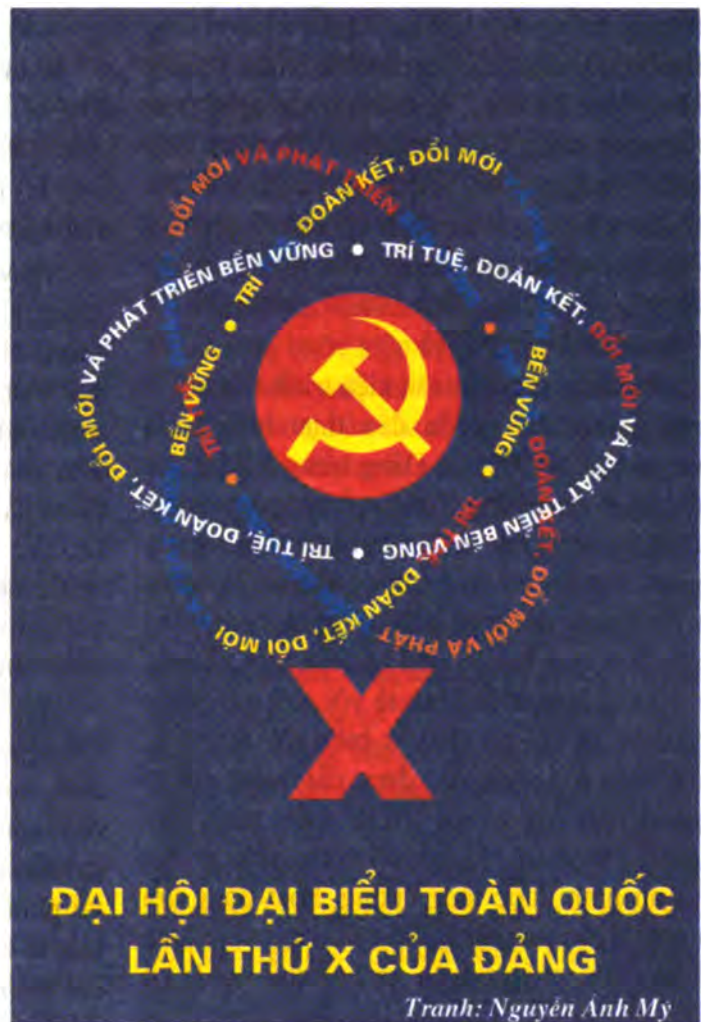
Đó là năm Đảng ta tiến tới Đại hội X của Đảng, trực tiếp là tiến hành đại hội đảng bộ các cấp mà thành công của các đại hội này có ý nghĩa rất quyết định đến thành công của Đại hội toàn quốc.

Với vị trí quan trọng đặc biệt ấy, năm 2005 trở thành một năm phấn đấu quyết liệt. Tuy nhiên, không phải mọi việc đều bắt đầu thuận lợi.

Cải khó trước hết là ở lĩnh vực kinh tế. Bốn năm trước đó, từ năm 2001 đến năm 2004, tuy tăng trưởng GDP của cả nước năm sau cao hơn năm trước, nhưng bình quân

cả bốn năm chỉ đạt 7,3%/năm, thấp hơn chỉ tiêu đặt ra cho 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%. Có nghĩa là, để đạt được chỉ tiêu này, bù lại thiếu hụt của các năm trước, năm 2005 phải đạt mức tăng trưởng ít ra là 8,4% - 8,5%. Vậy mà về điều kiện khách quan, thật là họa vô đơn chí. Đầu năm rồi cuối năm, hai lần dịch cúm gia cầm bùng phát. Ở nhiều vùng, hạn hán rồi bão lũ liên tiếp xảy ra gây những thiệt hại lớn về người và của. Xuất khẩu vấp phải những rào cản về cấm bán phá giá, về hạn ngạch... Giá dầu thế giới tăng mạnh kéo theo sự tăng giá của nhiều mặt hàng nhập khẩu. Giá cả trong nước cũng tăng nhanh tuy vẫn trong vòng kiểm soát. Đó là chưa kể những khó khăn do hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Mặc dù vậy, năm 2005 đã chứng tỏ những nỗ lực vượt bậc của toàn dân ta, những đổi mới đáng ghi nhận trong lãnh đạo của Đảng và trong quản lý, điều hành của Nhà nước ta. Năm 2005 kết thúc với những thành tích đáng khích lệ: tăng trưởng GDP đạt mức 8,4% - mức cao nhất trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, cũng là năm cao nhất trong 9 năm trở lại đây. Các chỉ tiêu chủ yếu khác về kinh tế, văn hóa, xã hội đều đạt được về cơ bản. Có những con số đã đạt tới trong năm 2005 mà trước đây ít ai có thể tưởng tượng nổi: 53,3 tỉ kW/h điện; dầu khí đạt 18,5 triệu tấn (nếu tính chung từ ngày bắt đầu khai thác thì đến nay đã đạt được tấn thứ 100 triệu); than sạch đạt



32,6 triệu tấn; 39,2 triệu tấn thóc, trong đó xuất khẩu gạo hơn 5 triệu tấn, mức cao nhất từ trước đến nay. Kim ngạch xuất khẩu đạt 32,2 tỉ USD, bằng hơn một nửa tổng sản phẩm trong nước (GDP). Đương nhiên, đây là kết quả không chỉ của riêng năm 2005 mà là của những cố gắng trong nhiều năm.

Thành tích đạt được trong năm 2005 đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. GDP 5 năm này tăng bình quân 7,5%, đạt mức kế hoạch đề ra. Năm 2005, GDP ước đạt 838 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người trên 10 triệu đồng

(tương đương 640 USD). Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005 (kế hoạch 38% - 39%); tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm từ 24,5% xuống còn 20,9% (kế hoạch 20% - 21%); tỷ trọng dịch vụ ở mức 38,1% (kế hoạch 41% - 42%).

Theo các dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng, việc phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trong 5 năm qua đã đạt được *những thành tựu rất quan trọng*. Một là, nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện. Hai là, hoạt động văn hóa - xã hội có tiến bộ trên một số mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện, chỉ số phát triển con người (HDI) được nâng lên. Ba là, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường, hoạt động đối ngoại được mở rộng. Bốn là, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả 3 lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy. Năm là, công tác xây dựng Đảng được coi trọng; trong đó, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được một số kết quả tích cực; các công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ đều có những tiến bộ mới.

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể cũng như trên từng mặt cụ thể, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn có nhiều yếu kém và khuyết điểm.

Có thể nói, thành tựu 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là một bộ phận không tách rời, một sự bổ sung và nhân lên những thành tựu của 20 năm đổi mới.

HAI MUỐI NĂM ĐỔI MỚI

Nhìn lại 20 năm qua, kể từ năm 1986, khi Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, ta sẽ thấy so với thời điểm ấy, ngày nay bộ mặt của đất nước và xã hội ta đã có những sự thay đổi lớn.

Ngày ấy, đất nước ta lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng tưởng chừng không có lối ra: sản xuất trì trệ, lưu thông phân phối ách tắc, ngân sách nhà nước thâm hụt lớn, lạm phát cao, đời sống rất khó khăn, lòng dân không thật yên. Cả nước phấn đấu hết sức mình nhưng làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập. Nước ta vừa có hòa bình, vừa phải đối phó với nguy cơ chiến tranh mới, lại bị bao vây và cấm vận ngặt nghèo.

Nay thì hình ảnh của những năm tháng khủng hoảng đã bị đẩy lùi. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang tạo nên vóc dáng của một đất nước tiến nhanh về phía trước. Liên trong gần 20 năm, đặc biệt là từ năm 1991 đến nay, kinh tế liên tục đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm 7,5% - một nhịp độ được coi là thần kỳ. Từ một nước trước đây mỗi năm phải nhập khẩu khoảng nửa triệu tấn lương thực nay đã là một trong những nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, mà số lượng xuất khẩu thì cao hơn gần 10 lần số lượng nhập khẩu hằng năm trước đây. Từ một nước vốn có nền công nghiệp yếu kém, nay đã từng bước tiến lên xây dựng một nền công nghiệp theo hướng hiện đại, với hàng trăm khu công nghiệp và khu chế xuất được bố trí khắp các vùng, miền. Đồng thời cơ cấu kinh tế không ngừng chuyển đổi theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Kim ngạch xuất khẩu trong những năm gần đây đã đạt xấp xỉ

một nửa GDP toàn quốc. Hàng loạt công trình kết cấu hạ tầng được xây dựng mang đậm dấu ấn của thời kỳ mới. Nhịp độ đô thị hóa đi liền với công nghiệp hóa được đẩy nhanh hơn.

Về xã hội và văn hóa, bản chất nhân văn của chủ nghĩa xã hội ngày càng được tô đậm và phát triển bởi những thành tựu về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, về xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, về không chế dịch bệnh, tăng tuổi thọ bình quân. Cái được lớn nhất về mặt văn hóa là đã đưa ra được một quan niệm tổng thể về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của phát triển. Chúng ta đã đặt giáo dục và khoa học - công nghệ lên vị trí quốc sách hàng đầu, trực tiếp thúc đẩy việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Về chính trị, đã làm rõ thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, coi Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là ba trụ cột vững chắc của nền dân chủ ấy. Trên cơ sở đó, thực hiện nhiều chủ trương và biện pháp để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua việc Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân; tăng cường và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tăng cường và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, đồng thời thực hiện chức năng phản biện xã hội đối với các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Về quốc phòng và an ninh, đổi mới quan trọng nhất là đã phát triển quan niệm về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chiến lược về bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, điều kiện mới. Nhờ đó, đã xây dựng và từng bước phát triển tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Cũng nhờ đó mà ta tuy phải đối mặt với nhiều âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, nhưng với thế giới, đất nước ta vẫn được xem là một đất nước mà quốc phòng và an ninh được bảo đảm, sự ổn định chính trị và ổn định xã hội được giữ vững.

Về quan hệ đối ngoại, với chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, rộng mở, sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, nước ta không chỉ phá bỏ được thế bị bao vây, cấm vận mà còn thiết lập được quan hệ với hầu hết các nước trên thế giới, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác, không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhìn lại 20 năm đổi mới, Đảng ta đánh giá, *đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*, trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận.

Không phải ngẫu nhiên 20 năm qua, **ĐỔI MỚI** đã trở thành hai chữ vàng của dân tộc ta.

Đổi mới là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đổi mới là đường lối chính trị, chiến lược cách mạng của Đảng, là chính sách phát triển

nhất quán của Nhà nước ta nhằm đưa đất nước tiến lên trong thời kỳ mới.

Đổi mới là phong trào cách mạng rộng rãi của quần chúng để làm nên lịch sử, một dòng chảy cuộn cuộn tiến về phía trước mà trong đó, mỗi người đều tìm thấy lợi ích không chỉ của quốc gia, của cộng đồng mà còn của chính mình.

Đổi mới là một giá trị sáng tạo văn hóa có ý nghĩa lớn, như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: "Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới".

Từ thực tiễn đổi mới, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

Những thành tựu to lớn của 20 năm đổi mới vừa qua là kết quả tổng hợp của ba sức mạnh tác động cùng chiều: sức mạnh của nhân dân làm chủ, sức mạnh của Đảng lãnh đạo và sức mạnh của Nhà nước quản lý và điều hành.

Về sức mạnh của Đảng, trước hết phải nói đến vai trò to lớn của bốn Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, những đại hội đã từng đánh dấu những cột mốc quan trọng trong quá trình đổi mới và phát triển của đất nước: Đại hội VI (năm 1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện; Đại hội VII (năm 1991) là Đại hội của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội VIII (năm 1996) mở ra thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Đại hội IX (năm 2001) đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, theo đó, trong 10 năm đầu thế kỷ mới,

phần đầu đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại. Đặc điểm chung của các kỳ đại hội ấy là, đại hội sau bao giờ cũng kế thừa và phát triển những gì đại hội trước đã đạt được, trong đó phát triển sáng tạo luôn luôn là động lực.

Đại hội X của Đảng hiển nhiên không ra ngoài quy luật ấy. Qua các dự thảo văn kiện đã được đưa ra thảo luận và lấy ý kiến trong toàn Đảng, mỗi quan tâm chung lớn nhất cũng tức là câu hỏi lớn được đặt ra là: đâu là điểm đột phá, là dấu ấn sâu sắc, là sự phát triển sáng tạo của Đại hội X?

Chủ đề của Đại hội được dự kiến là: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển"*.

Với cấu tạo chung và các thành tố của chủ đề, tưởng như đó chỉ là những vấn đề cũ được nhắc lại, không có gì mới. Thật ra cái mới không nằm ở trật tự sắp xếp các thành tố, cũng không phải ở sự thay đổi một số từ ngữ, mà trước hết là ở nội dung của vấn đề ấy.

Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là mục tiêu từng được đề ra tại Đại hội IX, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Nhưng nay có thêm chữ *sớm* với hàm ý phần đầu đạt càng sớm càng tốt mục tiêu ấy ngay trong nhiệm kỳ kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Hiện nay, theo cách phân loại các nước trên thế giới, nước ta được xếp vào loại *nước đang phát triển có thu nhập thấp* (cái ngưỡng thấp hiện nay là 750 USD và đến năm 2010 sẽ là 900 USD/người), vượt qua cái ngưỡng thu nhập thấp này là điều không những có thể đạt được mà còn có thể đạt sớm hơn

năm 2010. Tuy nhiên, tình trạng kém phát triển, theo quan niệm của chúng ta, không chỉ ở thu nhập thấp mà còn ở sự chậm trễ trong một số lĩnh vực khác. Với những thành tựu đạt được sau 20 năm đổi mới, thể và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều so với trước và trình độ phát triển cũng khá hơn. Nhưng nước ta còn đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển, còn tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Khoa học và công nghệ còn ở trình độ thấp. Vì vậy, đạt mục tiêu *sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển* không chỉ là một vấn đề thật sự bức xúc mà còn là yêu cầu cao của sự phấn đấu quyết liệt.

Nếu như thành tố thứ tư: "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" là mục tiêu thì ba thành tố đầu chính là ba nội dung quan trọng nhất, cũng là ba động lực, ba giải pháp cơ bản để đạt tới mục tiêu ấy.

Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một thành tố trong chủ đề của Đại hội IX, nay được khẳng định lại với yêu cầu cao hơn, theo đó, sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước trong thời kỳ mới tuyệt nhiên không phải là sự nghiệp riêng của một giai cấp, một tầng lớp nào mà là sự nghiệp chung của toàn dân tộc; sức mạnh toàn dân tộc là sức mạnh của cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, các lực lượng chính trị, xã hội, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Dựa vào sức mạnh đó và chỉ có phát huy đầy đủ sức mạnh đó thì sự nghiệp của chúng ta mới tiến lên một cách nhanh chóng và vững chắc hơn.

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới có nghĩa là đổi mới tất cả các mặt của đời sống

xã hội; đổi mới từ tư duy đến hoạt động thực tiễn, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới trong thời gian tới phải thật sự mạnh mẽ, trước hết phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có thể coi là mục tiêu tập trung nhất của nhiệm vụ xây dựng Đảng - nhiệm vụ then chốt trong toàn bộ sự nghiệp của chúng ta. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có được nâng cao thì Đảng mới mạnh, mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng có mạnh thì mới đủ sức gánh vác và làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta trong thời kỳ mới.

Chủ đề của Đại hội X thể hiện ý chí lớn và quyết tâm cao của Đảng ta trong những năm tới nắm bắt cơ hội để tiến lên theo tinh thần như bản Dự thảo Báo cáo Chính trị chỉ rõ: *"Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn"*.

*
* *

Thành tựu của 20 năm đổi mới, bao gồm cả thành tựu của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX cùng với việc tiến tới Đại hội X của Đảng chính là hai niềm vui lớn của đất nước ta, dân tộc ta, Đảng ta vào mùa Xuân Bính Tuất này. Thắng lợi to lớn đã qua cho phép tin tưởng thắng lợi lớn hơn trong thời gian tới.□

HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA VIỆT NAM NĂM 2005

NGUYỄN DY NIÊN *

NĂM 2005 là một năm quan trọng, năm nước rút thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đề ra. Quán triệt đường lối đối ngoại của Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa IX, phát huy những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, hoạt động đối ngoại của nước ta tiếp tục được triển khai mạnh mẽ theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, có trọng tâm, trọng điểm; tạo dựng được môi trường quốc tế thuận lợi, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại giao phục vụ kinh tế; đã thu được những kết quả quan trọng, góp phần thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

1 – Môi trường đối ngoại của Việt Nam trong năm 2005

Tình hình thế giới và khu vực năm 2005 có nhiều diễn biến phức tạp, bên cạnh những thuận lợi cũng tồn tại không ít thách thức, khó khăn đối với an ninh và sự nghiệp phát triển của nước ta. Hòa bình hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Một số "điểm nóng" trên thế giới đã xuất hiện những dấu hiệu dịu bớt căng thẳng. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhìn chung tương đối ổn định và duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Quá trình

liên kết và hợp tác trong khu vực được tăng cường, nổi bật là Hội nghị cấp cao Đông Á lần đầu tiên được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (tháng 12-2005). Các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) tiếp tục củng cố tình đoàn kết và đẩy mạnh hợp tác, hướng tới xây dựng một cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính là an ninh - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; mở rộng hợp tác với bên ngoài và giữ vững vai trò chủ đạo trong các cơ chế hợp tác trong khu vực.

Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực năm qua cũng đặt nước ta trước những thách thức, khó khăn không nhỏ. Quan hệ quốc tế và tập hợp lực lượng trên thế giới diễn ra đa dạng và phức tạp. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế vẫn tiếp tục xảy ra dưới nhiều hình thức tinh vi, tàn bạo; các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, môi trường... là đặc điểm nổi bật trong bức tranh chung về an ninh thế giới năm qua, ảnh hưởng đến sự phát triển, ổn định ở nhiều nước và khu vực. Một số thế lực vẫn nuôi dưỡng âm mưu, tiến hành can thiệp, chống phá nước ta qua các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc. Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng đang có xu hướng giảm

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

dân; giá nguyên liệu, đặc biệt là giá dầu thường xuyên biến động ở mức cao. Xu hướng bảo hộ mậu dịch ở các nước phát triển cũng đang có chiều hướng gia tăng.

2 – Hoạt động đối ngoại nước ta năm 2005

Chủ động, khôn khéo trong việc xử lý những khó khăn, thách thức, nhanh nhạy trong tận dụng thời cơ, được sự chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, với sự tham gia trực tiếp của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội, hoạt động đối ngoại của Việt Nam năm 2005 đã được triển khai một cách đồng bộ dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú cả trên bình diện song phương và đa phương, tạo dựng được khuôn khổ quan hệ mang tính ổn định lâu dài với tất cả các nước lớn, các nước láng giềng khu vực. Có thể nói cùng với các ngành kinh tế, an ninh, quốc phòng, ngoại giao Việt Nam năm 2005 đã tạo dựng nên thế và lực mới cho đất nước, thiết lập những cơ sở vững

chắc hơn khi bước vào 5 năm cuối của thập kỷ đầu thế kỷ XXI.

Trước hết, chúng ta đã thiết lập được khuôn khổ quan hệ hợp tác cùng có lợi, ổn định lâu dài với hầu hết các nước láng giềng khu vực.

Quan hệ hợp tác Việt Nam – Trung Quốc tiếp tục phát triển sâu rộng hơn. Các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước, đặc biệt là chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương và chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã tạo nên bước chuyển biến rõ rệt đó là: tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau; thúc đẩy hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực; đưa mối quan hệ hữu nghị Việt Nam – Trung Quốc lên tầm cao mới. Trung Quốc đã kết thúc đàm phán và ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hai bên cũng đã nhất trí đẩy nhanh tiến trình phân giới, cắm mốc biên giới trên bộ để hoàn thành công tác này vào năm 2008, tích cực triển khai Hiệp định về phân



định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định về hợp tác nghề cá. Hai bên cũng nhất trí tiến hành điều tra nguồn lợi thủy sản trong vùng đánh cá chung, tiến hành tuần tra chung ở Vịnh Bắc Bộ và bắt đầu đàm phán phân định khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ.

Quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước Việt – Lào trong năm 2005 tiếp tục được củng cố và tăng cường, thể hiện qua các cuộc gặp cấp cao thường niên của lãnh đạo hai nước. Hợp tác, giao lưu giữa các bộ, ngành và địa phương không ngừng được thúc đẩy, thể hiện truyền thống tốt đẹp và tình cảm gắn bó keo sơn giữa hai dân tộc, đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế. Gần đây, hai bên đã hoàn tất thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Xe-ca-man tại Lào trị giá 237 triệu USD. Đồng thời, hai nước đã tích cực hỗ trợ và phối hợp tốt với nhau trên nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế.

Quan hệ với *Cam-pu-chia* có bước phát triển mới theo chiều sâu sau chuyến thăm Cam-pu-chia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Hun Sen. Hai nước đã nhất trí đưa quan hệ song phương lên tầm cao mới theo phương châm *"láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài"*. Nhiều hiệp định, thỏa thuận hợp tác quan trọng đã được ký kết. Đặc biệt, với Hiệp định bổ sung Hiệp ước biên giới năm 1985 vừa được hai bên phê chuẩn, hai nước đã giải quyết cơ bản những tồn tại xung quanh vấn đề biên giới lãnh thổ trên bộ, giúp ổn định tình hình và khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi để phát triển các khu vực vùng biên, xây dựng đường biên giới hợp tác, hữu nghị và ổn định lâu dài giữa hai nước, góp phần củng cố tình hữu nghị bền chặt giữa nhân dân hai nước, đồng thời

làm thất bại âm mưu của những thế lực chống đối nhằm phá hoại và chia rẽ quan hệ Việt Nam - Cam-pu-chia.

Quan hệ của Việt Nam với các nước ASEAN tiếp tục được củng cố và tăng cường, nhiều cơ chế, khuôn khổ hợp tác đã hình thành và đang được triển khai có hiệu quả. Trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đã phát huy vai trò chủ động, có những đóng góp thiết thực và quan trọng vào các hoạt động chung của Hiệp hội, góp phần tăng cường đoàn kết nội khối, thu hẹp khoảng cách phát triển, phối hợp lập trường giữa các nước thành viên trên nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, đóng góp tích cực vào việc mở rộng quan hệ đối ngoại của ASEAN, nâng cao vị thế của Hiệp hội tại các diễn đàn quốc tế...

Chiều sâu trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam năm 2005 cũng được thể hiện trong quan hệ với **các nước lớn, các nước công nghiệp phát triển, các trung tâm kinh tế – chính trị thế giới**.

Quan hệ Việt – Mỹ có bước phát triển tích cực sau chuyến thăm chính thức đầu tiên của người đứng đầu Chính phủ nước Việt Nam thống nhất, Thủ tướng Phan Văn Khải. Với việc xây dựng khuôn khổ quan hệ *hữu nghị, đối tác xây dựng, hợp tác nhiều mặt, ổn định lâu dài trên cơ sở không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi* với Mỹ, Việt Nam đã hoàn thành việc thiết lập khuôn khổ quan hệ hữu nghị, ổn định với tất cả các nước lớn, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, ổn định cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Trong 10 năm, kể từ khi bình thường hóa quan hệ, hai nước đã có những bước phát triển nhanh trên nhiều lĩnh vực. Tuy còn khác biệt trong quan niệm về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, nhưng hai bên đã hình thành được nhiều kênh đối thoại,

trao đổi thông tin một cách thẳng thắn, mang tính xây dựng nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Quan hệ kinh tế, thương mại Việt - Mỹ đã có bước phát triển nhảy vọt. Năm 2006, kim ngạch thương mại hai chiều dự kiến vượt 7 tỉ USD, tăng mạnh so với mức 223 triệu USD của năm 1994; đưa Mỹ trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Đầu tư của Mỹ vào Việt Nam đạt khoảng 2 tỉ USD với trên 240 dự án lớn nhỏ. Quan hệ Việt - Mỹ trên các lĩnh vực khác như giáo dục, đào tạo, khoa học - kỹ thuật, y tế... cũng không ngừng phát triển và mở rộng.

Nhật Bản tiếp tục là nhà tài trợ phát triển song phương lớn nhất với khoản cam kết trị giá 835 triệu USD, là đối tác hàng đầu của Việt Nam về thương mại, đầu tư và đã kết thúc đàm phán về việc Việt Nam gia nhập WTO. Đề án tổng thể về quan hệ của Việt Nam với Liên minh châu Âu (EU) và định hướng tới năm 2015 đã tạo ra xung lực mới cho phát triển mối quan hệ lên một tầm cao mới. Quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU không ngừng tăng. EU đã bỏ hạn ngạch hàng dệt may và tiếp tục dành ưu tiên cao cho Việt Nam trong các chương trình viện trợ phát triển. Tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ (CG) vừa qua tại Hà Nội, EU đã cam kết tài trợ 936 triệu USD cho Việt Nam...

Quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước khác ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh cũng được củng cố và mở rộng. Quan hệ với Nga được tăng cường trong khuôn khổ "đối tác chiến lược". Việt Nam tiếp tục là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực. Việt Nam đang cùng với Ấn Độ tích cực triển khai chương trình hành động 2004 - 2006 nhằm xây dựng quan hệ đối tác toàn diện, tin cậy và lâu dài. Quan hệ với Cu-ba tiếp tục phát triển, hai

bên đã tổ chức phiên họp thứ 23 của Ủy ban Liên chính phủ tại La Ha-ba-na, tăng cường hơn nữa mối quan hệ hữu nghị và tính hiệu quả trong hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước. Việt Nam cũng đã ký nhiều hiệp định hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, giáo dục, khoa học - công nghệ, giao thông - vận tải... với Triều Tiên, Mông Cổ, Ni-giê-ri-a, Đông Ti-mo, Ba Lan, Hung-ga-ri, Băng-la-đét. Việt Nam tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và nhiều nước khác ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh.

Năm 2005 cũng là năm hoạt động ngoại giao đa phương diễn ra sôi động và hiệu quả. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội ta đã tham gia rất nhiều diễn đàn, hội nghị quốc tế và khu vực quan trọng như: Hội nghị cấp cao Á - Phi, kỷ niệm 50 năm Hội nghị Băng Đung tại In-đô-nê-xi-a, Hội nghị cấp cao APEC 13 ở Hàn Quốc, Hội nghị cấp cao ASEAN 11 và Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ nhất tại Ma-lai-xi-a, Hội nghị thượng đỉnh Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) lần 2 tại Trung Quốc... Sự tham gia tích cực của Việt Nam đã góp phần vào thành công chung của các hội nghị và qua đó nói lên nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta về hòa bình, hữu nghị và phát triển. Chúng ta đã xử lý tốt những vấn đề liên quan đến cải tổ Liên hợp quốc và Hội đồng Bảo an, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường dân chủ hóa trong phương thức hoạt động trên cơ sở củng cố, tăng cường các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, đồng thời duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với các nước liên quan. Những hoạt động này đã nâng cao vai trò, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, được bạn bè năm châu đánh giá cao.

Năm 2005 cũng là năm tiến sâu hơn trong *quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế*. Hàng trăm cuộc đàm phán, gặp gỡ song phương và đa phương về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được tiến hành ở nhiều nơi, với nhiều đối tác trên thế giới một cách chủ động và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành, các cấp, trong và ngoài nước. Đến nay Việt Nam đã hoàn thành việc đàm phán gia nhập WTO với 22 trên tổng số 28 đối tác song phương và đang đẩy mạnh vận động để sớm kết thúc đàm phán với các đối tác còn lại.

Hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế có những tiến bộ mới. Chính trị đối ngoại và ngoại giao phục vụ kinh tế là hai nội hàm có quan hệ biện chứng trong hoạt động ngoại giao ngày nay. Sự phát triển của chính trị đối ngoại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho những cuộc vận động nhằm tăng cường quan hệ kinh tế. Ngược lại, những thành tựu trong quan hệ kinh tế đối ngoại là cơ sở vững chắc để tăng cường quan hệ chính trị. Thật vậy, những thành công trong quan hệ chính trị đối ngoại với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân v.v.. đã tạo điều kiện cho tiến trình đàm phán song phương với các đối tác trên về việc Việt Nam gia nhập WTO. Bên cạnh đó, nội dung kinh tế được thể hiện rõ nét trong mọi hoạt động chính trị đối ngoại. Các cuộc đàm phán, ký kết hợp tác của các doanh nghiệp Việt Nam luôn là một phần quan trọng trong các chuyến công du của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Các hoạt động quảng bá du lịch, thúc đẩy viện trợ, đầu tư, thương mại, hợp tác lao động ngày càng được đẩy mạnh. Với những nỗ lực đó, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam năm 2005 đã vượt mốc 5 tỉ USD, con số cao nhất trong vòng gần 10 năm trở lại đây. Không những thế, các nhà tài trợ cam kết sẽ

dành cho Việt Nam khoản viện trợ không hoàn lại (ODA) trong năm tới là 3,74 tỉ USD. Việc Việt Nam lần đầu tiên phát hành thành công trái phiếu chính phủ trên thị trường tài chính quốc tế và các tổ chức quốc tế đã nâng hệ số tín nhiệm tài chính của Việt Nam thời gian qua, đồng thời đã phản ánh lòng tin của cộng đồng quốc tế vào sự thành công của Việt Nam trong tiến trình đổi mới.

Thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị, công tác vận động *người Việt Nam ở nước ngoài* trong năm qua thu được những kết quả đáng khích lệ. Nhiều đoàn đại biểu của kiều bào ở khắp nơi trên thế giới đã về tham dự kỷ niệm các ngày lễ lớn trong nước; các hoạt động du lịch, kinh doanh, đầu tư của kiều bào hướng về quê hương tăng mạnh, thể hiện lòng tin của bà con đối với chính sách của Đảng, Nhà nước ta và lòng tự hào dân tộc. Việc xây dựng chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài như tạo điều kiện thuận lợi trong thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú; chính sách khuyến khích sự đóng góp của các nhà khoa học, trí thức Việt Nam ở nước ngoài đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... cũng đang được hoàn thiện.

Năm qua, *công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại* tiếp tục được cải tiến, đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, định hướng dư luận và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, vu cáo nước ta về các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc. Chúng ta chủ động xuất bản Sách trắng về Nhân quyền, nêu bật những thành tựu trong bảo vệ và phát huy quyền con người ở nước ta. Không những thế, năm qua, không gian văn hoá công cộng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể của thế giới. Đây chính là những lời giới thiệu vô giá với thế giới về

phong cảnh thiên nhiên, nền văn hoá đa dạng của Việt Nam, đồng thời là minh chứng sống động về những thành tựu to lớn của ta trong công cuộc đổi mới đất nước gắn liền với việc gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc.

Tóm lại, năm 2005 tiếp tục chứng kiến một năm sôi động của Ngoại giao Việt Nam. Các hoạt động đối ngoại được triển khai đa dạng, phong phú, có chiều sâu; góp phần quan trọng vào việc tiếp tục giữ vững môi trường quốc tế hòa bình, ổn định; tranh thủ được nhiều hơn sự hợp tác quốc tế, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; giành được sự tôn trọng và ngưỡng mộ của bạn bè thế giới; đưa vị thế và uy tín của đất nước ta lên một tầm cao mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước trong những năm tiếp theo.

3 – Phương hướng và nhiệm vụ của ngành Ngoại giao năm 2006

Về tổng thể, chúng ta vẫn có được môi trường đối ngoại tương đối thuận lợi tuy tình hình quốc tế và khu vực thời gian tới còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Năm 2006 là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng - một sự kiện trọng đại của đất nước, và cũng là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm tiếp theo. Hơn bao giờ hết, Ngoại giao Việt Nam cần phải phát huy hơn nữa tính chủ động, sáng tạo, tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi từ bên ngoài, củng cố thế và lực mới trên trường quốc tế, đề ra các biện pháp cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại mà Đại hội X của Đảng sẽ đề ra nhằm mục tiêu giữ vững hòa bình, ổn định, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững. Nội dung chủ yếu của hoạt động ngoại giao trong thời gian tới sẽ là **"láng giềng thân thiện, hợp tác phát triển, hội nhập mạnh mẽ"**.

Trên cơ sở đó, năm 2006 hoạt động đối ngoại sẽ phải tập trung vào các hướng chính sau đây:

Một là, tiếp tục củng cố, hoàn thiện và mở rộng theo chiều sâu các mối quan hệ ổn định lâu dài với các nước láng giềng khu vực, các đối tác lớn.

Hai là, tiếp tục gia tăng nỗ lực đàm phán để sớm gia nhập WTO, đồng thời tích cực chuẩn bị cho giai đoạn **"hậu gia nhập"** để sẵn sàng tranh thủ thời cơ và đối phó với những thách thức của quá trình hội nhập.

Ba là, tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 14 - sự kiện ngoại giao lớn nhất của đất nước trong năm 2006, tạo dấu ấn riêng của Việt Nam trong quá trình phát triển của diễn đàn này.

Bốn là, tiếp tục thực hiện những công tác về biên giới, lãnh thổ, đặc biệt là đẩy mạnh công tác phân giới cắm mốc đúng thời hạn.

Năm là, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương theo những đề án, chương trình cụ thể, đồng thời góp phần vun đắp quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước có cộng đồng người Việt sinh sống.

Sáu là, phối hợp chặt chẽ thông tin đối ngoại với thông tin trong nước; tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại và văn hóa đối ngoại.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản về đối ngoại.

Tám là, thực hiện tốt quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; ngoại giao với quốc phòng, an ninh. □

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

LÊ HỮU NGHĨA

1 – Trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề đạo đức. Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang” (1). Chính vì vậy, Người hết sức chú trọng đến việc xây dựng nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Người coi trọng cả đức và tài, nhưng đức là “gốc”, tài phải lấy đức làm cơ sở. Nếu không có đức thì dù tài giỏi mấy cũng không thể lãnh đạo được nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc với quan niệm đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người sử dụng một cách tài tình những phạm trù đạo đức cũ quen thuộc trong xã hội phong kiến, cải tạo chúng và đưa vào những nội dung mới có tính cách mạng sâu sắc. Tư tưởng đạo đức của Người rất phong phú, hàm súc, nhưng cái cốt lõi là tư tưởng *trung với nước, với Đảng, hiếu với dân*; Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng,

Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người chỉ rõ: “Đó là *đạo đức cách mạng*,... không phải là đạo đức *thủ cựu*. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người” (2).

Theo Người, *trung với nước, với Đảng* là tự nguyện, tự giác suốt đời phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa, biến lý tưởng cao đẹp của Đảng thành hiện thực, bất chấp mọi khó khăn, thử thách, kể cả sự hy sinh khi cần thiết. *Hiếu với dân* là phải tự coi mình là *công bộc của dân*, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Đảng ta từ nhân dân mà ra. Cán bộ, đảng viên là con em của nhân dân. Có thể nói, nếu không có nhân dân thì không có cách mạng, không có Đảng. Cán bộ, đảng viên có thật sự là công bộc của dân thì mới được dân tin, dân phục, dân yêu, mới lãnh đạo được nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, mỗi cán bộ,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 9, tr 283

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 252

đảng viên cần quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng công bộc của dân. Thái độ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, sách nhiễu dân, “lên mặt làm quan cách mạng”, vi phạm quyền làm chủ của dân là trái với đạo đức cách mạng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong tám đức lớn: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức, thì không thành người” (3).

Cần, Kiệm, Liêm, Chính được Người giải thích một cách cặn kẽ và nêu lên những thí dụ cụ thể, sinh động. Xin nêu những điểm chính:

Cần là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai, là luôn luôn cố gắng, biết nuôi dưỡng tinh thần và lực lượng của mình để làm việc lâu dài.

Kiệm là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi.

Cần và Kiệm phải đi đôi với nhau như hai chân của một con người. Cần mà không Kiệm thì “làm chùng nào, xào chùng ấy”. Kiệm mà không Cần thì không tăng thêm, không phát triển được. Muốn tiết kiệm có kết quả tốt thì phải khéo tổ chức. Không biết tổ chức thì không biết tiết kiệm.

Liêm là trong sạch, không tham lam. Liêm phải đi đôi với Kiệm, cũng như Kiệm phải đi đôi với Cần. Có Kiệm mới Liêm được, vì xa xỉ mà sinh tham lam. Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng đều là bất Liêm.

Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đung đoan. Điều gì không thẳng thắn, đung đoan là tà.

Tự mình phải chính trước, mới giúp được người khác. Mình không chính mà muốn người khác chính là vô lý.

Đối với người, không nịnh hót người trên, không xem khinh kẻ dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn, phải thật thà đoàn kết. Phải học người và giúp tiến bộ, phải thực hành chữ bác ái.

Đối với việc, phải để việc nước lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi, đến chốn, không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm.

Bất kỳ việc to, việc nhỏ, phải có sáng kiến, phải có kế hoạch, phải cẩn thận, phải quyết làm cho thành công.

Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc dở thì dù nhỏ mấy cũng tránh.

Việc gì có lợi cho mình, phải xét có lợi cho nước không? Nếu không có lợi mà có hại cho nước quyết không làm.

Cần, Kiệm, Liêm, Chính là thiện.

Lười biếng, xa xỉ, tham lam là tà, là ác.

Có Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì mới **đạt đến Chí công vô tư được**.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những dày công xây dựng nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên tu dưỡng rèn luyện mà Người còn ra sức thực hành, nêu gương cho cán bộ, đảng viên noi theo. Nhờ vậy, Đảng ta có một đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng, kiên định. Trong cách mạng và kháng chiến, họ đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách ác liệt, không quản ngại gian khổ, hy sinh; nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất, giữ vững khí tiết cách mạng, mưu trí, dũng cảm, tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết, đấu tranh chống lại kẻ thù tàn bạo và thâm độc.

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 631

Họ được dân tin, dân phục, dân yêu, được nhân dân đùm bọc, che chở, bảo vệ. Nhờ đó, Đảng đã tổ chức lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công và đưa hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đi đến thắng lợi vẻ vang, giành độc lập hoàn toàn và thống nhất đất nước, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội.

2- Ngày nay, trong thời kỳ đổi mới, Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy. Đảng chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ nhằm huy động mọi nguồn lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đảng khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; để các nhà doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế kinh doanh hợp pháp, hợp đức, vừa lợi nhà, vừa ích nước. Những người làm ăn giỏi, những nhà doanh nghiệp giỏi ở bất cứ thành phần kinh tế nào đều được Đảng, Nhà nước và nhân dân tôn vinh. Họ chính là đại biểu cho mặt tích cực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa cũng tác động tiêu cực đến xã hội, đến đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đã nảy sinh và phát triển tư tưởng “sùng bái” đồng tiền, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng, vị kỷ, vụ lợi. Để kiếm được nhiều tiền, càng nhiều càng tốt, nhiều người dùng mọi thủ đoạn như gian lận thương mại, lừa đảo, buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả, buôn bán ma túy, mua chuộc, hủ hóa cán bộ v.v. làm tổn hại đến lợi ích của nhà nước và của nhân dân, làm cho không ít cán bộ bị sa ngã.

Trong khi đa số cán bộ, đảng viên ra sức phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, góp phần tạo ra những thành tựu to lớn về mọi mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thì có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị khuất phục bởi sức mạnh của đồng tiền, dẫn đến sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, làm xói mòn nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp, làm tổn thương mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Biểu hiện điển hình của sự suy thoái về đạo đức là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, lối sống hưởng lạc, sa đọa, không lành mạnh. Đứng trước thực trạng nêu trên, Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương, biện pháp để khắc phục. Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, Chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đảng chủ trương xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt gắn với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách nền hành chính nhà nước, làm cho Đảng, Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh ngang tầm với nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Nhiều vụ trọng án có dính líu với tham nhũng, hối lộ của một số cán bộ có chức, có quyền đã được đưa ra xét xử theo pháp luật.

Tuy nhiên, kết quả đạt được còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Tại Đại hội Đảng lần thứ IX, Đảng ta đã thẳng thắn thừa nhận: *“Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến”*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa IX nhận định: *“Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng*

chính trị, và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng, kỷ cương, phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm”. Thực trạng đó đang trở thành vấn đề ngày càng bức bách, nhất là trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đảng đang cố gắng hoàn thiện đường lối đổi mới để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, *tạo nên một sự phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Phát triển nhanh và bền vững là vấn đề sống còn của cách mạng nước ta. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang là *một lực cản to lớn* của sự nghiệp đổi mới đất nước, gây tổn thất nghiêm trọng trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng xấu trong lĩnh vực chính trị, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, có lợi cho các thế lực thù địch đang tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta, nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn, lật đổ của chúng.

Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay có tầm quan trọng đặc biệt. Đảng cần chăm lo củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng; cần coi trọng yêu cầu *xây dựng Đảng về đạo đức* trong việc thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Phải hết sức coi trọng việc giáo dục thường xuyên tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào bốn đức cần, kiệm, liêm, chính, làm cho nó “sâu rễ, bền gốc” trong cán bộ, đảng viên, trước hết là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể các cấp và trong các tổ chức kinh tế. Cán bộ lãnh đạo có phẩm chất và thực hành đạo đức cần, kiệm, liêm, chính mới *chí công vô tư*, làm gương cho cán bộ, đảng viên noi theo, mới gây được ảnh hưởng tốt trong xã hội. Người xưa đã có câu nói rất đúng “Thượng chính thì hạ yên,

thượng bất chính thì hạ tắc loạn”. Cán bộ lãnh đạo mà thực hành cần, kiệm, liêm, chính thì cán bộ, nhân viên dưới quyền mình cũng phải thực hành, vì nếu không thực hành mà tham ô, lãng phí thì sẽ bị lãnh đạo khiển trách, bị kỷ luật, sa thải, thậm chí bị truy tố trước pháp luật nếu cấu thành tội phạm. Cán bộ, đảng viên thấm nhuần đạo đức cần, kiệm, liêm chính và biến thành hành động, đó là cách “miễn dịch” tốt nhất chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sống buông thả, sa đọa... Có như vậy Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị mới *thật sự* trong sạch, vững mạnh, mới tự bảo vệ được mình và mới làm cho xã hội lành mạnh, bảo đảm cho sự *phát triển bền vững* của đất nước. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, có đội ngũ cán bộ, đảng viên cần, kiệm, liêm, chính thì vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền mới được củng cố vững chắc, mới được “dân tin, dân phục, dân yêu”, không một thế lực nào có thể đánh bại được. “Được lòng dân thì được thiên hạ, mất lòng dân thì mất thiên hạ”. Câu nói đó của người xưa quả là chân lý.

Để củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, cán bộ, đảng viên cần học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đảng cần xây dựng một quy chế học tập, tu dưỡng, rèn luyện thường xuyên đạo đức cần, kiệm, liêm, chính cho tất cả cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo. Học một *cách nghiêm túc*, tự phê bình và phê bình một *cách nghiêm túc*, học đi đôi với hành. Hiện nay, tệ tham nhũng, hối lộ, đục khoét của công khá phổ biến và nghiêm trọng trong một số cán bộ có chức, có quyền. Điều này, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm. Theo Người, để thực hiện chữ Liêm, cần tuyên truyền, kiểm soát, giáo dục pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên. Trước nhất là cán bộ các cơ quan, đoàn thể, từ cao xuống thấp. Người viết: “Quan tham thì dân đại”. Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót, thì “quan” dù không liêm

cũng phải hóa ra LIÊM. Vì vậy dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ. Để giúp cán bộ thực hiện chữ LIÊM, pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Theo Người, cần làm cho mỗi người phải nhận rằng tham lam là một điều rất xấu hổ, kẻ tham lam là có tội với nước, với dân. Cán bộ thi đua thực hành liêm khiết, thì sẽ gây nên tính liêm khiết trong nhân dân. Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh mẽ về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ. Như vậy, Người đã đề ra những biện pháp kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong lĩnh vực đạo đức.

Vấn đề tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng trước hết là vấn đề tự giác của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo có chức, có quyền là những người có trách nhiệm rất lớn đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Đảng cần quan tâm giáo dục thường xuyên và có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ. Tiến hành đồng thời với việc nâng cao dân trí, làm cho dân hiểu rõ quyền hạn của mình trong việc kiểm soát cán bộ và có cơ chế, quy chế cụ thể để nhân dân thực hiện có hiệu quả quyền kiểm soát ấy. Đối với cán bộ, đảng viên, không còn giữ được cần, kiệm, liêm, chính, sa đọa về phẩm chất, đạo đức thì kiên quyết xử lý nghiêm minh bằng kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phải kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong “xây” có “chống”, trong “chống” có “xây”, làm cho tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, Đảng ta xứng đáng là một Đảng đạo đức, văn minh, lãnh đạo toàn dân đoàn kết, đưa nước ta phát triển trên con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. □

NHIỆM VỤ KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 16)

lại vốn, cơ cấu đầu tư, cũng như các cân đối vĩ mô theo mặt bằng giá mới.

Thứ năm: *Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng quản lý, kỷ luật thu – chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.* Với nền kinh tế nước ta đang phát triển, đang chuyển đổi, nhu cầu và nhiệm vụ chi tăng nhiều so với khả năng thu ngân sách nhà nước và các nguồn ngân quỹ nhà nước, trong đó, nhu cầu chi cho đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước rất lớn (năm 2005, các nguồn vốn nhà nước chiếm 52,5% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, năm 2006 dự kiến chiếm 55,4%). Điều đó đòi hỏi các ngành, các cấp cần có giải pháp vừa nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu, vừa khai thác thêm nguồn thu, tăng huy động nguồn vốn bằng nhiều hình thức, bố trí cơ cấu chi hợp lý và chi tiết kiệm. Cần mở rộng diện và đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, dạy nghề, văn hóa, giải trí, thể dục thể thao, các hoạt động công ích, tạo điều kiện thu hẹp phạm vi trong sử dụng ngân sách nhà nước, chuyển dần nguồn vốn đầu tư ở địa bàn thuận lợi, có khả năng xã hội hóa cao sang đầu tư cho địa bàn nông thôn, miền núi, biên giới có nhiều khó khăn, khó có điều kiện xã hội hóa. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế, tăng thuế trực thu, giảm dần thuế gián thu trong cơ cấu thu ngân sách nhà nước, chuyển từ hình thức khoán thu sang thu trực tiếp; chấn chỉnh tự kê khai, tự nộp thuế đi đôi với tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống gian lận thương mại, buôn lậu, và trốn thuế. Áp dụng các chính sách thuế giống nhau đối với nông dân và ngư dân. Cần sớm tổng kết, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác, như: Chương trình 135, 134, 186, 168... để rút kinh nghiệm cho thời gian tới. □

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

về đoàn kết, thống nhất và quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

HOÀNG VĂN TỰ

ĐOÀN kết là một nhân tố tạo nên sức mạnh. Nhờ đoàn kết mà dân tộc Việt Nam đã chiến thắng nhiều thế lực ngoại xâm, gìn giữ và dựng xây đất nước. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhờ đoàn kết, thống nhất mà Đảng ta đã chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua nhiều ghềnh thác hiểm nguy và thu được nhiều thành tựu to lớn. Trong quá trình đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, thống nhất có một vị trí cực kỳ quan trọng. Điều đó, được thể hiện trước hết ngay trong quá trình vận động thành lập Đảng cũng như sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng đó tiếp tục là một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

1. Đoàn kết, thống nhất là một yêu cầu tất yếu, là một thuộc tính của Đảng

Trên tờ báo "Thanh niên" số đầu tiên, ra ngày 21-6-1925 với bút danh Z. A. C, Hồ Chí Minh đã viết: "Để dẫn dắt nhân dân làm một sự nghiệp vĩ đại cần phải có một sức lãnh đạo, sức lãnh đạo đó không phải có một vài người thôi, mà phát sinh ra từ sự hiệp lực của cả hàng ngàn người, hàng vạn người.

Muốn cho hàng ngàn, hàng vạn người ấy đoàn kết chặt chẽ với nhau thì họ phải cùng một ý chí như nhau, họ phải nuôi một kỳ vọng giống nhau, có như vậy mới đoàn kết. Khi nào cùng ý chí, cùng kỳ vọng thì khi ấy mới có đoàn kết, bằng không thì đâu có hô hào đoàn kết mấy đi nữa thì cũng không thể nào đoàn kết được. Sự nghiệp cách mạng lớn lắm. Những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó"⁽¹⁾.

Cùng với báo "Thanh niên", "Đường cách mệnh" là tác phẩm phản ánh tập trung nhất những luận điểm cốt lõi của tư tưởng chiến lược đoàn kết, thống nhất dân tộc nói chung và trong Đảng nói riêng. Có thể khái quát theo lô-gic hệ thống một số luận điểm chủ yếu sau:

Một là, cách mạng là sự nghiệp chung của quần chúng nhân dân, không phải là việc của một, hai người.

Hai là, muốn làm cách mạng thì phải đoàn kết lực lượng dân tộc chống lại chính sách "chia để trị" và các thủ đoạn nô dịch, lừa bịp, đàn áp của đế quốc Pháp.

Ba là, công nông là "gốc", là "chủ" của cách mạng, là nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc; học trò, nhà buôn và các tầng lớp khác là bầu bạn của cách mạng, cần phải tập hợp, đoàn kết. Muốn tập hợp đoàn kết dân chúng, những người cách mạng phải tổ chức các hội quần chúng thích hợp, như: Công hội, Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên...

(1) Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 34

Bốn là, Đảng Cộng sản có vai trò quyết định trong việc tổ chức nhân dân trong nước, liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản các nước.

Năm là, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, vận động theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, có quan hệ mật thiết với cách mạng Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác⁽²⁾.

Trong đó, *tư tưởng máu chó, có ý nghĩa hàng đầu là Đảng Cộng sản đóng vai trò quyết định* đối với việc "trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"⁽³⁾. Nói một cách khác, muốn lôi cuốn, tập hợp đông đảo quần chúng cần lao vào trận tuyến cách mạng, lật đổ chế độ cũ, xây dựng xã hội mới thì Đảng Cộng sản trước hết, phải là một tổ chức đoàn kết, thống nhất. Nghĩa là, từ rất sớm trong tư duy lý luận của Hồ Chí Minh, đoàn kết, thống nhất đã là một thuộc tính cơ bản của Đảng Cộng sản.

Từ đó, Hồ Chí Minh đã trực tiếp mở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đường lối và phương pháp cách mạng mới, chăm lo giáo dục cho tất cả học viên - thể hệ đảng viên lớp đầu ý thức "đồng tâm hiệp lực... ai ai cũng phải gánh một vai,... không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng"⁽⁴⁾. Chính những hoạt động không mệt mỏi của Người cùng với những "hạt giống đỏ" được Người gieo trồng đã phát triển nhanh trong bão táp cách mạng; phong trào công nhân đã có bước nhảy vọt cả về lượng và chất; phong trào dân tộc chuyển hóa theo hướng tích cực; nhiều hội, đảng phân hóa theo hướng vô sản...

2. Chỉ có một Đảng Cộng sản thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Đến cuối năm 1929 đầu năm 1930 ở nước ta tồn tại 3 tổ chức cộng sản, đấu tranh, giành

ảnh hưởng, công kích lẫn nhau. Hồ Chí Minh đã nhìn rõ nguy cơ của sự phân rẽ này. Người coi nguy cơ đó là "tối cận", đe dọa bước tiến của phong trào cách mạng. Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để chấm dứt "sự rối ren, chia rẽ đó" nhằm đi tới sự đoàn kết, thống nhất. Người xác định rõ, vấn đề sống còn đối với đất nước, dân tộc, với sự sinh thành và phát triển của Đảng lúc này là "Phải hành động, hành động mau lẹ và kiên quyết không được chậm trễ nữa. Thiếu một đảng cách mạng thống nhất lãnh đạo phong trào công nhân, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta sẽ như con tàu không có người cầm lái"⁽⁵⁾. Nhận thức sáng suốt, thái độ kiên quyết, hành động kịp thời, đúng đắn của Người là nhân tố quan trọng, đưa tới sự hợp nhất nhanh chóng các tổ chức Cộng sản Việt Nam. *Hội nghị thành lập Đảng mùa Xuân năm 1930 diễn ra năm ngày, nhanh gọn, giải quyết năm điểm lớn, trọng đại; thể hiện nổi bật tư tưởng đoàn kết, thống nhất trong Đảng của Hồ Chí Minh*, trong đó ghi rõ: "Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương"⁽⁶⁾.

Với Hội nghị thành lập Đảng, tên gọi mới của Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Hồ Chí Minh đã tìm cho Đảng tiếng nói chung, "mẫu số chung" cho cả 3 tổ chức cộng sản. Mẫu số chung đó là sự *thống nhất về chính trị, tư tưởng trên cơ sở một đường lối, chính cương, sách lược đúng; thống nhất về tổ chức trên cơ sở điều lệ đúng, vừa bảo đảm được dân chủ nhưng vừa tuân thủ tập trung*. Song, đó chưa phải là tất cả. Hồ Chí Minh hiểu rất rõ rằng: đoàn kết, thống nhất trong

(2) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 2, tr 257 - 318

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 267 - 268, 261

(5) Xem: E.G.Ca-bê-lép: *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1988, t 1, tr 244

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 561

Đảng từng được các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lê-nin coi là yêu cầu chung đối với mọi Đảng Cộng sản đã dành, nhưng đối với Đảng ta lúc đó còn phải xuất phát từ đặc điểm riêng có của Việt Nam. Đảng ra đời ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, tư tưởng tiểu nông manh mún, gia trưởng, bè phái, bản vị, địa phương cục bộ được khoét sâu bởi chính sách chia rẽ của kẻ thù. Hồ Chí Minh nhận xét: "Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào..., tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau"⁽⁷⁾. Hơn nữa, vào thời điểm ra đời của Đảng, giai cấp công nhân mới có khoảng trên 22 vạn người gồm tất cả các ngành nghề; trong đó, những người có tay nghề thực thụ (mà chúng ta quan niệm là công nhân hiện đại) chỉ có 893 người. Số đảng viên là công nhân còn ít hơn. Thậm chí, trong thành viên tham gia các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Đây chính là thực tế khách quan, là đặc điểm đặt ra yêu cầu bức thiết số 1 trong tiến trình thành lập Đảng cũng như xây dựng Đảng là phải đề cao sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Từng trăn trở và kiên trì đấu tranh cho sự thống nhất trong nhận thức chung về sứ mệnh của Đảng đối với vấn đề thuộc địa ngay từ khi còn hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp và trong Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cho những người cách mạng, làm chuyển hóa nhận thức, tư tưởng và hành động "ấu trĩ tả khuynh" trong họ. Đồng thời, để giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước sau Người đã nhận về phần mình tất cả những sự hiểu lầm, ngộ nhận từ nhiều phía. Trong đó có cả những học trò, những đồng sự, đồng chí ở trong nước cũng như trong Quốc tế Cộng sản. Sự thật là, còn một khoảng cách,

một độ "chênh" nhất định giữa chủ trương "giai cấp chống giai cấp" của Quốc tế Cộng sản cùng những người vận dụng máy móc, giáo điều chủ trương đó với quan điểm đoàn kết rộng rãi, mềm dẻo và phù hợp thực tiễn Việt Nam của Hồ Chí Minh. Nói cụ thể hơn, quan điểm của Hồ Chí Minh là: trên cơ sở lực lượng thợ thuyền và dân cày nghèo, Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông. Với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập⁽⁸⁾. Nghĩa là 4 giai cấp, rộng hơn nữa là tập hợp toàn dân trong điều kiện và khả năng có thể. Còn chủ trương của Quốc tế Cộng sản và một số người khác cho rằng: chỉ có công nông, công nhân lãnh đạo, trung và bản nông là đồng minh. Bọn tư bản: sức lực chúng nó kém, dính dáng với địa chủ (nhiều anh kiêm địa chủ) sợ phong trào vô sản, khi phong trào lên sẽ theo đế quốc. Tiểu tư sản, thủ công nghệ thì do dự, thương gia không tán thành cách mạng; trí thức học sinh chỉ hăng hái lúc đầu thôi vì phần nhiều có giây giường với bọn địa chủ⁽⁹⁾ v.v. và v.v. Tóm lại, chỉ coi 2 giai cấp là lực lượng cách mạng. Như thế, rõ ràng đã có một khoảng cách khá xa, đến mức có lúc Hồ Chí Minh bị "Án nghị quyết" quy kết và phê phán gay gắt.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu điều đó bằng sự nhạy cảm chính trị đặc biệt và bản lĩnh tuyệt vời của một người từng trải trên suốt chặng đường đấu tranh cách mạng. Người bình tĩnh, kiên trì, giữ vững nguyên tắc tổ chức; không nhân danh uy tín vốn có, không tìm cách tranh thủ lợi dụng để lôi kéo những người đồng quan điểm về phía mình.

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 116

(8) Xem: Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 1, 3, 4

(9) Xem: Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Hà Nội 1977, t 1, tr 69 - 70

Trong tư duy của Người không có chỗ cho những suy nghĩ và hành động my dân, cơ hội, bè phái. Người đã kim nén đến mức hy sinh cả bản thân mình để giữ cho được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong những người cộng sản. Nếu làm ngược lại, đối với Hồ Chí Minh tức là lao vào một cuộc tranh luận đúng - sai, là đòi được phân giải vì danh dự, tự trọng và cái đúng của cá nhân mình thì nội bộ những người lãnh đạo Đảng sẽ ra sao trong lúc còn "trúng nước". Chắc chắn là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng sẽ đâu còn được bảo toàn. Đại nghĩa lớn lao, hoài bão cao cả của Người là phải có một Đảng đoàn kết, thống nhất, trong sạch, vững mạnh để lãnh đạo thành công sự nghiệp: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Và thực tế đã trả lại chân giá trị cho những tư tưởng đúng đắn đó của Người. Được thử thách và kiểm chứng qua những thăng trầm và "khúc quanh" của lịch sử, tư tưởng ấy mãi mãi có một vị trí xứng đáng trong kho tàng lý luận về xây dựng Đảng nói riêng, trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc nói chung. Đúng như sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần tự bạch: "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác"⁽¹⁰⁾.

3. Tiếp tục giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng như giữ gìn con người của mất mình

Có thể nói, nếu chưa có sự đoàn kết, thống nhất cũng chưa có kết quả của Hội nghị hợp nhất, chưa có sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1930, cũng chưa có những thành tựu vẻ vang trên từng chặng đường cách mạng. Tuy nhiên, công bằng mà xét, Đảng đã tạo nên ánh hào quang của quá

khứ soi rọi cho hiện tại, nhưng cũng có những sai lầm, khuyết điểm đã được nhận ra. Những sai lầm, khuyết điểm thường rơi vào những thời đoạn và thời điểm chưa có sự đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng: thời kỳ 1930 - 1931 và thoái trào sau đó; thời kỳ sau toàn thắng của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, một số đồng chí trong Đảng lạc quan thái quá rằng, với thắng lợi này chúng ta có thể vượt qua tất cả, bất chấp những quy luật xây dựng kinh tế trong hòa bình, bất chấp cả những ý kiến của những cán bộ, đảng viên chân thành trong Đảng. Và gần đây, qua thực tế ở một số cơ sở Đảng người ta nhận thấy rất rõ: ở đâu mất đoàn kết thống nhất thì ở đó nội lực phát triển thường bị phân tán, cùng kiệt và mất đi mọi tiềm năng và thế mạnh; đội ngũ cốt cán ly tán, người tích cực mất chỗ dựa, kẻ tiêu cực dễ thách đố, lộng hành. Ở đâu mất đoàn kết là ở đó gần như toàn bộ thời gian và trí tuệ của những người lãnh đạo quản lý phải tập trung vào việc xử lý hoặc lo đối phó lẫn nhau. Vậy còn đâu mà lo tiền đồ, lo đổi mới? Mất đoàn kết còn đồng nghĩa với "ô nhiễm môi trường", mất môi trường thuận lợi để phát triển tài năng của mọi thành viên, đồng thời mất luôn bạn bè, anh em, đồng chí. Trong điều kiện kinh tế thị trường, sẽ không ai muốn làm quen, chưa nói là làm ăn, hợp tác với một tập thể đang mất đoàn kết nội bộ. Kẻ thù, kẻ xấu có thể nhân cơ hội ấy mà "đục nước béo cò", phá ruỗng cơ sở Đảng. Mất đoàn kết, thống nhất nội bộ còn là mất cán bộ, mất của cải, danh dự và niềm tin. Mất đoàn kết thì mất ổn định và phát triển. Vì thế, *đoàn kết thống nhất trong Đảng vừa là điều kiện vừa là mục tiêu để xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Phải xây dựng*

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 497

được sự đoàn kết thống nhất từ Trung ương đến cơ sở mà *cấp lãnh đạo càng cao thì càng phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất*. Chỉ gương mẫu như thế mới lãnh đạo, chỉ đạo, và thuyết phục được cấp dưới, cơ sở.

Làm thế nào để giữ gìn được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng? Một mặt, phải xuất phát từ lý tưởng, mục tiêu, đường lối chủ trương đúng đắn và đạt được sự nhất trí cao. Đó là cơ sở đầu tiên quan trọng. Mặt khác, phải biết xử lý những vấn đề dễ nảy sinh thường ngày trong quan hệ với nhau và trong công tác. Phương pháp của Hồ Chí Minh là giáo dục, thuyết phục, là tự phê bình và phê bình "có lý, có tình". Làm sao để người tự phê bình có thể hoàn toàn yên tâm và tin tưởng ở tập thể, tổ chức của mình - nơi mà bản thân có thể bộc bạch từ chính lương tâm và trách nhiệm của mình để tự hoàn thiện mình. Ngược lại, người được phê bình thì nhận thấy ở đồng chí mình những lời góp ý chân tình vì sự tiến bộ của bản thân người đó.

Muốn vậy, phải *mở rộng dân chủ trong Đảng*. Xây dựng một không khí cởi mở tin cậy, khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo để xây dựng Đảng, xây dựng đất nước. Về mặt này, tổ chức đảng phải biết lắng nghe, cầu thị với những ý kiến dám nói thẳng, nói thật, nhất là những người có tài năng và trí tuệ. Trong thực tiễn, những người này thường có bản lĩnh và không "tròn trĩnh" lắm. Vì họ tự đứng vững nên chẳng cần một sự nâng đỡ của ai. Ví như "gỗ lim thì chìm, quýt ngọt thì lép lả". Trái với những kẻ bất tài thì tìm mọi mảnh khoe để san lấp sự thiếu hụt bằng cách: "luôn cúi, thích nghi", "gió chiều nào theo chiều ấy". Thực tế, chỉ tạo nên sự cơ hội, cấp trên thì bị bung bít, người dưới thì bị bỏ rơi, bè cánh, mất đoàn kết; làm cho Đảng dù đông cũng không mạnh. Phải đưa ra khỏi Đảng

những phần tử loại này cùng với những đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, quá nhiều tham vọng, cơ hội, cá nhân chủ nghĩa.

Tuy nhiên, cũng không nên đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần làm sáng tỏ. Trong Đảng cần có thảo luận, tranh luận để tìm ra chân lý, đi đến nhất trí. Đó là chuyện bình thường. Nếu có những vấn đề chưa nhất trí cũng đừng vội vàng quy chụp. Hãy theo tấm gương của Bác Hồ: lắng nghe, chờ đợi và tôn trọng ý kiến của nhau; cần có thái độ cao thượng, khách quan và thiện chí. Để *khách quan* cần có một tư duy khoa học và không ngừng phấn đấu, học tập nâng cao hơn *tâm trí tuệ* của mình. Để *thiện chí* cần có một cái *tâm trong sáng* và mỗi khi hành xử trong nội bộ giữa những người cùng chí hướng "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"⁽¹¹⁾.

*

* *

Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng "như giữ gìn con ngươi của mắt mình"⁽¹²⁾, đó là tư tưởng nhất quán và xuyên suốt từ thời dựng Đảng đến tận phút cuối cùng trọn vẹn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng sẽ mãi là ý thức thường trực, là phương châm ứng xử với nhau giữa những người cộng sản. Bởi đó là nền tảng tạo nên sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp và dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. □

(11) (12) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 497, 498

MÙA xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó đến nay hơn ba phần tư thế kỷ đã đi qua, Đảng ta đã dẫn dắt giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam vào con đường đấu tranh cách mạng bền bỉ, ngoan cường và đã giành được những thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đánh đổ chế độ thuộc địa và nửa phong kiến, lập nên chế độ dân chủ cộng hòa, xây dựng Nhà nước cách mạng kiểu mới, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc, mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của những cuộc kháng chiến oanh liệt chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập thống nhất hoàn toàn, thực hiện trọn vẹn mục tiêu độc lập dân tộc. Đó là thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện và vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa làm biến đổi sâu sắc đất nước, xã hội, con người, nâng cao vị thế của nước Việt Nam độc lập, thống nhất trên thế giới.

Trong tiến trình lịch sử vẻ vang của Đảng, 20 năm đổi mới từ 1986 đến nay là một chặng đường mà không chỉ những đảng viên cộng sản và bất kỳ người Việt Nam yêu nước nào cũng đều thấy tự hào, tin tưởng vào tương lai phát triển của dân tộc, đất nước. Bước vào năm 2006, năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới, khẳng định những biến đổi lớn lao trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu, coi đó như những hành trang để tiếp bước vào chặng đường phát triển mới.

Hai mươi năm đổi mới - một chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

Tháng 12-1986 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã hoạch định đường lối đổi mới, bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, đã nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đổi mới tư duy lý luận và khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn của 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975) và hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước sau năm 1975, Đại hội VI của Đảng đã quyết định những nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới. Đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh, chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, lợi ích của người lao động, cải thiện đời sống nhân dân. Đổi mới vai trò và nội dung quản lý, điều hành của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, làm rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của bộ máy nhà nước. Đổi mới hoạt động đối ngoại, chuyển mạnh sang hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút vốn đầu tư

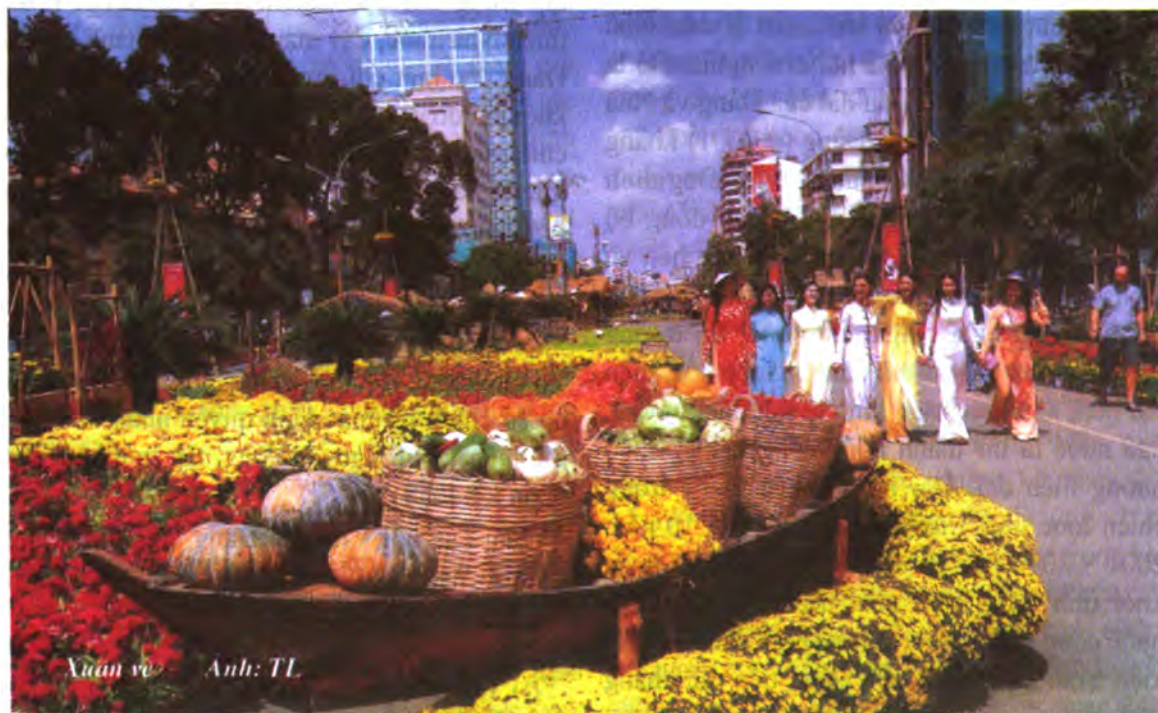
* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

của nước ngoài. Đổi mới nội dung và phong cách lãnh đạo của Đảng trên cơ sở nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nắm vững và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí.

Sau Đại hội VI, Đảng tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối mới, chỉ đạo để từng bước hiện thực hóa đường lối. Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10 về *đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho các hộ nông dân và hình thành đơn vị kinh tế hộ. Ngày 29-3-1989, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa VI đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể để phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, đổi mới hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị, đề ra 6 nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới. Những quyết định quan trọng đó đã thúc đẩy kinh tế phát triển, vượt qua thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, bảo đảm cho

công cuộc đổi mới phát triển đúng hướng. Năm 1989, nhờ "khoán 10" mà nông nghiệp phát triển nhảy vọt, bảo đảm đủ lương thực, có dự trữ và xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới. Lạm phát từ mức 774,7% năm 1986 giảm xuống còn 67,1% năm 1991.

Tháng 6-1991, Đại hội VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Các văn kiện của Đại hội VII đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Nêu lên những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân Việt Nam phấn đấu xây dựng. Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế. Mục tiêu tổng quát cho 5 năm 1991 - 1995 là vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng



Xuân về - Ảnh: TL

khủng hoảng. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước kiên định đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những năm 1991 - 1995 Việt Nam đã có bước bứt phá to lớn trong công cuộc đổi mới. Nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,2%. Lạm phát giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Đại hội VIII của Đảng (6-1996) khẳng định: nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được xác định ngày càng rõ hơn về mục tiêu, mô hình, chặng đường, bước đi và những hình thức, giải pháp để thực hiện mục tiêu.

Thực tiễn của công cuộc đổi mới cho thấy sự cần thiết và vai trò quan trọng của chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là chủ trương nhất quán, lâu dài của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội IX của Đảng (4-2001) khẳng định: "đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"⁽¹⁾. Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường: thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường vốn, thị trường bất động sản. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội IX của Đảng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nêu rõ mục tiêu đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, để trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các văn kiện trình Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu quan trọng đó.

Cùng với đẩy mạnh đổi mới, phát triển kinh tế, Đảng ta đặc biệt coi trọng đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị. Trước hết là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng gắn liền với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Các Đại hội Đảng từ 1986 đến nay đều nhấn mạnh nội dung then chốt đó. Hội nghị Trung ương ba, khóa VII (6-1992) và Hội nghị Trung ương sáu (lần 2), khóa VIII (1-1999) đã đặc biệt nhấn mạnh nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Vai trò, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước ngày càng được khẳng định, đặc biệt là quản lý vĩ mô, đòi hỏi phải tăng cường xây dựng và hoàn thiện Nhà nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bảo đảm quyền lực Nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công rành mạch và phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các Hội nghị Trung ương lần thứ tám, khóa VII (1-1995), Hội nghị Trung ương lần thứ ba, khóa VIII (6-1997) đã tập trung chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính. Đảng đặc biệt chú trọng tăng cường phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết dân tộc gắn liền với phát triển dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng, củng cố và tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sau Đại hội VIII của Đảng, nghĩa là trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX,

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 86

công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển, song cũng phải vượt qua khó khăn do tác động cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực. Năm 2000 đã vượt qua thời kỳ suy giảm. Sau Đại IX (4-2001) những năm 2001 - 2005 tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và phát triển tương đối toàn diện.

Trải qua 20 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và lao động sáng tạo của toàn dân, Việt Nam đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Có thể khái quát mấy thành tựu nổi bật.

- Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; kinh tế tăng trưởng khá nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh. Tăng trưởng GDP bình quân từ năm 1986 - 1990 là 3,9%; 1991 - 1995 là 8,2%, 1996 - 2000 là 7% và 2001 - 2005 là 7,5%.

- Chính trị - xã hội ổn định. Nhân dân tin tưởng ở đường lối đổi mới của Đảng. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được giữ vững; lực lượng vũ trang nhân dân tiếp tục được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo ngày càng được tăng cường và củng cố.

- Quan hệ đối ngoại được mở rộng. Vị thế nước ta trên thế giới không ngừng được nâng cao.

- Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản.

Từ 6 đặc trưng của mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa do Đại hội VII nêu ra trong *Cương lĩnh*, các Văn kiện trình Đại hội X đã phát triển và khẳng định: "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, được phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới". Đó là thành tựu lý luận rất quan trọng từ tổng kết thực tiễn của quá trình đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng ta đã khẳng định "Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế".

Cùng với những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, Đảng ta cũng thẳng thắn nêu rõ những khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) đã chỉ rõ 4 nguy cơ. Đó là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ quan liêu, tham nhũng và nguy cơ "diễn biến hòa bình". Đại hội IX cũng vẫn cảnh báo những nguy cơ chưa được

khắc phục, đẩy lùi. Tiến tới Đại hội X, Đảng ta đã chỉ rõ, cho đến nay kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển và có nguy cơ tụt hậu xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Lãnh đạo và quản lý nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển mạnh, nhanh và bền vững. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là xây dựng Đảng và Nhà nước, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... còn nhiều yếu kém mang tính bức xúc, nếu không được giải quyết tốt sẽ cản trở quá trình phát triển đất nước; một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa giải đáp được một cách đầy đủ.

Thực tiễn của 20 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã rút ra một số bài học lớn. Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong khoa học lãnh đạo và quản lý rất cần thiết phải giải quyết một cách đúng đắn các mối quan hệ cơ bản.

Trước hết, Đảng ta đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc với sự linh hoạt, sáng tạo, nhạy cảm nắm cái mới "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Đảng đã sớm đề ra các nguyên tắc chỉ đạo đổi mới. Các nguyên tắc đó là: Xây dựng

nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. **Đổi mới** không phải là thay đổi, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và cách làm phù hợp. Luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới. Tăng cường sức mạnh và hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và thực hiện tốt hơn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng dân chủ phải đi liền với tập trung, phải gắn với kỷ cương, kỷ luật, pháp luật, gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; dân chủ phải có lãnh đạo và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Nhờ nắm vững nguyên tắc mà sự nghiệp đổi mới phát triển đúng mục tiêu và cũng nhờ linh hoạt, nhạy cảm nắm bắt cái mới, dự báo tình hình, khôn khéo về sách lược và những chủ trương, chính sách cụ thể mà cách mạng nước ta đã vượt qua được nhiều khó khăn, thử thách trên con đường phát triển.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Về thực chất công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới về tư duy chính trị, về đường lối thì không thể có mọi sự đổi mới khác. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng và Nhà nước đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện thành công những chương trình kinh tế lớn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề để giữ vững ổn định chính trị. Trong đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của

hệ thống chính trị, Đảng chủ trương đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất, đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã dễ xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá đắt, có khi không cứu vãn được. Với tinh thần đó, Đảng ta đã thành công trong đổi mới chính trị, xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính trị bao gồm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện ngày càng tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Đảng cũng luôn luôn xác định phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả điều hành của Nhà nước.

Thứ ba, phát triển, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng nền kinh tế thị trường, phải chủ động phòng ngừa những mặt tiêu cực của nó. Đó là sự phân hóa giàu nghèo quá mức và nhiều tác động tiêu cực khác. Phải đề ra những chính sách xã hội cần thiết và thích hợp, bảo vệ lợi ích của người lao động, xóa đói giảm nghèo và từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều ấm no, hạnh phúc, có cuộc sống vui tươi, lành mạnh. Phát triển kinh tế nâng cao đời sống vật chất, đồng thời phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội"⁽²⁾. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế cũng làm xuất hiện nguy cơ phá vỡ môi trường sinh thái. Vì vậy, phải chủ động, tích cực bảo vệ môi trường

sinh thái. Thực hiện đồng bộ các mục tiêu về an ninh chính trị, xã hội, an ninh lương thực, an ninh môi trường.

Thứ tư, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác kinh tế với các nước, các khu vực trên thế giới. Đảng ta luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, phát huy ý chí tự lực, tự cường của dân tộc, phấn đấu vươn lên thoát khỏi nước nghèo. Chú trọng phát huy mọi nguồn lực trong nước, đặc biệt là nguồn lực con người. Luôn luôn coi nội lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, mở rộng liên doanh, hợp tác kinh tế với các nước. Vận dụng có hiệu quả những thành tựu cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, của kinh tế tri thức, của kinh nghiệm tổ chức, quản lý tiên tiến của các nước. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền dân tộc và an ninh quốc gia, đồng thời chủ động mở rộng đối ngoại tạo môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tin cậy lẫn nhau giữa các nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Nhìn lại 20 năm đổi mới, toàn Đảng, toàn dân càng phấn khởi, tin tưởng bước vào chặng đường mới - chặng đường đưa đất nước tiến nhanh hơn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Năm 2005, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức Việt Nam đã đạt sự tăng trưởng kinh tế 8,4%. Mọi người Việt Nam mừng Đảng, mừng Xuân với niềm hy vọng và tin tưởng năm 2006 sẽ đạt kết quả to lớn hơn. Niềm tin ấy được thắp sáng bởi thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới 20 năm qua và xu thế phát triển ngày càng tốt đẹp của đất nước. □

(2) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 55

MUỐN cho nền kinh tế liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì các cân đối lớn của nền kinh tế, nhất là cân đối về năng lượng, đóng vai trò quyết định, trong đó năng lượng điện có vị trí cực kỳ quan trọng. Bởi vậy, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: "Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thủy điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia"⁽¹⁾.

Khi kinh tế càng phát triển thì đồng thời phụ tải, tức nhu cầu về năng lượng điện cũng tăng lên. Ngoài ra, muốn trở thành một nước công nghiệp không thể không hoàn thành việc điện khí hóa toàn quốc, đồng thời đòi hỏi phải có sự điều hòa điện năng trên toàn quốc an toàn và hiệu quả theo hướng hiện đại. Đảng và Nhà nước ta đã thấy được yêu cầu đặt ra rất bức xúc này và đã đi đến quyết định tiến hành xây dựng đường dây 500 kV mạch 1, cách đây gần 15 năm. Thực tế qua việc đưa vào vận hành đường dây 500 kV mạch 1 từ năm 1994 đã chứng minh tính hiệu quả to lớn cho nền kinh tế, trong đó phải kể đến tác dụng quan trọng trong việc trao đổi - điều hòa năng lượng và liên kết hệ thống điện trên toàn quốc.

Tuy nhiên, theo dự báo của các nhà khoa học, với tốc độ phát triển kinh tế kéo theo sự

Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2: niềm tự hào của NỘI LỰC VIỆT NAM

ĐẬU ĐỨC KHÔI *

phát triển nhanh chóng về phụ tải như hiện nay, giai đoạn 2004 - 2008, mỗi năm miền Bắc sẽ thiếu điện năng khoảng 1.000 MW, trong khi đó các công trình nguồn đang được triển khai để đáp ứng các cân đối đó lại khó về đích như kế hoạch do nhiều nguyên nhân khác nhau. Mặt khác, tốc độ tăng trưởng phụ tải lớn dẫn đến vượt khả năng tải của công trình đường dây 500 kV mạch 1, theo tính toán hiện đã có lúc lên tới 30%. Do vậy, Chính phủ đã cho phép Tổng công ty Điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư xây dựng công trình đường dây 500 kV mạch 2.

Ngày 23-9-2005 đã trở thành một ngày lịch sử của ngành điện lực Việt Nam, đóng điện đường dây 500 kV từ Hà Tĩnh ra Thường Tín (Hà Tây), hoàn thành đóng điện toàn bộ đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2, đưa công trình vượt tiến độ 3 tháng, 8 ngày so với thời gian Chính phủ giao. Đó là niềm tự hào không chỉ đối với mỗi cán bộ, công nhân viên ngành điện, mà còn đối với những công nhân, kỹ sư của hàng trăm đơn vị tham gia xây dựng đường dây

* Anh hùng Lao động, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 176

500 kV Bắc - Nam mạch 2. Khác với thi công công trình đường dây 500 kV mạch 1, mạch 2 được chia làm 4 dự án tương ứng với 4 cung đoạn, tiến hành thi công đồng thời và lần lượt đóng điện từ phía Nam trở ra Bắc theo tiến độ đã được xác định trước, đặt dưới sự điều hành thống nhất toàn tuyến. Ngày 19-4-2004 đóng điện đoạn Phú Lâm (thành phố Hồ Chí Minh) - Plây-cu đúng tiến độ đề ra (dài gần 544 km với hơn 1.000 trụ cột). Ngày 31-8-2004 đóng điện đoạn Plây-cu - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, vượt tiến độ 4 tháng (dài gần 300 km với 734 trụ cột). Ngày 23-5-2005 đóng điện đoạn Đà Nẵng - Hà Tĩnh (dài gần 400 km với 905 trụ cột), vượt tiến độ hơn 1 tháng và đã kịp thời cứu nguy cho 15 tỉnh, thành khu vực miền Bắc đang trong "con khát điện" trung bình mỗi ngày cấp cho miền Bắc hơn 4 triệu kWh, giảm thiểu cắt điện luân phiên trong tháng 5 vừa qua (theo tính toán, kể từ cuối năm 2005, nếu không có thêm một đường dây siêu cao áp nữa như đường dây 500 kV mạch 2, thì vào mùa khô phải cắt điện từ 10 - 15 tỉnh ở miền Bắc).

Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2 với tổng chiều dài hơn 1.600 km, tổng trọng lượng cột thép 70.473 tấn, với 3.729 vị trí cột, khối lượng đào đắp đất đá các loại hơn 3,2 triệu m³, khối lượng bê-tông các loại 270 nghìn m³, khối lượng thép xây dựng 13 nghìn tấn, đường dây đi qua 21 tỉnh và thành phố từ điểm đầu là Phú Lâm - thành phố Hồ Chí Minh đến điểm cuối là Thường Tín - Hà Tây. Đường dây đi qua 7 trạm biến áp 500 kV với tổng công suất 3.600 mVA. Đường dây đi qua nhiều khu rừng đặc dụng và phải di dời giải tỏa hơn 3.200 hộ dân cư vùng thi công cột trụ cùng hơn 8.000 hộ dân bị ảnh hưởng dưới hành lang an toàn lưới điện.

Công trình đường dây 500 kV mạch 2 ra đời trong hoàn cảnh không thuận lợi như đường dây 500 kV mạch 1. Nếu như đường dây 500 kV mạch 1 được triển khai thi công do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, huy động

tổng lực sức mạnh của đất nước, công tác đền bù giải phóng mặt bằng nhanh, đường dây do nước ngoài thiết kế, giám sát, cung cấp phần lớn cột thép và dây dẫn trên công nghệ tiên tiến của thế giới và khu vực..., thì khi bắt tay vào xây dựng đường dây 500 kV mạch 2, Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã gặp không ít khó khăn, tuyến đường dây vượt qua nhiều đèo cao, suối sâu, rừng đặc dụng, do những vị trí thuận lợi đã được chọn cho mạch 1 đi qua. Ngoài ra, công trình mạch 2 lại hoàn toàn do Việt Nam tự thiết kế, tự gia công chế tạo cột thép, dây dẫn,... tự giám sát, nghiệm thu và đóng điện vận hành. Công trình được gấp rút triển khai thi công trong thời gian ngắn để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội...

Nhưng những yếu tố thuận lợi cũng không phải là ít. Chúng ta đã có lực lượng chuyên gia thiết kế, thi công, tư vấn có trình độ chuyên môn cao, được tôi luyện trong thực tiễn thi công đường dây 500 kV mạch 1; vừa có trình độ chuyên môn, vừa có tinh thần sáng tạo, luôn đổi mới, cải tiến công nghệ và nâng cao tay nghề trong thực tiễn. Họ đã trở thành tư vấn chính, ngang tầm với yêu cầu của ngành công nghiệp điện lực hiện đại ngày nay của khu vực và thế giới. Đội ngũ thí nghiệm, hiệu chỉnh và viễn thông đã phát triển thêm một bước, khai thác tốt và làm chủ được các loại thiết bị điều khiển bảo vệ tiên tiến thế giới trên lưới 500 kV. Lực lượng thi công ngày càng được nâng cao tay nghề, nắm bắt và ứng dụng công nghệ thi công hiện đại làm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công. Đường dây hoàn thành trong thời gian ngắn, nhưng không có xảy ra sai sót hay phải phá đi làm lại do thi công sai các tiêu chuẩn thiết kế. Một điều đáng ghi nhận là sau công trình đường dây 500 kV mạch 2, Việt Nam đã đào tạo được một đội ngũ thiết kế lưới điện có trình độ cao, tạo được sự chủ động trong quá trình hội nhập, cột thép, dây dẫn và dây chống sét được chế tạo trên công nghệ cao của khu vực và thế giới.

Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2 đưa vào vận hành bảo đảm chất lượng và vượt tiến độ Chính phủ giao, cung cấp điện kịp thời cho các tỉnh miền Bắc trong giai đoạn 2005 - 2010 là một thành công lớn. Hơn nữa, đất nước có được 2 mạch siêu cao áp làm nhiệm vụ điều hòa điện năng giữa các miền, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn kể cả trong trường hợp rủi ro có sự cố xảy ra ở một trong hai mạch, tránh tình trạng phải ngừng cung cấp điện trên diện rộng; đồng thời đây cũng là nền tảng để kết nối lưới điện 500 kV với các nước tiểu vùng và khu vực Đông - Nam Á trong nay mai, góp phần tích cực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Theo tính toán sơ bộ bước đầu, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, điện năng truyền tải thêm cho miền Bắc do vượt tiến độ Chính phủ đề ra là rất lớn. Đường dây 500 kV Plây-cu - Dốc Sỏi - Đà Nẵng cung cấp tăng thêm khoảng 630 triệu kWh. Đường dây này đã trực tiếp cung cấp cho miền Trung và Bắc miền Trung công suất 450MVA, dành trọn khả năng truyền tải của mạch 1 cho miền Bắc từ tháng 8/2004. Nếu không có đoạn đường dây này hoàn thành sớm hơn 4 tháng thì miền Bắc đã bị thiếu điện từ tháng 8-2004. Đường dây 500 kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh đóng điện cung cấp tăng thêm khoảng 137 triệu kWh. Cả hai đường dây truyền tải thêm khoảng 766 triệu kWh, giá trị làm lợi khoảng 121 tỉ đồng. Đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Nho Quan - Thường Tín đưa vào vận hành đã kết nối với đường dây 500 kV Plây-cu - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, công suất truyền tải được tăng cường so với đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1 trước đây khoảng 700 - 800 MW, điện năng cung cấp qua đường dây 500 kV mạch 2 bình quân cho các tỉnh miền Bắc và miền Trung khoảng 16,8 triệu kWh/ngày, do vượt tiến độ hơn 3 tháng nên giá trị làm lợi ước tính khoảng 239 tỉ đồng.

Những kết quả trên đây đã thể hiện sự chủ động, kiên quyết, sáng tạo và hiệu quả trong quản lý điều hành của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, sự nỗ lực phấn đấu hết mình của các đơn vị xây lắp và các đơn vị tham gia dự án, đồng thời thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành liên quan, sự giúp đỡ tận tình có hiệu quả của chính quyền các địa phương các cấp và nhân dân nơi có đường dây đi qua.

Trong thời gian tới, sẽ có nhiều nhà máy thủy điện, nhiệt điện lần lượt được đưa vào vận hành nên ngành điện lực sẽ còn tiếp tục xây dựng nhiều đường dây truyền tải điện cao áp và siêu cao áp. Nhưng chắc chắn sẽ không thể có công trình đường dây nào có quy mô và khối lượng lớn tầm cỡ như hai đường dây 500 kV Bắc - Nam (mạch 1 và mạch 2) hiện nay. Tổng công ty Điện lực Việt Nam rất tự hào về hai công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam này. Qua các công trình này, ngành điện đã trưởng thành, nâng cao trình độ quản lý công nghệ tiên tiến hiện đại để sẵn sàng hoàn thành các nhiệm vụ to lớn của đất nước. Nhưng cái được lớn nhất của Tổng công ty Điện lực Việt Nam vẫn là lòng tin của Đảng, Chính phủ và nhân dân đối với ngành điện lực Việt Nam; là thắng lợi của chủ trương phát huy nội lực và ý chí quyết tâm vượt khó của những con người ngày đêm lao động quên mình cho dòng điện của đất nước luôn hùng sáng.

Từ những công việc cụ thể của quá trình chỉ đạo, thi công công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2, bước đầu chúng tôi đã rút ra một số bài học cơ bản như sau:

Thứ nhất: *Giáo dục nhận thức tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên dũng cảm đương đầu với khó khăn, dám nhận những công việc phức tạp và đã nhận là hoàn thành tốt nhiệm vụ với tinh thần quyết tâm cao.*

Thực tế cho thấy, đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2 là một dự án lớn phải giải quyết

nhiều khâu, rất khó khăn như, giải phóng mặt bằng, đền bù, di dân; các khâu kỹ thuật thiết kế, giám sát nghiệm thu và đóng điện. Có tuyến đường dây vượt qua nhiều đèo cao, suối sâu, sông rộng, thời tiết lại khắc nghiệt nhưng Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chỉ có ý chí, tấm lòng yêu đất nước, yêu nghề mới đủ sức vượt qua thử thách lớn này. Nếu như đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1 có sự tham gia của tư vấn nước ngoài, thì công trình mạch 2 lại do tư vấn trong nước đảm nhiệm hoàn toàn. Nhận thức được trọng trách này, cán bộ, công nhân viên tham gia thi công đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện tư vấn, thiết kế công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2. Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã chuẩn bị rất kỹ các phương án tác chiến cụ thể cho từng phần dự án, từ nhân lực đến các phương tiện để thực hiện. Chủ động phối hợp với các địa phương giải quyết đền bù để giải phóng mặt bằng và những vướng mắc nảy sinh. Bởi vì, đường dây mạch 2 được xây dựng đúng vào thời điểm Luật Đất đai đang tiến hành sửa đổi, cho nên để công trình tiến hành được đúng tiến độ cần phải năng động sáng tạo đàm phán với 21 tỉnh, thành phố có đường dây đi qua, cán bộ đền bù luôn bám sát, đôn đốc các hội đồng đền bù địa phương trong công tác kê kiểm, lập hồ sơ đền bù. Nhờ công tác điều hành sâu sát, tìm ra các vướng mắc phát sinh, xử lý kịp thời, dứt điểm nên đã không để ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

Bài học đối với công tác tư vấn, khảo sát thiết kế là phải chọn những cán bộ có kinh nghiệm làm tốt công tác khảo sát thiết kế để đưa ra các phương án thi công tối ưu, bảo đảm đủ điều kiện thi công và tiết kiệm chi phí cho công trình. Sử dụng cán bộ có chuyên môn kiểm tra kỹ công tác khảo sát, thiết kế trước khi lập và trình phê duyệt hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng lên Ban quản lý dự án. Kinh nghiệm cho thấy Ban quản lý dự án phải đánh giá đúng

năng lực thực sự của nhà thầu trước khi phê duyệt kết quả đấu thầu.

Thứ hai: *Nắm vững khoa học, công nghệ tiên tiến hiện đại áp dụng vào giám sát, thi công để xây dựng công trình; vừa thiết kế vừa thi công, phát huy cao độ tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo để đường dây 500 kV mạch 2 vận hành an toàn ổn định.*

Khác với đường dây 500 kV mạch 1, việc thi công mạch 2 đã được chia ra làm 4 dự án tương ứng với 4 cung đoạn khác nhau về địa hình, địa vật. Công tác chỉ đạo đã được quán triệt cụ thể là lấy mốc thời gian phải hoàn thành do Chính phủ giao để phân đấu trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về an toàn, chất lượng. Cho nên, từ khâu chuẩn bị đầu tư, thi công, đền bù, giải phóng mặt bằng... đến việc hoàn thành các hạng mục công việc nằm trên đường găng đều đã đạt và vượt tiến độ đề ra.

Từ khi có chủ trương thi công, lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã làm việc và phối hợp chặt chẽ với các địa phương, đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các cấp, các ngành, và nhất là của đồng bào thuộc diện phải nhận đền bù để di dời cho hành lang và thi công cột trụ, nên có lúc có nơi đã giải phóng được mặt bằng khi chưa kịp có quyết định thu hồi đất.

Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2 hoàn thành là một bài học về phát huy nội lực của ngành điện. Sự kiện lớn lao này được các chuyên gia nước ngoài đánh giá rất cao và khâm phục. Bởi vì hầu hết các vật tư, thiết bị: cột thép, dây nhôm, sứ, dây chống sét đều được sản xuất trong nước với trình độ công nghệ cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế được đưa vào công trình (ước tính tới 70% thiết bị của đường giây 500 kV mạch 2 là sản xuất được trong nước). Cán bộ, công nhân viên của công ty đảm nhiệm hết các công đoạn "từ A đến Z" của công trình, không còn phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài như công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1.

Tổng công ty Điện lực Việt Nam có sáng kiến giao cho các công ty truyền tải - những đơn vị sẽ trực tiếp nhận quản lý vận hành đường dây, làm nhiệm vụ giám sát thi công theo đúng những quy định trên. Nếu thi công ở mạch 1 chỉ có vài trăm người ở các ban quản lý và tư vấn làm giám sát, thì mạch 2 có khoảng 4.000 người của 4 công ty truyền tải thường xuyên theo sát từng bước thi công công trình. Những người được giao giám sát kỹ thuật thi công đã xác định làm là cho mình, cho công tác vận hành của đơn vị, nên các công đoạn đào, đúc, trộn bê tông, buộc cốt thép, chất lượng vật tư đều được giám sát chu đáo theo quy định dành riêng cho mạch 2. Nhờ vậy, các hạng mục đạt yêu cầu cả về tiến độ và chất lượng như: không trộn bê tông bằng tay, không đầm bê tông bằng tay mà phải bằng máy; cốp pha tôn chống lọt xi măng, đúc đá xay; cột chế tạo trên dây chuyền tự động CNC; mạ có trợ rung; dây được chế tạo trên các dàn tự động đạt tiêu chuẩn... Điều đáng chú ý là công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2 có công nghệ tiên tiến thế giới được điều khiển bằng máy tính và hệ thống rô-lê kỹ thuật số hiện đại nhất của thế giới. Không còn cảnh muốn đóng mở cầu dao điện phải dùng sào tre như trước đây mà điều khiển màn hình bằng "chuột" máy tính. Hầu hết các vật tư thiết bị được sử dụng đều là hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, sản xuất từ trong nước. Đây là một trong những thành công của ngành điện nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba: *Coi trọng công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ, nhân viên đáp ứng công tác chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Chú trọng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Để điều khiển, vận hành một hệ thống điện hiện đại phức tạp, Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã chuẩn bị đội ngũ nhân lực ngay từ khi bắt đầu thi công công trình. Sử dụng đội ngũ cán bộ, công nhân đã từng có kinh nghiệm

tham gia thi công đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1. Nhờ đã quen với công việc, đã được tiếp cận công nghệ mới, lại được tôi luyện trong những môi trường khó khăn, khắc nghiệt..., nên nhiều cán bộ, công nhân đã phát huy được năng lực của mình đảm nhiệm công việc của đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 2.

Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã chỉ đạo các đơn vị truyền tải tổ chức đào tạo đội ngũ quản lý, vận hành. Đây là lĩnh vực khó và cần luôn luôn tiếp cận, cập nhật những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, nên những người làm bộ phận truyền tải không thể tự cho phép mình thỏa mãn với thành tích, kiến thức đã đạt được, bởi vậy cần phải học hỏi liên tục để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Trong quá trình thi công, qua công tác tư vấn, giám sát, họ đã được tiếp cận công nghệ mới như điều khiển máy tính bằng kỹ thuật số. Đến nay, Tổng công ty Điện lực Việt Nam có đội ngũ cán bộ, công nhân viên nhiều người còn trẻ, nhưng rất thành thạo trong thao tác, đạt các tiêu chuẩn quốc tế về trình độ chuyên môn và tay nghề.

Với kinh nghiệm hơn 10 năm vận hành đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1 sẽ là điều kiện cơ bản để đội ngũ cán bộ, công nhân viên đủ năng lực, trình độ vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định. Điều quan trọng là qua thực tiễn nếm trải công việc, đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã trưởng thành rất nhiều. Hiện nay, Tổng công ty Điện lực Việt Nam có thể vững tin đảm nhiệm được công trình lớn hơn về lĩnh vực điện, đáp ứng trong công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Niềm tin của Đảng, Nhà nước ta, nhân dân ta đang mong muốn Tổng công ty Điện lực Việt Nam vận hành đường dây 500 kV Bắc - Nam cả hai mạch luôn bảo đảm truyền tải an toàn, hiệu quả, phục vụ kịp thời sản xuất và đời sống, góp phần đắc lực vào việc đưa đất nước hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiếp tục tiến lên sánh vai với các nước trong khu vực và thế giới. □

BÌNH DƯƠNG - *những mùa xuân công nghiệp*

TRIỀU HẢI QUỲNH

TỪ năm 1997, Bình Dương bắt đầu cuộc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp. Chỉ với 0,8% diện tích và 1% dân số, nhưng "con đường công nghiệp" đã giúp Bình Dương tạo ra 8,5% kim ngạch xuất khẩu, 3% tổng thu ngân sách, 1,7% GDP của cả nước. "Câu chuyện công nghiệp" Bình Dương đang là những bài học quý và có tính thời sự.

Những con số

Có thể nói, chưa đầy 10 năm (1996 - 2004), bức tranh kinh tế Bình Dương gần như được "vẽ lại" bằng những gam màu tươi sáng, sinh động với những "con số tiền" vũng vàng, trước hết và bắt đầu từ lĩnh vực công nghiệp.

Bình Dương hiện có 4.918 cơ sở công nghiệp, với tổng vốn đầu tư 4,5 tỉ USD; trong đó trên 700 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,4 tỉ USD, còn lại là dự án đầu tư trong nước có tổng vốn 27.000 tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân chung giai đoạn 1997 - 2003 xấp xỉ 50%. Giá trị gia tăng GDP của ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 1997 - 2004 tăng 20,4%/năm. Tỷ trọng công nghiệp liên tục tăng từ 45,5% (1996) lên 64,7% (2005); giá trị xuất khẩu

của nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 79,5% (2000) lên gần 90% (2004). Công nghiệp đạt tỷ lệ 65% trong cơ cấu GDP, kéo theo tăng trưởng GDP của tỉnh đạt 15,2%/năm (kế hoạch đề ra là 13% - 14%/năm). Đặc biệt, công nghiệp Bình Dương luôn duy trì được nhịp độ tăng trưởng cao và cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước cũng như vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Giai đoạn 1997 - 2004 là 34,4%, 2001 - 2004 là 36,3%; trong khi mức tăng trưởng của cả nước giai đoạn 2001 - 2004 là 14,8%, của vùng là 16,8%. Cơ cấu ngành công nghiệp cũng dịch chuyển theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành sử dụng công nghệ tiên tiến và định hướng xuất khẩu; các khu, cụm công nghiệp được hình thành và phát triển mạnh; công nghệ sản xuất ở một số ngành đã có đổi mới theo hướng hiện đại; tốc độ gia tăng việc làm trong ngành công nghiệp khá cao, bình quân mỗi năm tạo ra 30.000 việc làm mới... Những con số đó là thước đo về nỗ lực dịch chuyển của Bình Dương với những bước đi quyết liệt, đầy tự tin từ một nền kinh tế nông nghiệp sang giai đoạn phát triển mới có cơ cấu chủ đạo là công nghiệp.

Bình Dương hiện có 16 khu công nghiệp với tổng diện tích 3.260 ha, trong đó 13 khu đã được Chính phủ cấp phép thành lập, tỷ lệ lấp kín đạt 70,1%; một số khu như Sóng Thần 1, Đồng An, Bình Đường, Việt Hương v.v. đã được lấp kín trên 90%. Tại các khu công nghiệp của tỉnh có 674 doanh nghiệp, trong đó có 488 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký gần 2,5 tỉ USD; 186 doanh nghiệp trong nước, có tổng vốn đăng ký là 2.100 tỉ đồng; thu hút 132.000 việc làm trong đội ngũ 315.000 công

nhân công nghiệp trên tổng số 580.000 lao động của toàn tỉnh.

Năm 2005, năm cuối cùng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, công nghiệp Bình Dương tiếp tục khẳng định vị thế bằng những "cột mốc" mới. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp là 42.356 tỉ đồng, đạt 100,6 % kế hoạch, tăng 32,9% so với năm 2004; trong đó kinh tế nhà nước là 1.996 tỉ đồng, đạt 101,6% kế hoạch, tăng 8,9%; kinh tế dân doanh là 10.533 tỉ đồng, đạt 107,5%, tăng 20,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trên 30.000 tỉ đồng, đạt 98,3%, tăng 39,8% v.v.. Trong 24 ngành công nghiệp cấp 2 có 12 ngành có giá trị sản xuất tăng từ 30 đến trên 40%; trong đó một số ngành có giá trị tăng cao như chế biến gỗ tăng 66,2%, điện - điện tử tăng 52,5%, máy móc - thiết bị tăng 45,4%... Năm 2005, Bình Dương thu hút đầu tư nước ngoài 144 dự án mới; 93 dự án bổ sung với tổng số vốn 540 triệu USD, (kế hoạch đề ra là từ 300 - 350 triệu USD), tăng 15% so với năm trước. Về thu hút đầu tư trong nước, đã đăng ký thành lập mới 742 doanh nghiệp, cùng với 277 doanh nghiệp bổ sung vốn, với tổng số vốn 4.180 tỉ đồng, vượt kế hoạch gần 2.000 tỉ đồng, tăng 12,7% về số dự án và 32% về vốn so với năm 2004; tạo thêm 35.000 việc làm. Công nghiệp với vai trò "đầu tàu" đã trở thành lực đẩy đưa thu nhập bình quân đầu người năm 2005 của Bình Dương lên 14,3 triệu đồng/người/năm, gấp 3 lần so với năm 2000. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như cả nước.

Những bài học

Từ những thành tựu đạt được trong lĩnh vực công nghiệp, Bình Dương đã tìm rõ

những nguyên nhân thành công và cũng là những bài học chính sau.

Một là, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn của địa phương, xây dựng định hướng chiến lược phát triển phù hợp. Đối với Bình Dương, chiến lược đó là mạnh dạn chọn công nghiệp làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội, gắn phát triển công nghiệp với phát triển đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, có đường lối mà không nhận thức thấu đáo; hoặc không biết cách làm cũng không hiệu quả. Bình Dương đã linh hoạt và mau chóng triển khai làm công nghiệp phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình của địa phương và đã đạt những kết quả cụ thể, quan trọng.

Hai là, khai thác và phát huy lợi thế so sánh của địa phương, đi đôi với tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế - kỹ thuật - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính để thu hút vốn, lao động cho phát triển công nghiệp. Bình Dương thuộc miền Đông Nam Bộ, có địa giới chung với các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - vùng kinh tế phát triển mạnh mẽ về công nghiệp và khu, cụm công nghiệp của cả nước. Bình Dương là đầu mối giao lưu của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên theo các trục giao thông huyết mạch: quốc lộ 13, 14, đường sắt Bắc Nam, đường xuyên Á; đặc biệt là nằm cạnh thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế - văn hóa - khoa học - kỹ thuật lớn, là "đầu tàu" của cả nước. Từ Bình Dương đến trung tâm thành phố Hồ Chí Minh chưa đến 30 km. Bình Dương lại nằm trong vùng nguyên liệu rộng lớn là Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Đây cũng là một thị trường tiêu thụ mạnh các sản phẩm công nghiệp. Địa hình Bình Dương

tương đối bằng phẳng, có kết cấu địa chất vững chắc phù hợp cho đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, nhà cao tầng. Các con sông Sài Gòn, Đồng Nai, Sông Bé, hồ Dầu Tiếng v.v. là nguồn nước vô tận để sản xuất công nghiệp. Bình Dương có nhiều tài nguyên, khoáng sản với trữ lượng lớn, tài nguyên rừng phong phú, đa dạng để phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, chế biến lâm sản... Đây cũng là địa phương có tỷ suất đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí nhân công thấp, chính sách linh hoạt, cởi mở v.v.. Với những "tài sản" căn bản đó, Bình Dương nhanh chóng trở thành "nam châm" thu hút và phát huy mọi cơ hội, tạo ra nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, trước hết là phát triển công nghiệp.

Ba là, nhận thức rõ tình hình để đón bắt thời cơ. Đối với Bình Dương, thời cơ được xác định từ Đại hội lần thứ V của tỉnh Đảng bộ năm 1990. Đây là mốc mới đánh dấu sự chuyển mình của tỉnh, trước hết là đổi mới về tư duy kinh tế. Nhận rõ tình hình, dựa trên các lợi thế Bình Dương đã tập trung sức phát triển công nghiệp, coi đó là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh đã xác định muốn phát triển phải có vốn. Muốn có nhiều vốn, phải đổi mới cơ chế hoạt động và cải tiến lề lối làm việc, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng, thân thiện để mời đón các nhà đầu tư. Quan điểm của Bình Dương là làm quyết liệt, giải quyết kịp thời, thỏa đáng những yêu cầu của nhà đầu tư và lợi ích chính đáng của người dân. Một héc-ta đất nông nghiệp, Bình Dương đền bù 240 triệu đồng (nếu sản xuất chỉ có thể thu được 3 triệu đồng/năm). Với số tiền đó, người dân có thể mua được hàng chục héc-ta cao su (thời điểm ấy mỗi héc-ta giá từ 5 - 6 triệu đồng), xây nhà, mua sắm phương tiện sản xuất. Các khu công nghiệp ra đời, con em nông dân sẽ có việc làm. Và khi hạ tầng kỹ

thuật của các khu công nghiệp được hình thành thì hạ tầng xã hội cho các khu dân cư cũng từng bước được xây dựng, người dân đương nhiên được hưởng lợi. Hàng ngàn héc-ta đất nhờ vậy đã nhanh chóng được bàn giao cho nhà đầu tư. Xác định thời gian và chi phí cơ hội là những nhân tố có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp, Bình Dương đặc biệt coi trọng việc cải tiến thủ tục hành chính theo hướng tăng tính phục vụ, hỗ trợ; giảm tối đa phiền hà và làm mất thời gian của doanh nghiệp. Chẳng hạn, Chính phủ quy định thời gian xây dựng cơ bản đối với doanh nghiệp nhà nước là một năm, với công ty trách nhiệm hữu hạn là sáu tháng, nhưng thực tế cho thấy, có những công ty trách nhiệm hữu hạn có quy mô gấp 4 - 5 lần doanh nghiệp nhà nước, nên Bình Dương quyết định "nới" thời gian xây dựng cơ bản đối với loại hình này là 1,5 năm. Bình Dương cũng mạnh dạn bãi bỏ các quy định không phù hợp, gây trở ngại, làm mất thời gian của doanh nghiệp như không bắt buộc các doanh nghiệp nộp tiền mặt hoặc vàng vào ngân hàng, mà chỉ cần nộp các tài sản qua công chứng nhà nước. Không buộc phải xác nhận địa điểm từ xã, phường,... đã rút thời gian từ 3 đến 6 tháng xuống còn một buổi. Đối với những dự án có mức độ ô nhiễm cao phải giải trình phương án xử lý môi trường còn các dự án mức độ ô nhiễm thấp không phải làm thủ tục này nên đã tiết kiệm 3 tháng chờ đợi v.v... Tỉnh cũng quy định tiền đền bù, giải tỏa đất do chủ đầu tư tự lo liệu, trên cơ sở giá nhà nước và theo quy định của tỉnh, tạo điều kiện về thủ tục, về đất đai để doanh nghiệp được thế chấp vay vốn ngân hàng theo cơ chế tự vay, tự trả v.v... Điều mà hầu hết các nhà đầu tư đến Bình Dương đều tâm đắc là sự thẳng thắn, nhìn rõ những thiếu sót, khuyết điểm để chỉnh sửa kịp thời; dám

làm, dám chịu trách nhiệm cũng như sự đoàn kết, thống nhất trên - dưới, trong - ngoài vì việc chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến xã, ấp. Đáp lại sự quan tâm đó, các nhà đầu tư càng chấp hành tốt việc nộp ngân sách, Bình Dương càng có điều kiện đầu tư vào các hệ thống hạ tầng thiết yếu để phát triển vùng nông thôn theo chủ trương "phát triển công nghiệp để phát triển đô thị".

Để công nghiệp Bình Dương tỏa sáng

Trong những năm vừa qua, Bình Dương đã gặt hái được nhiều thành công trong phát triển công nghiệp. Con đường công nghiệp Bình Dương đã và đang được cả nước biết đến như một "điểm sáng", trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo đường lối của Đảng đề ra. Tuy nhiên, hiện nay để bảo đảm cho sự phát triển bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao, Bình Dương cần phải giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất, hiệu quả sản xuất công nghiệp còn thấp, phát triển công nghiệp còn thiếu vững chắc; tăng trưởng công nghiệp chủ yếu dựa vào các nhân tố tăng trưởng theo chiều rộng, chưa chú trọng đầu tư và phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

Thứ hai, cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tiến bộ, gia tăng các ngành sử dụng nhiều vốn và công nghệ, các ngành có giá trị tăng thêm cao,... còn chậm. Cơ cấu hiện chủ yếu vẫn là các ngành sử dụng nhiều lao động, phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu và sản xuất theo hình thức gia công, lắp ráp là chính như dệt may, da giày.

Thứ ba, trình độ công nghệ chỉ đạt mức trung bình so với các nước trong khu vực. Công nghiệp Bình Dương có trình độ công nghệ tiên tiến hiện mới chỉ có 30%, trung bình là 50%, còn lại là lạc hậu.

Thứ tư, chất lượng và năng suất lao động thấp. Tỷ lệ lao động phổ thông chiếm đến 90% tổng số lao động công nghiệp của tỉnh, chủ yếu là lao động ngoài tỉnh, chưa được đào tạo cơ bản; thiếu đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, nhất là những ngành công nghiệp mới có hàm lượng khoa học - công nghệ cao. Đây cũng là nguyên nhân quan trọng làm hạn chế khả năng đổi mới công nghệ và quản lý đối với các doanh nghiệp ở Bình Dương.

Thứ năm, vấn đề môi trường và nguy cơ ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở nên bức bách. Hệ thống nước mưa và nước thải công nghiệp mới chỉ được xử lý cục bộ trong từng khu công nghiệp, đang "mắc kẹt" ở hệ thống chung. Đây là một vấn đề cần được quan tâm, có biện pháp cụ thể để sớm khắc phục và giải quyết một cách hiệu quả ở các khu công nghiệp và khu dân cư ở Bình Dương.

Kết thúc "câu chuyện công nghiệp" Bình Dương, chúng tôi tìm gặp đồng chí Bùi Đức Xuân - Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh. Bằng sự trải nghiệm của một người miền Trung nhưng đã gắn bó với vùng đất này gần 40 năm trong đó một nửa thời gian luôn nặng lòng với việc phát triển kinh tế và công nghiệp, đã đúc rút rằng: Người ta chỉ có thể khôn lên qua thực tiễn. Thực tiễn ngành công nghiệp là cụ thể và sinh động nhất. Phải có gan và say sưa mới làm công nghiệp được. Đối với sự phát triển công nghiệp ở Bình Dương đã đến lúc phải có sự lựa chọn trong tiếp nhận các dự án đầu tư, sao cho các dự án ngày càng thể hiện các yếu tố bảo đảm cho công nghiệp của tỉnh phát triển bền vững; biểu hiện ở sự tăng trưởng ổn định và lâu dài, cơ cấu ngành hợp lý, coi chất lượng tăng trưởng cao là yếu tố then chốt, trên cơ sở nâng cao năng suất lao động xã hội và gắn với bảo vệ môi trường.

(Xem tiếp trang 68)

1. Năm giá trị của lễ hội cổ truyền

Ở đây chúng ta không bàn tới những giá trị nói chung của lễ hội cổ truyền mà chỉ đề cập tới những giá trị cơ bản của lễ hội cổ truyền *còn đáp ứng được những nhu cầu của con người trong xã hội hiện nay*, một xã hội đang phát triển theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là: giá trị cổ kết cộng đồng, giá trị hướng về nguồn (nguồn cội tự nhiên và xã hội), giá trị cân bằng đời sống tâm linh, giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, giá trị bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ nhất, lễ hội nào cũng là của và thuộc về một cộng đồng người nhất định. Đó có thể là cộng đồng làng xã (hội làng), cộng đồng nghề nghiệp (hội nghề), cộng đồng tôn giáo (hội chùa, hội đền, hội nhà thờ), cộng đồng dân tộc (hội Đền Hùng - quốc tế) đến cộng đồng nhỏ hẹp hơn, như gia tộc, dòng họ... Chính lễ hội là dịp biểu

duyệt sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên *sự cố kết cộng đồng*.

Mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những nền tảng gắn kết, như gắn kết do cùng cư trú trên một lãnh thổ, (*cộng cư*), gắn kết về sở hữu tài nguyên và lợi ích kinh tế (*cộng hữu*), gắn kết bởi số mệnh chịu sự chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó (*cộng mệnh*), gắn kết bởi nhu cầu sự đồng cảm trong các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa (*cộng cảm*)... *Lễ hội là môi trường góp phần quan trọng tạo nên*

niềm cộng mệnh và cộng cảm của sức mạnh cộng đồng.

Ngày nay, trong điều kiện xã hội hiện đại, con người càng ngày càng khẳng định "cái cá nhân", "cá tính" của mình thì không vì thế cái "cộng đồng" bị phá vỡ, mà nó chỉ biến đổi các sắc thái và phạm vi, con người vẫn phải nương tựa vào cộng đồng, có nhu cầu cổ kết cộng đồng. Trong điều kiện như vậy, *lễ hội vẫn giữ nguyên giá trị biểu tượng của sức mạnh cộng đồng và tạo nên sự cố kết cộng đồng ấy*.

Thứ hai, tất cả mọi lễ hội cổ truyền đều hướng về nguồn. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra và nay vẫn là một bộ phận hữu cơ; *nguồn cội cộng đồng*, như dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên, *nguồn cội văn hóa*... Hơn thế nữa, hướng về nguồn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam - "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây". Chính

vì thế, lễ hội bao giờ cũng gắn với hành hương - du lịch.

Ngày nay, trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, tin học hóa, toàn cầu hóa, con người bùng tỉnh về tình trạng tách rời giữa bản thân mình với tự nhiên, môi trường; với lịch sử xa xưa, với truyền thống văn hóa độc đáo đang bị mai một. Chính trong môi trường tự nhiên và xã hội như vậy, hơn

Ngày xuân bàn về lễ hội cổ truyền

NGÔ ĐỨC THỊNH *

* GS, TS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

bao giờ hết con người càng có nhu cầu hướng về, tìm lại cái nguồn cội tự nhiên của mình, hòa mình vào với môi trường thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên trước nguy cơ bị tàn phá; trở về, tìm lại và khẳng định cái nguồn gốc cộng đồng và bản sắc văn hóa của mình trong cái chung của văn hóa nhân loại. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là một biểu tượng, có thể đáp ứng nhu cầu bức xúc ấy. Đó chính là *tính nhân bản* bền vững và sâu sắc của lễ hội có thể đáp ứng nhu cầu của con người ở mọi thời đại.

Thứ ba, bên cạnh đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tư tưởng còn hiện hữu *đời sống tâm linh*. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng - chân, thiện, mỹ - cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng. Như vậy, tôn giáo, tín ngưỡng thuộc

về đời sống tâm linh, tuy nhiên không phải tất cả đời sống tâm linh là tôn giáo, tín ngưỡng. Chính tôn giáo, tín ngưỡng, các nghi lễ, lễ hội *góp phần* làm thỏa mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của con người, đó là "cuộc đời thứ hai", đó là trạng thái "thăng hoa" từ đời sống trần tục, hiện hữu.

Xã hội hiện đại với nhịp sống công nghiệp, các hoạt động của con người dường như được "chương trình hóa" theo nhịp hoạt động của máy móc, căng thẳng và đơn điệu, ồn ào, chật chội nhưng vẫn cảm thấy cô đơn. Một đời sống như vậy tuy có đầy đủ về vật chất nhưng vẫn khô cứng về đời sống tinh thần, một đời sống chỉ có dồn nén, "trật tự" mà thiếu sự cởi mở, xô bồ, "tháo khoán"... Tất cả những cái đó hạn chế khả năng hòa đồng của con người, làm thui chột những khả năng sáng tạo văn hóa mang tính đại chúng. Một đời sống như vậy không có "thời điểm mạnh", "cuộc sống thứ hai", không có sự "bùng cháy" và "thăng hoa"!

Trở về với văn hóa dân tộc, lễ hội cổ truyền, con người hiện đại dường như được tắm mình trong dòng nước mát đầu nguồn của văn hóa dân tộc, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, ngưỡng vọng những biểu tượng siêu việt, cao cả - "chân, thiện, mỹ", được sống những giờ phút giao cảm hồ hởi đầy tinh thần cộng đồng, con người có thể phô bày tất cả những gì là tinh túy, đẹp đẽ nhất của bản thân qua các cuộc thi tài, qua các hình thức trình diễn nghệ thuật, cách thức ăn mặc lộng lẫy, đẹp đẽ khác hẳn ngày thường... Tất cả đó là trạng thái "*thăng hoa*" từ đời sống hiện thực, *vượt lên trên đời sống hiện thực*. Nói cách khác, lễ hội đã thuộc về phạm trù *cái thiêng liêng* của đời sống tâm linh, "đổi lập" và cân bằng với cái trần tục của đời sống hiện thực.

Thứ tư, lễ hội là một hình thức *sinh hoạt tín ngưỡng* - văn hóa cộng đồng của nhân dân



Lễ hội Tây Nguyên. Ảnh: TL

ở nông thôn cũng như ở đô thị. Trong các lễ hội đó, nhân dân tự đứng ra *tổ chức, chi phí, sáng tạo, tái hiện* các sinh hoạt văn hóa cộng đồng và *hưởng thụ* các giá trị văn hóa, tâm linh. Do vậy, lễ hội bao giờ cũng thấm đượm *tinh thần dân chủ* và nhân bản sâu sắc. Đặc biệt trong "thời điểm mạnh" của lễ hội, khi mà tất cả mọi người chan hòa trong không khí thiêng liêng, húng khởi thì các cách biệt xã hội giữa cá nhân ngày thường dường như được xóa nhòa, con người cùng sáng tạo, và hưởng thụ những giá trị văn hóa của mình.

Điều này có phần nào đối lập với đời sống thường nhật của những xã hội phát triển, khi mà phân công lao động xã hội đã được chuyên môn hóa, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người đã phần nào tách biệt. Đây là chưa kể trong xã hội, một lớp người có đặc quyền có tham vọng "cuốn đoạt" các sáng tạo văn hóa cộng đồng để phục vụ cho lợi ích riêng của mình. Đến như nhu cầu giao tiếp với thần linh của con người cũng tập trung vào một lớp người có "khả năng đặc biệt". Như vậy, con người, đứng từ góc độ quảng đại quần chúng, không còn thực sự là chủ thể của quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa một cách bình đẳng nữa. Xu hướng đó phần nào xói mòn tinh thần nhân bản của văn hóa, làm tha hóa chính bản thân con người. Do vậy, con người trong xã hội hiện đại, cùng với xu hướng dân chủ hóa về kinh tế, xã hội thì cũng diễn ra quá trình dân chủ hóa về văn hóa. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là môi trường tiềm ẩn những nhân tố dân chủ trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa ấy.

Thứ năm, lễ hội không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hóa dân tộc, mà còn là *môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hóa dân tộc, là "bảo tàng sống" của văn hóa dân tộc*. Cuộc sống của con người

Việt Nam không phải lúc nào cũng là ngày hội, mà trong chu kỳ một năm, với bao ngày tháng nhọc nhằn, vất vả, lo âu, để rồi "xuân thu nhị kỳ", "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ", cuộc sống nơi thôn quê vốn tĩnh lặng ấy, bỗng vang dậy tiếng trống chiêng, nổ bùng cờ hội, người người tụ hội nơi đình đền, chùa để mở hội. Nơi đó, con người hóa thân thành văn hóa, văn hóa làm biến đổi con người, một "*bảo tàng sống*" về văn hóa dân tộc được hồi sinh, sáng tạo và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nếu như không có nghi lễ và hội hè thì các làn điệu dân ca như quan họ, hát xoan, hát dặm...; các điệu múa xênh tiền, múa rồng, múa lân...; các hình thức sân khấu chèo, hát bội, rối nước, cải lương...; các trò chơi, trò diễn: đánh cờ người, chọi gà, chọi đu, đánh vật, bơi chải, đánh phết, trò Trám... sẽ ra đời và duy trì như thế nào trong lòng dân tộc suốt hàng nghìn năm qua.

Đã có ai đó từng nói làng xã Việt Nam là cái nôi hình thành, bảo tồn, sản sinh văn hóa truyền thống của dân tộc, nhất là trong hoàn cảnh bị xâm lược. Trong cái làng xã nghèo nàn ấy, ngôi đình, mái chùa, cái đền và cùng với nó là lễ hội với "xuân thu nhị kỳ" chính là tâm điểm của cái nôi văn hóa đó. Không có làng xã với các lễ hội, phong tục ... thì cũng không có văn hóa Việt Nam.

Điều này càng cực kỳ quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay, khi mà sự nghiệp bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, thì làng xã và lễ hội Việt Nam lại gánh một phần trách nhiệm là nơi bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Bốn cảnh báo về tổ chức lễ hội cổ truyền hiện nay

Đã gần hai thập kỷ nay, tính từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, bên cạnh

những thành tựu phát triển rõ rệt về kinh tế, xã hội, thì một điều không thể không nhận thấy là *sự phục hưng của văn hóa truyền thống*, trong đó đời sống lễ hội, phong tục là một điểm son nổi bật. Hằng năm, vào "xuân thu nhị kỳ", nhất là mùa xuân, lễ hội nở rộ khắp nơi. Theo thống kê của Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở, ở nước ta hiện nay có 8.902 lễ hội các loại, trong đó có 7.005 lễ hội dân gian cổ truyền. Như vậy, so với 20 năm trước, đây là hiện tượng văn hóa đáng mừng, nó đáp ứng nhu cầu không chỉ của người dân ở nông thôn mà cả đô thị.

Tuy nhiên, bên cạnh những điều đáng mừng đó, quan sát bức tranh lễ hội cổ truyền hiện nay, ta vẫn thấy canh cánh những lo lắng, băn khoăn. Sau một thời gian dài, do chiến tranh, do quan niệm ấu trĩ, sai lầm của chúng ta, lễ hội mất mát, tiêu điều, nay phục hưng trở lại, do vậy cũng không tránh được lệch lạc, khiếm khuyết, cần cảnh báo để cùng nhau khắc phục. Có bốn điều cảnh báo chính:

a – Đơn điệu hóa lễ hội

Văn hóa nói chung cũng như lễ hội nói riêng, bản chất của nó là đa dạng. Cùng là lễ hội, nhưng mỗi vùng miền, thậm chí mỗi làng có nét riêng, theo kiểu người xưa nói "*Chiêng làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ*". Hay người xưa khi nói về những nét riêng của lễ hội từng làng của Xứ Đoài thì đã có câu ca:

*"Boi Đăm, Rước Giá, Hội Thầy,
Vui thì vui vậy, chẳng tầy rã La"*

Như vậy, mỗi lễ hội đều có cốt cách, sắc thái riêng, cuốn hút khách thập phương đến với lễ hội làng mình. Tuy nhiên, ngày nay, lễ hội đang đứng trước nguy cơ "*nhất thể hóa*", "*đơn điệu hóa*". Hội làng nào, vùng nào cũng na ná như nhau, làm thui chột đi tính đa dạng của lễ hội, du khách thập phương sau một

vài lần dự hội thì cảm thấy nhàm chán và không còn hứng thú đi chơi hội nữa.

Để khắc phục nguy cơ này, các địa phương, các làng trong khi phục hồi, phát triển lễ hội cổ truyền nên cố gắng *tìm tòi, khôi phục và phát huy các nét riêng, độc đáo về văn hóa và lễ hội của địa phương mình, làng mình*. Từ nhiều nét riêng và độc đáo đó sẽ góp vào "vườn hoa lễ hội" của chúng ta nhiều sắc hương hơn.

b – Trần tục hóa lễ hội

Lễ hội gắn với tín ngưỡng dân gian. Do vậy, nó thuộc về đời sống tâm linh, mang *tính thiêng*. Tất nhiên, tính thiêng là cái vĩnh hằng, nhưng trong mỗi xã hội nó được biểu hiện ở những hình thức khác nhau. Lễ hội cổ truyền tuy nay mờ nhạt, bén rễ từ đời sống hiện thực, trần tục, nhưng bản thân nó là sự "*thăng hoa*" từ đời sống hiện thực và trần tục ấy. "Ngôn ngữ" biểu hiện của lễ hội là *ngôn ngữ biểu tượng*. Thí dụ, 3 trận đánh giặc Ân của Ông Gióng trong Hội Gióng là 3 trận đánh mang tính biểu trưng. Giặc Ân cũng biểu trưng hóa thành yếu tố *âm* của 28 cô gái. Để nói vận hành của trời đất liên quan đến canh tác nông nghiệp của người nông dân, thì trong hội vật cầu hay hội đánh phết, người xưa đã biểu trưng hóa quả cầu hay quả phết thành màu đỏ biểu tượng cho mặt trời, được đánh theo hướng đông - tây là chuyển động của mặt trời...

Ngày nay, trong phục hồi và phát triển lễ hội, do chưa nắm được ý nghĩa thiêng liêng, đặc biệt là diễn đạt theo cách "biểu trưng", "biểu tượng" của người xưa, nên *lễ hội đang bị "trần tục hóa"*, tức nó không còn giữ được *tính thiêng, tính thăng hoa và ngôn ngữ biểu tượng* của lễ hội và như vậy lễ hội không còn là lễ hội đích thực nữa. Hãy lấy một thí dụ, trong Lễ hội kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, để nói về sự quật khởi của Hà Nội

trong 12 ngày đêm đánh B 52 của Mỹ, người ta lại làm máy bay giấy, buộc vào 2 đầu dây căng giữa hai cột, cho chạy rồi đốt cháy, khiến người xem buồn cười như trò chơi "trẻ con" và như vậy ý đồ của người tổ chức không được chuyển tải !

c – Quan phương hóa lễ hội

Văn hóa nói chung, trong đó có sinh hoạt lễ hội là sáng tạo của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Đó là cách thức mà người dân nói lên những mong ước, khát vọng tâm linh, thỏa mãn nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của mình. Do vậy, từ bao đời nay, người dân bỏ công sức, tiền của, tâm sức của mình ra để sáng tạo và duy trì sinh hoạt lễ hội. Đó chính là tính nhân bản, khát vọng dân chủ của người dân. Nó khác với các nghi thức, lễ lạt của triều đình phong kiến trước kia và chùng nào cả với lễ hội mới của nhà nước hiện nay.

Trong việc phục hồi và phát huy lễ hội cổ truyền hiện nay, dưới danh nghĩa là đổi mới lễ hội, gắn lễ hội với giáo dục truyền thống, gắn lễ hội với du lịch..., đây đó và ở những mức độ khác nhau đang diễn ra xu hướng *quan phương hóa, áp đặt* một số mô hình định sẵn, làm cho tính chủ động, sáng tạo của người dân bị suy giảm, thậm chí họ còn bị gạt ra ngoài sinh hoạt văn hóa mà vốn xưa là của họ, do họ và vì họ. Chính xu hướng này khiến cho lễ hội mang nặng tính hình thức, phô trương, "giả tạo", hệ quả là tác động tiêu cực tới chủ thể văn hóa.

Cần uốn nắn lại cách tổ chức và quản lý lễ hội theo hướng Đảng, chính quyền định hướng và hỗ trợ để quần chúng nhân dân thông qua các tổ chức đoàn thể của mình chủ động trong việc tổ chức lễ hội, sao cho vừa kế thừa những nét đẹp truyền thống, vừa tiếp thu yếu tố mới một cách hợp lý vào sinh hoạt lễ hội. Làm sao để *người dân thực sự là chủ thể*

của những sáng tạo văn hóa trong sinh hoạt lễ hội của mình.

d – Thương mại hóa lễ hội

Cần phân biệt giữa hoạt động mua bán trong lễ hội và việc thương mại hóa lễ hội. Từ xa xưa, trong lễ hội không thể thiếu việc mua bán các sản phẩm độc đáo của địa phương, các món ăn đặc sản, mà hội chợ Viềng ở Nam Định và các hội chợ vùng núi là hiện tượng điển hình. Chính các hoạt động mua bán đó vừa mang ý nghĩa văn hóa, phong tục "mua may bán rủi", vừa quảng bá các sản phẩm địa phương, mang lại những thu nhập đáng kể cho một số ngành nghề ở địa phương. Đó là các hoạt động rất đáng khuyến khích.

Tuy nhiên, cùng với xu hướng phục hồi và phát triển lễ hội hiện nay, không ít các hoạt động mang tính "thương mại hóa", lợi dụng lễ hội để thu lợi bất chính, ép buộc, bắt chẹt người đi trải hội, đặc biệt là lợi dụng tín ngưỡng trong lễ hội để "buôn thần bán thánh" theo kiểu "đặt lễ thuê", "khăn vái thuê", bói toán, đặt các "hòm công đức" tràn lan, tạo dựng các "di tích mới" để thu tiền như trong lễ hội ở một số nơi. Cũng không phải không có một số "tổ chức" mệnh danh là quản lý lễ hội, hoạt động du lịch để bán vé thu tiền bất chính khách trải hội. Những hoạt động "thương mại" này đi ngược lại tính linh thiêng, văn hóa của lễ hội, đẩy lễ hội rơi xuống mức thấp nhất của đời sống trần tục. Để khắc phục tình trạng này, cần có quy định chặt chẽ và sự kiểm tra sát sao của các tổ chức quần chúng tại địa phương tổ chức lễ hội.

Chúng tôi tin rằng, những điều cảnh báo trên nếu được các cấp ủy, chính quyền và mọi người dân quan tâm, tìm biện pháp khắc phục thì sinh hoạt lễ hội của chúng ta thực sự trở thành một tấm gương phản chiếu bộ mặt văn hóa độc đáo và đa dạng của văn hóa Việt Nam.□



PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ VẤN ĐỀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ, QUẢN LÝ XÃ HỘI

PHẠM QUANG NGHỊ *

QUA hai nhiệm kỳ Đại hội gần đây, Đảng ta đều xác định tham nhũng, tiêu cực là một trong bốn nguy cơ của đất nước. Nguy cơ này không chỉ đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, làm hư hỏng một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, mà còn đe dọa sự mất còn của chế độ.

Trong thời gian qua toàn Đảng, toàn dân đã tiến hành cuộc đấu tranh chống tham nhũng khá mạnh mẽ và quyết liệt, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, xử lý những người vi phạm, từ kỷ luật hành chính đến cách chức, bỏ tù, tịch thu tài sản, kể cả tử hình một số người, nhưng tình trạng tham nhũng vẫn diễn ra rất phổ biến và nghiêm trọng, gây bất bình trong nhân dân.

Một câu hỏi thường được đặt ra: Tại sao chúng ta đã nói, đã làm khá nhiều mà kết quả vẫn chưa được như mong muốn?

Nhiều người nhất trí nêu lên ba nguyên nhân rất cơ bản dẫn tới tham nhũng. Trước hết, nguyên nhân sâu xa dẫn tới tham nhũng là lòng tham của con người. Thứ hai, là sự

sơ hở, lơ lửng trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội phản ánh trình độ và năng lực quản lý còn nhiều yếu kém, bất cập của chính chúng ta. Thứ ba, là các biện pháp, hình thức giáo dục và xử phạt chưa đủ mức răn đe.

Chúng ta đều biết con người sống trong xã hội nguyên thủy vốn không tham nhũng. Đó là lúc con người làm chung, ăn chung, mỗi người đều hoàn toàn tự nguyện, tự giác lao động hết mình cho tập thể mới có cái để sinh tồn. Con người khi đó sống hết sức hoang sơ, mộc mạc. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa trong xã hội nguyên thủy còn hết sức thấp kém, nhưng xã hội nguyên thủy ấy lại không có tham ô, tham nhũng. Với trình độ phát triển của xã hội lúc bấy giờ trong mỗi con người chưa xuất hiện lòng tham và cũng không có gì để tham. Nhưng từ khi lao động của con người có được sản phẩm thặng dư, tức là có của để dành, thì cũng chính là lúc tham ô,

* TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

tham nhũng trở thành một hiện tượng, một căn bệnh xã hội, tồn tại song song cùng với sự hình thành và phát triển của Nhà nước. Không phải không có cơ sở khi dư luận nhân dân thường nói, tham nhũng luôn luôn xảy ra với những người có chức, có quyền, nghĩa là những người có vị trí trong bộ máy nhà nước. Thói hư tật xấu của con người là tham nhũng đã tồn tại từ hàng ngàn năm qua, càng ngày quy mô càng lớn, càng phức tạp, phát triển cho đến bây giờ. Và chắc chắn, xã hội loài người chưa thể sớm loại bỏ được tham nhũng dễ dàng như những con nòng nọc cắt "cái đuôi", để chuyển từ môi trường sống hoàn toàn dưới nước lên trên cạn.

Đối với loài người, tham nhũng chỉ hoàn toàn mất đi khi trong đời sống xã hội không còn những điều kiện, những nguyên nhân gây ra tham nhũng; lúc tất cả mọi người không chỉ không dám, không thể mà hoàn toàn không cần tham nhũng. Để có thể thực hiện được điều này là cả một quá trình lịch sử hết sức lâu dài.

Không ít người trong chúng ta đã từng nghĩ rằng con người không ước muốn gì hơn là được như lời cầu nguyện của những người Thiên Chúa giáo: "Cầu Chúa cho con được đủ dùng". Nhưng rồi nói chung ham muốn của con người đã không dừng lại ở chỗ đủ dùng. Trong chúng ta cũng có lúc đã từng tin tưởng rằng, bằng phương thức phân phối của cải vật chất mang nặng tính chia đều và bình quân của thời bao cấp, cộng thêm với các bài giáo dục về đạo đức cách mạng, thì xã hội sẽ sớm chia tay với mọi tiêu cực và tham nhũng. Song thực tế đã không diễn ra như vậy, mà con đường phấn

đấu tiến tới một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, không còn tiêu cực, tham nhũng đã và đang vận động, phát triển một cách khó khăn, phức tạp, lâu dài hơn chúng ta nghĩ rất nhiều. Các Mác đã từng chỉ rõ, chỉ đến khi sức sản xuất của xã hội vô cùng phát triển, của cải trong xã hội tuôn ra như nước - và Lê-nin bổ sung thêm: đến khi con người đem vàng ra làm nhà vệ sinh - chỉ đến khi đó những người cộng sản mới có quyền ghi trên ngọn cờ của mình dòng chữ: "*Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*". Bây giờ của cải trong xã hội, dù đã phong phú hơn, nhưng chưa thể đã đủ để thỏa mãn nhu cầu cho mọi người. Vì thế, để cuộc đấu tranh chống tham nhũng nói riêng, các tệ nạn, tiêu cực xã hội nói chung thu được kết quả, đi đôi với việc tăng cường giáo dục, xử lý vi phạm, phải đặc biệt coi trọng vấn đề quản lý chặt chẽ và phân phối sao cho thật công bằng của cải của xã hội. Có thể nói rằng, cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã và sẽ luôn luôn là cuộc đấu tranh hết sức khó khăn, phức tạp và lâu dài. Không thể có phép màu nào, không thể có chiến dịch nào có thể chỉ "đánh" một trận mà tan được "giặc" tham nhũng. Bởi cuộc đấu tranh bài trừ tham nhũng không chỉ là một cuộc đấu tranh hết sức lâu dài chống lại lòng ham muốn ích kỷ trong mỗi con người (nếu là tham ô, tham nhũng cá nhân), và của nhiều người (nếu là tham ô, tham nhũng tập thể) mà còn là cuộc đấu tranh hết sức khó khăn nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, quản lý con người, vì mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một cơ chế hết sức khoa học, phù hợp với trình độ phát triển hết sức cao

của lực lượng sản xuất, với phương thức phân phối của cải vật chất, với yêu cầu tổ chức và quản lý xã hội, quản lý con người theo nguyên lý mà Các Mác đã đề ra: *Sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do và phát triển của mọi người*.

Thực tiễn lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy, ngay cả với các chế độ xã hội khác, cuộc đấu tranh chống tham nhũng vốn luôn luôn là cuộc đấu tranh vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài. Với chúng ta khó khăn càng thêm gấp bội, bắt nguồn từ những đặc điểm riêng của chế độ công hữu. Trong chế độ chúng ta, một khối lượng tài sản vô cùng to lớn của xã hội, từ đất đai, tiền vốn, ngân sách, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng... là tài sản của tập thể, của xã hội, nghĩa là của công, nhưng trong ý thức của những con người đang trực tiếp quản lý những tài sản công đó chưa phải ai ai cũng đã thấm nhuần tư tưởng "đĩ công vi thượng". Chúng ta vẫn thấy còn quá nhiều người ngày đêm toan tính tìm mọi cách "chiếm công vi tư"; tìm cách đục khoét tài sản của đất nước làm giàu cho cá nhân. Một số người khác thì tuy không tham ô, tham nhũng cho cá nhân mình nhưng lại thiếu trách nhiệm, buông lơi vai trò quản lý, để mặc cho tài sản, của công bị lãng phí, thất thoát, để cho những kẻ khác mặc sức tham ô, tham nhũng. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng ấy, vì tài sản đó là của Nhà nước, của công; và vì cơ chế quản lý của chúng ta cho đến nay chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ để ràng buộc nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi con người trước những tài sản công ấy. Không ít ý kiến cho

rằng, ở nước ta số lượng tài sản công bị thất thoát do lãng phí và thiếu trách nhiệm còn lớn hơn do tham nhũng gây ra rất nhiều.

Một trong vô vàn ví dụ rất tiêu biểu cho tình trạng trên là vụ tham nhũng quy mô lớn xảy ra tại Công ty Bảo hiểm PJICO. Nếu vốn của cơ quan Bảo hiểm PJICO là của tư nhân, chắc chắn đã không có ai lại đại đột tự nguyện đem chia đôi số tài sản 3,8 tỉ của mình cho phía có tàu bị cháy. Hoặc những người có trách nhiệm mua sắm các vật tư, thiết bị, lựa chọn nhà thầu là chủ các doanh nghiệp tư nhân, thì chắc chắn đã không ai lại tham ô, tham nhũng hoặc thiếu trách nhiệm với đồng vốn và tài sản của chính mình. Đó là một trong những đặc điểm và đồng thời cũng là một trong những khó khăn hết sức to lớn của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong cơ chế của chúng ta.

Ngoài ra, trong bộ máy của chúng ta, đã và sẽ còn muôn vàn công việc mà bất cứ ai ngồi vào vị trí đó đều được quyền cấp, phát, để từ đó được quyền hưởng "lộc". Những hành vi tiêu cực đó là sản phẩm tất yếu của cơ chế "xin cho". Với cơ chế đó, dù là người không hề đòi hỏi, những nhiều, hạch sách nhưng vẫn được nhận sự biếu xén, cảm ơn bằng vật chất, tiền bạc. Nó có thể bao gồm cả những người hoàn toàn không cố ý tham nhũng, tiêu cực, lẫn những người cố tình tham nhũng; nhưng về bản chất, đó là những sự mua bán, trao đổi trái phép tài sản, tiền bạc của tập thể, của Nhà nước và là sự chiếm đoạt của cải của xã hội, một sự hưởng lợi bất chính mà nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ cơ chế quản lý tài sản công ở nước ta còn quá nhiều sơ hở.

Vừa qua, Ban Nội chính Trung ương công bố kết quả nghiên cứu, chỉ ra mười cơ quan trong danh sách tham nhũng. Những cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan đó mặc dù cũng qua tuyển chọn, thi cử, thậm chí trong số đó có những cơ quan còn đưa ra các tiêu chuẩn tuyển lựa chặt chẽ hơn mức bình thường, nhưng vì sao vẫn phát sinh nhiều tiêu cực, tham nhũng? Đa số họ đều là những cán bộ, công chức được học tập, đào tạo trong trường lớp như biết bao người khác. Một số người đã trải qua rèn luyện trong chiến tranh, lập công trong chiến đấu... Song họ vẫn bị dính vào tham nhũng, tiêu cực. Chúng ta không thể không nhận thấy, hiện tượng "tham nhũng, lãng phí tràn lan", ngoài nguyên nhân trực tiếp bắt nguồn từ phẩm chất, đạo đức một bộ phận cán bộ, công chức sa sút, còn có *nguyên nhân quan trọng hơn, là do cơ chế quản lý kinh tế, xã hội của chúng ta còn quá nhiều sơ hở, lỏng lẻo*, dẫn tới tình trạng rất nhiều người, rất nhiều vị trí công việc người ta có thể dễ dàng chiếm đoạt tiền bạc, của cải của Nhà nước, của nhân dân làm của riêng. Từ những sơ hở, yếu kém, có tính phổ biến ấy, tham nhũng dường như trở thành căn bệnh xã hội, tự động *hình thành một cơ chế ngầm, song rất có hiệu lực, để điều tiết một số phân phối, thu nhập trong xã hội*. Và rốt cuộc "*người bị hại*" là những người lương thiện, những người chân chính, những người tốt. Không ít trường hợp nguyên nhân gây nên tham nhũng là từ phía người chạy chức, chạy quyền, chạy dự án, chạy tội..., chứ không phải do đòi hỏi, ép buộc từ phía người có chức, có quyền. Vì vậy, có thể nói, một trong những *nguyên nhân đang làm trầm trọng thêm tình hình*

tham nhũng ở nước ta hiện nay là do năng lực, kinh nghiệm quản lý kinh tế – xã hội còn quá nhiều yếu kém, sơ hở.

Chúng ta đang đứng trước tình hình, rất nhiều người luôn than phiền, lên án tham nhũng không tiếc lời, nhưng lại rất ít chú tâm làm những điều thiết thực, cụ thể để ngăn ngừa tham nhũng. Rất nhiều người phê phán, lên án tham nhũng ở nơi khác, người khác nhưng không tự mình làm những việc thuộc bổn phận, trách nhiệm, quyền hạn của mình để góp phần bài trừ tham nhũng. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng thờ ơ, tránh né ở một số người lại cũng bắt nguồn từ nguyên nhân cơ chế.

Vì những lẽ đó, Luật phòng, chống tham nhũng vừa được Quốc hội thông qua đặc biệt coi trọng các biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát để tham nhũng, lãng phí không có thể xảy ra. Tư tưởng quán xuyên Bộ Luật là coi trọng cả phòng và chống, trong đó phòng ngừa là tư tưởng chủ đạo cực kỳ quan trọng. Phòng để không xảy ra tham nhũng; còn chống là các biện pháp xử lý khi tham nhũng đã xảy ra, đã bị phát hiện. Phòng và chống đều hướng tới mục đích bài trừ tham nhũng. Luật phòng, chống tham nhũng đặt lên hàng đầu các biện pháp đề cao tính dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của con người, tạo điều kiện mọi người có thể tham gia kiểm tra, giám sát. Tiếp đến là các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và xử lý nghiêm minh những hành vi tham nhũng, với các hình phạt thật nghiêm khắc; coi trọng hơn nữa các biện pháp kinh tế.

Tham nhũng là một phạm trù lịch sử. Giữa các nước, các chế độ xã hội khác nhau, có sự khác nhau về truyền thống lịch sử, đặc điểm văn hóa, điều kiện kinh tế, xã hội, hệ thống pháp luật v.v... Giữa các nước, có thể có những cách nhìn nhận, quan niệm khác nhau về nguồn gốc, nguyên nhân của tình trạng tham nhũng và quy mô, tính chất của nạn tham nhũng. Nhưng quan niệm phổ biến nhất được mọi người thừa nhận là, coi tham nhũng là hành vi của người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham ô, nhận hối lộ, cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội và nhân dân. Vì vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng là cuộc đấu tranh được thực hiện ở mọi quốc gia, và ngày nay còn có cả sự phối hợp ở quy mô quốc tế. Trong số các biện pháp mà mỗi quốc gia theo dõi, không có nước nào không coi trọng việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý con người. Với cơ chế của chúng ta, biện pháp này càng trở nên vô cùng quan trọng. Quản lý tốt thì tham nhũng ít; quản lý kém thì tham nhũng xảy ra nhiều hơn.

Mức độ, tình trạng tham nhũng diễn ra ở mỗi nước tuy khác nhau, nhưng nguyên nhân và các giải pháp chính nói chung đều giống nhau. Trong đó, nước nào cũng phải coi trọng cả phòng và chống; phòng là để ngăn ngừa tham nhũng xảy ra; chống là để xử lý nghiêm minh khi phát hiện ra tham nhũng. Đối với nước ta hiện nay, để phòng và chống có kết quả, vấn đề hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, quản lý xã hội phải được đặt lên hàng đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng. □

BÌNH DƯƠNG...

(Tiếp theo trang 58)

Để công nghiệp Bình Dương tiếp tục phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tiếp theo, các định hướng cơ bản trong giai đoạn 2006 - 2010 là.

- Đối với một số ngành sản xuất chủ lực chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp, có khả năng cạnh tranh và có thị trường tiêu thụ ổn định cần tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cấp công nghệ, cải tiến tổ chức sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, chú trọng nâng tỷ trọng các sản phẩm chế biến tinh, sản phẩm cao cấp, đòi hỏi lao động tinh xảo.

- Lựa chọn thu hút các dự án ứng dụng công nghệ, trí tuệ cao, các ngành có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn, sử dụng lao động có kỹ năng, có điều kiện nâng cao năng suất lao động và có dung lượng thị trường lớn nhằm chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu ngành công nghiệp. Chú trọng tạo lập nền móng vững chắc cho các ngành cần ưu tiên, bao gồm công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử, công nghiệp hóa chất, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm...

Mười năm, một chặng đường không thể nói là dài cho một quá trình đi từ nhận thức đến hành động, tạo nên những kết quả và dấu ấn đầy ý nghĩa. Bình Dương đã làm nên điều kỳ diệu đó. Vùng "đất ngọt" thuần nông năm nao giờ đã hóa "đất giàu" nhờ đang xanh thêm những mầm xanh công nghiệp. Và một Bình Dương đầy triển vọng, trở thành niềm tin yêu của cả nước đang vươn tới để khẳng định mình bằng những mùa xuân công nghiệp. □

CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA: Mấy vấn đề cơ bản

QUANG CẬN

LỊCH sử chủ nghĩa xã hội ở nước ta, kể từ khi cách mạng Việt Nam đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn (1930) cho đến nay, trước thềm Đại hội X của Đảng (2006), theo tôi, có thể được chia làm bốn thời kỳ:

1 - Từ năm 1930 đến năm 1957 (Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến trước khi cách mạng xã hội chủ nghĩa được bắt đầu ở miền Bắc): Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu được ghi lên lá cờ của Đảng gắn liền với mục tiêu độc lập dân tộc, chưa trở thành một hình thái kinh tế - xã hội hiện thực. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội đã động viên, tổ chức được đông đảo quần chúng, tạo nên một chất lượng mới, sức mạnh mới của phong trào dân tộc, đưa cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đi đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, giành độc lập dân tộc và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng miền Bắc, mở đường cho miền Bắc bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2 - Từ năm 1958 đến năm 1975 (bắt đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước): Chủ nghĩa xã hội dần dần trở thành hiện thực ở miền Bắc theo mô hình "Chủ nghĩa xã hội thời chiến", trong sự kết

hợp với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã phát huy vai trò quyết định nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (cùng với vai trò quyết định trực tiếp của cách mạng miền Nam).

3 - Từ năm 1975 đến năm 1985 (sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đến trước khi công cuộc đổi mới đất nước bắt đầu): "Chủ nghĩa xã hội thời chiến" được mở rộng ra cả nước. Mô hình này của chủ nghĩa xã hội phần nào thể hiện mặt tích cực, nhất là trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, nhưng cũng dần dần bộc lộ mặt nhược điểm, khuyết tật, khiến cho đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đe dọa độc lập dân tộc và con đường tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4 - Từ năm 1986 đến nay (bắt đầu công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa đến trước thềm Đại hội X của Đảng): Chủ nghĩa xã hội theo tư duy mới hình thành dần, thể hiện sự tìm tòi và thể nghiệm của Đảng ta về một mô hình mới



của chủ nghĩa xã hội, tập trung trong *Cương lĩnh* của Đảng được thông qua tại Đại hội VII (1991). Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo dần dần đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và từng bước phát triển, củng cố độc lập dân tộc, tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã có một quá trình lịch sử không ngắn lắm: 75 năm tính từ khi mới chỉ là một mục tiêu nhưng đã phát huy vai trò tích cực của mình (từ 1930); 47 năm tính từ khi bắt đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, theo mô hình "Chủ nghĩa xã hội thời chiến" (từ 1958); 20 năm tính từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới (từ 1986).

Tổng kết lịch sử chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần xuất phát từ những thực tế đã diễn ra qua các thời kỳ, trực tiếp là từ khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đến nay và nhất là qua 20 năm đổi mới gần đây. Từ đó có thể nêu lên một số vấn đề cơ bản, quan trọng nhất phản ánh quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội ở nước ta, để tiến vào *Đại hội X của Đảng*, phát huy ưu điểm, khắc phục sai lầm, khuyết điểm, tiếp tục tìm tòi, thử nghiệm *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội của Việt Nam*, phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam trong thế giới hiện đại. Xin trình bày rất tóm tắt 6 vấn đề dưới đây:

Một là, về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thực chất, đây là *con đường*

đưa dân tộc Việt Nam tiến vào thời đại dân tộc xã hội chủ nghĩa, bỏ qua thời đại dân tộc tư sản. Vấn đề đặt ra là phải thật sự tin tưởng và tin tưởng một cách có căn cứ khoa học vào con đường đó. Bởi vì, đây là *sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và là quy luật trong những điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.*

Kiên định con đường độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội là phải *giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa* trong sự nghiệp đổi mới, thường xuyên lưu ý *nguy cơ chệch hướng*. Không phải chỉ nêu cụm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" như một khẩu hiệu mà không rõ nội dung cụ thể, cho yên lòng mình và "an dân" (đương nhiên loại trừ ý đồ che dấu một định hướng khác). Kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết những vấn đề xã hội là rất đúng, nhưng không nên vội coi như thế là đã thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, là "vấn đề mấu chốt có ý nghĩa chiến lược của định hướng xã hội chủ nghĩa". Bởi nhà nước tư sản cũng rất coi trọng vấn đề này, nhưng nhà nước tư sản vẫn là nhà nước tư sản và phải làm như thế mới hòng xoa dịu được những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư sản, góp phần củng cố chế độ tư bản.

Cần làm rõ hơn vị trí, vai trò của độc lập dân tộc và của chủ nghĩa xã hội, cũng như mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Về vấn đề này, *Cương lĩnh* tại Đại hội VII của Đảng đã nêu, nhưng xin bổ sung: độc lập dân tộc là *tiền đề*, là điều kiện tiên quyết và là *cơ sở* để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội *định hướng* cho độc lập dân tộc, là cơ sở bảo đảm vững chắc độc lập dân tộc và *bảo đảm giải phóng dân tộc triệt để*

(những từ in nghiêng là kiến nghị bổ sung). Như vậy, chủ nghĩa xã hội không chỉ là vấn đề giải phóng giai cấp mà còn là vấn đề giải phóng dân tộc, đưa dân tộc Việt Nam tiến vào thời đại dân tộc xã hội chủ nghĩa, *thời đại Hồ Chí Minh* (bỏ qua thời đại dân tộc tư sản).

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xử lý mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không phải là một cái gì cứng nhắc, không thay đổi trong mọi giai đoạn cách mạng. Sự kiên định ấy có "cuộc sống" của nó, thể hiện trong quá trình Đảng hoạch định, tổ chức thực hiện và phát triển đường lối cách mạng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn cách mạng. Điều cần nhấn mạnh là, *độc lập dân tộc luôn luôn được đặt lên hàng đầu trong mọi giai đoạn cách mạng*, chứ không phải chỉ được đặt lên hàng đầu trong giai đoạn đầu của cách mạng. Không có độc lập dân tộc thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội.

Hai là, về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Luận điểm quan trọng của Cương lĩnh tại Đại hội VII của Đảng là khẳng định *"tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa"*, chứ không phải là bỏ qua những sự phát triển nào đó của chủ nghĩa tư bản. Đây là một quá trình phát triển lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Không những thế, nói như C.Mác, "những dấu vết về mọi phương diện" của chủ nghĩa tư bản còn tồn tại lâu dài trong giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, cần tiếp tục khắc phục tư duy cũ, tư duy nóng vội, chủ quan

duy ý chí về một "chủ nghĩa xã hội sạch sẽ" không có gì là tư bản chủ nghĩa trong suốt cả thời kỳ quá độ và giai đoạn quá độ lịch sử dài như vậy.

Đảng Cộng sản lãnh đạo phát triển những yếu tố nào đó của chủ nghĩa tư bản, phải chăng là trái với bản chất của Đảng? Nhưng Đảng Cộng sản là một đảng cách mạng và khoa học, theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, chứ không phải là một đảng không tưởng, chủ quan duy ý chí, theo chủ nghĩa duy tâm chủ quan, chủ trương xóa bỏ bóc lột trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Văn kiện Đại hội IX của Đảng ghi rõ "chống áp bức, bất công" ⁽¹⁾ chứ không ghi "chống bóc lột" là rất đúng.

Đột phá quan trọng trên đây của *Cương lĩnh* đã mở ra đường lối kinh tế nhiều thành phần và cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tiễn, có hai khuynh hướng đối lập cần xử lý: a) kỳ thị với chủ nghĩa tư bản, vừa làm vừa sợ chệch hướng (có cả lúng túng trong việc đưa nó vào quỹ đạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa); b) kỳ thị với những thành phần kinh tế nền tảng của chủ nghĩa xã hội, dường như coi "chủ nghĩa tư bản là cứu cánh phát triển đất nước". Tất nhiên, nếu phát triển chủ nghĩa tư bản, nhân danh chủ nghĩa xã hội thì sẽ đi theo con đường của "chủ nghĩa xã hội dân chủ", biến Nhà nước xã hội chủ nghĩa thành nhà nước tư bản chủ nghĩa và đi vào dân tộc tư sản.

Ba là, về chủ nghĩa xã hội và sở hữu xã hội chủ nghĩa. Gắn liền với nền kinh tế nhiều thành phần đương nhiên là chế độ đa sở hữu, trong đó *chế độ công hữu*

xã hội chủ nghĩa không phủ định mà phải dựa trên cơ sở sở hữu trực tiếp của cá nhân những người lao động trí óc và lao động chân tay làm chủ (đương nhiên phải dần dần trên cơ sở những thành tựu mới của khoa học và công nghệ hiện đại). Cho nên, cần nghiên cứu có những biện pháp để bảo vệ quyền sở hữu chính đáng của người lao động. Trong Sắc lệnh số 29 SL, ngày 12-3-1947, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, có đoạn viết: "Để khuyến khích công nhân trong các ngành kỹ nghệ và thương mại, có thể định cho công nhân tham gia vào việc chia lãi hàng năm" ⁽²⁾. Từ đó, cần động viên mọi người dân, mọi người lao động trí óc và lao động chân tay, *đầu tư cho sản xuất, kinh doanh*, để họ trở thành *những người lao động chủ sở hữu liên hiệp* lại dưới nhiều hình thức khác nhau trong tất cả các thành phần kinh tế. Làm được điều đó cũng có nghĩa là thực hiện được việc *toàn dân sở hữu*. Ở đây, "sở hữu toàn dân" dưới hình thức sở hữu nhà nước chỉ là một hình thức đặc thù của *toàn dân sở hữu*.

"Toàn dân sở hữu", mọi người lao động trí óc và lao động chân tay liên hiệp lại, đầu tư cho sản xuất, kinh doanh... sẽ hình thành nên một xã hội sản xuất, kinh doanh năng động, đồng thời là một xã hội học tập, giáo dục và đào tạo người lao động có trí tuệ, làm giàu cho mình và cho đất nước. Ở đó, một đội ngũ những doanh nhân giỏi, chân chính, ngày càng đông đảo trong tất

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr86

(2) Xem: *Công báo* của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, năm 1947

cả các thành phần kinh tế sẽ được tôn vinh như "một tầng lớp trí thức đặc biệt".

Có thể nói, đó là một *đột phá mới rất quan trọng*, là sự từ bỏ tư duy về sở hữu của chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ. Đột phá mới này có tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất (do xử lý đúng quan hệ sản xuất), dẫn đến cao trào cách mạng trong quần chúng lao động, tạo nên sự chuyển biến lớn cả về kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước, thúc đẩy sự phát triển của tất cả các thành phần kinh tế. *Đây chính là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Bốn là, về chủ nghĩa xã hội và kinh tế tri thức, văn minh trí tuệ. Văn minh trí tuệ là bước phát triển mới về chất của lực lượng sản xuất so với văn minh công nghiệp. Đây là vấn đề chủ nghĩa xã hội tiếp cận những thành tựu mới nhất của văn minh nhân loại để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Các Đại hội của Đảng ta đã đặt đúng vai trò của lực lượng sản xuất, từng bước tiếp cận vấn đề này (công nghiệp hóa, hiện đại hóa), nhất là Đại hội IX (kinh tế tri thức), nhưng *chưa khái quát thành một quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc*—xít chi phối việc xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội theo tư duy mới ở Việt Nam. Bởi vì, theo C. Mác, lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định nhất trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chỉ có chủ nghĩa xã hội hiện đại như vậy mới chiến thắng được chủ nghĩa tư bản hiện đại, giống như chủ nghĩa tư bản đã từng chiến thắng chủ nghĩa phong kiến.

Cần có tư duy mới về giai cấp công nhân trong nền kinh tế tri thức cũng như

trong nền văn minh trí tuệ nói chung (khác với giai cấp công nhân của nền văn minh công nghiệp). Từ đó, có chủ trương, chính sách từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, coi một bộ phận đội ngũ trí thức là thuộc giai cấp công nhân. Đây là vấn đề rất quan trọng trong thực hiện "quốc sách" khoa học và công nghệ. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *trí thức hóa công nông và công nông hóa trí thức.*

Năm là, về chủ nghĩa xã hội và dân tộc (quốc gia – dân tộc). Chủ nghĩa xã hội không phải hình thành và phát triển theo một sơ đồ giống nhau ở mọi dân tộc (quốc gia – dân tộc), mà phải trên cơ sở những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng dân tộc (quốc gia – dân tộc): con người, đất nước, lịch sử, truyền thống, nhất là bản sắc văn hóa dân tộc. Lịch sử phát triển của xã hội loài người, theo cách tiếp cận lịch đại, được phân chia thành những hình thái kinh tế – xã hội khác nhau, kế tiếp nhau ; theo cách tiếp cận đồng đại, được phân chia một cách đồng thời thành những quốc gia – dân tộc khác nhau. Hai quá trình đó gắn bó hữu cơ với nhau: các hình thái kinh tế – xã hội khác nhau tồn tại trong quốc gia – dân tộc, đến và đi trong lịch sử phát triển lâu dài của từng quốc gia – dân tộc ; quốc gia – dân tộc nào cũng được cấu trúc theo một hình thái kinh tế – xã hội nhất định và trải qua những hình thái kinh tế – xã hội khác nhau ; do vậy, hình thái kinh tế – xã hội nào cũng mang đậm dấu ấn riêng của từng quốc gia – dân tộc.

Vấn đề này chưa được đặt thành *một quan điểm cơ bản* chỉ đạo việc xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Theo tôi, đây chính là vấn đề *xây dựng*

chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam. Đây còn là một đề tài được rất ít người quan tâm nghiên cứu, xem xét. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải được xây dựng trên cơ sở độc lập dân tộc của Việt Nam, xuất phát từ những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam, ăn sâu, bám rễ trong lòng dân tộc Việt Nam. Nhân đây, xin nói thêm, chủ nghĩa tư bản từng ăn sâu, bám rễ trong lòng nhiều quốc gia - dân tộc và mở ra thời đại dân tộc tư sản. Điều đó khiến cho một số người tự xưng là mác-xít đã một thời đồng nhất dân tộc với dân tộc tư sản.

Sáu là, về **chủ nghĩa xã hội và Đảng Cộng sản**. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam. Bởi vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, mang bản chất giai cấp công nhân, đang lãnh đạo dân tộc Việt Nam bỏ qua thời đại dân tộc tư sản, tiến vào thời đại dân tộc xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam phải là đội tiên phong và là nhân tố quyết định nhất thắng lợi của sự nghiệp lịch sử vĩ đại này. Đảng Cộng sản Việt Nam phải *tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*, và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới theo con đường đó.

Đảng lãnh đạo nhân dân và dân tộc, chịu trách nhiệm trước nhân dân và dân tộc *đã được tổ chức thành Nhà nước* do Đảng lãnh đạo, rất khác khi Đảng chưa cầm quyền, chưa "trở thành dân tộc". Do vậy, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và Đảng để bảo

đảm cho nhân dân và dân tộc làm chủ đất nước. Đúng như *Cương lĩnh* tại Đại hội VII của Đảng đã ghi: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách...". Đây là điều hoàn toàn đúng đắn, đã được khẳng định trong Hiến pháp nước ta. Tuy nhiên, theo tôi, để phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, cũng như đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước trong tình hình hiện nay, nên chăng chúng ta có thể diễn giải vấn đề này như sau: *Đảng giới thiệu với Nhà nước Cương lĩnh, chiến lược... để Nhà nước tiếp thu và thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật...* Điều đó cũng tương tự như *Cương lĩnh* đã ghi: "Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú... vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể...". Ở đây, có thể hiểu, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền, chứ không phải là đứng trên Nhà nước; Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Đảng phải *phát huy rộng rãi dân chủ trong Đảng* để mở rộng dân chủ trong toàn xã hội. Muốn vậy, phải đổi mới *cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động* của Đảng, từ Đại hội Đảng toàn quốc đến Trung ương Đảng và các tổ chức cơ sở đảng (liên quan đến việc sửa đổi Điều lệ Đảng). Chỉ như vậy, nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng mới thật sự được tôn trọng.

Thiết nghĩ, 6 vấn đề cơ bản nêu trên là những bộ phận cấu thành của một chỉnh thể, không thể thiếu bộ phận nào. Nhưng nếu chưa đủ thì có thể thêm, như vấn đề *chủ nghĩa xã hội - dân tộc và quốc tế*. Vấn đề này có thể được giải quyết ngay trong nội dung của 6 vấn đề trên. □

Phát huy vai trò quản lý của nhà nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

HỒ TRỌNG VIỆN *

KINH tế thị trường là kiểu tổ chức sản xuất vật chất ưu việt, tiên bộ, có năng suất lao động và hiệu quả sản xuất cao do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội tạo ra; là thành tựu chung của tiến bộ văn minh nhân loại, không thuộc về hay không riêng có của một chế độ xã hội nào. Kinh tế thị trường được hình thành và phát triển dựa trên cơ sở của quan hệ sản xuất. Chế độ chính trị - xã hội nào thì nền kinh tế mang bản chất riêng của chế độ ấy. Từ đó hình thành trên thực tế: kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế mà Việt Nam đang xây dựng và thực hiện là nền kinh tế thị trường mang bản chất của quan hệ sản xuất và chế độ chính trị của Việt Nam, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với những phương hướng và mục tiêu đã định.

Có thể tham khảo bảng so sánh dưới đây để thấy rõ những đặc trưng cơ bản, cũng như sự giống và khác nhau giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Tiêu chí	Kinh tế thị trường TBCN	Kinh tế thị trường định hướng XHCN
<i>Mục tiêu hoạt động</i>	Vì lợi nhuận tối đa cho các nhà tư bản	Vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
<i>Cơ sở tồn tại</i>	Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất	Chế độ công hữu XHCN về các tư liệu sản xuất chủ yếu; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng kinh tế tập thể tạo thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế nhiều thành phần.
<i>Chủ thể quản lý nền kinh tế</i>	Nhà nước của giai cấp tư sản, bóc lột, bất công.	Nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.
<i>Chế độ phân phối</i>	Phân phối theo tư bản là chủ yếu.	Phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội
<i>Thực hiện chính sách xã hội</i>	Không được quan tâm nhiều đến việc thực hiện các chính sách xã hội	Kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

* PGS, TS, Phó giám đốc Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Từ thực tiễn của mình, nước ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, hợp quy luật, bởi những lẽ sau đây.

Thứ nhất, nước ta hiện còn tồn tại một cách khách quan cơ sở của kinh tế hàng hóa, được biểu hiện ở việc có phân công xã hội mở rộng (tất yếu có trao đổi sản phẩm) và có sự tách biệt về quyền chi phối sản phẩm giữa các doanh nghiệp, giữa các chủ thể kinh tế, từ đó mà hình thành, tồn tại sự sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Thứ hai, nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu cùng tồn tại và đấu tranh chuyển hóa lẫn nhau giữa những yếu tố, những thành phần của nền kinh tế cũ, tư hữu với những yếu tố và thành phần của nền kinh tế mới xây dựng, công hữu, nên nền kinh tế hàng hóa có cơ cấu nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế là mang tính quy luật.

Thứ ba, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với đặc thù và đặc điểm của cách mạng Việt Nam cũng như phù hợp với xu thế của thời đại. Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo dựa trên lực lượng chủ yếu là liên minh công - nông. Sau khi giành được thắng lợi, chính quyền về tay công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tất yếu sẽ đưa đất nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân. Đây cũng là sự phù hợp với xu thế thời đại hiện nay "thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới" như Đảng ta đã nhận định.

Về mặt thực tiễn, phát triển kinh tế thị trường ở nước ta sẽ mang lại những tác dụng và lợi ích to lớn, thiết thực:



Mùa xuân Thành phố Hồ Chí Minh - Ảnh: EL

- Thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế thị trường sẽ tạo môi trường và điều kiện để huy động rộng rãi và mạnh mẽ mọi tiềm năng, nguồn lực của toàn xã hội (nhân lực, vật lực, tài lực, động lực) để phát triển sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Đây cũng chính là tiền đề và cơ sở để thực hiện dân chủ hóa đời sống kinh tế. Đó là mọi công dân, tổ chức kinh tế được tự do đầu tư sản xuất - kinh doanh theo quy định của pháp luật để làm giàu chính đáng cho mình và góp phần xây dựng đất nước.

- Phát triển nền kinh tế thị trường cũng chính là điều kiện để các quy luật kinh tế có được môi trường và điều kiện để phát huy tác dụng trong việc phân bổ các nguồn lực, xác lập động lực cạnh tranh trên thị trường, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh, mạnh, đạt hiệu quả cao.

- Phát triển nền kinh tế thị trường cũng tạo nên môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được tự do hoạt động theo cơ chế thị trường, trên cơ sở đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước; phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo, tận dụng mọi thời cơ, lợi thế để nâng cao hiệu quả, từ đó làm cho nền kinh tế không ngừng phát triển vững chắc theo hướng hiện đại hóa.

- Thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường với cơ cấu nhiều thành phần sẽ tạo khả năng để tranh thủ các nguồn lực bên ngoài (về vốn, về kỹ thuật, công nghệ, về quan hệ thị trường...) và khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên trong (tài nguyên, lực lượng lao động, tiền vốn v.v...) để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, và hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy, cả trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn đều khẳng định tính đúng đắn của đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tuy nhiên, cùng với những mặt tích cực và tính ưu việt như đã nêu trên, kinh tế thị trường cũng có những mặt tiêu cực và khuyết tật nhất định. Chẳng hạn tính tự phát, coi lợi nhuận là tối thượng, săn đuổi đồng tiền bất chấp mọi thủ đoạn, phương tiện; từ đó tạo cho nền kinh tế có nguy cơ mất cân đối, mất ổn định, thậm chí khủng hoảng, phá hoại các quan hệ xã hội, giá trị đạo đức, văn hóa, môi trường sinh thái v.v.. Do vậy, để phát huy mặt tích cực và hạn chế tối đa mặt trái của kinh tế thị trường nhất thiết phải có sự can thiệp tích cực và thường xuyên của Nhà nước. Lịch sử đã chứng minh, để tồn tại và phát triển, không một nền kinh tế thị trường nào lại không có sự can thiệp, sự quản lý và điều tiết của Nhà nước. Vấn đề là Nhà nước can thiệp đến mức độ nào và thực hiện vai trò của mình, đối với kinh tế thị trường bằng phương thức và công cụ gì.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, đa phần các nhà kinh tế học hiện đại, kể cả Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới đều có chung quan điểm: vấn đề không phải là ở sự lựa chọn nhà nước hay thị trường, mà là ở sự phân công và kết hợp hài hòa, hợp lý giữa vai trò của Nhà nước và vai trò của thị trường trong việc phân bổ các nguồn lực; trong việc điều hòa, kiểm soát các hoạt động, sao cho nền kinh tế vận động một cách ổn định và hiệu quả. Nói một cách hình ảnh - như võ 2 bàn tay: bàn tay vô hình - tức thị trường, và bàn tay hữu hình - tức nhà nước; từ đó phát tín hiệu và dẫn dắt các hoạt động kinh tế, đưa nền kinh tế không ngừng phát triển.

Theo khuyến cáo trong một tài liệu được dẫn từ Ngân hàng thế giới, Nhà nước nên tham gia ít hơn vào những lĩnh vực mà thị trường vận hành tốt. Trái lại, Nhà nước nên tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực không thể dựa vào thị trường. Nếu thấy các hành động can thiệp là cần thiết, thì những hành động đó nên đi cùng hoặc thông qua các lực lượng thị trường chứ không phải chống lại thị trường.

Đối với nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa càng có ý nghĩa quan trọng. Nó có ý nghĩa quyết định trực tiếp trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình vận động và phát triển nền kinh tế đất nước.

Quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là Nhà nước sử dụng quyền lực hành chính và sức mạnh kinh tế của mình để tác động đến toàn bộ nền kinh tế, thông qua các phương pháp và công cụ quản lý vĩ mô, nhằm phát triển nền kinh tế theo phương hướng và mục tiêu đã xây dựng. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm việc tạo lập môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, nhằm huy động rộng rãi mọi nguồn lực trong toàn xã hội cũng như nguồn lực ở ngoài nước cho phát triển đất nước. Nhà nước hỗ trợ và dẫn dắt các nỗ lực phát triển thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định với cơ cấu hợp lý, hiệu quả. Nhà nước hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế hài hòa với công bằng và tiến bộ xã hội; quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái v.v.. Từ những chức năng

trên, đối chiếu với tình hình của đất nước ta hiện nay, quản lý nhà nước về kinh tế cần tập trung thực hiện tốt mấy nhiệm vụ cơ bản sau đây.

Một là, Nhà nước tác động, thúc đẩy mạnh mẽ lực lượng sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững; thực hiện được mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi nhóm các nước nghèo, kém phát triển và đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra, Việt Nam phải thực hiện bằng được chỉ tiêu kế hoạch là cứ sau 10 năm, GDP tăng gấp 2 lần. Điều này hoàn toàn tùy thuộc có tính quyết định vào vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Hai là, Nhà nước hướng các hoạt động kinh tế vào thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, bảo đảm tăng trưởng kinh tế hài hòa với công bằng và tiến bộ xã hội. Điều này bắt nguồn từ bản chất của chế độ ta là nhân dân lao động làm chủ. Theo đó, các công dân, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng trước pháp luật, được tự do đầu tư sản xuất - kinh doanh theo quy định của pháp luật để tạo ra nhiều của cải làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước. Sự công bằng phải được Nhà nước bảo hộ bằng luật pháp, bằng các chính sách và cơ chế trên cả 3 mặt cơ bản: công bằng trong sử dụng các nguồn lực của xã hội (tài nguyên, nguồn vốn, môi trường và điều kiện hoạt động); công bằng trong các quan hệ kinh tế, cạnh tranh thị trường; công bằng trong phân phối kết quả sản xuất xã hội cũng như trong việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và góp phần bảo vệ

môi trường xã hội, môi trường sinh thái. Như vậy, vấn đề mấu chốt là Nhà nước thực hiện sự kết hợp hài hòa, bảo đảm sự thống nhất biện chứng, tác động và thúc đẩy lẫn nhau giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội; trong đó, việc giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc là một nội dung quan trọng.

Ba là, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo đường lối đối ngoại của Đảng, tạo điều kiện cho nền kinh tế vận hành một cách cân đối, ổn định, đúng hướng, hiệu quả. Các giải pháp chính yếu cần thực hiện là Nhà nước sử dụng các công cụ quản lý vĩ mô (luật pháp, kế hoạch, chính sách, các đòn bẩy kinh tế) để tác động, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu sản phẩm... từ đó hình thành cơ cấu nền kinh tế hợp lý và ngày càng hiện đại; ổn định quan hệ cung - cầu, ổn định giá cả, ổn định giá trị đồng tiền, chống lạm phát, tăng khả năng giải quyết việc làm, chống thất nghiệp. Mặt khác, chú trọng phát triển khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (đã được xác định là then chốt, là quốc sách hàng đầu) vừa là yêu cầu để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nước, vừa là điều kiện để mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm tranh thủ nguồn lực và sức mạnh bên ngoài; khai thác, tận dụng triệt để các nguồn lực trong nước, tạo sức mạnh nội sinh cho phát triển sản xuất, hiện đại hóa nền kinh tế vận hành theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ nói trên, Nhà nước cần sử dụng đồng bộ, hợp lý, linh hoạt các phương pháp quản lý vĩ mô, đó là.

Về *phương pháp hành chính*, Nhà nước sử dụng quyền lực hành chính tổ chức của mình để điều tiết các quan hệ quản lý có tính cưỡng bức đơn phương của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý, nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương, an ninh xã hội và bảo đảm lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế, qua đó bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho quá trình phát triển.

Về *phương pháp kinh tế*, Nhà nước sử dụng sức mạnh vật chất và tiềm lực kinh tế của mình để tác động, điều chỉnh, chi phối hoạt động sản xuất - kinh doanh của các chủ thể kinh tế. Đây là phương pháp tác động mềm dẻo, trong đó dùng lợi ích vật chất để khuyến khích các hoạt động kinh tế hướng theo các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Đây cũng là phương pháp quản lý hết sức cơ bản, vừa thể hiện quan điểm dân chủ hóa đời sống kinh tế, vừa có vai trò tác động sâu, rộng và hiệu quả để phát triển mạnh nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về *phương pháp tâm lý*, Nhà nước thông qua các tổ chức và phương tiện để tuyên truyền, giáo dục để động viên, khuyến khích các chủ thể kinh tế và người lao động phát huy truyền thống tốt đẹp, các giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo tinh thần không đơn thuần là đạt lợi nhuận bao nhiêu, mà là đạt được lợi nhuận đó bằng cách nào.

Tóm lại, trình độ, năng lực và hiệu quả quản lý của nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế, xét trên tầm vĩ mô cũng như đối với từng lĩnh vực, ngành và từng địa phương là yếu tố có ý nghĩa quyết định trực tiếp, bảo đảm cho kinh tế thị trường nước ta không ngừng ổn định, tăng trưởng và bảo đảm vận hành đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. □

Những chuyển biến tích cực trong công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài năm 2005

NGUYỄN PHÚ BÌNH *

NĂM 2005 là năm có nhiều chuyển biến tích cực trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Cuộc sống của cộng đồng tiếp tục ổn định và hòa nhập vào xã hội nơi cư trú. Một số không nhỏ, nhất là kiều bào thế hệ thứ hai, thứ ba đã có vai trò, vị trí nhất định và ngày càng cao trong xã hội sở tại; lực lượng trí thức kiều bào, nhất là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ tiên tiến, những ngành mũi nhọn ngày càng nhiều. Đây thực sự là một nguồn lực chất xám vô cùng quý báu, nếu được phát huy sẽ góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển đất nước.

Hoạt động của các hội đoàn được củng cố và đẩy mạnh, đặc biệt ở Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Nga và các nước Đông Âu như Séc, Ba Lan, U-crai-na, Đức... góp phần gắn kết cộng đồng, giúp đỡ nhau làm ăn, hướng về đất nước, làm cầu nối hữu nghị giữa nước sở tại với Việt Nam. Nhiều hội đoàn, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nghề nghiệp, đồng hương người Việt tại Mỹ và các nước phương Tây đã có những hoạt động hợp tác khoa học, nhân đạo trợ giúp đồng bào trong nước...

Kiều bào ngày càng phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách đổi mới của Đảng

và Nhà nước ta. Xu hướng gắn bó với đất nước ngày càng tăng mà biểu hiện cụ thể sinh động là số kiều bào về nước năm 2005 dự kiến tăng 10% - 15% so với năm trước, đạt khoảng 480.000 lượt người; số vốn kiều bào đầu tư về trong nước, số tiền kiều hối bà con gửi về nước ngày càng tăng, năm nay cao hơn năm trước. Ngày càng có nhiều hoạt động của kiều bào trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, từ thiện... chia sẻ với bà con trong nước những khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

Điểm mới đáng chú ý là tại một số địa bàn còn phức tạp, bà con đã từ thái độ im lặng chuyển sang công khai đấu tranh, lên tiếng phản đối các hoạt động chống đối đất nước của số ít người Việt phản động cực đoan. Nhiều người đã trực diện tham gia đấu tranh tại nghị trường, bày tỏ thái độ ủng hộ Nhà nước Việt Nam, ủng hộ phát triển quan hệ giữa các nước với Việt Nam. Nhiều kiều bào đã công khai viết bài, trả lời phỏng vấn, lên tiếng phản đối các hoạt động chống phá Việt Nam của một số nhóm người Việt cực đoan. Các hội đoàn đã chủ động vận động kiều bào tẩy chay

* Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài

các hoạt động chống đối, trực diện đấu tranh, vạch trần bộ mặt bọn phản động.

Nhân tố quan trọng nhất tác động tích cực đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, làm cho bà con thêm phấn khởi, tin tưởng và yên tâm, hướng về cội nguồn chính là những thành tựu về kinh tế, văn hóa và xã hội ở trong nước và vị thế quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước có kiều bào sinh sống được tăng cường hơn bao giờ hết.

Năm 2005 cũng là năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết này. Đây cũng là một nhân tố rất quan trọng làm cho bà con ngày càng gắn bó với đất nước. Trong năm 2005, các ngành, các cấp, các địa phương rất tích cực triển khai thực hiện và đã giành được những kết quả rất đáng khích lệ, thể hiện ở các mặt:

Thứ nhất, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ công dân theo quy định của pháp luật

Trong các chuyến thăm hữu nghị các nước, lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đều yêu cầu chính phủ các nước tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào ta ở các nước này ổn định cuộc sống, hòa nhập với nước sở tại.

Chính phủ ta cũng đã ký kết một số thỏa thuận về lãnh sự với các nước, đồng thời, các cơ quan đại diện ngoại giao ta ở nước ngoài cũng coi công tác bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người Việt Nam ở nước ngoài là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của mình.

Thứ hai, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là “một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam”

Năm 2005 là năm có nhiều đoàn kiều bào về quê hương tham dự các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn trong nước như đoàn kiều

bào tiêu biểu về thăm quê hương, đón Tết Ất Dậu, đoàn đại biểu kiều bào dự Quốc lễ Giỗ Tổ Hùng Vương; đoàn Việt kiều có công về thăm đất nước và dự Lễ kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Ngoài ra, kiều bào được tạo điều kiện thuận lợi tham gia cuộc thi tìm hiểu 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tham dự Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VII...

Với chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, ông Nguyễn Cao Kỳ đã được về thăm đất nước nhiều lần; thiền sư Thích Nhất Hạnh và 190 tăng thân Làng Mai về thăm đất nước trong 3 tháng; nhạc sĩ Phạm Duy được hồi hương và một số tác phẩm của ông đã được phổ biến ở trong nước.

Thứ ba, luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một nguồn lực của dân tộc

Với quan điểm nhất quán coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một nguồn lực của dân tộc, nhiều chính sách, biện pháp đã và đang được rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới theo hướng ngày càng thuận lợi hơn cho bà con kiều bào, đặc biệt là tạo điều kiện thuận lợi cho bà con gửi tiền về cho thân nhân trong nước, đầu tư, làm ăn, đóng góp chất xám ở quê hương... Đề án “Chính sách và biện pháp thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài” đang được xây dựng nhằm thu hút trí thức, doanh nhân, nhà đầu tư kiều bào về hợp tác với trong nước. Các cơ quan trong nước đã phối hợp tổ chức thành công Hội thảo “Trí thức kiều bào với sự nghiệp xây dựng quê hương” nhằm tranh thủ nguồn lực chất xám trong kiều bào. Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu hoặc cơ sở sản xuất ngày càng chú trọng mời các chuyên gia, trí thức kiều bào về làm việc, giảng dạy, chuyển giao công nghệ và giúp đỡ các ngành, địa phương, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục...

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, văn hóa, phục vụ cộng đồng

Trong năm 2005, công tác thông tin, các hoạt động giao lưu văn hóa cũng được chú trọng thúc đẩy, hỗ trợ, giúp kiều bào hiểu rõ tình hình trong nước. Bà con được tiếp cận và cập nhật với nhiều thông tin về tình hình trong nước qua các chương trình phát thanh, truyền hình, báo chí (VTV4, Đài Tiếng nói Việt Nam phủ sóng rộng rãi và phát liên tục, Tạp chí Quê Hương, các báo điện tử khác, kể cả Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường thông tin hướng về kiều bào...).

Các hoạt động giao lưu giữa cộng đồng với trong nước được mở rộng như Chương trình “Văn hóa về nguồn” nhân dịp Kỷ niệm Quốc khánh 2-9; nhiều đoàn nghệ thuật trong nước đi biểu diễn phục vụ cộng đồng ở nhiều nước, nhiều nghệ sỹ kiều bào về nước biểu diễn... Việc hỗ trợ cộng đồng dạy và học tiếng Việt đang được các cơ quan trong nước và ở nước ngoài phối hợp triển khai.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường quan tâm đến thế hệ thứ hai, thứ ba trong cộng đồng

Năm thứ hai liên tiếp tổ chức Trại hè Việt Nam 2005 cho gần 100 thanh, thiếu niên kiều bào; mở lớp học tiếng Việt cho thanh niên Việt kiều Pháp, mở rộng các hình thức giao lưu giữa thanh niên kiều bào với thanh niên trong nước thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, thanh niên tình nguyện...

Thứ sáu, tăng cường hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Sau 2 năm hoạt động đã tài trợ nhiều dự án hỗ trợ về giáo dục cho cộng đồng ở một số địa bàn khó khăn, tổ chức cho thanh niên, trí thức kiều bào tiêu biểu về nước giao lưu, làm việc... tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa bà con kiều bào với trong nước.

Tuy nhiên, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài cũng còn nhiều bất cập. Ngoài những nguyên nhân do khó khăn chung của đất nước, một số nội dung trong Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ thuộc trách nhiệm của một số bộ, ngành còn chậm được triển khai so với lộ trình. Ở một số địa phương, cơ sở, việc thực hiện các chính sách, chủ trương đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được thực hiện một cách nghiêm túc và nhất quán. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh đến chính sách đại đoàn kết dân tộc, song trên một số vấn đề nhạy cảm, phức tạp chưa thực sự có chuyển biến đồng bộ trong nhận thức và hành động.

Một số nguyện vọng chính đáng của bà con chậm được giải quyết thỏa đáng như: nhu cầu học tiếng Việt; những thủ tục và khó khăn về hành chính trong đầu tư, kinh doanh, xuất nhập cảnh, cư trú, mua nhà, quốc tịch, hồi hương; chính sách đối với trí thức kiều bào, thu hút đầu tư, giải quyết các vấn đề tâm linh, nhân đạo... Trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, tâm trạng chung là mong muốn Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ cần sớm được thể chế hóa bằng các chính sách cụ thể phù hợp với tình hình mới.

Mặc dù còn có những hạn chế nêu trên, với những chính sách và biện pháp đã và sẽ được ban hành trong thời gian tới, hy vọng rằng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài sẽ có nhiều thuận lợi để duy trì các mối quan hệ gắn bó với quê hương, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, thân ái, cùng với đồng bào trong nước chung sức xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hùng cường, một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. □

HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI KINH TẾ: *nhìn lại để biết chúng ta đang ở đâu, tiếp tục đi lên như thế nào ?*

LÊ XUÂN ĐÌNH - NGUYỄN HOÀNG HẢI *

TRẢ lời cho câu hỏi nêu trên vừa khó, lại vừa không khó. Không khó bởi những thành tựu mà chúng ta đạt được đã rất rõ ràng. Khó bởi vì, làm sao xác định được hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu. Thấy được một cách toàn diện mọi vấn đề, thuận lợi và khó khăn, cái được và cái chưa được để có bước đi thích hợp hơn trong thời gian tới, thiết nghĩ, cũng là điều rất quan trọng trên bước đường đi tới của đất nước.

Về kinh tế, so với 20 năm trước, nhất là lúc đất nước đang rơi vào "con lốc xoáy" của cuộc khủng hoảng kinh tế, lạm phát phi mã, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã..., thì đạt được những kết quả như ngày hôm nay thật sự là một kỳ tích. Điều đó đã được bạn bè trên thế giới và chuyên gia nhiều nước đánh giá cao.

Nhiều người trong chúng ta chắc hẳn còn nhớ, lúc đất nước trong cơn suy thoái kinh tế, mỗi sớm mai thức dậy tự hỏi: không biết như thế này thì đã đến "lòng chảo" hay chưa!?, và đến khi nào nó sẽ sang "mép" bên kia của thành chảo để nền kinh tế bắt đầu đi lên, thoát khỏi khủng hoảng.

Thế mà, "chiếc đu đưa thần" của đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã xoay chuyển được

tình thế; trong đó, điều quan trọng nhất phải kể đến là sự thay đổi một cách căn bản về tư duy kinh tế, về nhận thức trên các mặt. Cụ thể là:

- Từ chỗ chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, tập trung cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, đề cao vai trò của kế hoạch hóa

tập trung, phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch..., thì nay đất nước đã định hình rõ con đường xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

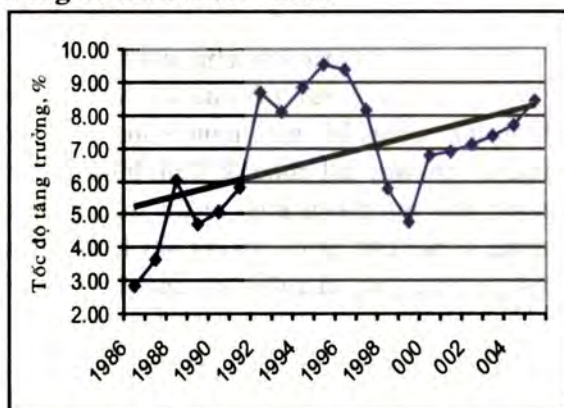
- Thực hiện có kết quả chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó các thành phần kinh tế đều được tạo điều kiện phát triển, tồn tại lâu dài, đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân hoạt động theo pháp luật và cạnh tranh bình đẳng. Luật Doanh nghiệp năm 2000, Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 đã cơ bản tạo được những khung pháp lý quan trọng để các doanh nghiệp phát triển bình đẳng, nhất là từ khi có Luật Cạnh tranh ra đời. Mọi loại hình doanh nghiệp đã bắt đầu có môi trường để thi thố, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm mới có chất lượng cho nhu cầu của xã hội. Khi trong nước các thành phần kinh tế được phát triển, thì đầu tư nước ngoài cũng được thu hút ngày càng nhiều hơn. Tính đến tháng 6-2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép và còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 43 tỉ USD. Riêng năm 2005,

* Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa, Hà Nội

cả nước đã có trên 700 dự án FDI được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký trên 3,6 tỉ USD và 500 lượt dự án tăng vốn đầu tư với tổng số trên 2 tỉ USD. Năm 2005, số vốn đầu tư mới và vốn tăng thêm đã làm cho tổng số vốn FDI đạt trên 5,6 tỉ USD, tăng 41,7% so với năm 2004.

- Kết quả của nền kinh tế nước ta trong gần 20 năm đổi mới được thể hiện khá rõ trong "bức tranh" chung về tốc độ tăng trưởng. Điều đó được hình dung qua Biểu đồ sau:

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP trong 20 năm 1986 – 2005



Chú thích: Đường thẳng là xu hướng (Trend) được xác định từ xử lý số liệu thực tế mức độ tăng trưởng trong 20 năm

Qua Biểu đồ 1 cho thấy, kinh tế nước ta đang lấy lại đà tăng trưởng cao như những năm 1995 (9,54%) và năm 1996 (9,34%), và đã đạt mức cao nhất từ năm 1997 tới nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 tăng 8,4% (mục tiêu đề ra 8,5%). Đây là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và rất đáng tự hào, trân trọng bởi trong năm qua nước ta gặp nhiều khó khăn khách quan cũng như những tác động tiêu cực từ bên ngoài, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế.

- Một thành tựu nổi bật nữa là chúng ta đã làm tốt việc đưa kết quả tăng trưởng kinh tế đến với mọi người. Điều đó thể hiện rõ trong Chỉ số phát triển con người (HDI). Nếu năm 1995 HDI của Việt Nam đạt 0,539, thì

năm 2004 con số đó đã là 0,691; đến năm 2005 vươn lên được 4 bậc (đạt 0,704), đứng thứ 108 trong số 177 nước được xếp hạng. Đáng lưu ý là chỉ số HDI của Việt Nam tăng liên tục trong suốt 10 năm qua, năm sau cao hơn năm trước. Trong danh sách xếp hạng các nước trên thế giới, vị trí HDI của Việt Nam luôn đứng cao hơn vị trí xếp hạng GDP. Nhiều mục tiêu "Thiên niên kỷ" của Việt Nam, như xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, tuổi thọ trung bình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em... đã hoàn thành trước thời hạn.

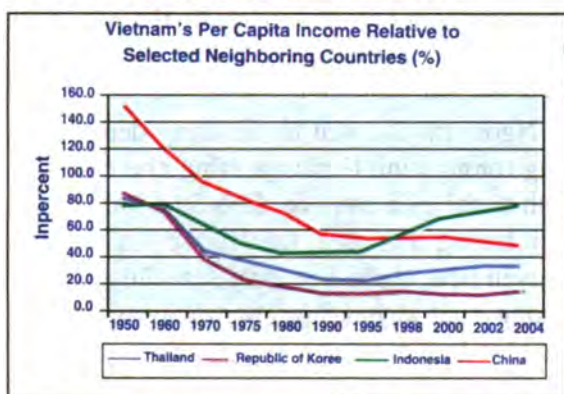
Nhưng tổng kết thành tựu kinh tế 20 năm đổi mới có một thực tế là, khoảng quá nửa quãng thời gian động lực tăng trưởng có được chủ yếu là do "cởi trói", "phá rào" trên cơ sở từng bước xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Những khâu đột phá thực sự từ chính sách chỉ trong khoảng 5 - 6 năm gần đây, rõ nét nhất là từ khi có Luật Doanh nghiệp ra đời. Bởi vậy, động lực mạnh mẽ của chính sách phân lớn mới đang ở dạng tiềm năng trong quá trình xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường và trong chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Lý giải điều đó có mấy lý do sau:

Thứ nhất, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta đạt được là cao, có nhiều năm đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Trung Quốc, nhưng do điểm xuất phát thấp, tiềm lực kinh tế của Việt Nam còn nhỏ bé, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và thế giới đang là một thách thức lớn. Thu nhập trung bình đầu người của Việt Nam năm 2004 đạt 530 USD, năm 2005 là 640 USD (gấp 1,5 lần so với năm 2001), chưa vượt ranh giới 736 USD (để sang nhóm nước có thu nhập trung bình). Nghĩa là, đến nay nước ta vẫn còn nằm trong nhóm những nước có thu nhập bình quân đầu người vào loại thấp trên thế giới.

Nhìn lại trong lịch sử, có tài liệu cho biết năm 1950, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam gấp rưỡi Trung Quốc (150%), bằng 85,5% của Hàn Quốc, và bằng khoảng

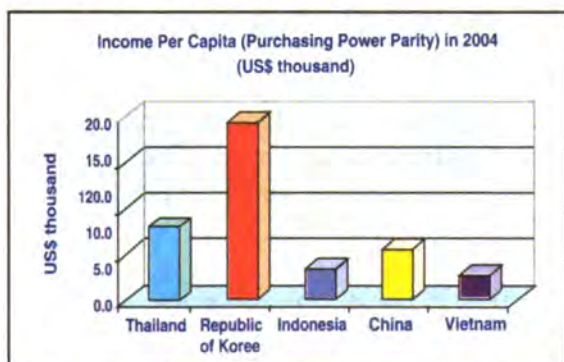
79% - 80% của Thái Lan, In-đô-nê-xi-a. Nay Việt Nam chỉ bằng 1/2 Trung Quốc và khoảng 14,1% của Hàn Quốc. Theo Biểu đồ 2, khoảng cách tụt hậu này có phần giảm đôi chút (đường cong đi lên) từ sau 1997 so với Thái Lan và In-đô-nê-xi-a (gần đạt mức chênh lệch với In-đô-nê-xi-a cách nay hơn 50 năm). Đây có thể là do nền kinh tế của hai nước này bị thiệt hại nặng nề bởi cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á vào thời gian đó.

Biểu đồ 2: Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam trong mối tương quan với một số nước trong khu vực (%)



Trên Biểu đồ 3 là số liệu về GDP tính theo đầu người theo cách tính sức mua tương đương (PPP) của giá trị đồng tiền Việt Nam (năm 2004 Việt Nam đạt 2.700 USD).

Biểu đồ 3: Thu nhập bình quân đầu người năm 2004 tính theo sức mua tương đương PPP, nghìn USD



Thứ hai, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa cao, đang có xu hướng giảm trong mấy năm gần đây. Điều đó thể hiện rõ nhất trên chỉ số

ICOR (tăng từ 3 của 10 năm trước lên 5 - 7 hiện nay), trong tăng trưởng GDP, phần vốn đầu tư đã tăng lên tới trên 57% năm 2005. Môi trường đầu tư tuy đã có nhiều thông thoáng, nhưng hạn chế cơ bản nhất là chưa tạo được cơ chế phù hợp để những luồng vốn đầu tư trong nước được huy động tối đa cho phát triển sản xuất (ước tính còn khoảng 1/3 vốn nhàn rỗi trong nhân dân đang nằm dưới dạng tích trữ vàng, ngoại tệ và đầu cơ bất động sản - đất đai); vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư nhà nước chưa chảy một cách phù hợp với quy luật thị trường, nghĩa là từ nơi có tỷ suất lợi nhuận thấp sang nơi có tỷ suất lợi nhuận cao. Cụ thể là, đầu tư ngân sách vẫn chủ yếu (khoảng 80%) đang được rót vào khối doanh nghiệp nhà nước với hiệu quả sử dụng thấp. Tiên độ sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Đã thế, hệ thống ngân hàng thương mại vẫn nặng về cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước (để được bảo đảm an toàn vì có Nhà nước bảo lãnh - tín chấp), đối với khu vực kinh tế khác thì nặng về cầm cố trong cơ chế cho vay, chưa thực sự cùng với nhà đầu tư tìm cách sử dụng vốn vay thật hiệu quả. Nghèo mà không biết chất chiu từng đồng vốn, không đưa vốn vào nơi hệ số sử dụng hiệu quả cao, thì chưa làm được việc "chọn mặt gửi vàng". Đây là một cản trở lớn đối với việc rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và thế giới.

Thứ ba, trong quá trình thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng là chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta còn lúng túng trong việc lựa chọn cơ cấu kinh tế hợp lý, gấp rút nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả 3 cấp độ: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Sức cạnh tranh của một số mặt hàng công nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu vào thị trường khu vực theo lộ trình thực hiện AFTA và chuẩn bị gia nhập WTO của Việt Nam. Công nghiệp khu vực nhà nước tăng trưởng chậm. Sau 5 năm thâm hụt thương mại liên tục gia tăng, thì năm 2005 đã có dấu

hiệu giảm khoảng 1 tỉ USD, còn 4,65 tỉ USD (năm 2004 con số đó là 5,52 tỉ USD), trong đó dầu thô, thủy hải sản và gạo đã góp phần đáng kể vào việc tăng kim ngạch xuất khẩu. Muốn đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới, giảm dần thâm hụt trong cán cân thương mại, nhất thiết phải điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu, nhất là tập trung tăng tỷ trọng những mặt hàng công nghiệp, mặt hàng có nhiều giá trị gia tăng (hiện nay, nước ta mới đạt khoảng 25%, trong khi đó Trung Quốc đã vươn lên mức 90%) thay vì xuất khẩu tài nguyên và hàm lượng lao động cao như hiện nay.

Thứ tư, một số vấn đề về tư duy, lý luận còn biểu hiện giáo điều, xơ cứng. Chẳng hạn như nhận thức về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, về sự phát triển và quy mô của khu vực kinh tế tư nhân, về sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp... Điều đó làm cho việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững... chưa thực sự thống nhất với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong chỉ đạo thực tiễn. Trong nhiều chủ trương, chính sách, thời kỳ "cởi trói" đã qua, nay phải tập trung vào việc tạo động lực cho phát triển nhanh, nhất là động lực mạnh mẽ từ chủ trương, chính sách trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Bởi vậy, hệ thống hành chính phải chuyển mạnh từ "cai trị là chính" sang "phục vụ", tham gia tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cho nhân dân để có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Trong lúc chúng ta rất dễ nhất trí trong việc thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài (1), lại rất dè dặt với đầu tư trong nước, nhất là đối với các dự án lớn (vì còn e ngại về sự ra đời và phát triển của các chủ tư bản lớn), hoặc các phương thức huy động vốn mới, như cổ phần hóa. Thực chất của sự hình thành xã hội tham dự, công chúng nắm giữ cổ phiếu, trở thành các cổ đông ở chỗ, như C. Mác đã nhận xét vào cuối thế kỷ XIX, là chính bản thân những công ty cổ phần của công nhân như là một loại nhà máy hợp tác, và đây chính là một "lỗ thủng" đầu tiên trong

hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sự đối kháng giữa lao động làm thuê và chủ tư bản đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó; mặc dầu ban đầu nó chỉ được xóa bỏ bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành những "nhà tư bản" với chính bản thân mình. Nghĩa là cho họ "có thể dùng tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ". Qua thực tế hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa mới thấy được rằng, khi lợi ích kinh tế của người lao động gắn chặt với cổ phần của họ trong công ty, thì vai trò làm chủ của họ mới đi vào thực chất, quy chế làm chủ, quy chế dân chủ mới thực sự phát huy tác dụng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, các yếu tố tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chung, cũng như cục diện kinh tế thế giới chưa ổn định, khó lường... đã ảnh hưởng lớn đến thị trường nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu cũng như thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, nhất là khi tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của nước ta đã vượt ngày một xa so với GDP, đồng nghĩa với sự lệ thuộc ngày một lớn vào thị trường thế giới. Thị trường trong nước phát triển chậm và không bền vững cả về lượng lẫn chất. Chưa có được những nhà phân phối lớn, trong lúc các nhà đầu tư nước ngoài đang rất muốn nhảy vào để chiếm lĩnh. Sức mua của dân cư, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng cao, vùng xa còn nhiều hạn chế do thu nhập và đời sống còn nhiều khó khăn. Chỉ số về bảo đảm công bằng trong phân phối GINI đang tăng lên dần. Lao động dư thừa, việc làm thiếu đang trở thành áp lực đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ lao động

(1) Trong đó, vấn đề quan trọng là chấp nhận tư bản nước ngoài bóc lột lao động trong nước, thế nhưng trên thực tế chưa có công trình nào đánh giá cụ thể về tỷ suất giá trị thặng dư. Trong khi đó, chẳng hạn có tài liệu nêu rằng, sản phẩm đồ chơi của Trung Quốc tuy đang tràn ngập thị trường châu Âu, nhưng chỉ có 2% - 3% giá bán là vào tay người lao động trực tiếp tại nơi sản xuất

qua đào tạo đến năm 2005 mới đạt 24% (kế hoạch đề ra là 30%). Sức ép về lao động, việc làm đối với lao động trẻ ở khu vực thành thị còn lớn do tỷ lệ thất nghiệp còn cao (13,4% năm 2005).

Thứ năm, nhiều việc còn trong tình trạng trì trệ, như: cải cách hành chính còn chậm, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, chưa tạo được lòng tin trong nhân dân, trật tự kỷ cương trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội còn nhiều bức xúc. Hai nhiệm vụ lớn trong những năm tới, thiết nghĩ là phải tập trung nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí. Hai nhiệm vụ này phải gắn bó mật thiết với nhau. Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên cả 3 cấp độ như đã nêu ở trên thì môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư cần phải gấp rút được cải thiện, trong đó vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là tính minh bạch của hệ thống pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật, cách ứng xử của đội ngũ cán bộ công quyền... Những vấn đề này đang làm tăng chi phí gián tiếp của đầu tư và kinh doanh một cách không minh bạch, khó lường do tệ tham nhũng, nhất là tệ đưa và nhận hối lộ, hạch sách của cán bộ, công chức.

Có thể nói một cách hình ảnh là chúng ta đang đi trên một con tàu, nhìn sang các tỉnh vật xung quanh thì thấy con tàu của chúng ta vẫn đang chạy với tốc độ khá nhanh; trong khi nhìn vào "các con tàu" của nền kinh tế các nước, thì thấy con tàu của chúng ta chạy còn chậm, thậm chí là thụt lùi so với một số đoàn tàu khác. Để khắc phục tình trạng đó, nhằm thực hiện quyết tâm tiến lên, rút ngắn dần khoảng cách tụt hậu, thì phải "cắn" lấy các con tàu đang chạy nhanh hơn để chúng ta điều chỉnh tốc độ, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc trên đường đi, trong đó có tư duy kinh tế còn chậm đổi mới; quyết tâm hành động thật kiên quyết, nhưng phải khắc phục giáo điều và tránh chủ quan, duy ý chí. □



Để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội

NGUYỄN VĂN HUYỀN *

DỰ thảo Văn kiện trình Đại hội lần thứ X của Đảng nhấn mạnh: *Bảo đảm gắn kết giữa phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội.* Điều đó cho thấy văn hóa là một trong ba lĩnh vực chủ yếu của đời sống: kinh tế, xây dựng Đảng và văn hóa. Kinh tế là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển xã hội; sự lãnh đạo của Đảng là kim chỉ nam định hướng cho xã hội đi, là khoa học và nghệ thuật xây dựng đất nước; xã hội vừa là hệ quả của phát triển kinh tế và xây dựng Đảng, vừa là nhân tố tác động trở lại đối với sự phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và văn hóa. Văn hóa mang bản chất nhân đạo, nhân văn và trí tuệ, cho nên là nguồn năng lượng và động lực mạnh mẽ của phát triển kinh tế, xã hội.

Trong nhận thức hiện đại, và từ cách tiếp cận triết học mác-xít, văn hóa không chỉ là đời sống tinh thần của con người - xã hội, mà từ trong bản chất, nó là máu thịt, hệ thần kinh của một xã hội, là sức sống dân tộc và cũng là sức mạnh trường tồn của dân tộc, của thời đại. Văn hóa không phải là toàn bộ đời sống con người -

xã hội, nhưng là phần cốt tủy, là tinh hoa được chưng cất, kết tụ nên bản chất, bản sắc, linh hồn của dân tộc, của thời đại; nó được thăng hoa từ hơi thở cuộc sống, từ năng lực và trình độ của mỗi cá nhân, cộng đồng; và đến lượt mình, nó lại có mặt trong mọi hoạt động từ suy tư đến hành động, từ hoạt động cá nhân đến hoạt động xã hội, từ hoạt động vật chất đến hoạt động tinh thần. Sự phát minh, sáng chế, sáng tạo ra những giá trị mới... của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, của văn học, nghệ thuật lại càng thể hiện sức mạnh đó của văn hóa.

Chính vì vậy, từ thập kỷ cuối của thế kỷ XX (1988 - 1997), UNESCO đã phát động phong trào văn hóa và phát triển trên toàn thế giới. Tất cả các quốc gia trên thế giới hưởng ứng phong trào văn hóa với phát triển và văn hóa vì phát triển. Ở đó, tư tưởng chỉ đạo là xây dựng một xã hội có đời sống tinh thần cao, phát triển kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, phát triển con người.

Trên nền tảng văn hóa truyền thống Việt Nam, cùng với tinh thần văn hóa và phát triển của thế giới đương đại, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm và đề cao văn hóa trong phát triển đất nước, phát triển xã hội và phát triển con người. Đảng ta khẳng định: văn hóa - nghệ thuật là nơi đáp ứng tốt những nhu cầu cao của nhân dân và phát triển những phẩm chất cao quý của con người.

Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã khẳng định: *Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.* Đây là một nhận thức mới của Đảng ta về văn hóa, nó thể hiện trí tuệ và tầm lý luận cao của Đảng. Đảng ta coi văn hóa không chỉ là mục tiêu phấn đấu vươn tới những giá trị cao đẹp cho cuộc sống, đây là bản chất của nền

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chính trị Việt Nam, mà còn đặc biệt quan tâm vai trò và sức mạnh của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội: văn hóa là sức sống, là sức mạnh của sự phát triển kinh tế - xã hội, là động lực thúc đẩy mọi hoạt động sống của con người, từ kinh tế, chính trị đến xã hội.

Văn hóa được Đảng ta coi là mục tiêu của *xây dựng nền kinh tế - nền kinh tế thị trường* định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời văn hóa cũng là nội lực mạnh mẽ của việc *xây dựng nền kinh tế* đó. Truyền thống văn hóa, sức mạnh văn hóa trong lực lượng sản xuất (nguồn lực con người); trình độ tổ chức lao động sản xuất, quản lý kinh tế - xã hội... là động lực bên trong của quá trình kinh tế, của phát triển xã hội và con người.

Văn hóa là mục tiêu của *sự nghiệp xây dựng Nhà nước* - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, một nhà nước không chỉ bảo đảm hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội, mà cái cuối cùng là một nhà nước nhân đạo, nhân văn.

Văn hóa đồng thời cũng là mục tiêu của *sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa*. Công nghiệp hóa - hiện đại hóa là yêu cầu tất yếu của sự phát triển một đất nước, quốc gia như Mác từng chỉ báo: xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội hiện đại với nền công nghiệp hiện đại. Nhưng công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam không chỉ vì một nền công nghiệp hiện đại, mà còn là vì một cuộc sống hiện đại và tiên tiến, từng bước đáp ứng và thỏa mãn các nhu cầu nhân đạo, nhân văn của mọi tầng lớp nhân dân.

Mục tiêu phát triển của xã hội Việt Nam là xây dựng một đất nước dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Ở đó tăng trưởng kinh tế đi liền với công bằng xã hội, phát triển kinh tế đi liền với nâng cao chất lượng cuộc sống toàn xã hội. Mô hình phát triển Việt Nam là mô hình của một xã hội phát

triển hài hòa vật chất - tinh thần, kinh tế - văn hóa - xã hội, cá nhân - tập thể - cộng đồng.

Đảng ta chủ trương *văn hóa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội*. Văn hóa nằm trong và hiện thân trong lực lượng sản xuất, trong từng cá nhân có tri thức, trí tuệ, kỹ năng hoạt động; văn hóa nằm trong và hiện thân cả trong trình độ và năng lực tổ chức nhà nước, tổ chức cơ quan, trong doanh nghiệp. Chỉ có một tổ chức, một cơ quan, một xí nghiệp, doanh nghiệp có văn hóa mới đem lại hiệu quả hoạt động và kết quả quản lý, sản xuất, chất lượng cao.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, vì thế, không chỉ là mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa. Nói đầy đủ, đó là xây dựng nội lực, sức mạnh của văn hóa Việt Nam, từ đó xây dựng sức mạnh của dân tộc, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy đất nước tiến nhanh cùng các nước trong khu vực và thế giới. Sự phát triển của dân tộc trong thế giới đương đại rõ ràng không thể thiếu yếu tố văn hóa. Triết lý phát triển hiện đại bảo đảm phát triển vì tiến bộ xã hội phải là phát triển nhân văn bền vững. Đây là mô hình phát triển thể hiện đầy đủ chất văn hóa. Chúng ta có ưu thế của việc thực hiện mục tiêu đó: truyền thống văn hóa Việt Nam là nhân đạo, nhân văn; lịch sử xây dựng văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam là theo hướng nhân văn. Đây là cơ sở nền tảng để toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa đúng yêu cầu của mình. Những thách thức lớn cũng đặt ra đối với chúng ta: phát triển bền vững trong điều kiện hiện đại không thể tách rời cộng đồng thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế và từ đó dẫn tới toàn cầu hóa nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội trong thế giới đương đại đang là bài toán khó đối với việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiên tiến và dân tộc là hai yếu tố quan hệ, tác động biện chứng với nhau. Dân tộc là nền tảng của tiên tiến; truyền thống là cơ sở của hiện đại; không có truyền thống thì không thể có hiện đại vững chắc - sự phát triển không có "gốc" văn hóa. Tiên tiến và hiện đại bổ sung cho truyền thống, làm cho truyền thống phong phú bằng những phẩm chất mới phù hợp với thời đại. Vậy là nền văn hóa tiên tiến, chất tiên tiến và chất hiện đại của văn hóa luôn gắn liền với bản sắc, truyền thống - đó là cái chính mình. Vấn đề đặt ra hết sức nan giải là mở cửa, hội nhập để giao lưu nhằm tiếp thu những giá trị văn hóa thế giới mà mình không bị hòa tan, không bị đồng hóa. Sự tiếp thu, tiếp biến các yếu tố văn hóa đó đang diễn ra từng ngày, từng giờ trong xã hội ta: tác phong, lối sống, lễ sống, mục đích sống,.. đang có những diễn biến phức tạp từ ngoài vào trong, từ nông đến sâu trong con người Việt Nam, đặc biệt ở thế hệ trẻ. Trong những diễn biến đó có rất nhiều yếu tố tiến bộ, tiên tiến, nhưng cũng rất nhiều yếu tố tác hại đến giá trị văn hóa truyền thống, tạo nguy cơ xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc. Khi giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc bị xói mòn, mờ nhạt thì rõ ràng, theo cách lý giải bản sắc văn hóa đã trình bày trên, văn hóa không bảo toàn được sức sống và sức mạnh nội tại cho sự phát triển kinh tế - xã hội - con người.

Vấn đề có tính quyết định hàng đầu đối với việc bảo toàn, tiên tiến hóa và hiện đại hóa bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, tạo sức đề kháng trước sự tấn công của phản văn hóa là xây dựng nền văn hóa với tư cách là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực cơ bản sau:

Đẩy mạnh *sự nghiệp xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đây thực chất là xây dựng nền kinh tế theo mục tiêu văn hóa; kinh tế lấy bản chất văn hóa làm mục tiêu. Nền kinh tế thị trường lấy lợi nhuận phục

vụ lợi ích xã hội, lợi ích người lao động; phát triển kinh tế nhằm nâng cao chất lượng sống con người và đời sống xã hội theo tiêu chí công bằng, tiến bộ, văn minh.

Đẩy mạnh *sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*. Đây thực chất là xây dựng nhà nước theo tiêu chí văn hóa: nhà nước của dân, do dân, vì dân, quyền lực thuộc về nhân dân, do nhân dân làm chủ. Để thực hiện mục tiêu chính trị của mình, nhà nước hoạt động nhằm đem lại phúc lợi của nhân dân. Đó là xây dựng văn hóa nhà nước - một nhà nước bảo đảm chất nhân văn theo lý tưởng cao đẹp của con người, của nhân dân Việt Nam.

Công nghiệp hóa - hiện đại hóa không chỉ là hiện đại hóa các yếu tố khoa học - công nghệ trong kinh tế - xã hội, trong nhà nước pháp quyền, mà điều quan trọng là hiện đại hóa tư duy, cách nghĩ, lối sống con người, tạo nên một lối sống hiện đại phù hợp với các chuẩn mực, tiêu chí tiên tiến của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng.

Phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tiêu chí văn hóa chính là nền tảng của việc xây dựng và phát triển lối sống mới, phù hợp lối sống xã hội chủ nghĩa; phát huy các giá trị truyền thống dân tộc; hình thành các chuẩn mực văn hóa tiên tiến và hiện đại trên cơ sở một xã hội phát triển. Xây dựng và phát triển đời sống tinh thần của nhân dân, của xã hội, làm cho chúng trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và thành mục tiêu phấn đấu vươn lên không ngừng của con người Việt Nam; lấy giá trị, chuẩn mực văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam làm cơ sở, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và những giá trị văn hóa thế giới hiện đại, bổ sung và làm phong phú giá trị văn hóa Việt Nam theo tiêu chí tiến bộ.

Mặt thứ hai, để văn hóa trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, về nguyên tắc, phải

thực hiện *phát triển nội lực của văn hóa* - sức mạnh bên trong của văn hóa. Văn hóa không chỉ là các giá trị và nền tảng tinh thần, nó là *sức mạnh bản chất người, là trình độ con người, kỹ năng hoạt động của các chủ thể xã hội trong hoạt động sống* của mình. Văn hóa cộng đồng, dân tộc là trình độ, năng lực hoạt động sống của cộng đồng, dân tộc. Vậy, vấn đề đặt ra hiện nay của xây dựng và phát triển văn hóa với tư cách động lực phát triển kinh tế - xã hội là:

Nâng cao *văn hóa lao động*, tạo nội lực lao động, tăng hiệu quả và năng suất lao động... Với tư cách là sức mạnh bản chất người, văn hóa biểu hiện sức mạnh của mình trong năng lực và trình độ lao động sáng tạo ra của cải xã hội và các giá trị văn hóa quý báu. Sức mạnh văn hóa ấy được biểu hiện trong lao động. Nguồn lực con người chính là nguồn lực của lực lượng sản xuất. Phát triển năng lực lao động của nguồn lực con người chính là tạo ra sức mạnh của văn hóa trong mọi lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội.

Văn hóa tri thức là nguồn lực và sức mạnh phổ quát của phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Trong nguồn lực con người thì tri thức, sự hiểu biết - một thành tố rất quan trọng của văn hóa - yếu tố quy định trình độ tư duy, suy nghĩ, hành vi, tình cảm, xúc cảm, làm thành ý chí và bản lĩnh phấn đấu cho mục tiêu cuộc sống. Trang bị tri thức - tăng hiểu biết cho cá nhân, cho người lao động, cho nhân dân với tư cách là các chủ thể văn hóa cũng chính là nâng cao chất lượng đời sống xã hội, giáo dục, điều kiện và môi trường sống. Trong văn hóa tri thức, *văn hóa khoa học* là nhân tố trung tâm. Khoa học - công nghệ là chất kết tinh trình độ hiểu biết của con người, hình thành nhân lõi của văn hóa. Nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ chính là sự nghiệp giáo dục - đào tạo của quốc gia. Giáo dục - đào tạo hình thành nên những chủ thể có trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ cao. Nhưng điều cần nhất

trong giáo dục văn hóa hiện nay là đào tạo kỹ năng lao động trong chuyên môn, nghề nghiệp, là chuyển trình độ khoa học - công nghệ của chủ thể lao động vào trong hoạt động thực tiễn - đào tạo và rèn luyện kỹ năng hoạt động công nghệ cao. Văn hóa khoa học thể hiện cao ở khả năng chuyển khoa học - công nghệ vào hoạt động khoa học - công nghệ một cách hiệu quả nhất, tạo ra sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

Văn hóa tổ chức - quản lý là một yếu tố có khả năng nhân lên nhiều lần sức mạnh của tập thể lao động. Cùng một nguồn nhân lực như nhau, biết tổ chức và quản lý phù hợp nó sẽ huy động và phát huy cao độ sức sáng tạo của chủ thể lao động; tiềm năng lao động, hiệu quả hoạt động được nhân lên. Ngược lại, tổ chức và quản lý phi khoa học sẽ triệt tiêu hứng thú lao động, cảm hứng sáng tạo, lực lượng lao động mạnh sẽ trở thành yếu, thậm chí bị triệt tiêu. Công tác lãnh đạo, quản lý khoa học sẽ là yếu tố quyết định rất lớn đến hiệu quả hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội. Chính đó là văn hóa và tạo ra sức mạnh văn hóa trong hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội.

Mặt thứ ba, làm thế nào để phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa cho sự phát triển xã hội. Ngoài những nội dung trên, đây còn là *những vấn đề thuộc chính sách văn hóa*.

Để có *chính sách văn hóa* đúng, trước hết chúng ta, đặc biệt các nhà lãnh đạo phải quan niệm và đối xử với văn hóa đúng như nó vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Khắc phục quan niệm coi văn hóa chỉ là một lĩnh vực tinh thần của xã hội. Trong điều kiện xã hội hiện nay, khi đời sống vật chất còn là gánh nặng trong đời sống mỗi người, thì tinh thần thường chỉ được xem là yếu tố thứ yếu. Để xây dựng xã hội giàu mạnh, văn minh, chúng ta đang tập trung xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giá trị kinh tế dường như lấn át giá trị văn hóa trong quan

niệm của không ít người. Khẩu hiệu làm giàu kinh tế đã vô hình trung xem nhẹ giá trị văn hóa. Điều này làm sai lệch chuẩn mực giá trị văn hóa Việt Nam.

Cần có hệ thống chính sách phản ánh và đáp ứng đúng đắn các giá trị văn hóa trong hệ giá trị xã hội. Điều này không thể gò ép, chỉ thực hiện được cùng với việc nâng cao đời sống vật chất. Trong khi chúng ta quan niệm công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi bằng hai chân - văn hóa và xã hội, thì thực tế chúng ta đầu tư ngân sách cho văn hóa lại thiếu tương xứng. Hiện tại ở nước ta đầu tư cho y tế cao hơn văn hóa 6 lần; cho giáo dục cao hơn văn hóa 2,5 lần; cho khoa học - công nghệ cao hơn văn hóa 2 lần. Từ trước tới nay chưa bao giờ chúng ta đầu tư cho văn hóa quá 1,3% ngân sách nhà nước (tỷ lệ này áp dụng cho tất cả các địa phương).

Để văn hóa phát huy được thực sự sức mạnh của mình, ngoài nhận thức và quan niệm đúng, Đảng và Nhà nước phải có chủ trương, chính sách văn hóa thích hợp, phải có thể chế kích thích tiềm năng nội lực của văn hóa.

Thứ nhất, trang bị nội lực văn hóa cho từng chủ thể văn hóa. Văn hóa mang năng lượng hoạt động con người. Vậy, tăng cường nội lực cho các chủ thể văn hóa là trang bị cho con người tất cả các yếu tố tri thức, khoa học, sự hiểu biết, kinh nghiệm sống, trình độ hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, xây dựng và làm phong phú thế giới lý trí, tình cảm, trí tuệ, khả năng lao động, sáng chế, phát minh khoa học - kỹ thuật, sáng tạo nghệ thuật. Vận dụng các phương thức tư duy văn hóa chính là yếu tố đem lại khả năng đổi mới và tạo ra cái mới, hiệu quả hoạt động cao trong các lĩnh vực cuộc sống.

Thứ hai, tạo cơ chế cho việc phát huy tiềm năng động lực của văn hóa trong mỗi chủ thể văn hóa. Thỏa mãn nhu cầu là trung tâm của cơ chế kích thích. Lịch sử phát triển loài người chính là lịch sử con người theo đuổi mục đích

của mình (Mác). Văn hóa là mục đích cao quý của con người. Năng lượng văn hóa: tinh thần, bản lĩnh, tri thức, trí tuệ, kinh nghiệm, kỹ năng thao tác, ý chí và khát vọng chiếm lĩnh những đỉnh cao khoa học - công nghệ, nghệ thuật... đó là những nhu cầu văn hóa cao. Tổ chức cho các chủ thể hoạt động đúng mục tiêu để thỏa mãn các nhu cầu văn hóa, đó là lúc khơi dậy tiềm năng sáng tạo vô tận của toàn dân tộc.

Thứ ba, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa - đó là sự phát huy động lực văn hóa toàn xã hội. Thỏa mãn nhu cầu, đáp ứng lợi ích văn hóa trước mắt và lâu dài của các chủ thể phải bằng việc thể chế hóa các quan điểm, chính sách. Đặt văn hóa và hoạt động văn hóa lên vị trí cao, đúng với thực chất của nó trong hệ thống các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội; đồng thời đánh giá đúng giá trị và hàm lượng trí tuệ trong sản phẩm kinh tế, chính trị, xã hội. Đề cao hoạt động có tổ chức, có kế hoạch, có cách thức hoạt động mới, chi phí ít mà hiệu quả lớn, giá trị xã hội và giá trị văn hóa cao. Phân biệt đúng mức sản phẩm trí tuệ, lao động văn hóa với lao động thông thường. Tăng đầu tư ngân sách cho hoạt động văn hóa. Bảo đảm dân chủ trong nghiên cứu, tìm tòi, phát minh, sáng chế, sáng tạo - yếu tố quan trọng trong việc phát huy tính tích cực lao động sáng tạo. Tự do sáng tạo khoa học - công nghệ - nghệ thuật là các yếu tố phù hợp với bản chất sáng tạo của con người, là yếu tố kích thích, khơi dậy, phát huy cao độ tiềm năng sáng tạo của con người, của tập thể, cộng đồng.

Văn hóa vốn bản thân nó đã là mục tiêu và động lực phát triển xã hội. Có chủ trương và chính sách đúng đắn, thích hợp càng khơi dậy và phát huy cao độ các tiềm năng văn hóa của từng cá nhân và của cả dân tộc, tạo nên sức sống thường nhật, góp phần tạo thành sức mạnh tổng hợp từ bên trong các lĩnh vực hoạt động xã hội, của công cuộc xây dựng đất nước, nâng xã hội ta lên tầm cao mới. □

Quan niệm về dân của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam

VŨ MINH TÂM *

TU tưởng bao trùm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là tư tưởng duy tân, được thể hiện mạnh mẽ, nổi bật bằng *phong trào Duy Tân*. Phong trào Duy Tân là một bước đột biến sau và trong sự khủng hoảng, bế tắc của hiện thực xã hội, của dân tộc Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Nó khởi đầu cho bước chuyển biến mới của tinh thần, ý thức con người Việt Nam: tư tưởng yêu nước truyền thống kết hợp với tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản từ phương Tây cũng như từ phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc). Ở đây, tư tưởng duy tân vừa mang tính dân tộc (độc lập, tự cường), tính xã hội (dân chủ, văn minh), vừa mang tính quốc tế (chống chủ nghĩa thực dân, đề cao tiến bộ xã hội). Duy tân - đó là một yêu cầu tự cường bằng nội lực và hội nhập bằng bình đẳng quốc tế.

Tư tưởng duy tân được tập trung ở quan niệm về *dân*. Dân là cơ sở, nội dung, cũng là mục tiêu của duy tân. Quan niệm về dân bao gồm những điểm chủ yếu, cơ bản: *Chấn dân khí*, *Khai dân trí* và *Hậu dân sinh*. Quan niệm về dân của tư tưởng duy tân nằm trong mục đích chung của phong trào duy tân là giành quyền tự chủ cho dân, quyền tự cường cho nước, trước hết nhằm đánh đuổi thực dân

Pháp, giải phóng đất nước, đem lại lợi ích mọi mặt cho toàn dân, xây dựng một quốc gia độc lập, dân chủ và tự do.

Chấn dân khí là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Trong đó, mọi người dân phải thức tỉnh, nâng cao, phát triển tinh thần, ý thức, ý chí, tình cảm đối với vận mệnh của dân tộc, của đồng bào, đối với sự nghiệp

tự lực, tự cường của đất nước; phải tự giác tranh đấu giành lấy lợi quyền của mình, của giống nòi, của bất cứ ai là con người. *Chấn dân khí* đòi hỏi phải giải thoát, xóa bỏ mọi tư tưởng ràng buộc, vô trách nhiệm đối với Tổ quốc, đồng bào và đối với cả bản thân mỗi người do những định kiến, quan niệm, tư tưởng cổ hủ, lạc hậu và ách chuyên chế thực dân, phong kiến gây ra. Mục tiêu của *Chấn dân khí* là khơi dậy tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, văn minh, tạo lập hạnh phúc cho nhân dân và phát triển, phồn vinh cho đất nước.

Các nhà duy tân đều coi dân khí nước ta lúc bấy giờ chìm đắm trong "cái hèn", không xứng đáng trước khí phách hào hùng vốn có của cha ông với truyền thống quên mình vì độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc. Người dân ta vì tham lợi riêng, cầu danh vọng cá nhân, hám quan chức, hèn nhát sợ chết, cầu an, vô trách nhiệm, ham sống hưởng lạc, "tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi", vì mọi thứ riêng tư tầm thường... mà lãng quên, rồi bỏ, đánh mất "hồn thiêng đất nước"; tức là cam phận làm vong quốc nô, chịu để mất nước vào tay bọn thực dân, bọn xâm lược,

* PGS, TS, Trường đại học Sư phạm Hà Nội

chịu để dân tình lâm vào cảnh đói khổ, chết chóc, đốt nát và uơ hèn.

Con đường *Chấn dân khí* là đánh thức, bồi đắp tư tưởng, tình cảm vì nước, cứu nguy dân tộc, ái quốc, ái quần ở mỗi người dân, ở toàn dân, là "chiêu hồn nước" cho non sông Việt Nam. Ở đây, yêu nước không liên quan gì, thậm chí là loại trừ, đối với trung quân. Yêu nước, trước hết là biết tự hào dân tộc, quý trọng giang sơn gấm vóc, cảm phục và noi theo những tấm gương anh hùng đầy nghĩa khí vì sự sống còn của dân tộc. Yêu nước giờ đây là phải thực hành cách mạng, làm thay đổi thân phận của dân tộc, của dân ta; là dám dấn thân tranh đấu cho độc lập, phồn vinh của đất nước. Có thể nói, trong thơ văn của các nhà chủ trương duy tân, của các chiến sỹ phong trào duy tân như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ... luôn chứa đựng một bầu máu nóng của người lính xung trận xả thân vì nước, vì dân. Đó chính là sức mạnh của tinh thần yêu nước mang tính tự giác, tự chủ theo nhận thức, ý thức mới.

Sự thống nhất chặt chẽ giữa dân và nước, "*Dân là dân nước, nước là nước dân*"⁽¹⁾, đã dẫn đến đường lối cứu nước là huy động sức dân, do sức dân quyết định. Sức dân ở đây bắt nguồn từ ý thức đoàn kết dân tộc và lấy hợp quần làm lực lượng cách mạng, lấy đồng tâm của đồng bào làm động lực tinh thần. Đoàn kết cũng có nghĩa là phải xem nhẹ lợi ích nhỏ hẹp, trước mắt của cá nhân, bài trừ vị kỷ, xem trọng lợi ích của nhân dân, của dân tộc: "*Khuyến nhau lấy chữ đồng bào / Lấy câu ích quốc, lấy điều lợi dân / Đường bảo chúng, nghĩa hợp quần / Tự cường thế ấy, duy tân thế nào?*" (Nguyễn Quyền). Đoàn kết vì vận mệnh của nhân dân, của Tổ quốc là cốt lõi của ý thức,

tình cảm đồng bào: "*Nghĩa đồng bào là nguyên khí của quốc gia*", "*Hiếu được nghĩa đồng bào thì nghĩa quốc gia càng thêm đầy đủ và càng thêm mạnh*" (Phan Bội Châu). Đoàn kết, hợp quần, nghĩa đồng bào liên quan đến lợi ích của mỗi con người cũng như lợi ích của quốc gia, dân tộc: "*Phúc cùng hưởng, họa cùng đau / Một gan, một ruột ghi sâu chữ đồng*" (Đồng Kinh nghĩa thực).

Chính như thế, việc phê phán, xóa bỏ hệ tư tưởng Nho giáo thống trị giáo điều, cực đoan và siêu hình mà vương triều Nguyễn tôn thờ, bảo vệ là một yêu cầu khẩn thiết, một hành động "kịch liệt" của các nhà cách mạng duy tân. Cái quan niệm "Trời không đổi thì đạo cũng không đổi" đã ru ngủ, nhấn chìm dân khí, tạo ra cái hèn, cái ngu, cái nghèo cho dân chúng, cần phải được loại trừ tận gốc rễ. *Chấn dân khí* không thể không chống lại các thứ tư tưởng có hại đến khí phách mới, hồn nước mới của nhân dân.

Khai dân trí là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Theo đó, toàn dân phải có trình độ nhận thức mới, tri thức mới của văn minh nhân loại hiện tại để xây dựng xã hội tiến bộ, phát triển, tạo lập một dân tộc tự chủ, tự cường. Muốn khai dân trí, trước hết, phải chú trọng đến văn minh hiện tại mà nhân loại đã đạt được: "*Văn minh với dân trí, hai đàng cùng làm nhân quả cho nhau. (...) trình độ dân trí được đề cao dần thì sức bành trướng của văn minh cũng sẽ lớn lên, và nền tảng văn hiến sẽ bền vững lâu dài*" ("*Văn minh tân học sách*"). Văn minh ở đây là văn minh có tính phổ biến, tính hiện đại (đối với đương

(1) Những dẫn chứng thơ văn trong bài (in nghiêng) đều rút từ cuốn *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX* (1900 - 1930) do Chương Thái - Triệu Dương - Nguyễn Đình Chú biên soạn, Nguyễn Đình Chú giới thiệu, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976

thời) và tính thực tiễn (đang hiện hành ở phương Tây, ở Nhật Bản thời Minh Trị Duy Tân và ở cuộc vận động cải cách dẫn đến Cách mạng Tân Hợi tại Trung Quốc). Đó là thứ văn minh "động" để luôn luôn phù hợp, đáp ứng tích cực trước sự vận động, biến chuyển, phát triển của công cuộc duy tân đất nước, của thực tiễn cách mạng. Tất cả đều nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, làm cho mọi người dân có năng lực tự chủ, tự cường trong mưu sinh cũng như trong kiến thiết xã hội. *"Rủ nhau đi học mọi điều văn minh"* (Phan Châu Trinh) là tiếng gọi tha thiết, cấp bách đối với toàn thể nhân dân.

Theo các nhà duy tân, "trí" mang nội dung nhận thức có tính khoa học, là sự tiếp cận, nắm bắt được những tri thức trên mọi lĩnh vực mà thế giới hiện đại đã đạt tới trong các ngành thuộc khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học - kỹ thuật - công nghệ, khoa học quân sự, khoa học kinh tế, khoa học giáo dục và nghề nghiệp báo chí, văn thư. Nói cách khác, đó là những công cụ, phương tiện để người ta mở mang trí tuệ, văn hóa, tạo ra khả năng hoạt động thực dụng, thực hành trong sản xuất, giao thương, lối sống, sinh hoạt và quản lý xã hội. Nhờ có "trí", dân mới có thể tự cứu mình bằng các lợi ích tinh thần cũng như các lợi ích vật chất do nó mang lại. Chính nhờ có "trí mới" nên dân các nước phương Tây, Nhật Bản đã trở nên giàu sang, xã hội của họ phồn vinh. Cũng theo các nhà duy tân, việc "duy tân dân trí", việc học văn minh *"Phải nhận cho tường mục đích / Định phương châm mình bạch kẻ lầm / Nếu mà không biết phương châm / Sách kia đâu học nghìn năm cũng thừa"* (Nguyễn Phan Lãng). Mục đích ở đây là học để tự cường dân tộc; và phương châm là học phải phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn duy tân và tân học.

Một trong những phương sách hiệu quả nhất của khai dân trí là cải cách phương pháp học, lối học, đưa cái mới, tân tiến vào phương thức đào tạo con người. Các tác phẩm "Tỉnh quốc hồn ca", "Văn minh tân học sách", "Luận về chính học cùng tà thuyết", "Cáo hủ lậu văn"... đề xướng một nền học quốc dân mới; trong đó, con người vừa là đối tượng và mục đích của tân học, vừa là chủ thể và trung tâm hoạt động của nâng cao dân trí. Có thể nói thêm một số nét cụ thể: đối tượng học là toàn dân, không trừ một ai; thời gian, quá trình học không hạn chế và tùy thuộc vào từng điều kiện sinh sống; hình thức học không chỉ ở trường lớp "chính quy", mà cả khi lao động, làm ăn; học suốt đời, học theo nhu cầu văn minh; học trong nước, học lúc Đông du, Tây du. Do đó, nhà trường cần dạy tiếng Việt thông dụng, chữ Quốc ngữ, tiếng nước ngoài, các môn khoa học thuộc mọi lĩnh vực, nhất là khoa học thực dụng, thực nghiệm, kỹ xảo, cũng như cần cải cách khoa cử... Nói chung, toàn dân phải học, học từ đầu, học mọi cái mới, học bằng mọi cách, học không ngừng, học để luôn luôn thích ứng với tiến bộ xã hội, với tầm văn hóa, văn minh thế giới. Phải chăng, đây là một quan điểm về "xã hội hóa giáo dục"? Đi xa hơn, phong trào duy tân còn chú trọng đến lối sống, lễ thói sinh hoạt thường nhật, phong tục tập quán, lễ nghi, xem chúng liên quan trực tiếp đến công cuộc văn minh hóa, tiến bộ xã hội. Có thể, các nhà cách mạng đầu thế kỷ XX đã nghĩ đến một dân tộc văn minh cần có cách sống theo văn hóa tri thức, văn minh công nghiệp trong một xã hội có nền kinh tế hiện đại, có tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ?

Hậu dân sinh cũng là một trong những nội dung chủ yếu, cơ bản của tư tưởng duy tân. Trong đó, mọi người dân được sống sung túc, giàu có, hạnh phúc bằng cách phát triển mọi mặt của kinh tế, chấn hưng công nghệ, biết tự

làm giàu cho mình, cho nước theo cách "công nghiệp hóa", "thương nghiệp hóa", "thị trường hóa" trong sản xuất xã hội. Động lực của *Hậu dân sinh* là toàn dân (tứ dân: nông, công, thương, sĩ; và các tầng lớp xã hội khác). Phương châm hoạt động là bằng nội lực, tự chủ, có tổ chức; đồng thời, học hỏi kinh nghiệm, mô hình, tri thức khoa học, kỹ thuật và công cụ công nghệ của các nước có nền kinh tế phát triển. Trong "Hợp quần doanh sinh thuyết", Nguyễn Thượng Hiền khẳng định, tiềm năng con người và điều kiện tự nhiên của nước ta hoàn toàn có thể làm cho dân phú, nước cường. Ông đề xướng, hô hào một đường lối, kế hoạch phát triển kinh tế khả cụ thể, thiết thực và rộng lớn mà mọi tầng lớp xã hội đều có thể tham gia.

Nhìn chung, *Hậu dân sinh* hướng tới một nền kinh tế tập trung được những hoạt động mang nội dung: 1 - Mở mang nông nghiệp dưới mọi hình thức (khẩn hoang, làm vườn, lập trang trại, chăn nuôi gia súc hàng hóa, lưu thông nông - lâm sản), lập hội nông dân, nông nghiệp và tổ chức lại nông thôn theo cách sống mới. 2 - Thành lập các công ty cổ phần (góp vốn) trong hoạt động công nghiệp, thương nghiệp, các hội buôn bán, các công ty công nghiệp khai thác, chế biến nguyên liệu, quặng mỏ; mở nhà băng phục vụ nông, công, thương nghiệp. 3 - Khuếch trương các hoạt động kinh tế lớn kết hợp với hoạt động kinh tế nhỏ (buôn bán, sản xuất trong phạm vi gia đình, nhóm, tập đoàn). 4 - Chú trọng khai thác, phát triển nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống, đặc sản kết hợp với sản xuất đại trà theo "kỹ thuật, công nghệ"; khuyến khích chấn hưng ngành nghề bằng sử dụng công cụ sản xuất như Âu - Mỹ. 5 - Làm ra nhiều sản phẩm tiêu dùng mang tính chất hàng hóa để lưu thông trên thị trường, tạo ra thói quen dùng hàng nội hóa để tận thu mọi nguồn lợi. 6 - Mở rộng và nhanh chóng giao lưu, thông thương kinh tế ở ngay

trong nước và ở cả ngoài nước. 7 - Khơi nguồn tiềm năng lao động, sáng tạo khoa học, công nghệ của mọi người, tạo cho mỗi người có nghề nghiệp, có năng lực lập nghiệp để tự mưu sinh.

Các nhà tư tưởng trong phong trào duy tân coi chấn hưng kinh tế là nền tảng của tự cường dân tộc, đồng thời cũng là nền tảng của *Hậu dân sinh*. Phát triển kinh tế không chỉ mang lại lợi ích cho mỗi cá nhân, gia đình, mà còn cho cả sự phồn vinh, thịnh vượng của dân tộc, quốc gia. *Hậu dân sinh* là sự kết hợp hữu cơ giữa "lợi quyền" của "lợi riêng" và "lợi quyền" của "lợi chung": "*Việc công nghệ của ta đã giỏi / Việc bán buôn cũng nổi mãi lên / Tung ra cho khắp mọi miền / Dần dần thu lại lợi quyền về ta / Trước ích nhà, sau ra ích nước / Đã lợi riêng lại được lợi chung*" ("Nên dùng hàng nội hóa"). Như thế, xét tới cùng, *Hậu dân sinh* chính là sự đáp ứng tích cực nhu cầu sống của nhân dân bằng lợi ích do nhân dân tạo ra và có quyền được hưởng.

Chấn dân khí - Khai dân trí - Hậu dân sinh là luận đề trung tâm của phong trào Duy Tân. Đó là một hệ thống tư tưởng có tính thống nhất và tính biện chứng nhất định. Nếu *Chấn dân khí* là tiền đề, điều kiện để *Khai dân trí*, thì *Hậu dân sinh* vừa là chỗ dựa cơ bản, vững chắc, quyết định, vừa là mục tiêu cụ thể và cũng là mục đích chung của duy tân. Đồng thời, *Khai dân trí* không chỉ là chất liệu và phương tiện, mà còn là động lực, nguồn lực "được vật chất hóa" để thực thi *Chấn dân khí* và *Hậu dân sinh*. Có thể xem Đông Kinh nghĩa thực như là một mô hình hoạt động thể hiện tinh thần của "ba điều về dân" nói trên.

* *
*

Tư tưởng của phong trào Duy Tân đã thuộc về dòng chảy của văn hóa dân tộc. Nó

đánh dấu một mốc son mới trên con đường dân tộc ta phát hiện ra chính mình và tạo ra các giá trị mới cho chính mình. Ph. Ăng-ghe-n viết: "... mỗi bước tiến lên trên con đường văn hóa lại là một bước tiến tới tự do"⁽²⁾. Quan niệm về dân của các nhà duy tân đã tạo ra nguồn sinh khí mới cho tinh thần cách mạng Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XX. Tuy nhiên, do những nhân tố chủ quan và khách quan mang tính lịch sử - cụ thể, tư tưởng duy tân, trong đó có tư tưởng về dân, không thể không có những điểm "bất cập". Trước hết, điều chủ yếu là, tư tưởng duy tân không có được một hệ tư tưởng, một ý thức giai cấp thật sự tiên tiến, khoa học, cách mạng - điều mà sau này chỉ có được ở "phong trào cộng sản" và ở "người cộng sản" Việt Nam. Mặt khác, lập trường, đường lối và phương châm "cứu dân, cứu nước" của các nhà duy tân không thoát ra khỏi khuôn khổ của ý thức, tư tưởng dân chủ tư sản vốn ngay từ khi ra đời đã mang nhiều khuyết tật, thậm chí là những căn bệnh vô phương cứu chữa. Đồng thời, dù là "bạo động" (Phan Bội Châu) hay "cải cách" (Phan Châu Trinh), tư tưởng duy tân cũng không nhận ra được cái "gốc rễ" của xã hội là vấn đề kinh tế - xã hội, cùng với bản chất của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc đang thống trị nước ta lúc bấy giờ.

Rõ ràng là, con đường cứu dân, cứu nước phải là con đường giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, con đường cách mạng vô sản. Con đường cách mạng đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, như Nguyễn Ái Quốc vào đầu những năm hai mươi của thế kỷ trước đã tìm ra.

Công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ

nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" ở nước ta hiện nay đòi hỏi một quan niệm mới về dân trên tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta đã xác định: dân là toàn thể nhân dân, toàn thể dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị thế xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... cùng tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong sự đồng thuận, thống nhất, đoàn kết toàn dân, lực lượng nền tảng, nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Vì vậy, công cuộc đổi mới mà toàn dân ta đang tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng chính là đem lại quyền lợi cho dân, cho mỗi người dân. Đảng ta là đảng cầm quyền nhưng dân là người làm chủ. Đảng "lấy dân làm gốc" nên ý Đảng, lòng dân là thống nhất. "Dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra" không chỉ là phương châm, phương thức của hoạt động thực tiễn, mà điều chủ yếu, là con đường chung để dân phát huy nội lực, tự giác, sáng tạo trong vai trò động lực, lực lượng của công cuộc đổi mới đất nước. Điều đó đòi hỏi mỗi người dân, toàn dân tự giác phát huy năng lực, sức mạnh của mình cũng như tự nâng cao ý thức, trí tuệ và khả năng trong hoạt động thực tiễn đổi mới.

Quan niệm về dân của chúng ta hiện nay có thể được xem như là một bước nhảy vọt, một sự biến đổi về chất so với truyền thống lịch sử, là sự phù hợp thực tế, khách quan với yêu cầu phát triển của xã hội Việt Nam hiện đại. □

(2) C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 164

TRONG những năm vừa qua, mặc dầu Hội Nhà văn Việt Nam và nhiều tổ chức văn học - nghệ thuật khác đã trao giải thưởng văn học thường kỳ, một năm hoặc 5 năm một lần, nhưng hầu như các tác phẩm và tác giả được giải rất mau chìm vào quên lãng. Chúng ta đang thiếu vắng các tác phẩm văn học lớn, có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, những tác phẩm có khả năng rung động hàng triệu người, những tác phẩm có tác động xã hội to lớn, vừa trực tiếp lại vừa lâu bền. Chúng ta khát khao chờ đợi và đi tìm các tác giả có thể viết nên những tác phẩm ấy. Nhưng trước hết phải gọi tên, phải "duy danh định nghĩa" được cái mà chúng ta chờ đợi.

Trên các văn bản, khái niệm tác phẩm văn học đỉnh cao được diễn đạt một cách khác nhau bộc lộ những quan tâm không hoàn toàn giống nhau về cùng một vấn đề.

Nhiều người nói đến *Tác phẩm lớn*, nhưng thế nào là *lớn* lại rất khó nói ra. Nhiều nhà văn thì số toét khái niệm ấy, bảo rằng tôi chỉ quan tâm đến *hay hay dở*, tôi không biết thế nào là *lớn* hay *bé*. Có lẽ, tuy không nói ra, nhưng những người gạt bỏ khái niệm *Tác phẩm lớn* chỉ muốn suy tôn nghệ thuật, lấy nghệ thuật làm cứu cánh. Cuộc tranh luận *Nghệ thuật vị nghệ thuật - Nghệ thuật vị nhân sinh* diễn ra từ trên nửa thế kỷ trước mà cái luân quần trong tư duy của một số người vẫn còn đến bây giờ. Tuy không nói ra, nhưng những người tôn vinh cái *hay* đã ngụ ý xem thường những giá trị tư tưởng cần thiết cho cộng đồng ở một giai đoạn, ở nhiều giai đoạn hay cả một thời đại. Hoặc họ hồn nhiên quá.

Cũng nói tới tác phẩm văn học đỉnh cao, một số văn bản lại dùng khái niệm: *Tác phẩm ngang tầm với thời đại*. Ở những giai đoạn lịch sử mà nhiệm vụ chủ yếu là đánh giặc cứu nước thì tinh thần, tầm vóc thời đại là gì tương đối rõ. Ở chặng đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hòa bình thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, những khái niệm ấy được nói rõ ra không dễ dàng.

Trên một số văn bản khác, khái niệm tác phẩm văn học và nghệ thuật đỉnh cao được dùng trong tổ từ *Tác phẩm đặc biệt xuất sắc*. Tất nhiên, tác phẩm đặc biệt xuất sắc là cao hơn tác phẩm xuất sắc, nhưng *đặc biệt* như thế nào, có bao nhiêu tiêu chuẩn được gọi là *đặc biệt* thì không cơ quan nghiên cứu nào nói rõ.

Tuy cách gọi, cách hiểu về tác phẩm văn học

đỉnh cao có khác nhau nhưng về sự ngẫm hiểu thì xem ra tính đồng thuận xã hội cũng rất cao. Cái mà chúng ta cần là tác phẩm mà mỗi người dân đều có quyền tự hào rằng, đây là tác phẩm của dân tôi, của nước tôi, tác phẩm của thời đại tôi. Đó là *những tác phẩm vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc* như trong các mục tiêu phấn đấu của các ngành văn học và nghệ thuật và trong các nghị quyết của Đảng về văn hóa - văn nghệ đã nói rõ.

1

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ nói về *Tác phẩm văn học đỉnh cao* mà không phải là

* Tổng biên tập Tạp chí "Diễn đàn văn nghệ"

tác phẩm văn nghệ nói chung vì hai lẽ. *Một là*, tác phẩm văn học không chỉ có tác động xã hội bằng chính thể loại của nó mà còn có tác động thông qua nhiều ngành nghệ thuật khác. Tác phẩm văn học có thể chuyển thể thành kịch bản phim, kịch bản sân khấu. Mối giao thoa giữa âm nhạc và văn học, giữa múa và văn học, thậm chí giữa kiến trúc và văn học là sự hiển nhiên. *Hai là*, từ tính đơn thương độc mã của văn học. Sáng tác văn học là bởi một người; bởi tính kỷ luật cô đơn tuyệt đối của nhà văn mà các ngành nghệ thuật khác không có. Nghiên cứu về việc ra đời của tác phẩm văn học đỉnh cao có thể có ích với các ngành nghệ thuật khác. Xét về lịch sử phát triển, có thể nói thêm rằng, trong sự xuất hiện một trường phái văn học - nghệ thuật (như cổ điển, lãng mạn, hiện thực...), ngành đi đầu thường là hội họa, sau đó là âm nhạc, cuối cùng định hình một trường phái bao giờ cũng là văn học. Người ta nói tới các tác phẩm văn học tiêu biểu của một thời như sự tổng kết tư tưởng của thời đó là ở đặc điểm này.

Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 thắng lợi không chỉ là bước ngoặt lịch sử của nước Pháp mà còn thay đổi cả tiến trình phát triển của cả châu Âu. Hai đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng ấy là *sự giải phóng nhà nước ra khỏi nhà thờ và giải phóng cá nhân con người ra khỏi các ràng buộc phong kiến và tôn giáo*. Các tác giả và tác phẩm văn học tiêu biểu của nước Pháp thời ấy, còn lại với lịch sử là vì đã thấm đẫm cả hai đặc điểm vừa nêu. Nói chính xác hơn, chính cuộc cách mạng về tư tưởng bộc lộ trên văn học Pháp đã là sự chuẩn bị sâu sắc nhất cho cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Đó là một ví dụ.

Một ví dụ khác có thể lấy ngay từ hiện thực của đất nước thân yêu của chúng ta là các tác phẩm của một trong vài tác giả lớn nhất thời phong kiến là đại thi hào Nguyễn Trãi.

Sở dĩ văn chương Nguyễn Trãi trở thành tài sản quý giá của dân tộc vì ông là đại biểu tư tưởng lớn nhất của nhiều thế kỷ của dân tộc ta, một dân tộc cả một chặng đường dài phải đứng lên tự khẳng định mình. Con đường tự khẳng định của dân tộc, của quốc gia bắt đầu từ rất sớm nhưng nó chỉ thật rõ rệt khi va chạm lớn với ngoại xâm, bắt đầu bằng khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thế kỷ thứ I để đến thế kỷ XV mới có được Nguyễn Trãi. Con đường dài ấy qua 6 triều đại: Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê; quá dài và quá gian nan. Nếu ai hỏi ý thích cá nhân của người viết bài này về các tác phẩm của Nguyễn Trãi thì tôi nói rằng, tôi thích thơ Nôm, nhưng Nguyễn Trãi không là Nguyễn Trãi nếu không có *Bình Ngô đại cáo*. *Bình Ngô đại cáo* là phát ngôn tư tưởng bằng văn học mà tư tưởng ấy đã dồn nén của cả dân tộc qua một chặng đường dài. Tư tưởng ấy là: Đất của Việt Nam, dân của Việt Nam, vua của Việt Nam, là sự tồn tại như trời định, ở ngoài mọi mưu toan của bất kỳ thế lực ngoại bang nào, dù lớn đến đâu. Số phận của một người với số phận của cả cộng đồng gắn bó làm một trong quốc gia thống nhất. Trước Nguyễn Trãi đã có nhiều tác giả, bằng cả tâm huyết nói về điều này nhưng phải đến Nguyễn Trãi, bằng hiện thực hách mới nói được tập trung, được thấu đáo, được hã hê đến vậy.

Ví dụ trên cho thấy, những tác phẩm lớn, những tác giả lớn ra đời như sản phẩm của chính lịch sử.

Chính lịch sử oanh liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã sản sinh ra văn học chống Mỹ, cứu nước. Chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp chín năm đã chuẩn bị cho sự nở rộ của văn học thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Nhân vật anh đội viên vệ quốc đã trở thành anh chiến sỹ giải phóng.

Cái mũ nan đã trở thành cái mũ tai bèo. Đó là cả một chặng đường liên khi lịch sử tư tưởng của nhân dân ta bước sang một chặng đường hoàn toàn mới, trước đó chưa hề có. Đó là sự thăng hoa kỳ diệu của cả dân tộc khi mục tiêu độc lập hòa quyền với hoài bão xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân vật người chiến sỹ của thời đại Hồ Chí Minh trở thành nhân vật điển hình, nhân vật chói sáng không chỉ ở trong nước mà còn chói sáng trên phạm vi quốc tế. Nhân vật ấy đã trở thành nhân vật văn học của cả một thời kỳ lịch sử hiển hiện trong truyện ngắn, trong tiểu thuyết và đặc biệt là trong thơ. Cùng với ca khúc kháng chiến, thơ ca chống Mỹ, cứu nước là sản phẩm tinh thần quý giá của cả một thời kỳ lịch sử.

Những bao quát trên đây nói rằng, lịch sử xuất hiện tác phẩm văn học đỉnh cao cũng là lịch sử tư tưởng của mỗi một chặng đường, ở trong nước, cũng như ở ngoài nước. Cái làm nên cốt cách vững chắc của tác phẩm văn học là cốt cách tư tưởng. Nói tới *tâm thời đại* như ai đó đã nói, chủ yếu là tâm tư tưởng của thời đại ấy.

2

Việc xây dựng tác phẩm văn học đỉnh cao ở chặng đường vừa qua gặp không ít cản trở.

Đầu tiên, phải nói tới sự chống phá của các thế lực thù địch. Trong mưu toan thay đổi hành trình tư tưởng của xã hội Việt Nam, các thế lực thù địch bằng mọi cách lôi kéo tầng lớp trí thức trong đó có nhà văn, đặc biệt là giới trẻ, tạo sự phân tâm trong tư duy sáng tác, trong thưởng thức và đánh giá văn học. Cái vỡ diễn của họ vẫn là vỡ cũ: hướng tới mục tiêu dân chủ và nhân quyền. Nhưng cái cần phải nói thêm là cái dân chủ, nhân quyền ấy được đánh lạc hướng bằng cách tách cá thể ra khỏi cộng đồng, tách quyền lợi riêng mỗi người ra khỏi quyền lợi chung của đất nước, dân tộc.

Nền dân chủ và quyền làm người của nhân dân ta hiện nay phải đổi bằng xương máu để được sống trong độc lập, tự do mà các thế lực ngoại xâm đã cướp đi, phải bao thế hệ mới giành lại được. Họ đã tiến hành điều này bằng cách ca tụng người này, tâng bốc người kia. Họ lập ra các giải thưởng văn học, giải thưởng nhân quyền để trao cho người này, người khác. Có những cây bút vừa mới có một vài tác phẩm trên báo chí, đã được họ mời ra nước ngoài dự hội thảo này, hội thảo khác. Họ tung tin cây bút X, cây bút Y có thể ứng cử giải Nobel văn học... Câu chuyện ngỡ như trò đùa nhưng thực là những việc làm bài bản, được các thế lực thù địch dự tính công phu. Làm khúc xạ tiêu chuẩn văn học một thời là mục đích của chúng.

Một cản trở khác trong việc phấn đấu để có tác phẩm văn học đỉnh cao hiện nay là sự đánh giá văn học thông qua các giải thưởng kể cả giải thưởng văn học của các địa phương, giải thưởng thường niên của ngành và giải thưởng lớn là Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về văn học - nghệ thuật. Cũng phải thông cảm phần nào với các hội đồng thẩm định. Rằng họ là những bạn đọc tiêu biểu của công chúng dài ngày nhưng bị lệ thuộc bằng nhiều mối quan hệ xã hội chi phối. Cái đáng phàn nàn là các giải thưởng ấy chưa cổ vũ được, chưa định hướng mạnh mẽ cho tinh thần cộng đồng của toàn xã hội hôm nay. Lấy một ví dụ cụ thể, các nhà văn, nhà thơ mà tôi gọi là những người nằm nôi trong chế độ mới (sinh ra và lớn lên sau Cách mạng Tháng Tám) chỉ có một người được giải thưởng cao nhất là nhà thơ Lưu Quang Vũ mà tác phẩm được giải là tác phẩm kịch ở chặng đường Đổi mới. Tất cả các nhà thơ, nhà văn thời chống Mỹ đều không có ai. Việc đánh giá như thế thông qua các giải thưởng liệu có công bằng không?

Việc lúng túng của các hội đồng thẩm định còn do một bất cập khác: công tác lý luận phê bình văn học chưa làm được vai trò dẫn đường. Lẽ ra, mấy khái niệm thế nào là lớn, thế nào là đỉnh cao, thế nào là đặc biệt xuất sắc phải được nghiên cứu công phu, làm định hướng chung cho giới sáng tác và công chúng yêu mến văn học. Công tác phê bình văn học vừa thiếu cập nhật vừa tùy tiện như chặng đường vừa qua cũng làm nhiều thêm các kênh đánh giá.

Tuy nhiên, những cản trở đã nói là không đáng kể so với tiến trình văn học tất yếu đi tới của cả một cộng đồng.

3

Nói như lời nói của nhà phê bình văn học Trung Quốc cuối đời Minh, đầu đời Thanh, ông Thánh Thán, rằng tác phẩm văn học đỉnh cao không phải là *họa công* (người làm) mà là sản phẩm của *hóa công* (trời làm). Những tác phẩm ấy như định mệnh, muốn có mà không, nghĩ không mà có. Nhưng dù thế đi nữa, toàn xã hội không thể ngong ngóng ngồi chờ. Có bàn tay tổ chức đẩy vào cỗ xe văn học hẳn nó chạy nhanh hơn.

Điều đầu tiên và quan trọng nhất là làm thế nào đó để nhà văn hòa nhập làm một với dòng chảy chính của đời sống hôm nay. Nói là đứng ngoài cuộc thì hơi quá, nhưng quả thật nhiều nhà văn hôm nay đang rất ngơ ngác trước các chuyển động ào ạt của toàn xã hội. Thật là ngược đời. Hồi chiến tranh, các nhà văn, nhà thơ, dù mặc áo lính hay không mặc áo lính đều bám rất sát đời sống chiến đấu. Họ đến với các trận địa pháo, các bến phà đầy bom đạn. Họ vác ba lô đến với các mặt trận. Nhà văn thời chống Mỹ quả đã xứng đáng là nhà văn - chiến sỹ. Lạ lùng thay, trong điều kiện thời bình mà nhà văn lại rất thiếu thực tế. Cuộc đấu trí, đấu lực trong việc chiếm lĩnh thị trường thông tin đã và đang diễn ra thế nào?

Đời sống của công nhân ở các xí nghiệp công nghiệp bán tự động hiện nay ra sao? Đời sống của người làm thuê ở các xí nghiệp liên doanh, ở các khu chế xuất, khu công nghiệp hiện nay ra sao?... Các nhà báo thì trả lời được các câu hỏi ấy mà nhà văn thì không. Đời sống của anh bộ đội hôm nay, ở biên giới chẳng hạn, khác thế nào với anh bộ đội làm kinh tế. Không chỉ các nhà văn sống ở các cơ quan trung ương và đô thị lớn mà ngay các nhà văn sống tại các địa phương đôi khi cũng rất lơ mơ về các chuyển động xung quanh mình. Không ở trong cuộc thì làm sao có cảm xúc. Sự vô cảm lặp lại nhiều lần thì gọi là lãnh cảm. Lấy ngay ví dụ về mùa lũ dữ dần vừa rồi. Bao nhiêu nhà cửa bị cuốn trôi, bao nhiêu đồng ruộng bị ngập lụt, bao nhiêu người chết. Thế mà chỉ có các nhà báo mà không thấy nhà văn tham gia. Cứu người trong lũ cuốn cũng dùng cảm chẳng kém gì cứu người trong bom đạn. Lúc ấy các nhà văn đang ở đâu?

Cái lỗi đầu tiên không phải là từ nhà văn mà từ nhà tổ chức. Lẽ ra bộ phận tuyên truyền của Ủy ban phòng chống thiên tai lũ lụt phải ghi tên các nhà văn và đưa họ vào cuộc thì hẳn cơn lũ không chảy ngoài trang văn. Đây chỉ là một ví dụ.

Các cơ quan chỉ huy kinh tế cũng chỉ nhớ đến truyền hình và các nhà báo, không mấy ai nhớ đến nhà văn. Các ông ấy là mây, là gió, là mơ mộng ấy mà. Xin khuyến nghị mấy điều hết sức cụ thể:

Một là, bằng cách nào đó, tạo ra các quy định để nhà văn được hòa nhập vào công tác đối ngoại của Đảng và của Nhà nước để họ thấy rõ hơn tầm vóc đất nước hôm nay. Nếu cần, luân phiên, có thể cử nhà văn làm chuyên viên ngắn hạn tại một số tòa đại sứ của ta ở nước ngoài.

Hai là, tại Hà Nội, tổ chức giao ban cho các nhà văn, 6 tháng một lần để các nhà văn

được nghe về các vấn đề quốc tế, các vấn đề nội chính và các nét nổi bật về các diễn biến kinh tế - xã hội - văn hóa và an ninh - quốc phòng của đất nước.

Ba là, lôi cuốn các nhà văn vào các sự kiện nóng bỏng (khởi công thủy điện, nhiệt điện, các công trình lớn của quốc gia...).

Bốn là, cài cắm nhà văn, nuôi họ tại các cơ sở sản xuất mà họ có thể quan tâm.

Những cách làm ấy bên cạnh các trại sáng tác, và "đi thực tế nguội" như những năm qua sẽ giúp nhà văn hòa nhập.

Điều cuối cùng mới là vấn đề đầu tư và tài trợ. Cách đầu tư như những năm qua còn mang tính dàn trải mà nhiều nhà văn gọi là "tiền dầu đèn" vì quá ít ỏi. Nếu viết mấy bài thơ ngắn thì cũng cần tài trợ, nhưng viết cả một trường ca mất hàng năm trời, viết một tiểu thuyết dày dăm trăm trang mà không có tài trợ là rất khó khăn. Vấn đề đặt hàng của Nhà nước đối với nhà văn đã được nêu ra, nhưng đến nay vẫn chưa có chương trình và kế hoạch cụ thể. Chẳng hạn, về đề tài lịch sử, hiện nay qua kiểm kê kho sách, thấy thiếu gì? Có cần thêm các bộ tiểu thuyết về chống chiến tranh phá hoại? Nạn đói năm 1945 hàng triệu người chết mà chưa có tác phẩm văn học nào (một chút trong *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi) có nên đặt hàng để có? Có cần có tiểu thuyết về công nghiệp hóa ở nông thôn?... Vấn đề tài trợ bằng đặt hàng phải đi vào chương trình cụ thể, hàng nào, chất lượng ra sao, kiểm định chất lượng, giá cả. Đầu tư cho văn học - nghệ thuật là đầu tư cho khu vực nhạy cảm nhất của đời sống tinh thần con người và xã hội. Thế nhưng phải nói rằng, tiền đầu tư và tài trợ cho văn học - nghệ thuật hiện nay quá thấp.

Tuy nhiên, đồng tiền chỉ giúp thêm vào việc thúc đẩy tài năng chứ không làm nên tài năng. Đối với văn học, muốn có tác phẩm

đỉnh cao, các nhà tổ chức phải giúp nhà văn nâng cao trách nhiệm, nâng cao vị thế của họ trước xã hội và trước cuộc sống mới là công việc hàng đầu.

4

Văn học nói riêng và văn học nghệ thuật Việt Nam nói chung đang ở vào một thời kỳ vô cùng quan trọng: thời kỳ dân tộc Việt Nam tái khẳng định mình trong điều kiện hội nhập quốc tế rộng rãi mà trước đó chưa từng có. Việc tái khẳng định ấy là tái khẳng định về một dân tộc quyết độc lập tự chủ, tái khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tái khẳng định về một bản lĩnh lớn là quyết đi lên một xã hội công nghiệp phát triển. Việc tái khẳng định ấy chắc chắn sẽ được thể hiện rõ ở Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng sẽ vạch ra. Việc tái khẳng định ấy đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Bối cảnh ấy chính là bối cảnh để những tác phẩm văn học đỉnh cao, vừa có tầm dân tộc vừa có tầm quốc tế ra đời.

Đồng đảo quần chúng nhân dân đang chờ đợi và đang sẵn sàng đón nhận, sẵn sàng tuyên dương các tác phẩm văn học lớn, tác phẩm đỉnh cao ra đời. Một ví dụ có tính thời sự: Hai tập nhật ký của liệt sỹ Đặng Thùy Trâm và liệt sỹ Nguyễn Văn Thạc mới được công bố đã được đông đảo bạn đọc cả nước nồng nàn đón nhận. Mà đây mới là tư liệu văn học chứ chưa hẳn là văn học. Công chúng không hề quay lưng với văn học. Vấn đề là ở chỗ nhà văn đem đến cho họ cái gì và thế nào mà thôi. Và về điều này thì tôi hoàn toàn tin rằng các nhà văn Việt Nam, đủ mọi thế hệ, vì cái đẹp, cái thiện, vì sự thăng hoa tinh thần của cả cộng đồng sẽ có các tác phẩm đỉnh cao, đáp ứng lòng mong đợi và tin cậy của công chúng. □



Đảng mãi là niềm tin yêu nhất

MINH THANH *

NĂM nay tôi đã 60 tuổi. Cuộc đời tôi, vợ và các con thường được mẹ tôi kể cho nghe những câu chuyện về con người, cảnh vật, giai đoạn lịch sử của cái xóm này, làng này, mà mẹ tôi đã chứng kiến. Những hình ảnh, sự kiện đi qua đời mẹ tôi sâu sắc đến nỗi năm nay sang tuổi 91 mà vẫn rành rọt từng người, từng việc, nhớ nhung, yêu ghét tỏ rõ nỗi lòng để khẳng định với gia đình, con cháu rằng chế độ ta là chế độ tốt đẹp nhất, không chế độ nào tốt đẹp hơn mà trong đời mẹ tôi đã chứng kiến.

Ông ngoại tôi là thầy đồ. Học trò thường là vài đứa con nhà khá giả. Học phí là vài buổi chúng đến làm đờ cho mấy sào ruộng khi đến vụ. Nhà nghèo nhưng ông ngoại tôi lúc nào cũng nhắc con cháu phải "đói cho sạch, rách cho thơm".

Một lần nhà tôi có giỗ. Đến dự có ông Lý Thư và ông Chánh Hiết, ông Trương Mẫn, ông Hội Triền. Họ đa số là ít

học nhưng có chút của mà ra làm việc. Chưa ăn giỗ họ đã cạnh khố nhau rồi dần tới ầu đá. Ông Lý Thư ra oai giờ gây đánh ông Hội Triền. Người nọ bệnh người kia, ông Chánh Hiết cầm cả cái tích nước nóng đập vào đầu ông Tuấn làm mất ông ta bê bê máu. Sau đó là những chuyện bới móc nhau, đe dọa nhau. Cả 4 ông đều đến nhờ ông ngoại tôi viết hộ đơn kiện quan. Ông tôi không nhận lời họ lại dọa. Nghe đâu mỗi ông đều bị mất ít ruộng, ít trâu bò nhưng chả ai thắng kiện cả, kiêng nhau đến chết.

Dân thì đói rét, bệnh tật, chết non, chết bệnh, khổ không kêu vào đâu được. Bất công, ức hiếp kéo dài. Kéo bè, kéo cánh uất ức vô chừng. Ví dụ, Lý Đào bắt anh Quế đi phu, ở nhà cướp trắng vợ anh ta. Chánh Kỳ giàu có, ăn chơi nghiện á phiện, nghiện rượu nặng phải bán cả 2 bà vợ xinh đẹp lấy tiền hút. Anh Ba Trị uống rượu như uống nước, không có tiền, đi trộm

cấp và phải bán vợ cho lão Tham lấy mấy chai rượu uống, rồi sau đó bỏ làng đi chết ở đâu không ai biết. Bọn tuần mới khiếp chứ! Đêm đêm nói là đi bảo vệ làng, nhưng thực ra ai hở gì là trộm này, sục sạo đến cả nhà các bà góa chồng. Làng xóm lạnh lẽo hoang vu. Cả làng không có 1 cái màn, cái chăn, kể cả 1 ngọn đèn dầu...

Mẹ tôi hay kể: bọn Tàu Ô vợ vết không trừ cái gì. Những thứ không lấy được chúng đập phá hết. Còn quân Tây thì chỉ biết thu cho nhiều thuế. Thỉnh thoảng chúng lại bắn mấy quả móc-chê vào làng, ai chết thì mặc. Thông qua bọn chánh lý nó bắt rất nhiều du kích và người nhà Việt Minh. Có người đến giờ vẫn mất tích. Chúng đốt chùa, nghi chùa là nơi du kích tụ tập. Còn bọn Nhật mặt đỏ, thấp lùn, đeo kiếm dài quét đất. Nó không cho dân trồng ngô mà bắt phải trồng đay. Hằng ngày, nó còn bắt người trong làng mang cám cho ngựa của chúng ăn. Ai không đưa, bị chúng trói lại, đánh đập dã man. Làng tôi có ngôi đình to lắm, to nhất vùng này. Bọn Nhật bảo đình là nơi dân họp bàn chống lại chúng nên chúng đốt đi. Đám cháy 2 ngày liền, dân ứa nước mắt mà không ai dám cứu.

* Xã Đại La, Gia Bình, Bắc Ninh

Theo như mẹ tôi kể thì làng tôi có nhiều sự tích lắm. Đúng là một miền quê tiêu biểu của đồng bằng Bắc Bộ. Hằng năm vào độ tháng 10, làng mở hội rất to, có rối nước, chọi trâu, thả chim, vật và thi hát chèo, hát quan họ. Làng tôi có cung vua, cung Ly Sơn triều Lê. Làng còn có vườn quan, vườn vải, nơi Đại vương Tam San về làng dạy dân làm gốm sứ, có chùa Long Ngo, có quần thể đền, nghè, am, miếu với nhiều bia đá, hồ đá, ngựa đá, bàn đá... Cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đã làm thay đổi cả làng tôi, quê tôi, đất nước tôi. Mẹ tôi thường kể niềm tin về một ngày mai tươi sáng, một chế độ tốt đẹp. Ấy là từ khi vào một đêm trước năm 1945, có cụ Chiểu quê ở Hưng Yên về nhà cậu Ly tôi. Bỏ mẹ tôi canh vòng ngoài để cụ Chiểu

và cậu Ly tôi trò chuyện với nhau. Chỉ biết đã có Việt Minh, có Cụ Hồ sẽ có Chính phủ của người Việt Nam không phải là bọn Tây, bọn Nhật. Sau đó làng tôi có đội du kích, cả đàn ông, đàn bà đều tham gia.

Mẹ tôi thường kể - từ khi hòa bình cuộc sống người dân quê tôi càng ngày càng sung sướng. Thời chống Mỹ có khổ hơn nhưng không ai kêu ca lấy một lời. Những năm gần đây quê tôi phát triển rất nhanh. Đời sống mọi mặt ở một vùng quê nghèo nay được thay đổi hẳn. Cái ngõ vào các nhà cũng có đường bê-tông. Mẹ tôi thường nói với con cháu trong nhà rằng: "các anh chị không biết khổ nên không biết mình được sướng, còn tôi nay đã hơn 90 tuổi thấy không ai yêu dân hơn Cụ Hồ, không gì làm đẹp cho dân hơn

là Đảng". Hôm cậu Ly tôi qua đời nhiều bạn cũ đến thăm hỏi mẹ tôi, và lại kể với nhau những chuyện ngày xưa... Khi nói về hiện tại, nhiều người đỏ mặt lên tranh cãi về chất lượng đảng viên, về cái yếu của công tác đảng bây giờ. Mẹ tôi nghe. Cụ xúc động rồi nói:

Kính thưa:... Tôi là chị cậu Ly. Tôi coi thế hệ các ông là vàng đá. Bây giờ tôi thấy khác nhiều rồi, nhưng khi nhớ tới cảnh ngày xưa mà càng thấy nỗi nhục của thời kỳ mất nước, nô lệ. Tôi già rồi không đi được xa, để biết thêm được nhiều. Nhưng nhìn ở xung quanh thôn, xóm này tôi thấy người trong Đảng vẫn là những người tốt nhất. Mấy ông bà thoái hóa sa đọa đều đã lần lượt bị sa thải cả đấy thôi... Đảng vẫn là niềm tin yêu nhất". □





ÔNG B là quan chức thuộc hàng VIP, quyền lực của ông rất lớn và ảnh hưởng của ông rất rộng. Nói đến tên ông thì hầu như tất cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt của địa phương, các ngành đều biết. Chẳng những biết mà còn rất vị nể, bởi vì trong rất nhiều trường hợp, ông có ý kiến ủng hộ thì họ được lợi, ông có ý kiến phản đối thì họ bị thiệt. Ông chưa bao giờ làm điều gì gây ảnh hưởng xấu cho Đảng và Nhà nước nói chung cũng như cho bản thân ông nói riêng.

Song vợ con ông và những cán bộ trực tiếp phục vụ ông như thư ký, lái xe... thì lại khác. Họ lợi dụng quyền lực ông, nhiều khi lấy danh nghĩa ông để tạo ra quyền lực của mình, mặc dù đó chỉ là *thứ quyền lực ăn theo*. Xin nêu một vài dẫn chứng điển hình:

1. Năm 2002, cô con gái rệu của ông B tốt nghiệp đại học loại ưu Trường đại học Tô-ky-ô của Nhật Bản. Trong thời gian chờ đợi công tác, mẹ cô (phu nhân ông B) muốn thưởng con gái một chuyến du lịch xuyên Việt. Biết được ý định này của phu nhân thủ trưởng, cậu lái xe của ông B liền gợi ý: "Hiện tại thủ trưởng đang đi công tác ở nước ngoài, xe để rồi, em sẽ đưa chị và cháu đi. Đi bằng xe ô tô có cái thích là biết được nhiều nơi. Qua mỗi tỉnh, thành phố ta dừng lại một, vài ngày để tham quan, du lịch, sau đó đi tiếp, không mệt". Nghe cậu lái xe nói vậy, phu nhân thủ trưởng ưng liền và kế hoạch chuyến đi lập tức được hoạch định. Cậu lái xe bèn nói: "Chị cứ yên tâm, em đi với thủ trưởng nhiều nên em biết rất rõ nơi nào ăn, nghỉ tốt và nơi nào có những danh lam, thắng cảnh đáng tham quan. Em sẽ đóng vai hướng dẫn viên du lịch cho chị và cháu". Thế là họ đi. Khi xe bắt

Zuỳên lưc ĂN THEO

MINH HƯƠNG

đầu lẩn bánh rời Hà Nội, cậu lái xe bèn rút điện thoại di động (được bao cấp 100%) gọi cho nhân vật quan trọng nào đó của một thành phố miền Trung báo tin phu nhân và con gái thủ trưởng B trên đường đi thành phố Hồ Chí Minh, trưa nay sẽ đến chào và thăm các thủ trưởng địa phương. Người nhận điện tỏ ra rất nhiệt tình và vui vẻ. Thấy thế, phu nhân thủ trưởng bèn bảo: "Buổi trưa ta ghé vào nhà hàng nào đó ăn tạm, nghỉ ngơi ít phút rồi lại đi, không nên làm phiền các anh ở địa phương". Lái xe: "Xin chị cho phép em được toàn quyền quyết định. Ta làm như vậy có mấy điều lợi. Một là, thấy chị thân tình như thế họ sẽ rất quý. Hai là, không phải ăn cơm hàng, vừa bảo đảm vệ sinh lại vẫn lịch sự, sang trọng. Ba là, đỡ tốn tiền vô ích". Ngừng lại giây lát rồi lái xe nhấn mạnh thêm: "Anh giúp họ nhiều, họ đáp lại cũng là hợp đạo lý".

Đúng 11 giờ 30, xe đi đến và dừng ở một khách sạn sang nhất thành phố. Tại đây, mấy vị quan chức của địa phương đã chờ sẵn. Họ hân hoan chào đón phu nhân và con gái thủ trưởng B rồi cùng nhau vào phòng ăn có biển đề "phòng VIP 1". Không phải nói bữa tiệc thịnh soạn đến mức nào. Chỉ biết rằng nó diễn ra ngắn, gọn

nhưng "rất vui vẻ, thân mật, ấm cúng mà đậm tình gia đình". Bữa tiệc kết thúc, nhân viên khách sạn liền mời phu nhân và con gái thủ trưởng nhận phòng, nghỉ ngơi ít phút để lấy sức, buổi chiều còn tiếp tục cuộc hành trình. Phòng nghỉ của phu nhân thủ trưởng tất nhiên cũng phải là phòng VIP. Một cán bộ địa phương nháy mắt ra hiệu cho lái xe ở lại. Anh thân nhiên rút ra hai chiếc phong bì có màu sắc và kích cỡ khác nhau rồi nói: "Một phong bì là quà của chú mày (cách gọi thân mật) một phong bì là quà của phu nhân thủ trưởng". Thế là "bốn mắt nhìn nhau hai miệng cùng cười".

Sau chặng đường thứ nhất, phu nhân thủ trưởng thấy mình "oai" hẳn lên và tự nhiên trở thành một nhân vật quan trọng. Bà rất thích. Thế là từ đó bà đồng ý để cho lái xe được *toàn quyền quyết định mọi vấn đề* trong suốt cuộc hành trình.

Buổi tối, đoàn nghỉ lại ở tỉnh X, nơi có khu nghỉ mát ở bãi biển rất thơ mộng. Tại đó, phu nhân thủ trưởng cũng được các quan chức địa phương đón tiếp rất nhiệt tình, chu đáo. Đoàn nghỉ lại ở địa phương này cả ngày hôm sau để đi thăm thú một vài danh lam,

(Xem tiếp trang 115)



QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - CAM-PU-CHIA

TRẦN VĂN TÙNG *

VIỆT Nam và Cam-pu-chia là hai nước láng giềng có quan hệ hữu nghị truyền thống. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Cam-pu-chia được hai chính phủ quan tâm không chỉ vì mục tiêu kinh tế mà bao gồm cả các mục tiêu khác như độc lập dân tộc, an ninh quốc gia, hợp tác phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

I - THỰC TRẠNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ, DU LỊCH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAM-PU-CHIA

1 - Quan hệ thương mại

Việt Nam và Cam-pu-chia là những nước chậm phát triển, cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, thiếu vốn, thiếu kỹ thuật trầm trọng. Do vậy, việc mở rộng, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại là rất cần thiết. Trong bối cảnh đó, nhu cầu hợp tác trao đổi hàng hóa giữa hai nước trở thành yêu cầu khách quan.

Thứ nhất, hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai nước liên tục tăng qua các năm. Tốc độ tăng bình quân hằng năm trong thời kỳ 1995 - 2003 là 13,25%/năm. Năm 1995, kim ngạch hai chiều đạt 181,1 triệu USD, năm 2003 đạt 362,49 triệu USD. Mặc dầu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam sang Cam-pu-chia liên tục tăng, nhưng tỷ trọng kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước chưa tương xứng so với tiềm năng sẵn có của hai nước. Tính trung bình trong suốt thời kỳ 1995 - 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Cam-pu-chia chỉ chiếm 0,59% tổng kim ngạch hai chiều của Việt Nam,

trong đó xuất khẩu chiếm 1,09% và nhập khẩu chiếm 0,27%.

Thứ hai, mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Cam-pu-chia ngày càng đa dạng và được thị trường Cam-pu-chia ưa chuộng. Những mặt hàng xuất khẩu sang Cam-pu-chia đạt kim ngạch tương đối lớn trong năm 2003 là mỳ ăn liền, sữa, sản phẩm nhựa. Ngoài ra, còn có một số sản phẩm được thị trường Cam-pu-chia ưa chuộng là bột giặt, văn phòng phẩm, đồ sứ, đồ uống, bánh kẹo, phân bón, giày dép...

Thứ ba, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Cam-pu-chia có sự biến động lớn và chỉ bằng 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Cam-pu-chia. Từ năm 2000, các doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu khai thác thị trường Cam-pu-chia về các mặt hàng cần nhập khẩu. Thế mạnh của Cam-pu-chia là các mặt hàng nông, lâm, thổ sản. Do đó, có tới 65% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Cam-pu-chia là nguyên liệu thô và hàng nông - lâm thổ sản. Tuy vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cũng mới khai thác một số mặt hàng nhập khẩu làm nguyên liệu phụ trong công nghiệp sản xuất hàng nhựa, da giày và chế biến gỗ. Theo số liệu thống kê không chính thức, hàng xuất khẩu và nhập khẩu qua các cửa khẩu với Cam-pu-chia qua buôn bán chính ngạch tăng chậm, so với buôn bán tiểu ngạch. Các mặt hàng buôn bán tiểu ngạch chủ yếu là hải sản, thực phẩm chế

* TS, Viện kinh tế và chính trị thế giới

biển, hàng tiêu dùng, nông sản, vật liệu xây dựng, xăng dầu... Trong số những mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam (trừ gỗ), rất nhiều hàng hóa tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, như đồ điện gia dụng, máy móc, phương tiện vận tải...

Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Cam-pu-chia chủ yếu đi qua cửa khẩu thuộc tỉnh Tây Ninh, An Giang và Kiên Giang. Trị giá hàng hóa xuất khẩu qua các cửa khẩu này sang Cam-pu-chia chiếm tới 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tuyến biên giới phía Tây Nam.

2 – Hợp tác đầu tư

Cam-pu-chia là thành viên của WTO, được hưởng các quy chế ưu đãi về thuế quan. Do đó, hàng xuất khẩu từ Cam-pu-chia chịu mức thuế suất thấp hơn so với hàng xuất khẩu từ Việt Nam. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Cam-pu-chia sản xuất hàng hóa tại đây, sẽ tranh thủ được nhiều cơ hội, nâng cao khả năng cạnh tranh so với các loại hàng hóa cùng loại sản xuất được tại Việt Nam.

Cơ cấu kinh tế Cam-pu-chia cơ bản vẫn còn phụ thuộc vào nông nghiệp. Khu vực nông nghiệp chiếm 34% GDP, công nghiệp 24% và dịch vụ khoảng 42% GDP. Chín mươi phần trăm dân số Cam-pu-chia sống ở nông thôn. Tỷ lệ người nghèo khổ (thu nhập dưới 1 USD/ngày) hơn 36%. Vốn đầu tư nước ngoài vào Cam-pu-chia không đáng kể, chủ yếu là từ nguồn vốn ODA của Nhật Bản. Do đó ở Cam-pu-chia không hình thành các khu công nghiệp và khu chế xuất. So với các nước ASEAN, mức độ phát triển của Cam-pu-chia còn rất thấp. Đó chính là cơ hội cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam thực hiện các dự án đầu tư ở Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia luôn khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào hạ tầng các ngành công nghiệp, khu chế xuất, nông nghiệp, du lịch, chăn nuôi gia súc, nuôi cá; khuyến khích tư nhân hóa các đồn điền cao su và phát triển mô hình trồng cao su theo kiểu gia đình thông qua Luật Đầu tư ban hành tháng 4-1994 và Luật Đầu tư (sửa đổi) tháng 3-2003. Lợi thế của các nhà đầu tư tại Cam-pu-chia là sử dụng các sản phẩm khai thác

tại chỗ, như mủ cao su, gỗ tròn, gỗ xẻ, lao động phổ thông. Lợi thế so sánh tiềm năng của Cam-pu-chia so với Việt Nam là các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Đến nay, lợi thế này vẫn chưa khai thác hết bởi vì diện tích đất bỏ hoang còn nhiều và hầu hết các loại cây trồng tại Cam-pu-chia đều có năng suất thấp hơn so với Việt Nam. Cam-pu-chia chưa phát huy được những lợi thế này là do sử dụng các yếu tố đầu vào thấp hơn Việt Nam và các nước trong khu vực.

Trong những năm qua, Việt Nam đã có những thành công trong hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài, bước đầu một số doanh nghiệp đã đầu tư sang một số thị trường như Nga, Lào, Cam-pu-chia. Thị trường Cam-pu-chia có sức mua không lớn (số dân ít, thu nhập thấp), phần đông là người nghèo sống ở khu vực nông thôn. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần tính toán đầu tư vào ngành nào là có lợi, đạt được cả hai mục đích: tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang nước khác.

Từ việc nghiên cứu thị trường Cam-pu-chia, phân tích các hoạt động của doanh nghiệp nhỏ tại Cam-pu-chia và những tiềm năng chưa khai thác hết, Việt Nam có thể đầu tư vào một số lĩnh vực mà ta có lợi thế như sản xuất các loại hàng hóa tiêu dùng giá rẻ, phục vụ cho tầng lớp dân nghèo sống ở nông thôn như giày dép, đồ dùng gia đình, công cụ sản xuất; đầu tư công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu, các dự án khai thác tài nguyên như khai thác gỗ, khai thác khoáng sản. Đặc biệt là khai thác gỗ vì diện tích rừng của Cam-pu-chia chiếm tới 36% tổng diện tích đất đai; các dự án nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, phát triển cây công nghiệp như cao su, cà phê trên các vùng đất hoang hóa v.v..

Các doanh nghiệp Việt Nam có thể gặp những khó khăn do phải cạnh tranh với hàng hóa của Thái Lan, Trung Quốc thâm nhập vào Cam-pu-chia. Tuy nhiên, do một số đặc điểm tương đồng truyền thống về văn hóa, phong tục tập quán, lối sống của người dân hai nước, đặc biệt là sự giao lưu lâu đời của nhân dân hai nước vùng biên giới, hàng hóa của Việt Nam sản xuất tại Cam-pu-chia có nhiều cơ hội để tiếp cận thị

trường nước này và xuất khẩu sang các nước khác như: Thái Lan, Mi-an-ma, Trung Quốc.

Số doanh nhân Việt Nam hoạt động tại Cam-pu-chia đang tăng lên. Chính phủ Việt Nam cần có những chính sách, hiệp định hợp tác với nước bạn để các doanh nghiệp và thương nhân Việt Nam yên tâm đầu tư lâu dài tại Cam-pu-chia.

3 - Phát triển du lịch

Chính phủ Việt Nam và Cam-pu-chia đều coi trọng phát triển du lịch. Du lịch văn hóa là nền tảng rất lớn của hai nước. Ở Cam-pu-chia nhiều đình chùa được UNESCO xếp hạng là di sản nổi tiếng của thế giới. Ngoài Ăng-co, Cam-pu-chia còn có nhiều địa điểm du lịch khác thu hút hàng trăm ngàn người mỗi năm đến tham quan. Đối với Cam-pu-chia, du lịch là ngành kinh tế có vị trí thứ hai sau công nghiệp dệt may, đóng góp hơn 6% GDP. Mỗi năm có khoảng 610 nghìn khách du lịch từ các nước đến Cam-pu-chia. Trong suốt thời kỳ từ 1993 tới nay, khách du lịch chủ yếu đến Cam-pu-chia bằng đường hàng không. Chỉ có một lượng khách du lịch rất nhỏ quá cảnh theo đường biên giới.

Hiện tại, Cam-pu-chia đang thực hiện chiến lược bầu trời mở, thể chế chính trị đi dần vào thể ổn định. Do vậy, khách du lịch đến Cam-pu-chia ngày càng tăng nhanh. Theo Bộ Du lịch nước này, tốc độ tăng khách du lịch hằng năm giai đoạn 2001 - 2005 là 19%. Trước yêu cầu phát triển ngành du lịch, năm 2002 Chính phủ Cam-pu-chia đã khuyến khích tư nhân đầu tư vào ngành du lịch với 66 dự án, giá trị 2,2 tỉ USD, đầu tư nâng cấp 48 khách sạn với giá trị 624 triệu USD và 12 dự án vui chơi giải trí phục vụ du lịch với giá trị hơn 1,6 tỉ USD.

Cam-pu-chia là quốc gia thuộc tiểu vùng sông Mê Công (GMS) có thể liên kết hoạt động du lịch với các nước Việt Nam, Thái Lan, Lào và Mi-an-ma bằng đường bộ hoặc đường thủy qua biên giới hoặc bằng đường không. Cam-pu-chia một mặt thu hút đầu tư nước ngoài, mặt khác khuyến khích tư nhân phát triển du lịch, do đó họ đã ký các hiệp định phát triển du lịch với tổ chức du lịch quốc tế và hiệp định song phương với các quốc gia trên thế giới.

Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng cả về lượng khách, thu nhập từ du lịch vào loại cao so với một số nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công như Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma. Tuy nhiên, do xuất phát điểm còn thấp, nên so với Thái Lan, Trung Quốc và một số quốc gia Đông - Nam Á khác, du lịch Việt Nam chỉ đóng góp khoảng 3,75 % vào GDP. Điểm yếu của ngành du lịch Việt Nam là dịch vụ du lịch còn đơn điệu, chất lượng chưa cao, giá cả không tương xứng với chất lượng, đang làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành du lịch.

Ngành du lịch Việt Nam đã có nhiều nỗ lực tranh thủ khai thác các nguồn bên ngoài, tăng cường hội nhập với khu vực và thế giới, thiết lập quan hệ và mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức du lịch quốc tế, Hiệp hội du lịch châu Á - Thái Bình Dương, Hiệp hội du lịch các nước ASEAN. Đặc biệt, du lịch Việt Nam tham gia tích cực vào chương trình phát triển du lịch tiểu vùng sông Mê Công, sông Hằng. Hiện tại Việt Nam có hơn 20 hiệp định song phương về du lịch, quan hệ với hơn 1.000 hãng du lịch của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ. Đối với Việt Nam, trong số các hoạt động du lịch, thì kinh doanh lữ hành quốc tế là một loại hoạt động có điều kiện, hạn chế cấp phép kinh doanh lữ hành quốc tế đang là một rào cản.

Khách du lịch quốc tế đến Cam-pu-chia và Việt Nam đang tăng nhanh. Cả hai quốc gia đều có những danh lam thắng cảnh, di sản được xếp hạng là di sản thế giới. Doanh thu của ngành du lịch Việt Nam hằng năm tăng 11 - 14%/, đóng góp 3,75% GDP, chủ yếu từ khách du lịch nước ngoài. Để đẩy mạnh hoạt động du lịch, cần tổ chức các tuyến lữ hành du lịch qua biên giới hai nước bằng đường bộ, đường sông hoặc đường biển phục vụ khách nước ngoài. Đặc biệt là tuyến đường bộ qua cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh), có thể tiếp nhận khách du lịch từ miền Trung vào thành phố Hồ Chí Minh, qua biên giới Cam-pu-chia. Và ngược lại, từ khu đền Ăng-co, đền Phnôm Pênh qua biên giới về Việt Nam. Nhu cầu khách du lịch nội địa giữa hai nước sẽ tăng nhanh, bởi vì số người Việt Nam sinh sống, hoạt động kinh tế ở Cam-pu-chia và

số người Kho-me sống ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ khá đông. Hợp tác phát triển du lịch thúc đẩy hợp tác văn hóa, thương mại, đầu tư cùng phát triển, củng cố tình hữu nghị giữa hai dân tộc.

II - MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TÂY NAM

Do nhận thức rõ vị trí chiến lược của khu vực biên giới nói chung và vị trí các cửa khẩu nói riêng, đồng thời xuất phát từ quan hệ truyền thống lịch sử lâu đời của dân cư sinh sống ở hai bên biên giới, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp để củng cố các tuyến biên giới thành các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh - quốc phòng vững mạnh, trong đó hoạt động thương mại đóng vai trò chủ yếu. Hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới Tây Nam đã đạt được một số thành tựu cơ bản sau:

Thứ nhất, Việt Nam đang dần có được một số lợi thế về mặt hàng xuất khẩu có chất lượng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường Cam-pu-chia. Việt Nam đã lợi dụng được lợi thế thị trường gần, nhu cầu tiêu dùng không đòi hỏi khắt khe, nhiều sản phẩm như mỳ ăn liền, rau quả, sản phẩm nhựa, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, gạo, thủy sản... đã có sức cạnh tranh cao so với các mặt hàng cùng loại của Thái Lan và Trung Quốc. Phía Cam-pu-chia đã có nhiều đề nghị, yêu cầu các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng các nhà máy tại Cam-pu-chia.

Thứ hai, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Cam-pu-chia đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các tỉnh dọc biên giới. Hệ thống các cửa khẩu hiện nay đã có tác dụng tích cực trong việc thu hút trao đổi hàng hóa sản phẩm từ các thị trường nguồn trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, góp phần khởi động tiềm năng tiềm ẩn của tuyến biên giới.

Thứ ba, từng bước thực hiện có kết quả các chính sách xã hội ở khu vực biên giới như xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, khôi phục các ngành nghề truyền thống, giao lưu văn hóa, phát triển du lịch... Qua đó, cuộc sống của cư

dân hai phía ngày càng được nâng cao, hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện.

Thứ tư, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị tại khu vực biên giới, chống lại các âm mưu phá hoại của kẻ địch.

Bên cạnh những kết quả thu được, hoạt động thương mại ở khu vực biên giới vẫn còn bộc lộ một số mặt hạn chế. Đó là:

- Quy mô hoạt động thương mại tại các cửa khẩu nhỏ bé, tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ không ổn định.

- Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới còn nghèo nàn, chủ yếu là nguyên liệu thô, chưa hình thành các mặt hàng chủ lực. Nhiều mặt hàng tiêu dùng có kim ngạch nhập khẩu lớn như máy móc, đồ điện gia dụng, hàng mỹ phẩm Việt Nam không khuyến khích nhập khẩu, nhưng lại được buôn bán tràn lan qua đường tiểu ngạch.

- Kết cấu hạ tầng cho hoạt động buôn bán tại các chợ cửa khẩu còn lạc hậu, nghèo nàn, đặc biệt là giao thông và phương tiện liên lạc không thuận tiện, kho bãi thiếu đã hạn chế quá trình trao đổi hàng hóa.

- Cùng với sự hoạt động thương mại qua các cửa khẩu thì nạn buôn lậu, gian lận thương mại đang diễn ra hết sức nghiêm trọng trong toàn tuyến biên giới Tây Nam.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, tiềm lực kinh tế của Việt Nam đã khác hẳn so với giai đoạn trước đây. Việt Nam đang tích cực chuẩn bị các điều kiện để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và phấn đấu đạt được các mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2001 - 2010.

Trên cơ sở các mục tiêu quan trọng được đề ra, định hướng phát triển các khu vực sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại tại các cửa khẩu biên giới này, Nhà nước đã có chủ trương nâng cấp một số cửa khẩu quan trọng. Theo Quyết định 105/1999-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) khu vực cửa khẩu này đã trở thành nơi giao lưu kinh tế - xã hội giữa Việt Nam với Cam-pu-chia và các quốc gia ASEAN khác. Nơi đây trở thành trung tâm

thương mại, dịch vụ du lịch và là đầu mối giao thông trong nước và quốc tế. Cửa khẩu Mộc Bài là cửa khẩu quan trọng giao thương bằng đường bộ giữa Việt Nam với Cam-pu-chia, đồng thời sẽ trở thành cửa ngõ của các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công theo tuyến đường xuyên Á. Khi con đường này hoàn thành sẽ nối liền hành lang Đông - Tây, dựa vào thế mạnh về sản xuất hàng hóa công nghiệp, hàng tiêu dùng của khu vực Đông Nam Bộ, nhiều loại hàng hóa sản phẩm của Việt Nam như nông sản, thủy sản, công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... có thể thâm nhập thị trường Cam-pu-chia và một số quốc gia châu Á khác.

Ngoài cửa khẩu Mộc Bài, Hà Tiên, Kiên Giang cũng có vị trí rất thuận lợi cho cả giao thông đường bộ và đường thủy. Quyết định 158/1998 QĐ-TTg về phát triển khu vực cửa khẩu Hà Tiên đã mở ra những cơ hội mới cho việc phát triển tại khu vực này. Tuyến vận tải đường sông từ thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương có khả năng vận chuyển khối lượng hàng hóa rất lớn từ các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đến Cam-pu-chia. Quỹ đất của khu vực này tương đối rộng, có điều kiện thuận lợi để phát triển các khu chế xuất, kho bãi, trung tâm dịch vụ để xuất khẩu hàng hóa và sản phẩm dịch vụ của Việt Nam sang nước bạn.

Các thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của Cam-pu-chia là các nước Nhật, Pháp, Đức, Mỹ, Trung Quốc, các nước ASEAN, và đặc khu Hồng Kông. Trong thời gian qua, Cam-pu-chia rất coi trọng việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với các nước khác và đang nỗ lực đẩy mạnh xuất khẩu để giảm mức thâm hụt thương mại, hiện là 220 - 250 triệu USD, chiếm 5,9% GDP. Cam-pu-chia là thành viên của ASEAN và WTO nên được hưởng các quy chế tối huệ quốc với các trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản và EU. Những yếu tố quan trọng này sẽ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu của Cam-pu-chia phát triển mạnh. Như trên đã trình bày, mặc dầu kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường Cam-pu-chia không lớn, nhưng hàng hóa của Việt Nam lại có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn so

với mặt hàng cùng loại từ nước khác. Do đó, đây vẫn là một thị trường quan trọng của Việt Nam. Dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tại thị trường Cam-pu-chia tiếp tục tăng. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Cam-pu-chia phụ thuộc nhiều vào khả năng xuất khẩu qua biên giới trên đất liền. Nói cách khác, kim ngạch xuất khẩu qua biên giới Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Cam-pu-chia.

Việt Nam và Cam-pu-chia đều là thành viên của ASEAN nên khi Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được thực thi sẽ làm gia tăng áp lực nhập khẩu hàng hóa của Cam-pu-chia và các nước khác vào Việt Nam. Mặt khác, do tuyến biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia khá dài, địa hình phức tạp nên rất khó kiểm soát hoạt động nhập khẩu trên toàn tuyến. Đây là yếu tố bất lợi, dẫn đến tình trạng buôn lậu tiếp tục kéo dài. Dự báo năm 2010, kim ngạch nhập khẩu từ Cam-pu-chia vào Việt Nam là 179,8 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân trong thời kỳ 2006 - 2010 là 16%/năm. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, nếu như tiến trình AFTA được thực hiện vào đầu năm 2006 (sớm hơn so với dự kiến của Việt Nam) thì các luồng hàng hóa giữa Việt Nam và các nước ASEAN tăng, kinh tế - chính trị Cam-pu-chia bước vào thế ổn định. Các mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu từ Cam-pu-chia vẫn chủ yếu là gỗ các loại, mủ cao su, thuốc lá, nông - lâm sản, máy móc thiết bị.

Đến năm 2010, theo dự báo của Tổng cục Thống kê, dân số các tỉnh thuộc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia sẽ hơn 7,5 triệu người. Thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh biên giới năm 2010 tăng hơn 3 lần so với năm 2005, lương thực và thực phẩm chủ yếu do người dân tự túc. Do đó sức mua của dân cư khu vực biên giới có thể lên tới 70% thu nhập. Điều này sẽ tạo khả năng thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của các tỉnh phía Tây Nam dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia. Khi các hiệp định hợp tác giữa hai nước vừa được ký kết ngày 10-10-2005 có hiệu lực thì buôn bán hai chiều giữa Việt Nam với Cam-pu-chia đến năm 2010 sẽ vượt quá 1 tỉ USD. □

HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG Ở HỒNG CÔNG: VẪN LÀ MỘT CUỘC CHIẾN KHÓ CÓ LỐI THOÁT

NGUYỄN VĂN THANH *

HỘI nghị Bộ trưởng các nước thuộc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ở Hồng Công từ ngày 13 đến 18-12-2005 đã không đạt được những kết quả như mong đợi. Có thể nói bản Tuyên bố chung của Hội nghị được 149 quốc gia và lãnh thổ thành viên tán thành chỉ là kết quả của việc tìm kiếm "một mẫu số chung nhỏ nhất" cho những quyền lợi trái ngược và những mâu thuẫn khó có thể điều hòa giữa nước giàu và nước nghèo.

Tương quan lực lượng và những lợi ích đối lập

Tổ chức Thương mại thế giới có 148 thành viên. A-rập Xê-út là quốc gia thành viên thứ 149 và Tong-ga là thành viên thứ 150 được kết nạp trong hội nghị này với những nhượng bộ cực kỳ phi lý. Vương quốc nhỏ bé với 100.000 dân này phải chấp nhận một mức thuế trần 20% cho cả công nghiệp và nông nghiệp trong lúc thuế thịt bò của Hoa Kỳ là 350%, thuế nhập khẩu đường của EU là 300%, thuế nhập gạo của Nhật Bản là 700%.

Thành viên WTO chia làm nhiều nhóm nước có lợi ích gần gũi:

G20: Gồm các nước Ác-hen-ti-na, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Chi-lê, Trung Quốc, Cu-ba, Ai Cập, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Mê-hi-cô, Ni-giê-ri-a, Pa-ki-xtan, Pa-ra-goay, Phi-líp-pin, Nam Phi, Tan-da-ni-a, Thái Lan, Vê-nê-xu-ê-la và Đim-ba-bu-ê. Dưới sự dẫn dắt của Bra-xin và Ấn Độ, G20 là một trong những nhóm thương

lượng WTO quan trọng nhất từ Hội nghị Bộ trưởng ở Can-cun năm 2003. Nhóm này vừa đề nghị một công thức thỏa nhượng về giảm thuế (mang tính chất trung gian giữa những đề nghị của vòng Thụy Sĩ và vòng U-ru-goay), được thừa nhận rộng rãi như một cơ sở để tiếp tục đàm phán. G20 lập luận cần hạn chế việc sử dụng phạm trù các "sản phẩm nhạy cảm" (một cơ chế chủ yếu làm lợi cho các nước phát triển), thay vào đó là cần chú trọng hơn đến các "sản phẩm đặc biệt" (SPs) và "cơ chế bảo đảm an toàn đặc biệt" (SSM) được nhóm G33 hậu thuẫn mạnh mẽ. Về cạnh tranh xuất khẩu, G20 đề nghị một thời hạn 5 năm loại bỏ tất cả trợ cấp xuất khẩu, tức là đến năm 2010.

G33: Bao gồm các quốc gia được mệnh danh là có "Thiên hướng bảo vệ các sản phẩm đặc biệt" do In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin dẫn dắt bao gồm 42 nước, trong đó 10 nước nằm trong G20 như Trung Quốc, Ấn Độ, Cu-ba, In-đô-nê-xi-a... Về giảm thuế quan, nhóm phản đối cào bằng mà phải tùy cơ cấu thuế của mỗi nước đang phát triển.

G90: Gồm các nước trong Liên minh châu Phi, ACP (châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương) và các nước kém phát triển khác. G90 không có lập trường thống nhất về tất cả các vấn đề thương lượng, nhưng nhất trí với nhau về duy trì chế độ ưu đãi hiện có.

* Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam

G110: Mới hình thành trong hội nghị ở Hồng Công, bao gồm hầu như toàn thể các nước đang phát triển và kém phát triển trong thành phần các nhóm trên, chiếm 80% dân số thế giới.

Hoa Kỳ: Là quốc gia sử dụng mạnh mẽ tín dụng xuất khẩu và viện trợ lương thực để giải quyết số sản phẩm nông nghiệp dư thừa, chống lại SSM vì cho là trùng lặp với SP.

EU: Ủng hộ cho phép linh hoạt với các sản phẩm nhạy cảm nhưng có mức độ đối với cả SSM và SP. EU muốn giữ nguyên trạng đối với hỗ trợ nội địa, đòi kéo dài thời hạn bỏ trợ cấp xuất khẩu. Đồng thời, đưa ra nhiều điều kiện tiên quyết đối với việc loại bỏ đó, như phải tự do hóa các lĩnh vực tiếp cận thị trường phi nông nghiệp (NAMA) và dịch vụ (GATS).

Nhật Bản: Quan tâm chính là bảo vệ thị trường gạo (thuế suất tới 700%), cá, sản phẩm da giày.

Nhóm Cairns: Bao gồm 18 quốc gia cả phát triển và đang phát triển có truyền thống xuất khẩu nông sản như Ác-hen-ti-na, Ô-xtrây-li-a, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Ca-na-đa, Chi-lê, Cô-lôm-bi-a, Thái Lan... Có nhu cầu lớn về tiếp cận thị trường, nên muốn "hài hòa" thuế nhập khẩu ở tất cả các nước.

G10: bao gồm Bun-ga-ri, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ai-xơ-len, I-xra-en, Nhật Bản, Lit-ten-xtanh, Na Uy và Thụy Sĩ. G10 chống công thức của G20, đặc biệt là định mức thuế trần. Yêu cầu tự do quyết định đối với các sản phẩm xếp loại nhạy cảm. G10 cũng giữ lập trường thủ cựu đối với vấn đề hỗ trợ nội địa.

Số lượng đại biểu đông nhất là EU với 832 người (tại hội nghị Can-cun có 651 đại biểu); Hoa Kỳ có 356 so với 212 đại biểu ở Can-cun. Nhật Bản đứng thứ ba với 229. Các nước G7 cộng lại có 939 đại biểu (ở Can-cun có 805).

Về phía các nước đang phát triển, 46 quốc gia có dưới 10 đại biểu (bao gồm những nước như Bô-li-vi-a, 7; Ru-an-đa, 7; Hôn-đu-rát, 6; Ni-ca-ra-go-a, 6; Sát, 8; Cô-lôm-bi-a, 9;

Ni-giê, 8; Bu-run-đi, 3; Găm-bi-a, 2; Mô-ri-ta-ni, 4; Cộng hòa Trung Phi không có). Các nước kém phát triển (LDC) có 471 đại biểu (ở Can-cun có 30 nước LDC và 377 đại biểu).

Cuộc chiến khó có lối thoát

Hội nghị đã bế mạc sau sáu ngày làm việc căng thẳng. Các phiên họp thường kéo dài lê thê (thậm chí như ở Đô-ha vào phiên cuối các đại biểu họp liền 36 tiếng đồng hồ, đoàn có đông người còn thay phiên được, đoàn ít người bị kiệt sức dễ buông xuôi). Hội nghị ở Hồng Công cũng phải họp suốt đêm thứ bảy và ngày chủ nhật. Ngay sau khi Tuyên bố chung được công bố đã có những đánh giá khác nhau. Các tổ chức phi chính phủ lên án: thỏa thuận tại cuộc họp của WTO ở Hồng Công đã không đáp ứng các cam kết về phát triển. Thỏa thuận phản ánh quyền lợi của các nước giàu hơn là của các nước nghèo và không đưa ra được những cải cách mà các nước nghèo cần. Phin Blum-mơ (Phil Bloomer), người đứng đầu chiến dịch "Vĩ thương mại công bằng" của Oxfam quốc tế cho rằng, EU và Hoa Kỳ đã phản bội những lời hứa cải tổ lại các luật lệ thương mại để thúc đẩy phát triển. Một số tiến bộ nhỏ về nông nghiệp không bù lại được những đề nghị cực kỳ tai hại về dịch vụ và công nghiệp. Các nước đang phát triển đã bị đặt vào một tình thế lưỡng nan. Hoặc là phải chấp nhận một văn bản với những khiếm khuyết nghiêm trọng, hoặc là phải chịu tiếng gậy ra thất bại cho hội nghị. Do Hoa Kỳ và EU thi hành sách lược khuyến dụ và chia để trị, nhiều nước trong số đó đã phải chấp nhận văn bản này một cách miễn cưỡng.

Thỏa thuận đạt được với sự nhất trí của tất cả 149 thành viên các quốc gia và lãnh thổ hứa hẹn mang lại cho các nước nghèo nhất (32 quốc gia có thu nhập theo đầu người hàng năm dưới 750 USD) một số ưu đãi đặc biệt: các nước này được miễn thuế và hạn ngạch cho 97% sản phẩm xuất sang các nước giàu vào năm 2008 (tỷ trọng thì lớn nhưng số 3% còn lại mới thực sự quan trọng); cam kết hủy bỏ trợ cấp xuất khẩu vào năm 2013, chậm mất ba năm so với

đề nghị của các nước đang phát triển, phần trợ cấp xuất khẩu này của EU có nghĩa là EU sẽ phải thôi trợ cấp cho nông dân từ 2,5 đến 3 tỉ ơ-rô (3 đến 3,5 tỉ USD), nhưng cũng chỉ chiếm có 3,5% tổng số hỗ trợ cho nông nghiệp; và một cam kết bảo đảm cho các nước đang phát triển có quyền bảo vệ các sản phẩm có tầm quan trọng sống còn đối với nông dân nghèo.

Theo tờ Tạp chí phố Uôn (Wall Street Journal) phát hành cho châu Âu, thỏa thuận chấm dứt trợ cấp nông nghiệp không nói rõ Hoa Kỳ phải thế nào, bởi nước này cung cấp viện trợ xuất khẩu chủ yếu dưới hình thức viện trợ lương thực (chương trình PL 480) và tín dụng xuất khẩu để tài trợ cho thương mại. Bản tuyên bố chung nói các chương trình viện trợ lương thực cần được duy trì cho những trường hợp khẩn cấp, nhưng không đề xuất cắt trợ cấp nội địa là cái gây ra phá giá và cũng không có đề nghị thắt chặt những trợ cấp cho phép. Cũng không có bảo đảm các nước đang phát triển được tiếp cận rộng rãi hơn thị trường các nước phương bắc. "Gói phát triển" dành cho các nước đang phát triển được làm rùm beng trước hội nghị bị teo lại chỉ còn bao gồm những viện trợ cho thương mại rất hạn chế với rất ít tiền được dành thêm, hạn ngạch miễn thuế cũng bị giảm bớt, và vẫn cho phép các nước giàu loại ra ngoài các sản phẩm có ý nghĩa sống còn đối với hàng triệu người nghèo. Các nước giàu vẫn có thể bảo vệ những sản phẩm then chốt như hàng dệt, hoặc gạo ở Nhật Bản, Hàn Quốc.

Chuối, đường và hàng dệt may là những sản phẩm nhạy cảm. Các nước Mỹ La-tinh yêu cầu EU xem xét lại thuế đánh trên chuối mà các nước EU dành ưu tiên cho các cựu thuộc địa. Đối với bông: Hoa Kỳ đề xuất loại bỏ mọi hình thức trợ cấp xuất khẩu vào 2006, nhưng điều này đã được WTO quyết nghị từ tháng 9-2005 sau khiếu kiện của Bra-xin, và những khoản trợ cấp đó cũng chỉ chiếm 10% tổng chi tiêu của Hoa Kỳ cho ngành trồng bông của họ. Hoa Kỳ hứa hẹn sẽ viện trợ cho năm nước bị ảnh hưởng nhất là Bê-nanh, Sát, Buốc-ki-na Pha-xô, Ma-li

và Xê-nê-gan, nhưng gác lại việc trợ cấp nội địa khiến giá bông thế giới giảm xuống. Mu-sa Xây (Moussa Saye), điều phối viên của tổ chức Viện trợ hành động (Action Aid) ở Xê-nê-gan cho rằng viện trợ đó chỉ là sự đánh lạc hướng: "Hoa Kỳ nói với chúng tôi rằng trợ cấp của họ không thành vấn đề, cái chúng tôi cần là viện trợ để nâng cao năng suất. Nhưng luận cứ này là một sự thóa mạ. Viện trợ (của Hoa Kỳ) chỉ là một sự hối lộ. Chúng tôi không tin rằng đó là một sự đền bù cho thương mại không công bằng".

Cen-xơ A-mo-rin (Celso Amorin), ngoại trưởng Bra-xin thì cho rằng, thỏa nhượng đạt được là "một bước tiến đáng kể" trong một lĩnh vực được quan tâm nhất của nông dân các nước đang phát triển. Ka-mạ Nát (Kamal Nath), Bộ trưởng Thương mại Ấn Độ cho rằng những thắng lợi đạt được cho các nước đang phát triển chứng tỏ sự thống nhất trong suốt hội nghị ở Hồng Công. Tờ Bưu điện Nam Trung Hoa buổi sáng (South China Morning Post) số ra ngày 19-12-2005 cho rằng, hành động của hai nước đang phát triển tương đối giàu chứa đựng những điều khuất tất bất lợi cho các đối tác nghèo hơn. Không phải các nước đều chia sẻ quan điểm về thành quả hội nghị ở Hồng Công với bộ đôi Nát - A-mo-rin, bị các nước coi là đã đứng về phía Hoa Kỳ và EU. Bộ trưởng Thương mại Ác-hen-ti-na, Gioóc Tai-a-na (Jorge Taiana) nói: "Chúng tôi muốn có nhiều tiến bộ hơn trong thương thảo về nông nghiệp, đặc biệt là tiếp cận thị trường". I-na-cô Oắc-cơ (Ignacio Walker), Bộ trưởng Ngoại giao Chi-lê phản nản, Hoa Kỳ và EU không có những hành động cần thiết về trợ cấp nông nghiệp và tiếp cận thị trường.

Bà Mê-na Ra-man (Meena Raman), Chủ tịch quốc tế của tổ chức phi chính phủ Những người bạn của trái đất (Friends of the Earth) cho rằng, cái gọi là những mối lợi cho các nước đang phát triển chẳng qua chỉ là những mẩu vụn, chẳng bù được cho cái giá mà hàng triệu nông dân, ngư dân và người bản địa phải trả

sau này. Ông L.A-lanh Uyn-tơ (L. Allan Winters), giám đốc cơ quan nghiên cứu Ngân hàng thế giới (WB) cũng đánh giá là "kết quả thấp hơn mong đợi".

Không có gì lạ khi một số nhà kinh tế học tư sản có những lời lẽ rất khiếm nhã đối với các tổ chức phi chính phủ. Nào là "các nước đang phát triển đã ăn phải bã những luận cứ dốt nát về kinh tế do các tổ chức phi chính phủ đưa ra". Nào là "một số các ông bạn "dòm" đó thậm chí đã xuất hiện như những nhà thương lượng, quyết ra tay bảo vệ các dịch vụ nội địa với giá cao, những công nghiệp chế tạo không có khả năng cạnh tranh quốc tế và các độc quyền làm nghèo dân chúng của họ (!). Họ có cơ làm-cho WTO bất lực như Cơ quan Thương mại và Phát triển của Liên hợp quốc - UNCTAD".

Châu Phi phản ứng mạnh mẽ đối với thỏa thuận, cho rằng nước nghèo lại phải thúc thủ trước sự ngoan cố của các nước giàu. Liên đoàn lao động COSATU hùng mạnh của Nam Phi đã chua chát: "Tình hình vẫn như cũ, khiến người ta có thể cho rằng thà là một con bò ở Nhật Bản để được trợ cấp 7 USD một ngày còn hơn thân phận một con người ở châu Phi". Ngược lại, nông dân EU thì phê phán các nhà đàm phán châu Âu nhượng bộ về trợ cấp nông nghiệp nhưng lại không giành được gì về dịch vụ và thuế hàng công nghiệp.

Trong suốt thời gian Hội nghị, bên ngoài hội trường là những cuộc biểu tình chống đối rầm rộ, có lúc lên tới 5.000 người, sôi động nhất là gần 2.000 nông dân Hàn Quốc. Đã có 135.000 chữ ký từ hơn 100 quốc gia và hơn 740 tổ chức đại diện cho 60 triệu người do Viện nghiên cứu xuyên quốc gia (TNI) thu thập với mục đích hỗ trợ phong trào "Công dân phản đối WTO" về thực phẩm biến đổi gen từ các nước Hoa Kỳ, Ác-hen-ti-na và Ca-na-đa. Ba ngàn cảnh sát được huy động để ngăn không cho những người biểu tình đến gần hội trường. Hơn 900 người bị bắt, 41 người bị thương, một bị thương nặng do bị cảnh sát đánh đập. Một

nhóm nhỏ người dân Hồng Công đã tuyệt thực để ủng hộ nông dân Hàn Quốc, yêu cầu đưa nông nghiệp và ngư nghiệp ra khỏi nghị trình WTO.

Kể từ thỏa thuận Giơ-ne-vơ tháng 7-2004 cho đến Hội nghị ở Hồng Công tháng 12-2005, sau 16 tháng thương lượng căng thẳng, các cuộc đàm phán thương mại hầu như không có sự tiến triển. Tại Hội nghị này không có sự sụp đổ như ở Can-cun, không có những cuộc tuần hành hàng năm bảy chục ngàn người và xảy ra xung đột như ở Xi-a-tơn, nhưng cũng không có sự hoan hỉ. Đại diện các nước đang phát triển đều sợ mang tiếng "phá bình", và các nước phát triển coi đó là một thứ vũ khí lợi hại để gây sức ép. Những chủ đề quan trọng như tiếp cận thị trường phi nông nghiệp (NAMA), dịch vụ, nông nghiệp đều được gác lại cho đầu năm tới. Nhưng làm sao có thể thỏa thuận được về thể thức cho những nội dung đó vào ngày 30-4-2006 trong một thời gian quá ngắn và người ta cũng chưa hiểu các cuộc thương lượng sẽ diễn ra dưới hình thức nào, một hội nghị bộ trưởng toàn thể khác, hay một hội nghị Đại hội đồng cộng với các bộ trưởng như hội nghị đã đưa đến Hiệp định khung tháng 7-2004.

Le lói tia hy vọng mới với sự ra đời của G110 tập hợp hầu như tất cả các nước đang phát triển và kém phát triển trong WTO vì lợi ích chung của các nước nghèo, không để bị các nước giàu khuyến dụ, mua chuộc, chia rẽ, như EU muốn tách 15 nước đang phát triển khá giả trong G20 như Bra-xin, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ác-hen-ti-na... để áp lực các nước này nhượng bộ về tiếp cận thị trường phi nông nghiệp, dịch vụ và một phần về nông nghiệp. "Phòng Xanh" với khoảng ba mươi đại diện vẫn được Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản tiếp tục dùng - tuy có "dân chủ" hơn với việc các nhóm, các khu vực cử đại diện thảo luận nhất trí trước khi đưa ra hội nghị toàn thể.

Thực tiễn đàm phán gia nhập WTO của nước ta cũng như kinh nghiệm của các nước cùng chung hoàn cảnh cho thấy đại thương

trường này vẫn còn là nơi phục vụ cho các nước giàu. Nhưng các nước giàu hiểu rõ các nước đang phát triển cũng ngày càng mạnh hơn, cần lợi cuốn những nước đang phát triển lớn như Ấn Độ, Bra-xin. Họ đã mời hai nước này để cùng với Hoa Kỳ, EU và Ô-xtrây-li-a hình thành "Năm bên quan tâm" cùng nhau giải quyết những bế tắc về nông nghiệp và đã cho ra đời Hiệp định khung tháng 7-2004. Ở Hồng Công, có thể nói "tứ đầu chế mới" (Hoa Kỳ, EU, Ấn Độ, Bra-xin) đã đóng vai trò quyết định trong tiến trình hội nghị.

Vì thế Pa-xcan La-my (Pascal Lamy), tân giám đốc của WTO đã nói: "Cán cân sức mạnh đã nghiêng về phía các nước đang phát triển", hàm ý các nước đang phát triển có tiềm lực như Ấn Độ, Bra-xin đã cùng với các nước giàu như Hoa Kỳ và EU thao túng WTO. Năm nước In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Nam Phi, Vê-nê-xu-ê-la và Cu-ba đã kiên quyết chống lại Phụ lục C về đàm phán dịch vụ, nhưng cuối cùng chỉ có

Cu-ba và Vê-nê-xu-ê-la "bảo lưu" trong phiên cuối cùng ngày 18-12.

Trên sân chơi WTO, các nước đang phát triển, lớn cũng như nhỏ, phải đoàn kết và thống nhất mới chống lại được sức ép của các nước giàu và mang lại ý nghĩa thiết thực cho Vòng phát triển Đô-ha. Một cơ hội mang lại thương mại công bằng cho người nghèo trên thế giới đã bị tuột mất. Các nước giàu đặt lợi ích thương mại của họ lên trên lợi ích của các nước đang phát triển. Phần lớn những quyết định quan trọng nhất đã bị gác lại cho một cuộc họp khác vào đầu năm 2006. Các nhà đàm phán tiếp tục thỏa thuận với nhau vào năm tới về công thức cắt giảm thuế và trợ cấp nông nghiệp - những chi tiết cơ bản của một hiệp định thương mại sau này - nhưng với cung cách như đã thể hiện ở hội nghị Hồng Công, khó có thể nói rằng các nước giàu sẽ có thể làm được gì tốt hơn vào đầu năm tới. Các nước đang phát triển vẫn phải tiếp tục đoàn kết và đấu tranh. □

QUYỀN LỰC...

(Tiếp theo trang 105)

thắng cảnh. Đoàn được các cán bộ địa phương tháp tùng như đối với thượng khách. Và, tất nhiên khi rời khỏi địa phương để tiếp tục cuộc hành trình, họ không bao giờ quên đưa cho phu nhân thủ trưởng và lái xe những chiếc phong bì mà họ gọi là "chút quà nhỏ của quê hương".

Cứ thế, cứ thế, hết chạng này đến chạng khác trong suốt cuộc hành trình, mọi việc diễn ra tương tự. Có nghĩa là đi tới đâu phu nhân thủ trưởng cũng được đón tiếp hết sức lịch sự, chu đáo. Quả thật là oai!!

2. Lại nữa, lái xe của cơ quan X có cái tên rất ấn tượng: T.A.Hùng. Vào hai ngày nghỉ cuối tuần, anh ta mượn xe ô tô của người bạn là giám đốc một công ty

trách nhiệm hữu hạn để đưa bạn gái đi chơi. Xe vào tới thành phố L thuộc tỉnh Y thì anh ta vi phạm luật giao thông. Đồng chí cảnh sát huyết còi bắt xe dừng lại để kiểm tra giấy tờ. Khốn thay! anh ta quên không mang theo bằng lái xe và giấy tờ tùy thân. Thế là cả người và xe được đưa về cơ quan công an xử lý. Khi đó, cậu lái xe nhớ ra mình có ông anh rể là thư ký của Bí thư tỉnh ủy tỉnh này, bèn gọi điện cầu cứu. Mở máy di động thấy màn hình hiển thị tên của cậu em vợ, đồng chí thư ký Bí thư tỉnh ủy bèn hỏi:

- Em đang ở đâu?

- Em đang ở thành phố; có một việc nhờ anh can thiệp ngay cho. Em vô ý đi vào đường ngược chiều, nhưng quên không mang theo bằng lái xe nên cả người và xe đang bị công an giữ lại.

Chưa nghe hết sự phân trần của em vợ, đồng chí thư ký của Bí thư tỉnh ủy đã bảo cậu ta chờ ít

phút rồi cúp máy. Chẳng biết đồng chí thư ký kia gọi điện cho ai và nói như thế nào mà chỉ ít phút sau có một cảnh sát đến vỗ vai cậu lái xe và bảo: "Em có thể đi được rồi nhưng phải chú ý đi cho cẩn thận đấy, đừng để anh (tức thư ký của Bí thư tỉnh ủy) phải can thiệp lần thứ hai". Thế đấy! chỉ cần một cú điện thoại của thư ký Bí thư tỉnh ủy mà mọi việc đều được giải quyết nhanh, gọn, êm thấm, cho dù việc đó đối với người khác thì chắc chắn 100% là vi phạm luật".

Viết ra những chuyện trên tôi tự hỏi không biết các đồng chí lãnh đạo cơ VIP có biết chuyện quyền lực của mình bị ăn theo không? Nếu biết thì thái độ của các đồng chí ấy như thế nào? lờ đi hay kiên quyết ngăn cấm? Tự hỏi rồi tôi lại tự trả lời: Chắc chủ yếu là lờ đi. Nếu kiên quyết ngăn cấm thì những chuyện như thế đã không trở thành hiện tượng không hiếm trong xã hội ta hiện nay. □



VIỆT NAM ĐANG VƯỜN MÌNH TRỞ THÀNH CON HỔ *

NHỜ thắng lợi của đường lối, chính sách đổi mới, từ năm 2000, Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng đứng thứ hai thế giới, sau Trung Quốc, hằng năm là 7,5%. Nhiều chuyên gia nước ngoài nhận định: Việt Nam đang vươn mình trở thành con hổ.

Nền kinh tế đi đúng hướng

Trước đây không lâu, các nhà kinh tế tỏ ra ngạc nhiên khi người dân Việt Nam nhanh chóng thay đổi đi bằng xe đạp sang xe máy. Nhưng hiện nay, các nhà quan sát chứng kiến có nhiều người dân đi mua ô tô. Ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, có nhiều xe ô tô mới mang biển đăng ký của tư nhân chạy trên đường phố.

Trong khi các nước ở Đông - Nam Á tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại thì nền kinh tế của Việt Nam đang tiếp tục tăng. Trong năm 2005 kinh tế của Việt Nam tăng trưởng 8,4% và tỷ lệ nghèo đói giảm nhanh. Người phụ trách kinh tế của Ngân hàng thế giới (WB) tại Việt Nam nhận xét, nếu xu hướng này tiếp tục, tình trạng đói nghèo chỉ còn giới hạn ở những vùng sâu, vùng xa. Bánh xe tăng trưởng của Việt Nam dường như không gì có thể cản nổi, dù gánh chịu các đợt bùng phát liên tiếp của SARS và cúm gà. Theo cách giải thích của ông G. Pin-cốt thuộc Chương trình phát triển

Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam, sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Việt Nam chủ yếu nhờ vào bước chuyển hướng của hàng triệu nông dân sang các phương thức sản xuất hiệu quả hơn. Rất nhiều người chuyển sang trồng cà phê, nuôi tôm, trong khi không ít nông dân khác tới làm việc tại các nhà máy dệt may, da giày...

Ở Việt Nam người dân bình thường cũng có cảm nhận rõ rệt về công cuộc đổi mới. Thành công của công cuộc đổi mới là do Việt Nam đã phát triển theo hướng kinh tế thị trường và tạo ra điều kiện khung cơ bản để cho nền kinh tế hoạt động tốt. Việt Nam đã chọn cho mình con đường "chậm mà chắc". Bởi vì, khi hoạt động theo nền kinh tế thị trường, nếu không có khung pháp lý tốt sẽ dẫn đến tình trạng phân biệt giàu - nghèo cũng như tệ nạn tham nhũng.

Báo cáo phát triển con người năm 2005 của UNDP nhận xét, Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế mà vẫn bảo đảm được công bằng xã hội. Báo cáo nêu rõ, Việt Nam là một tấm gương trong việc chuyển đổi tốc độ phát triển kinh tế cao sang việc phát triển con người một cách nhanh chóng. Việt Nam là một ví dụ

* Nguồn: Tài liệu tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam

cho thấy một quốc gia có thu nhập rất thấp nhưng vẫn đạt được tiến bộ trong việc thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ (MDG). Tỷ lệ người có thu nhập thấp tại Việt Nam đã giảm một nửa, từ 60% năm 1990 xuống còn 32% vào năm 2000. Tỷ lệ trẻ sơ sinh tử vong đã giảm từ 5,8% trẻ xuống còn 4,2% cùng kỳ. Báo cáo cho rằng, tăng trưởng kinh tế nhanh và rộng khắp đã góp phần giúp Việt Nam thành công. Vì vậy, Việt Nam đã thực hiện đầu tư vào phát triển con người trong suốt thập niên 90 của thế kỷ trước. Các biện pháp cải cách bằng tái phân phối trong nông nghiệp đã mang tới những kết quả trong giảm nghèo và đem lại những thành tựu phát triển lớn. Tại cuộc họp báo (ngày 1-12-2005) trước thềm Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, ông C. Rô-lân, Giám đốc WB tại Việt Nam nhận xét, nền kinh tế Việt Nam đang đi đúng hướng. Một nền kinh tế đa thành phần đang giúp Việt Nam ngày càng thịnh vượng. Các chuyên gia của WB cũng đánh giá cao việc Quốc hội Việt Nam vừa qua đã thông qua hai dự luật liên quan đến đầu tư, giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước có một sân chơi bình đẳng. Trong tình hình hiện nay, hội nhập quốc tế và cải cách trong nước chính là cách để Việt Nam trở thành một nước có thu nhập trung bình.

Một điển hình về thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ

Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương xóa đói giảm nghèo và chính sách này là mục tiêu xuyên suốt trong phát triển kinh tế, xã hội. Chính vì vậy, việc thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ (MDG) rất có ý nghĩa, bởi MDG của quốc tế rất phù hợp với các mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Kể từ khi Chủ tịch nước Trần Đức Lương cùng đại diện 188 quốc gia khác ký cam kết thực hiện MDG vào tháng 9-2000, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và sáng tạo để đạt được bước tiến đáng kể trong việc hiện thực hóa 8 nội dung của MDG, như: xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học, bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, bảo đảm bền vững môi trường...

Ngay sau khi ký cam kết, Chính phủ Việt Nam đã triển khai việc "quốc gia hóa" các mục tiêu này bằng cách xây dựng hệ thống 12 mục tiêu phát triển quốc gia và lồng ghép chúng vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước 5 năm và hằng năm. Điều này một mặt thể hiện cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà với cả cộng đồng quốc tế về việc thực hiện MDG. Mặt khác, nó thể hiện sự sáng tạo độc đáo của Việt Nam nhằm làm cho MDG phù hợp và thiết thực đối với tình hình cụ thể của đất nước, tạo khả năng và nâng cao hiệu quả trong việc huy động toàn dân thực hiện các mục tiêu này.

Tổng thư ký Liên hợp quốc C. A-nan nhận xét: "Việt Nam là điển hình trong việc thực hiện MDG để các quốc gia khác học tập". Nhiều chính khách và đại diện các tổ chức quốc tế đều có những lời nhận xét khả quan về quá trình thực hiện MDG của Việt Nam. Bình luận về bản báo cáo cấp quốc gia đầu tiên về việc thực hiện MDG do Chính phủ Việt Nam đưa ra tham vấn mới đây, các tổ chức được tham vấn bao gồm UNDP, UNICEF (Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc), ILO (Tổ chức lao động quốc tế) đều có chung nhận xét, ngay cách thức xây dựng báo cáo với sự tham gia của tất cả các bộ, ngành trên cả nước và tham vấn

rộng rãi các đại biểu quốc tế đã thể hiện tính năng động và thái độ "cầu thị" của Việt Nam trong quá trình thực hiện MDG.

Theo đánh giá của cộng đồng quốc tế, xóa đói giảm nghèo là lĩnh vực xuất sắc nhất của Việt Nam trong 8 mục tiêu đã cam kết. Bằng việc lồng ghép mục tiêu xóa đói giảm nghèo vào chiến lược tăng trưởng toàn diện của các địa phương, Việt Nam đã thay đổi phương thức xóa đói giảm nghèo truyền thống, huy động được nguồn lực tổng hợp cho công cuộc này.

Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam đã giảm mạnh, từ 58,1% năm 1993 xuống còn 24,1% năm 2004 (theo chuẩn mới). Như vậy, trong 10 năm Việt Nam đã giảm được gần 60% số hộ nghèo. Với kết quả này theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam đã về đích trước 10 năm so với mục tiêu mà MDG đề ra.

Việc bảo đảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế luôn ở mức trên 7% trong những năm gần đây là vũ khí để tấn công đói nghèo và là cơ sở để duy trì kết quả đạt được từ công cuộc này.

Từ một nước nghèo, Việt Nam đã vươn lên thành đối tác thương mại lớn với việc ký kết hơn 80 hiệp định thương mại và đầu tư song phương, có quan hệ hợp tác kinh tế với hơn 170 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Điều này góp phần khẳng định, thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển là mục tiêu nhất quán trong chính sách đối ngoại và chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam, phù hợp với cam kết trong MDG.

Bằng những nỗ lực trong việc đổi mới thể chế kinh tế, hệ thống pháp luật, Việt Nam

thể hiện mong muốn tăng cường tính minh bạch, thông thoáng trong hệ thống thương mại và tài chính để thực hiện mục tiêu hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Về giáo dục, Việt Nam được quốc tế đánh giá là quốc gia có nhiều thành tựu đáng kể so với các quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người tương đương. Việt Nam đã thiết lập được hệ thống giáo dục quốc gia khá hoàn chỉnh với số lượng trường dân lập có xu hướng ngày càng phát triển. Tỷ lệ học sinh tiểu học đến trường đúng độ tuổi đã đạt 97,5% năm 2005.

Mục tiêu bình đẳng giới, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em ngày càng nhận được sự quan tâm đầu tư từ chính phủ, đạt nhiều kết quả. Đặc biệt, vị thế của người phụ nữ Việt Nam hiện nay đã khác xa thời điểm cách đây 10 năm. Việt Nam tiếp tục giữ ngôi đầu châu Á về tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội với 27,3%. Trong các cơ quan nhà nước, tỷ lệ nữ là bộ trưởng hoặc giữ chức vụ tương đương chiếm 12,5%, tỷ lệ thứ trưởng hoặc ở cấp tương đương chiếm trên 9%.

Đối với vấn đề môi trường, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt một chương trình nghị sự về phát triển bền vững, các nguyên tắc và mục tiêu phát triển bền vững được lồng ghép vào các chính sách, chương trình phát triển quốc gia, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và các địa phương. Kết quả đáng kể nhất trong lĩnh vực này là nâng cao độ che phủ rừng, từ 27,2% năm 1990 lên 37% năm 2004. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch tăng từ 26,2% năm 1993 lên 70% năm 2004. Riêng ở nông thôn, tỷ lệ này tăng từ 18% năm 1993 lên 58% năm 2004, vượt chỉ tiêu tăng gấp đôi số người được tiếp cận

nguồn nước sạch vào năm 2015 như cam kết trong MDG.

Những kết quả trên không phải chỉ do những cố gắng trong 5 năm thực hiện MDG mà còn là kết quả của một quá trình kiên trì theo đuổi các quyết sách đúng đắn về phát triển kinh tế - xã hội từ hơn nửa thế kỷ qua, đặc biệt là việc thực hiện đường lối đổi mới, bắt đầu từ năm 1986. Những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong 20 năm đổi mới theo như lời ông G. Rai-ân, Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam là *không thể ngờ được* ⁽¹⁾. Một nguồn tin từ WB cho biết, WB đánh giá rất cao những nỗ lực của Việt Nam trong xóa đói giảm nghèo và Việt Nam đang trở thành hình mẫu thành công cho các dự án xóa đói giảm nghèo của WB. Thành công đó đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao vị thế của Việt Nam trong những năm gần đây. Báo cáo phát triển thế giới 2006 có tựa đề Công bằng và Phát triển nhận xét, giảm bất bình đẳng là chìa khóa của phát triển bền vững. Mục tiêu thiên niên kỷ không thể thực hiện nếu không giải quyết được vấn đề bất bình đẳng. Việt Nam đang đi đúng hướng trong nỗ lực giảm bất bình đẳng với những chính sách cụ thể như hỗ trợ cho người nghèo các khoản tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống ngân hàng, ưu tiên giáo dục, chăm sóc y tế cho vùng sâu vùng xa. Chính vì đã chọn hướng đi đúng trong xóa bỏ bất bình đẳng nên công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam mới đạt được những thành quả như hiện nay.

Bước vào một kỷ nguyên mới

Trong bản báo cáo mang tiêu đề Kinh tế Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, Giáo sư Đ. Pây-pi-xơ, Giám đốc Chương trình Việt Nam thuộc Trường đại học Ha-vớt (Mỹ)

cho rằng, nếu như số liệu là điều dễ tin tưởng thì Việt Nam đang ở trong giai đoạn có những tin vui bất ngờ. Thống kê của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cho biết, trong khoảng thời gian từ 2001 đến 2004, kinh tế Việt Nam tăng trưởng với mức trên 7%. Từ năm 2000, xuất khẩu tăng ở mức 70% và đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ đạt 4 tỉ USD/năm. Điều này có nghĩa là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tính theo đầu người của Việt Nam gần như ngang bằng với Trung Quốc. Ngoài ra cần chú ý đến những yếu tố quan trọng khác như những chỉ dẫn về giáo dục trong đó việc học hành được cải thiện và những chỉ dẫn về y tế trong đó tỷ lệ tử vong đang trên đà suy giảm. Mặc dù lạm phát ở mức trên 8%, Chính phủ Việt Nam vẫn bảo đảm được sự ổn định kinh tế vĩ mô với mức thâm hụt ngân sách được kiềm chế và tỷ suất hối đoái ổn định so với USD.

Điều gây ngạc nhiên cho Đ. Pây-pi-xơ và nhiều nhà phân tích nước ngoài khác là, trong tỷ lệ tăng GDP của Việt Nam, dòng vốn đầu tư nước ngoài cao một cách đáng kinh ngạc. Luồng vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng và mức tiêu thụ nội địa gia tăng sẽ giúp duy trì nền kinh tế cho đến khi xuất khẩu phục hồi trở lại vào năm 2006. Ngày 6-7-2005, tờ Thời báo châu Á (Asia Times) có bài phân tích về tình hình kinh tế Việt Nam của J. Gơn-dích, Chủ tịch công ty Condor Advisers, một công ty chuyên phân tích những rủi ro của việc đầu tư vào thị trường toàn cầu. Trong bài phân tích có đoạn: "Theo các quan chức chính phủ, có tới 80% các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hiện làm ăn có lãi. Điều này được hỗ trợ bởi những số liệu cho thấy các doanh nghiệp

(1) Xem: Báo Hà Nội mới điện tử ngày 9-5-2005

nhà nước chiếm khoảng 70% thu nhập từ thuế của chính phủ. Tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam sẽ tiếp tục giảm xuống trong năm 2005 và 2006, do mức tăng trưởng nhanh chóng về tiêu dùng tư nhân đang có tác dụng tiếp nhiên liệu cho đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ. Lương và trợ cấp hưu trí tăng lên đã giúp làm tăng thu nhập trên thực tế. Trong năm 2003, Chính phủ đã tăng mức lương tối thiểu thêm 28% và lương hưu thêm trên 37%. Điều này đã giúp làm tăng mức tiêu dùng cá nhân trong năm 2004. Như một phần trong nỗ lực nhằm giảm bớt mức độ tham nhũng, chính phủ đã tăng lương cho khu vực công vào cuối năm 2004 và năm 2005.

Mức lương trong khu vực công tăng đã tiếp thêm nhiên liệu cho việc tăng lương của khu vực tư nhân. Việc tăng lương của khu vực công và tư và tỷ lệ người có công ăn việc làm, mức lương tăng cao trên thực tế và lượng kiều hối tiếp tục tăng lên sẽ giúp làm tăng mức chi cho tiêu dùng của tư nhân trong năm 2005 và 2006, đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung cao hơn nữa".

Tuy hiện nay vẫn là nước nghèo, nhưng qua gần 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Liên tục trong nhiều năm, Việt Nam thuộc nhóm nước có nền kinh tế năng động và mức tăng trưởng hàng đầu thế giới. Báo cáo Triển vọng châu Á năm 2005 của ADB đánh giá cao khả năng điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam. Báo cáo khẳng định, Việt Nam đã có những nỗ lực vượt bậc trong việc chống tham nhũng, cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh. Báo cáo hoạt động

kinh doanh của WB và IFC (Công ty Tài chính quốc tế) được thực hiện tại 155 nước và vùng lãnh thổ xếp Việt Nam vào Top 12 nước (và cũng là nước duy nhất ở Đông - Nam Á) có nhiều cải cách nhất về môi trường kinh doanh. Trong cuộc Hội thảo Tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội (tháng 1-2005) với sự tham gia của nhiều học giả, chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế, ông G. Rai-ân Trưởng Đại diện UNDP tại Việt Nam nhấn mạnh: "Sẽ không phải là quá lời khi nói rằng trong 20 năm qua, đổi mới đã làm thay đổi gần như tất cả mọi mặt cuộc sống kinh tế ở Việt Nam. Và giờ đây, toàn thế giới biết đến công cuộc đổi mới ở Việt Nam như là một trong những ví dụ thành công nhất về chuyển đổi kinh tế trong lịch sử đương đại". Ông Giôn-côt, chuyên gia Công ty tư vấn AT Kearney phát biểu: bất cứ người nào đến Việt Nam cũng đều rất ấn tượng trước những thành tựu của công cuộc đổi mới ở đất nước này. Tại cuộc Hội thảo về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ được tổ chức tại Hoa Kỳ (tháng 4-2005), ông Đ. An-đơ-xon, Đại biện Mỹ tại Việt Nam những năm 1995 - 1997 nhận xét: "Việt Nam đang cải cách mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường và nhanh chóng hướng tới một tương lai sáng sủa. Việt Nam hoàn toàn có thể kiêu hãnh với nền kinh tế đang phát triển vững vàng và nhiều thành quả dân chủ thực sự ấn tượng, như chống tham nhũng, mở rộng sự tham gia của các tầng lớp, thành phần xã hội trong bộ máy nhà nước..."⁽²⁾.

TRỊNH CƯỜNG
(Tổng thuật)

(2) Xem: Nguyễn Trung: "Ba mũi tiến công" - một giấc mơ phi hiện thực, *Tạp chí Cộng sản* số 15 (tháng 8-2005), tr 46 - 47

THÀNH PHỐ HÀ NỘI HUYỆN GIA LÂM

Bí thư Huyện ủy: NGUYỄN VĂN TRỊNH
Địa chỉ: Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Gia Lâm khoá XIX

Thực hiện Nghị quyết ĐH lần thứ XVIII, 5 năm qua, huyện đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đề ra. Đặc biệt, sau 2 năm tách huyện, mặc dù gặp nhiều khó khăn, song, bằng sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu không ngừng, Đảng bộ và nhân dân huyện Gia Lâm đã đạt được những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực.

1. Kinh tế:

* Huyện vẫn giữ vững nhịp độ phát triển. Giá trị sản xuất trên toàn lãnh thổ tăng bình quân 15% (chỉ tiêu 14-16%). Giá trị sản xuất CN - TTCN - xây dựng cơ bản tăng bình quân 17,5% (chỉ tiêu 17-18%); Thương mại - Dịch vụ tăng bình quân 15,1% (chỉ tiêu 15-16%); Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản trên 1 ha đất canh tác đạt 54,3 triệu đồng.

* Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp - Tiểu thủ CN - Xây dựng cơ bản - Thương mại - Dịch vụ - Nông nghiệp - Thủy sản. Năm 2005, tỷ trọng Công nghiệp - Tiểu thủ CN - Xây dựng chiếm 53,50%; Nông nghiệp chiếm 23,40%; Thương mại - Dịch vụ chiếm 23,10%.

* Quản lý tài chính, ngân sách, huy động vốn cho phát triển có nhiều tiến bộ, đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường đã góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị từ huyện xuống cơ sở; tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 8%-10%.

* Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đúng hướng. Tổng vốn đầu tư đạt trên 3.000 tỉ đồng, trong đó vốn ngân sách chiếm 70%, riêng 2 năm 2004-2005, vốn ngân sách huyện đầu tư xây dựng cơ bản đạt 175 tỉ đồng.

* Quản lý xây dựng đô thị, đất đai, tài nguyên có chuyển biến tốt, công tác giải phóng mặt bằng được triển khai tích cực, bảo đảm đúng chính sách của Nhà nước, thực hiện công khai dân chủ và cơ bản bảo đảm đúng tiến độ.

2. Văn hoá - Xã hội:

* Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển. Quy mô giáo dục phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2005 có 8 trường đạt chuẩn quốc gia, xoá xong phòng học cấp 4 bậc tiểu học và THCS. Công tác xã hội hoá giáo dục được quan tâm.

* Công tác y tế, dân số - gia đình và trẻ em được triển khai tích cực. Chất lượng công tác phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân được nâng lên; cơ sở vật chất trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư, đến năm 2005 đã có 18 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chiếm 82%).

* Thường xuyên chăm lo thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công. Vận động xây dựng "Quỹ đền ơn đáp nghĩa" được gần 4 tỉ đồng, xây dựng 26 nhà tình nghĩa, sửa chữa 30 nhà hộ gia đình chính sách, tặng 323 sổ tiết kiệm cho đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng được 125 "Nhà đại đoàn kết" góp phần xoá xong nhà hủ hống, dột nát trên địa bàn.

3. Công tác xây dựng Đảng đã có chuyển biến tích cực trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hằng năm có 65 - 70% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, 98,6% số đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

PHƯƠNG HƯỚNG - MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

* Giá trị sản xuất trên phạm vi huyện tăng bình quân 15% - 16%.

* Giá trị sản xuất huyện quản lý tăng bình quân 14% - 15%.

Trong đó:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 17% - 18%.

- Thương mại - dịch vụ 15% - 16%.

* Cơ cấu kinh tế huyện quản lý:

- Công nghiệp - xây dựng cơ bản chiếm 55,5%.

- Thương mại - dịch vụ chiếm 29%.

- Nông nghiệp - thủy sản chiếm 15,5%.

* Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 80 - 85 triệu đồng.

* Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) còn dưới 1,85%.

* Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đến năm 2007 Là 100%.

* Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2010: 30% - 35%.

* Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá bình quân: 86% - 88%.

* Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá đến năm 2010 đạt 100%.

* Tạo và giải quyết việc làm hàng năm: 7.500 - 8.000 lao động.

* Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh hàng năm: 70% - 75%.

THỊ XÃ MÓNG CÁI

Địa chỉ : Đường Hữu Nghị - thị xã Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại : 033. 883 857 * Fax : 033. 881 120.

Bí thư : **NGUYỄN VĂN TRUNG**

Là một trong hai trung tâm thương mại lớn của tỉnh Quảng Ninh. Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ Quảng Ninh và Nghị quyết 19NQ/TU ngày 09/6/2004 của Tỉnh ủy Quảng Ninh "về phát triển Thị xã Móng Cái đến năm 2015": xây dựng thị xã Móng Cái trở thành thành phố biên giới trước năm 2010. Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội đồng bằng Sông Hồng xác định: xây dựng đường cao tốc Móng Cái - Hạ Long... Móng Cái trở thành thành phố cửa khẩu quốc tế quan trọng trong quy hoạch vành đai kinh tế ven biển Quảng Tây - Móng Cái - Hạ Long - Đồ Sơn để đẩy mạnh XNK giữa Việt Nam và Trung Quốc.

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT 2001 - 2005

Kinh tế

Tăng trưởng kinh tế bình quân 16,1% / năm. Trong đó:

Thương mại tăng trưởng bình quân 15%/năm, giá trị hàng hóa XNK tăng bình quân 24,7%/năm.

Du lịch: số người qua lại cửa khẩu đạt 12,6 triệu lượt người, tăng bình quân 17,5%/năm, doanh thu năm 2005 đạt 415 tỉ, tăng 2,78 lần so với năm 2000.

Sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp: giá trị sản xuất Nông nghiệp tăng bình quân 9,6%/năm, tổng sản lượng lương thực bình quân đạt hơn 15,8 nghìn tấn, về trước chỉ tiêu Đại hội Thị xã lần thứ XX 3 năm; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, hiện Thị xã có 328 cơ sở sản xuất, chế biến CN - TTCN. Năm 2005 giá trị sản xuất công nghiệp đạt gần 365,5 tỉ đồng, tăng gấp 5 lần so với 2001 và tăng bình quân 48,6%/năm.

Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 1.640,8 tỉ đồng, tăng bình quân 8,2%/năm.

Văn hóa xã hội

Sự nghiệp giáo dục phát triển ổn định và tương đối toàn diện. Đến nay đã có 70% trường học cao tầng, 100% lớp học được xây dựng kiên cố. Năm 2005, Thị xã đã hoàn thành phổ cập THCS, có 4/41 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn I.

Đã xây dựng được 50/95 Nhà văn hóa thôn, khu và 12/95 thôn, khu được công nhận "thôn khu văn hóa" cấp Thị xã; 99% hộ dân được dùng điện lưới Quốc gia; phủ sóng truyền hình tới 98% hộ dân; tỷ lệ sử dụng điện thoại đạt bình quân 27 máy/100 dân; xóa 302 nhà tạm với tổng số tiền trên 4 tỉ đồng; Thị xã không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo còn 2% vào năm 2005; 15/17 xã, phường có trụ sở làm việc cao tầng...

Quốc phòng - An ninh: được tăng cường, chính trị xã hội ổn định, chủ quyền biên giới Quốc gia được giữ vững, tình hữu nghị Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc) ngày càng thắm thiết... Tạo cơ sở cho kinh tế - xã hội phát triển.

Xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội:

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng trên cả ba mặt: chính trị - tư tưởng và tổ chức. Nét nổi bật là đội ngũ cán bộ, TCCS đảng và đảng viên được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Trong đó, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 62%, số TCCS đảng đạt TSVM 67%, tăng 53,2% so với nhiệm kỳ trước.

Bộ máy chính quyền không ngừng được củng cố, hoàn thiện và nâng cao về trình độ quản lý; việc cải cách hành chính, nhất là cơ chế "một cửa" có nhiều chuyển biến tích cực.



Trung tâm thương mại Móng Cái



Bến xuất nhập khẩu Ka Long - Móng Cái



Xe ô tô chờ xuất cảnh tại cửa khẩu Móng Cái

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 5 NĂM 2006 - 2010

Kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt từ 14% trở lên

Giá trị các ngành dịch vụ tăng từ 18 đến 19 %/năm

Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng trên 20%/năm

Tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 70%, công nghiệp 18% và nông nghiệp chiếm 12% giá trị kinh tế của Thị xã

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trên 6% năm.

Văn hóa - xã hội

Giải quyết việc làm hàng năm: 2000 - 3500 lao động

Giảm hộ nghèo hàng năm: 1,3% - 1,5%/năm (theo tiêu chí mới)

Giảm tỷ suất sinh bình quân 0,2%/năm

Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 từ 1,5 - 2%/năm, đến năm 2010 còn dưới 10%

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm bình quân 0,5%/năm, đến năm 2010

còn dưới 12%.

95% số thôn, bản, khu phố có nhà sinh hoạt cộng đồng

100% trạm y tế xã, phường có bác sỹ

Số dân được dùng nước sạch khu vực đô thị là 100%, khu vực nông thôn là 80%

Trên 99% số dân được dùng điện lưới Quốc gia

Xây dựng Đảng, Chính quyền, Đoàn thể

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng TSVM từ 85% trở lên

Phát triển đảng viên mới bình quân 5 - 8%/năm

Xây dựng tổ chức chính quyền, cơ quan, đoàn thể đạt vững mạnh từ 65% trở lên.

Với những thành tích nổi bật trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Thị xã Móng Cái đã 2 lần được Đảng, Nhà nước phong tặng đơn vị anh hùng:

- Anh hùng Lực lượng Vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

- Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.



Cảng cửa khẩu Vạn Giã - Vĩnh Thục



TỈNH QUẢNG NAM

HUYỆN ĐÔNG GIANG

Địa chỉ: Đường Hồ Chí Minh, thị trấn Prao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam * ĐT: 0510. 898 279 * Fax: 0510. 898 555



NGUYỄN BẰNG

Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ

Đông Giang là một trong 17 huyện, thị của tỉnh Quảng Nam, được tái lập vào ngày 15-7-2003. Đông Giang là huyện miền núi phía Tây Bắc của tỉnh, diện tích tự nhiên 811,29 km², với 10 xã, 01 thị trấn, dân số hơn 22.000 người với 75% là dân tộc Catu.

Trong chiến tranh cách mạng, đồng bào dân tộc Đông Giang luôn nêu cao truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường, một lòng đi theo con đường của Đảng và Bác Hồ đã chọn, lập nên những chiến công oanh liệt, góp phần tô thắm những trang sử vẻ vang Anh hùng của đất Quảng. Với những thành tích đã đạt được trong đấu tranh cách mạng, Đảng bộ và nhân xã Ba, Za Hung, Tư, Sông Kôn và thị trấn Prao thuộc huyện, Đảng bộ và nhân dân huyện Đông Giang đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân vào tháng 11-1978.

Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, Đông Giang đã có những bước phát triển nhanh chóng, kinh tế ổn định, phát triển và chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực: Giá trị nông nghiệp tăng 6,09%, công nghiệp tăng 27,69%, dịch vụ tăng 19,31, thu kinh tế phát sinh hàng năm 20%, văn hoá xã hội có tiến bộ; kết cấu hạ tầng được tăng cường; bộ mặt nông thôn khởi sắc và thay đổi; đời sống của nhân dân có nhiều mặt cải thiện. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội cơ bản ổn định. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều tiến bộ.



Một góc thị trấn Prao

MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TỪ NĂM 2005 - 2010

Đông Giang quyết tâm phấn đấu cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Bảo tồn, phát huy, phát triển bản sắc văn hoá tốt đẹp của dân tộc Catu; bảo vệ tốt vốn rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái. Xây dựng đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở, củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh.

Các chỉ tiêu chủ yếu: Phấn đấu đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,5 triệu đồng; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,83%, công nghiệp tăng 22,5%, dịch vụ tăng 17,19%, giảm hộ nghèo xuống còn 37,99% (chuẩn mới), hoàn thành công tác phổ cập giáo dục THCS; 40% thôn đạt danh hiệu thôn văn hoá; 90% hộ gia đình dùng điện; 100% hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt; cơ bản hoàn thành công tác định canh- định cư, 65% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, 35% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu khá.

Tiềm năng thế mạnh của huyện.

Địa bàn Đông Giang có nhiều thuận lợi, đường Hồ Chí Minh đi qua hơn 40km, nhà máy thủy điện AVương với công suất 210 MW, có lòng hồ 09km²; thủy điện Sông Kôn 2: 57MW; thủy điện Za Hung: gần 30 MW; thủy điện An Điểm: 15 MW đang thi công và chuẩn bị đưa vào sử dụng; tài nguyên thiên nhiên phong phú; có nhiều hang động, thác nước, nguồn nước nóng chưa được khai thác; có bản sắc Catu phong phú, đa dạng, khí hậu ôn hoà, mát mẻ; khu du lịch phía tây Bà Nà có triển vọng phát triển; giáp với thành phố Đà Nẵng - trung tâm phát triển trọng điểm của miền Trung.

Đông Giang tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi về mặt bằng, đất sản xuất, thủ tục hành chính... để kêu gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư phát triển các ngành nghề nông, lâm, công nghiệp, dịch vụ, du lịch văn hoá dân tộc và du lịch sinh thái.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

2006

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

QUẬN SƠN TRÀ



LÊ CÔNG HỒ

P.Bí thư - Chủ tịch UBND Quận

**CHÚC
MỪNG
NĂM
MỚI
2006**

Quận Sơn Trà là cửa ngõ quốc tế về đường biển của Đà Nẵng. Với quốc lộ 14B nối hành lang kinh tế Đông - Tây; với 3 mặt giáp biển và khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng, Sơn Trà chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn để phát triển các ngành công nghiệp, du lịch. Trong tương lai, Sơn Trà sẽ trở thành bán đảo với 1.000 ngôi biệt thự xinh đẹp.

Nơi đây có đồi rừng nguyên sinh, cây cối bao phủ xanh bát ngát với 289 loài thực vật bậc cao thuộc 217 chi, 90 họ. Trong đó có các loài cây đặc hữu của bán đảo Đông Dương mà ngày nay chỉ còn tìm thấy ở bán đảo Sơn Trà như Dấu lá láng, Chò chai, Chò chỉ, Chò đen, Sơn huyết, Bài lá, Trâm bầu, U xoáy, Cẩm thi, Mất ố, Lồng mứt, giẻ sạn... cùng nhiều loại cây ăn trái như Dâu hồng, Sim, Trâm... Mặt ong Sơn Trà nổi tiếng và là đặc sản quý hiếm. Về động vật, Sơn Trà có đến 29 loài thú hoang dã, và có rất nhiều loài Khỉ đuôi dài, Chà vá, Vá hoàng, Vọc (Voọc), nên người phương tây gọi Sơn Trà là núi khỉ. Sơn Trà có 51 loài chim Sơn ca, Bạc má, gà rừng mặt đỏ, Cu ngói, Cu cườm, Sáo đen, Sáo sậu, Nhông, Sơn ca, Chích choè... có 15 loài bò sát như: Trăn, rắn hổ mang, rắn Lửa, rắn Rồng, Rùa núi, Kỳ đà... Sơn Trà có đến 10 bãi biển đẹp nằm dọc theo triền nam của núi như: bãi Tiên Sa, bãi Rạng, bãi Bụt, bãi Xếp, bãi Đa, bãi Nồm (bãi Nồm hay bãi Nam), bãi Bắc tức bãi Bắc, bãi con, bãi Trẹ. Hầu hết các bãi đều có bãi cát trắng sạch và suối nước ngọt.

Kể từ năm 2002, Chính phủ và Bộ Quốc phòng đã đồng ý giao quyền cho Đà Nẵng khai thác bán đảo Sơn Trà với tổng diện tích 4.370 ha để phát triển kinh tế du lịch. UBND thành phố Đà Nẵng đã có quyết định quy hoạch bán đảo Sơn Trà thành khu du lịch với tổng diện tích hơn 2.200 ha, 5 dự án du lịch đang được triển khai với tổng số vốn khoảng 1.200 tỉ đồng trong khu vực này, với tham vọng xây dựng một bán đảo du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng theo tiêu chuẩn 5 sao.

PHÁT HUY LỢI THẾ, CHỦ ĐỘNG NẮM BẮT THỜI CƠ, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SƠN TRÀ XÂY DỰNG MỤC TIÊU NHIỆM KỶ TỚI LÀ:

Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng ngày càng cao và bền vững, theo cơ cấu: "Công nghiệp, dịch vụ, thủy sản, nông lâm"; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đi đôi với tiến bộ xã hội, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng; phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh đô thị; chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân; tạo việc làm cho người lao động, xoá hộ nghèo, cải thiện và nâng cao mức sống cho nhân dân; giữ vững sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng quốc phòng - an ninh vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo đoàn kết thống nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Sơn Trà với những bước phát triển mới về kinh tế, văn hoá, quốc phòng - an ninh.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Giá trị sản xuất của các ngành tăng bình quân hằng năm:

- Công nghiệp: 21% trong đó công nghiệp địa phương: 8.5%
- Dịch vụ: 15%
- Thủy sản: 6%
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm: 17.5%
- Tổng ngân sách quận quản lý tăng bình quân hằng năm: 10%
- Tổng chi ngân sách: 8%
- Giải quyết việc làm 5 năm: 21.100 lao động

- Giảm tỷ suất sinh hằng năm: 0.45%

- Cuối năm 2010 không còn hộ nghèo

- Gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng, đạt chỉ tiêu: 100%

- Hằng năm, 70% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém; 65% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ, kết nạp 65 - 70 đảng viên mới.

HUYỆN CẨM XUYÊN



Đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo - Bí thư Huyện ủy
phát biểu tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2005 - 2010

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN CẨM XUYÊN KHOA XXIX (NHIỆM KỲ 2005- 2010)

1. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế cao và bền vững. Tạo bước đột phá mạnh mẽ, cơ bản về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp; tiếp tục phát triển mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi ngang hàng với trồng trọt. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch đi đôi với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống.

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, dân số và gia đình; xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới thực sự vững chắc. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp. Tăng cường phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Phấn đấu đạt danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ:

- * Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm từ 12-13%. Phấn đấu đến năm 2010 trên 14%.
- * Thu nhập giá trị bình quân đầu người phấn đấu từ 10- 12 triệu đồng/năm.
- * Cơ cấu GDP các ngành:
 - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: 20- 25%.
 - Nông lâm ngư nghiệp: 35- 38%.
 - Thương mại, dịch vụ và du lịch: 35- 37%.
- * Tổng sản lượng lương thực cây có hạt: 110.000- 115.000 tấn.
- * Sản lượng cây công nghiệp (đậu, lạc, vừng): 4.500 tấn.

* Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản: 9.000- 9.500 tấn/năm, trong đó nuôi trồng 1.500- 1.700 tấn (trên 560 héc- ta mặn lợ). Sản lượng muối từ 1.800- 2.000 tấn/năm.

* Tổng thu ngân sách phấn đấu tăng hằng năm từ 15- 20%.

* Tổng giá trị hàng hoá thu mua xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 20%. Phấn đấu đến năm 2010: 10 triệu USD.

* Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

1.000- 1.200 tỉ đồng.

* Phấn đấu 85% tổng số trường học 4 cấp có nhà học kiên cố (trong đó 65- 70% có nhà học cao tầng); 70% trường mầm non, 100% trường tiểu học, 75% trường THCS, 75% trường THPT đạt chuẩn quốc gia; chuẩn hoá giáo viên 100%.

* Phấn đấu 100% trạm xá xã, thị trấn có bác sĩ và đạt 10 chuẩn quốc gia. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 17%, giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống 0,75%; 80- 85% hộ được dùng nước sạch.

* 85% số hộ được xem truyền hình, 100% số hộ được nghe đài. 75- 80% gia đình văn hoá, 45- 50% gia đình thể thao, 65- 70% làng văn hoá, 75- 80% xã, thị trấn, cơ quan văn hoá. Mỗi năm có từ 3 xã trở lên đạt tiêu chí nông thôn mới. Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo hằng năm 5- 6%.

* 100% xã, thị trấn và cơ quan bảo đảm ATLC-SSCĐ. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

* Phấn đấu 85 - 90% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, không có đơn vị yếu kém. Giữ vững danh hiệu Đảng bộ huyện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu.



BÍ THƯ: GIÁP VĂN TRÍ

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Lục Ngạn là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, diện tích 101. 223 héc-ta, dân số gần 20 vạn người. Tổng số 29 xã và 1 thị trấn, với 405 thôn bản, có 8 dân tộc anh em, Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cao Lan, Dao và Hoa.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Giang, trong 5 năm (2000 - 2005), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Lục Ngạn đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận về phát triển kinh tế và văn hóa xã hội: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 16,4%; tốc độ tăng trưởng công nghiệp - TTCN bình quân hàng năm đạt 18,9%; nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đã hình thành các vùng chuyên canh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Đặc biệt về văn hóa, năm 2002, UBND tỉnh Bắc Giang và Bộ Văn hóa Thông tin đã phê duyệt đề án "Xây dựng huyện điểm văn hóa miền núi Lục Ngạn giai đoạn 2001 - 2010" và UBND huyện đã giao cho Ban chỉ đạo "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" của huyện xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Qua hơn 3 năm thực hiện đề án đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Cụ thể:

I/Về kinh tế: Trong 3 năm, giá trị sản xuất của các ngành đều tăng trưởng với mức độ khá: Năm 2002, giá trị sản xuất của các ngành đạt 793 tỉ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 13,6% so với kế hoạch; năm 2003 giá trị sản xuất các ngành ước đạt 996,81 tỉ đồng, đạt 111,5% KH, tăng 15,24 so với năm 2002; năm 2004, giá trị sản xuất các ngành ước đạt 1.412,79 tỉ đồng, đạt 121% KH, tăng 41,7% so với năm 2003.

II/Về văn hóa thông tin:

- Phong trào xây dựng huyện văn hóa và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đạt được nhiều kết quả, năm 2004 có 4,8% số làng, bản được công nhận làng văn hóa các cấp. Năm 2005 ước có 55% số làng, bản được công nhận, tăng gấp 4 lần so với năm 2000. Quý Sơn là xã duy nhất trong toàn tỉnh đạt danh hiệu xã văn hóa.

- Có 23.913 hộ đạt danh hiệu GBVH (chiếm 70,3%) tổng số hộ trong toàn huyện.

- 100% xã có điểm bưu điện văn hóa xã; 100% xã có tủ sách, 90% xã có sân tập TDTT...

- Đến hết tháng 4 - 2005, toàn huyện có 182 Nhà văn hóa thôn, bản.

- Toàn huyện có 202 đội nghệ thuật, thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân vào các dịp kỷ niệm lớn trong năm.

Với phương châm: Xây dựng và phát triển văn hóa là nhiệm vụ của toàn dân, toàn đảng, việc xây dựng và thực hiện đề án: "Xây dựng và phát triển văn hóa huyện miền núi Lục Ngạn giai đoạn 2001 - 2010" là "của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân các dân tộc Lục Ngạn". Vì vậy trong thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Lục Ngạn quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu sau:

- Phần đầu trong năm 2005, xây dựng 100% thôn, bản có Quy ước Làng văn hóa.

- Đưa số làng văn hóa từ 102 (năm 2002) lên 250 (năm 2006), chiếm 62% tổng số làng, bản.

- Đưa số hộ gia đình văn hóa từ 17.170 hộ (chiếm 45% - năm 2002) lên 30.000 hộ (năm 2006).

- Xây dựng một số cơ quan văn hóa (bao gồm cả các trường học) từ 80 lên 120 cơ quan.

- Chọn điểm 5 xã: Quý Sơn, Nghĩa Hồ, Hồng Giang, Phượng Sơn, Tân Mộc phấn đấu 100% thôn bản có nhà văn hóa và thực hiện việc nâng cao chất lượng làng văn hóa.

- Phần đầu xây dựng 5 xã văn hóa trong thời gian tới là: Nghĩa Hồ, Hồng Giang, Phượng Sơn, Tân Quang và Tân Mộc.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà văn hóa thôn và đội văn nghệ hàng năm là 50.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Vietnam Posts and Telecommunications Corporation

VNPT



*Xuân Bình Thuận
2006*

Chúc
Mừng
Năm
Mới





TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

XI MĂNG HOÀNG THẠCH

Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương

Điện thoại: (0320) 821 092 - Fax: (0320) 821 098

ISO 9001

ISO 14001

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



THƯƠNG HIỆU XI MĂNG LỚN CỦA VIỆT NAM

Công suất thiết kế 2,3 triệu tấn/năm

Mừng xuân

Bình thuat



BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG, AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH

Softech®
Qui tụ để cùng phát triển

**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM ĐÀ NẴNG
DANANG SOFTWARE PARK**



**Chúc
Mừng
Năm
Mới**

**Bình Thuận
2006**



- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Công nghệ thông tin
- Tổ chức hợp tác sản xuất và gia công sản phẩm phần mềm
- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp phần mềm
- Thực hiện các dịch vụ về Công nghệ thông tin và Internet
- Thực hiện các liên kết trong nước và quốc tế trong lĩnh vực CNTT

**Ban giám đốc và tập thể cán bộ, nhân viên
kính chúc quý vị một năm mới an khang, thịnh vượng!**

• 15 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
• Điện thoại: 0511.810 535 - Fax: 0511.810 278
• Email: softech@dsp.com.vn - Website: <http://www.softech.com.vn>

CÔNG TY CAO SU VIỆT TRUNG

Địa chỉ: Thị trấn Việt - Trung tỉnh Quảng Bình * ĐT: 052. 796 105 - 796 040 - 796 041 * Fax: 052. 796 060

**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
15 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT, NHÌ, BA**



Trụ sở công ty



Trụ sở Nhà máy CBGXXK Phú Quý



Khách sạn Phú Quý



Sản phẩm của nhà máy CBGXXK Phú Quý



Dây chuyền chế biến mủ cao-su

NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU:

- ☆ Khai thác, chế biến cao-su nguyên liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế, sản phẩm sản xuất hàng năm đạt từ 3.000 đến 3.500 tấn cao-su đạt tiêu chuẩn SVR3L.
- ☆ Thu mua, chế biến cao-su từ các thành phần kinh tế có sản xuất cao-su trên địa bàn huyện: Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa.
- ☆ Trồng mới cao-su từ 100 ha đến 200 ha.
- ☆ Chăm sóc trên 1.000 ha từ 1 đến 6 năm tuổi.
- ☆ Sản xuất giống cao-su từ 30 vạn đến 50 vạn gốc.
- ☆ Thu hoạch hằng năm 25 tấn hồ tiêu xuất khẩu.
- ☆ Sản xuất chế biến gỗ rừng trồng mỗi năm đạt trên 10.000m³.

Công ty Cao-su Việt - Trung hân hạnh được liên doanh với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

☆ Khách sạn Phú Quý

Địa chỉ: 052.840 679 * Fax: 052.840 679.

Ngành nghề: kinh doanh dịch vụ, du lịch, khách sạn.

☆ Nhà máy Sản xuất gỗ xuất khẩu Phú Quý

* Địa chỉ: Khu công nghiệp Tây - Bắc Đồng Hới, TK7 phường Bắc Lý - thị xã Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình.

* Điện thoại: 052.838 768 * Fax: 052.838 768.

* Ngành nghề: sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ gỗ rừng trồng xuất khẩu với quy mô 2000 m³/năm đến 5000 m³/năm.

Vườn cây cao-su



HANCORP.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

**CÔNG TY XÂY DỰNG
BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH**



Địa chỉ: 381 phố Đội Cấn- Ba Đình- Hà Nội * Điện thoại: (04) 832 7412 832 7414; Fax: (04) 832 9026

**CÔNG TY XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HÀNG MỘT
TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI.**

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Xây dựng các công trình dân dụng và phần bao che các công trình công nghiệp nhóm A.
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Thi công các công trình thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ cho nông nghiệp.
- Nhận thầu đào, đắp, san nền các loại công trình.
- Trang trí nội, ngoại thất và tạo dáng kiến trúc cảnh quan công trình.
- Lắp đặt thiết bị cơ, điện, nước công trình.
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35 kV.
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà.
- Tư vấn xây dựng các dự án nhà ở đô thị, khu công nghiệp và các công trình xây dựng.
- Phá dỡ các công trình kiến trúc, giải tỏa mặt bằng xây dựng.



CÔNG TRÌNH ARTEXPORT 31-33 NGÕ QUÝN

CHUỖI MILENARY NĂM MỚI
2006



CÔNG TRÌNH TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ THAO LAO ĐỘNG PHÚ THỌ



CÔNG TY CÓ 17 CÔNG TRÌNH ĐƯỢC TẶNG
HUY CHƯƠNG VÀNG CHẤT LƯỢNG CAO

*Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh là đơn vị giàu truyền thống được thành lập
cách đây 30 năm, có đội ngũ thợ tay nghề cao, có máy móc, thiết bị hiện đại chuyên
dùng cho xây dựng nên các công trình sẽ được thi công bảo đảm chất lượng tốt nhất.*

CÔNG TY RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC HỢP TÁC VỚI CÁC BẠN HÀNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

SƠ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG, THỊ XÃ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM
 ĐIỆN THOẠI: 0351.852 726 FAX 0351.851 820 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN XUÂN ĐỒNG

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư cơ sở, 5 năm qua sản xuất nông nghiệp đã giành được thắng lợi toàn diện trên các lĩnh vực, đạt và vượt các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đề ra:

♦ Giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản tăng 4,1%, giá trị sản xuất trên 1ha canh tác năm 2005 đạt 38,5 triệu đồng/ha/năm vượt 27-40% so với chỉ tiêu đại hội đề ra. Thu nhập của nhân khẩu nông nghiệp tăng nhanh từ 188.000 đồng/khẩu năm 2001 lên 339.600 đồng/khẩu năm 2004.

♦ Cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản có sự chuyển biến tích cực. Sản lượng lương thực bình quân 5 năm đạt 415 nghìn tấn, tăng 4,9% so với bình quân 4 năm 1997-2000, năng suất lúa bình quân 5 năm đạt 106,7 tạ/ha/năm, tăng 4,3% so với năng suất lúa năm cao nhất năm 2000. Bình quân lương thực đầu người đạt 520 kg/năm.

♦ Chăn nuôi thủy sản liên tục phát triển, sản lượng thịt lợn hơi tăng bình quân 5 năm đạt 9,3% đặc biệt sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt bình quân 8.021 tấn, tăng 86,3% so với bình quân 3 năm 1998-2000.

♦ Quan hệ sản xuất tiếp tục được đổi mới tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại. 1005 hộ HTX nông nghiệp trong tỉnh đã chuyển đổi theo luật HTX, đến nay có hơn 30% HTX NN sau khi chuyển đổi hoạt động có hiệu quả.

Trong những năm tới, ngành nông nghiệp Hà Nam tiếp tục phát triển kinh tế nông-lâm nghiệp toàn diện và bền vững, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại. Phát triển mạnh chăn nuôi và thủy đặc sản, coi đây là mũi đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề và cơ sở hạ tầng ở nông thôn, tạo thêm việc làm để phấn đấu nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn, giảm sự chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn.



Đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba



Lãnh đạo tỉnh thăm mô hình sản xuất



Mô hình sản xuất lúa vụ đông xuân



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

EVN Telecom

Sức mạnh kết nối

CDMA2000

1 X 4 5 0 M H Z

EVN TELECOM

Công ty viễn thông điện lực cung cấp các dịch vụ điện thoại sử dụng công nghệ tiên tiến cdma 2000- 1x tần số 450 mhz. Trên cùng một hạ tầng mạng cdma 2000- 1x tần số 450 mhz có thể cung cấp cả 3 loại hình dịch vụ:

- * Dịch vụ điện thoại cố định không dây đầu cuối cố định (e-com)
- * Dịch vụ điện thoại cố định không dây đầu cuối di động (e-phone)
- * Dịch vụ điện thoại di động toàn quốc (e-mobile)

Với những tính năng vượt trội về công nghệ, cdma 2000- 1x hứa hẹn mang tới cho quý khách hàng nhiều dịch vụ giá trị gia tăng: Kết nối internet trực tiếp trên máy điện thoại với tốc độ cao 135 Kbit/s và có thể tới 2,4 Mbps; mạng riêng ảo; Freephone; thông báo tài khoản.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

Trung tâm chăm sóc khách hàng

Hà Nội: 04.2.232.323

Đà Nẵng: 0511.2.232.323

TP Hồ Chí Minh: 08.2.232.323

Hoặc truy cập website: www.enet.vn

Địa chỉ: 53 Lương Văn Can, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.7151108 - Website: www.enet.vn - Email: admin@ete.com.vn





AGRIBANK



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chúc Mừng Năm Mới An Khang Thịnh Vượng

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
ĐỖ TẤT NGỌC**

**Tổng Giám đốc
LÊ VĂN SỞ**



2006

Xuân

Bính Tuất

**NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
NHÀ NƯỚC
HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM**

Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng



CADIVI®

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TPHCM • Tel: (08) 8299443 - 8292971 - 8292972
Fax: (08) 8298437 • Email: cadivi@icm.fpt.vn • Website: www.cadivi.com.vn



ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Mừng xuân

Bình An

KÍNH CHÚC
QUÝ KHÁCH HÀNG
MỘT NĂM MỚI
SỨC KHỎE DỒI DÀO
AN KHANG
THỊNH VƯỢNG



CADIVI®

Đem nguồn sáng đến mọi nơi

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

NORTHERN AIRPORTS AUTHORITY

Tel: 84-4 8 865 047 * Fax: 84-4 8 865 540

Email: northernairports@hn.vnn.vn

Tổng Giám đốc: **TRẦN LONG NHIÊN**

HỆ THỐNG CÁC CẢNG HÀNG KHÔNG TRỰC THUỘC

- Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài
- Cảng hàng không Cát Bi - Hải Phòng
- Cảng hàng không Điện Biên - tỉnh Điện Biên
- Cảng hàng không Nà Sản - tỉnh Sơn La
- Cảng hàng không Vinh - Tỉnh Nghệ An

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Mừng xuân

Đổi mới



GA HÀNG KHÔNG
QUỐC TẾ NỘI BÀI

*Kiểm tra an ninh hàng không bảo đảm
an toàn cho những chuyến bay*



Nhà ga hành khách T1 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài

Chúc
Mừng
Năm
Mới
2006



CÔNG TY CAO SU ĐAKLAK

DAKLAK RUBBER COMPANY

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

ĐT: 050.865 015 - Fax: 050.865 041 - Email: caosu@dng.vnn.vn

Website: <http://www.dakruco.com>; www.dakruco.com.vn



Đ/c Nguyễn Khánh Phùng
Bí thư Đảng ủy
PGD. Công ty Cao su ĐakLak

Mừng Đảng
Mừng Xuân



Thành Tích

- Công ty nhận được Chứng chỉ hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000
- Bộ phận thử nghiệm của Công ty được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025

Sản Phẩm

- ▲ Cao su khối: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV
- ▲ Cao su ly tâm (LAKTEX): HA, LA
- ▲ Hàng gỗ và mộc gia dụng

Hoạt Động

- ❖ Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su thiên nhiên.
- ❖ Xuất khẩu trực tiếp và tiêu thụ nội địa cao su thiên nhiên.
- ❖ Nhập khẩu vật tư máy móc thiết bị chế biến cao su.
- ❖ Sản xuất sản phẩm gỗ và mộc gia dụng
- ❖ Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng
- ❖ Kinh doanh khách sạn, du lịch và kho bãi
- ❖ Thực hiện dự án 10.000 ha cao su tại CHDCND Lào

Thị Trường

Sản phẩm được xuất khẩu sang châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đài Loan, Nam Mỹ, Bắc Mỹ



Vườn cây KTCB



Nhà máy chế biến mủ ly tâm



Một góc Trung tâm du lịch Bản Đôn

**Công ty Cao su DakLak mong muốn hợp tác,
liên doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước**



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SAIGON PETRO CO., LTD.

Trụ sở chính: 27 Nguyễn Thông, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 930 7989 - 930 7037 Fax: (84.8) 930 7642

Chúc Mừng
Năm Mới

Luân
Bình Thuận
2006



“Uy Tín - Chất Lượng - Không Ngừng Phát Triển”

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO SU CHỨPẪH

Địa chỉ: Km 16 - thị trấn Phú Hòa - huyện Chưpăh - tỉnh Gia Lai * Điện thoại: 059.845 553 - Fax: 059. 845 554



Giám đốc công ty:
LÊ ĐỨC TẤN

Phúc Mừng Năm Mới

Công ty cao su Chưpăh trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước chuyên trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến sản phẩm cao su, buôn bán, xây dựng... Công ty hiện có 7.200 ha cao su, trong đó cao su kinh doanh là 4.000 ha với sản lượng hàng năm từ 4.000 đến 5.000 tấn. Đến năm 2010 sản lượng cao su của công ty ước đạt 8.000 đến 10.000 tấn/năm. Lợi nhuận hàng năm ước đạt 80 đến 100 tỉ đồng. Công ty đang triển khai các dự án đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực bao gồm du lịch, xuất khẩu, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Công ty đã được Nhà nước trao tặng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì
- Huân chương Lao động hạng Ba
- Huân chương Chiến công hạng Ba

Cờ thi đua của Chính phủ - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Cờ thi đua của Bộ Công an và các danh hiệu thi đua cao quý khác.



Vườn cây khai thác



Sản phẩm cao su SVR - 3L



tuổi trẻ

CƠ QUAN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TP.HCM

Mừng Xuân Bình Thuận
2006

tuổi trẻ
chủ nhật

tuổi trẻ

tuổi trẻ
online

PHÁT HÀNH 350.000 BẢN MỖI NGÀY

**Kính chúc
bạn đọc
năm mới
Hạnh phúc,
Thành đạt**

● TÒA SOẠN:
60A HOÀNG VĂN THỤ,
P.9, Q. PHÚ NHUẬN, TP.HCM
ĐT: (08) 9 973 838, Fax: 9 973 939,
E-MAIL: toasoan@tuoitre.com.vn

● PHÒNG PHÁT HÀNH: 9 975 858
● PHÒNG QUẢNG CÁO: 9 974 848
● WEB SITE: www.tuoitre.com.vn



ĐẠM PHÚ MỸ

CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Trân trọng cảm ơn Người Tiêu Dùng đã bình chọn
sản phẩm **ĐẠM PHÚ MỸ** của chúng tôi là

"HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2005"

Chào Xuân Bình Thuận

cho mùa bội thu



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCo.

Số 10 Phố Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757

Nhà máy đạm Phú Mỹ

Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1 - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu

Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477





CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 7 505 171/2/3/4 - 7 508 235/6 Fax: (84.8) 7 508 237
Email: itaco@tantaocity.com Website: http://www.tantaocity.com



Chúc Mừng Năm Mới Xuân Bình Thuận 2006

Khu công nghiệp Tân Tạo là một trong những Khu công nghiệp tập trung, đa ngành đầu tiên của TP. Hồ Chí Minh đạt quy mô KCN loại trung với tổng diện tích là 443 ha, vốn đầu tư 100 triệu USD.

* Những thuận lợi khi đầu tư vào KCN Tân Tạo:

- Tư vấn pháp luật miễn phí, rút ngắn thời gian đầu tư.
- Các tiện ích tốt nhất: điện, nước, giao thông nội khu, cây xanh, ngân hàng, nhà hàng, Phòng khám đa khoa, nhà máy xử lý nước thải hiện đại, hồ bơi, sân tennis.
- Các dịch vụ đa dạng hoá và được phục vụ bởi đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên nghiệp nhất. Đội ANTT - PCCC được huấn luyện chuyên nghiệp, trực 24/24.
- Là KCN đầu tiên của TP. HCM được phép mở điểm thông quan nội địa, có cơ sở vật chất hiện đại như hệ thống kho (kho ngoại quan, kho hàng gom CFS), bãi (container, hàng rời) 64.000m² và các phương tiện phục vụ cho hàng hoá như cầu, xe nâng...
- Dự án xây dựng chung cư 15 tầng với trên 500 phòng có khả năng phục vụ chỗ ở cho người lao động trong KCN.
- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: có khả năng cung ứng các dịch vụ kết nối điện thoại Internet (VOIP), mạng thương mại điện tử (e - Commerce), kinh doanh điện tử (e-business), phần mềm ứng dụng (Application service provider)...

• Thành tích:

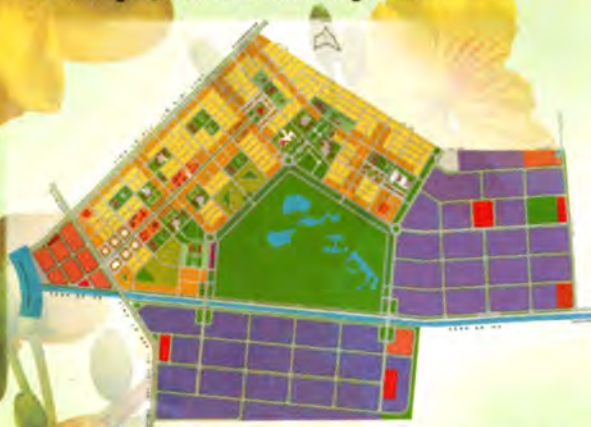
- + 03/12/2001 Chủ tịch nước tặng 02 Huân chương Lao động hạng 3 cho CBCNV Công ty Tân Tạo và cá nhân Tổng giám đốc Đặng Thành Tâm.
- + 28/04/2000 Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và Tổng giám đốc Đặng Thành Tâm.
- + 4 năm liền (2000, 2001, 2002, 2003) nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.
- + 06/10/2004 Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho Tổng Giám đốc Đặng Thành Tâm và Phó Tổng giám đốc Thái Văn Mến...

• Con số:

- + 217 nhà đầu tư, 30 nhà máy đang xây dựng, 157 nhà máy đi vào hoạt động, thu hút trên 20.000 lao động.
- + Tổng vốn đầu tư trong nước trên 5.110 tỷ VNĐ và vốn đầu tư nước ngoài trên 120 triệu USD.
- + Trên 250.000m² nhà xưởng được thuê.

• Một trong những dự án lớn đang được triển khai là:

Quần thể Công nghiệp - Dân cư - Dịch vụ Tân Đức (1.159ha). Riêng KCN Tân Đức (giai đoạn 1) đã thu hút hơn 40 nhà đầu tư với tổng diện tích đất thuê khoảng 90ha.



QUẦN THỂ CÔNG NGHIỆP - DÂN CƯ - DỊCH VỤ TÂN ĐỨC
“Tiềm năng - Thịnh vượng - Phát triển bền vững”



Phương châm hoạt động của chúng tôi:

“Sự phát triển của các nhà đầu tư chính là sự phát triển của Khu công nghiệp TÂN TẠO”

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

“Ngôi nhà của bạn”

Digitized by Google

930

2006

Happy New Year

Xuân Bình Thuận



**CHÚC
MỪNG NĂM MỚI**



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL SHIPPING LINES



Địa chỉ: Trung tâm TTTM Hàng Hải, Quốc tế, Hà Nội (OCEAN PARK) - Số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 5 770 825 - 5 770 829 * Fax: (84-4) 5 770 850/ 30/ 31/ 32/ 60 * Email: vn@vinalines.com.vn * Http://www.vinalines.com.vn

* Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh,
Số 53 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08 8 268 967 * Fax: 08 8 268 971

* Chi nhánh tại Hải Phòng,
282 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: 031 825 657 * Fax: 031 825 658

* Chi nhánh tại Cần Thơ,
27 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, TP. Cần Thơ
Tel: 071 842 801 * Fax: 071 842 802

4X
7
H08B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



4

2.20'

UNIV. OF MICH.
MAR 29 2006

CURRENT ACQUISITION

Digitized by Google



**THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ: DINH MƯỢC**

NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2005 - 2010:

- Xác định cơ cấu kinh tế của huyện là nông, lâm nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo tỷ lệ 60% - 20% - 20%.
- Thu nhập bình quân mỗi người dân là 2,5 - 3 triệu đồng/năm.
- Tổng thu nhập kinh tế toàn huyện tăng bình quân hằng năm 5 - 8%.
- Đến năm 2010 tổng sản lượng lương thực cây có hạt: 4.500 tấn.
- Giảm tỷ lệ đói nghèo mỗi năm đạt 5 - 7%.
- Trồng quế bình quân mỗi năm đạt từ 300.000 - 350.000 cây (quế Trà My).
- Mỗi năm trồng từ 80.000 - 100.000 cây sâm Ngok Linh.
- Thu ngân sách trên địa bàn huyện hằng năm tăng 10% kế hoạch giao.
- Đến năm 2010, 100% số nóc được xem truyền hình, (sóng truyền hoặc parabol).
- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt 95% trở lên.
- Đảm bảo công tác tuyển quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 3,5% so với dân số.
- Xây dựng Đảng bộ huyện hằng năm đạt trong sạch vững mạnh, có 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.
- Phát triển đảng viên mới hằng năm từ 80 đảng viên trở lên.



Vườn quế

TỈNH QUẢNG NAM HUYỆN NAM TRÀ MY

Địa chỉ: Xã Trà Mai, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. * Điện thoại: 0510, 880 707 * Fax: 0510, 880 740



BCH Đảng bộ huyện Nam Trà My khoá XVI



Trụ sở Huyện uỷ Nam Trà My

Nam Trà My là một huyện núi cao của tỉnh Quảng Nam mới được tái lập từ ngày 01 - 8 - 2003 từ huyện Trà My (cũ). Từ lâu, Nam Trà My đã nổi tiếng về cây quế (quế Trà My) với các nước trong khu vực và cây sâm Ngok Linh có giá trị dược liệu ngang bằng với cây sâm trên thế giới. Diện tích đất tự nhiên của huyện là 822,53 km², trong đó rừng tự nhiên 43.094,77 ha, 10 xã, dân số 22.180 người, gồm có 6 dân tộc (Ca dong, Xê đang, Bhnong, Cor, Kinh và dân tộc khác); trong đó dân tộc thiểu số chiếm 97,22%. Nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp chiếm tỷ trọng 60% tổng giá trị cơ cấu kinh tế của huyện.

Từ ngày tái thành lập huyện, Đảng bộ và nhân dân trong huyện luôn phát huy truyền thống chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc, đoàn kết chung sức chung lòng vượt qua mọi khó khăn thách thức trong hoà bình, xây dựng và đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực sau:

1. Kinh tế:

- Sản xuất nông - lâm nghiệp: Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 8 - 10%. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2005 đạt 4.901 tấn, bình quân lương thực đầu người tăng 60kg so với năm 2003. Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh và ổn định.
- Kinh tế lâm nghiệp - kinh tế vườn - kinh tế trang trại: Từng bước chuyển biến tích cực, phát huy tiềm năng kinh tế địa phương, hiện nay có khoảng 1.375.000 cây quế 5 tuổi đã cho thu nhập, tương đương 550 hecta tăng hơn 200 hecta so với năm 2001. Bên cạnh đó còn trồng các loại cây như cây cau, cây keo, cây mây đặc biệt là cây dược liệu quý như sâm Ngok Linh đang được phát triển trồng ở xã Trà Linh.
- Công nghiệp: Đã hoàn thành dự án cấp điện 35kW giai đoạn 1 đến 8 xã so với năm 2003 chưa có xã nào.
- Xây dựng cơ bản: Tập trung chủ yếu cho xây dựng trung tâm huyện lỵ, công trình trường phổ thông Dân tộc Nội trú huyện, trụ sở làm việc của Huyện uỷ giai đoạn 1; các công trình Bệnh viện Đa khoa huyện, trụ sở làm việc của UBMTTQ Việt Nam huyện Nam Trà My và các hội đoàn thể khác. Ngoài ra công tác phát triển giao thông nội thị, giao thông nông thôn, thủy lợi, các công trình kiên cố hoá kênh mương, trường lớp học được trú trọng.

2. Văn hoá - xã hội:

- Đời sống văn hoá, tinh thần ổn định, tạo không khí phấn khởi tin tưởng vào Đảng, Chính phủ trong tầng lớp nhân dân. Mạng lưới trường lớp được mở rộng, các bậc học, cấp học phát triển đều đến tận các thôn, nóc.
- Chỉ số phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ được giữ vững, làm nền tảng tiến đến phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS và THPT, tỷ lệ học sinh ra lớp hằng năm tăng 6%.
- Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, không chế được các dịch bệnh nhất là bệnh sốt rét. 100% xã có trạm y tế và không ngừng được củng cố.
- Công tác lao động - thương binh và xã hội luôn quan tâm đúng mức, thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ chính sách, những người có công cách mạng.
- Công tác quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định.
- Công tác xây dựng Đảng: Được quan tâm đúng mức, cán bộ đảng viên được thường xuyên giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị địa phương tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng.

Chúc Mừng Năm Mới 2006



RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 750

4

2-2006

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Những ngày đầu xuân ở vùng cao
Ảnh: Nguyễn Ngọc

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy
sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới,
sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển (*Dự thảo*
Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng)

3

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN PHÚC THANH - Không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội	32
NGUYỄN PHI LONG - Về công tác phát triển đảng hiện nay	35
HỒ QUANG MINH - Nguồn lực đầu tư bên ngoài trong sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	39
NGUYỄN ĐÌNH TỰ - Cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước trong phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta	45
NGUYỄN TIẾN NGHĨA - Những giá trị của chủ nghĩa cộng sản đối với nhân loại là không thể phủ nhận	50

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN TẤN QUYÊN - Cần Thơ - thành phố trẻ đầy sức sống	54
HUỲNH MINH ĐOÀN - Đồng Tháp phát huy nội lực, tăng cường hợp tác, đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	59
NGUYỄN XUÂN PHÚC - Quảng Nam trên con đường hướng tới mục tiêu tỉnh công nghiệp trước năm 2020	63
ĐÀO NGUYỄN THẮNG - TỬ THANH - Bộ đội Biên phòng thực hiện quân dân y kết hợp, chăm sóc sức khỏe đồng bào vùng biên giới	69

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

TRẦN ĐẮC HIẾN - Công tác phát triển đảng ở vùng có đông đồng bào công giáo	72
---	----

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN MINH TIẾN - Bức xúc	74
----------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGÔ MẠNH LÂN - Chiến lược toàn cầu của Mỹ và tình hình Trung Đông	76
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

• Повышение руководящей и боевой способности Партии, развитие силы всей нации, всестороннее усиление дела обновления в целях скорого выведения Вьетнама из слаборазвитого состояния (*Проект Политического доклада X Съезда КПВ*). • НГУЕН ФУК ТХАНЬ: Непрерывное повышение качества и эффективности надзорной деятельности Национального собрания. • НГУЕН ФИ ЛОНГ: О работе развития Партии на данном этапе. • ХО КУАНГ МИНЬ: Внешние инвестиционные резервы в деле обновления и социально-экономического развития во Вьетнаме. • НГУЕН ДИНЬ ТЫ: Акционирование государственных коммерческих банков в развитии фондовой биржи во Вьетнаме. • НГУЕН ТИЕН НГИА: Отрицать ценности коммунизма для всего человечества – это невозможно. • НГУЕН ТАН КУЕН: Канто – молодой город с полными жизненными силами. • ХИУНЬ МИНЬ ДОАН: Провинция Донгхяп развивает внутренние силы, активизирует сотрудничество ради экономического развития по направлению индустриализации и модернизации. • НГУЕН СУАН ФУК: Провинция Куангнам на пути к цели превращения в промышленную провинцию до 2020 г. • НГО МАНЬ ЛАН: Глобальная стратегия США и обстановка на Ближнем Востоке.

CONTENTS

• Raising the Party's leading and combat capability, promoting the entire nation's strength, accelerating the renovation comprehensively, steering the country out of underdevelopment at an early date (*Draft Political Report at X Party Congress*). • NGUYỄN PHÚC THANH: Unceasingly enhancing quality and efficiency of the National Assembly's supervision activity. • NGUYỄN PHI LONG: Regarding current matter of Party development. • HỒ QUANG MINH: External investment sources in the cause of renovation and socio-economic development in Vietnam. • NGUYỄN ĐÌNH TỰ: Equitisation of state commercial banks in stock market development in our country. • NGUYỄN TIẾN NGHĨA: Communism's values for mankind are undeniable. • NGUYỄN TẤN QUYÊN: Cần Thơ: an young, full - of- vitality city. • HUỖNH MINH ĐOÀN: Đồng Tháp promoting internal force, increasing cooperation, accelerating economic development in the direction of industrialisation, modernisation. • NGUYỄN XUÂN PHÚC: Quảng Nam on the path toward the target to be an industrial province before 2020. • NGÔ MẠNH LÂN: The US globalisation policy and the situation in the Middle East.

SOMMAIRE

• Elever la capacité de direction et la combativité du Parti, faire valoir la force de toute la nation, renforcer l'œuvre de renouveau sur tous les aspects, pour faire sortir au plus tôt notre pays du sous-développement (*Projet du Rapport politique à présenter au Xe Congrès national du Parti*). • NGUYỄN PHÚC THANH : Améliorer sans cesse la qualité et l'efficacité des activités de supervision de l'Assemblée nationale. • NGUYỄN PHI LONG : Sur le travail de développement du Parti à l'heure actuelle. • HỒ QUANG MINH : Les sources d'investissement extérieures dans l'œuvre du renouveau et du développement socio-économiques au Vietnam. • NGUYỄN ĐÌNH TỰ : La mise en actionnariat des banques commerciales publiques dans le développement de la Bourse au Vietnam. • NGUYỄN TIẾN NGHĨA : Les valeurs du communisme pour l'humanité sont indéniables. • NGUYỄN TẤN QUYÊN : Cần Thơ – une jeune ville pleine de vitalité. • HUỖNH MINH ĐOÀN : La province de Đồng Tháp fait valoir sa force endogène, renforce la coopération, accélère le développement économique à l'orientation d'industrialisation et de modernisation. • NGUYỄN XUÂN PHÚC : Quảng Nam sur la voie de devenir une province industrialisée avant 2020. • NGÔ MẠNH LÂN : La stratégie globale des Etats-Unis et la situation au Moyen-Orient.

SUMARIO

• Elevar la capacidad de dirección y la combatividad del Partido, desplegar la fuerza de todo el pueblo, impulsar multifacéticamente la obra de renovación para que nuestro país salga tempranamente del estado subdesarrollado (*Proyecto de Informe Político al X Congreso del Partido*). • NGUYỄN PHÚC THANH: Elevar sin cesar la calidad y la eficiencia de las actividades de control de la Asamblea Nacional. • NGUYỄN PHI LONG: Sobre el actual trabajo de desarrollo del Partido. • HỒ QUANG MINH: La fuente de inversión extranjera en la obra de renovación y fomento socioeconómico en Vietnam. • NGUYỄN ĐÌNH TỰ: La capitalización por acciones de los bancos estatales de comercio en el crecimiento del mercado bursátil en nuestro país. • NGUYỄN TIẾN NGHĨA: Los valores del comunismo hacia la humanidad son irrefutables. • NGUYỄN TẤN QUYÊN: Cần Thơ – joven ciudad llena de vitalidad. • HUỖNH MINH ĐOÀN: La provincia de Đồng Tháp despliega la fuerza interna, intensifica la cooperación e impulsa el desarrollo económico a la orientación de industrialización y modernización. • NGUYỄN XUÂN PHÚC: Quảng Nam en camino a la meta de ser una provincia industrial antes de 2020. • NGÔ MẠNH LÂN: La estrategia global de EE.UU y la situación de Medio Oriente.

目录

• 提高党的领导能力及战斗力, 发挥全民族力量, 全面大力推动革新事业, 使国家尽早摆脱发展缓慢的状况 (第十届党代会政治报告草案) • 阮福清: 不断提高国会监督活动的质量和效果 • 阮飞龙: 有关目前发展党的工作 • 胡光明: 在越南革新及经济社会发展事业中的外来投资资源 • 阮亭绪: 我国证券市场发展中国家商贸银行的股份化 • 阮进义: 共产主义对人类的价值是不可否认的 • 阮晋娟: 芹苴 – 充满活力的年轻城市 • 黄明团: 同塔省发挥内力、加强合作、大力推动经济向工业化、现代化方向发展 • 阮春福: 广南省向 2020 年前成为工业省的目标进程迈进 • 吴孟麟: 美国的全球化战略以及中东地区的局势。



NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG, PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN

(DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG)

Lời Bộ Biên tập: Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã quyết định công bố toàn văn dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X để lấy ý kiến nhân dân.

Đợt lấy ý kiến nhân dân góp ý vào dự thảo Báo cáo Chính trị bắt đầu từ ngày 3-2-2006 đến ngày 3-3-2006, là một đợt sinh hoạt chính trị quan trọng trong đời sống xã hội nước ta; với mục đích phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc trực tiếp tham gia hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng đất nước và xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, làm cho văn kiện trình Đại hội X của Đảng trở thành sản phẩm kết tinh trí tuệ và ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân.

Tạp chí Cộng sản xin trân trọng đăng toàn văn dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, để bạn đọc góp ý kiến.

Mọi ý kiến đóng góp đề nghị gửi về địa chỉ: Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 1A, đường Hùng Vương, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

ĐẠI HỘI X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng,

nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010; tổng kết 20 năm đổi mới; quyết định phương hướng phát triển đất nước và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kiểm điểm

sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, đề ra phương hướng nhiệm vụ xây dựng Đảng, bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

I – KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, nhất là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; kinh tế thế giới và khu vực đan xen những biểu hiện suy thoái, phục hồi và phát triển, hoạt động cạnh tranh và chủ nghĩa bảo hộ của một số nước tác động không nhỏ đến tình hình nước ta... Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và **đã đạt những thành tựu rất quan trọng:**

1 – Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện

Tốc độ tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001 - 2005 đạt mức kế hoạch 7,5%. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; việc huy động các nguồn nội lực cho phát triển có tiến bộ, tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước vượt dự kiến. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh. Đã tạo dựng thêm nhiều cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng, trong đó nhiều công trình lớn đã được đưa vào sử dụng.

Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2005, tỉ trọng giá trị nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20% - 21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38% - 39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41% - 42%).

Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến quan trọng. Một số sản phẩm của ta đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế với thương hiệu có uy tín. Xuất khẩu, nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đã bằng hơn 50% GDP. Vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng qua các năm. Đã có một số dự án đầu tư của ta ra nước ngoài.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng; một số loại thị trường mới hình thành; thị trường hàng hóa phát triển tương đối nhanh.

2 – Văn hóa – xã hội có tiến bộ trên một số mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện; chỉ số phát triển con người được nâng lên

Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường. Quy mô đào tạo tăng nhanh và tương đối đều, nhất là ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Khoa học và công nghệ góp phần tích cực vào việc hoạch định đường lối, chính sách, điều tra nghiên cứu đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức và thu được nhiều kết quả tốt; đến cuối năm 2005 tỉ lệ hộ nghèo còn 7% (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005). Việc kết hợp các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc bước đầu thu được kết quả tốt.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân tiếp tục đạt được nhiều thành tựu. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được mở rộng; một số dịch bệnh nguy hiểm được

khổng chế và đẩy lùi; nhân dân ở hầu hết các vùng, miền được chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng từ 68 (năm 1999) lên 71,3 (năm 2005).

Các hoạt động văn hóa, thông tin, báo chí, thể dục thể thao, giải trí... có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, gia đình liệt sỹ, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... thu hút được sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

3 – Chính trị – xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; hoạt động đối ngoại được mở rộng

Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững; chính trị - xã hội ổn định. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; vững vàng về chính trị, có tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao. Việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn được thực hiện có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố.

Hoạt động đối ngoại được mở rộng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Một số vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với một số quốc gia được giải quyết. Nước ta đã chủ động và tích cực tham gia hoạt động trên các diễn đàn quốc tế, khu vực; tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế và khu vực tại Việt Nam. Công tác đối ngoại nhân dân có bước phát triển mới.

4 – Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy

Công tác lập pháp của Quốc hội có những đổi mới quan trọng. Hiến pháp và hệ thống

pháp luật tiếp tục được sửa đổi, bổ sung; quy trình làm luật được cải tiến; hàng loạt luật và pháp lệnh mới được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước được tăng cường. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp được phân định cụ thể hơn, phân cấp nhiều hơn. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

Nội dung và hình thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực. Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện rộng rãi hơn, nhất là ở xã, phường.

5 – Công tác xây dựng Đảng được coi trọng

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng thường xuyên và đạt được một số kết quả tích cực. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác lý luận, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có tiến bộ. Công tác tổ chức và cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở có chuyển biến. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt một số kết quả. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất, năng lực. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự cố gắng to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã được ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

Tuy nhiên, chúng ta còn những **khuyết điểm và yếu kém**:

1 – Nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa vững chắc; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Quy mô nền kinh tế còn nhỏ. Các cân đối vĩ mô trong nền kinh tế chưa thật vững chắc, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động từ bên ngoài. Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động còn thấp; giá thành nhiều sản phẩm cao hơn so với khu vực và thế giới. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và khai thác tốt. Đầu tư của Nhà nước dần trải, bị thất thoát nhiều. Một số công trình xây dựng lớn, quan trọng của quốc gia không hoàn thành theo kế hoạch. Lãng phí trong chi tiêu ngân sách nhà nước và tiêu dùng xã hội còn nghiêm trọng. Môi trường sinh thái ở nhiều nơi ô nhiễm nặng. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nhìn chung chưa hợp lý.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chất lượng thấp, nhất là lĩnh vực dịch vụ. Nội dung và các biện pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp và nông thôn chưa cụ thể. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa chưa đạt yêu cầu đề ra. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỉ lệ cao. Kinh tế đối ngoại chưa phát huy đầy đủ các khả năng; doanh nghiệp trong nước chưa đủ sức vượt qua những khó khăn về cạnh tranh và thị trường.

Việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển và vận hành hệ thống thị trường chưa đồng bộ; một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm; tư duy bao cấp chưa được khắc phục triệt để.

2 – Cơ chế, chính sách về văn hóa – xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt

Thành tựu xóa đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng tăng. Nhu cầu bức xúc về việc làm ở các thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt. Nhiều vấn đề xã hội quan trọng chưa được giải quyết thỏa đáng.

Giáo dục và đào tạo chất lượng còn thấp, cơ cấu chưa hợp lý. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém vì lợi ích vật chất đơn thuần, vì lợi ích cục bộ, cá nhân trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật chưa được khắc phục có hiệu quả. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trong y tế, thể dục thể thao còn yếu kém.

Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng. Tai nạn giao thông gây ra nhiều thiệt hại về người và của.

3 – Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang còn một số mặt chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tình hình mới. Ở một số địa bàn, có những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội cục bộ.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa theo kịp diễn biến của tình hình. Sự phối hợp giữa an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể thiếu chặt chẽ.

4 – Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới

Việc thực hiện vai trò giám sát của Quốc hội còn lúng túng. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương, nhất là tổ chức hội đồng nhân dân, còn những điểm bất hợp lý. Cải cách hành chính chậm, cải cách tư pháp mới bước đầu được triển khai, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và

các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn thụ động, mang tính hành chính, hình thức. Dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở một số cấp và lĩnh vực không nghiêm.

5 – Chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thiếu trung thực và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn thiếu tính chiến đấu, tính thuyết phục. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và công tác tổ chức cán bộ trên một số mặt còn yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Có những khuyết điểm đó là do **những nguyên nhân** khách quan và chủ quan, song chủ yếu là do **những nguyên nhân chủ quan**:

Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được sự thông nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, như các vấn đề: sở hữu và thành phần kinh tế; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp cổ phần; hướng đầu tư xây dựng cơ bản; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; đổi mới chính sách, cơ chế quản lý giáo dục, y tế, văn hóa; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...

Chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt. Ba lĩnh vực được coi là ba khâu đột phá (xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống

chính trị mà trọng tâm là cải cách hành chính) cũng như việc xây dựng một số công trình trọng điểm lớn của quốc gia chưa được chỉ đạo tập trung, thực hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp đối với một số lĩnh vực như: quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, giá cả, tài chính, ngân hàng, tài nguyên quốc gia, quyền sở hữu trí tuệ, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, báo chí, xuất bản... Công tác kiểm tra, thanh tra chưa thường xuyên và còn thiếu hiệu lực.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp **yếu kém về phẩm chất và năng lực**, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

II – ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT 20 NĂM ĐỔI MỚI

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt **những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử**.

Đến nay, mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về

chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra **một số bài học lớn** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn để đi tới

thắng lợi. Đổi mới không phải là xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng không làm đồng loạt, dàn đều, mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn phong phú của nhân dân, thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật các mặt của cuộc sống để đi lên – đó là chìa khóa của thành công.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Hội nhập và hợp tác quốc tế phải dựa trên các nguyên tắc

tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Xác lập những mối quan hệ hợp lý giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể nhân dân thông qua hệ thống cơ chế thích hợp, làm cho tất cả các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện ngày một tốt hơn, từ đó tạo ra động lực mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (năm 1991) đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển để có một *Chương trình mới* phù hợp với những nhiệm vụ xây dựng đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

III – MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 – 2010

1 – Dự báo tình hình những năm sắp tới

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn, tác động nhiều mặt đến tất cả các quốc gia.

Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư, tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên; môi trường sinh thái bị hủy hoại; khí hậu trái đất diễn biến ngày càng xấu, thay đổi thất thường kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng phát triển...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông - Nam Á nói riêng, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: những tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo,

tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở từng nước...

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho nhân dân ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn.

Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển, nguy cơ tụt hậu xa hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Khoa học và công nghệ còn ở trình độ thấp. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là rất nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội vẫn chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. An ninh, trật tự và an toàn xã hội ở một số vùng và địa phương chưa bảo đảm vững chắc.

Những năm tới là cơ hội lớn để đất nước ta tiến lên, tuy khó khăn còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải **tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn.**

2 – Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 – 2010

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *nâng cao năng lực*

lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị – xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh hơn, có chất lượng cao hơn, bền vững hơn và gắn kết với phát triển con người. Đến năm 2010 tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng gấp 2,1 lần so với năm 2000; mức tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5% – 8%/năm và *phấn đấu đạt trên 8%/năm.*

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất và tạo động lực mới cho phát triển; đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, coi trọng phát triển kinh tế tri thức, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng; tạo chuyển biến tích cực về dịch vụ; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại.

Giải quyết tốt và kết hợp hài hòa các vấn đề phát triển văn hóa, xã hội và con người; tạo chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo thêm nhiều việc làm; chăm sóc sức khỏe nhân dân; kiểm chế tốc độ tăng dân số; làm cho đời sống xã hội ngày càng lành mạnh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; phát triển các quan hệ

đối ngoại theo hướng rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa.

Phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước và chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

IV – PHÁT HUY MỌI NGUỒN LỰC, TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1 – Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là:

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn nội lực và ngoại lực, nâng cao đời sống nhân dân. Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hoàn thiện chế độ phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền

kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2 – Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng:

Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường. Đổi mới căn bản công tác quy hoạch, kế hoạch phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương, thu hút mọi nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai và minh bạch, có trật tự, kỷ cương.

Hỗ trợ phát triển, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng.

Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

Tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế; đồng thời sử dụng kịp thời có hiệu quả một số biện pháp cần thiết khi thị trường trong nước hoạt động không có hiệu quả hoặc thị trường khu vực và thế giới có biến động lớn.

Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ "chế độ chủ quản"; phân biệt rõ ràng hệ thống cơ quan hành chính công và hệ thống cơ quan sự nghiệp dịch vụ công cộng (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao); phát triển mạnh các dịch vụ công cộng.

Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ, điều tiết thu nhập. Bảo đảm tính ổn định

và sự phát triển bền vững của nền tài chính quốc gia.

Định rõ mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội.

3 - Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các thị trường cơ bản, theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh

Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ. Thu hẹp những lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới cơ chế kiểm soát giá cả. Phát triển mạnh thương mại trong nước ở tất cả các vùng và tăng nhanh xuất khẩu, nhập khẩu. Đẩy mạnh tự do hóa thương mại phù hợp các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ, nhất là những dịch vụ cao cấp, có hàm lượng trí tuệ cao, giá trị gia tăng lớn. Phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động du lịch, đa dạng hóa các loại hình du lịch. Phát triển nhanh hơn các dịch vụ vận tải, viễn thông, dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ tư vấn,...

Từng bước phát triển vững chắc thị trường tài chính, hoàn thiện thị trường tiền tệ; lành mạnh hóa các hoạt động giao dịch vốn ngắn hạn và mua bán các giấy tờ có giá trên thị trường. Phát triển mạnh thị trường vốn, thúc đẩy mạnh hơn hoạt động của thị trường chứng khoán gắn với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phát triển hình thức cổ phần và huy động các nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển. Củng cố ngân hàng nhà nước, lành mạnh hóa, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, công ty mua bán nợ, công ty đầu tư chứng khoán,...

Phát triển thị trường bất động sản (bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản

gắn liền với đất): bảo đảm quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hóa một cách thuận lợi; làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển; từng bước làm cho thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư. Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường tính pháp lý, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đất đai. Nhà nước điều tiết giá đất bằng quan hệ cung - cầu về đất đai và thông qua các chính sách về thuế có liên quan đến đất đai. Nhà nước vừa quản lý tốt thị trường bất động sản vừa là nhà đầu tư bất động sản lớn nhất. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về kinh doanh bất động sản.

Phát triển thị trường sức lao động trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm. Có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển chọn và sử dụng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và bộ máy công quyền. Đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm; phát triển hệ thống thông tin về thị trường lao động trong nước và thế giới. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý ở những ngành, nghề cần ưu tiên phát triển.

Xây dựng hệ thống luật pháp về lao động và thị trường lao động nhằm bảo đảm quyền lựa chọn chỗ làm việc và nơi cư trú của người lao động; thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động, xây dựng hệ thống an sinh xã hội.

Phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành

hàng hóa. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường.

Nhà nước khuyến khích thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học và hoạt động sáng tạo, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới. Có chính sách hấp dẫn các công ty xuyên quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng nhập khẩu công nghệ hiện đại; từng bước phát triển mạnh công nghệ trong nước; chuyên các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp; hình thành lực lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về thị trường công nghệ.

4 - Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh

Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, khắc phục những rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và biểu dương các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước:

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp nhà nước thực sự hoạt động trong môi trường cạnh tranh, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả. Xóa bỏ độc quyền và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, cạnh tranh, chấp nhận rủi ro. Gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Chăm lo đào tạo đội ngũ quản trị giỏi đáp ứng tốt yêu cầu quản lý công ty theo chế độ hiện đại.

Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước; đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hóa. Giá trị doanh nghiệp

nhà nước được cổ phần hóa, kể cả giá trị quyền sử dụng đất, phải theo cơ chế thị trường.

Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của Nhà nước, của tư nhân trong và ngoài nước, các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư..., trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Tiếp tục đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể:

Tổng kết thực tiễn để sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, trước hết là các hợp tác xã kiểu mới, các hợp tác xã mà thành viên tham gia gồm cả thể nhân và pháp nhân.

Khuyến khích huy động cổ phần và các nguồn vốn, không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia. Các hợp tác xã cổ phần từng bước trở thành thực thể chủ yếu của kinh tế tập thể.

Hợp tác xã và các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động theo đúng các nguyên tắc: hợp tác tự nguyện, tương trợ giữa các thành viên, dân chủ trong quản lý; thực hiện hạch toán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh; cạnh tranh để phát triển.

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân:

Mọi công dân có quyền tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh với quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo hộ; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, thông tin và nhận thông tin.

Tôn vinh những người sản xuất, kinh doanh giỏi, chấp hành tốt pháp luật; xóa bỏ mọi rào cản hữu hình và vô hình, tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm.

Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài:

Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý, đa dạng hóa các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh các nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề, các lĩnh vực kinh doanh quan trọng. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài kinh doanh thuận lợi như doanh nghiệp Việt Nam.

V – ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Tận dụng các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và các tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với từng bước phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng những nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với những tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo cả ngành và lĩnh vực. Giảm chi phí trung gian, tăng mạnh tỉ lệ giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực cơ bản có sức cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn:

Hết sức coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và

sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỉ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, tạo điều kiện để phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ gắn với hình thành các làng nghề, các loại hình sản xuất trang trại, hợp tác xã, sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng; đổi mới chính sách giao đất, giao rừng, bảo đảm cho người làm rừng có cuộc sống ổn định và được cải thiện. Nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu gỗ cho chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Phát triển nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản. Sản xuất giống tốt, xử lý môi trường, mở rộng thị trường, phát triển các hiệp hội trong ngành thủy sản.

Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác thú y, bảo vệ thực vật; chuyển giao nhanh và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng các khâu giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và công nghệ sau thu hoạch.

Tiến hành quy hoạch đồng ruộng, làng nghề, xây dựng các làng, xã, ấp, bản trong tổng thể quy hoạch chung của từng vùng, từng địa bàn; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn như hệ thống thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, các khu, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, chợ, bưu chính - viễn thông; thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn phù hợp với điều kiện của từng vùng. Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, nông dân có cuộc sống no đủ, có đời sống văn hóa lành mạnh, có môi trường sạch.

Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ra nước ngoài. Tiếp tục đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng:

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia.

Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài... Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút những chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với công nghệ tiết kiệm năng lượng. Hoàn chỉnh một bước cơ bản mạng lưới giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước... Tăng nhanh năng lực và hiện đại hóa bưu chính - viễn thông.

Phát triển kinh tế vùng:

Có chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và trong nội bộ từng vùng để các vùng phát triển hài hòa.

Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện cho các vùng kinh tế đang còn nhiều khó khăn phát huy được tiềm năng của mình để phát triển nhanh hơn, đặc biệt là vùng biên giới, hải đảo, các vùng Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc.

Phát triển kinh tế biển:

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để sớm đưa nước ta thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, du lịch biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh và đi trước một bước một số vùng kinh tế ven biển và hải đảo có điều kiện.

Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển:

Phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn khoảng 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ và kinh tế tri thức trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng đúng mức việc phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

Đổi mới nội dung, cách làm chiến lược, đưa ra những định hướng lớn, cơ bản, tổng thể với tầm nhìn dài hạn, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tăng cường điều tra cơ bản, xác định các nguồn tài nguyên của đất nước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

Coi trọng công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các ngành, các vùng, các tỉnh, thành phố. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch, đặc biệt đối với công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn. Chấm dứt việc quy hoạch và xây dựng tràn lan các khu công nghiệp, công trình, nhất là các cảng biển, sân bay... không mang lại hiệu quả.

Xây dựng cơ sở dữ liệu chính xác phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống dự báo và nâng cao năng lực dự báo từ trung ương tới địa phương. Quan tâm công tác dự báo thiên tai, biến động quốc tế, tác động của các cơ chế, chính sách và tiến bộ khoa học, công nghệ đến kinh tế và xã hội.

Bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái:

Có chính sách tăng cường quản lý việc sử dụng tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng.

Ngăn chặn các hành vi gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch và quản lý phát triển sạch.

Tích cực phục hồi môi trường và các hệ sinh thái bị phá hủy. Tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ đa dạng sinh học. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải.

Hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

VI – CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, trên cơ sở lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo; đồng thời linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương với nhiều nước, trong đó có một số nước lớn, các hiệp định hợp tác kinh tế đa phương, khu vực. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương. củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tới đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật tương đối đủ về số lượng, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch; tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các luồng vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử

dụng và có kế hoạch bảo đảm trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, từng doanh nghiệp khẩn trương đổi mới từ tư duy đến phong cách quản lý, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, giảm chi phí gia nhập thị trường và chi phí đầu vào. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

VII – NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1 – Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, phương pháp giáo dục theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa", nâng cao chất lượng dạy và học.

Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, thực hiện sự liên thông giữa các bậc học, một số ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt mềm dẻo hơn, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo ra nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục, gắn với phát triển nghề nghiệp của người dân.

Phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc

chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông có tính khoa học, đại chúng và phổ cập, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Kết hợp việc tổ chức phân ban với tự chọn ở trung học phổ thông trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ trung học cơ sở. Bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục.

Phát triển hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề, nhất là các nghề cho nông dân trong lĩnh vực nông nghiệp; đa dạng hóa các loại hình dạy nghề, phát triển nhanh đào tạo nghề dài hạn theo hướng hiện đại.

Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động; khẩn trương xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...; có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến công tác thi cử cả về nội dung và phương pháp nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và những hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, thực hiện những giải pháp cơ bản, lâu dài nhằm chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

Thực hiện xã hội hóa giáo dục. Huy động nguồn vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng

đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.

Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo đến năm 2020. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài.

2 – Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ

Phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; giải đáp những vấn đề mới của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con đường, bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; những nguyên tắc, nội dung cơ bản của vấn đề phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới,... Thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận; dự báo tình hình và xu thế phát triển của thế giới, khu vực và trong nước; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phát triển khoa học tự nhiên theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng,

đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Phát triển công nghệ, đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỉ trọng lớn trong GDP, các ngành công nghiệp phụ trợ và tạo nhiều việc làm cho xã hội; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về nhân lực và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ và huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

VIII - THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI NGAY TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Kết hợp chặt chẽ các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trên cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ.

Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói, giảm nghèo theo quan điểm: tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát đói nghèo bền vững ở các vùng nghèo và các bộ phận dân cư nghèo; khắc phục tình trạng bao cấp dàn đều, tư tưởng ỷ lại; phấn đấu không còn hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo, tăng nhanh số hộ giàu; từng bước xây dựng gia đình, cộng đồng và xã hội phồn vinh.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin, thể dục thể thao, tạo việc làm...

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao... Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương. Phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lý để tạo được động lực phát triển mạnh, góp phần phòng chống tiêu cực, tệ nạn xã hội.

Tăng nguồn lực đầu tư của Nhà nước để phát triển các lĩnh vực xã hội và thực hiện các mục tiêu xã hội, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa - coi đây là một biện pháp rất cơ bản nhằm huy động mọi nguồn lực, trí tuệ của các thành phần kinh tế, của các tổ chức xã hội, của mọi người.

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư để nâng cấp các cơ sở y tế, y tế dự phòng, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cơ bản cho toàn dân, xây dựng và hoàn thiện các chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách và người nghèo trong khám, chữa bệnh. Chú trọng phát triển

các dịch vụ y tế công nghệ cao, khuyến khích phát triển đa dạng các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Có chiến lược, quy hoạch phát triển và cơ chế chính sách hợp lý để phát triển hệ thống sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc chữa bệnh; từng bước xây dựng ngành công nghiệp dược, ngành công nghiệp thiết bị y tế trở thành những ngành kinh tế - kỹ thuật đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Phát triển mạnh thể dục - thể thao với phương châm kết hợp tốt thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và khoa học, hiện đại; chú trọng phát triển thể dục - thể thao trường học, nâng cao chất lượng phong trào thể dục - thể thao quần chúng. Có chính sách và cơ chế phù hợp để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao, đưa nền thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế...

Quan tâm đến sức khỏe sinh sản. Đẩy mạnh phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; giảm nhanh tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, kiên trì và có hiệu quả để phòng chống HIV/AIDS.

Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số. Tiếp tục duy trì kế hoạch giảm sinh, phấn đấu sớm đạt mục tiêu mức sinh thay thế, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã

hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, người được hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người già, nhất là những người già cô đơn, không nơi nương tựa. Giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, trẻ mồ côi, lang thang.

Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Cùng với việc Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các mục tiêu, các chương trình phát triển quốc gia về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, cần phát huy tiềm năng trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước chăm lo phát triển các lĩnh vực dịch vụ công cộng.

Từng bước chuyển các cơ sở công lập trong các lĩnh vực dịch vụ công đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không vì mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với hai loại hình dân lập và tư nhân. Chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập. Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động dịch vụ công cộng.

Công bố minh bạch tại các cơ sở dịch vụ công lập và ngoài công lập mức phí dịch vụ, chấm dứt các khoản thu, chi "ngầm", bảo đảm cho người làm dịch vụ có chế độ lương, thu nhập thỏa đáng, tự giác làm việc tốt, có lương tâm nghề nghiệp và không sách nhiễu.

Thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập về dịch vụ công cộng phát triển cả về

quy mô và chất lượng, xây dựng các cơ sở dịch vụ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

IX – PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỂ THỰC SỰ TRỞ THÀNH NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện giá trị của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức cao đẹp và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

Tập trung nhân lực, vật lực, tài lực cho ba lĩnh vực quan trọng tạo nên diện mạo văn hóa Việt Nam đương đại:

Một là, xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hóa của mọi người dân ở cơ sở, thôn xóm, bản, làng, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân. Đa dạng hóa các phương thức hoạt động và tổ chức phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Hai là, phát huy mạnh mẽ tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng và tác động tích cực, sâu sắc đến đời sống tinh thần của xã hội, những giá trị văn hóa đỉnh cao trong nền văn hóa Việt Nam.

Ba là, đầu tư toàn diện cho văn hóa, nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, trong đó chú trọng nâng cấp và xây dựng những công trình văn hóa lớn, tiêu biểu cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hoàn chỉnh về cơ bản quy hoạch phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống thiết chế văn hóa như bảo tàng, nhà truyền

thống, thư viện, phòng đọc sách, nhà văn hóa, nhà thông tin - triển lãm, điểm bưu điện - văn hóa xã, sân bãi thể dục - thể thao, khu vui chơi, giải trí...

Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Bảo tồn và phát huy văn hóa, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hòa việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch.

Tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển, vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, chủ động, khoa học.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật. Có kế hoạch lâu dài và thiết thực trọng dụng các tài năng văn hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của văn nghệ sĩ, tạo điều kiện thuận lợi để những người hoạt động văn hóa sáng tạo được nhiều tác phẩm có giá trị cao. Tạo bước chuyển cơ bản về chất lượng và hiệu quả của hoạt động lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật. Nghiên cứu, đổi mới cơ bản nội dung, phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn học, nghệ thuật từ trung ương đến địa phương.

Đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định, phù hợp, đáp ứng nhu cầu mới của sự phát triển văn hóa thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Tích cực mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa, từng bước xây dựng nước ta thành địa chỉ giao lưu văn hóa có sức hấp dẫn của khu vực và thế giới, đồng thời chống sự xâm nhập của các luồng văn hóa độc hại, lai căng...

Huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa; xã hội hóa các hoạt động

văn hóa. Phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức tham gia hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa. Xây dựng và triển khai thường xuyên chương trình giáo dục văn hóa - thẩm mỹ, nâng cao chất lượng giáo dục khoa học nhân văn, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

X - TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hóa - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giảm tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, có nội dung phù hợp với từng đối tượng và đưa vào chương trình chính khóa trong các nhà trường theo cấp học, bậc học. Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Chủ động đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng sai trái, cơ hội; giữ vững an ninh nội địa; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; xây dựng "thể trận lòng dân" làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó Quân đội và Công an làm nòng cốt; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc

với sức mạnh thời đại. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Kết hợp xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng - an ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

Xây dựng Quân đội và Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhà nước, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Đổi mới về tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đối với lực lượng vũ trang, đi đôi với cải tiến, đổi mới vũ khí, trang bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu tác chiến mới; phát triển khoa học quân sự, khoa học công an, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; đổi mới phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với các tổ chức của nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

Xây dựng, bổ sung cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động quốc phòng, an ninh. Thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên gắn với chế độ

một người chỉ huy, tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Bổ sung cơ chế phối hợp hoạt động giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các bộ, ngành có liên quan trong phân tích, dự báo tình hình và làm tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện. Bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội có quan hệ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành các chiến lược quốc gia như: Chiến lược Quốc phòng; Chiến lược An ninh và các chiến lược chuyên ngành khác.

XI - MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HÒA BÌNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, các đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế và khu vực mà các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng của ta là thành viên. Tăng cường công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài. Mở rộng giao lưu và hợp tác với các tổ chức nhân dân của các nước, với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế có quan hệ hữu nghị với nhân dân Việt Nam.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đổi mới công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại, làm cho thế giới hiểu và ủng hộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy tối đa trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước

và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

XII - PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua đường lối và chính sách, tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý, tạo điều kiện để nhân dân được làm những việc mà pháp luật không cấm. Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) và giữ vững kỷ cương trong xã hội. Tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế đi liền với phát triển văn hóa - xã hội; mỗi người, mỗi hộ đều phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước, thu nhập chính đáng, nâng cao đời sống. Chăm lo và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, các tôn giáo...

Xây dựng *giai cấp công nhân* có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao. Giải quyết việc làm, giảm tối đa tỉ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khỏe đối với công nhân; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế.

Phát huy vai trò *giai cấp nông dân* trong sự nghiệp đổi mới. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hóa. Thực hiện bảo hiểm cho những sản phẩm từ nông, lâm, ngư nghiệp có giá trị hàng hóa lớn. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, chuyển giao và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; mở mang và đa dạng hóa ngành nghề, tạo nhiều việc làm mới. Chuyển một bộ phận lớn lao động nông nghiệp, nhất là bộ phận nông dân thiếu đất hoặc không có đất canh tác, sang khu vực công nghiệp tập trung và công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản,

dịch vụ phục vụ đời sống và sản xuất ở địa bàn nông thôn.

Phát huy trí tuệ và năng lực của *đội ngũ trí thức*, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bảo vệ quyền tác giả, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học - nghệ thuật chuyên ngành đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tạo điều kiện để các *doanh nhân* phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của mình trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng, gìn giữ thương hiệu hàng hóa Việt Nam.

Thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng và đạo đức cách mạng cho *thanh niên*. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ, đào tạo thanh niên trong lực lượng vũ trang có nghề khi hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

Chăm lo công tác *phụ nữ* và vấn đề bình đẳng giới, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên

quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, các hành vi buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ, trẻ em.

Phát huy vai trò của *cựu chiến binh* trong việc xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; góp sức thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Chăm sóc *người cao tuổi* về sức khỏe, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của lớp người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo". Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Đoàn kết *các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên

trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức của đồng bào dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi thực hiện "cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng của đồng bào", làm tốt công tác dân vận. Chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.

Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có trách nhiệm sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, vận động đồng bào chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Có chính sách để người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước; thu hút, phát huy trí tuệ của trí thức Việt kiều. Làm tốt công tác thông tin về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Nhà nước có chính sách khen thưởng những người

Việt Nam định cư ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với cử tri và nhân dân; định kỳ nghe ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc, Quy chế Dân chủ ở từng địa phương, ngành và cơ sở, để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng, khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng tổ chức, thu hẹp diện cơ sở yếu kém; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*.

XIII - PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1 - Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đảng thông qua Nhà nước để lãnh đạo xã hội

và quản lý đất nước; Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng cầm quyền. Mọi chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều có sự tham gia xây dựng của nhân dân, phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm, không chỉ là người thụ hưởng mà còn góp phần tích cực, quan trọng vào việc xây dựng, hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Xây dựng một xã hội thực sự dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Mỗi chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều thể hiện ý chí, lợi ích chính đáng của nhân dân, của quốc gia, dân tộc. Xác định các hình thức tổ chức thích hợp với tình hình cơ cấu xã hội - giai cấp đang có sự thay đổi sâu sắc, thu hút và tạo điều kiện cho mọi người, mọi tầng lớp nhân dân tham gia các công việc chung của Đảng, của Nhà nước và xã hội. Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế nhằm tổ chức, thu hút và tạo điều kiện để nhân dân được thụ hưởng và thực hiện các quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức của Đảng, Nhà nước đối với công dân và ngược lại. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kiến nghị với Đảng về xây dựng và hoạch định chính sách.

2 - Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Thể chế hóa và xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp, định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và luật trong đời sống kinh tế - xã hội.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật, bảo đảm vận hành thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát, tổ chức lại một số Ủy ban để giúp Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương, giám sát thực hiện ngân sách, giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành pháp thống nhất, thông suốt, trong tổng thể một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Luật hóa cơ cấu, tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn và hợp lý. Thành lập cơ quan tài phán hành chính để giải quyết các khiếu kiện hành chính. Thực hiện việc phân cấp mạnh, hợp lý cho chính quyền địa phương, giao quyền chủ động hơn nữa cho địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương.

Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối. Thống nhất cơ quan thi hành án. Xây dựng

cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong phạm vi được phân cấp. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ quan chính quyền địa phương. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân. Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

Thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức. Có cơ chế bãi miễn những người không xứng đáng, đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những công chức kém phẩm chất và năng lực. Thực hiện chế độ trách nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3 – Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ; cơ chế thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công tác giáo dục, giám sát và quản lý cán bộ, công chức nhằm xây dựng một nền hành chính quốc gia hiện đại, một đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, tận tụy, có đức, có tài. Bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng và doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức.

Xử lý kiên quyết, nghiêm minh, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu,

sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. Xử lý nghiêm theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng. Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ cấp cao, phải trực tiếp tham gia và đi đầu trong việc phòng chống tham nhũng, lãng phí.

XIV – ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng lên ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

1 – Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng trong điều kiện mới

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Nâng cao trình độ trí tuệ, chất lượng nghiên cứu lý luận của Đảng; tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới.

Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình.

Củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan chuyên ngành về công tác tư tưởng, lý luận. Tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt. Tiến hành đồng bộ công tác tư tưởng, công tác lý luận, gắn các công tác này với công tác tổ chức - cán bộ, với phát triển kinh tế, giải quyết hài hòa các lợi ích. Gắn "xây" với "chống", lấy "xây" làm chính. Đặc biệt quan tâm chống sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

2 – Bảo đảm vai trò nền tảng và hạt nhân chính trị của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý và giám sát đảng viên về năng lực hoàn thành nhiệm vụ và phẩm chất, đạo đức, lối sống; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện tiêu cực trong Đảng.

Kiểm toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Xác định vị thế pháp lý, thể chế hóa về mặt Nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng trong khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Chú ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vùng sâu, vùng xa; tập trung giải quyết cơ sở yếu kém.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách; năng động, sáng tạo, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô phải gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương.

Phân công đảng viên đúng người, đúng việc, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng gắn với bảo đảm chất lượng. Chú trọng trẻ hóa và nâng cao trình độ của đảng viên; lấy đạo đức làm gốc, đồng thời bồi dưỡng về kiến thức, trí tuệ, năng lực để làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo, người đi tiên phong trong các lĩnh vực công tác được giao.

Thường xuyên sàng lọc đảng viên. Động viên quần chúng giám sát, đóng góp ý kiến về đảng viên, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách.

3 – Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng; quyền được thông tin, tranh luận, nêu ý kiến riêng, bảo lưu ý kiến trong tổ chức; khi đã thành nghị quyết thì phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng.

Các cấp lãnh đạo, cán bộ lãnh đạo phải thật sự lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; có cơ chế để nhân dân bày tỏ ý kiến đối với những quyết định lớn, tham gia giám sát Đảng, tham gia các công việc của Đảng; khắc phục lối làm việc quan liêu, xa dân.

Hoàn thiện quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả đối với người lãnh đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ.

Đổi mới phương pháp kiểm tra và bổ sung chức năng giám sát cho ủy ban kiểm tra đảng các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra phòng ngừa. Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban Kiểm tra của Đảng với Thanh tra của Chính phủ.

4 – Đổi mới công tác cán bộ

Cán bộ phải là người có đức, có tài, có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng; hết lòng phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc; có bản lĩnh chính trị

vững vàng, kiên định lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; không dao động trước mọi biến cố phức tạp, có đủ năng lực thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, có chất lượng tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực; bồi dưỡng nhân tài theo định hướng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ thật sự dân chủ, khoa học, công minh. Xây dựng và hoàn thiện chế độ bầu cử, cơ chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ; mở rộng quyền đề cử và tụt ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn.

Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài; thay thế những người kém năng lực, không đủ uy tín, nhất là những người kém phẩm chất, hư hỏng, có khuyết điểm nghiêm trọng.

Kiên quyết khắc phục những biểu hiện cá nhân, độc đoán, thiếu công tâm và khách quan, cũng như tình trạng nể nang, tùy tiện, trì trệ trong công tác cán bộ.

Cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải chủ trì công tác cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức cơ quan, đơn vị công tác của cán bộ. Quy định trách nhiệm của cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Có cơ chế để đảng viên và nhân dân giám sát cán bộ và công tác cán bộ.

5 – Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng phải đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Khâu mấu chốt cần tập trung hiện nay là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở cấp trung ương và chính quyền ở cấp địa phương. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, quyết định, nguyên tắc giải quyết những vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình công tác lớn của Nhà nước; xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bố trí đúng cán bộ ngang tầm nhiệm vụ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Đảng không buông lỏng lãnh đạo, đồng thời không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội.

Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước.

Lãnh đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng. Ra nghị quyết đi liền với đề ra các kế hoạch thực hiện nghị quyết.

Sớm xây dựng quy chế về sự phối hợp giữa kiểm tra của Đảng với thanh tra của Chính phủ, kịp thời kết luận các vụ vi phạm, xử lý đúng người, đúng tội, đúng Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa các ban tham mưu của cấp ủy đảng và cơ quan chính quyền tương ứng cùng cấp, nhất là giữa

Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước; giữa văn phòng cấp ủy và văn phòng hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, giúp Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng phát triển và nội dung hoạt động trong từng thời kỳ; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Thống nhất việc lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ trong cả hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với đổi mới phong cách hoạt động, lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm, khắc phục bệnh quan liêu, tùy tiện, chủ quan, hình thức.

*

* *

Đất nước ta đang ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta phải được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG



KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI

NGUYỄN PHÚC THANH *

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong những năm qua đã thu được những thành tựu đáng phấn khởi. Với tư tưởng "lấy dân làm gốc", mọi quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, Quốc hội đã tích cực đổi mới cả về tổ chức và phương thức hoạt động của mình theo hướng dân chủ, thiết thực và hiệu quả. Trong những năm qua, Quốc hội đã có những đóng góp quan trọng vào thành công của sự nghiệp đổi mới, thực hiện ngày càng tốt hơn các chức năng lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Song song với việc đẩy mạnh công tác lập pháp, thời gian qua kể từ khi Luật hoạt động giám sát của Quốc hội có hiệu lực đến nay, công tác giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước đã có sự tiến bộ rõ rệt, được dư luận xã hội và cử tri hoan nghênh. Kết quả có tính chất cơ bản chính là tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức về sự cần thiết và vai trò giám sát của Quốc hội, thấy được bản chất giám sát

của Quốc hội là xây dựng và thúc đẩy phát triển. Bằng việc xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội chỉ ra những mặt mạnh cần phát huy, mặt yếu cần khắc phục, nhằm làm cho bộ máy nhà nước và cả hệ thống chính trị của chúng ta mạnh lên ngang tầm nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội đã từng bước đi vào nền nếp. Hằng năm, Quốc hội ra nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát. Nội dung của nghị quyết đã tập trung vào những vấn đề lớn, trọng điểm mà cử tri quan tâm, trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Nhờ có chương trình và kế hoạch cụ thể, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chủ động trong việc chỉ đạo điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, giảm bớt tình trạng chồng chéo, nhiều cơ quan của Quốc hội cùng giám sát một

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

cơ quan hoặc địa phương, gây khó khăn cho đối tượng chịu sự giám sát.

Phương thức giám sát của Quốc hội những năm qua cũng từng bước được cải tiến, chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Từ giám sát nặng về hình thức thăm hỏi, "cưỡi ngựa xem hoa" đã đi vào thực chất theo chuyên đề sâu như giám sát "Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư theo ngành và vùng lãnh thổ trong cả nước; kết quả khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và chống thất thoát trong đầu tư và xây dựng cơ bản"; "Tình hình thực hiện dự án nhà máy thủy điện Sơn La và dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất"...

Tính chất giám sát tối cao thể hiện rõ hơn, Quốc hội đã tăng cường giám sát hoạt động của Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp. Đặc biệt, hình thức giám sát thông qua chất vấn các thành viên Chính phủ được duy trì tại cả hai kỳ họp trong năm, chất lượng từng bước được nâng lên, từ chỗ chỉ tiến hành như một sinh hoạt trong nội bộ Quốc hội nay đã được truyền hình trực tiếp để cử tri cả nước theo dõi và có điều kiện giám sát hoạt động của những người đại diện cho mình. Trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003 - 2004 của Chính phủ có đoạn khẳng định: "Trong thành tích đạt được có sự đóng góp của công tác chỉ đạo, giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội".

Hoạt động giám sát đã tác động tích cực làm cho từng đại biểu Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp nhận rõ trách nhiệm của mình trước cử tri và nhân dân cả nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đề ra và đòi hỏi của cử tri và nhân dân, hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội nhìn chung còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa có sự

chuyển biến mạnh mẽ, thể hiện rõ tính tập trung và quyết tâm cao, chưa đầu tư đúng mức vào nhiệm vụ này. Nói cho cùng, nhận thức tư tưởng về giám sát chưa đủ "tầm". Tình trạng tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm, thiếu kiên quyết vẫn là trở ngại chính hạn chế đến chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát; tập trung đầu tư thời gian, công sức cho hoạt động giám sát còn có mức độ, nhất là việc theo dõi, đôn đốc xử lý các kiến nghị sau giám sát.

Việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát mới tập trung chủ yếu ở Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và một số đoàn đại biểu Quốc hội có điều kiện. Nhiều đoàn đại biểu Quốc hội và hầu hết các đại biểu Quốc hội còn lúng túng trong việc triển khai nhiệm vụ này. Đặc biệt thời gian của các đại biểu dành cho tiếp xúc cử tri chưa nhiều nên chưa nắm bắt và phản ánh kịp thời, đầy đủ ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội.

Phạm vi và các lĩnh vực của đời sống xã hội cần được giám sát rất rộng trong khi bộ máy và lực lượng tổ chức thực hiện của Quốc hội còn mỏng; nội dung giám sát vẫn còn dàn trải, thiếu trọng tâm, đôi khi mang tính hình thức; công tác chuẩn bị chưa công phu, phương pháp và hình thức tiến hành giám sát còn dập khuôn, thiếu sáng tạo... cũng là một trong những nguyên nhân hạn chế chất lượng và hiệu quả hoạt động giám sát.

Việc giám sát các văn bản quy phạm pháp luật tiến hành chưa thường xuyên, chất lượng còn hạn chế. Năm 2005, lần đầu tiên Quốc hội tiến hành giám sát nội dung này tại kỳ họp đã phát hiện nhiều vấn đề tồn tại trong các văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh cần phải được tập trung khắc phục kịp thời nhằm bảo đảm tính hợp hiến và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật cần phải có đề hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh mặc dù đã quá thời gian

quy định nhưng vẫn chưa được ban hành còn khá lớn. Công tác tuyên truyền về hoạt động giám sát của Quốc hội còn hạn chế, chưa tạo dư luận đồng thuận, hậu thuẫn rộng rãi trong xã hội để thu hút sự tham gia của cử tri và nhân dân.

Trong thời gian tới, để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội cần chú trọng một số vấn đề cơ bản sau đây :

- *Một là*, tiếp tục làm chuyên biến sâu sắc nhận thức tư tưởng chung của toàn xã hội, trước hết là trong bộ máy công quyền của Nhà nước, từ đó xây dựng tư tưởng quyết tâm và tập trung đẩy mạnh hoạt động giám sát, thống nhất, coi đây là nhiệm vụ chính trị và động lực để thúc đẩy, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thời, phải coi đây là một trong những nội dung quan trọng của công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thiết lập và tăng cường mối quan hệ hài hòa giữa chủ thể giám sát và chủ thể chịu sự giám sát, sao cho hoạt động giám sát diễn ra trong không khí chân thành, cởi mở, thẳng thắn, xây dựng và cầu thị. Khắc phục quan niệm và nhận thức lệch lạc cho rằng "giám sát" là "bóí móc", hoặc "chỉ nhằm đi tìm khuyết điểm để quy kết trách nhiệm". Phải thống nhất nhận thức giám sát nhằm mục đích chủ yếu là phát hiện các quy định của pháp luật hoặc chính sách đã ban hành nếu chưa phù hợp hoặc lạc hậu với thực tiễn thì điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung để từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật.

- *Hai là*, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội cần bám sát thực tiễn cuộc sống, tổng hợp, nghiên cứu, đóng góp ý kiến xây dựng Chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội thực sự đi vào những lĩnh

vực trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề bức xúc được nhiều cử tri, nhân dân quan tâm, liên quan đến cơ chế, chính sách vĩ mô của Nhà nước; kiên quyết khắc phục tình trạng chung chung, dàn trải, hình thức, kém hiệu quả.

- *Ba là*, trên cơ sở nghị quyết về Chương trình giám sát hằng năm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cụ thể hóa thành kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện cụ thể; tự mình hoặc phân công các cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội tiến hành giám sát và tổng hợp kết quả báo cáo với Quốc hội. Trong toàn bộ tiến trình của một cuộc giám sát, khâu quan trọng nhất là thu thập, tổng hợp thông tin, xây dựng đề cương nội dung giám sát sao cho "trúng" những vấn đề cần được giám sát.

- *Bốn là*, đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội cần tập trung giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương, giảm bớt các đoàn giám sát đến các địa phương, cơ sở; duy trì thường xuyên việc giám sát ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên tất cả các mặt: tiến độ, nội dung, thể thức, thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành.

- *Năm là*, tiếp tục cải tiến quy trình, cách thức tiến hành giám sát, trong đó chú trọng công tác chuẩn bị phải rất công phu, chu đáo về nội dung, bố trí thời gian thỏa đáng và huy động được lực lượng cần thiết; thống nhất cơ chế xem xét, giải quyết kiến nghị qua giám sát với phương châm "đeo bám đến cùng, yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm phải trả lời đầy đủ, thỏa đáng các kiến nghị đó". Xây dựng quy trình tiến hành các hoạt động giám sát chủ yếu của Quốc hội như: chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, tổ chức đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của

(Xem tiếp trang 49)

TRONG quá trình tồn tại và phát triển Đảng ta thường xuyên bổ sung vào đội ngũ những đảng viên ưu tú từ phong trào cách mạng của quần chúng. Đó là nhu cầu tất yếu, là nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Về công tác phát triển đảng hiện nay

NGUYỄN PHI LONG *

Trong những năm gần đây, đảng viên mới được kết nạp hàng năm ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Mỗi năm số đảng viên mới tăng trung bình khoảng 4% so với tổng số đảng viên; trong đó, tỷ lệ đảng viên là nữ, người dân tộc thiểu số, các tôn giáo, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều tăng đáng kể, làm cho cơ cấu đảng viên về giới, dân tộc, tôn giáo hợp lý hơn (năm 2000 số đảng viên nữ chiếm 19,74%, người dân tộc thiểu số 9,4%, các tôn giáo 1,07%, đoàn viên thanh niên 9,07% so với tổng số đảng viên, năm 2003 các tỷ lệ tương ứng là: 22,43%, 10,05%, 1,25% và 13,85%; năm 2004 là: 23,03%; 10,21%; 1,32%; 14,9%. Tuổi đời bình quân của đội ngũ đảng viên năm 2000 là 44,7 đến năm 2004 giảm xuống còn 44,16; trình độ học vấn trung học phổ thông, cao đẳng, đại học trở lên và trình độ lý luận chính trị cao cấp cũng tăng qua các

năm (năm 2000, số đảng viên có trình độ trung học phổ thông là: 50,4%, cao đẳng, đại học là 19,3%, lý luận chính trị cao cấp là: 3,09% so với tổng số đảng viên, năm 2004 tỷ lệ tương ứng là 64,72%; 25,15%; 4,18%).

Kết quả trên đây cho thấy, lòng tin của quần chúng, nhất là lớp trẻ đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng ngày càng tăng. Điều đó cũng phản ánh, các tổ chức đảng đã nhận rõ ý nghĩa, vai trò của công tác phát triển đảng và công tác này đã có bước chuyển biến quan trọng, tạo điều kiện để quần chúng phấn đấu, rèn luyện và qua đó tổ chức lựa chọn những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn để xem xét, kết nạp vào Đảng.

Tuy nhiên, hiện nay một số *chỉ tiêu về chất lượng, cơ cấu và việc phân bố đảng viên* chưa đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới của Đảng. Tỷ lệ đảng viên mới được kết nạp là nữ chỉ chiếm 23,03%; người dân tộc thiểu số: 10,21%; công nhân lao động trong các thành phần kinh tế: 11,29%; đoàn viên thanh niên: 14,9%; số đảng viên có trình độ học vấn tiểu học trở xuống vẫn còn 7,49%; chưa học sơ cấp chính trị: 33,72%. Tỷ lệ đảng viên so với dân số ở một số vùng còn quá thấp. Chẳng hạn như: Đông Nam Bộ là 1,83%; Tây Nam Bộ là 1,53%; Tây Nguyên là 1,95%... Theo thống kê của 59 tỉnh, thành phố, hiện còn 12.785 thôn, bản (chiếm 15,52%) chưa có tổ chức đảng; 1.623 thôn, bản (chiếm 1,97%) chưa có đảng viên. Số thôn, bản này tập trung chủ yếu ở các vùng Tây Bắc (24,06% và 5,39%), Tây Nguyên (36,72% và 5,10%), nhưng trên thực tế tỷ lệ đảng viên mới được

* Ban Tổ chức Trung ương

kết nạp tại các khu vực này lại rất thấp (chỉ chiếm 5% và 4,26% so với tổng số đảng viên mới được kết nạp).

Để công tác bồi dưỡng, giáo dục quần chúng, tạo nguồn phát triển đảng ngày càng tốt hơn, các tổ chức đảng, cấp ủy các cấp cần nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết Đại hội VIII là: "Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng"⁽¹⁾. Khi kết nạp đảng viên phải thực hiện đúng phương châm coi trọng chất lượng, và đây là yêu cầu xuyên suốt quá trình phát triển đảng chống khuynh hướng chạy theo số lượng. Việc này đòi hỏi tổ chức đảng, trực tiếp là các tổ chức cơ sở đảng và chi bộ phải quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, công phu, từ các khâu tạo nguồn, tuyên truyền, giáo dục, lựa chọn, bồi dưỡng đối tượng, đến kết nạp và tiếp tục giúp đỡ đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức. Quá trình đó cần được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương theo hướng: "Chú ý kết nạp những người ưu tú là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, phụ nữ, dân tộc thiểu số, người lao động trong các thành phần kinh tế; ở những cơ sở trọng điểm, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên"⁽²⁾. Điều đó càng cho thấy công tác phát triển Đảng phải chú trọng kết nạp thanh niên ưu tú để góp phần tăng cường sinh lực, "trẻ hóa" đội ngũ đảng viên; đồng thời, góp phần điều chỉnh cơ cấu đội ngũ đảng viên cho cân đối, hợp lý, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Trên cơ sở nắm vững những yêu cầu về tiêu chuẩn đảng viên và coi trọng chất lượng, cần vận dụng phù hợp vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở những nơi đang rất cần có vai trò lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Từ thực tiễn

công tác phát triển đảng những năm gần đây cho thấy, có hai vấn đề lớn cần được chú trọng giải quyết. Đó là: **Nâng cao chất lượng tạo nguồn kết nạp đảng viên và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên**. Để làm tốt hai vấn đề trên, theo chúng tôi cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, các cấp ủy có nhận thức đúng về sự cần thiết, cấp bách của công tác xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và gắn chặt với việc xây dựng quy hoạch cán bộ ở cơ sở.

Sự quan tâm của cấp ủy đối với vấn đề này trước hết hướng vào việc tuyên truyền, giác ngộ những người ưu tú trong các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đây đang là vấn đề khó khăn, là một yêu cầu bức thiết, nhất là đối với một số tổ chức đảng, một số cấp ủy còn mang những suy nghĩ giản đơn, phiến diện. Cần nắm vững mục đích, yêu cầu của việc bồi dưỡng là nhằm trang bị cho người học có những hiểu biết cơ bản, bước đầu về Đảng như: lịch sử và truyền thống của Đảng, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và bám sát những sự kiện, vấn đề nóng bỏng của cuộc sống đang cần giải quyết, qua đó để quần chúng nâng cao niềm tin vào lý tưởng, tự mình xác định trách nhiệm và động cơ phấn đấu để trở thành đảng viên.

Để bồi dưỡng, giáo dục quần chúng có hiệu quả, các tổ chức đảng cần hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức đảng và đảng viên, một "mắt khâu" quan trọng trong công tác

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 149

(2) Chỉ thị số 44 - TC/TW, ngày 12-10-2004, tr 2

phát triển đảng. Bởi, nếu làm không tốt, đánh giá không công tâm... nhất định sẽ nảy sinh những khuynh hướng tư tưởng phức tạp, ảnh hưởng tới sự phấn đấu của quần chúng. Công việc này phải được phối hợp đồng bộ giữa tập thể cấp ủy với các tổ chức quần chúng. Nếu lựa chọn, đánh giá đúng sẽ tạo ra động lực thúc đẩy sự phấn đấu tích cực; ngược lại, nếu sự lựa chọn, đánh giá không tốt sẽ gây ra những hiện tượng tiêu cực, làm triệt tiêu tính tích cực của những nhân tố phấn đấu tốt.

Hai là, củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng kiến thức toàn diện cho đảng viên. Hai vấn đề này là điều kiện cơ bản bảo đảm việc giáo dục, bồi dưỡng và phát triển quần chúng vào Đảng đạt kết quả tốt. Vì vậy, đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở đảng trước khi kết nạp đảng viên mới. Đồng thời với việc củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, các tổ chức cơ sở đảng phải đặc biệt chú ý việc nâng cao chất lượng đảng viên. Chỉ khi nào người đảng viên có phẩm chất và năng lực tốt, là người tiên phong, gương mẫu mới có đủ khả năng và uy tín để thuyết phục, lựa chọn, giới thiệu đúng những quần chúng ưu tú cho Đảng.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, người đảng viên càng phải lấy đức làm "gốc", và cần trau dồi kiến thức, trí tuệ để thực sự xứng đáng là người lãnh đạo, đi tiên phong trong các lĩnh vực của địa phương. Các tổ chức đảng cần tạo điều kiện để đảng viên được tham gia học tập bằng các hình thức thích hợp, nhất là về lý luận chính trị cho từng đối tượng đảng viên; khuyến khích và tạo điều kiện cho đảng viên nghiên cứu, tổng kết thực

tiễn, cải tiến công việc để rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đẩy mạnh đấu tranh, uốn nắn các nhận thức lệch lạc, các biểu hiện "viêm nhiễm" những quan điểm sai trái, phản động, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng, trước hết là tư tưởng chính trị trong tổ chức đảng, nêu cao tinh thần cách mạng, ý thức vì Đảng, vì dân của mỗi đảng viên.

Ba là, tăng cường lãnh đạo các tổ chức quần chúng tham gia xây dựng Đảng và tạo nguồn kết nạp Đảng. Phát động quần chúng giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng Đảng và công tác bồi dưỡng, phát triển đảng. Xây dựng quy chế chặt chẽ và thực hiện một cách thường xuyên việc lấy ý kiến của quần chúng về tổ chức đảng, đảng viên và đối tượng kết nạp đảng.

Các cấp ủy có kế hoạch định kỳ làm việc với lãnh đạo các tổ chức quần chúng, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt Điều lệ Đảng, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức; động viên họ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị và Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tích cực tham gia xây dựng Đảng; thường xuyên gần gũi, lắng nghe ý kiến của hội viên, đoàn viên, nhân dân; thu hút họ vào những hoạt động kinh tế - xã hội, qua đó tuyên truyền, giáo dục về mục tiêu lý tưởng của Đảng và Điều lệ Đảng. Có kế hoạch xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đổi mới phương thức hoạt động; tạo phong trào thi đua lao động, sản xuất, chiến đấu, giáo dục đoàn viên, hội viên, nâng cao nhận thức về Đảng, tự nguyện rèn luyện phấn đấu vào Đảng.

Bốn là, nghiên cứu, bổ sung tiêu chuẩn đảng viên phù hợp với tình hình mới. Tiêu chuẩn đảng viên càng chuẩn mực thì việc

đánh giá đảng viên của các cấp ủy càng chính xác, thuận lợi, để từ đó chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng.

Trong thời kỳ mới, cùng với tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, người đảng viên rất cần có kiến thức cơ bản, toàn diện, nhất là những kiến thức về tôn giáo, chính sách đối với tôn giáo, dân tộc của Đảng, Nhà nước; có trí tuệ, trình độ lý luận, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý kinh tế, quản lý con người, quản lý xã hội. Đối với một số cơ sở, địa bàn chưa có đảng viên, tổ chức đảng cần vận dụng tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện cụ thể sớm khắc phục tình trạng trên. Theo chúng tôi, ngoài việc tích cực làm tốt công tác tạo nguồn tại chỗ, ở các vùng sâu, vùng xa có đông đồng bào dân tộc thiểu số, những nơi đông đồng bào có đạo, trước mắt cần *thành lập chi bộ ghép; cử cán bộ xuống địa bàn làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở*; đồng thời khi xét kết nạp đảng ở những nơi này cần có *ưu tiên tiêu chuẩn trình độ học vấn*. Điều này các tỉnh, thành ủy cần có hướng dẫn cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Sau khi kết nạp, tổ chức đảng tạo điều kiện cho họ học bổ túc văn hóa nâng cao trình độ văn hóa và trình độ lý luận chính trị... Tuy nhiên, các cấp ủy cần xem xét từng trường hợp cụ thể, chỉ ưu tiên kết nạp vào Đảng những quần chúng ưu tú, tích cực, thực sự có tác dụng trong cộng đồng dân cư, không vì thành tích, số lượng mà coi nhẹ chất lượng. Nghĩa là: "Đảng phải lựa chọn những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo"⁽³⁾, như Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy.

Năm là, công tác bồi dưỡng, phát triển đảng là nhiệm vụ của các tổ chức đảng, trách nhiệm của các cấp ủy và đảng viên.

Các tổ chức đảng, nhất là chi bộ và cấp ủy cơ sở phải có kế hoạch cụ thể trong việc bồi dưỡng phát triển đảng. Chi bộ phải lựa chọn, bồi dưỡng nguồn, phân công đảng viên giúp đỡ quần chúng phấn đấu vào Đảng. Vấn đề quan trọng và cơ bản là làm cho mọi người thấy, phấn đấu trở thành đảng viên mới là kết quả bước đầu; khi trở thành đảng viên còn phải tiếp tục phấn đấu, tu dưỡng nhiều và cao hơn nữa nhằm góp phần thực hiện thắng lợi "Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ tính vững chắc, tính kiên định, tính trong sạch của Đảng ta. Chúng ta phải cố gắng làm cho danh hiệu và ý nghĩa của đảng viên ngày càng cao hơn lên mãi"⁽⁴⁾.

Cấp ủy cấp trên đi sát giúp đỡ cấp ủy cấp dưới thực hiện đúng kế hoạch, đúng phương châm, phương hướng, đúng nguyên tắc, thủ tục và thường xuyên nắm chắc tình hình phát triển đảng của cấp dưới; kiểm tra đôn đốc, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, sai trái. Đảng viên phải tích cực tham gia công tác phát triển đảng. Khi được chi bộ phân công giúp đỡ quần chúng, tự mình phải đề cao tính đảng, trách nhiệm chính trị và nắm vững các bước tiến hành công tác phát triển đảng. Từng thời gian, đảng viên phải báo cáo và kiểm điểm việc giúp đỡ quần chúng trước cấp ủy, tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt. Cần chống hai khuynh hướng. Một là, cấp trên giao chỉ tiêu kết nạp đảng cho cấp dưới, nhưng không giúp đỡ, tạo điều kiện cho cấp dưới thực hiện. Hai là, cấp dưới thiếu chủ động, không tích cực bồi dưỡng, phát triển đảng tại chỗ, mà lại dựa vào cấp trên điều động đảng viên, cán bộ nơi khác đến. □

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 250

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 7, tr 354

NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ BÊN NGOÀI

trong sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

HỒ QUANG MINH *

ĐẠI HỘI lần thứ VI (1986) của Đảng đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế với quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội là "nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng". Về mặt cơ cấu, ngoại lực bao gồm các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), kiều hối, và những nguồn khác như vay tín dụng ngắn hạn, trung hạn, chứng khoán, trái phiếu... Bài viết tập trung phân tích những nguồn lực bên ngoài mang tính đầu tư vật chất gắn liền với việc chuyển giao, tiếp thu công nghệ, kỹ thuật... và đã có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

1 - Nguồn lực đầu tư bên ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua

Trong những năm qua, việc thu hút và sử dụng nguồn lực đầu tư từ bên ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng.

Thứ nhất, dòng đầu tư từ nước ngoài (FDI và ODA) từ nhiều đối tác khác nhau ngày càng

tăng đã bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Giá trị các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam có xu hướng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tổng nguồn vốn FDI đã đăng ký tại Việt Nam kể từ năm 1988 đến nay đạt gần 50 tỉ USD với khối lượng thực hiện đạt trên 34,5 tỉ USD, chiếm 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (giai đoạn 1996 - 2000) và 17 - 18% (giai đoạn 2001 - 2005). Về ODA, kể từ khi cộng đồng các nhà tài trợ chính

thức nổi lại viện trợ cho Việt Nam vào năm 1993 cho đến hết năm 2005, tổng giá trị cam kết đạt trên 32 tỉ USD, giá trị các hiệp định hiện thực hóa các cam kết đạt gần 24 tỉ USD và giải ngân thực hiện khoảng 16 tỉ USD. Mức giải ngân ODA đã đóng góp 12% cho tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 1996 - 2000 và 10% - 11% giai đoạn 2001 - 2005.

Quan hệ đầu tư FDI tại Việt Nam đã được thiết lập với doanh nghiệp của trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có nhiều tập đoàn đa quốc gia lớn nhất trên thế giới cũng đã có mặt tại Việt Nam.

Thứ hai, việc thu hút và sử dụng nguồn lực từ bên ngoài trong thời gian qua góp phần quan trọng trong việc thực hiện thành công chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa; là cầu nối quan trọng giữa kinh tế Việt Nam với kinh tế khu vực và thế giới, thúc đẩy quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Quan hệ hỗ trợ phát triển ODA là cầu nối giữa Việt Nam với các nước và tổ chức quốc tế, góp phần củng cố và nâng cao vị thế

* Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Khi chính phủ các nước phát triển và các tổ chức quốc tế đã tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cam kết mạnh mẽ ủng hộ công cuộc đổi mới thì đó là một nhân tố tích cực tác động tới giới đầu tư nước ngoài, làm họ an tâm và mạnh dạn đầu tư vào Việt Nam.

Những con số cam kết ODA, đăng ký FDI thường niên năm sau cao hơn năm trước kể cả khi kinh tế thế giới có những khó khăn, không chỉ mang ý nghĩa kinh tế đơn thuần mà còn phản ánh sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng tài trợ quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài với sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Chính vì thế, trong thời gian qua, hàng loạt hiệp định, thỏa thuận về thương mại và đầu tư song phương và đa phương đã được ký kết, trong đó quan trọng nhất là Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ (BTA), Hiệp định đầu tư Việt - Nhật, Hiệp định khu vực đầu tư ASEAN (AIA); các thỏa thuận về các chính sách thương mại gắn với đầu tư...

Đặc biệt, trong thời gian gần đây, việc đối thoại và tiếp thu những ý kiến tham vấn của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài cho các vấn đề quan trọng của quốc gia như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2006 - 2010; góp ý các văn bản pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đầu thầu... cũng đã góp phần khẳng định quyết tâm gắn kết kinh tế Việt Nam với kinh tế khu vực và thế giới, sự sẵn sàng và chủ động tuân thủ các tập quán và luật lệ quốc tế.

Thứ ba, các nguồn lực đầu tư từ nước ngoài đã góp phần tích cực trong cải cách kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải thiện các dịch vụ xã hội và xóa đói giảm nghèo.

Kể từ khi quan hệ hỗ trợ phát triển được tái thiết lập, một lượng vốn ODA lớn đã được đầu tư cho hạ tầng kinh tế, trong đó ngành giao thông - vận tải được ưu tiên cao với khối lượng ODA đầu tư gần 5 tỉ USD cho các công trình có quy mô lớn. Do vậy, hầu hết các lĩnh vực thuộc

giao thông vận tải từ cầu, đường, cảng biển, đường thủy... đều có bước cải thiện khá. Nhiều công trình giao thông được cải tạo góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo như quốc lộ 1, quốc lộ 5, đường xuyên Á, cảng Sài Gòn, cảng Hải Phòng... Nguồn vốn ODA được đầu tư đã từng bước cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là về giao thông, cảng biển, điện nước..., tạo tiền đề quan trọng trong việc thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư FDI, thúc đẩy thương mại, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài đầu tiên được ban hành năm 1987 cho đến nay, đầu tư nước ngoài đã trở thành một bộ phận hữu cơ, năng động của nền kinh tế, có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của khu vực đầu tư nước ngoài tăng liên tục, năm 2004 đạt trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đóng góp của khu vực kinh tế có vốn FDI vào nền kinh tế gia tăng đáng kể, trong những năm gần đây chiếm trên 15,5% GDP. Bên cạnh đó, với sự gia tăng của vốn FDI, cơ cấu ngành của kinh tế Việt Nam cũng dần được chuyển dịch theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ. Đến nay, khu vực kinh tế có vốn FDI chiếm gần 40% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, nhiều ngành công nghiệp mới được tạo ra, năng lực và năng suất một số ngành công nghiệp quan trọng như dầu khí, hóa chất, công nghệ thông tin, ô-tô, xe máy... được nâng cao. Đầu tư FDI trong lĩnh vực dịch vụ cũng đã kích thích ngành dịch vụ phát triển nhanh, đặc biệt là trong lĩnh vực viễn thông, du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng...

Thứ tư, đầu tư từ bên ngoài đã có đóng góp đáng kể để tiếp nhận khoa học - công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao khả năng cạnh tranh và thay đổi phương thức kinh doanh.

Bên cạnh những dự án đầu tư trực tiếp tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác nghiên cứu khoa học (thành lập trường đại học, xây phòng

thí nghiệm, viện nghiên cứu...), thông qua các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ODA, FDI, các công nghệ mới, kỹ năng và kinh nghiệm quản lý tiên tiến đã được chuyển giao. Thông qua các dự án đầu tư bằng vốn nước ngoài, nguồn nhân lực ở các cấp từ lao động lành nghề đến các kỹ sư, các nhà quản lý... cũng đã được nâng cao, đào tạo toàn diện hơn, thích nghi với môi trường làm việc quốc tế năng động và nhiều cạnh tranh.

Đồng thời, thông qua các dự án vốn nước ngoài, các nguồn lực trong nước như lao động, đất đai, tài nguyên đã có điều kiện phân bổ hợp lý hơn. Khu vực đầu tư nước ngoài cũng đã tạo sức ép cải cách của khu vực hành chính nhà nước cũng như khu vực doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện làm quen với các phương thức làm ăn kinh doanh hiện đại.

2 – Nguồn lực đầu tư bên ngoài tại Việt Nam trong thời gian tới

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX đã đặt ra mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2006 - 2010 là: *Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt được chuyển biến quan trọng về nâng cao tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Tạo được nền tảng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.*

Nhằm đạt được mục tiêu trên, dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 7,5% - 8%/năm trong toàn thời kỳ. Để đạt mục tiêu này, tổng đầu tư toàn xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2006 - 2010 ước tính khoảng 2.200 nghìn tỉ đồng, tương đương 139,4 tỉ USD,

bằng khoảng 40% GDP. Nguồn vốn đầu tư này được huy động từ nhiều nguồn khác nhau: từ ngân sách nhà nước, khu vực tư nhân trong và ngoài nước, từ nguồn vốn ODA và nhiều nguồn khác với vốn nước ngoài khoảng 48,8 tỉ USD, chiếm khoảng 35% tổng đầu tư. Cơ cấu vốn nước ngoài dự kiến bao gồm 18 - 19 tỉ USD vốn FDI thực hiện, 11 - 12 tỉ USD vốn ODA giải ngân, phần còn lại là các nguồn vốn bên ngoài khác (vay tín dụng ngắn hạn, trung hạn, chứng khoán,...) dự kiến khoảng 9 tỉ USD và vốn đầu tư từ nguồn kiều hối là 12 tỉ USD.

Giai đoạn 2006 - 2010 là 5 năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) với những thuận lợi và cả những khó khăn nhất định. Trước hết, sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước đã tạo nền tảng vững chắc thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ cho phát triển. Vị thế và năng lực của Việt Nam trên trường quốc tế đã có những biến chuyển theo hướng tích cực, hệ thống các thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành, hệ thống cơ chế và chính sách đã tương đối hoàn chỉnh. Xu hướng chung kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục phục hồi và phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các quốc gia đối tác chính của nước ta trong thời kỳ tới tăng khá hơn so với giai đoạn trước, nguồn vốn đầu tư quốc tế trực tiếp và gián tiếp có xu hướng gia tăng... Tuy nhiên, những yếu tố không thuận vẫn đặt ra những thách thức nhất định như tình hình chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh gay gắt trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong thu hút vốn, công nghệ và thị trường xuất khẩu... trong khi ở trong nước, nhiều yếu tố của kinh tế thị trường vẫn chưa thực sự đồng bộ, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp...

Do vậy, để đạt được mục tiêu kế hoạch huy động nguồn lực bên ngoài nêu trên cả về chất và lượng, công tác thu hút và sử dụng vốn đầu tư từ bên ngoài trong giai đoạn 2006 - 2010 và những năm tiếp theo cần quán triệt những quan điểm chủ đạo sau:

- Bảo đảm tính chủ động và tự chủ quốc gia trong suốt quá trình thu hút và sử dụng ODA và FDI, từ khâu nghiên cứu định hướng chính sách cho đến quá trình tổ chức thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, bảo đảm khả năng trả nợ và tránh những rủi ro của đầu tư nước ngoài như đã từng xảy ra trong thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á ở các quốc gia khác.

- Lựa chọn nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (ODA, FDI) một cách phù hợp trong sự kết hợp với các nguồn đầu tư phát triển khác để đáp ứng các yêu cầu phát triển ưu tiên theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, bộ, ngành và địa phương.

- Các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài cần thiết được sử dụng để hỗ trợ cho nhau, bổ sung và là nguồn lực xúc tác đối với tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và tiến bộ xã hội.

Đồng thời, trong thời gian tới, để bảo đảm sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện việc thu hút và sử dụng nguồn lực bên ngoài theo những phương hướng chủ yếu sau:

- Tập trung nguồn đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt là ODA, trước hết cho việc hoàn thiện và phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên các dự án quốc gia, liên vùng, liên ngành có tác động mạnh và hiệu suất lan tỏa cao đối với tăng trưởng, phát triển cho giai đoạn hiện tại, tạo góit đầu và các tiền đề bền vững cho giai đoạn sau năm 2010. Đối với nguồn vốn FDI, khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao, công nghệ nguồn như năng lượng mới, vật liệu mới; các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, gia tăng xuất khẩu, tạo việc làm trong các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, phục vụ tiêu dùng trong nước; mở cửa các lĩnh vực dịch vụ theo cam kết quốc tế, khuyến khích các ngành dịch vụ ngân hàng, tài chính, bưu chính - viễn thông...

- Khuyến khích đầu tư và có cơ chế nhằm thu hút nguồn vốn bên ngoài vào các địa

phương nghèo có nhiều khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, có tính đến trình độ phát triển, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, tiềm năng và lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

- Ưu tiên các dự án sử dụng vốn nước ngoài trong phát triển năng lực và phát triển thể chế. Chú trọng phát triển năng lực phân tích và hoạch định chính sách, năng lực tổ chức, quản lý, điều hành của bộ máy quản lý các cấp, cả ở khu vực công lẫn khu vực tư. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của hội nhập kinh tế và phát triển.

3 - Nâng cao hơn nữa chất lượng sử dụng nguồn lực đầu tư bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài trong thời gian qua còn có những hạn chế nhất định như: những định hướng tổng thể làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và những giải pháp mang tính trung hạn đối với việc thu hút và sử dụng nguồn vốn bên ngoài còn thiếu; nguồn cam kết ODA và đăng ký FDI tăng hằng năm nhưng vẫn còn ở mức chưa cao, tỷ lệ thực hiện còn thấp; khả năng góp vốn từ phía Việt Nam vào các dự án đầu tư bằng vốn nước ngoài còn những hạn chế nhất định; cơ cấu vốn đầu tư theo vùng, ngành còn có những bất cập; hệ thống văn bản pháp luật, pháp quy liên quan đến quản lý vốn nước ngoài chưa thực sự hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ; năng lực con người tham gia quản lý và thực hiện các dự án đầu tư vốn nước ngoài ở các cấp, các ngành chưa đạt yêu cầu...

Do vậy, để đạt được những mục tiêu định hướng về thu hút và sử dụng nguồn vốn nước ngoài, trước hết cần tiến hành thực hiện những giải pháp để khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong thời gian qua. Bên cạnh đó, cần tiến hành những giải pháp nhằm có được cam kết nguồn vốn đầu tư lớn từ bên ngoài, đồng thời phải bảo đảm tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả

những nguồn vốn quan trọng này. Cụ thể như sau:

Một là, nhóm giải pháp về chính sách chung: Các nhà tài trợ cũng như các nhà đầu tư nước ngoài đều tin tưởng vào chính sách cải cách kinh tế rộng mở của Việt Nam, tuy nhiên chắc khó đáp ứng được nhu cầu về nguồn vốn đầu tư quốc tế đang tăng lên mạnh mẽ ở khắp các châu lục. Trong bối cảnh đó, công tác thu hút ODA và FDI có ý nghĩa quan trọng. Nhằm đạt được hiệu quả công tác này, cần tiếp tục triển khai các chính sách chung sau đây:

- Tiếp tục thực hiện cả bề rộng lẫn chiều sâu công cuộc đổi mới, đặc biệt là trong những lĩnh vực mà cộng đồng tài trợ quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài coi là tiền đề đầu tư như kinh tế tăng trưởng đi kèm với an sinh xã hội và môi trường; giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách về thu nhập và xã hội; hoàn thiện môi trường đầu tư, tạo ra sân chơi bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế; quản lý tài chính công một cách minh bạch, có trách nhiệm giải trình chính sách và giải pháp để giảm nhẹ những thương tổn có thể có trước những tác động từ bên ngoài trong quá trình hội nhập, trong đó có việc Việt Nam gia nhập WTO; chống nạn tham nhũng...

- Cải tiến công tác vận động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài theo hướng đối thoại trực tiếp, đi vào thực chất hơn nữa. Cụ thể, đối với Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ ODA cho Việt Nam cần phải được tăng cường thảo luận những vấn đề các bên cùng quan tâm, tạo cơ hội để cộng đồng quốc tế hiểu rõ quan điểm phát triển của Việt Nam. Về nguồn vốn FDI, cần chủ động cải tiến phương thức và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng các đầu mối xúc tiến và lập các đại diện tại nước ngoài... một cách đồng bộ và thống nhất.

- Tăng cường vận động nguồn vốn đầu tư bên ngoài ở cấp địa phương, cấp vùng, nhất là đối với các vùng kinh tế trọng điểm nhằm cung cấp cho các nhà tài trợ và các nhà đầu tư cách nhìn tổng hợp hơn và tạo điều kiện để phối hợp tốt hơn các nguồn lực.

Hai là, nhóm những giải pháp cụ thể cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn gồm những giải pháp để cải thiện và tạo bước đột phá trong các khâu liên quan đến toàn bộ chu trình tiến hành một dự án đầu tư. Cụ thể:

- Kiện toàn môi trường pháp lý về quản lý thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Thay đổi phương thức quản lý và sử dụng ODA theo hướng quản lý chặt chẽ đầu vào; mở rộng quyền hạn và nâng cao trách nhiệm cho các cơ quan thực hiện song song với tăng cường công tác hậu kiểm; đồng bộ hóa văn bản pháp quy về ODA với các văn bản pháp quy chỉ phối như về quản lý đầu tư công; quản lý đầu tư xây dựng công trình, đền bù di dân, giải phóng mặt bằng và tái định cư, đấu thầu... Đối với nguồn vốn FDI, cần nhanh chóng tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp vừa được Quốc hội thông qua cuối năm 2005 một cách đồng bộ, thuận lợi cho các nhà đầu tư hiện hữu chuyển sang hoạt động theo luật mới.

- Nâng cao tính tự chủ và chất lượng chuẩn bị nội dung các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Ngoài việc căn cứ vào các quy hoạch ngành, lãnh thổ để lựa chọn dự án nhằm bảo đảm tính pháp lý, cần khai thác lợi thế tại chỗ, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như phù hợp với mối quan tâm của các nhà tài trợ, đầu tư. Danh mục các dự án vận động ODA, vận động FDI cần thống nhất, minh bạch, rõ ràng, có thể dự đoán trước những điều kiện đầu tư.

- Cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp quản lý gắn liền với tăng cường theo dõi và giám sát hoạt động quản lý nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài; mở rộng phân cấp vận động, thu hút và phê duyệt dự án đầu tư cho các địa phương gắn liền với loại bỏ sự cạnh tranh không minh bạch về ưu đãi thuế, giá đất giữa các địa phương. Ban hành chế độ theo dõi, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư bằng vốn nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ODA.

- Cải tiến cách quản lý các dự án đầu tư bằng vốn nước ngoài theo hướng dựa vào kết quả

cuối cùng mà dự án đó mang lại chứ không chỉ là đạt được những mục tiêu mà dự án đề ra. Công tác quản lý chủ yếu tập trung vào công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, giảm dần sự tham gia trực tiếp vào các vấn đề cụ thể, trong đó nhiệm vụ hậu kiểm cần được tăng cường.

- Hoàn thiện và đồng bộ hóa hơn nữa chính sách tài chính trong nước đối với các dự án ODA, các doanh nghiệp FDI, trước hết là về chính sách thuế, ưu đãi thuế, chuyển nhượng vốn góp...

Ba là, nhóm các giải pháp tăng cường tổ chức và nâng cao năng lực con người cho công tác quản lý và sử dụng vốn nước ngoài, bao gồm:

- Kiện toàn và thống nhất quản lý nhà nước về FDI, ODA ở các địa phương về một đầu mối, tạo cơ chế một cửa trong quản lý, tránh sự chồng chéo và trùng lặp về quản lý gây khó khăn cho các dự án ODA và các doanh nghiệp FDI trong quá trình triển khai.

- Duy trì hoạt động của các đường dây nóng, các tổ công tác về FDI, ODA nhằm hỗ trợ kịp thời cho các chủ dự án ODA, doanh nghiệp FDI trong quá trình triển khai thực hiện.

- Coi trọng và tăng cường hơn nữa công tác đào tạo ở các cấp, các ngành nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các tổ chức kinh tế nói chung, các dự án ODA và doanh nghiệp FDI nói riêng.

- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ tham gia các dự án ODA, đại diện vốn góp của Việt Nam (nhất là của doanh nghiệp nhà nước) trong các doanh nghiệp FDI. Xem xét và ban hành chế độ lương và phụ cấp, bảo đảm tuyển dụng được cán bộ có năng lực làm việc cho các ban quản lý dự án phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường.

Bốn là, nhóm các giải pháp liên quan đến tuyên truyền, quảng bá cho hình ảnh của Việt Nam như điểm đến tích cực của đầu tư từ bên ngoài gồm có:

- Các cơ quan chính phủ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và xác thực thông tin về đầu tư

từ bên ngoài vào Việt Nam cho các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần hướng dẫn công luận về nguồn lực này.

- Xây dựng, duy trì và làm phong phú và sinh động các website về vốn đầu tư từ nước ngoài phục vụ đắc lực cho việc thu hút và sử dụng ODA, FDI đối với các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp. Biên soạn các tài liệu giới thiệu về đầu tư nước ngoài, phát hành rộng rãi tờ rơi giới thiệu về các cơ quan quản lý đầu tư FDI, điều phối ODA. Cập nhật thường xuyên các chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến quản lý và sử dụng ODA, FDI.

- Tăng cường thông tin tuyên truyền ra nước ngoài về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, nhất là các dự án có hiệu quả cao về hỗ trợ phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội, xóa đói, giảm nghèo... để tranh thủ sự ủng hộ của những người dân đóng thuế để cung cấp ODA ở các nước tài trợ, sự quan tâm của các doanh nghiệp nước ngoài.

- Bên cạnh việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần tranh thủ hỗ trợ tài chính của các tổ chức quốc tế để tiến hành các hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

Tóm lại, trong suốt 20 năm đổi mới, nguồn lực đầu tư bên ngoài, trước hết là ODA và FDI, đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian tới, trước yêu cầu đẩy mạnh phát triển kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những yêu cầu đặt ra đối với nguồn lực bên ngoài quan trọng này còn cao hơn nữa, không chỉ về mặt số lượng mà cả chất lượng. Do vậy, việc tiến hành những giải pháp nhằm cải thiện công tác vận động và sử dụng nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài là thực sự cần thiết. Việc thực hiện các giải pháp này sẽ góp phần hoàn thành tốt việc huy động nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, bảo đảm thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước. □

Cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước trong phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta

NGUYỄN ĐÌNH TỰ *

Cổ phiếu cùng với các giấy tờ có giá lưu thông được trên thị trường chính là hàng hóa của thị trường chứng khoán. Ở các nước, việc ra đời và hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp đều dưới dạng công ty cổ phần hoặc công ty tư nhân, nên những vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần, cổ phiếu... đều thông qua thị trường chứng khoán để doanh nghiệp phát hành, mua bán cổ phiếu, đồng thời cũng thông qua thị trường này, Nhà nước thực hiện sự điều tiết nền kinh tế một cách hiệu quả. Động thái của thị trường chứng khoán luôn đi cùng với sự thăng trầm của nền kinh tế và cả các yếu tố chính trị - xã hội khác của đất nước.

I - MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THỜI GIAN QUA

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường, nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, trong đó cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một giải pháp rất cơ bản.

Đảng và Nhà nước ta quan tâm chỉ đạo công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ngay từ những năm 90 của thế kỷ XX theo Quyết định

số 143/HĐBT, ngày 15-10-1990 và bắt đầu thực hiện thí điểm từ năm 1992 theo Quyết định số 202/HĐBT, ngày 8-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là chính phủ). Nhìn lại gần 15 năm thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chúng ta dễ nhận thấy đây là một quá trình diễn ra đầy khó khăn, phức tạp và chậm chạp, mà nguyên nhân chính là do nhận thức, tư tưởng của lãnh đạo các doanh nghiệp; cơ chế, chính sách chưa thật

đồng bộ; trình tự thủ tục chưa hợp lý và các vấn đề kỹ thuật khác trong việc xác định đúng giá trị doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu, quyền lợi của các bên liên quan...

Do vậy, chúng ta đã đi từ thí điểm đến việc mở rộng dần đối tượng tiến hành cổ phần hóa, và đến chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Từ năm 1992 đến nay, cả nước đã sắp xếp và cổ phần hóa được 2.242 doanh nghiệp nhà nước, với tổng số vốn lên tới 17.700 tỉ đồng, trong đó số doanh nghiệp dưới 5 tỉ đồng chiếm 59,2%, số doanh nghiệp từ 5 đến 10 tỉ đồng chiếm 22,3 %, số doanh nghiệp có trên 10 tỉ đồng chiếm 18,5%. Số doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục sắp xếp và cổ phần hóa từ năm 2005 đến 2010 còn khoảng 1.460 doanh nghiệp.

Ngày 16-11-2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 187/2004/NĐ-CP thay thế Nghị định số 64/2002/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, đã tạo điều kiện thông thoáng hơn về cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa, đồng thời góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong quá trình cổ phần hóa; gắn cổ phần hóa với phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta

* PGS, TS, Tổng biên tập Tạp chí Ngân hàng

trong thời gian tới. Mặc dù vậy, đây là công việc hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có những nỗ lực và quyết tâm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

II – VẤN ĐỀ CỔ PHẦN HÓA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

1 – Những vấn đề đặt ra khi cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước.

Ở nước ta có 5 ngân hàng thương mại nhà nước, là những doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt, gồm: Ngân hàng Công thương Việt Nam (Incombank), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB). Trong số đó chỉ có Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long là mới được thành lập hơn 7 năm nay, số còn lại đều đã có thời gian thành lập và hoạt động khá lâu. Những ngân hàng này đang quản lý tổng tài sản chiếm gần 80% đối với toàn hệ thống các tổ chức tín dụng ở nước ta. Hiện nay, chủ trương về cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước đã được thể hiện trong Nghị quyết của Đảng và được ngành ngân hàng đón nhận một cách tích cực, được cụ thể hóa bằng việc xây dựng Đề án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương và Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long, đã và đang được tiếp tục chỉ đạo sát sao, có những tiến triển tích cực. Những thuận lợi khi tiến hành cổ phần hóa thể hiện trên một số nội dung sau:

- Cơ chế chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã được bổ sung, sửa đổi thể hiện ở Nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Cơ chế chính sách đã tháo gỡ được cơ bản những vướng mắc về đối tượng cổ phần hóa, phương pháp định giá tài sản...

- Từ khi thí điểm thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho đến thời kỳ đẩy mạnh cổ phần hóa, chúng ta đã có những bài học kinh nghiệm rất quan trọng trong chỉ đạo,

điều hành, quản lý, tổ chức việc phát hành cổ phiếu và cả những vấn đề liên quan đến việc định giá tài sản của doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa...

- Sau quá trình thực hiện cơ cấu lại, các ngân hàng thương mại nhà nước đã xử lý nợ xấu một cách căn bản, và được cấp bổ sung vốn điều lệ. Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng để tiến hành cổ phần hóa được thuận lợi hơn. Trong đó, điển hình là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã xử lý dứt điểm nợ tồn đọng cũ, tăng đáng kể nguồn dự phòng rủi ro và đang có điều kiện để tăng vốn.

- Hoạt động quản trị và điều hành của các ngân hàng thương mại nhà nước đã có nhiều tiên bộ và đang trong quá trình hiện đại hóa, dịch vụ ngân hàng đã và đang phát triển, hiệu quả hoạt động kinh doanh khá...

Nhìn chung các ngân hàng thương mại nhà nước cổ phần hóa tuy thuận lợi là cơ bản, nhưng khó khăn, vướng mắc cũng không phải ít. Đó cũng là những đặc thù cần được chú ý khi xem xét để tiến hành cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước ở nước ta, như:

- Năng lực tài chính vẫn còn yếu kém. Mặc dù các ngân hàng thương mại nhà nước đã được cấp bổ sung để tăng vốn điều lệ, nhưng đến cuối năm 2004, vốn điều lệ của các ngân hàng này vẫn thấp. Trong đó, có số vốn được cấp bổ sung bằng trái phiếu chính phủ thời gian qua là số vốn không thực và do đó tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn tối thiểu vẫn còn thấp xa so với quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và chuẩn mực quốc tế (xem bảng 1).

Bảng 1: Tỷ lệ an toàn vốn của một số ngân hàng thương mại

Tên ngân hàng	Vốn chủ sở hữu, tỉ đồng	Tỷ lệ an toàn vốn, hệ số CAR
VCB	4.843	5,98
AGRIBANK	5.562	4,45
BIDV	4.239	4,73
INCOMBANK	3.356	4,42

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chú thích: CAR là hệ số an toàn vốn tối thiểu, nếu hệ số này càng cao, càng tốt

Để có được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 8% theo quy định hiện hành, các ngân hàng thương mại nhà nước phải tìm cách bổ sung thêm vốn tự có khoảng 120.000 tỉ đồng (tính theo mức tăng tài sản có và tỷ lệ bổ sung vốn bình quân hàng năm).

Theo chúng tôi, đây có lẽ là vấn đề lớn nhất liên quan đến việc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, vì: có đủ vốn thì việc cổ phần hóa mới thuận lợi, người mua sẽ tin tưởng vào sự bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng và vấn đề tăng vốn cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của cổ phần hóa.

- Nợ phải thu thường xuyên lớn và không phải bao giờ cũng thu được. Mặt khác, tài sản của ngân hàng thương mại được thể hiện trên bảng cân đối kế toán lại phần lớn là nợ phải thu, phải trả, trong đó nợ phải trả thường lớn hơn nợ phải thu khá nhiều. Nợ phải trả chủ yếu là tiền gửi, ngoài việc dùng để cho vay và đầu tư, còn phải để thực hiện dự trữ bắt buộc và bảo đảm khả năng thanh toán của ngân hàng, đó là chưa kể tính minh bạch và sự phù hợp việc hạch toán kế toán và báo cáo thống kê của các ngân hàng hiện nay.

- Tài sản cố định và công cụ lao động lớn, làm cho chi phí kinh doanh lớn, trong khi đó lao động lại đông, và trình độ không đồng đều, còn bất cập so với yêu cầu thực tế.

- Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại nhà nước còn rất thấp so với các ngân hàng hoạt động tốt trên thế giới (lợi nhuận trên vốn - ROA = 0,38% và lợi nhuận trên giá trị tài sản (cầm cố) sau khi trừ thuế - ROE = khoảng 6,5% trong khi hệ số trung bình của các ngân hàng hoạt động tốt trên thế giới là 1% và 15%). Do chất lượng tín dụng (hoạt động kinh doanh chủ yếu) thấp, nợ xấu cao, nợ tồn đọng tuy đã được xử lý một khối lượng khá lớn, nhưng đó vẫn là vấn đề khó khăn vì vẫn còn tồn tại nhiều khoản rất khó xử lý.

- Quản trị, điều hành của các ngân hàng thương mại nhà nước vẫn còn bất cập trước yêu cầu mới. Những vấn đề như: quản trị rủi ro, kiểm soát và kiểm toán; phát triển sản phẩm mới... còn lúng túng.

- Công nghệ ngân hàng bao gồm cả trang bị kỹ thuật và trình độ cán bộ còn yếu. Dự án thực hiện hiện đại hóa ngân hàng đã và đang triển khai mấy năm nay chủ yếu dành cho các ngân hàng thương mại nhà nước được Ngân hàng thế giới đánh giá là tốt, nhưng vẫn chậm và chưa sâu.

- Kinh nghiệm về cổ phần hóa ngân hàng còn hạn chế, trong khi đó, cơ chế, chính sách và phương pháp tổ chức thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nói chung vẫn còn nhiều lúng túng. Mặt khác, nhiều vấn đề phức tạp sẽ nảy sinh như: định giá tài sản, vấn đề xác định giá trị doanh nghiệp và thương hiệu; những vấn đề liên quan đến đất và tài sản trong quá trình định giá...

2 – Những vấn đề cần quan tâm trong việc tiến hành cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước liên quan đến phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta

Sự cần thiết phải tiến hành cổ phần hóa đối với các ngân hàng thương mại nhà nước đã rõ và đương nhiên phải theo xu thế chung về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ở nước ta. Các ngân hàng thương mại nhà nước ở nước ta tuy có những đặc thù như đã nêu trên, song so với rất nhiều doanh nghiệp nhà nước khác thì lại có lợi thế khá lớn do tác động đến thị trường chứng khoán ở nước ta, đó là:

- Tài sản để tiến hành cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước là lớn, do đó lượng cổ phiếu phát hành ra thị trường cũng sẽ lớn và có nhiều cổ đông tham gia. Theo báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại nhà nước, đến ngày 31-12-2003, tổng tài sản có của

các ngân hàng này lên tới trên 387.000 tỉ đồng; giả sử một ngân hàng thương mại nhà nước được phép phát hành cổ phiếu ra công chúng khoảng 1.000 đến 2.000 tỉ đồng, với giá 100.000 đồng/cổ phiếu thì có thể được 1 đến 2 triệu cổ phiếu. Theo quy trình cổ phần hóa, lượng cổ phiếu này sẽ được tiến hành đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh, chúng sẽ chiếm một tỷ trọng lớn trong số cổ phiếu lưu hành trên thị trường chứng khoán, góp phần làm cho thị trường chứng khoán sôi động hơn nhiều.

- Khi đã có phát hành cổ phiếu, tăng cổ đông và cổ phần thì đương nhiên các hoạt động liên quan đến giao dịch, mua bán, quản lý... sẽ phải tăng cường hơn.

- Hiện nay, ở nước ta cổ phiếu của các ngân hàng thương mại cổ phần đã và đang hấp dẫn các nhà đầu tư ở cả trong và ngoài nước. Bởi vì, theo thông tin quản lý của Ngân hàng Nhà nước, có ngân hàng thương mại cổ phần chia cổ tức hằng năm từ 15% - 20%, có ngân hàng đến 30%. Theo cách hạch toán và tính toán hiện nay ở nước ta thì các ngân hàng thương mại nhà nước kinh doanh vẫn có lãi và số lãi cũng khá lớn. Cụ thể ở bảng 2 dưới đây:

Bảng 2 : Lợi nhuận của một số ngân hàng thương mại

Tên ngân hàng	Lợi nhuận của năm (tỉ đồng)		
	2002	2003	2004
VCB	329	876	1.482
AGRIBANK	285	340	791
BIDV	320	410	560
INCOMBANK	175	152	242
MHB	-	17	35

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Nhìn một cách tổng thể, số lợi nhuận trên là hấp dẫn. Mặc dù các hệ số đánh giá tỷ suất lợi nhuận không cao và còn thấp xa so với các

ngân hàng thương mại khác, kể cả một số ngân hàng thương mại cổ phần. Nhưng mặt khác, nhìn về triển vọng thì các ngân hàng thương mại nhà nước vẫn có điều kiện và tiềm năng để "ăn nên làm ra", để phát triển và vẫn có thể hấp dẫn các nhà đầu tư, trong số đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đang có nhiều chỉ số đứng đầu bảng.

Tuy vậy, những bất cập và khó khăn lại không nhỏ và nó sẽ làm cản trở cho tiến trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước (như đã nêu trên đây về những đặc thù về vốn, tài sản, lao động và công nghệ...). Vì vậy, thiết nghĩ khi tiến hành cổ phần hóa đối với các ngân hàng thương mại nhà nước cần quan tâm 8 vấn đề sau đây:

Một là, phải tiếp tục cơ cấu lại các ngân hàng thương mại nhà nước, trong đó chú trọng việc xử lý nợ cũ, tăng vốn tự có (bằng cách cấp bổ sung), cho phép bổ sung từ lợi nhuận vượt kế hoạch và từ nguồn thu nợ đã được xử lý khoanh xóa trước đây.

Hai là, tiến nhanh đến sự công khai, minh bạch trong hoạt động của ngân hàng thương mại từ việc áp dụng các chuẩn mực chung về kế toán, báo cáo tài chính, kiểm toán và tăng cường kiểm soát nội bộ...

Ba là, việc xác định giá trị thực của ngân hàng thương mại nhà nước sẽ khá phức tạp do phương pháp định giá tài sản nợ và tài sản có, do xác định giá trị thương hiệu (là ngân hàng thương mại của nhà nước, có uy tín trong hệ thống ngân hàng thương mại ở nước ta, có triển vọng phát triển...). Do vậy, phải có một công ty định giá tài sản có uy tín của nước ngoài thực hiện.

Bốn là, xác định đúng giá trị phần vốn nhà nước ở ngân hàng để Nhà nước vừa có điều kiện tham gia trong hoạt động kinh doanh, vừa có điều kiện quản lý giúp các ngân hàng này sau khi cổ phần hóa sẽ bảo đảm hoạt động đúng định hướng của Đảng và Nhà nước (vì thị phần

hoạt động của các ngân hàng thương mại nhà nước chiếm gần 80% trong toàn bộ hoạt động của các tổ chức tín dụng ở nước ta).

Năm là, trong quá trình xem xét các việc liên quan đến cổ phần hóa, cần quan tâm đến những nhà đầu tư nước ngoài để họ vừa có điều kiện tham gia, nhưng hạn chế việc khống chế và thôn tính.

Sáu là, việc phát hành cổ phiếu cần thông qua đấu giá tại các trung tâm giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Bảy là, lựa chọn hình thức phát hành cổ phiếu phù hợp với đặc điểm thực hiện cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước này để trước hết là, tăng cường vốn nhằm tăng năng lực tài chính và sau đó là tăng lượng hàng hóa cho thị trường chứng khoán, nhưng hàng hóa phải lưu thông một cách thuận lợi trên thị trường để có lợi cho cả việc giao dịch và cho cả ngân hàng sau cổ phần hóa.

Tám là, thực hiện thí điểm một hoặc hai ngân hàng, trước hết là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, sau đó rút kinh nghiệm để tiến hành cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước khác. Riêng đối với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được đánh giá là hoạt động có hiệu quả nhất trong số các ngân hàng thương mại nhà nước cũng đã làm sạch bảng cân đối tài sản, nhưng vẫn chưa đủ vốn tự có để đạt tỉ lệ bảo đảm an toàn vốn tối thiểu theo quy định hiện hành. Vì vậy, cần cho phép Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam thực hiện trình tự trong việc tăng vốn bằng cách: phát hành trái phiếu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, phát hành cổ phiếu ưu đãi theo hình thức đặc biệt để tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu phổ thông Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ra công chúng (có thể vừa kết hợp phát hành cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thông thường). □

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 34)

Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội; thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm đối với những chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; xúc tiến thành lập cơ quan kiểm toán của Quốc hội.

- *Sáu là*, đầu tư thích đáng đối với công tác bồi dưỡng kỹ năng hoạt động cho đại biểu Quốc hội nói riêng, đại biểu cơ quan dân cử nói chung thông qua các hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn, trao đổi thông tin, đi nghiên cứu kinh nghiệm hoạt động của nghị viện các nước...

- *Bảy là*, phát huy tốt sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và nhân dân; tranh thủ ý kiến các cơ quan chuyên môn, chuyên gia, cộng tác viên... Đồng thời, củng cố, kiện toàn bộ máy tham mưu, tổng hợp, phục vụ hoạt động giám sát và bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất cần thiết cho nhiệm vụ này.

Trong hoạt động của Nhà nước ta, mâu thuẫn nội tại là mâu thuẫn giữa tính tích cực, tiến thủ với sự trì trệ, bảo thủ, giữa yêu cầu lãnh mạnh hóa bộ máy cơ quan công quyền với các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Nếu không đấu tranh giải quyết tốt những mâu thuẫn đó thì sự phát triển của đất nước sẽ bị kìm hãm. Giám sát là một hình thức đấu tranh cần thiết cho yêu cầu này. Vì vậy, trong thời gian tới, cùng với sự nỗ lực chủ quan, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân cần tích cực phối hợp, giúp đỡ, tạo điều kiện để Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội làm tốt hơn nữa chức năng giám sát của mình, nhằm góp phần xây dựng Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. □

VỪA qua, một vài thành viên thiên hữu trong Ủy ban Chính trị thuộc Hội đồng Nghị viện Hội đồng châu Âu (PACE) đã trình PACE một *Bị vong lục* về cái gọi là "Sự cần thiết lên án quốc tế đối với các tội ác của chủ nghĩa cộng sản". Với mưu toan phát động một chiến dịch chống cộng trên quy mô toàn cầu, họ muốn góp phần đẩy cộng đồng quốc tế vào sâu thêm trong vòng xoáy mất ổn định mới.

Tuy PACE đã ra Nghị quyết số 1481 vào ngày 25-1-2006 vừa qua về cái gọi là "tội ác của các chế độ cộng sản độc tài", nhưng do không giành đủ 2/3 số phiếu cần thiết nên nó không thể thông qua những khuyến cáo cụ thể đối với các nước thành viên trong việc thực hiện nghị quyết này.

Bản Nghị quyết 1481 của PACE không có tính thực thi và cũng không thể được thực thi trên thực tế, bởi lẽ: *Thứ nhất*, PACE đâu phải là chỗ chỉ dành riêng cho những phần tử thiên hữu hoành hành. Trong Hội đồng Nghị viện này còn có sự hoạt động tích cực của nhóm "Liên minh cánh tả" bao gồm những người cộng sản và những nghị sĩ cánh tả của Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển, Pháp, Tây Ban Nha, Síp, Bồ Đào Nha, I-ta-li-a, Séc, Nga, U-crai-na và nhiều nước khác nữa. Họ đã lên tiếng phản đối việc thông qua nghị quyết này tại Đại hội đồng PACE. *Thứ hai*, toàn bộ tiến trình chuẩn bị cho ra đời Nghị quyết 1481 hoàn toàn nằm ngoài khuôn khổ pháp lý của PACE. Những thành viên thiên hữu trong PACE đã đi quá xa với tham vọng gán cho nó những chức năng hoàn toàn không thuộc về nó. Trang điện tử của Đảng cánh tả châu Âu số ra ngày 14-1-2006 đã thẳng thừng vạch trần "PACE âm mưu biến mình thành một diễn đàn tư tưởng và lợi dụng

Những giá trị của chủ nghĩa cộng sản đối với nhân loại là không thể phủ nhận

NGUYỄN TIẾN NGHĨA

nó trong cuộc đấu tranh chính trị". Vậy nên, "danh không chính" thì ắt hẳn "ngôn không thuận" cũng là điều dễ hiểu. *Thứ ba*, *Bị vong lục* này đã vấp phải sự phản đối cực lực của dư luận quốc tế ngay cả khi nó còn đang là một bản dự thảo. Một tháng trước khi Nghị quyết 1481 được thông qua, Đảng cánh tả châu Âu đã ra tuyên bố tố cáo âm mưu của PACE đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa phát-xít. Ngày 19-1-2006, Chủ tịch Đảng Cộng sản Hy Lạp A. Pa-pa-ri-ga đánh giá: Dự thảo về cái gọi là "Sự cần thiết lên án quốc tế đối với chủ nghĩa cộng sản" là một dự án để quốc, một tuyên bố chiến tranh chống lại giai cấp công nhân. Mười bảy Đảng cộng sản và Công nhân đến từ các nước đã nhóm họp ở Brúc-xen (Bỉ) vào ngày 21-1-2006 để phản đối dự thảo nghị quyết này và kịch liệt lên án nó như một sự tiến công bạo lực chống lại lịch sử, hiện tại và tương lai của chủ nghĩa cộng sản, hơn 20 đảng khác đã gửi điện đến cuộc họp để bày tỏ sự đoàn kết trong cuộc đấu tranh này. Ngày 25-1-2006, tờ *Le Figaro* (Pháp) đã dẫn nhiều ý kiến đánh giá của các nhà lãnh đạo các đảng cộng sản Pháp, Bồ Đào Nha... rằng nghị quyết chống cộng này thực chất là hoạt động "bóp nghẹt tự do"...

Từ việc dẫn ra một vài con số được xem là những "bằng chứng tội ác" của chủ nghĩa cộng sản đã được thực hiện ở các nước xã hội chủ nghĩa trong mấy thập niên qua, từ những luận điệu xuyên tạc, bóp méo về đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản, từ việc đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa quốc xã, các tác giả của *Bị vong lục* đi đến kết luận về sự cần thiết phải lên án và chấm dứt hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa mà người ta đã nhân danh nó để thực hiện những tội ác (!)

Đọc *Bị vong lục* với những điều khoản chủ yếu của nó đã được PACE thông qua, người ta thấy bộc lộ rõ:

Một là, sự xuyên tạc những giá trị của chủ nghĩa cộng sản

Trong suốt nhiều thế kỷ, các nhà tư tưởng tiến bộ của loài người đã nhọc nhằn tìm kiếm những con đường nhằm thủ tiêu sự bất bình đẳng xã hội. Ngay từ thời cổ xưa đã có những học thuyết không tưởng mơ về một "thời đại hoàng kim", về sự bình đẳng giữa người với người trong xã hội. Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, những học thuyết của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại đã nêu những giả thuyết sâu sắc về chế độ xã hội tương lai và dũng cảm phê phán xã hội tư bản với tư cách là một chế độ xã hội tạm thời trên con đường phát triển của nhân loại. Tuy nhiên, những học thuyết đó đã không phát hiện ra được những quy luật phát triển xã hội của loài người. Chỉ có C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, trên cơ sở tiếp thu một cách phê phán và phát triển hơn nữa những giá trị tư tưởng xã hội trước đó; từ việc khái quát một cách sâu sắc những điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội đương thời; thông qua mối liên hệ hết sức chặt chẽ với thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và sự tham gia không mệt mỏi trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng với những kẻ thù thâm độc đủ màu sắc, mới xây dựng được một lý luận khoa học thực sự về xã hội tương lai - chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong bài viết "*Những người*

cộng sản và Các-lơ Gây-xten" Ph. Ăng-ghe-n đã viết rằng, chủ nghĩa cộng sản, với tư cách là một học thuyết, là sự biểu hiện về mặt lập trường lý luận của giai cấp vô sản trong đấu tranh và là sự khái quát về mặt lý luận những điều kiện giải phóng giai cấp vô sản.

Xuất phát từ những chuyển biến lịch sử trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, trong giai đoạn mới của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản đế quốc, V.I. Lê-nin đã tiếp tục phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học lên một trình độ cao hơn về chất. Người đã vạch rõ những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, chỉ ra phương hướng và biện pháp cải tạo nó theo tinh thần cách mạng, đã luận chứng những quy luật của cuộc cách mạng của quần chúng bị áp bức bóc lột dưới sự lãnh đạo của chính đảng mác-xít cũng như những quy luật cơ bản của công cuộc xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân Liên Xô đã đạt được tốc độ phát triển cao về kinh tế và không có khủng hoảng về xã hội; đã đạt được những thành tựu to lớn trong lĩnh vực văn hóa, khoa học, quân sự, giáo dục đạo đức cho mọi người dân xô-viết; đập tan mộng bá chủ thế giới của chủ nghĩa phát-xít. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô đã góp phần to lớn vào việc gìn giữ hòa bình thế giới, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, thúc đẩy phong trào đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn cầu trong nhiều thập niên. Đây là một thực tế lịch sử hào hùng không thể phủ nhận. Tuy nhiên, do những hạn chế, thiếu sót của mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội, như tập trung quan liêu, chủ quan duy ý chí, chậm được phát hiện và khắc phục kịp thời, nên hệ thống xã hội chủ nghĩa được xây dựng theo mô hình Liên Xô đã không tiếp tục phát huy được sức sống và

ưu thế của mình. Song, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu không có nghĩa là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một học thuyết cách mạng và khoa học duy nhất đúng trong lịch sử tư tưởng nhân loại và càng không có nghĩa là sự sụp đổ của phong trào cộng sản trên thế giới như sự rêu rao của các học giả tư sản về "sự đại bại của chủ nghĩa cộng sản" (Brê-din-xki) hay "sự cáo chung của lịch sử" (Phu-cu-y-a-ma)... Chủ nghĩa xã hội vẫn đang tồn tại, đổi mới, tràn đầy sức sống và tiếp tục được khẳng định ở các nước xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đạt được và những bài học kinh nghiệm rút ra sau 27 năm cải cách, mở cửa ở Trung Quốc, sau 20 năm đổi mới ở Việt Nam, sau 18 năm ở Lào, 12 năm ở Cu Ba... càng khẳng định tính đúng đắn và sức sống vĩ đại của học thuyết Mác, càng cho phép chúng ta hiểu rõ hơn những dự báo của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội về những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội khi nó được hoàn thành. Những đặc trưng đó là: Chủ nghĩa xã hội phải là xã hội tạo ra được những điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người hay như sự khẳng định của C. Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người; chủ nghĩa xã hội bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực chính trị; chủ nghĩa xã hội phải được xây dựng trên nền kinh tế phát triển cao dựa trên nền tảng sở hữu xã hội đối với các tư liệu sản xuất cơ bản; bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng giữa các dân tộc; nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là sự kết tinh các giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa của thời đại...

Rõ ràng, luận điệu của các tác giả *Bị vong lục* cho rằng "đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản là sự vi phạm quyền con người"(!) là sự xuyên tạc trắng trợn những giá trị của chủ nghĩa cộng sản, và mưu đồ đen tối của họ cần phải bị phê phán.

Hai là, đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa quốc xã

Trong *Bị vong lục* có viết "Mặc dù chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc xã là hai chế độ thù địch nhau, song chúng có những điểm chung" (!) "Chủ nghĩa quốc xã đã bị lên án ở cấp độ quốc tế", theo lô-gíc của những người đã nhào nặn nên *Bị vong lục* trên, hà cớ gì mà chủ nghĩa cộng sản lại không bị lên án ở cấp độ như vậy (!)

Bất kỳ một người có học vấn bình thường cũng đều hiểu rõ sự khác nhau về bản chất, nguồn gốc cũng như nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc xã - một biến thể đặc biệt của chủ nghĩa phát-xít.

Nếu chủ nghĩa cộng sản vạch đường cho sự giải phóng hoàn toàn và triệt để giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và xây dựng một xã hội phồn vinh, công bằng, văn minh, bình đẳng thực sự - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thì chủ nghĩa quốc xã nói riêng và chủ nghĩa phát-xít nói chung là trào lưu chính trị xuất hiện như một phản ứng trước cao trào cách mạng thế giới được mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga. Khi nắm quyền, chủ nghĩa phát-xít trở thành nền chuyên chính khủng bố của giới tư bản độc quyền nhằm bảo vệ chế độ tư bản; thực hiện những hình thức bạo lực cực đoan, chủ nghĩa sô-vanh, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đề đàn áp, chống lại giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại tiến bộ. Chính sách đối ngoại phản động được các thế lực phát-xít thực hiện ở một số nước Tây Âu như Đức, I-ta-li-a, Tây Ban Nha... đã dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc chiến đã gây biết bao tổn thất, đau thương và cướp đi sinh mạng của hàng chục triệu con người. Như vậy, có gì là điểm chung ở đây giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát-xít?

Thực ra, luận điệu này của các tác giả *Bị vong lục* cũng chỉ lặp lại điều mà các thế lực thù địch, một số học giả tư sản đã lạm dụng

trong thời kỳ "chiến tranh lạnh" trước đây, khi đó phương Tây đã sử dụng từ "chế độ độc tài" để ám chỉ chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa phát-xít. Những phần tử thiên hữu trong PACE một lần nữa sử dụng "chiêu gán ghép" đồng nhất chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa quốc xã phải chăng là để minh oan cho chủ nghĩa phát-xít, một chủ nghĩa tàn bạo không cùng hay để lờ đi một thực tế là ở nhiều nước tư bản hiện nay giai cấp tư sản cầm quyền vẫn đang tiếp tục duy trì những đường lối, nhất là đường lối đối ngoại hiếu chiến, tàn bạo chẳng kém cạnh gì về mức độ so với đường lối đối ngoại của chủ nghĩa phát-xít. Bình luận về "chiêu gán ghép" này, Báo *Thế giới* (Pháp) số ra ngày 23-1-2006 đã dẫn lời của một nhà soạn nhạc người Hy Lạp M. Tê-ô-đô-ra-kit rằng với việc đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa quốc xã, "Hội đồng châu Âu đã quyết định thay đổi lịch sử, xuyên tạc, bóp méo sự thật bằng cách đồng nhất các nạn nhân thành đao phủ, biến những người anh hùng thành tội phạm, những nhà giải phóng thành những kẻ xâm lược".

Ba là, xuyên tạc lịch sử để phủ nhận tương lai của nhân loại

Nếu sự xuyên tạc bản chất của chủ nghĩa cộng sản, đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa quốc xã là những mưu toan để một số phần tử thiên hữu trong PACE giở trò khiêu khích mang tính chống cộng thì chính sức sống, sức thu hút và sự gắn kết sâu sắc của chủ nghĩa cộng sản trong đời sống quốc tế hiện nay mới là điều cốt lõi vì sao họ ráo riết đẩy mạnh những hoạt động hòng đi ngược lại tiến trình lịch sử khách quan của nhân loại. Những kẻ khiêu khích ở PACE đã phải thừa nhận rằng hiện đang còn tồn tại các nước mà chính quyền vẫn dựa trên hệ tư tưởng cộng sản, rằng phần lớn các chính trị gia đang hoạt động trên chính trường vẫn tích cực ủng hộ các chế độ cộng sản, rằng ở nhiều nước châu Âu các đảng cộng sản vẫn đang hoạt động tích cực như trước đây... Ngay trang bằng những giải thích vòng

vo, thiếu mạch lạc rằng vấn đề chủ yếu là điều tra và xét xử quốc tế đối với những "tội ác" dường như đã được thực hiện vì hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhưng mưu toan chống cộng của họ tự nó đã bị phơi bày bởi chính các tác giả của *Bị vong lục*: "Vấn đề là về toàn bộ hệ tư tưởng, về các lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản mà người ta đã nhân danh nó để thực hiện các tội ác (!); rằng tất cả các đảng cộng sản, kể cả các đảng "hậu cộng sản" và các quốc gia thành viên PACE cần thiết phải xem xét lại lịch sử của chủ nghĩa cộng sản và quá khứ của mình để đoạn tuyệt hẳn với chủ nghĩa cộng sản và quá khứ đó" (!)

Thực tiễn sống động của phong trào cộng sản trên thế giới ngày nay cho thấy lời kêu gọi của những kẻ khởi xướng *Bị vong lục* thật lạc lõng, vô hồn.

Một thực tế không thể phủ nhận là, về mặt pháp lý, hiện các đảng cộng sản trên toàn thế giới đang hoạt động một cách hợp pháp. Có thể nói rằng, tại châu Á, những người cộng sản đang giữ vai trò quyết định trong đời sống chính trị của châu lục. Tại các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Triều Tiên và Cu Ba ở Mỹ La-tinh, đảng cộng sản là đảng cầm quyền. Tại các nước khác ở châu Á, như Ấn Độ, Nhật Bản, Xi-ry, I-xra-en, Xri Lan-ca, Băng-la-đét, Nê-pan và một số nước ở châu Phi, Mỹ La-tinh như Nam Phi, Ma-rốc, U-ru-goay, Goa-tê-ma-la, Bra-xin, Vê-nê-xu-ê-la, Pa-na-ma... những người cộng sản cũng giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước, giành những cương vị cao, thậm chí cao nhất trong hệ thống các cơ quan lập pháp ở các nước này. Tại châu Âu, nơi phong trào cộng sản đã từng là một trong những lực lượng chính trị đông đảo và có truyền thống nhất, những người cộng sản vẫn đang tích cực tham gia các hoạt động trong đời sống chính trị châu lục. Tại hàng loạt các nước như Pháp, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, Hy Lạp,

(Xem tiếp trang 58)



CẦN THƠ - THÀNH PHỐ TRẺ ĐẦY SỨC SỐNG

NGUYỄN TẤN QUYÊN*

NĂM 2005 đã khép lại. Một năm mới đang mở ra. Thành phố Cần Thơ vào xuân với vóc dáng của một thành phố trẻ đang vươn lên, lớn dậy giữa một vùng đồng bằng đầy sức sống với tiềm năng đa dạng và phong phú, thành phố trẻ này đã và sẽ luôn luôn giữ vai trò rất quan trọng đối với đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Nhìn lại chặng đường 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ tỉnh Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã đoàn kết, phát huy tốt các nguồn lực, đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành, vượt qua biết bao khó khăn trở ngại, giành được những kết quả rất quan trọng và tương đối toàn diện. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức kế hoạch do Đại hội đề ra. Đặc biệt từ sau khi chia tách tỉnh, Đảng bộ và nhân dân thành phố Cần Thơ đã nhanh chóng ổn định tổ chức, triển khai nhanh các nhiệm vụ, tiếp tục đạt nhiều tiến bộ mới trên tất cả các mặt. Kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) tăng 13,5%/năm. Giá trị GDP năm 2005 gấp 1,9 lần so với năm 2000. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 11,6 triệu đồng gấp 1,84 lần so với năm 2000. Giá trị sản xuất

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 18,2%/năm. Nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế quan tâm đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, tạo dựng thương hiệu, tăng sức cạnh tranh. Trong 5 năm (2001 - 2005) các khu công nghiệp tập trung thu hút được 86 dự án, với vốn đăng ký 269 triệu USD, nâng tổng số dự án trong các khu công nghiệp lên 128 dự án, tổng vốn đăng ký trên 389 triệu USD, vốn đã thực hiện 168 triệu USD (chiếm hơn 43% tổng vốn đăng ký), thu hút gần 18.000 lao động.

Các ngành thương mại, dịch vụ phát triển mạnh theo hướng đa dạng hóa loại hình, chú trọng chất lượng và hướng tới những ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Thương mại - dịch vụ có giá trị tăng bình quân 14,48%/năm. Kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm đạt 1.296,3 triệu USD, tăng bình quân 18,36%/năm, kim ngạch nhập khẩu đạt 871,9 triệu USD, tăng bình quân 24,67%/năm.

Sản xuất nông nghiệp đã đi vào thế ổn định, đang chuyển dần sang hình thái nông nghiệp đô thị, chất lượng cao, gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển các ngành dịch vụ. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ

7,68%/năm. Bình quân giá trị sản xuất/1 ha đất nông nghiệp năm 2005 đạt 36,946 triệu đồng, có trên 10 ngàn hộ nông dân đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng; cá biệt có một số mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp đạt trên 100 triệu đồng.

Thu ngân sách trên địa bàn hằng năm đều vượt chỉ tiêu, việc điều hành chi ngân sách địa phương có tiến bộ. Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 5 năm 11.053 tỉ đồng. Xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị có nhiều tiến bộ. Thực hiện vượt kế hoạch và tăng khá nhanh nguồn vốn đầu tư. Tổng vốn huy động 5 năm đạt 18.857 tỉ đồng; bố trí vốn đầu tư khá phù hợp, phục vụ ngày càng tốt hơn nhiệm vụ, mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội và dân sinh, khắc phục dần đầu tư dàn trải, nhiều dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đến nay, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 98% (chỉ tiêu 90%), trong đó hộ sử dụng điện khu vực nông thôn 94,2%; tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch 88% (chỉ tiêu 80%).

Thực hiện nhiệm vụ của một thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố Cần Thơ 2 năm qua (2004-2005) có những tiến bộ tích cực và tương đối toàn diện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 15,27%/năm. Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn đạt 11.589 tỉ đồng, chiếm 61% trong cả 5 năm. Hoàn thành quy hoạch tổng thể về kinh tế - xã hội và quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2020, đang trình Chính phủ phê duyệt. Công tác xây dựng và chỉnh trang đô thị từng bước hình thành, bộ mặt đô thị kể cả nội thành và ngoại thành có nhiều khởi sắc.

Việc thực hiện chính sách xã hội được đặc biệt quan tâm, nhất là về xóa đói, giảm nghèo, chăm lo cho các gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, giải quyết việc làm, đào tạo nghề... Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa

ở cơ sở... đều có những tiến bộ mới. Chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn.

Phấn khởi, tự hào về những thành tựu, kết quả và tiến bộ đạt được trong thời gian qua, nhưng thành phố Cần Thơ còn những khó khăn, yếu kém và khuyết điểm cần phải giải quyết. Đó là, kinh tế phát triển khá nhanh, nhưng chưa thật vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của thành phố. Các cơ sở kinh tế quy mô còn nhỏ, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế chưa cao. Các ngành công nghiệp, dịch vụ có giá trị gia tăng lớn chậm phát triển; khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế còn kém, chưa có sản phẩm chủ lực và ngành kinh tế mũi nhọn. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể chưa thể hiện được vai trò chủ đạo. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém. Tiềm năng của các thành phần kinh tế chưa được phát huy tốt. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư của xã hội còn thấp so với bình quân của cả nước. Vai trò trung tâm, sức lan tỏa và thu hút của Cần Thơ đối với kinh tế trong vùng còn hạn chế...

Từ những thành tựu và yếu kém trong 5 năm qua, thành phố Cần Thơ rút ra một số nguyên nhân và bài học thực tiễn sau đây:

Một là, tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhất là công tác cán bộ. Cụ thể là cần thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng để tạo động lực có tính quyết định cho việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, củng cố quan điểm quần chúng trong Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với dân, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Thực hiện lãnh đạo, điều hành theo quy chế. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có quan điểm quần chúng tốt, liêm khiết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

trước cấp trên và trước nhân dân, xử lý công việc nhanh, hiệu quả.

Hai là, phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động tốt các nguồn lực đầu tư phát triển.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, vấn đề có ý nghĩa quyết định là Trung ương sớm có cơ chế và chính sách đặc thù dành cho thành phố Cần Thơ, để huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực để đầu tư phát triển.

Thực tiễn cho thấy, tiềm năng trong nhân dân còn rất lớn, nếu có cơ chế, chính sách, chủ trương và giải pháp phù hợp thì việc huy động các nguồn lực phục vụ nhiệm vụ, mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội sẽ đem lại kết quả cao.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội và các nhu cầu dân sinh.

Để bảo đảm ổn định về chính trị và trật tự xã hội, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh, hạn chế các hiện tượng tiêu cực xã hội, kiểm soát sự phân hóa giàu nghèo, điều hòa các lợi ích không để xảy ra mất ổn định xã hội, Trung ương cần chủ trương dành một phần quỹ hỗ trợ từ nhà nước và huy động mọi đóng góp theo hướng xã hội hóa để giải quyết những vấn đề xã hội gay gắt nhất đối với các hộ nghèo, gia đình chính sách, những người quá khó khăn trong cuộc sống, từng bước giảm dần khoảng cách về mức sống quá chênh lệch trong dân cư.

Bốn là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có những giải pháp thiết thực, kiên quyết, cụ thể; thường xuyên sâu sát cơ sở, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề mới phát sinh, lựa chọn bố trí đội ngũ cán bộ đủ sức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Xác định nhiệm vụ, mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá trong từng giai đoạn và xây dựng chương trình, dự án; có những giải pháp thiết thực. Tổ chức thực hiện thật cụ thể, giao nhiệm vụ cho từng ngành, từng cá

nhân rõ ràng. Bố trí nguồn lực tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát huy nhân tố mới, điển hình tiên tiến và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh... Làm tốt những công việc nói trên chính là điều kiện bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX "về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" đã chỉ rõ:

"Cần Thơ là thành phố giàu tiềm năng, có lịch sử hình thành khá lâu đời, giữ vai trò rất quan trọng cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, là động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Xây dựng và phát triển nhanh, toàn diện thành phố Cần Thơ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước".

Nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí, nhiệm vụ của mình, Đảng bộ và nhân dân thành phố Cần Thơ quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Bộ Chính trị, phấn đấu xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành *thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Công; là trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, trung tâm y tế và văn hóa, là đầu mối quan trọng về giao thông - vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.*

Thành phố Cần Thơ phấn đấu trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, là một cực phát triển đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng.

Đề xứng đáng với lòng tin yêu của cả nước, đối với thành phố Cần Thơ giai đoạn 2005 - 2010 là một thời kỳ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đây là thời kỳ phát triển toàn diện và mạnh mẽ nhất từ trước tới nay, nhằm sớm tạo ra nền tảng vật chất - kỹ thuật vững chắc cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

Do đó, nhiệm vụ 5 năm 2005 - 2010 của thành phố Cần Thơ rất nặng nề, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân thành phố có quyết tâm cao, đồng thời phải có một hệ thống giải pháp hữu hiệu, đồng bộ để biến quyết tâm thành hiện thực. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 15,5% - 16%. Tổng vốn đầu tư trên địa bàn trong 5 năm từ 78.000 - 80.000 tỉ đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 17,91%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm là 3.500 triệu USD (tăng bình quân 22%/năm), tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm là 1.900 triệu USD (tăng bình quân 12,5%/năm). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 36%. Giải quyết việc làm cho trên 200 ngàn lao động, và đưa 4.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Để thực hiện được mục tiêu trên, giải pháp cụ thể là, **đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện đồng thời công cuộc công nghiệp hóa và đô thị hóa.** Đây là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân thành phố. Muốn trở thành trung tâm động lực phát triển của vùng và có một vị trí xứng đáng trong nền kinh tế của cả nước, trong 5 năm tới, nền kinh tế của thành phố phải phát triển mạnh cả về tốc độ, chất lượng, tăng sức cạnh tranh.

Đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, thực hiện sự chuyển dịch kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao. Công nghiệp là xương sống của nền kinh tế thành phố, là

khâu trọng yếu quyết định tạo ra bước phát triển đột biến trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố. Trong 5 năm tới, ngành công nghiệp phải tạo ra mức tăng trưởng bình quân từ 21% trở lên mỗi năm.

Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch. Với tiềm năng đa dạng và những điều kiện khách quan thuận lợi cho phép thương mại - dịch vụ - du lịch của thành phố phát triển mạnh, tốc độ tăng bình quân từ 14,5% - 15% trở lên mỗi năm, là đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế thành phố.

Xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao ven đô thị. Do quá trình đô thị hóa, tất yếu diện tích nông nghiệp của thành phố sẽ giảm dần. Tuy nhiên, nông nghiệp ven đô thị vẫn giữ vai trò quan trọng, chiếm tỉ trọng đáng kể trong tăng trưởng (khoảng 10% - 11% GDP đến 2010), là vùng tiềm năng bảo đảm cho chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của thành phố, trong đó đất đai là nguồn dự trữ quan trọng nhất và lao động là vốn quý nhất.

Phát triển các thành phần kinh tế, mở rộng hoạt động đối ngoại, nâng cao khả năng sẵn sàng hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế thành phố xây dựng trên quan điểm một nền kinh tế "mở", nhằm khai thác tối đa nội lực và huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển.

Xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện công cuộc đô thị hóa. Để thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị cần tiến hành ngay quy hoạch chung xây dựng thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến 2050. Quy hoạch phải bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và được quản lý thống nhất, chặt chẽ của Nhà nước. Thành phố Cần Thơ cần có một diện mạo, kiến trúc riêng, không sao chép máy móc những gì đã có sẵn và có không gian hợp lý, khắc phục tình trạng bê-tông hóa đồng thời bảo đảm một thành phố văn minh, hiện đại. Khắc phục tình trạng xây dựng các khu dân cư manh mún, tràn lan, hạ tầng thấp kém, phá vỡ tổng quan đô thị,

gây ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái. Đặc biệt chú trọng bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên giàu tính nhân văn.

Nhiệm vụ hàng đầu về phát triển đô thị là tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, trong đó điểm mấu chốt nhất là hạ tầng kỹ thuật giao thông cả đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không, đủ sức phục vụ vận tải nội vùng và liên vận quốc tế để trong một thời gian nhất định thành phố Cần Thơ thật sự là cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Công.

Trong chỉ đạo điều hành, Đảng bộ thành phố Cần Thơ xác định luôn luôn nắm vững phương châm chỉ đạo: Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Trên cơ sở đó, xác định những khâu đột phá trong 5 năm tới của thành phố Cần Thơ là: **Một**, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông. **Hai**, đào tạo nguồn lực một cách đồng bộ chất lượng cao, trong đó đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị các cấp và cán bộ quản lý doanh nghiệp. **Ba**, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính. **Bốn**, có cơ chế chính sách đủ mạnh để tạo vốn và thu hút đầu tư.

Thành phố trẻ Cần Thơ đang bước vào thời kỳ phát triển mới trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng có nhiều thách thức gay gắt nhất là trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Là một thành phố giàu tiềm năng, Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ có truyền thống đoàn kết, yêu nước, có tinh thần lao động cần cù và sáng tạo là những cơ sở cho thành phố trẻ Cần Thơ tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long. □

NHỮNG GIÁ TRỊ...

(Tiếp theo trang 53)

Bun-ga-ri, Séc, Tây Ban Nha, Nga, Xlô-va-ki-a, Síp... các đảng cộng sản đều có đại biểu của mình tại nghị viện, thậm chí ở một số nước, số đại biểu của đảng cộng sản chiếm một tỷ lệ lớn trong quốc hội, có đảng cộng sản là đảng cầm quyền (ở Môn-đô-va), có đảng tham gia liên minh chính phủ (ở Síp). Một số đảng cộng sản có đại biểu của mình ở cả Nghị viện châu Âu và đương nhiên, như đã nói ở trên, đại biểu của các đảng cộng sản còn là thành viên của PACE. Chỉ trong vòng một thập niên cuối của thế kỷ XX, tổng số cử tri ủng hộ các đảng cộng sản và cánh tả châu Âu đã tăng từ 6,7% (đầu những năm 90) lên 15% (cuối những năm 90). Các đảng cộng sản ở khắp các châu lục vẫn tiếp tục kiên trì lấy chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản làm mục tiêu phấn đấu; vẫn khẳng định chủ nghĩa Mác là lý luận và phương pháp luận khoa học để tiến hành cuộc cách mạng cải tạo xã hội.

Vạch trần mưu đồ xuyên tạc lịch sử hòng phủ nhận tương lai của nhân loại, xin trích dẫn lời ông B. Đec-ke, Tổng thư ký Đảng Lao động Bỉ trong cuộc trả lời phỏng vấn phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Pháp như sau: "Tương lai nhân loại sẽ là chủ nghĩa cộng sản và cho dù có đến 100 nghị quyết giống như nghị quyết của PACE thì cũng sẽ không thể ngăn cản được điều này. Nghị quyết 1481 chỉ khiến cho các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới tăng cường quyết tâm chung mà thôi" (*).

Những kẻ chống cộng dưới mọi màu sắc dù điên cuồng đến đâu cũng không thể nào ngăn chặn được tiến trình lịch sử khách quan. Lịch sử nhân loại không dừng lại ở chủ nghĩa tư bản mà sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. □

(*) Xem vnnet.vn, 3-2-2006

ĐỒNG THÁP PHÁT HUY NỘI LỰC, TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HUỲNH MINH ĐOÀN *

ĐỒNG Tháp là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt, nguồn nước ngọt dồi dào, đất đai màu mỡ, hàng năm lại được bồi đắp thêm phù sa nên rất thuận lợi để phát triển nông nghiệp toàn diện. Người dân Đồng Tháp mang đậm bản chất Nam Bộ - thẳng thắn, bộc trực, giàu lòng nhân ái và mến khách. Đồng Tháp Mười có lịch sử oai hùng, đầy tự hào và kiêu hãnh trong quá trình dựng nước và giữ nước; nơi sinh ra và hội tụ nhiều danh nhân yêu nước như Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều, Thống Linh, nơi nhà sĩ phu yêu nước Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã hoạt động và yên nghỉ. Đảng bộ, nhân dân Đồng Tháp giàu truyền thống cách mạng, kiên cường, bất khuất, cần cù, sáng tạo, lập nên bao kỳ tích hào hùng, với những chiến công oanh liệt trong các cuộc kháng chiến cứu nước, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm sau chiến tranh, đặc biệt là 20 năm cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới cũng như 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp đoàn kết thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi thử thách, giành được những thành tựu bước đầu quan trọng. Những năm gần đây liên tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân 5 năm đạt 9,93%, năm sau cao hơn năm trước, cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, thủy sản, du lịch được tăng cường; thế mạnh của tỉnh đã từng bước được phát huy. Một số cách làm hay, điển hình ngày càng được nhân rộng, nhiều mô hình phát triển kinh tế năng động đã xuất hiện. GDP năm 2005 đạt 7.418 tỉ đồng, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2000. Thu ngân sách năm 2005 đạt trên 1.000 tỉ đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng

* Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp

tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Nông nghiệp nhiều năm liền vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt tốc độ tăng bình quân 7,49%/năm. Sản lượng lúa hằng năm ổn định trên 2 triệu tấn, riêng năm 2005 đạt 2,6 triệu tấn. Chăn nuôi gia súc phát triển nhanh, tổng đàn heo trên 300 ngàn con, tăng gấp 1,63 lần và đàn bò gần 24 ngàn con, tăng 8 lần so với năm 2000. Nuôi trồng thủy sản phát triển vượt bậc, năm 2005, sản lượng đạt 119 tấn. Đạt được những thành tựu đó là do áp dụng khoa học - công nghệ có chiều sâu với nhiều mô hình sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng và đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi; từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn.

Công nghiệp - xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 17,71%/năm, tạo kết cấu hạ tầng thiết yếu cho phát triển những năm tiếp theo. Đã hình thành 3 khu công nghiệp, thu hút 29 dự án đăng ký với số vốn gần 976 tỉ đồng và 1 triệu USD, trong đó có 9 dự án đã đi vào hoạt động, 4 dự án đang triển khai xây dựng. Quy hoạch 16 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, một số cụm đã bước đầu phát huy tác dụng. Nhiều ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn được khôi phục và nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng được thương hiệu có uy tín.

Thương mại - dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 12,05%. Ngoài việc phát triển mạng lưới chợ nông thôn và chợ huyện, các chợ trung tâm, đầu mối cũng được xây dựng đáp ứng nhu cầu giao thương ngày một lớn như chợ Trung tâm nông sản Thanh Bình, chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, chợ thủy sản ở thị xã Sa Đéc... Các loại hình dịch vụ tài chính

tín dụng, tư vấn xây dựng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải có bước phát triển khá mạnh. Công tác xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch có tiến bộ. Định kỳ tổ chức hội chợ thương mại, hội chợ chuyên ngành và tích cực tham gia các hội chợ khu vực, quốc tế nhằm quảng bá sản phẩm của tỉnh. Các dự án khu kinh tế cửa khẩu, kinh tế quốc phòng, khu Di tích lịch sử văn hóa Gò Tháp, khu Xẻo Quýt, khu di tích Cù Phó bằng Nguyễn Sinh Sắc, khu Du lịch sinh thái Gáo Giồng và một số tuyến, điểm du lịch khác đang được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác nhằm thu hút ngày càng nhiều du khách.

Các thành phần kinh tế được tạo điều kiện để phát triển. Hoàn thành sớm 1 năm kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt; hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa được nâng lên. Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng, hiện nay có 197 hợp tác xã, tăng 2,3 lần so với năm 2000. Kinh tế tư nhân có bước phát triển khá theo hướng tăng cường hiệu quả, đa dạng về quy mô, hình thức; số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 1,6 lần, số vốn đăng ký tăng 1,8 lần so với năm 2000.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Đảng bộ tỉnh về lĩnh vực phát triển kinh tế, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp; sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ triển khai thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập; trong quản lý đầu tư xây dựng, đất đai còn nhiều thiếu sót; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; kinh tế tập thể có phát triển nhưng

sức thu hút chưa cao, kinh tế tư nhân còn hạn chế về công nghệ và nguồn vốn đầu tư.

Trong 5 năm tới, bên cạnh những khó khăn, thách thức, Đồng Tháp có nhiều thời cơ và vận hội mới; tiềm năng của tỉnh còn rất lớn; những thành tựu và kinh nghiệm có được trong 5 năm qua tạo niềm tin để vững bước đi lên. Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, huy động tối đa các nguồn nội lực, thu hút mạnh đầu tư từ bên ngoài, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trong kinh tế, cùng với nỗ lực phấn đấu để duy trì tốc độ tăng trưởng cao, Đồng Tháp chú ý chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa. Đây là cơ sở để Đồng Tháp phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tập trung lãnh đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, coi trọng việc lập quy hoạch và nâng cao chất lượng quy hoạch đồng thời tập trung vốn cho đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành cho phù hợp với quy hoạch vùng và yêu cầu phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, đô thị mới, các ngành hàng quan trọng. Nâng cao chất lượng dự báo trong các dự án quy hoạch; chú ý khai thác có hiệu quả lợi thế khi các công trình

Trung ương được triển khai trên địa bàn. Bảo đảm tính đồng bộ từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chi tiết. Công khai quy hoạch theo quy định và tăng cường giám sát của nhân dân.

Tạo cơ chế phù hợp, môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn của trung ương đầu tư cho các chương trình, dự án trên địa bàn; nguồn vốn ODA, các nguồn vốn liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài, tăng vốn huy động trong nhân dân, vốn các thành phần kinh tế và vốn doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng bằng nhiều giải pháp và bước đi cụ thể.

Hai là, đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng, tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng giao thông được xem là nhiệm vụ hàng đầu.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông - thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi, dược phẩm, may mặc, vật liệu, xây dựng... đồng thời áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Khuyến khích phát triển mạnh loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tập trung đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp: Sa Đéc, Trần Quốc Toản, sông Hậu; hỗ trợ đầu tư các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cải tiến phương thức vận động đầu tư, bổ sung chính sách, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước. Phát triển các loại dịch vụ phục vụ khu công nghiệp, tiến đến hình thành khu đô thị mới xung quanh khu công nghiệp.

Đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông (đường bộ và đường thủy) nối liền các khu công nghiệp với vùng nguyên liệu và các khu đô thị của tỉnh, những tuyến giao thông

huyết mạch; thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông nông thôn. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cảng, bến xe, bến tàu tạo thuận lợi cho hoạt động giao thông - vận tải.

Ba là, phát triển đa dạng các loại hình thương mại - dịch vụ, lấy chiến lược phát triển thị trường làm khâu đột phá.

Xây dựng chiến lược phát triển thị trường - hội nhập kinh tế quốc tế, cải tiến phương pháp và nội dung trong hoạt động xúc tiến thương mại; tranh thủ mọi thuận lợi để mở rộng thị trường, tiếp tục đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn. Đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao giá trị các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: gạo, thủy sản chế biến, trái cây tươi, trái cây đóng hộp, bánh phồng tôm, sản phẩm may mặc. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất và thị trường, ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng thương hiệu, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

Đẩy mạnh hoạt động thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; phát triển kết cấu hạ tầng kinh doanh thương mại. Phát triển mạnh mạng lưới chợ, đặc biệt là chợ chuyên, trung tâm thương mại, siêu thị. Khai thác có hiệu quả các lợi thế kinh tế vùng biên giới, thông qua cửa khẩu quốc tế Thường Phước - huyện Hồng Ngự, cửa khẩu quốc gia Dinh Bà - huyện Tân Hồng để phát triển.

Hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu ở các điểm du lịch trọng điểm: Xẻo Quýt, khu di tích Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, khu di tích lịch sử văn hóa Gò Tháp, Vườn quốc gia Tràm Chim, khu du lịch sinh thái Gáo Giồng. Khai thác có hiệu quả lợi thế du lịch hoa kiểng và du lịch mùa nước nổi. Tổ chức đa dạng các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và

quốc tế. Đầu tư xây dựng nâng cấp khách sạn, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác du lịch.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, tăng cường liên doanh, liên kết với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ, các tỉnh trong khu vực, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Quan hệ chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để nghiên cứu, tư vấn về quy hoạch và triển khai ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ, doanh nhân có năng lực, trình độ, đủ tầm để hội nhập kinh tế quốc tế đạt hiệu quả cao.

Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp và phát triển mạnh kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa mang tính công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao gắn với chuyển dịch lao động trong nông thôn. Hình thành các hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp, thực hiện tốt các khâu dịch vụ hỗ trợ sản xuất, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ. Giảm dần diện tích trồng lúa, tăng diện tích gieo trồng hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày theo mô hình luân canh với lúa; hình thành và phát triển vùng chuyên canh cây ăn trái sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Bảo đảm các giải pháp về cung cấp con giống chất lượng cao, vốn, kỹ thuật, thức ăn và vấn đề môi trường để khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, công nghiệp, từng bước nâng cao tỷ trọng các ngành này trong cơ cấu nông nghiệp. Khuyến khích phát triển đàn bò thịt có chất lượng cao, phát triển đàn bò sữa trong vùng quy hoạch; khai thác hợp lý nguồn lợi tài sản tự nhiên, quy hoạch vùng

(Xem tiếp trang 68)

QUẢNG NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TỈNH CÔNG NGHIỆP TRƯỚC NĂM 2020

NGUYỄN XUÂN PHÚC *

THẸO Quyết định 148/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Nam được xác định là tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm miền Trung. Những năm qua nhờ khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh giữa các nguồn lực; đồng thời vận dụng và triển khai thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nền kinh tế của tỉnh đã đạt được mức tăng trưởng khá. Đó là những thành tựu có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho thời kỳ mới trên lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1- *Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa.* Tốc độ tăng GDP trung bình qua 5 năm (2001 - 2005) đạt 10,4%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP. Toàn tỉnh hiện có 5 khu và 18 cụm công nghiệp được mở ra, đã và đang thu hút đầu tư. Đặc biệt, Khu kinh tế mở Chu Lai khi triển khai là một mô hình mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam, hiện đã có 44 dự án đang hoạt động và sản xuất có hiệu quả với tổng số vốn đầu tư trên 195 triệu USD. Nhiều dự án tiếp tục được đăng ký, đang làm thủ tục đầu tư. Khu Công

ngiệp Điện Nam - Điện Ngọc ở phía bắc tỉnh có 53 dự án được cấp giấy phép, trong đó 27 dự án đang hoạt động. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có gần 12.000 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với nhiều quy mô khác nhau, giải quyết việc làm và đem lại thu nhập khá ổn định cho hơn 62.000 lao động, tăng gần gấp 3 lần so với năm 1997 (khi chia tách tỉnh). Dựa trên điều tra khảo sát các tiềm năng, tỉnh đã quy hoạch 8 nhà máy thủy điện lớn và 33 nhà máy thủy điện nhỏ với tổng công suất khoảng 1.400 MW. Lĩnh vực dịch vụ, du lịch phát triển nhanh, có 88 dự án được đầu tư, trong đó 17 dự án đã đi vào hoạt động, lượng khách du lịch tăng bình quân 22%, doanh thu tăng gần 25%/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng 25%/năm. Quan hệ thương mại được mở rộng đến 30 nước và vùng lãnh thổ. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh từng bước chuyển dịch có hiệu quả hơn so với thời kỳ 1997 - 2000, ngày càng tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao. Hầu hết diện tích lúa đã chuyển sang 2 vụ; một số diện tích trồng lúa không chủ động được nước tưới đã chuyển

* Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

sang trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm, trồng cỏ phục vụ chăn nuôi... đem lại giá trị kinh tế cao hơn. Một số mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hộ có thu nhập cao xuất hiện, từng bước hình thành nền nông nghiệp hàng hóa. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng và đánh bắt hải sản phát triển nhanh.

Về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cũng được tỉnh tập trung đầu tư, tổng kinh phí được huy động trên 13.000 tỉ đồng. Đến nay, hầu hết các tuyến đường chính lên miền núi, về vùng sâu, vùng xa đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Tỉnh đã làm được trên 4.000 km đường giao thông nông thôn và hơn 700 công trình hạ tầng phục vụ dân sinh miền núi. Đặc biệt, đã xây dựng và đưa vào khai thác cầu cảng mới Kỳ Hà, khôi phục và đưa sân bay Chu Lai vào hoạt động. Trong vài năm tới, Chu Lai sẽ là một cảng hàng không quan trọng vừa vận tải hành khách, vừa trung chuyển hàng hóa trong khu vực ASEAN và sẽ có một nhà máy sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy bay trong khu vực. Lưới điện, hệ thống bưu chính - viễn thông và mạng thông tin liên lạc được đầu tư cải tạo, nâng cấp, phát triển mạnh. Hiện có 94% số hộ gia đình được sử dụng điện, 100% số xã đồng bằng và 85% trung tâm các xã miền núi có điện thoại, mật độ điện thoại cố định đạt 9 máy/100 người dân.

2- Lĩnh vực văn hóa - xã hội có bước phát triển đáng kể, đời sống nhân dân được cải thiện về nhiều mặt. Quy mô, loại hình và cấp bậc giáo dục - đào tạo trong tỉnh ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học tiếp tục được đầu tư hướng tới mục tiêu hiện thực hóa một xã hội học tập. Riêng giáo dục phổ thông năm học 2004 - 2005 toàn tỉnh có 721 trường với trên 382.000 học sinh các cấp, trong đó có 102 trường được công nhận đạt "chuẩn quốc gia"; 11 huyện, thị được công nhận hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.

Mạng lưới y tế ở cả ba cấp được đầu tư mở rộng. Tỉnh hiện có 6 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, 17 trung tâm y tế và 225 trạm y tế tuyến xã với trên 2.340 giường bệnh. Đến cuối năm 2004, đạt tỷ lệ 4,71 bác sỹ/1 vạn dân, 65% số trạm y tế xã, phường có bác sỹ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 35% năm 2000 xuống còn 27,9% năm 2004. Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú trọng nên vừa giảm tải các bệnh nhân nặng cho tuyến trên, vừa hạn chế dịch bệnh ngay từ cơ sở. Sự phát triển về văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao đã góp phần nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa tinh thần và nâng cao thể chất cho nhân dân. Hai di sản văn hóa thế giới: Phố cổ Hội An, khu di tích tháp Chàm Mỹ Sơn và hơn 160 di tích lịch sử - văn hóa cùng với những làng nghề nổi tiếng và nhiều danh lam thắng cảnh được trùng tu, tôn tạo, bảo vệ, phát huy, khai thác đúng hướng, đạt được hiệu quả cao. Nhiều lễ hội và tinh hoa văn hóa dân tộc được phục hồi, khai thác, quảng bá làm giàu thêm truyền thống văn hóa - nhân văn của xứ Quảng

3- Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, pháp chế được tăng cường và thực thi pháp luật có nhiều tiến bộ. Quảng Nam là tỉnh thường xuyên coi trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ toàn diện trên cơ sở xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân, giữ vững ổn định chính trị. Công tác cải cách tư pháp có nhiều chuyển biến. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án bảo đảm theo đúng quy định và trình tự pháp luật. Đơn thư khiếu nại, tố cáo được tập trung giải quyết, hạn chế khiếu kiện vượt cấp nên không dễ xảy ra "điểm nóng". Công tác cải cách hành chính, củng cố hệ thống chính trị, mở rộng dân chủ

và phát huy hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành của toàn bộ hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến, đổi mới; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được phát huy mạnh mẽ.

Qua 5 năm vừa làm vừa rút kinh nghiệm, Quảng Nam đã rút ra những bài học cơ bản, làm tiền đề cho sự phát triển giai đoạn tiếp theo là:

- *Giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ.* Đây được coi là nguyên nhân của mọi sự thành công, đồng thời cũng là kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo, chỉ đạo. Nhờ đoàn kết thống nhất mà năng lực tư duy lãnh đạo của Đảng bộ trưởng thành qua thực tiễn, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân. Để có sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, trước hết phải xây dựng được sự đoàn kết trong hạt nhân lãnh đạo là cấp ủy và Ban Thường vụ các cấp.

- *Coi trọng nhân tố con người và yếu tố động lực của văn hóa.* Tỉnh đã có một số kinh nghiệm bước đầu trong việc đề ra chủ trương theo hướng tiếp cận từ văn hóa như: Phát triển du lịch gắn với văn hóa, bắt đầu từ văn hóa; dựa vào sức mạnh truyền thống của cộng đồng làng để quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ các nguồn tài nguyên... Khởi đầu từ văn hóa truyền thống của Quảng Nam: - **vùng đất mở** để hình thành ý tưởng, chủ trương về **kinh tế mở**; lấy đổi mới tư duy làm khâu đột phá giải quyết vấn đề từ nhận thức và công tác cán bộ.

- *Kiên trì và quyết tâm đổi mới trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm nghiêm túc và có cơ sở khoa học.* Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết xây dựng Quảng Nam thành tỉnh công nghiệp vào giai đoạn 2010 - 2015. Từ đó, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, lựa chọn đúng

khâu đột phá, đổi mới cách nghĩ, cách làm hiệu quả hơn.

- Trong chỉ đạo, điều hành *tập trung, kiên quyết, dám làm và phân cấp, phân nhiệm rõ ràng, từ đó tạo ra sự đồng bộ, tin cậy* trong bộ máy ở các cấp; phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện giám sát và kiểm tra; thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Trên cơ sở chú trọng tổng kết thực tiễn, tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và căn cứ vào tiềm lực, lợi thế so sánh, có các dự kiến, dự báo với những căn cứ khoa học và tính đến các yếu tố đồng thuận nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực đồng thời chủ động với những khó khăn, rủi ro, thách thức phát sinh. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2005 - 2010) đã quyết tâm phấn đấu *xây dựng Quảng Nam thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020 với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 14%/năm. Đến năm 2010 tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 82% trong cơ cấu GDP; GDP bình quân đầu người đạt 900 USD; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 18% (theo tiêu chí mới); hoàn thành các chương trình, mục tiêu lớn về xã hội trên toàn tỉnh...*

Nhằm thực hiện phương hướng và mục tiêu trên đây, những giải pháp cơ bản mà Quảng Nam đặt ra trong thời gian tới là:

1 - Chuyển đổi mạnh hơn nữa cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tiếp tục chuyển dịch kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tập trung xây dựng hoàn thiện và lấp đầy các khu công nghiệp; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; sản xuất đồ uống như bia, nước khoáng, nước giải khát. Phát triển công nghiệp sản xuất điện năng và công nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, công nghiệp sử dụng nhiều

lao động (nhất là lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn) như may mặc, da giày, chế biến gỗ để góp phần vào chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Tăng tỷ lệ giá trị công nghệ cao, từng bước hình thành các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao như điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa. Phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ trực tiếp cho công nghiệp chế biến, lắp ráp, tiến tới đầu tư sản xuất các loại thiết bị có yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cao.

Về nông - lâm - ngư nghiệp, tỉnh tập trung chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Chuyển đổi mạnh cơ cấu trong nội bộ ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Thực hiện nhanh và có hiệu quả việc sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh theo Quyết định 237/2005 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển mạnh các ngành nghề và các ngành dịch vụ, coi trọng việc duy trì, mở rộng các nghề thủ công truyền thống.

Tạo ra sự gắn kết hữu cơ giữa Khu kinh tế mở Chu Lai với vùng đồng bằng, ven biển và hải đảo, vùng trung du và miền núi; tiếp tục nâng cấp các chuỗi đô thị hiện có đi đôi với xây dựng các khu đô thị mới; phát triển mạnh các ngành dịch vụ du lịch và các ngành dịch vụ khác; phát triển kinh tế biển, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Giai đoạn 2 ở Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc sẽ được tỉnh tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng du lịch như giao thông, các cảng du lịch. Phát triển các cơ sở đào tạo nghề; thúc đẩy triển khai sớm dự án xây dựng trường dạy nghề chất lượng cao để nâng cao chất lượng nguồn lao động và Bệnh viện đa khoa trung ương tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

Đối với vùng trung du và miền núi, tỉnh tiếp tục tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông; đẩy mạnh các chương trình kinh tế, giáo dục - đào tạo và chăm lo công tác cán bộ; mở rộng quy mô và nâng cấp thị trấn Khâm Đức - Phước Sơn hiện nay lên thị xã, thành một mô hình đô thị miền núi của tỉnh; từng bước phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa vùng dân tộc thiểu số.

2 – Tập trung phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng. Trước mắt tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường huyết mạch, đường nội bộ trong các đô thị, đường dọc theo các xã biên giới, đường ô-tô đến trung tâm xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và tăng cường sự giao lưu giữa các khu vực, các địa bàn; xây dựng hệ thống cảng Kỳ Hà, làm tiền đề, đòn bẩy đột phá để hình thành **Khu kinh tế mở**. Sân bay Chu Lai sẽ phát triển thành sân bay trung chuyển quốc tế. Tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống các công trình thủy lợi. Quy hoạch, sử dụng các nguồn nước để phát triển thủy điện và điều tiết lũ trên các hệ thống sông lớn. Xây dựng các công trình ngăn mặn, giải quyết nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân vùng cát, vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cải tạo nâng cấp các hồ chứa và hệ thống kênh tưới; xây dựng kè sông, kè biển nhằm hạn chế sạt lở...

Về hạ tầng xã hội, tỉnh tập trung đầu tư xây dựng mới một số trung tâm y tế, phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế chất lượng cao. Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước tại các khu công nghiệp và đô thị, công trình nước sạch tại các trung tâm huyện lỵ. Tiếp tục trùng tu, tôn tạo hai di sản văn hóa thế giới ở Mỹ Sơn và Hội An; mở rộng diện phủ sóng truyền hình đến các vùng xa, vùng lõm; quy hoạch và triển khai xây dựng công viên; xây dựng tượng đài mẹ Việt Nam Anh hùng lấy nguyên

mẫu mẹ Nguyễn Thị Thứ làm biểu tượng giáo dục truyền thống cho thế hệ kế tiếp.

3 – Xã hội hóa và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp phát triển, tăng thu ngân sách. Các cơ chế, chính sách đã có tác dụng tích cực trong thời gian qua sẽ được tiếp tục phát huy; đồng thời nghiên cứu vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách trên cơ sở sử dụng khung ưu đãi đầu tư tối đa theo quy định chung của Nhà nước, có bổ sung vượt trội, đúng thẩm quyền, nhằm phát huy nội lực, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Tỉnh mạnh dạn xây dựng chính sách miễn thuế thu nhập, giảm tiền thuê đất; hỗ trợ đào tạo lao động; thực hiện bình đẳng thực sự giữa các doanh nghiệp, giữa các thành phần kinh tế. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển các doanh nghiệp nhà nước theo hướng mạnh hơn về quy mô, năng lực; chất lượng và hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển; chú trọng khuyến khích phát triển doanh nghiệp trên địa bàn nông thôn; khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Thực hiện tốt phương án sắp xếp, đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh theo Quyết định 237/2005 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; coi trọng và tạo điều kiện để thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Tập trung quản lý, khai thác các nguồn thu, chống thất thu đối với tất cả các khu vực kinh tế và các sắc thuế. Tiếp tục thực hiện mở rộng ủy nhiệm thu cho các xã, phường quản lý và khai thác các nguồn thu từ thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ miễn, giảm thuế, hoàn thuế để khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh phát triển, tăng thu cho ngân sách, tạo ra nguồn thu ổn định, lâu dài, bền vững, để

đến năm 2010 bảo đảm tự cân đối nhu cầu chi thường xuyên.

4 – Bảo đảm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, tập trung chăm lo đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng nông thôn và đô thị, giữa miền núi và đồng bằng. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tích cực phòng chống dịch bệnh, phòng, chống tai nạn và thương tích, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên. Thực hiện tốt chương trình cho vay vốn, hỗ trợ người nghèo, giải quyết việc làm, phát triển các nghề, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn.

Tiếp tục phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, duy trì tốt mục tiêu xóa mù chữ và chống tái mù trong độ tuổi. Thúc đẩy xây dựng Trung tâm công nghiệp phần mềm, Trường đại học công nghệ bán công. Chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo trường dân tộc nội trú tỉnh. Quan tâm đào tạo cán bộ có trình độ đại học, các chuyên gia đầu ngành, kể cả cho đi đào tạo ở nước ngoài. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt đến làm việc tại Quảng Nam. Tích cực ứng dụng các thành tựu, tiến bộ khoa học - kỹ thuật để phát triển kinh tế - xã hội.

5 – Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu. Trong các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, phát triển các doanh nghiệp, phải thật sự chủ động hội nhập phù hợp với các thông lệ quốc tế và các yêu cầu của các tổ chức mà nước ta cam kết thực hiện. Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện

thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất khẩu, đặc biệt những mặt hàng có thể mạnh, tiềm năng lớn, giá trị hàng hóa cạnh tranh cao như: may mặc, da giày, sản phẩm gỗ, thủy sản chế biến..., đồng thời chú trọng những mặt hàng xuất khẩu mới. Tăng cường tính chủ động, hiệu quả và thiết thực trong hoạt động đối ngoại, nhất là tạo sự ổn định và mở rộng thị trường theo hướng bền vững.

6 - Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt cải cách hành chính. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ những kìm hãm, trở ngại do bệnh quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân. Thực hiện "một cửa, tại chỗ" ở tất cả các cơ quan hành chính, tất cả các cấp chính quyền. Tăng cường kỷ cương, pháp luật Nhà nước gắn với chế độ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu. Phân cấp mạnh, toàn diện và đồng bộ hơn nữa cho địa phương và cơ sở, gắn trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích. Tăng cường chế độ giám sát, kiểm tra thực hiện các cơ chế chính sách đã ban hành. Thực hiện nghiêm túc Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Đấu tranh kiên quyết với những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước. Củng cố, xây dựng các cơ quan hành chính nhà nước theo đúng quy định của Trung ương. Phát huy các hoạt động của các tổ chức đoàn thể và các tổ chức xã hội khác trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Trên nền tảng những thành tựu, kinh nghiệm và thực tiễn của thời kỳ đổi mới, cùng với thế và lực của tỉnh, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, lộ trình vươn tới mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020 sẽ là hiện thực trên vùng đất Xứ Quảng giàu truyền thống văn hóa và cách mạng. □

ĐỒNG THÁP PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 62)

nuôi tài sản bảo đảm chất lượng, ổn định, hiệu quả gắn chặt với việc hình thành và phát huy vai trò hội nghề cá. Chú ý phát triển những loại thủy sản mà tỉnh có lợi thế và thị trường tiêu thụ như: cá tra, cá ba sa, tôm càng xanh, các loại cá giống. Quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước, nhất là các bãi bồi ven sông, diện tích mặt nước trong mùa lũ phù hợp với sinh thái của từng vùng.

Tăng cường mối liên kết giữa các nhà: sản xuất, kinh doanh, khoa học; đẩy mạnh cung cấp thông tin khoa học - kỹ thuật, kinh tế, thị trường... để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Làm tốt công tác quy hoạch để hình thành các khu dân cư tập trung theo hướng đô thị hóa, nâng cao trình độ học vấn của người dân, đào tạo nghề, khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn, là những giải pháp quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

Phương hướng, nhiệm vụ về phát triển kinh tế đã đề ra là hết sức nặng nề nhưng với những giải pháp cụ thể, khả thi; với quyết tâm cao của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ tích cực của Trung ương, Đồng Tháp nhất định sẽ thực hiện thắng lợi và gặt hái được những thành công lớn hơn, xứng đáng với truyền thống anh hùng trong kháng chiến và sáng tạo, cần cù trong lao động, phấn đấu là một trong những lá cờ đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở đồng bằng sông Cửu Long. □

Bộ đội Biên phòng thực hiện quân dân y kết hợp, chăm sóc sức khỏe đồng bào vùng biên giới

ĐÀO NGUYỄN THẮNG * - TỪ THANH

CHĂM sóc sức khỏe cho hàng vạn cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng đang ngày đêm công tác, chiến đấu phân tán, độc lập trên trận tuyến gần 8.000 km biên giới và đồng bào sống trong vùng biên giới là bài toán vô cùng phức tạp. Các chiến sỹ Bộ đội Biên phòng đóng quân rải rác ở gần 900 xã biên giới, nơi có khí hậu, thời tiết khắc nghiệt và dễ phát sinh nhiều ổ bệnh như: sốt rét, dịch hạch, mô não cầu... Cán bộ, chiến sỹ ở đây không phải 1 năm, hay 2 hoặc 3 năm, mà có trên 50% quân số đã gắn bó từ 5 năm đến trên 20 năm với đồng bào các dân tộc vùng biên giới. Hằng năm mỗi đơn vị biên phòng đã khám bệnh, cấp thuốc và điều trị cho hàng trăm lượt đồng bào các dân tộc. Đây cũng là một cố gắng lớn trong công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào của Bộ đội Biên phòng.

Để giải quyết tình hình trên nhằm bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng và nhân dân vùng biên giới, kết hợp quân dân y trở thành nguyên tắc hàng đầu. Nghị quyết của Đảng bộ Bộ đội Biên phòng lần thứ 11 đã chỉ rõ: Trong những năm tới phải *đẩy mạnh thực hiện chương trình quân dân y kết hợp* để tăng cường công tác bảo vệ sức khỏe bộ đội và chăm sóc sức khỏe đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa ở biên giới; góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm

vụ chính trị của Bộ đội Biên phòng, nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

Trạm y tế của đa số các xã vùng cao, vùng sâu, hải đảo, còn tạm bợ, nhân viên y tế vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn, dụng cụ y tế, thuốc men không đủ. Còn hàng trăm xã chưa có trạm y tế, tình trạng dân ốm đau không đến trạm y tế còn nhiều; 72% số bệnh nhân chữa bệnh tại nhà, hoặc nhờ thầy mo, thầy cúng chữa chạy. Dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi, trong khi dân số ở vùng đồng bào các dân tộc miền núi đang bùng nổ, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh cao gấp đôi miền xuôi...

Bộ đội Biên phòng làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia vừa sẵn sàng chiến đấu và công tác, vận động quần chúng, đối ngoại... Đặc điểm hoạt động của Bộ đội Biên phòng là phân tán dọc theo chiều dài biên giới, bờ biển, hải đảo với các đơn vị nhỏ lẻ, độc lập. Đây là những địa bàn điều kiện kinh tế còn rất khó khăn, xã hội, văn hóa, chính trị phức tạp và thấp kém, đường sá chưa được đầu tư nâng cấp, giao thông đi lại rất vất vả. Nhiều đơn vị Biên phòng cách xa đường ô tô, phải đi bộ từ 1 - 7 ngày đường mới đến nơi. Để cấp cứu một thương, bệnh binh nhiều khi phải

* Đại tá, Trưởng phòng Quân y Bộ đội Biên phòng.

huy động 6 - 10 đồng chí đi theo... Tuy vậy, Bộ đội Biên phòng đã quán triệt được tầm quan trọng của nhiệm vụ quân dân y kết hợp coi đây là nguyên tắc hàng đầu trong bảo đảm quân y. Ngay từ ngày đầu thành lập Công an Nhân dân vũ trang (1959), với lực lượng quân y rất mỏng, ở các đơn vị hầu hết chỉ là y tá, cứu thương, một số ít y sỹ, bác sỹ nhưng quân y Bộ đội Biên phòng đã kết hợp chặt chẽ với lực lượng dân y trên địa bàn hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe bộ đội, tổ chức cấp cứu, điều trị thương bệnh binh góp phần bảo đảm quân số chiến đấu.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, lực lượng quân y Bộ đội Biên phòng và dân y đã sát cánh cùng nhau bám sát địa bàn xung yếu, kịp thời cứu chữa cho bộ đội và nhân dân; tổ chức vận chuyển thương, bệnh binh về tuyến sau an toàn; đồng thời, tích cực đẩy mạnh phong trào vệ sinh yêu nước ở địa bàn, nhất là ở các xã, bản vùng cao biên giới. Hơn nữa, y tế nhân dân còn là nơi đào tạo và là nguồn bổ sung cho quân y Bộ đội Biên phòng về số lượng và chất lượng. Đây cũng là vấn đề thể hiện sự quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh là: ở những nơi có đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ phải chú ý đến phong tục tập quán của họ, luôn giúp đỡ, giáo dục họ, làm cho họ tin yêu, mến phục cán bộ thì họ sẽ hết sức giúp đỡ và có khi còn sẵn sàng hy sinh cho cách mạng.

Đất nước thống nhất, cả nước bước vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhưng truyền thống kết hợp quân dân y vẫn và mãi mãi sẽ là nguyên tắc hàng đầu trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bộ đội và nhân dân các dân tộc vùng biên giới của quân y Bộ đội Biên phòng.

Thực tế những năm trước đây, để chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sỹ vùng biên giới, công tác kết hợp quân dân y đã đạt được nhiều kết quả to lớn. Tuy vậy, việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân nói chung, Bộ đội Biên phòng nói riêng, vẫn có nhiều bất cập. Trong nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân

chưa cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ và vị trí của từng lực lượng trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng; chưa xây dựng được các hình thức kết hợp quân dân y phù hợp với những đặc điểm về điều kiện của khu vực biên giới. Vì vậy, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng trên địa bàn.

Đảng ủy, và ban lãnh đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo nội dung kết hợp quân dân y, coi đây là một nội dung trong nghị quyết lãnh đạo của đảng ủy các cấp, là một nội dung thường xuyên trong kế hoạch công tác của chỉ huy các đơn vị, đã được xã hội hóa cao trong mọi hoạt động của Bộ đội Biên phòng. Một trong những điều quan trọng là Đảng ủy và lãnh đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã xác định việc thành lập *Ban kết hợp quân dân y cụm dân cư*, trong đó đồn Biên phòng là thành viên, là thành phần lãnh đạo ban kết hợp quân dân y cụm dân cư. Sự lãnh đạo của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã huy động được sức mạnh tổng hợp của các cấp ủy, cơ quan, đoàn thể và cộng đồng dân cư vùng biên giới; bước đầu đã xây dựng được hệ thống tổ chức chỉ đạo và các mối quan hệ trong công tác kết hợp quân dân y thống nhất được triển khai từ Bộ Tư lệnh đến các đơn vị cơ sở. Hệ thống tổ chức của Ban kết hợp quân dân y cụm dân cư được phân thành 3 cấp: 1- Cấp Bộ Tư lệnh: bao gồm Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quan hệ, phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế, Cục Quân y, các chương trình y tế quốc gia để huy động nguồn lực, chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ; 2- Cấp tỉnh: nòng cốt là quân y Biên phòng và sở y tế, có sự tham gia của đại diện chính quyền và chỉ huy Biên phòng tỉnh; là nơi điều hành, chỉ đạo các ban kết hợp quân dân y ở đồn - xã Biên phòng; 3- Cấp xã - đồn Biên phòng: là nơi phối hợp triển khai thực hiện các nội dung hoạt động về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bộ đội và nhân dân trên địa bàn như thực hiện các chương trình y tế quốc gia, củng cố y tế cơ sở, phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh...

Từ việc hình thành hệ thống tổ chức trên, hầu hết các xã biên giới đặc biệt khó khăn đã thành lập được Ban kết hợp quân dân y cụm dân cư với thành phần: Ban chỉ huy, đội vận động quần chúng, quân y đồn Biên phòng và đại diện cấp ủy, chính quyền, y tế và các đoàn thể địa phương. Đến nay, 623/891 xã Biên phòng đã có Ban kết hợp quân dân y hoạt động. Ban kết hợp quân dân y cụm dân cư ở biên giới là tổ chức đang phát huy có hiệu quả các nội dung kết hợp quân dân y và là *nòng cốt để xây dựng phong trào y tế cơ sở*.

Những năm qua, Bộ đội Biên phòng đã tích cực đóng góp sức lực vào việc củng cố hệ thống y tế cơ sở tại địa bàn biên giới, với nhiều hình thức và nội dung phong phú. Sự kết hợp các trạm y tế, phòng khám quân dân y đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của y tế địa phương và quân y Bộ đội Biên phòng về trình độ chuyên môn, trang thiết bị y tế, thuốc men, con người... Mô hình này đã hoạt động, đem lại hiệu quả thiết thực trong việc chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, tại các vùng cao, vùng sâu, vùng xa biên giới.

Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với chính quyền và y tế địa phương xây dựng được 13 trạm y tế kết hợp quân - dân - y, 23 phòng khám kết hợp quân - dân - y đã tham gia làm nhiệm vụ y tế cơ sở tại những địa bàn y tế địa phương gặp khó khăn về nhân lực, cơ sở làm việc và trang bị, trực tiếp làm nhiệm vụ y tế cơ sở tại 238 xã Biên phòng; tham gia từng mặt công tác y tế ở 481 xã Biên phòng mà y tế chưa đủ sức triển khai đầy đủ các nội dung chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hỗ trợ từng mặt, từng nội dung công tác. Một trong những giải pháp quan trọng để củng cố hệ thống y tế cơ sở là vấn đề đào tạo, đạo tạo lại đội ngũ cán bộ y tế cơ sở cập nhật với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và yêu cầu nhiệm vụ mới đã được Bộ đội Biên phòng đặc biệt chú trọng. Những năm qua, ngoài việc tổ chức đào tạo cán bộ y tế như y tá, y sỹ cho địa phương, Bộ đội Biên phòng còn tích cực gửi cán bộ đi đào tạo tại các trường trong hệ thống y tế nhà nước, tổ chức

nhiều hình thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như công tác quản lý, triển khai thực hiện chương trình kết hợp quân dân y như: tập huấn, huấn luyện, hội thảo trao đổi kinh nghiệm... Đến nay, Bộ đội Biên phòng đã đào tạo 40 y tá, 16 y sỹ cho y tế của 38 thôn bản, ngành y tế đã đào tạo cho Bộ đội Biên phòng 40 bác sỹ, 500 y sỹ.

Từ quan điểm định hướng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta là "phòng bệnh hơn chữa bệnh", Bộ đội Biên phòng đã xác định công tác vệ sinh phòng dịch tại địa bàn biên giới là một mũi nhọn để tập trung triển khai các biện pháp. Một số kết quả nổi bật của công tác này đã đạt được trong thời gian qua là: đã tổ chức tuyên truyền gần 2.000 buổi nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân về vệ sinh phòng bệnh, về phòng chống sốt rét, phòng chống HIV/AIDS, về dân số kế hoạch hóa gia đình, thực hiện nếp sống vệ sinh...; tham gia phòng chống dịch bệnh, bao vây dập tắt 11 vụ dịch trên địa bàn biên giới; tổ chức triển khai tiêm chủng mở rộng trên các tuyến biên giới, trực tiếp xóa 8 xã trắng về tiêm chủng mở rộng ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và nhiều thôn bản ở vùng sâu. Trong 10 năm qua (1995 - 2004) ngành y tế Bộ đội Biên phòng đã tiêm chủng mở rộng cho trên 4 triệu lượt trẻ em; tham gia giúp nhân dân trong khắc phục hậu quả thiên tai, cứu chữa cho trên 6.000 người, phun thuốc phòng dịch cho trên 5 triệu m² đất ở và sinh hoạt của đồng bào; khám chữa bệnh trung bình 600.000 lượt người/năm; chẩn đoán và điều trị sốt rét cho trên 10.000 lượt người; áp dụng các biện pháp kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình cho gần 30.000 lượt người, đỡ đẻ trên 400 ca... Ngoài ra, trên các tuyến biên giới, Bộ đội Biên phòng còn tham gia nhiều chương trình như: phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, cai nghiện ma túy, bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; chương trình nước sạch, phòng chống bướu cổ..., góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, trong đó có đồng bào các dân tộc vùng

(Xem tiếp trang 75)



TRƯỚC đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng và phát triển đảng nói chung, ở vùng có đông tin đồ công giáo nói riêng là một trong những nhiệm vụ cơ bản, có ý nghĩa quyết định trong việc lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, góp phần quyết định thành công trong việc thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác tôn giáo.

Hiện nay, tổ chức cơ sở đảng vùng có đông đồng bào công giáo ở nước ta gồm 3 loại hình chi bộ khác nhau: *một là*, chi bộ có 100% đảng viên là người gốc công giáo; *hai là*, chi bộ có cả đảng viên là người công giáo, người theo tôn giáo khác và người không theo một tôn giáo nào; *ba là*, chi bộ chỉ có đảng viên là người không theo một tôn giáo nào. Yêu cầu đặt ra đối với mỗi tổ chức cơ sở đảng là bảo đảm vai trò "hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở" và sự liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Bởi vậy, làm tốt công tác phát triển đảng viên người công giáo là một nhiệm vụ thiết yếu.

Thực tế ở nhiều địa phương thời gian qua cho thấy, công tác xây dựng đảng, phát triển đảng viên mới là người công giáo đã đạt được những kết quả đáng kể, số lượng và chất lượng đảng viên là người có đạo được kết nạp vào đảng ngày càng tăng. Chẳng hạn, ở Ninh Bình - một trong những địa phương có đông đồng bào công giáo, nếu trước những năm 90 (thế kỷ XX), việc kết nạp đảng viên là người công giáo gặp rất nhiều khó khăn, có năm chỉ

Công tác phát triển đảng ở vùng có đông đồng bào công giáo

TRẦN ĐẮC HIẾN *

kết nạp được từ 1 đến 2 người. Trong 3 năm từ 1992 đến 1994 cũng chỉ kết nạp được 16 đảng viên. Nhưng từ năm 2002 đến nay, Ninh Bình đã kết nạp được 250 đảng viên là người công giáo - chiếm tỉ lệ 1,74% trong tổng số 14.367 đảng viên mới kết nạp. Hiện nay, toàn tỉnh có 518/1.114 đảng viên là người công giáo làm cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể từ thôn, xóm trở lên. Ở tỉnh Thái Bình từ năm 1994 đến nay đã kết nạp được 136 đảng viên là người công giáo; trong đó, nhiều đồng chí đã phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo phong trào; 33 đồng chí tham gia lãnh đạo các cơ quan đảng, chính quyền; 203 đồng chí tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 và nhiều quần chúng có đạo tham gia trong các tổ chức, đoàn thể cơ sở. Tỉnh Nam Định có 3.777 đảng viên là người công giáo, chiếm 4,26% tổng số đảng viên trong tỉnh; tỉnh Hà Tĩnh có 621 đảng viên là người công giáo, chiếm 8,4% tổng số đảng viên toàn tỉnh...

Chỉ riêng năm 2004, tỉnh Nghệ An đã kết nạp được 96 đảng viên và tỉnh Hà Tĩnh kết nạp được 44

đảng viên là người công giáo. Số "điểm trắng" về tổ chức đảng ở vùng giáo được thu hẹp, chất lượng sinh hoạt đảng ngày càng cao. Nhiều đảng viên là người công giáo tham gia công tác đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở đã thể hiện được vai trò nòng cốt trong quản lý xã hội, kiên quyết đấu tranh với những hành vi sai trái trong hoạt động tôn giáo; tích cực vận động tin đồ, chức sắc tham gia phong trào cách mạng ở địa phương, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ở các xứ, họ đạo. Do đó, uy tín của đảng viên, chi bộ, đảng bộ vùng có đông đồng bào công giáo không ngừng được nâng lên, phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với phong trào ở cơ sở.

Song bên cạnh đó, ở một số nơi, công tác xây dựng đảng, phát triển đảng viên là người công giáo vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Có nơi, có lúc vẫn còn tư tưởng định kiến, ngại quan hệ, va chạm với cán bộ, đảng viên có đạo; có nơi phát triển được đảng

* ThS, Giảng viên Học viện An ninh nhân dân

viên có đạo, nhưng không tiếp tục bồi dưỡng nên không phát huy được vai trò với quần chúng giáo dân. Thậm chí cũng vẫn còn có nơi đến nay chưa kết nạp được đảng viên nào là người công giáo. Tình hình đó làm cho các địa phương này, số đảng viên là người công giáo vốn đã ít, càng ít hơn, và tổ chức đảng chưa phát huy được tác dụng trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng giáo dân. Chẳng hạn, xã Nam Thịnh, huyện Tiến Hải, Thái Bình có khoảng 1.600 giáo dân nhưng không có đảng viên nào là người công giáo. Họ giáo Chấp Trung, Đoàn Hùng, Hưng Hà, 10 năm nay không kết nạp được đảng viên nào... Do đó, tổ chức đảng phần lớn còn "đứng ngoài" để lãnh đạo, dẫn đến tình trạng hời hợt, bị động, lúng túng trước các vấn đề phức tạp nảy sinh. Cá biệt có một số đảng viên là người có đạo xin ra khỏi Đảng.

Trong khi đó, những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo của Giáo hội Công giáo, các hội đoàn công giáo phát triển mạnh và rất năng động. Nhiều tổ chức hội đoàn công giáo mới được thành lập theo giới tính, lứa tuổi, hoặc theo mục đích hoạt động để thu hút và tập hợp tín đồ, như Hội gia trưởng, Ca đoàn, Thiếu nhi thánh thể, Mân Côi, Hội hiến mẫu, Chữ thập đỏ, Tình thương, v.v.. Theo thống kê chưa đầy đủ ở trên 50 tỉnh, thành phố trong toàn quốc, hiện có khoảng 158 loại hội đoàn với 13.481 tổ chức hội, trong đó loại hội đoàn có số người tham gia đông nhất là hội tập hợp theo giới tính, lứa tuổi và hội phục vụ lễ nghi tôn giáo. Những tỉnh có số hội đoàn đông nhất là Nam Định: 4.069 hội, Thái Bình: 1.180 hội, Ninh Bình: 871 hội, Cần Thơ: 713 hội, Đồng Nai: 703 hội, v.v.. Các tổ chức hội đoàn của Giáo hội cơ sở luôn chú trọng quan tâm sát

sao đến lợi ích của từng hội viên; đồng thời, thường xuyên đổi mới nội dung và các hình thức sinh hoạt tôn giáo để phù hợp với sự thay đổi của đời sống xã hội. Do đó, hội viên tham gia với số lượng ngày càng đông. Thống kê cho thấy, nhiều nơi có từ 80% đến 90% tín đồ trong độ tuổi đoàn viên tham gia các hội đoàn công giáo; có nơi hoạt động đoàn thể, hoạt động văn hóa - văn nghệ của địa phương phải dựa vào nhà thờ. Hoạt động của các hội đoàn công giáo đã và đang có tác động mạnh mẽ, thường xuyên, nhiều mặt trong việc hình thành thế giới quan của thanh, thiếu niên ở nông thôn vùng giáo. Trong điều kiện đó, công tác xây dựng đảng gặp rất nhiều khó khăn; nhất là, trong việc trang bị thế giới quan cộng sản cho số thanh, thiếu niên. Từ tình hình nêu trên, để làm tốt công tác xây dựng đảng ở vùng có đông tín đồ công giáo hiện nay, theo chúng tôi cần phải thực hiện tốt các giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, củng cố, kiện toàn các đảng bộ, chi bộ nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở các xã có đông đồng bào công giáo; thực hiện nghiêm túc chế độ phê bình và tự phê bình; phát hiện, đấu tranh và xử lý nghiêm khắc, triệt để với những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng nhằm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng giáo thật sự trong sạch, vững mạnh.

Hai là, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong đảng viên và quần chúng; đặc biệt, coi trọng giáo dục lý tưởng cộng sản, truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc, truyền thống *kính chúa - yêu nước* của đồng bào công giáo; chú ý khai thác các giá trị nhân văn, đạo đức tiến bộ trong giáo lý để vận động, thu hút, tập hợp quần chúng tín đồ tham gia các phong trào thi

dua yêu nước. Bên cạnh đó, cần nâng cao cảnh giác cách mạng cho quần chúng tín đồ trước những âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, kết nạp lực lượng hội viên, đoàn viên tích cực, cốt cán cách mạng trong vùng đồng bào công giáo. Đặc biệt, các đảng bộ địa phương cần chủ động liên hệ với các đơn vị quân đội từ khi nhận thanh niên là người theo đạo công giáo đi làm nghĩa vụ quân sự để bồi dưỡng, kết nạp đảng khi đang tham gia quân đội. Chính lực lượng trẻ này, khi hết nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, họ sẽ từng bước được bồi dưỡng trở thành "hạt nhân", nòng cốt trong các chi bộ đảng, trong các tổ chức quần chúng ở vùng công giáo.

Thứ tư, củng cố các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở vùng giáo; đầu tư cơ sở vật chất, thành lập các điểm văn hóa, câu lạc bộ; tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao ở cơ sở... nhằm thu hút quần chúng tín đồ tham gia sinh hoạt. Từ những phong trào này, chọn lựa những quần chúng tín đồ tích cực, tiên tiến để bồi dưỡng, kết nạp đảng.

Thứ năm, củng cố, phát triển đảng viên gốc giáo; chú ý việc bố trí cán bộ, đảng viên là người công giáo tham gia công tác trong tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, tạo điều kiện cho số đảng viên này gắn bó với nhiệm vụ, tham gia nhiệt tình với phong trào. Đối với những xã có đông đồng bào công giáo, nhất thiết phải có cán bộ chủ chốt là người có đạo tham gia; cố gắng không để một thôn, xóm, bản làng nào không có đảng viên và coi đây là biện pháp hữu hiệu để tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị ở cơ sở. □



Bức xúc

NGUYỄN MINH TIẾN

MỘT buổi sáng đầu xuân, bầu trời lát phát mưa bay. Có tiếng chuông liên hồi, tôi vội ra mở cửa. Thấy ông H (người bạn hàng xóm, nguyên là cán bộ cao cấp về hưu) tôi chẳng ngạc nhiên chút nào, bởi vì chuyện này vẫn thường xảy ra. Mỗi lần có điều gì buồn, vui, tâm đắc, bức xúc ông lại chạy sang tôi để dốc bầu tâm sự. Thú thật, lúc đầu tôi cũng cảm thấy mình bị quấy rầy, nhưng sau quen dần và đến bây giờ, nếu lâu lâu không thấy ông sang chơi tôi lại nhớ.

Mời khách vào nhà tôi hỏi luôn: "Lại có chuyện gì phải không?". Ông H: "Có điều này, mình muốn chia sẻ với ông". Thế rồi, bên ấm trà Thái Nguyên tỏa hương thơm phức, ông H tâm sự: Lâu nay, trong các bài nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, khi nói về cách thức giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, ai cũng dẫn câu nói bất hủ của Bác: "Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê

bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Như vậy, tư tưởng chủ đạo của Bác về cách thức giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng ai cũng thấy và đã rõ như ban ngày, trong đó bao gồm ba yếu tố, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Đó là:

Thứ nhất, trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi. Đây là tiền đề rất quan trọng bảo đảm cho sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Nếu trong Đảng còn có những biểu hiện thiếu dân chủ; cán bộ lãnh đạo quan liêu, hống hách, độc đoán, chuyên quyền; cấp trên không lắng nghe ý kiến của cấp dưới, cấp dưới không dám đấu tranh, phê bình cấp trên thì không thể nào có được sự đoàn kết, thống nhất.

Thứ hai, phải thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Song tự phê bình và phê bình chỉ có ý nghĩa và mang lại hiệu quả

cao khi nó được tiến hành với động cơ trong sáng. Khi động cơ trong sáng thì nội dung tự phê bình và phê bình sẽ rất phong phú; phương pháp tự phê bình và phê bình sẽ mang tính khoa học; thái độ tự phê bình và phê bình sẽ nghiêm túc, đúng đắn; cách thức tự phê bình và phê bình sẽ phù hợp...

Thứ ba, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Đây là đoạn theo tôi được biết là Bác bổ sung sau khi đọc lại bản Di chúc, nhưng rất quan trọng. Bởi vì thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là rất cần thiết. Song những điều đó sẽ mang tính hình thức, thậm chí chỉ là "bánh vẽ", khi thiếu tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Nói cách khác: không có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau thì trong Đảng không thể thực hành dân chủ rộng rãi, cũng không thể thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình được...

Tôi có cảm giác như ông H đang lên lớp giảng bài cho các học viên chứ không phải là tâm sự, đàm đạo với người bạn già hưu trí. Tôi thông cảm và đoán rằng ông đang có điều gì bức xúc. Bởi vì, chỉ ngừng một lát để thưởng thức chén

trà nóng tôi mới rót thêm, ông H lại tiếp tục "mở máy". Ông bảo: Nhận thức đúng và đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh đã là một việc khó. Nhưng làm cho thật đúng, thật đầy đủ theo tư tưởng chỉ đạo của Bác lại càng khó hơn. Điều rất nguy hại là hiện nay có một số cán bộ luôn nói về đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng trong thực tế thì họ lại làm trái ngược hẳn. Chẳng hạn ở cơ quan X, vị thủ trưởng luôn luôn kêu gọi cán bộ, công nhân viên phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; phải biết mình có những quyền gì về

dân chủ để đấu tranh đòi lại khi nó bị vi phạm; phải nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình (chú ý tự phê bình từ trên xuống và phê bình từ dưới lên); đặc biệt phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau... Có như vậy thì cơ quan mới giữ gìn được sự đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho chúng ta.

Tướng thủ trưởng thật lòng, nên có anh trong cơ quan tại cuộc họp tổng kết cuối năm 2005 đã mạnh dạn góp ý về một số sai lầm, thiếu sót của thủ trưởng. Thế là tai họa liền ập đến. Anh này liền bị quy kết là "có ý đồ tập hợp

những phần tử xấu để đả kích lãnh đạo, gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ". Và, đương nhiên anh ta bị chính thủ trưởng ký quyết định điều chuyển xuống làm một việc khác không cần bàn bạc trong tập thể lãnh đạo và đảng ủy cơ quan.

Nói đến đây ông H kết luận: "Muốn học tập tốt tư tưởng Hồ Chí Minh phải có tấm lòng trong sáng, nếu "khẩu Phật, tâm xà" thì cho dù có tụng kinh, gõ mõ suốt cả ngày, cả tháng, cả năm cũng chẳng biết được Phật Tổ Tây Thiên ở nơi nào".

Chắc là ông H vẫn còn đang bức xúc.□

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG...

(Tiếp theo trang 71)

biên giới. Có thể nói, Bộ đội Biên phòng đã vận dụng xây dựng chương trình kết hợp quân dân y, phát huy tính năng động sáng tạo, khơi dậy tiềm năng sẵn có, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cộng đồng phục vụ cho chiến lược xây dựng con người và bảo vệ Tổ quốc, đã đạt được những thành tích quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, bộ đội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, góp phần tô thắm thêm hình ảnh "anh bộ đội Cụ Hồ", "người thầy thuốc quân hàm xanh" trong lòng người dân biên giới. Từ việc kết hợp quân dân y để chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân biên giới chúng tôi đã có được những bài học quý giá là:

- Các cấp ủy và chỉ huy đơn vị, địa phương phải luôn luôn đề cao vai trò trách nhiệm trong công tác kết hợp quân dân y; có sự

chỉ đạo, quan tâm sâu sát thì sẽ đem lại hiệu quả to lớn.

- Cán bộ quân y nhạy bén, chủ động làm tham mưu cho cấp ủy và chỉ huy đơn vị sẽ tìm được nhiều biện pháp hay, sáng tạo và duy trì tổ chức tốt các hình thức, mô hình kết hợp quân dân y.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quân y có đức, có tài, đặc biệt có thái độ nhiệt tình tốt để họ đảm đương nhiệm vụ nặng nhọc, khó khăn ở biên giới, hải đảo.

- Động viên cán bộ, chiến sỹ quân y nơi biên giới, hải đảo một cách kịp thời; có nhiều biện pháp có thể giúp cán bộ, chiến sỹ ở nơi biên cương yên tâm phấn khởi hoàn thành nhiệm vụ.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, nhất là ngành y tế ở địa phương nơi có Bộ đội Biên phòng để tăng thêm tiềm lực về mọi mặt, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân vùng biên có sức khỏe tốt giữ yên biên giới.□



CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA MỸ VÀ TÌNH HÌNH TRUNG ĐÔNG

NGÔ MẠNH LÂN *

TRONG những tổng thống Mỹ, chưa có người nào ra ứng cử nhiệm kỳ lần thứ hai lại bị đại đa số các nước và dư luận thế giới phê phán, chống đối nhiều như Tổng thống G.Bu-sơ. Nhưng ông lại thắng cử áp đảo và nắm trong tay đa số các cơ quan quyền lực ở cấp liên bang cũng như ở cấp các tiểu bang. Nghịch lý này bước đầu thể hiện sự bất lực của Mỹ trong quá trình thực thi chiến lược và các chính sách bá quyền toàn cầu của mình. Đồng thời chúng minh nguy cơ khủng bố sẽ có tác động mạnh mẽ và lâu dài vào các thành phần xã hội và dư luận Mỹ. Cái “đòn bẩy” Tổng thống Bu-sơ khai thác từ sự kiện khủng bố 11-9-2001, không còn hiệu nghiệm như trước, đặc biệt là từ ba năm qua. Những cuộc điều tra phanh phui các thiếu sót, lạm quyền, kém nghiệp vụ của các cơ quan tình báo cho thấy vì sao các cơ quan này đã bất lực trong việc dự báo và ngăn chặn các ý đồ và âm mưu khủng bố của mạng lưới An Kê-đa, mặc dù họ có trong tay nhiều thông tin đáng tin cậy từ nhiều phía trong và ngoài nước. Sự thất bại của các cơ quan tình báo Mỹ có nhiều nguyên nhân, *một là*, việc nghiên cứu phát hiện “kẻ thù chiến lược” còn chưa rõ, không xác định được kẻ thù nào là chính. Mặc dù các lý luận, các khái niệm chống Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản đã có định nghĩa, định hướng từ trước vào giữa những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, các chiến dịch có nội dung dân chủ, tự do đã được tô vẽ đầy đủ và được đưa ra thử thách trên mặt trận tư tưởng và ý thức hệ. Nhưng đối tượng Hồi giáo mà Mỹ đã từng sử dụng để chống Liên Xô ở Á-p-ga-ni-xtan lại

là một hệ thống tôn giáo cùng với nền văn minh, văn hóa A-rập và lịch sử chính trị khu vực A-rập và Péc-xích rất xa lạ đối với khả năng hiểu biết, thông cảm của các nhà cầm quyền Mỹ, do đó Mỹ không tránh được sai lầm trong việc đánh giá “kẻ thù”... Khi phe Hồi giáo dưới sự lãnh đạo của Bin La-đen xuất đầu lộ diện là kẻ thù không đội trời chung của Mỹ, các nhà chiến lược Mỹ còn lạc quan với thành tích đánh đổ được các nước trong phe Liên Xô, đẩy được Xát-đam Hu-xê-in vào bẫy của Mỹ xâm chiếm Cô-oét, lấy cơ I-rắc xâm lược và mở đường cho Tổng thống Bu-sơ (cha) lôi kéo một số nước trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc tiến hành chiến tranh vịnh Péc-xích. Thời kỳ những năm 90 của thế kỷ XX là thời kỳ ảnh hưởng của các nhà chiến lược “tân bảo thủ” lan rộng và tác động mạnh vào các giới chính trị của Đảng Cộng hòa (GOP), thực hiện kế hoạch chiến lược bố trí lại quyền lực tại các khu vực xung yếu, trước hết trong khu vực Trung Cận Đông, và lấy I-rắc làm điểm xuất phát. Sự kiện khủng bố ngày 11-9-2001 là thời cơ “có một không hai” để Tổng thống Mỹ khai trương chiến dịch thôn tính I-rắc và bước đầu triển khai chiến lược “chống khủng bố” và xác định kẻ thù chính của Mỹ: mạng lưới khủng bố Bin La-đen và vài nước mà Mỹ liệt vào là “chống dân chủ và tự do”, “chống các giá trị tinh thần và đạo lý” của nền tảng chế độ Mỹ, thậm chí còn nắm trong tay vũ khí giết người hàng loạt, hoặc còn có khả năng chế tạo những vũ khí đó và cả vũ khí hạt nhân.

* GS, TS Kinh tế học, Việt kiều tại Pháp

Lập luận đối ngoại của Mỹ là ai không tham gia chống "khủng bố quốc tế" sẽ bị liệt vào hàng ngũ các kẻ thù của Mỹ và bị loại khỏi "cộng đồng quốc tế", kéo theo các biện pháp khống chế và trừng phạt đích đáng. Hai là, mâu thuẫn giữa các cơ quan tình báo âm i, cạnh tranh nhau về thành tích, không phối hợp được với nhau, buộc Tổng thống Mỹ phải thiết lập một cơ quan Tình báo quốc gia (*National Intelligence*) bao trùm toàn bộ 15 cơ quan tình báo của nước Mỹ, có quyền hành tối cao về chiến lược hành động, có quyền quản lý và phân phối ngân sách tình báo khổng lồ. Nhà ngoại giao hàng đầu của Mỹ, Giôn Đì-mi-tri Nê-grô-pôn, được bổ nhiệm đứng đầu cơ quan Tình báo quốc gia để kiểm soát, thanh lọc và điều hành các cơ quan tình báo. Điều này có nghĩa là chính quyền Mỹ rút kinh nghiệm từ những lần sóng chống đối quyết liệt của các lực lượng kháng chiến, chống xâm lược mà Mỹ vấp phải và hầu như không khắc phục nổi, buộc phải đưa *những ý đồ và tính toán chính trị, kể cả đối ngoại, lên vị trí trọng tâm* trong hành động. Tổng thống Mỹ chủ trương vừa tìm diệt các tổ chức và lực lượng du kích Hồi giáo, chủ yếu thuộc cánh đạo Xăn-ni, vừa tìm cách đối thoại và tranh thủ các tổ chức và lực lượng này tham gia chính quyền mà Mỹ đang xây dựng qua các cuộc tuyển cử dưới chiêu bài Liên hợp quốc. Ba là, sự ra đời và hoạt động từ những năm 90 của thế kỷ XX của một tập đoàn nghiên cứu chiến lược được gọi là tập đoàn "tân bảo thủ" chủ trương "cách mạng dân chủ thế giới" để thay đổi tận gốc hay lật đổ các nhà nước và chính phủ không chịu hội nhập chiến lược toàn cầu của Mỹ về các mặt chính trị và kinh tế. Tập đoàn này chủ trương tiến hành các kế hoạch biến khu vực Trung Cận Đông thành khu vực "Đại Trung Đông", làm bàn đạp triển khai chiến lược bá quyền toàn cầu sang các khu vực chiến lược khác: khu vực xuyên Cáp-ca-dơ mà Gru-di-a và A-déc-bai-dan là hai địa điểm quan trọng nhất, khu vực Trung Á thuộc Liên Xô trước kia, và khu vực Đông Bắc Á bao gồm chủ yếu Trung Quốc, nước có *tiềm năng trở thành đối thủ chính của Mỹ*. Bốn là, các chủ trương nghiên cứu và hoạt động của các cơ quan tình báo phải sắp đặt lại mà nhiệm vụ chính là tổ chức và hỗ trợ đắc lực mặt trận "dân chủ", để phát động và tiến hành

các cuộc "cách mạng dân chủ" như đã thành công ở Gru-di-a, U-crai-na, Cu-rơ-gư-xtan. Các cơ quan tình báo này còn có nhiệm vụ vận động cho cái gọi là "sự đồng thuận Oa-sinh-ton" để từng bước lay chuyển các chế độ không ăn khớp với các quyền lợi mà Mỹ cho là cơ bản và thiết thân, thậm chí đòi hỏi các nước phải tiến đến xây dựng một nền kinh tế thị trường và thiết lập một chế độ và xã hội "tự do và dân chủ" theo quan niệm của Mỹ và các cường quốc phương Tây. Trong số các thủ đoạn thâm độc nhất mà các cơ quan tình báo sử dụng là khai thác các khuyết tật kinh tế - xã hội, sự bất mãn của các thành phần quần chúng, cùng với những sự trì trệ trong việc xúc tiến các chính sách mà Mỹ cho là phù hợp các tiêu chuẩn của nền kinh tế, xã hội, chế độ "tự do dân chủ", là lên án bất kể ai phê phán hay chống lại các chủ trương "tự do hóa", "tư nhân hóa", "thị trường hóa", "hội nhập hóa", v.v.. đều là các phần tử bị liệt vào hàng các kẻ "phản động", "phản cách mạng" "phản dân chủ". Các chiến dịch tuyên truyền rêu rao tính "ưu việt" của kinh tế thị trường và kinh tế toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa đều nhằm mục đích áp đảo, lay chuyển, phân hóa chính quyền các nước còn chống lại hay còn kháng cự chiến lược bá quyền của Mỹ và chiến lược chống chủ nghĩa cộng sản nói chung, chống khủng bố Hồi giáo nói riêng của đế quốc Mỹ và phương Tây. Bước vào nhiệm kỳ 2, song song với việc chỉnh đốn các cơ quan tình báo, Tổng thống Mỹ đã thay đổi nhân sự ngay trong chính quyền, mà điểm nổi bật là đưa tiến sĩ C.Rai-xơ từ cương vị Cố vấn An ninh quốc gia sang cương vị Bộ trưởng Ngoại giao, *nhằm đặt ngoại giao vào vị trí trọng tâm* để hoạch định những bước tiến quân sự, xoa dịu mâu thuẫn giữa Mỹ và các đồng minh đáng kể nhất trong khu vực châu Âu, vừa liên minh vừa ngăn chặn tham vọng và mục tiêu lâu dài của Nga và Trung Quốc, tránh những hành động áp đặt đơn phương, ngang tàng và lộ liễu của một siêu cường không đếm xỉa đến quyền lợi các cường quốc khác. Đối với các phong trào đấu tranh Hồi giáo, Mỹ xúc tiến phân hóa các lực lượng này, tích cực khuyến khích, hỗ trợ các cánh đạo Hồi giáo "dung hòa", không "cực đoan", như chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện "tốt đẹp" từ bao năm nay, và như Mỹ đã lôi kéo được cánh

đạo của Giáo chủ Xi-ai An Xi-xtan-ni tích cực tham gia xây dựng chính quyền mới ở I-rắc. Phương án hành động mới của Mỹ là tranh thủ các cánh đạo ấy trở thành các đối tượng đối thoại, cộng tác với Mỹ để kiến thiết một "Đại Trung Cận Đông có quan hệ mật thiết" với Mỹ, nếu không phải là "máu mủ" như quan hệ giữa Mỹ với I-xra-en. Điều này chứng tỏ kế hoạch "chống khủng bố" của Mỹ đang ở tình trạng "bán thân bất toại", do đó Mỹ cần phải điều chỉnh lại chiến lược của mình.

Tóm lại, chiến lược toàn cầu của Mỹ về thực chất không thay đổi, không chuyển hướng, song phương châm và phương thức hành động, tác chiến có phần thay đổi đáng kể. Sự chi phối của tập đoàn nghiên cứu "tân bảo thủ" trong các vị trí xung yếu của chính quyền vẫn rất mạnh và phần nào đã thâm nhập sâu rộng vào các cơ quan thông tin và dư luận xã hội. Chính vì Mỹ không giành được toàn thắng và ngày càng lúng túng trước sự bất lực của quân đội Mỹ và quân I-rắc đối với những đòn đánh cảm tử của các tổ chức du kích, cho nên Mỹ phải quay sang tranh thủ nhân tâm, sử dụng quyền lực mềm, và đi các bước ngoại giao, đối thoại, thương lượng, mua chuộc, đồng thời tiếp tục tăng cường các chiến dịch quân sự triệt hạ có chọn lọc. Vai trò của các nhà ngoại giao Mỹ là phải vận động cho việc triển khai các điều kiện để khi thời cơ đến sẽ tiếp tay phát động các cuộc "cách mạng dân chủ", như nhà lãnh đạo "tân bảo thủ" Ri-sác Pơ tuyên bố vào tháng 4-2005, tại Viện nghiên cứu chiến lược *American Enterprise*: "Các nhà ngoại giao thường không quen thuộc với việc ủng hộ các cuộc cách mạng, song chúng ta phải làm cho họ chấp nhận việc này là một bộ phận khăng khít trong các công việc của họ. Nhiệm kỳ 2 của Tổng thống Bu-sơ cũng là nhiệm kỳ các nhà lãnh đạo tập đoàn "tân bảo thủ" như Đích Chen-ni (Phó tổng thống Mỹ), Ri-sác Pơ (nguyên Cố vấn Tổng thống và của Lầu Năm góc), Đa-vít Phrăm (bút nhân của Tổng thống Bu-sơ), Giêm U-xli (nguyên Giám đốc CIA), Gioóc-giơ Sun (nguyên Bộ trưởng Ngoại giao, được bà C. Rai-xơ coi là bậc thầy của mình), Pôn Uôn-phô-uyt (nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nay là Chủ tịch Ngân hàng thế giới), Uy-li-am Cri-xtôn (nhà lý luận "tân bảo thủ", giám

đốc dự án "Vi thế kỷ mới của Mỹ"), Rô-bốt Ka-gan (nhà chiến lược, giáo sư ĐH), Phi-líp Dê-li-cốp (GS Đại học Xten-phôt, chuyên gia chính trị), Noóc-man Pốt-hô-dét (nguyên Tổng biên tập Tạp chí *Commentary* là tạp chí nghiên cứu chính trị của tập đoàn "tân bảo thủ" và là người tuyên bố "chiến tranh thế giới thứ tư" (sau chiến tranh lạnh) đã bùng nổ) v.v., đều được phân công phù hợp với chiến lược mới có mục tiêu chọn lọc trong các chức vụ mới. Nhiệm vụ mới và cơ bản là phải làm sao triển khai và bành trướng chủ nghĩa tư bản với các giá trị tinh thần, đạo lý của nó, mà sự bành trướng này không có hình thức một cuộc viễn chinh thế giới "chữ thập" như thời phong kiến xưa, khi Thiên chúa giáo mở chiến dịch quân sự đi chinh phục các dân tộc dị giáo. Sự bành trướng có nghĩa là phải tìm được giải đáp thỏa đáng cho các phương án "có mục tiêu chọn lọc, chính xác và có hạn định" được tiến hành hiệu nghiệm trong các khu vực mà ở đó, sứ mệnh kích động các phong trào đòi "tự do dân chủ", hoặc khuyến khích các tiến bộ về "tự do dân chủ" được coi là quyết sách bảo vệ các quyền lợi thiết thân của Mỹ, cứu nguy và "bảo tồn nền văn minh châu Âu". Đó cũng là nội dung cơ bản của chủ nghĩa đế quốc mới nhằm áp đặt các chế độ chính trị, kinh tế ăn khớp với các quyền lợi cơ bản của các cường quốc tư bản phương Tây, trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đang trải qua cuộc khủng hoảng lâu dài có tính hệ thống và một quá trình toàn cầu hóa mới, song song với những bước nhảy vọt cực kỳ lớn trong các ngành khoa học - kỹ thuật ⁽¹⁾.

Trên cơ sở cả chiến lược cũ (nhiệm kỳ 1) và mới (nhiệm kỳ 2), Mỹ đã và đang thực hiện đến mức độ nào các khâu chiến lược là câu hỏi mấu chốt cần đặt ra để có nhận định chính xác trong khu vực Trung Đông, khu vực quan tâm hàng đầu hiện nay của Mỹ. Trước hết, cả hai nước Áp-ga-ni-xtan và I-rắc không đạt được tình hình ổn định như Mỹ mong muốn, tình hình lại có phần rối ren và bất ổn định hơn trước với nguy cơ trước mắt là có thể xảy ra nội chiến giữa hai cánh Hồi giáo Xi-ai và Xan-ni nằm ngoài tầm kiểm soát của Mỹ

(1) Xem: Michel Beau: *Lịch sử chủ nghĩa tư bản – từ 1500 đến năm 2000*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002

và chính quyền bù nhìn mà Mỹ đã dày công dựng lên... Các lực lượng du kích vẫn tiếp tục tấn công các vị trí quân sự và các lực lượng thiện chiến Mỹ. Dư luận Mỹ ngày càng nghi ngờ việc chiến lược chống khủng bố của Bu-sơ sẽ đạt được kết quả khả quan, thậm chí một chuyên viên chống khủng bố, nguyên cố vấn của nguyên Tổng thống Bin Clin-تون và Tổng thống Bu-sơ cha tại Nhà trắng, Rô-bốt W.Crét-xi, đã phải công khai lên tiếng như sau: "Chúng ta phải có một cuộc tranh luận thành thật về những hậu quả không thể lường trước mà chiến tranh ở I-rắc mang đến cho chúng ta, và chúng ta phải làm những gì để khắc phục được chúng", còn Đại tướng Ri-sác Mai-ơ, Tổng tham mưu trưởng các quân lực Mỹ thuyết trình tại Câu lạc bộ các nhà báo về tình hình I-rắc, (7-2005), thì cho rằng "phải có thêm ngoại giao, có thêm kinh tế, có thêm chính trị, chứ không phải có thêm quân sự mà sẽ tìm được giải pháp giải quyết vấn đề của chúng ta tại I-rắc". Mạng lưới khủng bố của tổ chức An Kê-đa vẫn tiếp tục bành trướng trong khi các lực lượng đặc công Mỹ vẫn không bắt được hoặc giết nổi hai nhà lãnh đạo tổ chức An Kê-đa, Bin La-đen và bác sĩ An Da-oa-hi-ri, hiện đang trú ẩn ở đâu. Thực tế cho thấy Bin La-đen và bộ hạ vẫn tiếp tục được quần chúng địa phương che chở và bảo vệ. Các lực lượng Hồi giáo ở khắp các nước trong khu vực đều phát triển mạnh và có phần chuyển hướng tích cực tham gia chính trường trong các cuộc tổng tuyển cử "dân chủ" là giai đoạn kết thúc của "cách mạng dân chủ" của các nhà lý luận "tân bảo thủ". Sự kiện điển hình chứng minh cho sức mạnh của các lực lượng Hồi giáo trong quần chúng nhân dân là các cuộc tuyển cử vừa qua hay sắp tới tại Li-băng (lực lượng *Héc-bô-la* thân cận với I-ran), Pa-le-xtin (lực lượng *Ha-mát*) và Ai cập (lực lượng *Muslim Brothers* (các chiến hữu Hồi giáo) bành trướng ở Ai-cập và ở khắp các khu vực Bắc Phi và Trung Đông) đều cho thấy các lực lượng này đã có nhiều khả năng sẽ thắng to. Nhìn trước mắt và lâu dài, lực lượng so sánh là bất lợi cho phương án xây dựng "Đại Trung Cận Đông" của Tổng thống Bu-sơ và các cố vấn "tân bảo thủ". Phương án rút dần quân ra khỏi I-rắc và thay thế chúng bằng quân bản xứ đã được Mỹ rèn luyện ngày càng khó thực hiện, thậm chí các

tướng lĩnh Mỹ cũng không nhất trí với nhau về mức độ và nhịp độ rút quân. Trung tướng Giôn R. Vin-ơ, tư lệnh quân đoàn tác chiến Mỹ tại I-rắc, gần đây đã tỏ ra rất lo ngại về nghiệp vụ và tinh thần của 220.000 quân lính, sĩ quan an ninh, cảnh sát người bản xứ mà Mỹ, Pháp, Anh đã đào tạo, và ông ta còn tính đến khả năng lực lượng "quốc gia" này trở thành lính đánh thuê cho các phe phái Hồi giáo, trong trường hợp một cuộc nội chiến bùng nổ xen kẽ chiến tranh du kích chống Mỹ. Mỹ ước lượng phải tăng gấp hơn 2 lần tổng số quân Mỹ đang chiếm đóng I-rắc, đây là điều kiện Mỹ không thể đáp ứng nổi do khả năng hạn chế tuyển mộ thêm quân, và nhất là do áp lực dư luận đòi rút quân ngày càng tăng mạnh. Tình hình khu vực càng rối ren thêm khi Mỹ còn phải đối phó với Xi-ri và I-ran mà Bu-sơ trong bài diễn văn tháng 10-2005 gọi là "hai đồng minh cơ hội của Hồi giáo cực đoan với một lịch sử lâu dài cộng tác với bè lũ khủng bố". Diễn biến ở hai nước trên tác động trực tiếp đến sự ổn định tại Á-p-ga-ni-xtan và I-rắc để duy trì một chính quyền mà Mỹ đang cố gắng tạo ra và củng cố. Là nước láng giềng của Á-p-ga-ni-xtan và I-rắc, I-ran có khả năng và thực lực thao túng, nếu không phải là phá hoại các kế hoạch có tính chiến lược của Mỹ tại I-rắc và trong khu vực. Vì vậy, mục tiêu ưu tiên trong toàn bộ kế hoạch tác chiến chính trị, ngoại giao, quân sự, tình báo của Mỹ là khẩn trương tiến hành "cách mạng dân chủ" nhằm đánh đổ chính quyền Hồi giáo "cực đoan" ở I-ran. Trước tình hình diễn biến như thế, "lộ trình" xây dựng Nhà nước Pa-le-xtin chung sống bên cạnh Nhà nước I-xra-en mà Tổng thống Bu-sơ và Thủ tướng I-xra-en, A-ri-en Sa-rôn, đã thỏa thuận, sẽ vấp phải những trở ngại rất khó vượt qua. Bởi vì, một mặt, sự chống đối kịch liệt của các phe phái, đảng Li-cút hữu khuynh và cực hữu; mặt khác, tham vọng và ý đồ chiến lược sâu xa của các đảng Do Thái quan trọng nhất vẫn là không trả lại đất đai đã chiếm đoạt của dân tộc Pa-le-xtin sau các chiến cuộc năm 1948, 1967 và 1973. Thâm ý của A-ri-en Sa-rôn là xây dựng nước Đại I-xra-en và đẩy lùi dân tộc Pa-le-xtin về phía Đông, biến Gioóc-đa-ni thành đất cư trú của dân tộc Pa-le-xtin, xóa đi vấn đề hàng triệu dân Pa-le-xtin tị nạn tại các nước A-rập và Li-băng từ

hàng chục năm nay. Sức mạnh chống đối chính trị và vũ trang của tổ chức Ha-mát ngay từ đầu đã bác bỏ lộ trình Bu-sơ – Sa-rôn để giải quyết vấn đề Pa-le-xtin, và ngay Tổng thống Bu-sơ và các cố vấn “tân bảo thủ” của ông cũng nhận định là khó thực hiện “lộ trình hòa bình” Pa-le-xtin, trong khi các nước Ả rập khác trong khu vực còn chưa hội nhập quỹ đạo chiến lược “Đại Trung Cận Đông” mà Mỹ đang từng bước tiến hành.

Trước những khó khăn đầy rẫy trong nước và ngoài nước, uy tín của Tổng thống Bu-sơ bị giảm sút, nội bộ chính quyền Mỹ vẫn chưa đạt được sự đồng thuận giữa hai phái “hiếu chiến” và “thực tế” mà chỉ nhất trí với nhau trên phương châm: “to tiếng hơn và dùng gây nhỏ hơn”, *tức là thêm chính trị, bớt quân sự*. Vì vậy, trong khu vực châu Âu, chính quyền Mỹ cần hàn gắn tổn hại trong quan hệ “xuyên đại Tây Dương” sau chiến tranh I-rắc, do đó Tổng thống Mỹ, tháng 2-2005, dành chuyến công du đầu tiên của nhiệm kỳ 2 tới các nước châu Âu. Ông giành được một số kết quả là thuyết phục được các nước châu Âu trong khối NATO mở rộng vai trò, chức năng và địa bàn can thiệp của tổ chức liên minh quân sự này, giao cho nó nhiệm vụ tác chiến bảo vệ, xây dựng và đào tạo trong giai đoạn “tái kiến thiết” ở Áp-ga-ni-xtan và I-rắc. Bu-sơ đã thuyết phục và lôi kéo được Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục ủng hộ và củng cố chính quyền “dân chủ” từ “cách mạng màu da cam” ở U-crai-na. Ý đồ của chính quyền Bu-sơ là đưa U-crai-na và Thổ Nhĩ Kỳ vào làm thành viên của EU, tách U-crai-na khỏi khu vực ảnh hưởng chính trị và kinh tế của nước Nga, xây dựng ảnh hưởng và ưu thế của Mỹ trong Liên minh châu Âu, lấy hai nước trên cộng với Ba Lan và những nước Đông Âu thân Mỹ khác làm địa bàn (và cả căn cứ tình báo và quân sự) để bảo vệ và triển khai các chủ trương và chính sách của Mỹ. Mâu thuẫn giữa Mỹ và hai nước trụ cột Pháp và Đức trong EU vẫn tồn tại và còn gay gắt về chiến lược, nhất là ở khu vực Trung Đông, dù Pháp và Đức trước sau như một vẫn không tán thành việc Mỹ xâm lược I-rắc. Nhưng hai nước này đã phần nào nhượng bộ, đồng ý giúp đỡ Mỹ và chính phủ I-rắc do Mỹ nặn ra để ổn định và tái kiến thiết I-rắc và Áp-ga-ni-xtan. Tuy nhiên, về việc phải đối phó thế nào với I-ran, Mỹ và Liên minh

châu Âu vẫn còn chủ trương khác nhau. Quan hệ giữa Mỹ với Nga cũng không được êm dịu và có phần căng thẳng hơn trước nhiều, từ khi Tổng thống Pu-tin tái thắng cử và tiếp tục loại khỏi chính trường các phần tử thân Mỹ và các tập đoàn độc quyền kinh tế có quyền lợi gắn bó chặt chẽ với các công ty xuyên quốc gia Mỹ. Tổng thống Pu-tin đang cố gắng gây dựng lại uy quyền của Liên bang Xô- viết trước kia, bố trí lại kết cấu quyền lực và Nhà nước trên hướng tập trung hóa chính quyền và quyền lực Nhà nước trung ương và mở rộng lĩnh vực chủ nghĩa tư bản nhà nước, vận dụng tài nguyên năng lượng dầu hỏa và dầu khí cùng vị thế địa chính trị của Nga, nhằm đối thoại, liên minh, tranh giành ảnh hưởng với Mỹ trên thế “vừa anh em vừa đối thủ” cần đến nhau, duy trì, cứu vớt ảnh hưởng của Nga ở châu Âu và Trung Á, không để Mỹ loại Nga ra khỏi quá trình thiết lập an ninh, chính trị và kinh tế trong khu vực ảnh hưởng truyền thống của Nga và các khu vực khác. Làm sao hạn chế, nếu không phải đánh bại được tham vọng và ý đồ của Tổng thống Pu-tin là vấn đề khó khăn mà Mỹ khó tìm được giải pháp thích nghi, trong lúc sự ủng hộ và hỗ trợ của Nga không thể thiếu để thực hiện chiến lược “chống khủng bố” toàn cầu Mỹ; để ngăn chặn I-ran chế tạo vũ khí hạt nhân nguyên tử; để khống chế và tìm cách thông qua Hội đồng Bảo an áp đảo chính quyền hiện hành tại Xi-rí mà Mỹ gọi là “căn cứ địa của các tổ chức khủng bố”, tiến đến lật đổ nó, cô lập thêm I-ran. Việc làm này không phải là đơn giản do những quan hệ gắn bó về mặt kinh tế giữa I-ran, Pa-ki-xtan, Ấn Độ và Trung Quốc về việc thiết lập đường ống cung cấp khí đốt dồi dào của I-ran mà nhất là Trung Quốc đang rất cần đến, dù Ấn Độ đã rút lui khỏi dự án này, thêm vào vị trí xung yếu về địa chính trị và kinh tế của I-ran trong khu vực Trung Đông, Trung Á (đối với Mỹ và Nga) và Nam Á.

Tóm lại, chiến lược toàn cầu của Mỹ nói chung, với Trung Đông nói riêng dù vừa được uốn nắn lại với từ ngữ “ngoại giao biến đổi mới” mà bà Bộ trưởng C. Rai-xơ trình bày ngày 18-1-2006 vừa qua tại Trường đại học Gioóc-giơ-tao nhưng đang đứng trước những khó khăn chống chọi và không dễ vượt qua. □

Huyện Sơn Tịnh

Bí thư: **BẠCH THANH ĐIỂM**

Địa chỉ: thị trấn Sơn Tịnh - huyện Sơn Tịnh - tỉnh Quảng Ngãi



Chúc
Mừng
Năm
Mới

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XV NHIỆM KỲ 2001 - 2005, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH ĐÃ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, PHẦN ĐỀU ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU KẾT QUẢ QUAN TRỌNG TRÊN NHIỀU LĨNH VỰC:

1. KINH TẾ: tiếp tục phát triển, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm 14,1% (nghị quyết 10 - 12%). Đến năm 2005, giá trị sản xuất (GO) 1.360,5/1.168 tỉ đồng, đạt 116,5% chỉ tiêu NQ; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ từ 46,42% tăng lên 57,43%, nông - lâm - ngư nghiệp từ 53,58% giảm xuống còn 42,57% so với năm 2000; thu nhập bình quân đầu người 5,9 triệu đồng/người/năm, đạt chỉ tiêu NQ đề ra.

- Nông - nghiệp có sự chuyển biến cơ bản về chất lượng, sản phẩm ngày càng đa dạng hơn, góp phần đáng kể vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội.

- Giá trị nông - lâm - ngư nghiệp năm 2005 đạt 579,16 tỉ đồng, chiếm 42,57% tổng giá trị sản xuất, tăng bình quân 7,35%/năm.

- Công nghiệp - tiểu thủ CN đã và đang trở thành nhân tố tích cực thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội: giá trị sản xuất CN - Xây dựng đạt 520,39 tỉ đồng, tăng trên 344,3 tỉ đồng so với năm 2001, chiếm 38,25% tổng giá trị sản xuất.

- Ngành thương mại và dịch vụ phát triển mạnh, doanh thu toàn ngành năm 2005 đạt gần 261 tỉ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2000, chiếm tỷ trọng 19,18% tổng giá trị sản xuất.

2. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ QUY HOẠCH CÁC KHU ĐẠC CỤ TĂNG MẠNH QUA TỪNG NĂM:

- Từ 2000 - 2005, tổng nguồn đầu tư xây dựng cơ bản trên 1.300 tỉ đồng, riêng năm 2005, đạt 315 tỉ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000.

3. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Sự nghiệp giáo dục đã có chuyển biến theo mục tiêu "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" và phương châm "chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá". Bình quân hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học và THCS đạt trên 95%, THPT đạt trên 90%, số học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia tăng lên hàng năm. Đến nay đã có 11 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Mạng lưới y tế từ huyện xuống cơ sở được củng cố, hầu hết các trạm y tế đều có bác sĩ. Việc khám, chữa bệnh cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo chế độ bảo hiểm y tế được chú ý thực hiện.

- Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được triển khai đều khắp và đạt được kết quả tốt.

- Công tác giải quyết chế độ cho các đối tượng chính sách, xã hội và giải quyết việc làm cho người lao động có nhiều tiến bộ. Huyện nhận phụng dưỡng 72 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; thương xuyên chăm sóc, tôn tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ ở các địa phương; xây dựng 220 nhà tình nghĩa, với kinh phí trên 2,4 tỉ đồng.

4. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG: có nhiều chuyển biến tích cực, vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ Đảng ngày càng được phát huy.

- Tổ chức cơ sở đảng: 53. Tổng số đảng viên: 3.445 đồng chí.

- Trong những năm qua có trên 2/3 TCCS Đảng đạt trong sạch vững mạnh.



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC GHI NHẬN:

- * Huyện đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân; 15/21 xã, thị trấn và 02 đơn vị Huyện đội, Công an huyện được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND.

- * Trong xây dựng đất nước: Nhà nước tặng 01 Huân chương Lao động hạng Hai và 01 Huân chương Lao động hạng Ba cho Trường THPT Sơn Tịnh số 1; 01 Huân chương Lao động hạng Ba cho ngành Y tế huyện.

Thư cảm ơn và Chúc Mừng Năm mới

của

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VINACOMIN)

Ngày 26 tháng 12 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 345/2005/QĐ-TTg về việc thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở đổi tên Công ty mẹ Tập đoàn Than Việt Nam thành Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và chuyển Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam thành công ty con của Tập đoàn.

Trụ sở Tập đoàn: số 226 - đường Lê Duẩn - quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 5.180.141 - 8.540.780; Fax: 8.540.724 - 5.186.836

Website: <http://www.vinacoal.com.vn>; Email: vp.tvn@sft.vn

Nhân dịp kết thúc năm 2005, đón Xuân Bính Tuất - 2006, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam xin bày tỏ lời biết ơn chân thành tới các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các Tổng Công ty nhà nước, các bạn hàng trong và ngoài nước; đảng bộ, chính quyền và nhân dân các địa phương trong cả nước đã chỉ đạo, giúp đỡ, hợp tác với Tổng Công ty Than Việt Nam, Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) trong thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự chỉ đạo giúp đỡ, hợp tác trong thời gian tới để Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tiếp tục phấn đấu góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006.

Kính chúc các đồng chí, các quý vị và gia đình mạnh khỏe - hạnh phúc và thành đạt.



HUYỆN BẢO LÂM

Địa chỉ: TT. Bảo Lâm - H. Bảo Lâm - T. Cao Bằng * Điện thoại: 026. 885123; Fax 885235 * Bí thư: **NGUYỄN NGỌC QUANG**



Dưới sự quan tâm của Đảng, của các cấp, các ngành và các địa phương bạn. Sau khi tách huyện Đảng bộ đã chỉ đạo sát sao các cơ sở, nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, yêu nước tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cùng nhau khắc phục khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Cụ thể đã đạt kết quả sau:

I-KINH TẾ:

Huyện đã tập trung chỉ đạo trong việc chuyển dịch cơ cấu cây non, mùa vụ và áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất bằng các hình thức thích hợp; như xây dựng các mô hình trình diễn, tổ chức các lớp tập huấn.

Trồng trọt: đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, năm 2005 hệ số sử dụng đất ruộng đã đạt khoảng 1,3 lần; diện tích gieo trồng đạt 142ha; ngô xuân 245ha và 30ha đỗ tương xuân, năng suất cây trồng tăng nhanh do được đầu tư thâm canh đúng kỹ thuật và đạt khoảng 35% diện tích. Tổng sản lượng lương thực đạt khoảng

17.100 tấn bình quân hằng năm tăng 9,3%, bình quân đầu người đạt khoảng 345kg/người/năm bằng 96% mục tiêu đề ra.

Chăn nuôi: đã có sự chuyển biến tích cực đã xuất hiện nhiều hộ gia đình chăn nuôi đại gia súc với qui mô hàng chục con. Tháng 8 năm 2005 toàn huyện có 6.369 con trâu; 20.460 con bò; 920 con ngựa; 4.324 con dê tăng 75,9% so với năm 2000, hàng năm xuất bán hàng ngàn con gia súc ra thị trường.

Lâm nghiệp: đã chỉ đạo việc giao đất giao rừng để khoanh nuôi và bảo vệ được đầy mạnh, nhiều khu rừng được tái sinh, ý thức bảo vệ rừng được nâng lên, tình trạng đốt phá rừng giảm nhiều.

Sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá về giá trị sản xuất và quy mô ngành nghề. Năm 2005 ước đạt khoảng 2tỷ đồng tăng khoảng 2,77 lần so với năm 2001, tạo việc làm cho hàng trăm lao động địa phương.

II-VĂN HÓA - XÃ HỘI.

Trong 5 năm qua giáo dục đào tạo đã có

bước phát triển và mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất và chất lượng giảng dạy, số lượng học sinh đến lớp tăng hàng năm bình quân 8,2%. Năm học 2004-2005 tổng số học sinh toàn huyện là 11.454 em trong đó: Tiểu học 8408 em, trung học cơ sở 2.422 em, trung học phổ thông 474 em đạt trung bình cứ 4 người có một người đạt di học, mạng lưới trường lớp đã phủ kín các thôn bản. Mạng lưới y tế được đầu tư cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như chuyên môn.

An ninh quốc phòng được giữ vững và ổn định, công tác tuần tra, bảo vệ biên giới được duy trì thường xuyên.

III-CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG.

Đổi mới công tác xây dựng Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng là nhiệm vụ then chốt xuyên suốt trong nhiệm kỳ vừa qua. Đối với một huyện mới được thành lập việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với toàn bộ hoạt động của huyện là nhân tố quyết định về chính trị và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua.

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân: 10-13%. Thu nhập bình quân tăng đầu người đến 2010: 6-7 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng các ngành: Nông nghiệp: 9,95%, CN-TTCN-XD: 16%, dịch vụ: 22%

Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp: 60%, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: 22%, Dịch vụ: 18%. Tổng sản lượng lương thực: 19.000 tấn- 20.000 tấn, bình quân lương thực đạt 380 đến 4000 kg 1 người 1 năm.

- Phần đầu trồng khoảng 1.000 ha cỏ và năng tổng đàn gia súc lên khoảng 40.000 con.

- Tỷ lệ che phủ rừng: 55%. Mỗi năm trồng 250-300 ha rừng.

- Giao thông nông thôn: 60% số xóm có đường ô tô đến xóm.

- Số xã có điện lưới đến trung tâm xã: 100 %, tỷ lệ dân có điện sử dụng:

- Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 4-5 tỉ đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn năm 2010: 2,5-3 tỉ đồng.

- Giảm tỷ lệ nghèo hàng năm : 10%

- Hàng năm có 40-50 % số làng xóm đạt tiêu chuẩn làng văn hóa, 60-75% số gia đình đạt gia đình văn hóa 80-90 số cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Có 80% số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, 75 % số đảng viên đạt tiêu chuẩn tiên phong gương mẫu.

- Mỗi năm kết nạp 100-120 đảng viên , có thêm 15 xóm có đảng viên. Đến năm 2010 cơ bản xóa xóm chưa có đảng viên và chưa có chi bộ.

CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

Địa chỉ trụ sở chính: 246-248 quốc lộ 50 - phường 6 - quận 8 - TP. Hồ Chí Minh

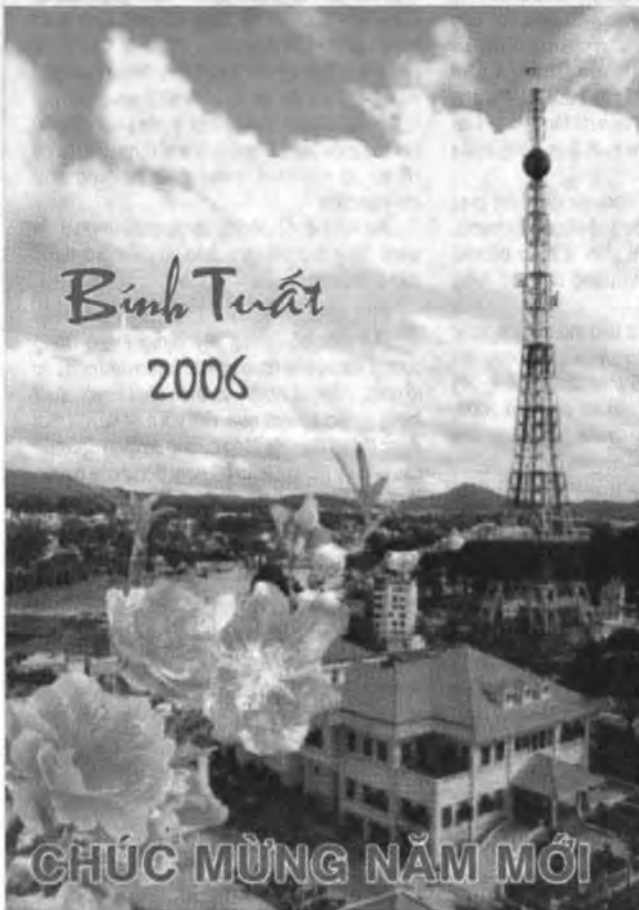
Tên cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận 8.

Quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước số: 5258/QĐ-UB-KT ngày 26-9-1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành, nghề kinh doanh: Hoạt động công ích, thu gom vận chuyển rác, vệ sinh môi trường, quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước phân cấp quản lý. Xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng đô thị. Hoạt động kinh doanh khác: Bán lẻ xăng dầu. Xây dựng dân dụng và công nghiệp, trò chơi giải trí, các trò chơi con thú điện tử, xe điện bình, đu quay, xe chạy trên đường ray, nhà banh phục vụ cho các công viên của quận 8. Cơ khí ô tô: Sửa chữa các phương tiện từ tiểu tu đến đại tu, đóng mới công cụ lao động phục vụ các ngành giao thông, công nghiệp và chuyên ngành vệ sinh. Cơ khí xây dựng: Sản xuất nhà vệ sinh công cộng lắp ghép bằng vật liệu sắt, thép, composite. Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông: duy tu, bảo dưỡng hệ thống cầu đường theo phân cấp. Quản lý công viên cây xanh. Quản lý hệ thống thoát nước và chiếu sáng. Xử lý chất thải và các chất gây ô nhiễm trên và ven kênh, sông. Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Khai thác, lọc và phân phối nước phục vụ sinh hoạt. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Bổ sung, tư vấn đầu thầu. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Xây dựng công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Dịch vụ giữ xe các loại.



CHÚC MỪNG NĂM MỚI



Bình Truật
2006



VNPT

Quốc sống dịch vụ

BƯU ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

LAM Dong PROVINCE POSTS & TELECOMMUNICATIONS

*Kính Chúc - Mừng - Năm - Mới
Hạnh Phúc - An Khang - Thịnh Vượng*

Seasons Greetings
and Best Wishes for the New Year

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



Chúc mừng năm mới
2006



www.vietcombank.com.vn

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM





TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM

VIETNAM AIR TRAFFIC MANAGEMENT

Chúc mừng năm mới Xuân Bình Thuận 2006



Kíp trực tại trung tâm AACC -
Trung tâm quản lý bay Miền Nam



Kíp trực trên đài kiểm soát không lưu sân bay
Núi Bài - Trung tâm quản lý bay Miền Bắc



Trạm Radar thông tin Sơn Trà
Trung tâm quản lý bay Miền Trung



Trạm Radar thông tin trục 2000
Trung tâm quản lý bay Miền Nam

ĐC: 200/6 Đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên - Hà Nội
Tel: 04.8271636 E-mail: vatm@hn.vnn.vn Fax: 04.8272597



LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIETSOVPETRO

Trụ sở chính: 105 Lê Lợi, Vũng Tàu

ĐT: (064) 839 871

Fax: (64) 839 857

Email hq@vietsov.com.vn

Liên doanh dầu khí Vietsovpetro được thành lập và hoạt động trên cơ sở Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19-06-1981 giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang CHXHCN Xô Viết (nay là Liên bang Nga), được Nhà nước 2 lần phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động và là đơn vị khai thác dầu khí lớn nhất Việt Nam.

SẴN SÀNG HỢP TÁC VỚI CÁC CÔNG TY TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC:

- Điều hành khai thác mỏ.
- Khoan và dịch vụ địa vật lý các giếng khoan dầu khí.
- Dịch vụ phân tích thí nghiệm.
- Thiết kế, chế tạo, lắp ráp các công trình biển.
- Dịch vụ Cảng, Vận tải
- Phòng chống và thu gom dầu tràn.

Với chất lượng đạt tiêu chuẩn Quốc tế.





CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

INEXIM DAKLAK

Địa chỉ: 228 Hoàng Diệu - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Dak Lak

Tel: (84.50) 852 233 - 852 951 - Fax: (84.50) 852 864

Email: ineximdl@dng.vnn.vn - Website: www.ineximdaklak.com.vn

Giám đốc: Văn Thành Huy



CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH:

Kinh doanh - Xuất khẩu:

Cà phê nhân, cà phê rang, cà phê bột và hòa tan, tiêu hạt, bắp vàng, nông lâm sản...

Kinh doanh - Nhập khẩu:

Phân bón, hạt nhựa, hóa chất, vật liệu trang trí nội thất, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản và tiêu dùng.

Liên doanh hợp tác:

Trong các lĩnh vực: sản xuất và chế biến cà phê - nông sản, kinh doanh căn hộ cao cấp, văn phòng làm việc, cửa hàng, kho, mặt bằng, nước giải khát...

Xuất khẩu lao động và chuyên gia:

Trực tiếp đào tạo - giáo dục định hướng, đưa công nhân, kỹ thuật viên, chuyên gia... Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

INEXIM COFFEE

Một sản phẩm của
INEXIM DAKLAK



Inexim DakLak mong muốn hợp tác, kinh doanh

với các doanh nghiệp trong

và ngoài nước theo tiêu chí "Quy mô - Hiệu quả".

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH LAI CHÂU

Chức nhiệm: NGUYỄN ĐÌNH BACH

Địa chỉ: Quyet Thang 3- phường Quyet Thang- thị xã Lai Chau

Điện thoại: (023) 876422 876518



Đóng chỉ Vương Văn Thanh P. Chủ tịch tỉnh tặng quà cho các cháu khuyết tật



Công tác dân số Lai Châu là một bộ phận trong chương trình mục tiêu Quốc gia, song trong điều kiện của một tỉnh vùng cao, biên giới, đa dân tộc nên có nhiều nét đặc thù riêng. Nếu không có sự phân tích toàn diện và cách tiếp cận riêng sẽ dẫn đến nhận định và đánh giá sai về vị trí, vai trò của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Một trong những mục tiêu quan trọng trong công tác dân số là kiểm soát tỷ lệ sinh nhằm điều chỉnh quy mô dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác dân số của Lai Châu còn nhiều khó khăn, thách thức song được sự quan tâm, giúp đỡ của Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em Trung ương, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Lai Châu và sự tham gia, ủng hộ của nhân dân các dân tộc trong tỉnh nên đã thu được nhiều thành tựu, góp phần cùng các tỉnh, thành trong cả nước hoàn thành các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Công tác quản lý, điều hành thực hiện kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình:

- Thực hiện tốt quy chế làm việc do tỉnh đề ra, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ báo cáo do cấp trên yêu cầu.

- Phối hợp với các ngành thực hiện lồng ghép lựa chọn các hoạt động theo mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ DS, GD và TE cho 40 cán bộ chuyên trách.

- Xây dựng mô hình bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em xã nghèo biên giới.

Công tác tuyên truyền giáo dục: đã được phổ biến đến tận người dân tại các huyện, xã, phường. Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình với nhiều nội dung, hình thức phong phú và đa dạng.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em luôn quan tâm và đạt được nhiều kết quả khả quan.

ĐẢNG BỘ TỔNG CÔNG TY BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám - Hà Nội * Điện thoại: 04.8 463 378 Fax: 04.7 223 784



Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty

Vượt qua nhiều khó khăn, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội, lãnh đạo Bộ CN, Đảng ủy và Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã chủ động đề ra nhiều giải pháp chỉ đạo và lãnh đạo toàn thể CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2004 và năm 2005 với các kết quả đáng biểu dương trên các mặt như sau:

KẾT QUẢ SXKD NĂM 2004 VÀ NĂM 2005

* Tốc độ tăng trưởng cao, hiệu quả, các chỉ tiêu SXKD chủ yếu (ước đạt năm 2005) đều tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm 2004:

- + Tổng doanh thu ước đạt 1.122,603 tỉ đồng, tăng 23%.
- + Lợi nhuận ước đạt 274,515 tỉ đồng, tăng 33%.
- + Nộp NSNN ước đạt 574,306 tỉ đồng, tăng 18%.

* Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, Đảng bộ TCT đã tập trung chỉ đạo đảm bảo tiến độ, kịp thời đưa vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao như: đổi mới thiết bị công nghệ nâng công suất của Bia Hà Nội lên 100 triệu lít/ năm, đã hoàn thành việc lập báo cáo khả thi của dự án nhà máy bia mới tại Vĩnh Phúc...

* Về công tác nghiên cứu khoa học, Đảng bộ TCT đã chỉ đạo Viện nghiên cứu Rượu- Bia- Nước giải khát tổ chức nghiên cứu thành công 6 đề tài cấp Bộ năm 2004, tiếp tục triển khai thực hiện 6 đề tài cấp Bộ và 2 đề tài cấp Nhà nước năm 2005.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

* Tổ chức quán triệt thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 12 BCHTW Đảng khóa IX về tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình hiện nay.

* Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.



Lễ phát Thẻ đảng viên

* Về phát triển đảng: năm 2004 và 8 tháng đầu năm 2005 kết nạp 19 quần chúng ưu tú vào Đảng, xét công nhận đảng viên chính thức cho 20 đồng chí.

* Tổ chức nhiều lớp học tập chính trị, lớp bồi dưỡng kết nạp đảng, lớp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng...

* Công tác Đảng năm 2004: có 9/10 chi bộ đạt danh hiệu TSVM xuất sắc, 1/10 chi bộ đạt TSVM. Đảng bộ TCT đạt danh hiệu TSVM tiêu biểu.

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU GIỮA NHIỆM KỲ (2004 - 2006)

* TCT được tặng cờ thi đua của Chính Phủ năm 2004.

* Công đoàn TCT được tặng cờ TLD (đơn vị xuất sắc toàn diện).

* Đoàn TN được công nhận là đơn vị tiên tiến xuất sắc, được tặng bằng khen Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Phát huy thành tích đã đạt được, bằng trí tuệ và tinh thần đoàn kết cao toàn Đảng bộ Tổng Công ty quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2004 - 2006

HUYỆN ĐẮK HÀ

Địa chỉ: thị trấn Đăk Hà - huyện Đăk Hà - tỉnh Kon Tum * Điện thoại: 060. 822 105



BÍ THƯ: PHẠM THANH HÀ

Huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum có diện tích 84.360 ha, nằm cách thị xã Kon Tum 20 km, có Quốc lộ 14 thông thương với đường Hồ Chí Minh và cách cửa khẩu quốc tế Bờ Y - Ngọc Hồi 70 km. Dân số khoảng 55.000 người, gồm nhiều dân tộc khác nhau, cư dân lâu đời của Đăk Hà là dân tộc Banar và Xê Đăng.

Đăk Hà có nhiều tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác: Vàng sa khoáng, Mangan, nguyên liệu sứ Thạch anh, mỏ sắt, mỏ đá ốp lát, granite, gbpicrocin; có khu du lịch sinh thái với rừng đặc dụng Đăk Uy rộng 690 ha; có di tích đối 601 và khu căn cứ cách mạng xã Đăk Ui và nhiều hồ đập nhân tạo với phong cảnh tươi đẹp. Cụm công nghiệp trong huyện đang được xây dựng và kêu gọi đầu tư.

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT TRONG 5 NĂM (2001-2005) CỦA HUYỆN:

- Thu ngân sách bình quân hàng năm đạt

17,2 tỉ đồng, tăng 302%; thu nhập bình quân đầu người 6,47 triệu đồng/năm, tăng 12,52%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12,49%, vượt 2,77%.

- Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thủy sản chiếm 64,53%, giảm 14,18%; công nghiệp và xây dựng chiếm 22,75%, tăng 7,29%; thương mại, dịch vụ và các ngành khác chiếm 12,71%, tăng 6,89%.

- Cây trồng chủ lực của huyện là cà phê, cao su, điều cao sản...

- Công tác xoá đói giảm nghèo từ 19,46% (năm 2001) xuống còn 12% (năm 2005), vượt 2% kế hoạch đề ra. Nhiều thôn, làng, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá, 100% trạm xá xã có Bác sỹ. Năm 2005, huyện được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập Trung học cơ sở.

- Công tác an ninh - quốc phòng được chú trọng tăng cường nhiều biện pháp tích cực về quản lý và vận động quần chúng đoàn kết nhất trí nên tình hình an ninh, chính trị trong huyện luôn được ổn định và giữ vững.

- Công tác xây dựng hệ thống chính trị luôn được củng cố và tăng cường vững mạnh. Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đến tháng 5 - 2005, Đảng bộ huyện có 49 tổ chức cơ sở Đảng, với 1.355 đảng viên, tăng 9 TCCSĐ và 420 đảng viên so với năm 2001.

- Năm 1998, huyện được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba; năm 2003 được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT 2005 - 2010:

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, bảo đảm phát triển toàn diện, bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh, chính trị, xây dựng huyện Đăk Hà đạt danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

* **Phấn đấu đến năm 2010, đạt các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:**

- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện là: 951,4 tỉ đồng (theo giá cố định năm 1994).

- Về cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thủy sản chiếm: 51,07%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm: 32,87%; ngành dịch vụ - thương mại chiếm: 16,06%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt từ 13% trở lên.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 8 triệu đồng/người/năm.

- Diện tích cà phê: 6.600 ha; cao su: 3.000 ha; diện tích cây điều ghép cao sản: 3.000 ha.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) từ 31,43% năm 2005 xuống dưới 20% năm 2010.

- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 70%, cơ quan văn hoá đạt 100%; thôn (làng), tổ dân phố văn hoá đạt 80%; khu dân cư tiên tiến đạt 85% và 6/9 xã, thị trấn đạt cơ sở văn hoá.

- Kết nạp từ 400 đảng viên trở lên.

- Tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh chiếm 80%, trong đó, tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu chiếm 30%.



Chúc Mừng Năm Mới 2006

CHƯƠNG TRÌNH

TIẾT KIỆM DỰ THƯỞNG

*Lộc xuân may mắn
Đến mọi nhà!!!*

TỪ NGÀY 22 - 11 - 2005
ĐẾN NGÀY 21 - 02 - 2006

CƠ HỘI TRÚNG THƯỞNG LỚN
TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG TRÊN

8,4 TỈ ĐỒNG

1 GIẢI ĐẶC BIỆT

01 TOYOTA CAMRY 3.0
Trị giá 1 tỉ đồng

- 01 giải Đặc biệt: 01 xe ô tô Toyota Camry 3.0 trị giá tối đa 1 tỉ đồng.
- 19 giải Nhất: Mỗi giải 01 xe máy Piaggio Vespa LX 125 trị giá tối đa 85 triệu đồng.
- 30 giải Nhì: Mỗi giải 01 tivi Sony 29 inches màn hình phẳng trị giá tối đa 10 triệu đồng.
- 50 giải Ba: Mỗi giải 5 triệu đồng bằng thẻ tiết kiệm/thẻ ATM/tiền mặt.
- 500 giải Tư: Mỗi giải 3 triệu đồng bằng thẻ tiết kiệm/thẻ ATM/tiền mặt.
- 1.500 giải Năm: Mỗi giải 1 triệu đồng bằng thẻ tiết kiệm/thẻ ATM/tiền mặt.
- 2.500 giải Sáu: Mỗi giải 500 ngàn đồng bằng thẻ tiết kiệm/thẻ ATM/tiền mặt.
- 4.995 giải khuyến khích: Mỗi giải 200 ngàn đồng tiền mặt.



19 GIẢI NHẤT

19 PIAGGIO VESPA



30 GIẢI NHÌ

30 Tivi SONY 29 inches



THẺ LỆ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

• Đối tượng tham gia:

Khách hàng tham gia là cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

• Thời gian, địa điểm:

Kể từ ngày 22-11-2005 đến ngày 21-02-2006, tại tất cả các chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển trong cả nước.

• Nội dung chương trình:

Ứng với mỗi mức tiền gửi tối thiểu và kỳ hạn nhất định, khách hàng sẽ được cấp một số dự thưởng. Càng gửi nhiều, khách hàng càng nhận được nhiều số dự thưởng.

• Thời gian quay thưởng:

BIDV tổ chức quay thưởng vào ngày 16/03/2006 tại Cung Văn hóa Thể thao số 1 Tầng Bạt Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội, dưới sự chứng kiến, giám sát bởi đại diện Bộ Thương mại, Công ty Xổ số Kiến thiết Thủ đô và đại diện khách hàng. Kết quả trúng thưởng được niêm yết công khai tại các chi nhánh BIDV trên toàn quốc hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng sau tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày quay thưởng.



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development of Vietnam



Trụ sở chính: Tòa tháp A - Tòa nhà Vincom, số 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2 200 422; Fax: 04 2 200 399
E-mail: bidv@hn.vnn.vn Website: www.bidv.com.vn



Website: www.gialaipt.com.vn
E_mail : bdgialai@dng.vnn.vn

**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG I
CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Chúc Quý Khách Năm Mới
Bính Tuất - 2006
An Khang - Thịnh Vượng

**GIÁM ĐỐC
ĐINH VĂN VƯỢNG**

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HUYỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng * Điện thoại: 031 871 518

Bí thư Huyện ủy: ĐỖ KHẮC HÒA

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, cùng với việc triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương và Thành ủy Hải Phòng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân An Dương đã nỗ lực phấn đấu tạo được sự chuyển biến tích cực, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

1/ Về kinh tế:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 12,37%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng nông nghiệp giảm còn 40,21%, giá trị sản xuất vẫn bảo đảm tốc độ tăng trưởng bình quân 4,46%/năm; năng suất lúa đạt trên 117 tạ/ha; chăn nuôi chiếm tỷ trọng 29,64%, kinh tế trang trại chiếm 13,31% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha canh tác đạt 60 triệu đồng/năm.

- Công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng từ 24% (năm 2001) lên 29,64% (2005), tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 19,77%.

- Thương mại - dịch vụ tăng từ 20,42% (2001) lên 30,15% (2005), với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 21,73%.

2/ Công tác quản lý đất đai, quy hoạch, vệ sinh môi trường và giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng nông thôn:

- Hoàn thành giai đoạn 1 công tác "đón diện, đổi thửa" trong nông nghiệp.

- Phong trào giữ gìn vệ sinh được phát động đến từng cơ quan, doanh nghiệp, cụm dân cư.

- Công tác giải phóng mặt bằng có nhiều chuyển biến, tạo điều kiện thu hút trên 100 dự án đầu tư trên địa bàn.

- Hàng trăm tỉ đồng đã được huy động cho đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng: 90% đường giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa; hàng chục ki-lô-mét kênh mương được cứng hóa; cầu, cống, đê, kè được tu bổ; 99% số hộ dân được sử dụng điện, 99% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% địa phương có trường học cao tầng, trạm y tế, nhà văn hóa, sân vận động được sửa chữa xây mới hiện đại; 100%, thị trấn có hệ thống truyền thanh...

3/ Văn hóa - xã hội và giáo dục:

- 87/87 (100%) làng đạt làng văn hóa cấp huyện, cấp thành phố; 85% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- Công tác giáo dục được quan tâm toàn diện ở tất cả các ngành học, bậc học,

cấp học. Duy trì giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS; 70% số xã, thị trấn hoàn thành phổ cập THPT và nghề; 16/16 xã, thị trấn thành lập trung tâm giáo dục cộng đồng; hơn 85% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; 17 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia; năm học 2004-2005 được công nhận là đơn vị lá cờ đầu công tác giáo dục khối huyện của thành phố Hải Phòng.

4/ Y tế - DS - KHHGD: 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,76%

5/ Phong trào đền ơn, đáp nghĩa, thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng và hoạt động nhân đạo, từ thiện: đạt kết quả tốt, đã sửa chữa cả xây mới 430 nhà tình nghĩa, tặng 1946 thẻ tiết kiệm cho đối tượng chính sách; hoàn thành công tác xóa nhà tranh tre vách đất; hộ nghèo giảm còn 1,44%.

6/ Công tác xây dựng Đảng: hàng năm, số lượng cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh đều tăng, đến năm 2004, 85,2% TCCS đảng đạt TSVM, Công tác phát triển đảng viên được quan tâm, bình quân mỗi năm kết nạp trên 150 người vào Đảng, đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN AN DƯƠNG LẦN THỨ XV (NHIỆM KỲ 2005 - 2010)





LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH VINH PHÚC



PHƯỜNG ĐỒNG ĐÀ - THỊ XÃ VINH YÊN • ĐIỆN THOẠI 0211 861 535



Chủ tịch

BUI THỊ THANH TUYỀN

Liên Đoàn Lao Động tỉnh Vinh Phúc được tái lập ngày 01-01-1997. Trong những năm qua, đặc biệt là 5 năm trở lại đây, giai cấp Công nhân và tổ chức Công đoàn Vinh Phúc đã có những đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Vinh Phúc. Mọi hoạt động Công đoàn đều hướng tập trung vào vận dụng, thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng. Tập hợp, đoàn kết, vận động CNVC-LĐ trên địa bàn tỉnh thành một khối thống nhất xung quanh BCH Đảng bộ tỉnh. Phát động, triển khai, hướng dẫn các cấp Công đoàn tổ chức phong trào CNVC-LĐ ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị Công đoàn, của Đảng bộ tỉnh Vinh Phúc.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

1. CÔNG TÁC TỔ CHỨC:

Hệ thống tổ chức Công đoàn từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được kiện toàn, củng cố và phát triển. Khi mới được tái lập, chỉ có 6 LĐLĐ huyện, thị xã, 6 CĐ ngành, 431 CĐ cơ sở tập hợp gần 21.000 đoàn viên, CNVC-LĐ. Đến nay, đã có 9 LĐLĐ huyện, thị xã, 8 CĐ ngành, 810 CĐ cơ sở tập hợp gần 70.000 đoàn viên, CNVC-LĐ. Trong 5 năm qua đã thành lập mới 162 CĐ cơ sở, kết nạp gần 15.000 đoàn viên. Tỷ lệ CĐ cơ sở vững mạnh tăng từ 66,5% năm 2000 lên 85% năm 2005.

2. KẾT QUẢ PHONG TRÀO THI ĐUA:

Có 331 đề tài KH-CN của CNVC-LĐ được triển khai, nghiên cứu và ứng dụng. Giá trị đầu tư 18.279 tỉ đồng, tiết kiệm và làm lợi 30 tỉ đồng. CNVC-LĐ đã xây dựng được 240 công trình sản phẩm mới chào mừng các ngày lễ lớn hàng năm. Tổng giá trị đầu tư 500 tỉ đồng, tiết kiệm và làm lợi 50 tỉ đồng. Có 18.645 nữ CNVC-LĐ đạt danh hiệu "Giỏi việc nước - Đảm việc nhà" các cấp.

3. HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, NHÂN ĐẠO, TỪ THIỆN:

- Đóng góp quỹ "Ngày vì người nghèo" 15 tỉ đồng.
- Đóng góp quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" 12,153 tỉ đồng.
- Ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt 13,5 tỉ đồng.
- Hỗ trợ xây dựng 45 nhà cho CNVC-LĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Thăm hỏi tặng quà cho 4.915 gia đình CNVC-LĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

4. THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG:

- Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
- Tổng Liên đoàn LĐVN tặng 59 cờ thi đua xuất sắc, 25 Bằng khen và Huy hiệu Lao động sáng tạo, 320 Bằng khen tập thể, cá nhân.
- UBND tỉnh Vinh Phúc tặng 07 cờ thi đua xuất sắc, 201 Bằng khen tập thể, cá nhân.



HV
9
HwBB

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

MAR 29 2003

CURRENT SERIALS

5

3-2006

Digitized by Google



TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

CÔNG TY DU LỊCH CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH: 1B YẾT KIỆM, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI, VIỆT NAM
Tel: (84.4) 8 223 680/9 424 112 * Fax: (84.4) 9 423 508/8 223 544 * Email: vtut@hn.vnn.vn
Website: <http://www.trade-ution.com.vn> * <http://www.vietttours.com.vn>

GIÁM ĐỐC: ÔNG HOÀNG MINH CHÍNH * P. GIÁM ĐỐC: ÔNG CHU NGỌC THÀNH, BÀ MẠC THU HƯƠNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

*** DU LỊCH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ * KHÁCH SẠN VÀ NHÀ HÀNG * VẬN CHUYỂN DU LỊCH VÀ CÁC DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC * KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI.**

CÁC CHI NHÁNH

TRUNG TÂM DU LỊCH LỮ HÀNH HÀ NỘI

1B Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84.4) 822 3844 / 942 4073 / 0913 349 111

Fax: (84.4) 822 3544 / 942 4073 * Email: vtut@hn.vnn.vn

Website: <http://www.trade-ution.com.vn>

<http://www.vietttours.com.vn>

CHI NHÁNH VINH PHÚC

Km³, Quốc lộ 2A, xã Khai Quang, TX Vinh Yên, Vinh Phúc

Tel: (84.211) 862 624 * Fax: (84.211) 862 624

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

304/10 Điện Biên Phủ, TP. Đà Nẵng

Tel: (84.511) 813 555

Fax: (84.511) 896 108

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

90 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 914 4307 * Fax: (84.8) 914 4310

Email: quoceteti@hcm.vnn.vn

Website: <http://vietttours.com.vn>

KHÁCH SẠN CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM



ằm ở trung tâm Thủ đô, trong quần thể khu vực các khách sạn cao cấp của Thủ đô Hà Nội, gần các trung tâm văn hoá, thương mại, tài chính...

* Khách sạn Công đoàn Việt Nam có 130 phòng nghỉ tiện nghi, nhà hàng sang trọng, phòng họp, phòng hội thảo... với dịch vụ chất lượng tiêu chuẩn quốc tế 3 sao... được phục vụ bởi đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên ngành hiếu khách chắc chắn sẽ làm hài lòng Quý khách.

* Từ phòng nghỉ Quý khách có thể ngắm nhìn thành phố với không gian yên tĩnh bởi quần thể công viên cây xanh, hồ nước và phố phường Hà Nội... trang thiết bị tiện nghi mang đến cho Quý khách cảm giác thoải mái và hài lòng như khi ở chính trong ngôi nhà của mình.

* Phòng họp của Khách sạn có nhiều loại từ 50 đến 500 chỗ được trang bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng mọi yêu cầu cho hội thảo, hội nghị... của Quý khách.

* Nhà hàng với tiện nghi hiện đại, không khí ấm cúng thoải mái. Đầu bếp lành nghề, giàu kinh nghiệm, thực đơn phong phú, giá cả hợp lý, phục vụ chu đáo, lịch sự sẽ làm hài lòng Quý khách.



14 TRẦN BÌNH TRỌNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

Tel: (84.8) 942 1776 / 942 0761 / 942 1764 * Fax: (84.4) 942 0762 * Email: plan.tic@fpt.vn

Website: <http://www.trade-ution.com.vn> * <http://www.congdanhotel.com.vn>

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách!



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 751

5

3-2006

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Sáng ngời tên Mẹ
Ảnh: NHU PHUONG

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỐ THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG (1-3-1906 - 1-3-2006)

PHAN VĂN KHẢI - Đồng chí Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước ta, nhà văn hóa lớn của dân tộc	3
PHẠM VĂN ĐỒNG - Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam	9
HỒ NGHĨA DŨNG - Bác Phạm Văn Đồng kính yêu sống mãi trong lòng Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi	13

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN KHOA ĐIỂM - Đẩy mạnh hơn nữa công tác khoa giáo trong công cuộc đổi mới đất nước	18
HÀ THỊ KHIẾT - Công tác cán bộ nữ trong tình hình mới	22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHẬT TÂN - Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở	27
VŨ HOÀNG CÔNG - Một số ý kiến về thành tựu và những hạn chế của công tác lý luận	32
ĐỖ THẾ TÙNG - Kinh tế hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, tồn tại tất yếu trong chủ nghĩa xã hội	37
NGUYỄN MINH THÔNG - Vài suy nghĩ về chủ trương thí điểm ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) hiện nay ở nước ta	42
TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN - Đô thị hóa nhìn từ phía văn hóa	48

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TĂNG HUỆ - Công tác tư tưởng, lý luận với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trong thời kỳ mới	51
NGUYỄN VIỆT VƯỢNG - Phối hợp chặt chẽ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở nước ta	54
THANH HÙNG - Xóa đói giảm nghèo ở vùng Bắc Trung Bộ	59
NGUYỄN HUNG - Xây dựng đời sống văn hóa ở thị xã Hội An	65

THẾ GIỚI: VĂN ĐỀ - SỰ KIỆN

VŨ TUYẾT LOAN - APEC và sự tham gia của Việt Nam	69
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

• ФАН ВАН КХАЙ: Товарищ Фам Ван Донг, отличный ученик Президента Хо Ши Мина, большой авторитетный руководитель нашей Партии, Государства, большой деятель культуры нашей нации. • **ФАМ ВАН ДОНГ**: Повышение звания Коммунистической Партии Вьетнама, члена Коммунистической Партии Вьетнама. • ХО НГИА ЗУНГ: Дорогой дядя Фам Ван Донг вечно живёт в душе Парторганизации и народа провинции Куангнгай. • НГУЕН КХОА ДИЕМ: Активизация научной и образовательной работы в деле обновления страны. • ХА ТХИ КХИЕТ: Кадровая работа в отношении к женщинам в новой обстановке. • НЯТ ТАН: Обновление партийного руководства для развития демократии в местностях. • ВУ ХОАНГ КОНГ: Некоторые мнения об успехах и недостатках теоретической работы. • ДО ТХЕ ТУНГ: Товарная экономика не противостоит социализму, она неизбежно существует при социализме. • НГУЕН ХЫНГ: Строительство культурной жизни в провинциальном городе Хойан. • ВУ ТУЕТ ЛОАН: Форум АТЭС и участие Вьетнама в нём.

CONTENTS

• PHAN VĂN KHẢI: Comrade Phạm Văn Đồng, an excellent pupil of President Hồ Chí Minh, a great prestige leader of the Party and State, a great well - known man of culture of the nation. • **PHẠM VĂN ĐỒNG**: Highly raising the title of the Communist Party of Vietnam and member of the Communist Party of Vietnam. • HỒ NGHĨA DŨNG: The beloved Uncle Phạm Văn Đồng will live forever in the memory of Quảng Ngãi province's Party committee and people. • NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Accelerating more the matter of science and education in the country's renovation cause. • HÀ THỊ KHIẾT: The matter of female cadres in the new circumstances. • NHẬT TÂN: Party leadership renovation for promotion of grassroots democracy. • VŨ HOÀNG CÔNG: Some opinions regarding achievements and defects of the theoretical work. • ĐỖ THẾ TÙNG: Commodity economy is not in opposition to, but indispensably exists in socialism. • NGUYỄN HUNG: Building cultural life in Hội An town. • VŨ TUYẾT LOAN: APEC and the participation of Vietnam.

SOMMAIRE

• PHAN VĂN KHẢI: Le camarade Phạm Văn Đồng, un éminent disciple du Président Hồ Chí Minh, un dirigeant de grande autorité du Parti, de l'Etat, un grand homme de culture de la nation. • **PHẠM VĂN ĐỒNG**: Rehausser la renommée du Parti communiste du Vietnam, du membre du Parti communiste du Vietnam. • HỒ NGHĨA DŨNG: Le respectable oncle Phạm Văn Đồng vivra à jamais dans le cœur des membres de la section du Parti et de la population du Quảng Ngãi. • NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Renforcer davantage le travail scientifico-éducatif dans l'œuvre de renouveau du pays. • HÀ THỊ KHIẾT: Le travail à l'égard des femmes cadres dans la nouvelle conjoncture. • NHẬT TÂN: Renover la direction du Parti pour faire valoir la démocratie à l'échelon de base. • VŨ HOÀNG CÔNG: Quelques opinions sur les réalisations et limites du travail théorique. • ĐỖ THẾ TÙNG: L'économie marchande ne s'oppose pas au socialisme mais existe nécessairement dans le socialisme. • NGUYỄN HUNG: L'édification de la vie culturelle à Hội An. • VŨ TUYẾT LOAN: L'APEC et la participation du Vietnam.

SUMARIO

• PHAN VĂN KHẢI: El camarada Phạm Văn Đồng, excelente discípulo del presidente Hồ Chí Minh, dirigente de gran prestigio de nuestro Partido y Estado, gran hombre de cultura de la Nación. • **PHẠM VĂN ĐỒNG**: Elevar los celebres títulos "Partido Comunista de Vietnam" y "Militante del Partido". • HỒ NGHĨA DŨNG: El estimado tío Phạm Văn Đồng vivirá eternamente en el corazón de la organización partidista y la población de Quảng Ngãi. • NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Impulsar aún más el trabajo de ciencia y de educación en la renovación nacional. • HÀ THỊ KHIẾT: La labor de mujer en la nueva situación. • NHẬT TÂN: Renovar la dirección del Partido a fin de desplegar la democracia en las bases. • VŨ HOÀNG CÔNG: Algunas opiniones sobre los éxitos y las limitaciones del trabajo teórico. • ĐỖ THẾ TÙNG: La economía de mercancía no es opuesta al socialismo sino, una existencia necesaria en el socialismo. • NGUYỄN HUNG: La edificación de la vida cultural en la cabeza provincial de Hội An. • VŨ TUYẾT LOAN: La APEC y la participación de Vietnam.

目录

• 潘文凯：范文同同志——胡志明主席出色的学生，党和国家的威信大的领导人，民族的大文化家。• **范文同**：发扬越南共产党、越南共产党员的称号。• 胡义勇：敬爱的范文同伯伯永远活在广义省党部及人民的民心中。• 阮科恬：进一步大力推动国家革新事业中的科、教工作。• 何氏洁：新形势下的妇女干部工作。• 日新：革新党的领导以发挥基层民主。• 武皇功：理论工作中的成就及其限制的若干意见。• 杜世松：货物经济并不与社会主义对立而必要存在于社会主义之中。• 阮兴：建设会安镇的文化生活。• 武雪鸾：亚太经济合作组织及越南的参与。

**ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG,
NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH,
NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ UY TÍN LỚN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA,
NHÀ VĂN HÓA LỚN CỦA DÂN TỘC ***

PHAN VĂN KHÁI
Thủ tướng Chính phủ

Thưa các đồng chí và các bạn,

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của Đảng và dân tộc ta từng nói lịch sử Đảng ta là một pho lịch sử bằng vàng. Để có pho lịch sử bằng vàng ấy, biết bao cán bộ, đảng viên ưu tú đã vì dân, vì Đảng, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa mà suốt đời hy sinh, phấn đấu. Đồng chí Phạm Văn Đồng, Anh Tô kính mến của chúng ta, là một trong những chiến sỹ đặc biệt ưu tú.

Hôm nay, chúng ta họp mặt tại đây để kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh đồng chí Phạm Văn Đồng (01-3-1906 - 01-3-2006), nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, "người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người cộng sản kiên cường, mẫu mực; nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người con rất mực trung thành suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì

chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân; người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế; nhà văn hóa lớn của dân tộc" ⁽¹⁾.

Đồng chí Phạm Văn Đồng sinh ra tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, một vùng quê nghèo khó nhưng giàu truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng. Trong những năm 1925 - 1926, từ sự khâm phục, ngưỡng mộ những hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, người thanh niên Phạm Văn Đồng đã sớm tham gia hoạt động trong phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên, đấu tranh đòi thực dân Pháp thả cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Chu Trinh, cho nên đã bị đuổi học ở năm cuối bậc tú tài tại Trường Bưởi (Hà Nội).

* Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh Kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh đồng chí Phạm Văn Đồng tổ chức tại Hà Nội ngày 28-2-2006. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

(1) Điều văn của Đảng và Nhà nước Việt Nam tại Lễ truy điệu và an táng đồng chí Phạm Văn Đồng ngày 6-5-2000, *Báo Nhân Dân*, ngày 7-5-2000

Được các cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giác ngộ, đồng chí Phạm Văn Đồng xuất dương và tham dự lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu (Trung Quốc) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức. Nhờ các bài học về "Đường cách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc và sự tự rèn luyện, tu dưỡng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp, một chiến sỹ cách mạng chân chính, chiến đấu dưới lá cờ của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đồng chí là một trong số những cán bộ tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Khoảng giữa năm 1927, đồng chí được tổ chức cử về hoạt động tại Sài Gòn - Chợ Lớn và một số tỉnh Nam Kỳ. Với nhiệt tình và tri thức cách mạng được trang bị tại lớp học ở Quảng Châu, với tài năng của mình, Phạm Văn Đồng đã trở thành một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của phong trào cách mạng Nam Kỳ trong những năm 1928 - 1929. Tháng 5-1929, với cương vị Bí thư Kỳ bộ Nam Kỳ, đồng chí Phạm Văn Đồng là Trưởng đoàn đại biểu Nam Kỳ tham dự Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, được bầu vào Ban Chấp hành Tổng bộ và Hội trù bị tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 7 năm 1929, đồng chí Phạm Văn Đồng bị mật thám Pháp bắt, kết án 10 năm tù và đày đi Côn Đảo. Giữa năm 1936, đồng chí được trả tự do, nhưng bị đưa về quản thúc tại Quảng Ngãi.

Kiên trì với mục tiêu lý tưởng cách mạng đã theo đuổi, đồng chí Phạm Văn Đồng tìm cách ra Hà Nội, bắt liên lạc với các đảng viên, trí thức và hoạt động công khai, tuyên truyền đường lối của Đảng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Tháng 5-1940, đồng chí được tổ chức cử sang Côn Minh (Trung Quốc) liên lạc

với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và hoạt động ở Nam Trung Quốc. Cũng kể từ thời gian này, đồng chí Phạm Văn Đồng được thường xuyên làm việc cùng Nguyễn Ái Quốc và trở thành một cộng sự đắc lực của Người. Đầu năm 1942, đồng chí trở về hoạt động ở trong nước và có những cống hiến quan trọng trong việc đào tạo cán bộ cho Mặt trận Việt Minh, phụ trách báo Việt Nam độc lập, xây dựng căn cứ địa Việt Bắc và khu Giải phóng, chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám, được Quốc dân đại hội Tân Trào bầu là Ủy viên Thường trực Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí được cử làm Bộ trưởng Tài chính của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa I và được Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ nhất (3-1946) bầu làm Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Từ trước ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp đến tháng 01 năm 1949, với cương vị đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ năm 1947 là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương), Đặc phái viên của Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ. Thời gian hoạt động tại đây, đồng chí đã có những quyết định sáng tạo trong việc xây dựng vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú, thúc đẩy kháng chiến ở Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ, phối hợp tác chiến và góp phần thắt chặt đoàn kết giữa Việt Nam và Lào.

Giữa năm 1949, đồng chí Phạm Văn Đồng được bổ sung làm Ủy viên chính thức của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và trở lại hoạt động ở Việt Bắc, được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao.

Tháng 02 năm 1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, giữ trọng trách này liên tục từ khóa II đến khóa V (1951 - 1986). Từ năm 1955 đến năm 1987, đồng chí là Thủ tướng Chính phủ. Hơn 10 năm (1986 - 1997), đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương các khóa VI, VII, VIII cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ giữa năm 1997, tuy thời cương vị cố vấn, nhưng đồng chí vẫn tiếp tục cống hiến cho tới những ngày tháng cuối cùng và từ trần ngày 29 tháng 4 năm 2000.

Suốt cuộc đời cách mạng, khi hoạt động bí mật, luôn bị kẻ thù rình rập, săn đuổi, khi bị giam cầm trong tù ngục, khi hoạt động công khai... trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Trên các cương vị và trọng trách được giao, đồng chí Phạm Văn Đồng hết sức quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, củng cố bộ máy chính quyền Nhà nước.

Đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu các cấp phải "quan niệm cho đúng quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước". Đồng chí đã khẳng định: "*Chỉ có tăng cường quan hệ lãnh đạo của Đảng với Nhà nước thì chúng ta mới tăng cường tác dụng to lớn của Nhà nước trong thời kỳ quá độ, trong việc xây dựng xã hội mới, đời sống mới, do đó nêu cao địa vị và uy tín của Nhà nước*" (2).

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đồng chí Phạm Văn Đồng nêu rõ: "*Việc tăng cường Nhà nước dân chủ nhân dân là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa*" (3). Đồng chí quán triệt nguyên tắc tổ chức của Nhà nước ta là nguyên tắc tập trung dân chủ, dân chủ và tập trung kết hợp chặt chẽ với nhau. Muốn thực hiện tập trung

dân chủ, phải đề cao ý thức kỷ luật, chế độ trách nhiệm, tăng cường pháp chế. Đó là những biện pháp thiết thực để thực hiện tập trung dân chủ.

Trong quản lý kinh tế, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu mỗi cán bộ phải làm việc có hiệu quả thiết thực, có năng suất, chất lượng cao; phải chú trọng thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, lãng phí, tham ô. Đồng chí chỉ ra rằng: "*Muốn quản lý tốt, cần quy định rõ ràng chính sách, chế độ, thể lệ, định mức về các việc điều động, phân phối và sử dụng tiền bạc, máy móc, đất đai và vật tư cho mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương; phải coi đó là kỷ luật của Nhà nước, ai làm sai là có lỗi; người phụ trách phải thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời, đúng mức những vụ sai trái*" (4).

Với cương vị người đứng đầu Chính phủ, đồng chí rất trăn trở trước những yếu kém, khuyết điểm trong quản lý nền kinh tế. Đồng chí nói: "*Tôi cần nhấn mạnh với các đồng chí và đồng bào về những yếu kém và thiếu sót của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy, chính là chúng tôi tự phê bình trước các đồng chí và đồng bào về trách nhiệm của mình. Đồng thời đòi hỏi mọi người chúng ta phải tự phê bình và phê bình về tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, làm việc không có hiệu quả*" (5).

Đồng chí Phạm Văn Đồng rất chú trọng công tác bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, thực hiện tốt mối quan hệ máu thịt dân với Đảng, Đảng với dân. Đồng chí khẳng định, sự nghiệp cách mạng là xây dựng cái mới, cái văn minh, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu.

(2) (3) (4) (5) Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1987, t 1, tr 165, 161, 184, 177 - 178

Trong sự nghiệp ấy, cán bộ, đảng viên phải là người tiên phong gương mẫu; Đảng phải bồi dưỡng, chăm sóc cán bộ *"ví như người làm vườn, vừa vun xới cho cây, cho hoa; vừa phải nhổ cỏ, trừ sâu và nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, diệt sâu phải diệt từ trứng, có như vậy hoa mới càng đẹp, quả mới càng ngon"* (6). Đồng chí rất đau lòng khi tệ quan liêu, tham nhũng trở thành "quốc nạn", đe dọa sự tồn vong của sự nghiệp cách mạng. Từ đáy lòng mình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã yêu cầu Đảng, Nhà nước *"phải đặt lên hàng đầu công tác quét cái nhà của chúng ta, quét dọn mọi thứ rác rưởi và dơ bẩn, làm cho nó ngày càng sạch sẽ, có như vậy chúng ta mới có môi trường và cơ hội thuận lợi để làm tốt những công tác khác"* (7). Lời tâm huyết đầy trách nhiệm của đồng chí có ý nghĩa thời sự to lớn trong cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Trên cương vị mà Đảng và Nhà nước giao phó, tài năng và cống hiến của đồng chí Phạm Văn Đồng thể hiện xuất sắc ở công tác đối ngoại trong nhiều thời kỳ của cách mạng Việt Nam. Sớm phát hiện năng khiếu ngoại giao của đồng chí Phạm Văn Đồng, ngay từ năm 1926, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã cử đồng chí tiếp đoàn đại biểu Công hội Thái Bình Dương thăm Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu; năm 1940, đồng chí được cử làm Phó Chủ nhiệm Văn phòng ở nước ngoài của Hội Giải phóng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, với cương vị Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội, đồng chí được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam thăm thân thiện nước Pháp. Đồng chí là Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương trong những năm 1954 - 1955.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều cống hiến trong lĩnh vực ngoại giao. Đồng chí là Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam đi thăm nhiều nước anh em, bè bạn, tham gia các cuộc đàm phán và nhiều Hội nghị quốc tế quan trọng. Đó là Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (1946), Hội nghị Giơ-ne-vơ (1954), Hội nghị các nước Á - Phi họp ở Băng Đung (1955), nhiều Hội nghị cấp cao của Phong trào các nước Không liên kết, Hội đồng tương trợ kinh tế... Nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, hoạt động đối ngoại của đồng chí Phạm Văn Đồng luôn bám sát mục tiêu vì độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta, vì hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, làm bạn với tất cả các nước, tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Với quan điểm đúng đắn, tình cảm chân thành, nghệ thuật thuyết phục, cảm hóa, đồng chí Phạm Văn Đồng đã góp phần to lớn trong việc đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước anh em, bè bạn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta ghi nhận: *"Đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà ngoại giao tài năng, có uy tín trên thế giới, nhìn xa, trông rộng, tinh tế và linh hoạt, kiên cường và mềm dẻo, ứng xử nhanh nhạy, sáng tạo, luôn luôn thể hiện lập trường chính trị sáng suốt trước thời cuộc và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh"* (8). Đồng chí được bạn bè quốc tế giành cho sự kính trọng,

(6) Phạm Văn Đồng: *Sdd*, t 1, tr 171

(7) Lời phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng tại Lễ trao tặng đồng chí Huân chương Sao vàng, ngày 1-3-1990, *Báo Nhân Dân*, ngày 2-3-1990

(8) Điều văn của Đảng và Nhà nước Việt Nam tại Lễ truy điệu và an táng đồng chí Phạm Văn Đồng, ngày 6-5-2000, *Báo Nhân Dân*, ngày 7-5-2000

khâm phục và coi là "một trong những nhân vật xuất sắc và có ảnh hưởng lớn nhất ở Việt Nam trong thế kỷ XX, nhờ những khả năng siêu phàm về ngoại giao cũng như uy tín, ảnh hưởng to lớn ở trong nước" (9).

Thưa các đồng chí và các bạn,

Là nhà lãnh đạo có uy tín, đồng chí Phạm Văn Đồng đồng thời là nhà giáo dục, nhà văn hóa lớn. Noi theo người thầy Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn sử dụng tri thức văn hóa dân tộc và nhân loại trong hoạt động cách mạng. Từ những năm 1927 - 1928, đồng chí đã là thầy giáo ở Sài Gòn - Chợ Lớn, vừa dạy học vừa tuyên truyền cách mạng trong giới trí thức, học sinh, sinh viên. Trong những năm tháng bị giam cầm tại địa ngục Côn Đảo, đồng chí Phạm Văn Đồng được các đồng chí của mình gọi là "giáo sư đồ". Những năm 1940 - 1945, đồng chí đã tham gia đào tạo nhiều lớp cán bộ của Mặt trận Việt Minh. Tại Nam Trung Bộ, những năm 1947 - 1948, đồng chí đã sáng lập, là Hiệu trưởng danh dự và trực tiếp giảng dạy cho các Trường trung học Bình Dân, Trường trung học quân sự Bình Dân... Trên rừng Việt Bắc, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng chí mở lớp huấn luyện, trực tiếp giảng chính trị cho các cán bộ Phủ Thủ tướng. Về Hà Nội, trong thời chống Mỹ, cứu nước, nhiều lần đồng chí là người thuyết trình về những kiến thức mới trên nhiều lĩnh vực trong các buổi sinh hoạt của các thành viên Chính phủ. Nhiều học viên của đồng chí Phạm Văn Đồng sau này đã trở thành những chiến sĩ ưu tú, những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước.

Là Chủ tịch Ủy ban cải cách giáo dục Trung ương trong nhiều năm, đồng chí Phạm Văn Đồng quan tâm sâu sắc tới sự nghiệp "trồng người".

Quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam, theo tư tưởng

Hồ Chí Minh về đào tạo lớp người vừa hồng vừa chuyên kế tục sự nghiệp cách mạng, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu mỗi thầy giáo, cô giáo phải trả lời cho được các câu hỏi: Dạy cái gì? Dạy để làm gì?. Đồng chí đòi hỏi: "Nhà trường phải coi trọng giáo dục toàn diện cho học sinh, cả đạo đức, trí dục, thể dục và mỹ dục. Phải làm tốt giáo dục đạo đức cách mạng. Phải xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò, dạy ra dạy, học ra học" (10). Cho đến những năm tháng cuối đời, đồng chí vẫn coi *giáo dục là quốc sách hàng đầu, tương lai dân tộc*. Đồng chí kêu gọi lớp trẻ: "Các bạn hãy học tập để thành người và để làm người, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xứng đáng với cha anh, sánh vai cùng bạn bè trên thế giới" (11).

Là người đặc biệt chú trọng phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã giành thời gian nghiên cứu, viết nhiều bài là những tác phẩm văn hóa mẫu mực về các danh nhân văn hóa dân tộc, các vua Hùng, Hai Bà Trưng, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu... công trình nghiên cứu của đồng chí thường là các chuyên luận, phục vụ nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, có tính định hướng và chỉ đạo. Văn phong của đồng chí ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu và để lại những ấn tượng sâu sắc. Đồng chí đã nhiều lần bàn về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Những quan điểm của đồng chí về văn hóa ở tầm chiến lược vĩ mô, thể hiện quan điểm, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và Nhà nước ta.

Với giới trí thức, văn nghệ sĩ, đồng chí Phạm Văn Đồng là người bạn, người anh lớn

(9) Báo *Quân đội Nhân Dân*, ngày 5-5-2000

(10) Nói chuyện tại Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập ngành sư phạm, ngày 8-10-1981

(11) Báo *Giáo dục và Thời đại*, số 55, ngày 6-5-2000

với tấm lòng bao dung, đôn hậu, cảm thông sâu sắc. Yêu cầu mà đồng chí đặt ra cho anh chị em là khoa học và nghệ thuật phải theo phương châm "*hiểu biết, khám phá, sáng tạo*"; lập trường tư tưởng phải thấm nhuần tư tưởng lớn của Đảng, đường lối chính trị của Đảng, vì những tư tưởng lớn đó, đường lối đó là thể hiện ý chí lớn, nguyện vọng lớn của dân tộc.

Chín mươi tư tuổi đời, 75 năm hoạt động yêu nước và cách mạng, cuộc đời đồng chí Phạm Văn Đồng gắn liền với tất cả các thời kỳ lịch sử Đảng và cách mạng Việt Nam, từ thời kỳ vận động thành lập Đảng, thời kỳ Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, trải qua 30 năm chiến tranh cách mạng bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước đến thời kỳ cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội và bước vào công cuộc đổi mới. Đồng chí là người con tận trung với Đảng, tận hiếu với dân.

Với đồng chí, đồng bào, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn thể hiện niềm tin, tình thương yêu và lòng kính trọng, tận tụy phục vụ dân, học tập dân, phát huy dân và coi việc chăm lo đời sống, giải quyết những khó khăn của dân là quan trọng hàng đầu.

Với các bạn chiến đấu, nhất là những đồng chí tuổi cao sức yếu, đồng chí Phạm Văn Đồng thăm hỏi thân tình, dùng quỹ Thủ tướng mua tặng những món quà nhỏ, nhưng sâu nặng nghĩa tình và sự chân thành giữa những người đã cùng một thời "*nằm gai, nếm mật*".

Khiêm tốn, giản dị, không thích nói về mình, ghét thói phô trương hình thức là tính cách nổi bật của đồng chí Phạm Văn Đồng.

Trong gia đình, đồng chí Phạm Văn Đồng là người chồng chung thủy, người cha, người ông hiền từ, mẫu mực.

Công lao, đạo đức cách mạng, nhân cách của đồng chí là tấm gương sáng để chúng ta và các thế hệ con cháu mãi mãi tôn vinh.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Công cuộc đổi mới qua 20 năm đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, thử thách. Mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta phải xác định rõ trách nhiệm của mình đối với dân tộc, đối với Đảng, để nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Chính trong lúc chúng ta đang khẩn trương chuẩn bị Đại hội X của Đảng, cuộc đời chiến đấu và nhân cách cao đẹp của đồng chí Phạm Văn Đồng nêu lên cho chúng ta những bài học thấm thía và thiết thực, đặc biệt là tấm lòng suốt đời trọn vẹn vì nước, vì dân, sự cảm thông sâu sắc với mọi tầng lớp đồng bào, nhất là những người nghèo khó, sự chăm chút nâng niu "*người tốt, việc tốt*", sự kiên quyết vạch rõ và đấu tranh chống mọi hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sự chân thành và thẳng thắn tự phê bình, lời sống trong sạch, thanh tao và giản dị.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập tấm gương đồng chí Phạm Văn Đồng và các vị cách mạng tiền bối, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta quyết phấn đấu đưa công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước ta đến thắng lợi. Chúng ta tin tưởng rằng sự nghiệp đổi mới nhất định thành công, mang lại dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vinh quang thuộc về những đồng chí và đồng bào đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta! □

NÊU CAO DANH HIỆU ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PHẠM VĂN ĐỒNG

Lời Bộ Biên tập: *Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, chúng ta nhớ tới một con người – chín mươi tư tuổi đời, bảy mươi lăm năm hoạt động cách mạng liên tục, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.*

Nhân dịp này, chúng tôi trân trọng giới thiệu bài: “Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam” của đồng chí Phạm Văn Đồng viết cho Tạp chí Cộng sản cách đây hơn 6 năm, khi Đảng ta tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19-5-1999).

MỖI năm kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh là dịp chúng ta cùng nhau ôn lại những lời dạy của Người, để làm tốt hơn công việc đổi mới và phát triển đất nước ta, đem lại lợi ích cho nhân dân ta.

Như những kết quả nghiên cứu mấy năm nay cho thấy, càng đi sâu tìm hiểu, đối chiếu với cuộc sống hiện nay ở nước ta và trên thế giới, chúng ta càng hiểu rằng tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, bao quát mọi

mặt hoạt động của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sống động cùng nhân dân, đất nước và thời đại.

Năm nay, chúng ta kỷ niệm ngày sinh của Bác trong lúc toàn Đảng đang triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị 6 (lần 2) của Trung ương về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Nghị quyết đã đề ra một loạt biện pháp quan trọng và thiết thực, trong đó có cuộc vận động toàn Đảng xây dựng, chỉnh đốn

Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng. Cuộc vận động này tiến hành từ ngày 19 tháng 5 năm 1999 đến ngày 19 tháng 5 năm 2001, sau đó trở thành nền nếp, thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện Di chúc của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

Vì vậy, năm nay tôi muốn chúng ta hãy cùng nhau ôn lại những lời Bác dặn về Đảng trong Di chúc:

“Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh

đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Về vai trò lịch sử và những cống hiến của Đảng ta đối với dân tộc, mà các thế hệ nhân dân ta luôn luôn ghi nhớ, những lời trong Di chúc của Bác đã nói lên một cách giản dị và sâu sắc. Nghị quyết Hội nghị 6 (lần 2) của Trung ương cũng nêu rõ:

“Suốt bảy thập kỷ qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua bao gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, một lần nữa chứng minh sự phát triển và trưởng thành của Đảng. Thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Thành tựu đó rất to lớn và đáng tự hào”.

Đồng thời, Nghị quyết Trung ương cũng vạch ra rằng: “Tuy nhiên, trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém...”.

Tôi muốn nói thêm về những yếu kém đó.

1. Trước hết, *đánh giá tình hình Đảng ta*, từ đó rút kết luận. Cần thấy sự thật, nói đúng sự thật, nói hết sự thật với tinh thần và ý chí cách mạng tiến công, nghiêm khắc và sắc bén, làm nổi bật cái gì phải giải quyết và giải quyết thế nào cho có hiệu quả thiết thực.

Điều chủ yếu phải nhấn mạnh theo tinh thần trên là nhiều người có chức, có quyền trong hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng hư hỏng quá, thoái hóa biến chất, chạy theo chức, quyền, tiền,

danh và lợi. Những người ấy đang làm cho một bộ phận không nhỏ trong nhân dân ta ngày càng giảm lòng tin vào Đảng ta, đưa đến tình hình nguy kịch không thể coi thường, là sự hội nhập của 4 nguy cơ, tác động lẫn nhau và phá ta: có cái rõ, có cái chưa rõ, có mặt nổi, có mặt chìm, có cái trước mắt, có cái lâu dài, tất cả có thể đưa đến sự mất còn của chế độ và sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Không thể để tình hình diễn biến như vậy. Chúng ta phải vũ trang cho mình ý thức và ý chí tiến công, chủ động nắm lại tình hình, chống lại xu thế nguy hiểm nói trên.

Phải làm trong sạch bộ máy đảng, nhà nước, các đoàn thể quần chúng bằng cách thay đổi người có chức, có quyền hư hỏng, thoái hóa, biến chất. Phải rèn luyện, chủ yếu là qua thực tế công tác, người có chức, có quyền thực sự xứng đáng là người đầy tớ trung thành và người lãnh đạo của nhân dân, được dân tin, dân mến. Từ đó làm chuyển biến tình hình.

Để làm việc trên, phải sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng từ trên xuống dưới. Điều này chúng ta đã nói nhiều và hội nghị của Trung ương vừa rồi đã nhấn mạnh. Nhưng đây là điều cực kỳ khó khăn bởi vì tự mình phải mổ xẻ mình. Với tình hình hiện nay, tôi e rất dễ sa vào hình thức, làm qua loa, không kiên quyết, không có kết quả thiết thực.

Đảng phải trong sạch, lành mạnh. Đó là điều có ý nghĩa quyết định để Đảng lãnh đạo thực hiện thành công chiến lược lớn: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường, nhiều thành phần, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội

chủ nghĩa, vươn tới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước, từng phần làm cho chế độ ta ngày càng có nhiều chất dân chủ, chất dân làm chủ, chất chủ nghĩa xã hội. Như vậy, Đảng xứng đáng là người tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta.

2. Từ tình hình nói trên, tôi nói tới *tổ chức của Đảng và công tác phát triển Đảng*. Chúng ta thường được báo cáo rằng chất lượng tổ chức đảng và đảng viên là trong sạch, lành mạnh, chiếm đến 70% - 80%. Nhưng thực sự đâu có vậy, đảng viên một phần không nhỏ không có phẩm chất chính trị, tư tưởng và tác phong của người cộng sản.

Tôi muốn đặc biệt nêu bật ba điểm rất quan trọng: Về quan hệ của Đảng với công nhân, thành phần công nhân trong Đảng không nhiều. Về quan hệ của Đảng với tầng lớp trẻ, là số đông của dân cư nước ta, lớp trẻ không tha thiết vào Đảng. Về quan hệ của Đảng với trí thức, hiện nay trí thức cũng không quan tâm lắm đến việc gia nhập Đảng. Ba lớp người này không muốn vào Đảng bởi vì họ thấy nhiều tổ chức đảng và đảng viên chưa xứng đáng là đảng viên đảng cộng sản, chưa xứng đáng với Đảng của Hồ Chí Minh.

Một tình hình có ý nghĩa như một sự cảnh báo nghiêm trọng là tuổi đời trung bình của đảng viên đã lên đến 44 tuổi. Nếu cứ cái đà này tiếp diễn mà không được cải thiện từ 5 - 10 năm nữa Đảng ta chỉ còn là Đảng của những người đứng tuổi và cao tuổi.

Chúng ta quyết phải khắc phục cho được tình trạng này, làm cho Đảng chúng ta thực sự là một đảng quần chúng, giàu sức trẻ, giàu trí tuệ, giàu chất cách mạng.

3. *Đảng ta và công tác nghiên cứu lý luận.* Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta trong thời đại và thế giới ngày nay là việc làm mới mẻ, chưa có tiền lệ, vừa mò mẫm vừa làm, điều này càng đòi hỏi chúng ta phải đi vào thực tế cuộc sống của nhân dân với thái độ cách mạng và đổi mới để tìm tòi, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và từ thực tiễn nâng lên thành lý luận. Phải nói rằng về mặt này chúng ta làm chưa tốt, nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống chưa có giải đáp, chưa có hướng ra.

Tóm lại, có thể nói chúng ta đang đứng ở ngã ba đường. Cần thấy hết tình hình, rút ra kết luận nghiêm khắc với ý chí cách mạng tiến công. Bọn thù địch chống phá ta bằng “diễn biến hòa bình”, chúng biết nhân dân ta là kiên cường không thể coi thường, chúng biết Đảng ta với chỗ mạnh và chỗ yếu có thể khai thác. Chúng chờ cơ hội. Điều đáng sợ là “diễn biến hòa bình” từ nội bộ Đảng ta!

Về cuộc vận động toàn Đảng xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình vừa bắt đầu, điều tôi muốn nhấn mạnh là: hành động thực tế, việc làm và kết quả thiết thực.

Chỉ có một thước đo kết quả của tự phê bình và phê bình: Đó là trong cuộc sống hiện thực, bằng những việc làm và kết quả mà nhân dân có thể nhận thấy và kiểm tra, thực sự Đảng ta, đảng viên của Đảng ta có nâng cao được hay không, nâng cao được đến đâu và như thế nào, năng lực lãnh đạo, phẩm chất cách mạng và sức chiến đấu của Đảng và đảng viên.

Chỉ có việc làm đem lại kết quả thiết thực trong đời sống của các tầng lớp nhân dân khắp các miền của đất nước mới tăng thêm

lòng tin của nhân dân, cải thiện quan hệ giữa Đảng và dân, gắn bó Đảng với dân, dân với Đảng và đó là nguồn gốc sức mạnh của Đảng ta.

Phạm vi tự phê bình và phê bình bao quát: tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Như thế là rất rộng, về từng người cần nêu rõ trọng điểm, nếu không sẽ dễ tràn lan, có khi bỏ cái chính, sa vào cái phụ, thậm chí không gỡ được ra, mà lại gây thêm rối.

Về đạo đức, lối sống, phải tập trung vào những khuyết điểm, sai lầm nặng nhất, phổ biến nhất, nổi cộm nhất, nhân dân bất bình và chê trách nhất. Đó là tham nhũng, tư lợi và quan liêu cửa quyền, phiền hà sách nhiễu dân và biết bao ảnh hưởng tiêu cực của nó đang gây ra một cách rộng khắp với những tác hại không lường hết được mà Bác Hồ đã nói: trăm con mắt đều nhìn vào, trăm ngón tay đều chỉ vào.

Đây là một chuỗi của những sai lầm, những hư hỏng có liên quan mật thiết đến tình hình phức tạp hiện nay của đất nước và nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân. Cho nên việc tự phê bình và phê bình phải có hiệu quả, từ đó từng bước thanh toán những sai lầm, hư hỏng ấy, đem lại nguồn ánh sáng cho đất nước và nguồn phấn khởi cho nhân dân, là điều mà nhân dân, cán bộ các cấp, các ngành đều mong đợi.

Phát huy thành tựu và truyền thống gần 70 năm nay của Đảng ta, gắn bó với nhân dân ta, chúng ta hoàn toàn có thể và nhất định thành công trong việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta, tạo cho đất nước cái thế vững bước đi lên, chỉ một hướng, một đường, con đường lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên đất nước Việt Nam ta. □

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG KINH YÊU SÔNG MÃI TRONG LÒNG ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI

HỒ NGHĨA DŨNG *

THỦ tướng Phạm Văn Đồng, một con người đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; đồng thời cũng là người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi, một danh nhân lịch sử mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi chúng tôi mãi mãi tạc dạ, ghi lòng với biết bao nhân nghĩa, ân tình. Và cũng chính từ mối thâm tình, nặng nghĩa đó mà chúng tôi xin được xưng với cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng là Bác Đồng, Bác Phạm Văn Đồng thân thương, ruột thịt.

Quảng Ngãi là một tỉnh nằm ở ven biển Nam Trung Bộ với biểu tượng văn hiến thiêng liêng sông Trà - núi Ấn, nơi mà hàng nghìn năm trước là chiếc nôi của nền văn hóa Sa Huỳnh, nơi tụ cư từ lâu đời của bốn dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam là Kinh, H're, Cor và Ca Dong. Miền quê của chúng tôi trước đây được cả nước và người nước ngoài biết đến với những "đàn" xe nước trên sông Trà Khúc, sông Vệ - những công trình thủy nông thể hiện thành quả sáng tạo của bao thế hệ người nông dân đã kiên trì, bền bỉ đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt để sinh tồn và xây dựng quê hương; là nơi có những chiến công đi vào lịch sử oai hùng của dân tộc

như khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng, chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường; và cũng là nơi mà đất và người cháy bỏng nỗi đau của những vụ thảm sát Sơn Mỹ, Ba Làng An... Ngày nay, trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Quảng Ngãi được đồng chí, đồng bào trong nước cùng bè bạn, đối tác nước ngoài biết đến là nơi mà Đảng và Nhà nước ta đã lựa chọn đầu tư, xây dựng Khu kinh tế Dung Quất với "hạt nhân" là Nhà máy lọc dầu số I, để cùng với các địa phương khác trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung làm sống dậy một vùng quê gian lao mà anh dũng.

Trải qua quá trình gian khổ, kiên trì khai phá, xây dựng và bảo vệ quê hương, vượt qua những trở lực của tự nhiên và xã hội, cũng như đồng bào cả nước, người Quảng Ngãi đã gây dựng, đắp bồi nên những truyền thống lịch sử - văn hóa tốt đẹp, mà nổi bật là tình yêu quê hương, đất nước, ý chí cộng lực, kết đoàn, bản tính cần cù, nhẫn nại và đặc biệt là truyền thống ngoan cường chống ngoại xâm, bất công, áp bức. Tiêu biểu cho truyền thống đó là tên tuổi của những người con Quảng Ngãi mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc như Trần Quang Diệu - danh tướng của phong trào

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

nông dân Tây Sơn; Bình tây Đại nguyên soái Trương Định - lãnh tụ nghĩa binh kháng Pháp lừng danh khắp Nam Kỳ - lục tỉnh; Lê Trung Đình - thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Cần Vương đầu tiên trong cả nước...

Chính truyền thống tốt đẹp mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi luôn luôn trân trọng và đắp bồi đó đã góp phần hun đúc nên con người và nhân cách Bác Phạm Văn Đồng. Và chính con người, sự nghiệp, nhân cách Bác Phạm Văn Đồng đã làm cho truyền thống của miền quê mà Bác sinh ra thêm rạng rỡ, làm cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi nhận thức sâu sắc công ơn trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và Đảng Cộng sản Việt Nam vĩ đại. Có Đảng, có Bác Hồ, có sự nghiệp đấu tranh yêu nước - cách mạng của cả dân tộc mà đồng bào, đồng chí Quảng Ngãi có được Phạm Văn Đồng - người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là một danh nhân tiêu biểu của miền đất "sông Trà - núi Án".

Đối với Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú và sôi nổi hơn 70 năm của Bác Phạm Văn Đồng vừa gắn bó với lịch sử đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân tộc, vừa có mối quan hệ sâu sắc với quê hương trên từng chặng đường lịch sử. Những năm 20 - 30 của thế kỷ trước, người thanh niên Phạm Văn Đồng là hình ảnh tiêu biểu của người trí thức xuất thân trong một gia đình khoa bảng, quan lại nhưng sớm tầm mắt mình trong các phong trào yêu nước - cách mạng của quê hương, đất nước để trở thành chiến sỹ cách mạng. Năm 1927, tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập ở Quảng Ngãi. Mùa xuân năm 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi ra đời. Kết quả đó có công lao và sự đóng góp của Bác Phạm Văn Đồng. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), dù chỉ về với quê nhà trong một thời gian ngắn vào mùa hè năm 1936 nhưng Bác Phạm Văn

Đồng đã nhanh chóng liên lạc với tổ chức đảng ở địa phương, tạo điều kiện cho Đảng bộ nối liên lạc với xứ ủy Trung Kỳ và tham gia tuyên truyền, chỉ đạo phong trào cách mạng.

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khi được Trung ương Đảng và Chính phủ cử làm đặc phái viên của Chính phủ trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ (từ cuối năm 1946 đến cuối năm 1948), Bác Phạm Văn Đồng đã có những quyết định đúng đắn, sáng tạo và đóng góp to lớn đối với cuộc kháng chiến ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Quán triệt sâu sắc đường lối "*kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh*" của Trung ương, đồng thời với tầm nhìn chiến lược của một nhà lãnh đạo tài ba, giàu đức độ, Bác Phạm Văn Đồng đã chỉ đạo, truyền đạt, hướng dẫn một cách vừa toàn diện, vừa cụ thể chủ trương của Trung ương đến với Đảng bộ và nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ, trong đó có Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, góp phần tích cực biến Nam Trung Bộ thành một vùng căn cứ vững mạnh toàn diện, cùng cả nước và với cả nước giành thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đối với Quảng Ngãi, tuy chỉ có gần 13 năm trực tiếp chỉ đạo và sống giữa lòng đồng chí, đồng bào quê nhà, nhưng Bác Phạm Văn Đồng đã để lại dấu ấn sâu đậm trên tất cả các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội: từ công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đến các phong trào thi đua yêu nước đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng tự cấp, tự túc; từ công tác xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân du kích theo đường lối toàn dân kháng chiến đến các hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa, từ sự chăm lo đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, xây dựng đời sống mới.

Cũng trong thời gian sống ở quê nhà, Bác Phạm Văn Đồng đã gương mẫu nêu một tấm gương sáng ngời của người lãnh đạo, người đảng viên thực hành lời dạy của Bác Hồ về đạo đức của người cộng sản "*cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*". Ở đâu và lúc nào Bác Đồng cũng giữ tác phong gần gũi, giản dị; kính già, yêu trẻ; nói ít, nghe nhiều; đi sâu tìm hiểu nguyện vọng của quần chúng nhân dân; khuyến khích người hay, việc tốt; ân cần chỉ bảo, dẫn dắt những người chưa hiểu, chưa thông. Bác đến tận vùng cao Trà Bồng để thăm đồng bào dân tộc Cor, thay mặt Chính phủ trao Huân chương Quân công hạng nhì cho cụ Phó Mục gia, một trong những thủ lĩnh phong trào kháng Pháp ở miền núi Quảng Ngãi; thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, động viên các văn nghệ sỹ; thăm các bậc phụ lão, động viên thầy trò Trường trung học bình dân Nam Trung Bộ, Trường trung học Lê Khiết phấn đấu, rèn luyện để đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp chống ngoại xâm và xây dựng đất nước.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là người giữ trọng trách trong Đảng, đứng đầu Chính phủ, tham gia lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, nhưng trong nỗi lo chung, sự toàn tâm, toàn ý cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng thì quê nhà vẫn canh cánh một niềm riêng trong lòng Bác Phạm Văn Đồng. Bác quan tâm theo dõi ngày đêm tình hình đấu tranh cách mạng của tỉnh. Mỗi khi có cán bộ, chiến sỹ ở Quảng Ngãi ra Bắc, có dịp gặp, Bác Đồng đều ân cần thăm hỏi tình hình sức khỏe của từng người, yêu cầu kể cho Bác nghe những chuyện đấu tranh gian khổ, ác liệt và thành tích của đồng bào, đồng chí ở quê hương. Bác ghen ngạo, xúc động trước sự hy sinh của nhân dân, chiến sỹ và động viên mọi người tiếp tục chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Những lần Đại hội Đảng bộ tỉnh hay khi chuẩn bị cho chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

Bác đều gửi điện thăm hỏi, động viên, nhắc nhở, khích lệ. Nhờ đó, đã tạo thêm sức mạnh mới cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Bác cũng dành những tình cảm sâu nặng với những người con của quê hương Quảng Ngãi đi tập kết hoặc học tập ở miền Bắc. Bác đến dự các cuộc gặp mặt đồng hương Quảng Ngãi tại Hà Nội, nhắc nhở, động viên mọi người giữ gìn, phát huy bản chất tốt đẹp của quê hương, đoàn kết, gắn bó với đồng chí, đồng bào các địa phương khác. Nhờ sự khích lệ của Bác, những người con của quê hương Quảng Ngãi đã ra sức khắc phục khó khăn, hăng say học tập, công tác và nhiều người đã thành đạt, trở thành những nhà lãnh đạo, nhà khoa học, văn nghệ sỹ, những anh hùng trong lao động và chiến đấu.

Đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, tháng 6-1975, Bác Phạm Văn Đồng trở về thăm miền Nam, thăm quê hương Quảng Ngãi sau hơn 26 năm xa cách (kể từ năm 1949, Bác chia tay với tỉnh nhà ra chiến khu Việt Bắc, cùng Trung ương lãnh đạo kháng chiến). Trong niềm cảm động, mừng vui khôn xiết của ngày gặp lại, thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ Bác biểu dương những thành tích to lớn của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, đồng thời nhắc nhở nhiệm vụ cần thiết và cấp bách là phải ổn định tình hình an ninh chính trị, khắc phục hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc. Bác về thăm Đức Tân - Mộ Đức, viếng mộ song thân và thấp hương trên bàn thờ tổ tiên, búi ngùi đứng trước ngôi nhà xưa đã đổ nát vì bom đạn Mỹ. Bác dành thời gian thăm con cháu họ tộc cho thỏa lòng nhớ mong sau bao nhiêu năm xa cách. Bác cũng dành nhiều thời gian thăm cán bộ, nhân dân một số huyện đồng bằng và miền núi, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các đồng chí lão thành cách mạng trong tỉnh. Trong buổi nói chuyện với cán bộ lãnh đạo tỉnh nhà sáng ngày 20-6-1975, Bác Phạm Văn Đồng đã dành thời gian phân tích, chỉ rõ nhiệm vụ cách mạng

của Đảng bộ trong giai đoạn mới. Bác Phạm Văn Đồng nói: *"Ngày nay tình hình đã khác hẳn trước, toàn bộ nước Việt Nam đã được giải phóng, Tổ quốc được độc lập, tự do, nhân dân được làm chủ đất nước mình và ngày nay chúng ta là đảng cầm quyền, các đồng chí là người cầm quyền ở tỉnh Quảng Ngãi, đó là điều rất mới phải không? Mới lắm. Cho nên các đồng chí phải thấy cái mới này mà cố gắng học hỏi, cố gắng làm mọi cách để thấy cho được cái mới đang hình thành và từ đó thấy cho được những cái mới mình phải làm không đơn giản một chút nào đâu các đồng chí"*.

Những năm sau, mỗi lần có dịp về thăm và làm việc với quê nhà, Bác Phạm Văn Đồng đều căn dặn các đồng chí lãnh đạo tỉnh, chú ý công tác xây dựng đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, công tác xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, chăm lo đời sống và sức khỏe của nhân dân. Tháng 10-1991, Bác về dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (tháng 10-1991, vòng 2) và có bài phát biểu quan trọng, định hướng phát triển toàn diện cho quê hương Quảng Ngãi, điều mà Bác canh cánh bên lòng và cũng là niềm trăn trở của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo các ngành và các địa phương, Bác không đồng tình cách nói chung chung, quanh co, xa rời thực tế, Bác muốn các cấp ủy và chính quyền phải nhìn thẳng vào sự thật, đưa ra những giải pháp, chỉ tiêu, con số cụ thể. Bác nhắc nhở nhiều đến sự đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân, phải lưu ý khắc phục thói *"...hẹp hòi, khắt khe, cố chấp..."* còn rói rọt trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng - tàn dư lạc hậu của một thời đã qua trong tính cách của người Quảng Ngãi đề phát triển, đi lên cùng cả nước. Biết tình nhà còn nghèo và đời sống nhân dân hết sức khó khăn, Bác rất quan tâm đến sự phát triển của tỉnh, đặc biệt trong những thời khắc quan trọng của các công trình quốc gia ở Thạch Nham, Dung Quất, đồng thời Bác luôn luôn nhắc nhở tránh tư tưởng ỷ lại vào

cấp trên, vào Nhà nước, phải hết sức phát huy nội lực của tỉnh, năng động, sáng tạo trong công cuộc xây dựng quê hương. Với gia tộc cũng vậy, Bác luôn nhắc nhở bà con xây dựng gia đình văn hóa, phát triển kinh tế, chú tâm giáo dục con em làm những công dân tốt của xã hội. Trong những năm cuối đời tuy tuổi cao, sức yếu nhưng hầu như năm nào Bác cũng về thăm quê, dành nhiều thời gian để lắng nghe và chỉ bảo nhiều ý kiến cho việc xây dựng quê hương, thăm đồng chí, đồng bào trong tỉnh. Những tình cảm của Bác Phạm Văn Đồng dành cho quê hương thật tràn đầy, trọn vẹn, thể hiện một nhân cách cao cả. Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi khắc ghi và làm theo những lời Bác dặn, lời chúc của Bác trong lần về thăm quê cuối cùng (ngày 4-3-1999): *"Chúc Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết phấn đấu mỗi năm tiến thêm một bước, từ tỉnh kém phát triển lên phát triển trung bình và trở thành tỉnh khá trong cả nước"*.

Thực hiện lời dạy cũng như đền đáp lại tình cảm của Bác Phạm Văn Đồng dành cho quê hương, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã luôn luôn phấn đấu làm đúng tâm nguyện của Bác.

Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Ngãi luôn luôn thực hiện nghiêm túc lời dạy của Bác Đồng để hoàn thành nhiệm vụ Trung ương giao phó, tích cực tăng gia sản xuất, bổ phòng chiến đấu, thực hiện *"kháng chiến kiến quốc"*, chi viện sức người, sức của cho các tỉnh bạn phía Nam cũng như Tây Nguyên và Hạ Lào, góp phần đáng kể vào sự nghiệp kháng chiến của toàn dân tộc, xứng đáng là hậu phương vững mạnh của Liên khu V. Nhiều người là con em Quảng Ngãi sau này

trưởng thành, trở thành những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước hay những nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ có tên tuổi đến nay vẫn còn cảm kích trước tấm lòng quan tâm của Bác Phạm Văn Đồng, của người thầy kính mến, đức độ, đã giảng dạy mình nên người khi đang còn học ở Trường bình dân Nam Trung Bộ, hay các lớp bồi dưỡng đề cương văn hóa của Đảng... với tấm lòng biết ơn vô hạn.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để xứng đáng là quê hương của Thủ tướng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã vượt qua vô vàn gian khổ, hy sinh đưa tỉnh nhà trở thành một trong những địa phương đi đầu trong phong trào cách mạng của miền Nam nói chung, Liên khu V nói riêng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng đi theo Đảng và Bác Hồ làm cách mạng. Dù bị Mỹ - Diệm đàn áp tàn khốc trong các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" (1954 - 1959) hay những vụ thảm sát man rợ do giặc Mỹ gây ra ở Hòa Bình, Sơn Mỹ... nhưng cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi vẫn không khuất phục, phát huy truyền thống anh dũng, kiên cường của mình, đứng lên chống lại Mỹ - ngụy, giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính trong những năm ác liệt đó, với tình cảm sâu đậm, chân thành, để thể hiện lòng biết ơn Bác Đồng đã quan tâm nhiều đến đồng bào dân tộc, năm 1969 đồng bào dân tộc H're ở huyện Ba Tơ đã tự nguyện lấy họ Phạm của Bác đặt cho mình và lưu giữ mãi mãi cho con cháu về sau nhằm học tập, noi gương Bác.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục thực hiện lời dạy của Bác Phạm Văn Đồng, một lòng một dạ tin tưởng vào con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn. Qua các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh, đại hội các huyện, thành phố, cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi luôn luôn phấn đấu, tìm tòi, sáng tạo, phấn đấu vươn lên,

để đưa quê hương ngày càng đi lên vững chắc. Ôn nặng, tình sâu, không phụ lòng mong mỏi của Bác Đồng, mấy chục năm qua, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi không ngừng phấn đấu để những ước nguyện của Bác dần trở thành hiện thực. Kinh tế - xã hội Quảng Ngãi đã bắt đầu phát triển. Công trình đại thủy nông Thạch Nham đã phát huy hiệu quả to lớn trong sản xuất nông nghiệp. Các khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú được hình thành, mở rộng. Khu kinh tế Dung Quất ngày càng khởi sắc, tạo đà cho Quảng Ngãi đi lên, nhất là trong những năm gần đây. Chỉ tính riêng từ năm 2000 đến nay tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đã tăng bình quân hằng năm từ 8,56% lên 10,3%, riêng năm 2005 đạt 11,7% cao nhất từ trước đến nay; GDP bình quân đầu người từ 192 USD lên 325 USD; điện lưới quốc gia đã đến 100% các xã trong tỉnh với tỷ lệ hộ sử dụng điện trên 90%; mạng lưới bưu chính - viễn thông rộng khắp cả tỉnh, tạo điều kiện cho thông tin - liên lạc thuận lợi; tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 97%, truyền hình đạt 92%; 70% số trạm y tế có bác sỹ; tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, năm 2005 còn 8,78% (theo chuẩn cũ); mỗi năm tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm cho khoảng 30.000 lao động...

Tuy nhiên, do hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề, xuất phát điểm kinh tế còn thấp, tư duy chậm đổi mới, thiếu năng động của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh, nên trong thời điểm hiện tại, Quảng Ngãi vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều vấn đề kinh tế, xã hội cần phải giải quyết. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh nhà cần phải phấn đấu nhiều hơn nữa, thực hiện nghiêm lời dạy của Bác Đồng, phát huy mạnh mẽ truyền thống tốt đẹp của quê hương, khắc phục cho được những yếu kém, khuyết điểm, quyết tâm đưa Quảng Ngãi vững bước đi lên.

Để ghi nhớ công ơn Bác Phạm Văn Đồng, Tỉnh ủy đã ra quyết định vào dịp sinh nhật Bác

(Xem tiếp trang 31)



ĐẨY MẠNH HƠN NỮA CÔNG TÁC KHOA GIÁO TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN KHOA ĐIỂM *

NĂM 2005, chúng ta tổng kết công tác khoa giáo đúng vào lúc các địa phương trong cả nước đang hòa chung không khí phấn khởi, thắng lợi của Đại hội đảng bộ các cấp; đặc biệt là toàn dân, toàn quân ta phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm nhiệm kỳ Đại hội IX (2001 - 2005), triển khai những công việc quan trọng để đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Đây cũng là thời điểm mà Đảng ta có điều kiện nhìn lại toàn bộ quá trình 20 năm đổi mới đất nước, rút ra những bài học kinh nghiệm, tổng kết, bổ sung lý luận từ thực tiễn, nâng tầm trí tuệ của toàn Đảng, xác lập cách nghĩ và cách làm mới, tạo được những động lực mới thúc đẩy mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện hơn nữa công cuộc đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổng kết công tác khoa giáo lần này, phải thể hiện và xuyên suốt được tinh thần đó, góp phần vào sự nghiệp bồi dưỡng và phát huy nguồn nhân lực đất nước, sự nghiệp rất nặng nề, song cũng rất vẻ vang của chúng ta.

Thời gian qua, công tác khoa giáo của Đảng và hoạt động của các ngành trong lĩnh

vực khoa giáo cả nước đã có chuyển biến rõ nét, đạt được những kết quả đáng khích lệ. Ngành giáo dục - đào tạo đã có những biện pháp cụ thể chỉ đạo việc tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục, kiên cố hóa trường học, đổi mới chương trình và sách giáo khoa; tập trung bồi dưỡng giáo viên, tiếp tục chỉ đạo cải tiến công tác thi và tuyển sinh, phát triển giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc; chỉ đạo xây dựng quy mô và chất lượng đào tạo nghề trong hệ thống các trường dạy nghề của cả nước. Khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung nghiên cứu ứng dụng đạt được nhiều kết quả; tiếp tục thúc đẩy thị trường khoa học - công nghệ; xây dựng được một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia nhằm nâng cao năng lực khoa học - công nghệ cho đất nước. Khoa học xã hội và nhân văn đã tham gia tích cực và có được kết quả rất lớn trong việc tổng kết lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới đất nước, cung cấp những luận cứ và cơ sở khoa học rất thiết thực cho việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội X của Đảng. Ngành y tế có nhiều có

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

gắng trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; hệ thống khám, chữa bệnh được mở rộng, nhất là y tế cơ sở (99% xã, phường có trạm y tế); tham gia có hiệu quả vào việc phòng, chống dịch cúm gia cầm; đặc biệt đã tích cực triển khai Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; xây dựng và thực hiện chiến lược phòng, chống đại dịch HIV/AIDS ở Việt Nam trong những năm tới. Ngành dân số, gia đình và trẻ em đã tích cực triển khai Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; thực hiện một số chương trình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm thực hiện tốt các quyền cơ bản của trẻ em, tuyên truyền, triển khai xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo tinh thần Chỉ thị 49-CT/TW của Ban Bí thư. Ngành thể dục - thể thao đã tăng cường đưa thể dục - thể thao quần chúng về cơ sở; đã có trên 17,4% dân số cả nước tham gia luyện tập thể dục - thể thao thường xuyên; 79% số trường học bảo đảm chương trình giáo dục thể chất có nền nếp; đặc biệt thể thao thành tích cao đã có những kết quả hết sức ấn tượng; Đoàn thể thao Việt Nam tham gia SEA Games 23 tại Phi-lip-pin vượt mục tiêu của Nhà nước giao. Công tác khoa học được chú trọng, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam được mở rộng. Hội khoa học và kỹ thuật đã được thành lập tại 56 ngành, nghề ở trung ương, 39 tỉnh, thành phố có Liên hiệp hội; công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội ngày càng được chính quyền các cấp và xã hội thừa nhận. Công tác bảo vệ môi trường đã và đang xây dựng, triển khai các chương trình hành động cụ thể theo tinh thần của Nghị quyết 41-NQ/TW của

Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công tác khoa giáo của Đảng đã được đẩy mạnh và đem lại những kết quả đáng ghi nhận. Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy đã tham mưu giúp các tỉnh, thành ủy đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2001 - 2005 về các lĩnh vực khoa giáo ở địa phương, trên cơ sở đó tiếp tục tham mưu giúp các tỉnh, thành ủy xây dựng các nội dung về công tác khoa giáo trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2005 - 2010. Bên cạnh đó, Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy còn tham mưu cho các tỉnh, thành ủy triển khai nghiêm túc, sát hợp và có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực khoa giáo, nhất là các nghị quyết, chỉ thị mới ban hành trong 2 năm 2004 - 2005; tổ chức, tiến hành giao ban, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khoa giáo ở cơ sở. Kết quả hoạt động đáng biểu dương đó của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa giáo các tỉnh, thành ủy đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, được các cấp ủy, chính quyền và nhân dân đánh giá cao.

Có được những kết quả quan trọng đó của toàn ngành, trước hết là do sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng, Chính phủ; sự quản lý, điều hành cụ thể, trực tiếp của các bộ, ngành trong Khối, sự tham mưu và hoạt động tích cực, chủ động của Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy trong cả nước. Những thành tích nói trên cũng gắn liền với vai trò chỉ đạo của Ban Khoa giáo Trung ương. Năm 2005, Ban đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức

năng tham mưu cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, dự thảo một loạt các nghị quyết, chỉ thị mới được ban hành. Bên cạnh đó, Ban cũng có những đóng góp quan trọng vào quá trình tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới đất nước, góp phần thiết thực vào việc chuẩn bị dự thảo Văn kiện Đại hội X của Đảng, giữ quan hệ phối hợp công tác chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành trong Khối, với cấp ủy và Ban Tuyên giáo các địa phương trong cả nước.

Bên cạnh những thành tích nói trên, công tác khoa giáo của chúng ta vẫn còn những bức xúc mà xã hội rất quan tâm: chất lượng giáo dục - đào tạo vẫn còn bất cập so với yêu cầu; tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan vẫn chưa được khắc phục; vấn đề y đức, quản lý thuốc chữa bệnh còn nhiều thiếu sót; bộ máy, mạng lưới và tác dụng thực tế của khoa học - công nghệ nói chung, nhất là các tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường còn thiếu và yếu; những vi phạm đạo đức của một số vận động viên, trọng tài của ngành thể dục - thể thao không những không được khắc phục mà còn có biểu hiện phức tạp thêm; chất lượng dân số thấp; chính sách tập trung, phát huy năng lực đội ngũ trí thức còn thiếu và chưa phù hợp; căn bệnh chạy theo bằng cấp, học hàm, học vị... chưa có biện pháp khắc phục. Trong nhận thức, quan điểm, một số vấn đề mới phát sinh như xã hội hóa, thị trường dịch vụ, quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trọng yếu và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của một số bộ, ngành còn rất lúng túng trong xử lý thực tiễn... Với vị trí, chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Khoa giáo Trung ương, các bộ, ngành trong Khối, Ban Khoa giáo các tỉnh, thành phố sẽ tham mưu kịp thời và cụ thể, hành động quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa thúc

đẩy hoạt động khoa giáo góp phần đắc lực cho quá trình phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Để công tác khoa giáo ngày càng xứng đáng với vai trò quốc sách hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước chúng ta cần làm tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, vào đầu quý II năm 2006, đất nước ta sẽ diễn ra một sự kiện trọng đại, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Đây là Đại hội hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, Đảng ta sẽ đề ra hàng loạt quyết sách quan trọng, trong đó đặt rõ những quyết sách về lĩnh vực khoa giáo. Cần phải chủ động sáng tạo hơn nữa trong nghiên cứu, tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện các mục tiêu chung về công tác khoa giáo mà Đại hội X đề ra. Bên cạnh đó, cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành trong 2 năm gần đây. Tăng cường công tác lý luận tiếp tục làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cũng như lý luận từng chuyên ngành trong Khối Khoa giáo với quy mô và chất lượng mới; khởi động tốt hơn nữa hoạt động lý luận, tiếp tục mở rộng chương trình tổng kết khoa học - thực tiễn 20 năm đổi mới vừa qua.

Hai là, thực tiễn đất nước qua 20 năm đổi mới đã khẳng định vai trò khoa giáo trong sự nghiệp phát triển đất nước; trí thức, nhân tài góp phần to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các lực lượng trong đội quân công tác khoa giáo cần nhận thức rõ trách nhiệm này.

Đó là, phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị thuộc lĩnh vực khoa giáo mà Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Đảng đề ra; tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, phát triển đất nước do Đảng ta lãnh đạo. Cần phối kết hợp tốt hơn nữa giữa Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành trong nắm bắt tình hình, tổng kết thực tiễn, xác định những vấn đề cốt lõi, những nội dung chủ đạo có tính cơ bản nhất trong các lĩnh vực khoa giáo, qua đó tham mưu cho Đảng để kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách, tạo sự chuyển biến thực chất, đưa khoa học và giáo dục thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy phải năng động, sáng tạo hơn nữa trong công tác tham mưu cho cấp ủy. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị khác về lĩnh vực khoa giáo, phải cụ thể hóa thành những hoạt động thiết thực, có hiệu quả. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác khoa giáo ở cơ sở, tiến hành giao ban, tập huấn thường kỳ và có nội dung thiết thực, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và uy tín của tổ chức.

Ba là, sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước càng được đẩy mạnh, đòi hỏi của xã hội đối với công tác khoa giáo Đảng càng trở nên cấp thiết. Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đội ngũ cán bộ làm công tác khoa giáo của Đảng phải tự ý thức

rõ trách nhiệm được giao, tham mưu, tổ chức triển khai nghiêm túc quyết định của Đảng và Nhà nước, bảo đảm đổi mới toàn diện sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học - công nghệ; bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân về chăm sóc sức khỏe, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng dân số, đạo đức thể dục - thể thao, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi Việt Nam... Để làm được điều đó, đội ngũ những người hoạt động trong các lĩnh vực khoa giáo phải tận tụy và tinh thông nghiệp vụ hơn nữa, đoàn kết và cộng đồng trách nhiệm trong quá trình thực thi chức trách được giao. Phải tự học hỏi, nâng cao trình độ về mọi mặt, làm việc với ý thức tổ chức, kỷ luật cao, có tính sáng tạo và hiệu quả.

Bốn là, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành, Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy cần hết sức quan tâm đến giáo dục tư tưởng - đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân viên trong ngành theo chương trình "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh" do Đảng phát động. Việc học tập và thực hành đạo đức, nếp sống trong sáng, lành mạnh phải gắn liền với đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Năm là, các cấp ủy phải nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa to lớn của công tác khoa giáo đối với cả nước nói chung và đối với từng địa phương nói riêng. Mỗi cấp ủy có trách nhiệm cùng với các cơ quan chuyên môn đưa hoạt động khoa giáo bám sát đời sống, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, phát huy nhân tài, đem lại chất lượng cuộc sống ngày càng tốt đẹp. □

CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

HÀ THỊ KHIẾT *

GẢI phóng và phát triển toàn diện đối với phụ nữ là một trong những mục tiêu của cách mạng Việt Nam, một trong những nhân tố cơ bản, quyết định sự phát triển của đất nước, của dân tộc. Do vậy, ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước, vấn đề giải phóng phụ nữ, thực hiện quyền bình đẳng nam, nữ đã được xác định rất rõ ràng. Đảng ta luôn coi công tác phụ nữ và cán bộ nữ là bộ phận không tách rời của công tác vận động cách mạng nói chung và công tác cán bộ nói riêng; đã có nhiều chủ trương, chính sách để thực hiện giải phóng phụ nữ và tạo điều kiện để phụ nữ phát triển.

Là một tổ chức chính trị - xã hội với chức năng đại diện cho quyền bình đẳng dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, tham gia quản lý Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam luôn chủ động trong công tác tham mưu, tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời các chủ trương của Đảng, góp phần làm chuyển biến nhận thức và hành động về công tác cán bộ nữ. Nổi bật là, chủ động trong công tác tuyên truyền vận động bầu cử, tổ chức tập huấn về giới, kỹ năng lãnh đạo cho các nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân mới tham gia lần đầu; tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, đề xuất giải pháp

tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý; tham mưu giúp Ban Bí thư Trung ương và các cấp ủy tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW về công tác cán bộ nữ. Đặc biệt, qua Hội nghị toàn quốc Tổng kết Chỉ thị 37, với sự chủ trì của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đã tạo nên tác động lớn trong việc góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác cán bộ nữ. Hội tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác vận động phụ nữ và cán bộ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, chủ động phối hợp với các tỉnh, thành ủy chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp, đề xuất những kiến nghị giúp các cấp ủy tăng cường cán bộ nữ tham gia cấp ủy nhằm bảo đảm tỷ lệ 15%, như tinh thần Chỉ thị số 46 của Bộ Chính trị.

Với sự quan tâm của Đảng, sự tham mưu tích cực của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam, đội ngũ cán bộ nữ trong những năm qua đã vươn lên, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức không ngừng trưởng thành, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Nhiều cán bộ nữ được

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

giao giữ những cương vị lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể; nhiều chị trở thành những nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, những cán bộ quản lý các doanh nghiệp thành đạt. Trong thử thách của nền kinh tế thị trường và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phần lớn cán bộ nữ được đào tạo cơ bản, có chuyên môn nghiệp vụ; nhạy bén, năng động, sáng tạo; có trách nhiệm cao trong công tác và tinh tế trong ứng xử, giữ được lối sống lành mạnh, có phẩm chất tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tôn trọng kỷ luật, tuân thủ pháp luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ là những tấm gương lao động sáng tạo tiêu biểu cho phụ nữ Việt Nam. Đó là kết quả quá trình đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ và chăm lo của các cấp ủy, sự phấn đấu của chính bản thân mỗi cán bộ nữ, thể hiện sự nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền các cấp trong nhận thức và hành động nhằm phát huy vị trí, vai trò, của đội ngũ cán bộ nữ.

Trong 20 năm đổi mới vừa qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, công tác cán bộ nữ đã được Hội Liên hiệp Phụ nữ và ban nữ công các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm, trở thành chủ trương chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp và các đoàn thể. Công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ nữ được quan tâm nhiều hơn ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Đảng, Nhà nước có nhiều chủ trương chính sách tạo điều kiện cho cán bộ nữ học tập, rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Việc phát triển đảng trong phụ nữ và bồi dưỡng chị em trở thành cán bộ chủ chốt ở các cấp ngày càng được chú trọng. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ nữ đã liên tục phát triển và không ngừng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng những đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đạt 8,6%; Ban Chấp hành các cấp bộ đảng nhiệm kỳ

2001 - 2005 tăng hơn so với nhiệm kỳ trước: ở cấp tỉnh, thành ủy đạt 11,32%; cấp huyện, quận, thị xã: 12,89%; cấp xã, phường, thị trấn: 11,88%; trong đó, có chị trong Ban Bí thư Trung ương Đảng, 3 chị giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy và 8,66% số ủy viên Ban Thường vụ tỉnh, thành ủy là nữ. Trong các cơ quan dân cử, đại biểu Quốc hội khóa X là nữ chiếm 26,22%, khóa XI là 27,31%. Cán bộ nữ giữ cương vị Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội khóa XI chiếm tỷ lệ 25%, v.v... Thành tựu này đã đưa Việt Nam lên vị trí thứ nhất châu Á và thứ hai trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương về tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là nữ cũng tăng dần. So sánh giữa nhiệm kỳ 1999 - 2004 với nhiệm kỳ 2004 - 2009 ở cấp tỉnh, thành tăng từ 22,33% lên 23,83%; cấp quận, huyện tăng từ 20,12% lên 22,94%; cấp xã, phường, thị trấn tăng từ 16,56% lên 20,10%.

Trong các cơ quan quản lý nhà nước, có Phó Chủ tịch nước là nữ; số cán bộ nữ giữ chức vụ bộ trưởng và tương đương chiếm 11,29%, thứ trưởng và tương đương là 12,85%, vụ trưởng và tương đương là 12,2%, vụ phó và tương đương là 8,1%. Nhiệm kỳ 2004 - 2009, cán bộ nữ giữ chức chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là 3,12%, phó chủ tịch: 16,08%; chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã là 3,62%, phó chủ tịch là 14,48%; chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn: 3,42%, phó chủ tịch là 8,84%.

Trong sản xuất kinh doanh, cả trong khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh, đã xuất hiện nhiều phụ nữ giỏi. Nhiều chị là tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc công ty và chủ doanh nghiệp, các nhà doanh nhân giỏi trên nhiều lĩnh vực.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sự bình đẳng giới đã có tiến bộ quan trọng. Đội ngũ trí thức nữ đã tăng lên cả về số lượng và

chất lượng. Đến nay, phụ nữ chiếm 37% trong tổng số những người có trình độ đại học, cao đẳng; số giáo sư, phó giáo sư là nữ chiếm tỷ lệ 6,7%, tiến sĩ là 19,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ở cơ quan nghiên cứu và các trường đại học còn thấp. Trong khối đoàn thể chính trị, xã hội, cán bộ nữ chiếm từ 25% đến 30%.

Tuy nhiên, công tác cán bộ nữ trong thời gian qua vẫn còn hạn chế và bất cập, lúng túng và khó khăn. Tại Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37 về công tác cán bộ nữ (tháng 3-2004), Đảng ta đã đánh giá: Những cố gắng và kết quả đạt được còn chưa tương xứng với những yêu cầu và nhiệm vụ đề ra. Một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhận thức về công tác cán bộ nữ chưa sâu sắc; nhìn nhận đánh giá phụ nữ còn cầu toàn, khắt khe, chưa tạo điều kiện cần thiết cho cán bộ nữ vươn lên. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển chưa vững chắc, mất cân đối, thiếu đồng bộ so với yêu cầu phát triển; phân bố không đều tại các địa phương, các khu vực. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia các cấp ủy, chính quyền các cấp còn thấp, nhất là cấp cơ sở. Cán bộ nữ giữ cương vị chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp tuy có tăng nhưng chủ yếu là cấp phó, ít cấp trưởng. Một bộ phận cán bộ nữ chưa thực sự phấn đấu vươn lên, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, chưa vượt qua được những cản trở về gia đình, ngại phấn đấu vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý cũng như các hoạt động xã hội. Một số cấp hội chưa chủ động tham mưu đề xuất với Đảng, chính quyền về công tác cán bộ nữ.

Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản nhất thuộc về nhận thức và biện pháp tổ chức thực hiện như: Định kiến giới còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội. Nhận

thức về bình đẳng giới trong các cấp ủy, chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn giản đơn, phiến diện; thiếu quan tâm phân tích giới trong xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển, trong công tác thống kê. Tư tưởng phong kiến, hẹp hòi, thiếu tin tưởng, chưa đánh giá đúng năng lực của cán bộ nữ còn khá phổ biến; yêu cầu tiêu chuẩn đối với cán bộ nữ còn khắt khe hơn đối với nam giới, chưa mạnh dạn giao việc cho cán bộ nữ đúng lúc, đúng việc, đúng tầm. Cấp ủy các cấp chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết tâm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện; ở nhiều nơi thiếu biện pháp cụ thể, thiếu đôn đốc và kiểm tra giám sát. Chính sách đối với cán bộ nữ còn nhiều khiếm khuyết, chậm được bổ sung, sửa đổi khi không còn phù hợp; thiếu chính sách đối với cán bộ nữ các vùng, miền xa xôi, khó khăn. Thiếu cơ chế tư vấn về công tác cán bộ nữ cho các cấp ủy; vai trò tham mưu, tư vấn của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ các cấp còn hạn chế. Mặt khác, bản thân phụ nữ còn có lúc, có nơi thiếu tự tin, chưa vươn lên mạnh mẽ.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi phát huy cao độ mọi tiềm năng, sức sáng tạo, nghị lực của các tầng lớp thành phần, giai cấp.... trong xã hội. Sự tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả của phụ nữ trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội và trong công tác lãnh đạo quản lý là xu thế tất yếu. Điều đó mở ra triển vọng và cơ hội mới để phụ nữ phát triển tài năng và trí tuệ của mình. Để tiếp tục thực hiện công tác cán bộ nữ đạt hiệu quả, Đảng ta đã xác định mục tiêu tổng quát công tác cán bộ nữ đến năm 2010: Phát triển nhanh và bền vững đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trên mọi lĩnh vực, bảo đảm tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

và bình đẳng giới trong bộ máy lãnh đạo, quản lý.

Quán triệt tinh thần đó và với mong muốn đội ngũ cán bộ nữ đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu trên, trong thời gian tới, công tác cán bộ nữ cần thực hiện tốt một số giải pháp chính sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới và đánh giá công tác cán bộ nữ trên quan điểm giới.

Các cấp ủy cần tập trung quán triệt nghiêm túc và sâu sắc các quan điểm, chủ trương về công tác vận động phụ nữ, công tác cán bộ nữ, làm chuyển biến mạnh nhận thức về bình đẳng giới, về công tác cán bộ nữ. Đưa vấn đề giới vào nội dung, chương trình giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học và trung học chuyên nghiệp, đặc biệt là trong các học viện (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia...) và các trường chính trị. Đầu tư nhiều hơn cho công tác tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về bình đẳng giới, về vai trò, vị trí của phụ nữ; phát hiện, bồi dưỡng các gương điển hình, các tài năng là cán bộ nữ ở các cấp.

Khắc phục mọi biểu hiện thiếu tin tưởng ở khả năng và hẹp hòi trong sử dụng cán bộ nữ. Trong việc đánh giá và sử dụng cán bộ nữ, cần căn cứ vào tiêu chuẩn, hiệu quả công việc, xem xét về khả năng và triển vọng của chị em. Cùng với việc tin tưởng giao việc, động viên kịp thời, cần chú trọng công tác giáo dục về vấn đề giới cho phụ nữ, trang bị những kiến thức cơ bản nhằm nâng cao nhận thức về giới cho cán bộ, hội viên và đông đảo phụ nữ để chị em có ý thức phấn đấu, tham gia bình đẳng vào quá trình phát triển của đất nước; tiếp tục tác động tích cực góp phần làm chuyển biến nhận thức về giới đối của xã hội. Điều cần nhấn mạnh là, các cấp, các ngành, toàn xã hội tiếp tục quan tâm hơn nữa thiên chức làm mẹ,

sinh con, nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình của chị em, từ đó đánh giá công bằng hơn đối với cán bộ nữ, nhất là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ.

Hai là, thực hiện quy hoạch cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đội ngũ cán bộ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn cán bộ nữ, các cấp ủy coi trọng quy hoạch cán bộ nữ để đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác quy hoạch cần triển khai đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành, một cách dân chủ, chặt chẽ, đúng nguyên tắc; ưu tiên những ngành, lĩnh vực, vùng, miền mà ở đó cán bộ nữ còn quá thiếu. Quy hoạch phải gắn với đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, gắn với luân chuyển cán bộ; đồng thời, quy hoạch cán bộ nữ phải được rà soát, bổ sung và điều chỉnh hằng năm. Có thể quy hoạch từ nhiều nguồn trong lực lượng lao động nữ đông đảo (52% lực lượng lao động xã hội, 37% lực lượng lao động có trình độ đại học và cao đẳng). Đó thực sự là nguồn lực phong phú để lựa chọn nhân tài trong đội ngũ cán bộ nữ.

Ba là, thực hiện tốt công tác tạo nguồn cán bộ nữ và phát triển Đảng trong phụ nữ.

Công tác tạo nguồn cán bộ nữ cần đặt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia. Mỗi cấp, mỗi ngành ưu tiên và quan tâm tuyển dụng cán bộ nữ, lao động nữ có trình độ đại học, trên đại học, nhất là những ngành, lĩnh vực phụ nữ chiếm số đông. Từng bước nâng cao tỷ lệ đảng viên là nữ, có kế hoạch bố trí, phân công công tác để họ được phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành. Chú ý lựa chọn, bồi dưỡng những nhân tố tích cực, có triển vọng để tạo nguồn cho những vị trí lãnh đạo cao hơn trong đội ngũ cán bộ nữ đương chức ở các ngành, các cấp. Đối với lực lượng nữ sinh

trong các trường đại học, cao đẳng, cần chủ động phát hiện, khuyến khích tài năng trẻ, sử dụng và tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng họ... nhằm hình thành được nguồn đội ngũ cán bộ nữ kế cận, tài năng.

Bốn là, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nữ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trước hết cần cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng, từ việc xây dựng trường lớp đến nội dung, phương pháp, hình thức và thời gian đào tạo của các trường, trước hết trong hệ thống trường đào tạo lý luận chính trị từ trung ương đến cơ sở, phấn đấu để cán bộ nữ tham gia các khóa đào tạo đạt tỷ lệ từ 30% trở lên. Chú trọng tăng tỷ lệ chiêu sinh cán bộ nữ trong các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày và dài ngày. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với quy hoạch và việc bố trí sử dụng cán bộ nữ. Đa dạng hóa hình thức đào tạo phù hợp với đặc điểm giới nữ; đào tạo, bồi dưỡng có trọng tâm trọng điểm, chú ý thời điểm thuận tiện nhất cho việc đào tạo cán bộ nữ. Ưu tiên đào tạo cán bộ nữ cho những vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức đào tạo tại chỗ cho cán bộ - công chức nữ là người dân tộc thiểu số, tôn giáo ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Năm là, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách nhằm tạo điều kiện phát triển đội ngũ cán bộ nữ.

Dù ở bất cứ cương vị nào, phụ nữ cũng phải dành thời gian và có trách nhiệm đối với gia đình. Do bị chi phối bởi công việc gia đình, chi em chịu thiệt thòi hơn nam giới trong việc học tập và nâng cao trình độ, nắm bắt thông tin và tham gia các hoạt động xã hội. Vì vậy, chính sách xã hội phải tập trung giảm nhẹ công việc gia đình cho phụ nữ để chị em có điều kiện và yên tâm tham gia các công tác xã hội. Trước mắt, tiếp tục đổi mới chính sách ưu

đãi, hỗ trợ đối với cán bộ nữ trong việc tạo điều kiện cho cán bộ nữ đi học, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Cải tiến chế độ bảo hiểm xã hội, xây dựng và ban hành chế độ cân bằng trách nhiệm của nam giới trong việc cùng chăm sóc con cái, các thành viên trong gia đình; xây dựng chính sách hỗ trợ và khuyến khích nữ tài năng trẻ. Đồng thời, có chính sách phụ cấp thích hợp, tạo điều kiện cho phụ nữ đi học, đặc biệt đối với phụ nữ có con nhỏ; có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ nữ công tác ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số... Thực hiện tốt chính sách về luân chuyển cán bộ nữ và giải quyết hợp lý vấn đề tuổi nghỉ hưu của cán bộ, công chức là nữ làm công tác quản lý và nghiên cứu khoa học...

Sáu là, xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ nữ.

Tăng cường công tác cán bộ nữ không phải chỉ là để có cơ cấu nữ nào đó trong bộ máy lãnh đạo, mà chính là để khơi dậy, phát huy tiềm năng của phụ nữ. Do đó, phải tiếp tục đổi mới nhận thức về phụ nữ với tư cách là một lực lượng quan trọng trong sự phát triển của xã hội, phải được bình đẳng về quyền lợi, trách nhiệm. Họ tiếp tục được quan tâm, tạo điều kiện để tham gia bình đẳng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả việc tham gia vào quá trình ra quyết định. Phải coi công tác cán bộ nữ thực chất là một trong những nội dung của nhiệm vụ giải phóng phụ nữ; là nhiệm vụ của tất cả các thành viên của hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về cán bộ nữ. Ban Tổ chức cấp ủy các cấp phải là đầu mối chủ trì, phối hợp với ngành nội vụ, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, để tham mưu giúp các cấp ủy chỉ đạo thực hiện công tác cán bộ nữ. □



ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

NHẬT TÂN

Kể từ ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đến nay đã tròn 8 năm. Việc ra đời của Chỉ thị này là kết quả của một quá trình khảo sát tình hình, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, trăn trở suy nghĩ của Đảng. Cùng với Chỉ thị này là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế thực hiện dân chủ; Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, trường học, doanh nghiệp nhà nước... đã đi vào đời sống của nhân dân, làm bùng lên bầu không khí dân chủ sống động trong cả nước. Triển khai, thực hiện dân chủ ở cơ sở đã tạo ra động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu là cơ bản, vẫn còn một số hạn chế, yếu kém. Điều đó đòi hỏi phải có sự đổi mới mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các mặt, trong đó có đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở.

Mục đích đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở

1 - Tiếp tục thực hiện nhất quán mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với công bằng xã hội.

Suốt 76 năm lịch sử vẻ vang, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định mục tiêu xây

dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ở mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng đều có những khẩu hiệu thực hiện dân chủ phù hợp với điều kiện của đất nước.

Từ khi thống nhất đất nước, Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) kêu gọi xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đề ra đường lối đổi mới đất nước, trao quyền tự chủ cho người lao động, đặc biệt là trong kinh tế đã trao cho nhân dân quyền chủ động sản xuất, kinh doanh. Đây là một bước tiến mới, đưa dân chủ vào chiều sâu, trở thành thể chế. Trong các nhiệm kỳ Đại hội VII và VIII, Đảng chỉ rõ tầm quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đề ra những nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; tiến hành cải cách nền hành chính nhà nước. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước (1991) Đảng khẳng định: toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001) khẳng định rõ dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội.

Như vậy, quá trình phấn đấu giành mục tiêu dân chủ luôn luôn nhất quán trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là bản chất của Nhà nước, của chế độ ta.

2 – Thực hiện một bước quan trọng trong tiến trình thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Nội dung của dân chủ ở cơ sở là một phần của nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa, là bước quá độ tiến lên nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nội dung dân chủ ở cơ sở đã được cụ thể hóa thành Quy chế Dân chủ ở cơ sở, là khâu đột phá trong toàn bộ quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, không thể thiếu hoặc tách rời nội dung xây dựng dân chủ ở cơ sở. Bảo đảm được những nội dung dân chủ ở cơ sở, chính là bảo đảm được mục tiêu dân chủ của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở là một mắt khâu không thể thiếu trong tiến trình thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

3 – Đảng tiếp tục giữ vững quyền lãnh đạo, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân

Đảng ta là một đảng cách mạng, luôn luôn kiên định với mục tiêu của cách mạng, thắng không kiêu, bại không nản. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng luôn luôn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân để tiến hành sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Suốt hai phần ba thế kỷ, lăn lộn trong thử thách, lãnh đạo cách mạng, Đảng đã chiếm trọn niềm tin của nhân dân và dân tộc Việt Nam, xứng đáng với vai trò lãnh đạo duy

nhất của mình. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng hoàn toàn có đủ phẩm chất, năng lực tổ chức và sự tin nhiệm của nhân dân để tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của mình, phát huy dân chủ ở cơ sở, thực hiện nền dân chủ trên đất nước ta.

4 – Khẳng định sự đúng hướng của việc triển khai, thực hiện dân chủ ở cơ sở; khẳng định vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Thắng lợi của việc triển khai, thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời gian qua là lần đầu tiên dân chủ ở nước ta đã trở thành thể chế, thành quy phạm pháp luật. Người dân thực sự được làm chủ những công việc của mình. Vai trò, vị trí, mối quan hệ giữa các tổ chức, cá nhân được phân biệt rạch ròi. Đảng làm gì, Nhà nước làm gì, đoàn thể làm gì, nhân dân làm gì và cần được biết, bàn, làm, kiểm tra cái gì. Từ đó, mọi tổ chức, cá nhân có cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo của mình trong công việc. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã tạo được phong trào quần chúng rộng lớn, động viên được tính tích cực hoạt động của con người, tạo nên động lực mạnh mẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở, làm cho bộ mặt cơ sở thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại. Những hiện tượng tiêu cực ở cơ sở giảm đi và tăng thêm những nhân tố tích cực. Đội ngũ cán bộ được sàng lọc, những cán bộ có tâm, có tầm, gắn bó với nhân dân được tôn vinh. Những phần tử thoái hóa biến chất, cơ hội, cá nhân chủ nghĩa, bị lên án và loại bỏ. Chính quyền và các tổ chức đoàn thể được củng cố và ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Sự đúng hướng của việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và những kết quả đạt được, càng chứng minh vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng cần vững tin vào vai trò lãnh đạo của mình, tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo, phát huy dân chủ ở cơ sở, đáp ứng

những đòi hỏi dân chủ ngày càng cao của nhân dân.

5 – Giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra, khắc phục những yếu kém trong lãnh đạo triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở

Trước hết, Quy chế Dân chủ ở cơ sở, có không ít nội dung nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân chưa được cụ thể hóa thành quy chế. Quy chế ở các loại hình cơ sở còn chung chung, na ná giống nhau, chưa cụ thể, rõ ràng cho từng loại. Có nội dung dân chủ ở loại hình này thì phù hợp, nhưng ở loại hình khác thì không, nhưng vẫn được áp dụng như nhau. Ví dụ, nội dung công khai hóa về tài chính, mục tiêu, kế hoạch công tác ở các đơn vị vũ trang, các doanh nghiệp không thể giống như ở phường, xã hoặc các trường học do tính chất bảo mật ở mỗi nơi mỗi khác. Do đó, cần bổ sung những nội dung phù hợp cho Quy chế Dân chủ ở từng loại cơ sở.

Thứ hai, thông thường, khi trình độ học vấn càng cao thì trình độ nhận thức và ý thức chấp hành càng tốt. Nhưng, triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở không hoàn toàn như vậy. Ở khu vực nông thôn (xã) nơi có trình độ học vấn thấp thì lại làm tốt hơn ở khu vực đô thị (phường, thị trấn) nơi có trình độ học vấn cao, và phường, thị trấn lại làm tốt hơn trường học, cơ quan doanh nghiệp; nhân viên, chiến sỹ, học sinh làm tốt hơn cán bộ, thủ trưởng, giám đốc... Như vậy, vấn đề triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ tốt hay không tốt không phải chỉ do trình độ dân trí quyết định mà còn do những yếu tố khác, trong đó có lợi ích. Nhìn chung, khi thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, người lao động ở khu vực nông thôn được hưởng lợi ích nhiều hơn ở khu vực đô thị, và người lao động được hưởng nhiều lợi ích hơn cán bộ. Đó là chưa kể Quy chế Dân chủ còn giảm bớt những lợi ích không chính đáng của một bộ phận không nhỏ cán bộ mà lâu nay họ vẫn cho đó là "lộc". Do đó, không ít nơi,

nhân dân đón nhận Quy chế Dân chủ ở cơ sở rất hồ hởi, nhưng cán bộ - những người có chức, có quyền lại tỏ ra thờ ơ.

Thứ ba, trong tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên còn thiếu yếu tố cần thiết về nội dung, về cách thức, phương pháp, nên tư tưởng và hành động của họ còn chuyển biến chậm. Có nơi, cán bộ không thông, không muốn triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ, lắt léo do làm như thế sẽ chậm tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng, hoặc làm mất thời cơ khi cần phải quyết định trong thời buổi kinh tế thị trường...

Thứ tư, Đảng lãnh đạo triển khai, thực hiện dân chủ ở cơ sở thông qua hệ thống chính trị ở cơ sở, nhưng tổ chức đảng lại là thành viên của hệ thống chính trị ở cơ sở. Vì thế, Đảng phải tỏ rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo của mình, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Đảng làm gì, chính quyền làm gì, Mặt trận làm gì, các đoàn thể làm gì, hiện nay còn có những điểm chưa rõ ràng.

Thứ năm, trong lãnh đạo, nhiều nơi chưa chủ động và chưa kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm, chưa đề ra chế độ thưởng phạt cụ thể, nên chưa có những điều chỉnh kịp thời trong lãnh đạo, còn hiện tượng người làm tốt không được tuyên dương khen thưởng, người làm không tốt không bị phê bình và xử phạt. Do đó, trong nhân dân nảy sinh tư tưởng thờ ơ với quy chế và kẻ xấu lợi dụng quy chế để gây rối...

Nội dung đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở

Thực tế thời gian qua, đặc biệt trong dịp tổng kết 5 năm và 6 năm triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Đảng, Nhà nước đã có nhiều đợt tổng kết, đánh giá việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và đề ra những biện pháp có tính khả thi cao cho việc tiếp tục phát huy dân chủ ở cơ sở, trong đó có vấn đề đổi mới sự lãnh đạo của Đảng. Từ góc độ nghiên cứu của mình tôi xin đưa ra hai nhóm nội dung cần phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian tới:

1 – Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm bổ sung, tạo lập những điều kiện để triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở

Trước tiên, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng nội dung Quy chế Dân chủ ở cơ sở cho phù hợp với từng loại hình cơ sở. Trên nền chung mở rộng quyền dân chủ, Đảng lãnh đạo nhân dân phát huy quyền làm chủ để xây dựng Quy chế Dân chủ ở cơ sở mình. Đảng chỉ đạo các cơ sở rà soát lại toàn bộ hệ thống Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã ban hành, bổ sung những nội dung cần thiết. Trước mắt, bổ sung những nội dung nhằm khuyến khích những cán bộ lãnh đạo để họ tự giác tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; bổ sung những điều kiện để các doanh nghiệp, các đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện Quy chế Dân chủ mà không sợ lộ bí mật, làm ảnh hưởng tới mục tiêu kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong việc hoàn thiện thiết chế dân chủ ở cơ sở. Thiết chế dân chủ ở cơ sở là những quy định mang tính pháp lý do Nhà nước quy định, có tính bắt buộc đối với mọi người, mọi tổ chức; là khung pháp lý nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Có thiết chế dân chủ đúng đắn, mới có thể tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thứ ba, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực tế cho thấy, ở đâu cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt thì ở đó việc triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ có kết quả tốt. Cán bộ, đảng viên là người trực tiếp tổ chức nhân dân triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ. Nếu họ không có tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, tất sẽ làm qua loa đại khái. Nếu họ kém về năng lực, tất không thể tổ chức được quần chúng thực hiện tốt những nội dung của dân chủ ở cơ sở. Nếu họ kém

đạo đức, tất sẽ lợi dụng Quy chế Dân chủ để quậy phá.

Thứ tư, đổi mới sự lãnh đạo để nâng cao mặt bằng dân trí, tạo dựng nề nếp dân chủ ở cơ sở. Dân chủ luôn đồng hành với dân trí và dân sinh. Muốn mở rộng dân chủ phải nâng cao dân trí, dân sinh. Trình độ dân trí, dân sinh và năng lực thực hành dân chủ của người dân càng được nâng lên thì mức độ người dân tham gia quản lý xã hội, tham gia vào đời sống chính trị của đất nước càng được mở rộng. Tri thức thấp, người dân sẽ không bảo vệ được quyền lợi của mình, sẽ hành động tự phát, mất phương hướng trong đời sống chính trị. Tri thức thấp sẽ dẫn đến văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ thấp, người dân dễ bị quá khích, hành động vô chính phủ.

Thứ năm, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để tăng cường cơ sở vật chất cho triển khai, thực hiện dân chủ ở cơ sở. Việc triển khai, xây dựng, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở phụ thuộc vào những cơ sở vật chất thiết yếu như in ấn tài liệu, sách báo, phát thanh, truyền hình, nhà văn hóa, địa điểm họp dân, lương bổng, phụ cấp cho cán bộ... Tất cả những điều đó phải được nhìn nhận một cách thực tế, không thể hô hào suông.

2 – Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với tình hình thực tế

Thứ nhất, nâng cao vai trò hạt nhân lãnh đạo, gương mẫu của Đảng trong quá trình triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Các đảng viên, tổ chức đảng cần làm gương trong triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Quy chế Dân chủ ở cơ sở trước tiên phải được triển khai, thực hiện tốt từ trong các tổ chức đảng. Các tổ chức đảng lấy việc triển khai, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở làm tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở đảng và đảng viên theo định kỳ hằng năm.

Đảng lãnh đạo triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở thông qua hệ thống chính trị

ở cơ sở. Đảng không làm thay các thành viên của hệ thống chính trị, nhưng cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho sát hợp với từng chức năng của thành viên và thường xuyên giám sát, đôn đốc.

Thứ hai, lồng ghép việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện các cuộc vận động lớn của Đảng như: Cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xóa đói giảm nghèo; phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh - quốc phòng... Lồng ghép việc thực hiện các nội dung của Quy chế Dân chủ với việc cải cách hành chính, củng cố hệ thống chính trị và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Thứ ba, triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đồng bộ trên các loại hình cơ sở. Có như vậy mới phát huy được tính tích cực của nó. Bởi, các loại hình cơ sở có quan hệ biện chứng với nhau. Vừa qua ở một số nơi, việc triển khai Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ quan, doanh nghiệp, trường học không được chú ý đúng mức, nên chẳng những trực tiếp hạn chế kết quả ở đó mà còn ảnh hưởng xấu đến kết quả triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Thứ tư, tìm ra những nội dung, phương pháp tuyên truyền việc triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở có hiệu quả. Tuyên truyền dưới nhiều hình thức; kết hợp tuyên truyền nội dung Quy chế Dân chủ ở cơ sở với tuyên truyền nội dung những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của cơ sở.

Thứ năm, nâng cao vai trò giám sát thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề, kịp thời khen thưởng, biểu dương những cá nhân, tổ chức thực hiện tốt, đồng thời xử phạt nghiêm minh những cá nhân, tổ chức thực hiện không tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. □

BÁC PHẠM VĂN ĐỒNG...

(Xem tiếp trang 17)

(ngày 1-3 hằng năm), toàn Đảng bộ sẽ thực hiện kết nạp một lớp đảng viên mới mang tên Phạm Văn Đồng; đồng thời từ nhiều năm qua đã liên tục phát động phong trào toàn đảng, toàn dân trong tỉnh học tập, noi gương tinh thần của Bác, nhất là đạo đức, phẩm chất "*cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*", tác phong làm việc giản dị, gần gũi của Bác, lắng nghe ý kiến nhân dân, quan tâm đến nhân dân... Nhờ vậy, đến nay Đảng bộ Quảng Ngãi tiếp tục giữ vững là một Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhân dân trong tỉnh ngày càng được củng cố và nâng cao.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII vừa tiến hành cuối tháng 12-2005 đặt mục tiêu phấn đấu đưa Quảng Ngãi ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành tỉnh có trình độ phát triển đạt mức trung bình của cả nước. Thực hiện mục tiêu đó, Đảng bộ đã đặt nhiệm vụ cho thời kỳ 2006 - 2010 với mức tăng trưởng GDP từ 17% - 18%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 950 - 1.000 USD.

Năm tháng sẽ trôi qua nhưng tên tuổi và sự nghiệp của Bác Phạm Văn Đồng vẫn sống mãi trong lòng cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Ngãi. Để xứng đáng với truyền thống của quê hương, của các thế hệ cha anh, của các anh hùng - liệt sỹ, danh nhân cách mạng của quê hương, trong đó có công lao to lớn của Bác Phạm Văn Đồng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi quyết tâm noi gương Bác Đồng, đoàn kết một lòng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Quảng Ngãi ngày càng giàu đẹp hơn, góp sức cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu "*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*". □

Một số ý kiến về thành tựu và những hạn chế của công tác lý luận

HAI mươi năm qua, cùng với những đổi mới trên các mặt, công tác lý luận của Đảng cũng có những bước đổi mới và thành tựu đáng kể.

1 – Góp phần tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, từ đó tạo nên những đổi mới trong đời sống mọi mặt của đất nước.

Những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước bắt nguồn trước hết từ những quan điểm đúng đắn của Đảng. Về mặt tư duy lý luận, Đảng đã có bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong quan niệm về thời đại, Đảng ta, một mặt, không xa rời lập trường giai cấp công nhân, chủ nghĩa quốc tế vô sản, tinh thần chống đế quốc; song mặt khác, đã nhận thức rõ những chuyển biến và những xu thế khách quan trong đời sống quốc tế để từ đó định ra đường lối chính trị mang tinh thần thời đại. Đó là đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên nền tảng của lợi ích quốc gia phù hợp với lợi ích chung của nhân loại. Điều này tạo nên một động lực và điều kiện thuận lợi vô cùng to lớn cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước ta những năm qua và cả sau này.

Trong lĩnh vực kinh tế, quan niệm mới về chế độ sở hữu, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, về các hình thức kinh tế, về cơ chế quản lý kinh tế đã vượt xa rất nhiều so với quan niệm trước đây về kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những quan niệm mới này tạo cơ sở để đưa nền kinh tế nước ta chuyển hẳn sang một

VŨ HOÀNG CÔNG *

cơ chế khác. Đến nay, mặc dù chưa thiết lập được một cách đầy đủ, hoàn chỉnh các thể chế cần thiết, cũng như một cơ chế quản lý một cách nhuần nhuyễn, hoàn hảo, song về cơ bản, nền kinh tế nước ta đã chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới. Dù những thách thức trong quá trình hội nhập là to lớn song đó là con đường tất yếu chúng ta phải đi để có một nền kinh tế phồn vinh, vững mạnh.

Bên cạnh những thành tựu đó cũng phải kể đến những nhận thức mới của Đảng ta về *Nhà nước pháp quyền, về công bằng, dân chủ, quyền con người, về văn hóa...* Trước đây, đã từng phổ biến quan niệm cho rằng, Nhà nước pháp quyền cũng như quyền con người là những quan niệm tư sản, không phù hợp với chủ nghĩa xã hội. Từ những năm 90 thế kỷ XX trở lại đây, những suy nghĩ đó đã không còn đúng nữa. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là một quan niệm tiến bộ, chừng nào xã hội loài người còn tồn tại nhà nước. Nó là thuộc tính cần có của bất kỳ một kiểu nhà nước nào, kể cả nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền là điều kiện để xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, để bảo vệ và phát triển quyền con người. Nhà nước pháp quyền

* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

xã hội chủ nghĩa về bản chất không loại trừ, không cản trở sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản; mà ngược lại, củng cố, tạo điều kiện pháp lý vững chắc cho sự lãnh đạo của đảng, góp phần vào công tác xây dựng đảng. Lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền và lãnh đạo Nhà nước pháp quyền là một thử thách, một thước đo sự trưởng thành của Đảng Cộng sản trong thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước.

2 – Góp phần giữ vững ổn định xã hội, an ninh chính trị của đất nước

Đồng thời với việc đề xuất các quan điểm đổi mới trong đường lối, chủ trương, chính sách, công tác lý luận còn tham gia tích cực trong việc đấu tranh chống các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bôi xấu chế độ, đất nước; chống lại cuộc chiến tranh tâm lý, âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch. Với trình độ dân trí ngày càng cao, thông tin ngày càng thuận lợi, làm sao để mỗi bài đấu tranh, phê phán các quan điểm, tư tưởng sai trái có cơ sở lý luận vững chắc, có bằng chứng thực tiễn thuyết phục là điều không dễ, không thể chỉ dựa vào niềm tin, vào nhiệt huyết thuần túy của người viết. Do vậy, nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu lý luận có trình độ chuyên sâu, có hiểu biết thực tiễn chính trị thế giới là những đóng góp quý báu cho việc củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trước những biến động lớn lao của thời cuộc.

3 – Đã có một đội ngũ các nhà lý luận khá hùng hậu, một hệ thống các cơ quan nghiên cứu và tham gia nghiên cứu đông đảo, góp phần vào xây dựng tầng lớp trí thức, đào tạo nguồn lực con người cho đất nước.

Thông qua hoạt động lý luận, chúng ta đã có hàng chục ngàn nhà nghiên cứu lý luận có năng lực, có bằng cấp. Hiện nay, tại các Ban của Đảng ở trung ương, hầu như ban nào cũng có các tiến sĩ thuộc một chuyên ngành lý luận nào đó. Đội ngũ cán bộ cấp bộ, cấp vụ, cục có bằng cấp tiến sĩ, thạc sĩ là hiện tượng phổ biến. Trong vòng 20 năm qua, chỉ riêng Học viện Chính trị

quốc gia Hồ Chí Minh đã đào tạo hơn 200 tiến sĩ, gần 1.000 thạc sĩ các chuyên ngành lý luận công tác tại các ngành, các địa phương, các cơ quan ở trung ương, các trường đại học.

Hoạt động nghiên cứu lý luận đã thúc đẩy và đòi hỏi sự ra đời của hàng trăm tờ tạp chí chuyên ngành khoa học xã hội, góp phần vào sự phát triển của hệ thống xuất bản, thông tin lý luận. Từ đó góp phần nâng cao dân trí.

Cũng thông qua hoạt động nghiên cứu và truyền bá các kết quả nghiên cứu lý luận, đội ngũ cán bộ, đảng viên và cả sinh viên các trường đại học đã được trang bị những kiến thức nhất định về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng, tạo nên nền tảng tư tưởng chính trị quan trọng định hướng cho hoạt động thực tiễn sau này.

4 – Những năm qua công tác lý luận của Đảng đã đóng góp một phần vào việc khẳng định, giữ vững lý tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những giá trị và thành quả hiện thực của xã hội xã hội chủ nghĩa, góp phần tìm tòi con đường cho sự phát triển của những quốc gia đang định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì sao chúng ta có được những thành tựu đó?

Trước hết, vì Đảng ta luôn coi trọng công tác lý luận. Ngay từ những ngày đầu thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta đã thấy được vai trò của lý luận đối với sự nghiệp cách mạng. Do vậy, một mặt, cử người đi học tập tại Trường Phương Đông (Liên Xô); mặt khác, sớm xuất bản tạp chí Lý luận và chính trị của Đảng (Tạp chí Cộng sản). Những lãnh tụ đầu tiên của Đảng đều là những trí thức trẻ, có trình độ lý luận và luôn quan tâm tới công tác lý luận (chẳng hạn, các Tổng Bí thư Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ). Sau này các Tổng Bí thư: Trường Chinh, Lê Duẩn v.v.. đều kế tục truyền thống này.

Chính vì có ý thức như vậy nên Đảng ta đã sớm xây dựng được một hệ thống các cơ quan

nghiên cứu và tham gia nghiên cứu lý luận khá hùng hậu. Ngoài hệ thống trường đảng, các ban tham mưu của Đảng (như Ban Kinh tế, Ban Tư tưởng - Văn hóa, Ban Khoa giáo...), các viện nghiên cứu về khoa học xã hội thuộc Chính phủ, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân Dân, còn có Hội đồng Lý luận Trung ương. Trường đảng, ngoài chức năng đào tạo cán bộ, đã được tăng cường chức năng nghiên cứu lý luận (trở thành Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

Có được những thành tựu trong phát triển lý luận còn là vì từ những năm 90 thế kỷ XX trở lại đây, *đã có một bước đổi mới* trong phương thức tổ chức nghiên cứu lý luận. Với sự ra đời Hội đồng Lý luận Trung ương, các chương trình nghiên cứu lý luận được triển khai một cách có định hướng, hệ thống, bài bản và thường xuyên hơn. Ngân sách đầu tư cho công tác nghiên cứu lý luận được tăng cường hơn. Về mặt nội dung, *một mặt* vẫn tiếp tục hướng khai thác các di sản kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhận thức lại về chủ nghĩa Mác cho đúng thực chất; *mặt khác*, hướng sự nghiên cứu sát tới những vấn đề nóng bỏng của thực tiễn đất nước và thời đại. Về mặt phương thức triển khai, trên cơ sở của các vấn đề được lựa chọn, việc đầu tư thực hiện đề tài và sau đó nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo đúng quy trình. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Lý luận Trung ương, các vấn đề lớn như nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về toàn cầu hóa, về chủ nghĩa xã hội và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam, về Nhà nước pháp quyền, về con người và văn hóa Việt Nam, về dân chủ và quyền con người, về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, về Đảng Cộng sản Việt Nam và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, về dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam .v.v.. đã được triển khai nghiên cứu. Từ những nghiên cứu đó, hàng loạt kết luận quan trọng đã được rút ra, làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước.

Điều đáng ghi nhận là sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể chính trị, giữa các lực lượng nghiên cứu... chặt chẽ và rộng rãi hơn. Sự hợp tác nghiên cứu lý luận cũng mở rộng hơn ra bên ngoài cả với các nước xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa, kể cả với đảng cầm quyền và không cầm quyền ở các nước phương Tây. Cũng cần phải khẳng định so với những năm trước đổi mới, tinh thần dân chủ, cởi mở trong nghiên cứu, trao đổi quan điểm đã cải thiện rất nhiều.

Tuy nhiên công tác lý luận cũng còn những nhược điểm:

1 - Còn bất cập trong việc giải đáp một cách triệt để, thuyết phục một số vấn đề nóng bỏng của thực tiễn đất nước.

Có hai mức độ của sự bất cập. Ở mức độ thứ nhất, chúng ta thấy một trong những câu hỏi được nêu ra hàng chục năm nay là đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không và nếu được làm thì làm đến mức nào? Theo quan niệm truyền thống, kinh tế tư bản tư nhân là bóc lột, mà đã là đảng viên cộng sản, thì không được bóc lột, do đó đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân. Ở đây, có vấn đề là chúng ta chưa giải đáp được câu hỏi trong chủ nghĩa xã hội có còn bóc lột không; trong chủ nghĩa xã hội (hay là định hướng xã hội chủ nghĩa) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì bóc lột có gì giống và khác so với trong xã hội tư bản? Đây chính là một vướng mắc dẫn đến vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không được nêu lên từ lâu nay, đến dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng và Hội nghị Trung ương 12, khóa IX mới kết luận.

Ở mức độ thứ hai, ta có thể lấy ví dụ từ lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Quan điểm của Đảng được xã hội thừa nhận là chúng ta phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, rằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không hề mâu thuẫn với sự lãnh đạo của một đảng, không hề mâu thuẫn với

nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp một cách hợp lý giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tuy nhiên, trong thực tế công cuộc cải cách hành chính tiến hành vẫn rất chậm chạp, do đó hiệu quả, hiệu lực quản lý của các cơ quan này chưa cao. Sự kiểm soát của nhân dân thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân (các cơ quan chủ yếu thực hiện chức năng hành pháp) vẫn rất hạn chế. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, cửa quyền vẫn còn phổ biến ở nhiều cơ quan đơn vị, địa phương. Thực trạng này, khiến cho không thể nói một cách giản đơn rằng trong xã hội ta, mọi quyền lực nhà nước đều đã thuộc về nhân dân. Phải chăng ở đây chỉ có những nguyên nhân thuộc về cá nhân con người, do pháp luật chưa hoàn chỉnh, hay còn là do nguyên nhân nào khác xét từ góc độ lý luận.

2 - Việc nghiên cứu lý luận của chúng ta do hạn chế về trình độ cán bộ (trình độ học vấn, ngoại ngữ), về thông tin lý luận... nên còn thiếu tầm nhìn rộng và sâu về mặt lý thuyết. Chúng ta chưa tiếp cận được đầy đủ các lý thuyết, nhất là ở phương Tây về những lĩnh vực cần nghiên cứu, do đó, chưa kế thừa và phê phán một cách chính xác, thỏa đáng những lý thuyết của họ. Cũng do những nguyên nhân này, chúng ta chưa tiếp cận được sự phát triển thực tiễn của xã hội hiện đại trên thế giới. Nhìn chung, các nhà lý luận của chúng ta tuy nhiều, nhưng chưa xuất hiện các học giả tầm cỡ thế giới; các trung tâm nghiên cứu của chúng ta tuy nhiều, nhưng chưa có trung tâm nào có uy tín thực sự ở tầm khu vực và thế giới. Nhìn chung, chúng ta còn thiếu những nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý thuyết về mặt xã hội.

Cũng cần phải nói về công tác khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài của chúng ta. Hằng năm có hàng trăm đoàn đi nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài của các ban, bộ, ngành. Có những nước được các đoàn Việt Nam

đến thăm hàng trăm lần. Nhưng những thông tin, tài liệu có được sau mỗi chuyến đi không được tập hợp, xử lý, giao lại làm cơ sở cho các chuyến đi của các đoàn sau, do đó, nhìn chung là lãng phí tiền bạc, lãng phí thời gian, không tạo nên sự nghiên cứu có tính kế thừa, phát triển, đi sâu. Ngay cách đi nghiên cứu nước ngoài cũng chưa đạt đến độ sâu về lý luận và thực tiễn cần thiết. Nhiều đoàn đi tuy đông người, nhưng thời gian ngắn nên chỉ nhìn thấy những gì bề nổi, chưa nhìn thấy những mặt trái, thuộc về chiều sâu của thực tiễn. Với thời gian ngắn lại càng ít có điều kiện nghiên cứu cẩn thận lý thuyết, lý luận của nước ngoài.

3 - Việc tổng kết thực tiễn và sau đó đưa kết quả nghiên cứu lý luận vào thực tiễn vẫn chưa kịp thời. Có hiện tượng là sau khi nghiên cứu xong, nhất là sau khi rút ra một số kiến nghị với Đảng, Nhà nước, nhà nghiên cứu và cơ quan nghiên cứu coi như đã làm xong việc. Nhiều lắm, công trình nghiên cứu được xã hội hóa bằng cách xuất bản thành sách. Nhiều trường hợp, kỷ yếu và tổng luận được đóng quyển và cho vào thư viện. Điều này cho thấy, việc nghiên cứu triển khai cũng chưa được chú trọng.

Rõ ràng, để có những thành tựu lớn hơn nữa trong nghiên cứu lý luận, tạo ra nền tảng quan điểm có tính chiến lược lâu dài đòi hỏi cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu triển khai cũng cần được chú ý hơn.

4 - Nhược điểm khá rõ là phương pháp nghiên cứu lý luận còn lạc hậu. Lý luận luôn luôn cần đến sự khái quát hóa, trừu tượng hóa. Tuy nhiên điều này phụ thuộc vào khả năng của bộ não, của từng cá nhân người nghiên cứu, không ai thay thế được. Song để khái quát hóa, trừu tượng hóa chính xác, đòi hỏi phải có tư liệu đầy đủ, khách quan do thống kê, phân loại, điều tra... đem lại. Mặc dù gần đây, phương pháp điều tra xã hội học đã được chú ý vận dụng nhiều, song nhìn chung, số liệu thu được thường ở dạng thô, không đầy đủ, kém tính đại diện,

do đó, nhược điểm dễ nhận thấy là nhiều khái quát rút ra từ các nghiên cứu này còn phiến diện, một chiều, độ tin cậy không cao và kém thuyết phục. Điều này lại ảnh hưởng tới chất lượng, tính thực tiễn và khả năng áp dụng của công trình nghiên cứu.

5 - Một nhược điểm nữa của công tác lý luận là môi trường xã hội và học thuật của nghiên cứu lý luận chưa tốt. Mặc dù có hàng chục tờ tạp chí lý luận và hàng chục tờ tạp chí khoa học xã hội khác, song tiếng nói trên các mặt báo chưa đa dạng, rất ít xuất hiện những ý tưởng mới về lý luận.

Trong các hội thảo khoa học, tính chất "hội" nhiều hơn "thảo". Phản biện ít, mà tranh luận cũng ít. Nhiều chủ nhiệm đề tài sau khi nghiên cứu chỉ mong sao cho đề tài được nghiệm thu suôn sẻ, được đánh giá tốt của hội đồng, được xuất bản thành sách, nhờ những điều đó được tính điểm công trình cho việc phong hàm, phong chức, chứ thực sự ít chú ý đến khả năng áp dụng vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn. Có thể nói, cả trên mặt báo và trên diễn đàn hội thảo, nhiều người làm nghiên cứu lý luận vẫn chưa dám nói thẳng, chưa dám cởi mở những suy nghĩ của mình. Tinh thần dân chủ chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển lý luận. Văn hóa dân chủ chưa rõ nét trong những người làm công tác quản lý và ngay cả trong đội ngũ những người trí thức làm công tác lý luận. Nhiều người làm lý luận không dám đối diện với lời chê, sự phản biện nghiêm khắc. Nhiều người không thích sự áp đặt thiếu dân chủ trong suy nghĩ, song đến lượt mình lại vẫn có thói quen áp đặt quan điểm cho người khác. Điều này cho thấy xã hội vẫn chưa có được tập quán dân chủ cần thiết cho hoạt động lý luận. Do đó, đã ảnh hưởng đến sự phát triển của công tác lý luận, hạn chế những thành tựu lý luận.

Những nhược điểm đó vì đâu mà có?

Về phía Đảng, theo tôi điều quan trọng nhất là chưa tìm được cơ chế thích hợp để dung hợp nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và

hoạt động của Đảng với yêu cầu tự do tư tưởng, phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận. Có hiện tượng lợi dụng nguyên tắc tổ chức đảng, lợi dụng những yêu cầu về an ninh... để "quy chụp" những người có quan điểm khác với cấp trên, gây ảnh hưởng không tốt tới uy tín của Đảng.

Về phía người nghiên cứu, sở dĩ chưa dám nói thẳng, cởi mở quan điểm, lý luận của mình cũng là vì lo sợ ảnh hưởng tới công việc, sự nghiệp, cuộc sống của bản thân và gia đình. Có người lợi dụng công tác lý luận như con đường tiến thân, làm quan, phát lộc, kiếm tiền. Họ làm lý luận không phải với tinh thần khoa học thẳng thắn mà che giấu quan điểm để gặt hái lợi lộc, để được phong chức danh này nọ. Có thể nói đó là những kẻ cơ hội trong công tác lý luận.

Cũng phải nói tới một nguyên nhân khách quan là đất nước ta mới trải qua mấy chục năm chiến tranh tàn phá nặng nề, xã hội ta là xã hội đang phát triển, không phải là nước có truyền thống lý luận. Mặt khác, còn do những khó khăn về điều kiện vật chất; đồng thời, nền tảng giáo dục, đào tạo, nhất là đào tạo đại học và sau đại học của chúng ta còn nhiều khiếm khuyết. Những người làm lý luận là sản phẩm của nền giáo dục nhưng nền giáo dục của chúng ta lại lạc hậu về phương pháp, không nhằm tạo ra những con người có tư duy độc lập, sáng tạo. Tính kinh viện, khuôn mẫu trong các luận văn tốt nghiệp đại học hay sau đại học, nhất là về khoa học xã hội rất rõ rệt. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có bằng đại học hoặc sau đại học không có khả năng tiếp cận với sách vở, tri thức khoa học, lý luận, công nghệ của các nước tiên tiến. Do vậy, cũng dễ hiểu là đội ngũ người làm lý luận đông nhưng không mạnh.

Tóm lại, sở dĩ công tác lý luận của Đảng ta chưa đạt được những thành tựu như mong muốn là vì nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan, song chủ yếu là do nhiều chính sách, cơ chế chưa đáp ứng yêu cầu cần thiết cho phát triển tư duy lý luận. □

1. Kinh tế hàng hóa mà trình độ cao là kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội (1)

Sở dĩ có ý kiến đem đối lập chủ nghĩa xã hội với kinh tế hàng hóa là do *nhận thức không đúng về điều kiện ra đời và tồn tại sản xuất hàng hóa*.

Sách giáo khoa kinh tế chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đều viết rằng: hai điều kiện ra đời và tồn tại sản xuất hàng hóa là phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Đồng thời, lại quá nhấn mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với chế độ tư hữu và giáo điều rằng, sản xuất hàng hóa hằng ngày, hằng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản, nên đã nóng vội xóa bỏ ngay chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu khi lực lượng sản xuất còn lạc hậu để tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó đi tới kết luận sai lầm rằng, vì không còn chế độ tư hữu nên cũng không còn điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại sản xuất hàng hóa.

Phải chăng nhận thức sai lầm trên đây là do hiểu không đúng các luận điểm của C. Mác về điều kiện tồn tại sản xuất và trao đổi hàng hóa?.

Khi khẳng định, phân công lao động xã hội là điều kiện tồn tại của sản xuất hàng hóa, C. Mác đồng thời chỉ rõ rằng trong các công xã ở Ấn Độ và trong các công xưởng hiện đại, tuy lao động đã có sự phân công xã hội, nhưng các sản phẩm lao động không trở thành hàng hóa vì "Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như những hàng hóa"(2).

Còn khi nói về trao đổi hàng hóa, C. Mác nhấn mạnh: "Muốn cho những đồ vật đó quan hệ với nhau như những hàng hóa thì những người giữ hàng hóa phải... công nhận lẫn nhau là những người tư hữu"(3). Hay là, "Muốn cho

Kinh tế hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, tồn tại tất yếu trong chủ nghĩa xã hội

ĐÓ THẾ TÙNG *

việc chuyển nhượng đó mang tính chất có đi có lại, thì người ta chỉ cần mặc nhiên coi nhau như là những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyển nhượng ấy, và do đó, là những con người độc lập đối với nhau"(4).

Để hiểu chính xác những luận điểm trên đây cần làm rõ phạm trù "lao động tư nhân" và "những người tư hữu" hay "những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyển nhượng".

Một là, lao động tư nhân. Chúng ta biết rằng lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt: lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

* GS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển đến trình độ cao, trong đó các yếu tố đầu vào của sản xuất và các sản phẩm đầu ra đều phải thông qua thị trường. C. Mác đã so sánh người Fermier cận đại với người tiểu nông kiểu cũ. Người Fermier bán toàn bộ sản phẩm của mình và mua toàn bộ các yếu tố sản xuất trên thị trường, kể cả sức lao động và hạt giống. Còn người tiểu nông mua bán càng ít càng tốt, và trong chừng mực có thể, anh ta còn tự chế tạo lấy công cụ lao động, quần áo v.v... (C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập, t 24, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, t 176). Như vậy, kinh tế của người tiểu nông đã có một bộ phận là kinh tế hàng hóa nhưng chưa phải là kinh tế thị trường. Nhưng kinh tế thị trường thì đương nhiên là kinh tế hàng hóa

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 72

(3) (4) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, t 23, tr 132, 137

Lao động cụ thể sản xuất ra giá trị sử dụng của hàng hóa mang tính chất tư nhân, vì sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai là do từng người sản xuất tự quyết định. Nhưng giá trị sử dụng của hàng hóa lại là giá trị sử dụng cho người khác, tức là giá trị sử dụng xã hội. Muốn moi được tiền trong túi những người chủ tiền thì giá trị sử dụng phải đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của họ, nên lao động tư nhân này phải là một khâu của lao động tổng thể, là một khâu của hệ thống phân công lao động xã hội tự phát. Mặt khác, mỗi loại lao động tư nhân, có ích và đặc thù này có thể trao đổi với bất kỳ loại lao động tư nhân, có ích và đặc thù khác, do đó, được coi là ngang với thứ lao động tư nhân ấy. Sự ngang giá ấy chỉ có thể thấy được khi ta quy các lao động tư nhân, cụ thể đó thành tính chất chung của chúng là sự tiêu phí sức lao động của con người, là lao động trừu tượng của con người. Bởi vậy, lao động trừu tượng mang tính chất xã hội.

Nhưng lao động tư nhân không đồng nhất với tư hữu. Lao động tư nhân, độc lập có thể là lao động cá thể, có thể là lao động tổng thể (một xí nghiệp, hiệp tác, một công trường thủ công, một công xưởng, một liên hiệp xí nghiệp, kể cả những doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước...) mà chỉ sản phẩm của cả tập thể mới trở thành hàng hóa. Xét trong phạm vi cả xã hội thì lao động của mỗi người lao động cá thể hay mỗi người lao động tổng thể ấy trước hết biểu hiện ra là lao động tư nhân, sản phẩm được tạo ra trước hết thuộc quyền sở hữu của mỗi tư nhân đó (không kể các yếu tố đầu vào thuộc quyền sở hữu của họ hay họ đi vay, đi thuê) và chỉ thông qua trao đổi lao động tư nhân đó mới biểu hiện thành lao động xã hội, mới chứng tỏ lao động tư nhân đó được xã hội thừa nhận hay không.

Như vậy, không chỉ những cá nhân hay đơn vị sản xuất dựa trên chế độ sở hữu tư nhân, mà cả những doanh nghiệp dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, nếu tự chủ về kinh tế và độc lập, không phụ thuộc vào nhau thì sản phẩm của họ cũng phải đối diện với nhau như là hàng hóa.

Hai là, "những người tư hữu" hay "những kẻ sở hữu tư nhân đối với các vật có thể chuyển nhượng" tức chủ sở hữu những hàng hóa đem trao đổi.

Chế độ sở hữu bao gồm các quyền cụ thể gắn với lợi ích kinh tế, trong đó có các quyền cơ bản là quyền sở hữu pháp lý, quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng. Trong sản xuất hàng hóa nhỏ, có thể những quyền nói trên thuộc về cùng một chủ thể (người tiểu nông, thợ thủ công hay người làm dịch vụ cá thể). Nhưng xu hướng chung là quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng ngày càng tách rời quyền sở hữu pháp lý. C. Mác đã chỉ ra rằng, ở châu Á trước đây ruộng đất thuộc sở hữu của nhà nước, của vua chúa. "Ở đây, nhà nước là kẻ sở hữu ruộng đất tối cao. Chủ quyền ở đây là quyền sở hữu ruộng đất, tập trung trên phạm vi cả nước. Nhưng, trong trường hợp đó lại không có quyền sở hữu tư nhân đối với ruộng đất, mặc dù vẫn có quyền chiếm hữu ruộng đất và quyền sử dụng ruộng đất, quyền này hoặc là của tư nhân, hoặc là của cộng đồng" (5).

V. I. Lê-nin đã nhiều lần chứng minh rằng nông nghiệp tư bản chủ nghĩa có thể phát triển trên cơ sở những hình thức chế độ sở hữu ruộng đất hết sức khác nhau.

Người đã nhắc lại luận điểm của C. Mác rằng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã gặp (và không chế được) những chế độ sở hữu ruộng đất hết sức khác nhau, từ chế độ sở hữu thị tộc và chế độ sở hữu phong kiến đến chế độ sở hữu công xã nông dân; đồng thời đã vạch rõ sản xuất lớn đòi hỏi việc chiếm hữu thực tế và sử dụng ruộng đất tập trung quy mô lớn. Vì vậy, ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, toàn bộ ruộng đất đều do các doanh nghiệp tư nhân riêng rẽ chiếm giữ, nhưng các doanh nghiệp này không những kinh doanh ruộng đất của mình, mà còn kinh doanh ruộng đất thuê của các tư nhân chủ ruộng đất, của nhà nước hay của những công xã. Khi giả định rằng, nông

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sổđ*, t 25 phần II, tr 499

ng nghiệp tổ chức theo lối tư bản chủ nghĩa, tất nhiên bao hàm cả ý giả định rằng, tất cả ruộng đất đều bị các doanh nghiệp tư nhân riêng rẽ chiếm giữ, *nhưng tuyệt nhiên không bao hàm cái ý giả định rằng toàn bộ ruộng đất là tài sản tư hữu* của những nghiệp chủ đó hay của những người khác, hoặc giả định rằng đó là sở hữu tư nhân nói chung. "Về mặt lô-gíc, chúng ta hoàn toàn có thể hình dung được nền nông nghiệp tổ chức theo lối thuần túy tư bản chủ nghĩa, trong đó hoàn toàn không có sở hữu tư nhân về ruộng đất, ruộng đất là sở hữu của nhà nước hay của một công xã v.v..." (6). Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hoàn toàn đi đôi với việc không có chế độ tư hữu về ruộng đất, với việc quốc hữu hóa ruộng đất, tức là khi mà hoàn toàn không có địa tô tuyệt đối, còn địa tô chênh lệch thì thuộc về nhà nước. Nhân tố kích thích sự tiến bộ về nông học không vì vậy mà bị yếu đi, trái lại còn được tăng cường lên rất nhiều (7). Tài liệu lịch sử cũng chứng minh rằng, dưới bất cứ hình thức chiếm hữu ruộng đất nào, nông nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng vẫn cứ nảy sinh và phát triển (8). Hơn nữa, việc trao đổi hàng hóa lần đầu xuất hiện giữa các đơn vị kinh tế công hữu (các bộ lạc, các công xã nguyên thủy...) chứ không phải giữa các đơn vị kinh tế tư hữu. C. Mác đã nhận thấy: "Sự trao đổi hàng hóa bắt đầu ở nơi mà công xã kết thúc, ở những điểm nó tiếp xúc với các công xã khác hay với những thành viên của các công xã khác đó" (9).

Tóm lại, sản xuất hàng hóa có thể thích ứng với cả chế độ tư hữu và chế độ công hữu khi xét về quyền sở hữu pháp lý đối với tư liệu sản xuất; nhưng quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng tư liệu sản xuất thì phải thuộc về từng chủ thể độc lập và không phụ thuộc vào nhau, do đó kết quả sản xuất cũng thuộc quyền chi phối của họ, và người này chỉ có thể chiếm hữu hàng hóa của người kia bằng cách trao đổi hàng hóa của mình, với ý nghĩa đó họ phải thừa nhận lẫn nhau là những người tư hữu hay những người sở hữu tư nhân đối với những hàng hóa mà họ đem ra trao đổi. Bởi vậy, việc quy định ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước

đại diện chủ sở hữu, giao quyền chiếm hữu thực tế và quyền sử dụng lâu dài cho các hộ nông dân và các đơn vị kinh tế khác, không những không cản trở việc phát triển nông nghiệp hàng hóa, mà còn thúc đẩy quá trình hợp lý hóa nông nghiệp.

2. Kinh tế hàng hóa tất yếu tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và cả trong chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản

Do chủ quan, duy ý chí, muốn sớm có chủ nghĩa xã hội khi lực lượng sản xuất còn lạc hậu, chúng ta đã đồng nhất chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất được xác lập một cách hình thức. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: "Thành tựu to lớn nhất là đã thủ tiêu chế độ người bóc lột người; chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể đã được xác lập một cách phổ biến"; và "các giai cấp đã bị xóa bỏ". "Nhìn chung, sau hai mươi năm cải tạo và xây dựng, miền Bắc đã bước đầu kiến lập được một hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội". "Chúng ta đã chuyển miền Bắc từ chế độ thuộc địa và nửa phong kiến với một nền kinh tế nông nghiệp hết sức lạc hậu sang chế độ xã hội chủ nghĩa một cách nhanh gọn"; thế nhưng vẫn thừa nhận "Tuy đã đi được một chặng trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhưng nhìn chung, nền kinh tế miền Bắc còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém" (10).

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 5, tr 139 - 140

(7) Xem: V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 4, tr 176 - 177

(8) Xem: V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 5, tr 145

(9) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 23, tr 138

(10) Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 29, 32, 33, 34

Nhận thức nói trên đã xuất phát từ việc hiểu một cách giáo điều và vận dụng không đúng những luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen như: "chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ buôn bán"⁽¹¹⁾; "Cùng với việc xã hội nắm lấy những tư liệu sản xuất thì sản xuất hàng hóa cũng bị loại trừ, và do đó, sự thống trị của hàng hóa đối với những người sản xuất cũng bị loại trừ"⁽¹²⁾.

Thực ra những luận điểm trên là những dự đoán về giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là nói về giai đoạn thấp của nó (tức là chủ nghĩa xã hội). Nói về giai đoạn thấp ấy, C. Mác đã nhấn mạnh: đó là một xã hội "vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra"⁽¹³⁾. Như vậy, làm sao xóa ngay được cái "dấu vết" đặc trưng của chủ nghĩa tư bản là kinh tế hàng hóa?

Còn "xã hội nắm lấy các tư liệu sản xuất", tức là xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thì không thể tùy tiện, vì "Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa"⁽¹⁴⁾. Bởi vậy, không thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức, "cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu". Cho nên chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần và "chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu"⁽¹⁵⁾.

Trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, mỗi người lao động vẫn còn lệ thuộc vào sự phân công lao động xã hội, vẫn còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; lao động vẫn là phương tiện để sinh sống chứ chưa trở thành nhu cầu bậc nhất của mỗi người, sức sản xuất của xã hội chưa đạt đến mức của cải tuôn ra dào dạt để phân phối theo nhu cầu, thì vẫn phải đi con đường vòng thực hiện phân phối thông qua trao đổi hàng hóa.

Chính V.I. Lê-nin trong Chính sách cộng sản thời chiến cũng đã từng tưởng rằng có thể thủ tiêu hoàn toàn thương nghiệp và thay thế việc buôn bán bằng chế độ phân phối sản phẩm một cách có kế hoạch và có tổ chức trên quy mô toàn quốc. Nhưng sau đó, qua thực tiễn của nước Nga, Người đã nhận ra rằng, không thể làm như vậy, mà phải khuyến khích tự do lưu thông hàng hóa, coi thương nghiệp là mắt xích chủ yếu trong toàn bộ chuỗi xích kinh tế mà người cộng sản phải nắm lấy, và đó cũng là nội dung cơ bản nhất của Chính sách kinh tế mới (NEP). Thực tiễn cũng đã dạy chúng ta rằng "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"⁽¹⁶⁾.

Như vậy, sự tồn tại kinh tế thị trường trong chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan, là sự kế thừa thành tựu của nền văn minh nhân loại trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Theo dự đoán của C. Mác, chỉ đến khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trở thành nguồn chủ yếu tạo ra của cải, còn lao động dưới hình thái trực tiếp lui xuống hàng thứ yếu thì nền sản xuất dựa trên giá trị trao đổi (tức là sản xuất hàng hóa) mới bị sụp đổ⁽¹⁷⁾.

3. Phải làm gì để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ những điều đã trình bày ở trên có thể rút ra một số việc chủ yếu cần phải làm để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(11) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 4, tr 618

(12) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 20, tr 392

(13) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 19, tr 33

(14) (15) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 4, tr 467, 469

(16) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 97

(17) Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, t 46, phần II, tr 368 - 373

3.1. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Vì lực lượng sản xuất ở nước ta phát triển với những trình độ khác nhau giữa các ngành và giữa các vùng, và thậm chí khác nhau ngay trong nội bộ từng ngành, nên tương ứng với những trình độ lực lượng sản xuất khác nhau ấy tất yếu tồn tại những quan hệ sản xuất, đặc biệt là quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và phân phối thích ứng khác nhau. Vì thế, như V. I. Lê-nin đã chỉ rõ, tính chất quá độ của nền kinh tế có nghĩa là trong chế độ kinh tế có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội⁽¹⁸⁾. Ở những nước nông nghiệp lạc hậu, thì còn có cả những bộ phận tiền tư bản chủ nghĩa nữa (như kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hóa nhỏ).

Cần lưu ý rằng các thành phần kinh tế không phải là nhất thành bất biến. Vì vậy, khi nói kinh tế nhiều thành phần tồn tại lâu dài, không có nghĩa là mọi thành phần cứ y nguyên, tồn tại mãi. Biện chứng của sự vận động là, khi một sự vật phát triển đến trình độ cao nhất, nó lại tạo điều kiện phủ định chính nó. Chẳng hạn, kinh tế tự nhiên phải chuyển thành kinh tế hàng hóa. Sản xuất hàng hóa nhỏ phải chuyển thành sản xuất hàng hóa lớn, bằng cách phân hóa hai cực thành sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, hoặc là hình thành những doanh nghiệp tập thể quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh trên thương trường, hay là làm vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn (kể cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

3.2. Coi trọng tính tự chủ của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tập thể. Các doanh nghiệp tư nhân thì mặc nhiên thể hiện tính độc lập và không phụ thuộc vào nhau, nhưng các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tập thể do chịu ảnh hưởng của các tàn dư của nền kinh tế kế hoạch tập trung, bao cấp nên tính độc lập chưa được thể hiện triệt để. Bởi vậy, muốn thích ứng với cơ chế thị trường, các doanh nghiệp ấy phải được bảo đảm tính tự chủ,

nhất là tự chủ về tài chính và tự chủ về sản xuất kinh doanh.

3.3. Ra sức thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển sâu, rộng, nhất là chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Phân công lao động xã hội là cơ sở tồn tại và phát triển sản xuất hàng hóa. Sự phát triển kinh tế hàng hóa khiến một bộ phận ngày càng đông trong dân cư tách khỏi nông nghiệp, tức là nhân khẩu công nghiệp và dịch vụ tăng lên, làm cho nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống. C. Mác đã nhấn mạnh: "Do bản chất của nó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không ngừng giảm bớt nhân khẩu nông nghiệp, so với nhân khẩu phi nông nghiệp, bởi vì trong công nghiệp (theo nghĩa hẹp của danh từ này), việc tư bản bất biến tăng lên so với tư bản khả biến thường kết hợp với sự tăng thêm tuyệt đối (dù là giảm bớt tương đối) của tư bản khả biến; còn trong nông nghiệp thì tư bản khả biến cần thiết để canh tác một khoảnh đất nhất định lại giảm bớt một cách tuyệt đối; do đó tư bản khả biến chỉ có thể tăng thêm khi người ta canh tác những đất đai mới, điều này lại giả định rằng nhân khẩu phi nông nghiệp phải tăng lên nhiều hơn nữa"⁽¹⁹⁾.

Hiện nay ở nước ta nhân khẩu ở nông thôn vẫn chiếm khoảng 80% dân số cả nước và lao động nông nghiệp vẫn chiếm gần 60% tổng số lao động trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; giá trị sản lượng nông nghiệp vẫn chiếm trên 20% tổng GDP, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, trồng trọt vẫn chiếm trên 70%, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm trên 20%.

Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội chỉ vào khoảng từ 3% đến 10%.

(Xem tiếp trang 47)

(18) Xem: V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 362

(19) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 25, phần II, tr 274-275

Vài suy nghĩ về chủ trương thí điểm ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) hiện nay ở nước ta

NGUYỄN MINH THÔNG *

NHÌN lại 20 năm đổi mới, doanh nghiệp nhà nước đã vươn lên khá mạnh mẽ; quy mô, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh được cải thiện một bước rất cơ bản. Doanh nghiệp nhà nước đang góp phần quan trọng khẳng định vai trò quyết định của kinh tế nhà nước trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Trong quá trình đó, đổi mới cơ chế quản lý đã trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước không ngừng phát triển theo hướng "giữ những vị trí then chốt, đi đầu trong ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật".

Trong quá trình sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, chúng ta đã áp dụng một số biện pháp rất cơ bản, như: hình thành, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước; cổ phần hóa để tạo môi trường cho sự tham gia của các hình thức sở hữu thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có cổ phần của người lao động; Nhà nước nắm giữ cổ phần

trong các doanh nghiệp cổ phần hóa ở các mức độ khác nhau... Quá trình sắp xếp vừa qua đã làm cho doanh nghiệp nhà nước giảm đi nhanh chóng về mặt số lượng, nếu năm 1990 là 12.084 doanh nghiệp, thì đến tháng 12-2005 còn 2.760 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; gần 700 công ty cổ phần do Nhà nước chi phối 51% vốn Điều lệ. Thế nhưng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước được cải thiện

đáng kể, năm 2005 đóng góp 39% GDP, 50% tổng ngân sách nhà nước.

Trong quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, một số ý tưởng về đổi mới phương thức tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước đã được hình thành tương đối rõ và đang đi vào thực tiễn cuộc sống, như: chuyển tổ chức quản lý của tổng công ty nhà nước và công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước...

Quá trình áp dụng thí điểm một số mô hình mới đã thiết lập được những mối quan hệ giữa hội đồng quản trị - đại diện trực tiếp chủ sở hữu doanh nghiệp với tổng giám đốc - người điều hành sản xuất kinh doanh. Từ rất sớm, trong một số văn bản pháp luật đã manh nha ý tưởng về thuê tổng giám đốc (giám đốc). Chẳng hạn, chủ trương của Đảng về việc hội đồng quản trị ký hợp đồng với giám đốc đã được đề ra từ 1997 tại Hội nghị Trung ương lần thứ 4,

* Chuyên gia cao cấp Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước

khóa VIII, song chưa có đủ điều kiện để thực hiện. Điều 30 của Luật Doanh nghiệp nhà nước cũng đã quy định hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê hoặc bổ nhiệm tổng giám đốc.

Nhưng dù sao đến nay, việc ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) đối với các tổng công ty nhà nước và công ty nhà nước độc lập là một ý tưởng mới. Năm 2003, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép xây dựng đề án thí điểm ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) đối với Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy và Tổng công ty Công nghiệp ô-tô. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm thêm đối với Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (Viglacera); Công ty Vận tải đa phương thức; Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Việc thí điểm diễn ra tương đối nhanh tại Công ty Vận tải đa phương thức. Sau khi xem xét thì thấy, ông Tổng giám đốc của công ty là người có kinh nghiệm điều hành công ty có hiệu quả trong nhiều năm, nên hội đồng quản trị đã quyết định chọn phương án ký hợp đồng thuê ông này (sau khi nghỉ hưu) làm Tổng giám đốc.

Về mặt lý luận, ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) ở tổng công ty nhà nước và công ty nhà nước độc lập là vấn đề rất mới đối với mọi người. Trong nhận thức, tư duy của chúng ta đã hình thành khá sâu đậm sự phân biệt, khác biệt giữa người làm thuê và người làm chủ. Trong một thời gian dài chúng ta đã phá việc làm thuê, để xây dựng một xã hội mới trong đó mọi người đều làm chủ. Bản thân mô thức: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ đã nói lên toàn bộ lối tư duy đó. Bởi vậy, bây giờ xuất hiện "thuê tổng giám đốc (giám đốc)" rõ ràng là vấn đề mới. Trong xã hội hình thành một lĩnh vực hoạt động mới - đi làm tổng giám đốc (giám đốc) thuê, và một cung cách quản lý mới - đi thuê người về làm tổng giám đốc (giám đốc). Điều đó có nghĩa là làm tổng giám đốc (giám đốc) là một nghề. Rõ

ràng đây là một khâu đột phá về mặt tư duy lý luận, bởi vậy lẽ thường tình nó sẽ phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn, nhất là với lối mòn tư duy cũ, với những cái hiện có cả về nhận thức lẫn cách làm thực tế.

Trước hết, chúng ta nói về ông chủ, ai là ông chủ và ai là đại diện ông chủ. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, các nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ đều khẳng định Nhà nước là chủ sở hữu đối với tổng công ty nhà nước và công ty nhà nước độc lập, cũng như là chủ sở hữu đối với vốn và tài sản của Nhà nước ở các loại hình công ty khác (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần...).

Chính phủ thống nhất tổ chức quản lý tài sản, vốn liếng của Nhà nước tại những cơ sở có sự hiện hữu của chúng. Sự thống nhất quản lý ấy được dựa trên cơ sở những phương thức sau: Chính phủ trực tiếp quản lý; ủy quyền cho các bộ, cơ quan ngang bộ; phân cấp cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giao cho hội đồng quản trị. Các phương án trên được lựa chọn tùy theo vị trí, vai trò và quy mô của doanh nghiệp trong nền kinh tế. Đó là những căn cứ pháp lý, nhưng khi tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản, vốn liếng của chủ sở hữu, thực hiện quyền quản lý vốn và tài sản nhà nước ở các doanh nghiệp này để khai thác hiệu quả, bảo toàn, phát triển chúng, thì chủ sở hữu có hai phương thức để lựa chọn cách quản lý: ông chủ trực tiếp đứng ra quản lý; hoặc ông chủ thuê người quản lý.

Nhìn lại toàn bộ quá trình quản lý vốn và tài sản của Nhà nước, trong một thời gian khá dài, chúng ta không phân loại quy mô, cho nên chỉ có tổng giám đốc (giám đốc) của doanh nghiệp (kể cả lớn, vừa và nhỏ) là đại diện trực tiếp của Nhà nước đối với tài sản và vốn của Nhà nước, và chính cá nhân này có đầy đủ tư cách pháp nhân và có quyền khai thác, quản lý doanh nghiệp đó thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước

giao hằng năm. Giai đoạn này coi mọi trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi đều do tổng giám đốc (giám đốc) quyết định. Qua tổ chức của công đoàn, đại hội công nhân viên chức, thỏa ước lao động tập thể... người lao động đã phát huy quyền làm chủ của mình, đồng thời cũng là những chứng lý rõ ràng nhất về vai trò làm chủ của người lao động ở doanh nghiệp nhà nước. Cũng trong giai đoạn này, có nơi, có lúc cấp bộ, cấp tỉnh muốn thể hiện vai trò đại diện chủ sở hữu trực tiếp can thiệp vào quyền tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, trên thực tế cũng chưa làm rõ được ai là chủ sở hữu đích thực, nên mới có tình trạng không có chủ, hoặc chủ chung chung.

Bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh với chức năng vừa quản lý nhà nước vừa đại diện chủ sở hữu các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Chức năng quản lý nhà nước là xây dựng, ban hành chính sách, cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp và kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, chế độ, quy định của nhà nước đối với doanh nghiệp. Còn chức năng đại diện chủ sở hữu là tổ chức, thành lập doanh nghiệp; quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và kế hoạch trung, dài hạn; phê duyệt các dự án đầu tư... chịu trách nhiệm trước Nhà nước về hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhiều năm Đảng, Nhà nước, Quốc hội chủ trương chấm dứt tình trạng cơ quan hành chính nhà nước can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước nhằm sớm chấm dứt tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi".

Theo thời gian, bằng các chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, Chính phủ có lựa chọn một số doanh nghiệp quy mô lớn và vừa (bằng Quyết định 90 và 91 của Chính phủ) để thành lập các tổng công ty quy mô lớn và vừa, gọi tắt là các tổng công ty 90 và tổng công ty 91.

Việc sắp xếp đó có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý, khai thác vốn; một mặt, ở chỗ Chính phủ tập trung vào những ngành, những lĩnh vực then chốt phục vụ phát triển kinh tế của đất nước; để các tổng công ty lớn và vừa của Nhà nước có đủ điều kiện tích tụ vốn, khai thác thế mạnh của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề thực sự là công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế, duy trì các cân đối lớn bảo đảm sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Ngoài ra, về mặt tổ chức, cách sắp xếp này có ý nghĩa là hình thành các hội đồng quản trị; đại diện trực tiếp chủ sở hữu ở tổng công ty nhà nước, đặt cơ sở để tách bạch chủ sở hữu với các cơ quan hành chính thực hiện quản lý nhà nước. Điều đó có nghĩa là bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh không là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp. Xóa bỏ cơ chế chủ quản để các cơ quan quản lý nhà nước chỉ tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước, tách rõ chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, thiết lập một cơ chế mới, khẳng định vai trò hội đồng quản trị là ông chủ tài sản, vốn của nhà nước tại các tổng công ty nhà nước.

Trên cơ sở chọn được ông chủ trực tiếp ở tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập là hội đồng quản trị, thì việc chọn người điều hành quản lý sản xuất kinh doanh sẽ triển khai theo hai phương án: đa số chọn một ủy viên hội đồng quản trị làm tổng giám đốc (giám đốc); một số ít làm thí điểm chọn chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc (giám đốc).

Có ý kiến cho rằng, phương án hai tập trung được quyền lực quản lý và điều hành vào một người là thể hiện chế độ một thủ trưởng tại doanh nghiệp, nhưng cũng có ý kiến trái ngược coi đây là tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi". Nếu bình luận theo hướng đó, thì cả trong phương án một cũng vậy. Bởi thật ra một

ủy viên của hội đồng quản trị làm tổng giám đốc (giám đốc) cũng là "vừa đá bóng, vừa thổi còi", và cả hội đồng quản trị là đại diện tập thể cho chủ sở hữu nhà nước, thì một ủy viên hội đồng quản trị cũng được thẩm quyền của chủ sở hữu. Do đó, thực chất của cả hai phương án vẫn là vừa làm chủ sở hữu, vừa quản lý, điều hành. Nhưng từ phương diện làm công ăn lương mà xem xét, thì hoạt động của hội đồng quản trị suy cho cùng cũng là làm thuê cho Nhà nước mà thôi!.

Giai đoạn này được triển khai thực hiện đến nay đã được trên 10 năm, nhưng vẫn không làm sao thoát được tình trạng lẫn lộn, chòng chẹo giữa quản lý nhà nước ở các cơ quan hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.

Đến nay, trong các văn bản luật, văn bản dưới luật, nghị định về tổ chức và quyền hạn của các bộ, các ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đang có hai chức năng: quản lý nhà nước và đại diện chủ sở hữu. Cho nên, khi xảy ra các hiện tượng vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế ở doanh nghiệp nhà nước, thì Quốc hội yêu cầu các bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải giải trình và tìm biện pháp khắc phục. Nếu có vi phạm thường lại quy trách nhiệm cho bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân, tổng giám đốc (giám đốc), mà hiếm khi quy được trách nhiệm cho hội đồng quản trị. Vì thế, hội đồng quản trị ở các tổng công ty, công ty nhà nước độc lập vẫn chưa thực sự có đủ quyền đại diện chủ sở hữu theo quy định.

Về mặt lý luận, cũng chưa làm rõ được vấn đề làm chủ và làm thuê. Một thói quen hiện nay khó tìm ra thuật ngữ gì cho phù hợp để thoát khỏi những định kiến cũ, đó là chúng ta rất sợ làm thuê, sợ rơi vào trạng thái làm thuê, mà đại đa số đều thích làm chủ, cho dù sự làm chủ đó trên thực tế lại cũng không có gì rõ ràng hơn (làm cho doanh nghiệp nhà nước lương thấp, nhưng ổn định hơn, và yên tâm hơn là

làm cho khu vực tư nhân có mức lương cao hơn với giả định năng suất và cường độ lao động như nhau).

Trong lúc đó, tại các nước có nền kinh tế thị trường, xuất phát từ mục tiêu khai thác tài sản như thế nào cho thật hiệu quả, còn cách quản lý trong thực tiễn rất phong phú, việc làm chủ và làm thuê đều hiện hữu. Từ đó xuất hiện phương thức mới: chủ sở hữu không còn là chủ quản lý trực tiếp tại các doanh nghiệp, mà thuê người quản lý giỏi thay mình điều hành doanh nghiệp. Như vậy, trong việc tách bạch rõ chức năng, quyền hạn của chủ sở hữu vốn với quyền hạn, trách nhiệm, quyền lợi người làm thuê quản lý điều hành doanh nghiệp... như kinh nghiệm của các nước, vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước không những không giảm, mà còn tăng lên, hiệu lực hơn trước, nhất là trong việc can thiệp vào nền kinh tế để khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường và giảm nhẹ hậu quả khi nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng hay đình đốn.

Quan niệm việc hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc): Đối với nền kinh tế chúng ta, theo chúng tôi, nên định hướng dư luận coi đây chẳng qua là sự phân công của xã hội, trách nhiệm của từng loại công việc, nghĩa là người thì được giao (thuê) nhiệm vụ làm chủ, người được giao (thuê) nhiệm vụ quản lý sử dụng, khai thác tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp, miễn là phải làm rõ hai cặp khái niệm - phạm trù: *nghĩa vụ và quyền hạn, trách nhiệm và quyền lợi*.

Chẳng hạn, nghĩa vụ của ông tổng giám đốc (giám đốc) là hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của doanh nghiệp về tổng sản lượng, tổng doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách...; bảo đảm công ăn, việc làm, thu nhập hợp lý cho người lao động; thi hành các văn bản pháp quy có liên quan. Đồng thời tổng giám đốc (giám đốc) có quyền: trong tổ chức sản xuất, bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự thừa hành cấp dưới, tuyển dụng và cho thôi việc đối với

lao động, khen thưởng, kỷ luật, tài chính, đầu tư, đối ngoại...

Tương tự như vậy, đối với cặp khái niệm và phạm trù trách nhiệm và quyền lợi, trách nhiệm đã được cụ thể hóa đối với hội đồng quản trị, quyền lợi cũng cụ thể hóa: lương, thưởng, trang bị phương tiện đi lại, điều kiện làm việc, chế độ nghỉ ngơi... Trách nhiệm của tổng giám đốc (giám đốc) là, chăm lo cho việc khai thác hiệu quả vốn và tài sản doanh nghiệp, bảo đảm an toàn sản xuất, an toàn lao động, thiết bị sản xuất..., báo cáo thường kỳ với hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm cá nhân trước hội đồng quản trị.

Trong quá trình thí điểm thuê tổng giám đốc, giám đốc đang nảy sinh một số vấn đề cần có sự nghiên cứu để đi đến thống nhất quan điểm, tìm các giải pháp tối ưu sau đây:

- Vị trí của tổng giám đốc (giám đốc) làm thuê có tư cách pháp nhân hay không? Theo Luật Doanh nghiệp nhà nước hiện hành thì tổng giám đốc (giám đốc) là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tổng giám đốc (giám đốc) có thể là thành viên hội đồng quản trị, nghĩa là tổng giám đốc (giám đốc) có đầy đủ tư cách pháp nhân đối nội cũng như đối ngoại. Quy định này cũng chưa rõ tổng giám đốc ở vị trí nào: tổng giám đốc kiêm ủy viên hội đồng quản trị; tổng giám đốc không có chân trong hội đồng quản trị; tổng giám đốc được hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê.

- Vậy khi hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) thì tư cách pháp nhân là tổng giám đốc (giám đốc) hay hội đồng quản trị?. Có ý kiến cho rằng, tổng giám đốc (giám đốc) đã là làm thuê thì làm gì có tư cách pháp nhân!. Nếu vậy khi tổng giám đốc (giám đốc) trong quá trình sản xuất kinh doanh mà gặp trường hợp doanh nghiệp vi phạm pháp luật, thất thoát tài sản thì hội đồng quản trị chịu

trách nhiệm như thế nào? Như vậy, hội đồng quản trị phải là đại diện theo pháp luật, nhưng hội đồng quản trị lại là một tập thể, do đó phải quy định một người trong số họ, có thể là chủ tịch hội đồng quản trị có tư cách pháp nhân. Từ đó, vấn đề đặt ra là tổng giám đốc (giám đốc) có nên là ủy viên hội đồng quản trị hay không?. Qua khảo sát một số cơ sở và địa phương, nhiều ý kiến cho rằng, muốn tránh tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi", thì tổng giám đốc (giám đốc) không nên ở trong hội đồng quản trị.

- Vấn đề tiếp theo là, trong việc ký kết các hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc) có cần điều khoản nhân sự phải có tài sản thế chấp không, và mức thế chấp có phụ thuộc vào giá trị tài sản của doanh nghiệp không? Khi bàn về vấn đề này đã nảy sinh việc phải xác định, tài sản lớn đến mức độ nào thì mới thế chấp cho tương ứng với quy mô vốn và tài sản của tổng công ty, hay công ty. Vì trên thực tế có lúc, có nơi do thiếu trách nhiệm, hay trình độ năng lực quản lý yếu mà làm thất thoát, thiệt hại cho Nhà nước hàng chục, hàng trăm tỉ đồng thì tài sản cá nhân nào có thể thế chấp được?!. Có ý kiến cho rằng, tài sản cá nhân là tài sản gia đình, liên quan đến vợ con, làm sao thế chấp được. Bởi vậy, số ý kiến này đề xuất là không yêu cầu có tài sản thế chấp cá nhân trong hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc).

Loại ý kiến khác, cho rằng chỉ cần kê khai tài sản cá nhân, nhưng trong trường hợp đó, ai kê khai, thông thường kê khai ít, không đúng thực tế thì cũng chẳng có ý nghĩa gì trong việc gắn cái đó với trách nhiệm của tổng giám đốc (giám đốc).

Lại có ý kiến cho rằng không nhất thiết phải đòi hỏi cá nhân có hay không có tài sản mới ký hợp đồng thuê tổng giám đốc (giám đốc). Vấn đề là đánh giá đúng năng lực, phẩm chất con người trong việc làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm của tổng giám đốc (giám đốc).

Theo chúng tôi, cùng với việc phải đánh giá đúng phẩm chất, năng lực cần phải kê khai tài sản cá nhân và phải có tài sản thế chấp, và phải thế chấp ở mức phù hợp. Vì đây là một hợp đồng - hợp đồng thuê, nên nó vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa có ý nghĩa về mặt dân sự, thế chấp là để có trách nhiệm hơn đối với tài sản chung của Nhà nước đặt dưới sự điều hành (công việc chính) của người làm thuê. Trong vấn đề này cũng tương tự như vay tiền ngân hàng, người vay cũng phải thế chấp tài sản để gắn bó trách nhiệm cá nhân với hiệu quả sử dụng vào bảo tồn tiền vay như việc thực hiện một hợp đồng - một kế ước vậy.

Như vậy, chúng ta sẽ từng bước xóa bỏ những dư luận không thích, không muốn ký hợp đồng làm thuê tổng giám đốc, coi việc tổng giám đốc, giám đốc làm thuê là "xấu hổ", là "mất danh dự", là "mất uy tín"... Tổng giám đốc (giám đốc) là một công việc được xã hội phân công, đầy tính phức tạp, đối mặt với nhiều rủi ro, mạo hiểm, đòi hỏi không những phải có trình độ, năng lực và phẩm chất cá nhân, mà còn gắn với lợi ích, quyền lợi, trách nhiệm của cá nhân, cho nên nó cũng vinh quang như bao công việc khác nếu ai làm tốt. Chưa nói, công việc đó cũng gắn với quy luật phân phối hiện nay trong xã hội ta là, có làm thì có hưởng, mà ở đây làm thuê cho Nhà nước hẳn hoi, không việc gì phải né tránh, xấu hổ và lại càng không nên ngụy biện để bỏ qua một phương thức quản lý có khả năng đem lại hiệu quả cao cho các doanh nghiệp nhà nước.

Từ những bước đi ban đầu đó, cùng với nguyên tắc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thiết nghĩ, chúng ta sẽ từng bước làm quen với tiêu chuẩn đạo đức chung là càng làm lợi cho xã hội được nhiều thì càng được xã hội trân trọng, tôn vinh và ban thưởng nhiều, cuộc sống càng ấm no, sung túc. Đó cũng chính là một trong những nội dung của xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

KINH TẾ HÀNG HÓA...

(Tiếp theo trang 41)

Theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2002, đến năm 2010 tỷ lệ lao động nông nghiệp ở nước ta sẽ còn 50%. Song đạt được chỉ tiêu trên rất khó. Từ năm 1996 đến năm 2000 tỷ trọng lao động nông nghiệp chỉ giảm được 3% (từ 71,2% xuống 68,2%), vậy đến năm 2010 liệu có giảm thêm được 18,2%. Việc này gặp trở ngại do phần lớn lao động nông nghiệp là lao động giản đơn, trình độ học vấn thấp, trong khi công nghiệp và dịch vụ lại đòi hỏi lao động có đào tạo và lành nghề. Do đó, xuất hiện tình trạng thừa rất nhiều lao động giản đơn và thiếu trầm trọng lao động lành nghề, và đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh công tác đào tạo.

Số liệu dẫn ra ở trên cũng chỉ rõ, ở nước ta hiện nay chăn nuôi vẫn chưa trở thành một ngành chính, chưa tách khỏi trồng trọt thành một ngành độc lập. Phần lớn việc chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn là nghề phụ của những hộ nông dân làm nghề trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính chất tự cung, tự cấp, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa và miền núi.

Trong lúc phải đẩy mạnh phân công lao động xã hội trong nước, nước ta còn phải chủ động và tích cực tham gia phân công lao động quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

3.4. Nhà nước quan tâm điều tiết thu nhập của dân cư để giảm bớt sự bất bình đẳng trong xã hội. Phát triển kinh tế thị trường, bao gồm phát triển kinh tế tư bản tư nhân, tất yếu dẫn đến sự phân hóa hai cực: giàu và nghèo, tăng khoảng cách về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Mặc dù chưa thể xóa ngay tình trạng bất bình đẳng ấy, nhưng nếu để chênh lệch quá lớn sẽ dẫn đến mất ổn định xã hội. Bởi vậy, Nhà nước phải quan tâm điều tiết thu nhập của dân cư bằng nhiều biện pháp, mà chủ yếu là điều tiết bằng thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. □

XIN được bắt đầu câu chuyện từ một đô thị có đông dân nhất nước: thành phố Hồ Chí Minh. Công cuộc đô thị hóa tại đây, cho đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX có thể xem như đã được ghi vào lịch sử thành phố những dấu tích khó quên. Nhà thấp được làm thành nhà cao, nhà cao càng được xây cao hơn và bước vào thế kỷ XXI nhà ở đây đã vươn tới cỡ *chọc trời* thành phố! Nhà càng cao, người thành phố càng đông và có lẽ đang tồn tại một **ngịch lý** là trong các ngôi nhà càng cao, càng sang, càng *thừa vắng người ở*! Không biết có ai đã xem được hết các bản lý lịch trích ngang của các ngôi nhà cao ấy và làm sao mà biết được nguyên do sản sinh cũng như ý nghĩa, mục đích của sự "đầu thai" ra các *sản phẩm chọc trời* ấy là như thế nào?!

Có thể xem công cuộc đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh, cho đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX là một thực trạng *gọi cả vui lẫn buồn* và *vừa mừng vừa lo*. Nhất là xem xét sống đời *thực trạng* đô thị hóa với *thực trạng* đời sống văn hóa.

Đã có rất nhiều bài viết, nhiều sách báo và nhiều cuộc hội thảo lớn, nhỏ bàn đến vấn đề này. Nhưng cho đến nay *nỗi lo* trước hết là *sự phẫn đấu của chúng ta quá yếu* trong việc phải tránh để khỏi bị đứng vào thế *siêu đô thị*.

Có một thời, mới đây thôi, trong xây dựng đô thị, chúng ta đã say sưa với sự phát triển *chiều cao* mà chưa lưu ý đúng mức đến *chiều rộng*. Một *chiếc thảm đô thị* từ Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh trải rộng ra toàn vùng Nam Bộ vẫn chưa được cứu xét một cách đồng bộ và chưa tạo điều kiện đầy đủ cho việc thực thi trong các thập niên tới. Chúng ta chưa có được những kết quả khảo sát thật khoa học để đi đến

những dự báo chiến lược về một điều rất căn bản là: con người sẽ **được sống** và sẽ **bị sống** trong đô thị Việt Nam nói chung và trong thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, trong kết quả của chuyển động đô thị hóa ngày nay là ai?.

Trong sự nghiệp đô thị hóa, Việt Nam hồi đầu những năm 90 của thế kỷ trước, một nhiệm vụ chiến lược hết sức lớn lao đã được đặt ra là: tới năm 2000 Việt Nam sẽ phải đạt mục tiêu xây dựng tương đối hoàn chỉnh một hệ thống đô thị trên cả nước có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và

kỹ thuật hiện đại; có môi trường đô thị trong sạch; có sự phát triển đô thị hợp lý, cân đối trên phạm vi cả nước; bảo đảm sự phát triển ổn định, cân bằng cho mỗi đô thị để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung. Nhưng đã đến nay xem chừng chúng ta đã thực hiện nhiệm vụ đó không được bao nhiêu.

Đánh giá đời sống văn hóa cao hay thấp của một đô thị, trước hết phải xét xem người dân ở đô thị đó sống như thế nào. Cho nên, bàn tới đô thị hóa, trước hết phải tính toán về

vấn đề *dân số*. Hồi đầu những năm 90 của thế kỷ trước dân số các đô thị trên cả nước Việt Nam là 14,7 triệu người, chiếm trên 20% dân số toàn quốc. Đến năm 2000, số dân ở đô thị Việt Nam lên tới 19 triệu người, chiếm 23% dân số toàn quốc. Tiếp theo vấn đề dân số là *diện tích đất đai*. Vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX đất đô thị Việt Nam có khoảng 63,3 ngàn héc-ta, trung bình mỗi người dân đô thị có 45m². Năm 2020, dự tính diện tích đất đô thị Việt Nam là 460 ngàn héc-ta, chiếm 14% đất tự nhiên của

Đô thị hóa nhìn từ phía văn hóa

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN *

* PGS, TS, Nhà nghiên cứu

cả nước, trung bình mỗi người có khoảng 100 m². Từ hai dữ kiện về số dân và số đất vừa nói, căn cứ vào định hướng chung, chúng ta có thể hình dung một mạng lưới đô thị ở Việt Nam sẽ hình thành dần từ nay cho đến năm 2020. Cùng với quá trình hình thành mạng lưới đô thị đó là sự hình thành hệ thống chính sách về đầu tư, về giải pháp tạo vốn, về phát triển kết cấu hạ tầng... Và tất cả những nhiệm vụ chiến lược to lớn đó, đều phải dựa trên thành quả của hai ngành khoa học đặc biệt quan trọng, là ngành *tương lai học* và ngành *khoa học dự báo*. Thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của đô thị Việt Nam lại còn lệ thuộc rất nhiều vào *thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của thế giới*.

Không thể xây dựng một *mạng lưới* đô thị của Việt Nam, thậm chí, không thể xây dựng một đô thị cỡ lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cho những thập niên đầu của thế kỷ XXI, mà không tính đến những dự báo về tương lai của đô thị thế giới cùng thời. Có thể nêu một vài khía cạnh trong vấn đề này: chẳng hạn, dự báo của Liên hợp quốc về *dân số* đô thị thế giới như sau: năm 1995, mười thành phố lớn hàng đầu thế giới, với dân số và được sắp xếp theo thứ hạng như sau: thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 26,8 triệu người; thứ hai là Sao-Pau-lô (Bra-xin): 16,4 triệu người; thứ ba là Niu-oóc (Mỹ): 16,3 triệu người; thứ tư là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 15,6 triệu người; thứ năm là Bom-bay (Ấn Độ) và Thượng Hải (Trung Quốc) mỗi thành phố 15,1 triệu người; thứ bảy là Lốt An-giơ-lét (Mỹ) và Bắc Kinh (Trung Quốc) mỗi thành phố 12,4 triệu người; thứ chín là Can-cút-ta (Ấn Độ): 11,7 triệu người và thứ mười là Xê-un (Hàn Quốc): 11,6 triệu người. Đến năm 2015, sẽ có 4 trong số 10 thành phố kể trên không còn ở trong thứ hạng từ 1 đến 10 thành phố thuộc hàng đông dân nhất thế giới. Đó là Niu-oóc, Lốt An-giơ-lét, Can-cút-ta và Xê-un. Vào lúc đó sẽ có 4 thành phố khác thuộc các nước mà nay đang được xem là các nước "đang phát triển" sẽ đứng vào hàng 10 thành phố có số dân đông nhất thế giới. Đó là các thành phố La-gôt, Gia-các-ta, Ca-ra-si và Đắc-ca. Và thứ hạng cũng sẽ được thay đổi, cụ thể như sau:

thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 28,7 triệu người; thứ hai là Bom-bay (Ấn Độ): 27,4 triệu người; thứ ba là La-gôt (Ni-giê-ri-a): 24,4 triệu người; thứ tư là Thượng Hải (Trung Quốc): 23,4 triệu người; thứ năm là Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a): 21,2 triệu người; thứ sáu là Xan Pao-lô (Bra-xin): 20,8 triệu người; thứ bảy là Ca-ra-si (Pa-ki-xtan): 20,6 triệu người; thứ tám là Bắc Kinh (Trung Quốc): 19,4 triệu người; thứ chín là Đắc-ca (Băng-la-đét): 19,0 triệu người và thứ mười là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 18,8 triệu người.

Chỉ tính 10 thành phố đông dân nhất thế giới năm 1995 và năm 2015, ta thấy châu Á luôn có nhiều thành phố thuộc loại đông dân nhất so với các châu lục khác. Và xét về sự biến đổi số dân ở trong các đô thị đó trong hai thập niên tới thì các thành phố châu Á cũng thuộc loại *sôi động nhất*. Biến đổi dân số không phải là tất cả, nhưng cũng là một yếu tố thuộc loại *quan trọng nhất* trong toàn bộ vấn đề đô thị hóa và đời sống văn hóa đô thị. Đó là nói về *tương lai* và tương lai của đời sống văn hóa, nhân bản đến khía cạnh *khoa học dự báo*.

Nhìn lại quá khứ, quá trình đô thị hóa của các nước châu Á và của thế giới nói chung có rất nhiều khía cạnh mà Việt Nam cần đặc biệt quan tâm để học tập và rút những bài học kinh nghiệm. Quá trình đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến đời sống văn hóa của thế giới có vô số *kinh nghiệm thành công*. Thực tế đó đã được nói đến khá nhiều, khá sâu trong sách, báo, tài liệu mà trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, chúng ta kế thừa và áp dụng với tinh thần trân trọng. Thế nhưng, chỉ kế thừa những kinh nghiệm thành công thôi chưa đủ. Tránh cho được những thất bại mà thế giới đã trải qua, sẽ góp phần rất lớn cho sự nghiệp đô thị hóa và xây dựng đời sống văn hóa đô thị ở Việt Nam thời gian tới. Trong vấn đề này, theo tôi, ít nhất là có những khía cạnh cần lưu ý đặc biệt như sau: *thứ nhất* là sai lầm do thực hiện công cuộc đô thị hóa không đi đôi với *thành thị hóa nông thôn* một cách hữu cơ và đồng bộ, làm mất đi sự hài hòa cần thiết giữa các vùng cư dân, các vùng kinh tế

mang tính chiến lược của mỗi đất nước, do đó đời sống văn hóa bị ảnh hưởng xấu. Kinh nghiệm thất bại *thứ hai* là: đô thị hóa tạo điều kiện phát triển nhanh cho công, thương nghiệp và cản trở sự phát triển của nông, lâm, ngư nghiệp... từ đó dẫn đến sự phân tầng xã hội, phân chia giàu nghèo quyết liệt hơn - điều mà chúng ta không muốn có. Bởi vì, *xã hội thiếu văn hóa nhất là xã hội có những con người sống quá giàu sang giữa quá nhiều những con người sống quá bần cùng*. Kinh nghiệm thất bại *thứ ba* là sự phân tầng xã hội về mặt kinh tế tất yếu, để ra *phân tầng xã hội về giáo dục - văn hóa*, tới một độ nào đó sẽ thành vấn đề mâu thuẫn trong đời sống chính trị - tư tưởng. Các nguyên lý lý luận về chủ nghĩa xã hội nói chung và các định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đề ra, sẽ đứng trước những thử thách mới mà tiền đề để giải quyết, để vượt qua những thử thách đó rõ ràng là *chưa có*. Một trong những nhiệm vụ căn bản của *bước khởi đầu* quá trình đô thị hóa là, định hình cho được *từng bước đi* và thành quả *từng giai đoạn* trong tương lai của *cả quá trình* đô thị hóa. Đó là một vấn đề không thể thiếu, đồng thời không dễ có. Một tập hợp những năng lực trí tuệ về *khoa học dự báo, về tương lai học* rời rạc, mỏng manh rất dễ dẫn tới những kết quả đáng buồn, thậm chí *nguy hiểm* cho tương lai đất nước. Đó là kinh nghiệm *thứ tư* mà Việt Nam có thể rút ra từ thực tế đô thị hóa ở nhiều nước trên thế giới. *Thứ năm*, theo như thực tế của nhiều nước trên thế giới mấy thập niên qua, thì hậu quả của những khiếm khuyết trong *khoa học dự báo, trong tương lai học* đã dẫn tới chỗ mâu thuẫn, bế tắc trong một loạt vấn đề quan trọng: vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề mâu thuẫn giữa *trình độ sống, lối sống văn hóa* của người dân với *phương tiện sống, phương tiện hưởng thụ văn hóa* mà các khoa học - kỹ thuật đô thị hóa đem lại. Điều này kinh nghiệm thất bại của thế giới có nhiều, và mỗi nước có một loạt kinh nghiệm thất bại khác nhau, mà Việt Nam nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng cần được thông tin hết sức đầy đủ. Kinh nghiệm *thứ sáu*, đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh phải được đặt trong bối cảnh đô thị hóa của cả nước. Và đô

thị hóa của cả nước phải được đặt trong bối cảnh chung của thực tế công cuộc đô thị hóa cả thế giới. Ở đây, cùng với các vấn đề về *dự báo, về tương lai học*, vấn đề rất quan trọng là *chuyển giao kỹ thuật*. Chuyển giao kỹ thuật cho việc xây dựng đô thị và tổ chức cuộc sống, bao gồm *cả cuộc sống văn hóa đô thị* hiện đại là vấn đề mà Việt Nam phải kết chặt với cả thế giới. Nhìn thực tế của thế giới ngày nay thì những người thực hiện đô thị hóa ở nước ta rất dễ bị choáng ngợp trước các hình ảnh bề ngoài của các đô thị thuộc nhiều quốc gia khác, trong khi tại chính các quốc gia đó thì những gì là cơ sở khoa học - kỹ thuật để xây dựng nên các đô thị đang làm cho Việt Nam choáng ngợp ấy, đã thuộc loại *lạc hậu*, thậm chí *quá lạc hậu*. Nếu Việt Nam tiếp nhận lấy những cơ sở khoa học - kỹ thuật đó để phục vụ cho công cuộc đô thị hóa đất nước *hiện nay* thì chỉ hai, ba thập niên nữa, Việt Nam, mà trước hết là thành phố Hồ Chí Minh vẫn sẽ thuộc loại đất nước, thuộc loại thành phố có trình độ đô thị hóa lạc hậu nhất của thế giới lúc *bấy giờ*. Không phải riêng lĩnh vực đô thị hóa mà trong mọi lĩnh vực của xã hội loài người, vấn đề chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nước có trình độ phát triển kém thua nước mình là vấn đề được xem như *tất yếu*, được xem như là *con đường thoát duy nhất* của các nước phát triển muốn phát triển tiếp tục!. Như vậy, thử hỏi loài người sẽ đi đến đâu? Cuộc sống đô thị nói riêng và văn minh nhân loại nói chung, cứ phải giữ khoảng cách này ngày càng xa giữa các quốc gia, giữa các dân tộc cho đến bao giờ?

Khi đặt vấn đề suy nghĩ về môi trường nhân văn, về đời sống văn hóa và vấn đề đô thị hóa tại Việt Nam, tại thành phố Hồ Chí Minh thời gian trước mắt chúng ta có nhiều vấn đề. Những vấn đề như vậy rất nhiều nước trên thế giới có vô số *kinh nghiệm thành công*, đồng thời cũng có vô số *kinh nghiệm thất bại*. Xin đừng quên trao đổi với nhau những *kinh nghiệm thất bại* để thời gian tới công cuộc đô thị hóa của thành phố Hồ Chí Minh, của cả nước sẽ đạt được nhiều thành công hơn nữa; đời sống văn hóa sẽ được phát triển *đúng hướng* hơn nữa. □



CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VỚI BẢO VỆ CHỦ QUYỀN AN NINH BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG THỜI KỲ MỚI

TĂNG HUỆ *

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt chuyên trách trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc; thường xuyên hoạt động ở những nơi xa xôi, khó khăn, gian khổ, vùng có nhiều đồng bào dân tộc; thường xuyên đấu tranh với các loại tội phạm hoạt động tinh vi, xảo quyệt. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, vừa có kiến thức, năng lực toàn diện, hiểu biết về chính trị, nghiệp vụ, pháp luật, năng động, sáng tạo trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, đấu tranh với các phần tử phản cách mạng, các loại tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; tuyên truyền, vận động, tổ chức, hướng dẫn nhân dân tự giác tham gia quản lý bảo vệ biên giới theo quan điểm "toàn dân, toàn diện" của Đảng. Cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của công tác tư tưởng. Vì thế, công tác tư tưởng, lý luận của Bộ đội Biên phòng không chỉ là quán triệt tình hình nhiệm vụ, động viên bộ đội sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao mà quan trọng hơn là phải bồi dưỡng, trang bị cho họ những kiến thức, trình độ lý luận cơ bản, quan điểm, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng - an ninh và công tác biên phòng. Trên

cơ sở đó, giúp họ thực hiện tốt vai trò chủ thể trong tuyên truyền, vận động nhân dân và trực diện đấu tranh với địch và các loại đối tượng.

Với nhận thức đó, trong những năm qua, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh luôn luôn quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận. Trong cả quá trình xây dựng, phát triển của lực lượng và từng thời kỳ, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh đề ra nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ, thiết thực, hữu ích bảo đảm cho công tác tư tưởng luôn luôn sát, đúng, phù hợp với tình hình thực tiễn trên các tuyến biên giới, vùng biển đảo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng.

Tổng kết công tác biên phòng và xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng 46 năm qua, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh đã khẳng định công tác tư tưởng, lý luận là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi trong mọi thời kỳ cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, của quân đội đã có bước phát triển mới, tập trung làm rõ nhiều

* TS, Trung tướng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là hệ thống các quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh theo hướng "cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại", xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân vững mạnh.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với quan điểm toàn dân, toàn diện trong tổ chức quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng như: Tổ chức nghiên cứu tổng kết thực tiễn, tham mưu đề xuất với Chính phủ ban hành Quyết định 16/HĐBT, ngày 22-02-1989, lấy ngày 3-3 hằng năm là "Ngày Biên phòng"; tổ chức nghiên cứu nhiều đề tài khoa học như "Ôn định lâu dài biên giới quốc gia" (1999 - 2001), "Cơ sở khoa học nghiên cứu chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia" (1994), "Xây dựng nền biên phòng toàn dân trong tình hình mới" (2005 - 2006); tổ chức nghiên cứu tổng kết một số chuyên đề về lĩnh vực công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng có tính lý luận, thực tiễn sâu sắc, góp phần quan trọng xây dựng và từng bước hoàn chỉnh hệ thống lý luận về công tác biên phòng, góp phần xây dựng chiến lược về công tác biên phòng, giữ ổn định lâu dài biên giới quốc gia của Đảng, Nhà nước. Trong hoàn cảnh hiện nay, việc nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ chiến sỹ biên phòng là rất quan trọng. Một mặt nâng cao sức chiến đấu của mình, mặt khác tuyên truyền giáo dục nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giữ vững độc lập Tổ quốc, xây dựng đất nước theo con đường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, quân đội nói chung, Bộ đội Biên phòng nói riêng, luôn luôn lấy xây dựng chính trị tư tưởng làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của mình.

Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, mọi hoạt động của Bộ đội Biên phòng luôn mang ba tính chất: quốc

phòng, an ninh và đối ngoại. Việc đổi mới các biện pháp công tác nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và thể hiện đậm nét những đặc điểm riêng của lực lượng nòng cốt chuyên trách quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia là hết sức quan trọng. Trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết thực tiễn trong hơn 40 năm qua, Bộ Tư lệnh đã nghiên cứu, bổ sung biện pháp "đối ngoại biên phòng", trong hệ thống các biện pháp công tác cơ bản của Bộ đội Biên phòng. Với tư duy khoa học, Bộ Tư lệnh đã xác định rõ vị trí, vai trò, nội dung, hình thức hoạt động của từng biện pháp cụ thể trong mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ với nhau. Nhiều lĩnh vực hoạt động khác cũng được nghiên cứu, tổng kết sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn như: Cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý, kiểm soát xuất, nhập cảnh ở các cửa khẩu biên giới, cửa khẩu cảng biển; phong trào quần chúng tự quản, bảo vệ đường biên, cột mốc biên giới và giữ gìn an ninh trật tự ở các xã, bản biên giới; phát hành sổ tay nghiệp vụ, quy trình công tác, quy trình xử lý vụ việc của các ngành nghiệp vụ, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Trước tình hình hết sức phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên biên giới, vùng biển, Bộ Tư lệnh đã kịp thời tổ chức khảo sát thực tế, đánh giá đúng thực chất tình hình, tổng kết chuyên đề theo từng lĩnh vực hoạt động của lực lượng, tham mưu, đề xuất với cấp trên nhiều chủ trương, giải pháp phù hợp, đạt chất lượng hiệu quả cao, như tổ chức hội nghị tổng kết chuyên đề chống truyền đạo trái pháp luật và di dịch dân cư tự do ở Tây Bắc (2001), Tây Nguyên (2001), Tây Nam (2002); tổng kết phong trào quần chúng tham gia tự quản đường biên cột mốc (2002); chống vượt biên ở các tỉnh Tây Nguyên (2004) v.v...

Nhận thức sâu sắc vị trí quan trọng của lực lượng nòng cốt chuyên trách trong công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và kinh nghiệm xây dựng lực lượng hơn 40 năm qua, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh đã chủ

động tham mưu đề xuất với Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Chính phủ, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng tổng kết Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về "Xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới". Kết quả tổng kết đã giúp Bộ Chính trị đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, tiếp tục giữ vững được ổn định "Tổ chức Bộ đội Biên phòng"; đồng thời, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, biên chế và hệ thống lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong Bộ đội Biên phòng phù hợp với lý luận thực tiễn quản lý, bảo vệ biên giới của Việt Nam. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cộng với sự nỗ lực chung của các cơ quan chức năng, đến nay, hệ thống pháp lý về biên giới và tổ chức lực lượng Bộ đội Biên phòng tương đối hoàn chỉnh, bao gồm các văn bản của Đảng, Nhà nước, các ngành chức năng như các nghị quyết của Bộ Chính trị, Luật Biên giới quốc gia, Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng và các nghị định của Chính phủ, thông tư hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành. Thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh, chỉ huy các cơ quan, đơn vị đã thường xuyên chú trọng làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền kết quả nghiên cứu lý luận quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và xây dựng Bộ đội Biên phòng sâu rộng trong các ngành, các cấp ở trong và ngoài quân đội. Kết quả nghiên cứu lý luận và các đề tài khoa học luôn được các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, quán triệt, vận dụng vào thực tiễn quản lý bảo vệ biên giới và xây dựng lực lượng, làm tài liệu giảng dạy trong các học viện, nhà trường và huấn luyện ở các đơn vị trong toàn lực lượng. Bộ Tư lệnh còn trang bị cho cán bộ, chiến sỹ biên phòng nắm vững một số lý luận khác như lý luận về vận động quần chúng, lý luận về kinh tế, an ninh - quốc phòng, y tế, giáo dục... để làm tốt công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội kè vai sát cánh với bộ đội bảo vệ biên cương.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng, lý luận của Bộ đội Biên phòng trong thời gian vừa qua vẫn còn những hạn chế như: nhận thức của một số cán bộ, nhất là cán bộ ở đơn vị cơ sở, về công

tác tư tưởng, lý luận chưa đầy đủ, còn ngại khó, ngại khổ trong nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp, tác phong công tác...; chưa khai thác được tiềm năng sáng tạo của cán bộ các cấp trong nghiên cứu, tổng kết thực tiễn. Tổ chức nghiên cứu lý luận còn chậm, phân tán, thiếu đồng bộ, đầu tư kinh phí còn hạn chế; tổ chức vận dụng lý luận vào thực tiễn hiệu quả còn thấp, nhiều vấn đề nghiên cứu chưa kỹ, chưa sâu, chưa sát với thực tiễn, việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự còn hạn chế. Tổ chức giáo dục, tuyên truyền lý luận về công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng chưa sâu, thiếu thường xuyên, hình thức biện pháp còn đơn điệu, tính thuyết phục chưa cao.

Do tác động của tình hình thế giới, khu vực, nhất là do tác động của âm mưu, phương thức chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch, tình hình trên các tuyến biên giới, vùng biển đảo tiếp tục diễn biến phức tạp.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức trên, công tác biên phòng trong thời gian tới cũng có những thuận lợi rất cơ bản. Những thành tựu to lớn, toàn diện trong thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã tạo cơ sở, tiền đề quan trọng cho Đại hội X đề ra đường lối, chủ trương, giải pháp toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm chỗ dựa chắc chắn của công tác biên phòng. Trong hoàn cảnh đó, nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận của Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới cần được chú trọng hơn. Trong tổ chức thực hiện cần làm tốt các vấn đề sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp và vai trò của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ trì, cán bộ chính trị đối với công tác tư tưởng, lý luận. Đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Tập trung giáo dục, xây dựng cho cán bộ, chiến sỹ bản lĩnh chính trị vững vàng,

(Xem tiếp trang 64)

DẠI HỘI IX của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010 là "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại...". Để thực hiện mục tiêu trên, việc đổi mới, cải cách chính sách kinh tế, chính sách xã hội một cách đồng bộ, phù hợp với từng thời kỳ, từng giai đoạn là hết sức cần thiết. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách kinh tế và chính sách xã hội sẽ tạo điều kiện phát huy nội lực, gắn kết toàn dân, tạo động lực và nguồn sức mạnh để phát triển đất nước nhanh, hiệu quả và bền vững.

Chính sách xã hội là bộ phận cấu thành chính sách chung của Nhà nước trong việc quản lý và giải quyết các vấn đề xã hội. Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt cuộc sống của các thành viên trong xã hội, từ điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa đến quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp và quan hệ xã hội. Chính sách kinh tế là những chủ trương và biện pháp kinh tế mà Nhà nước áp dụng trong một giai đoạn, một thời kỳ lịch sử nhằm đạt được những yêu cầu và những mục tiêu kinh tế, chính trị nhất định. Chính sách có thể mang tính đường lối, chiến lược lâu dài, có thể mang tính sách lược, ngắn hạn. Chính sách kinh tế được xây dựng trên cơ sở những phân tích, dự báo về các nguồn lực, các tiềm năng của đất nước và những xu hướng phát triển của xã hội.

Phối hợp chặt chẽ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở nước ta

NGUYỄN VIỆT VƯỢNG *

Ở Việt Nam, chính sách kinh tế của Nhà nước là xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động, phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có với cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ hợp lý, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế và phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là những công cụ điều tiết và quản lý vĩ mô của Nhà nước, có tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Thông qua các chính sách kinh tế, chính sách xã hội, Nhà nước có thể thực hiện được các chức năng chủ yếu của mình như:

- *Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế*: Tính hiệu quả của nền kinh tế thị trường sẽ bị hạn chế, thậm chí triệt tiêu do tác động của các lực lượng kinh tế tư nhân, vì vậy Nhà nước có thể và cần phải can thiệp để tạo ra một nền

* PGS, TS, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hiệu trưởng Trường đại học Công đoàn

kinh tế hiệu quả, như ban bố Luật Chống độc quyền, Luật chống bán phá giá, những biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, luật bảo vệ sở hữu tư nhân...

- *Bảo đảm công bằng xã hội*: Nhà nước thực hiện bảo đảm công bằng xã hội thông qua các chính sách phân phối lại thu nhập quốc dân, như sử dụng thuế lũy tiến theo thu nhập, xây dựng hệ thống hỗ trợ thu nhập nhằm giúp đỡ người già, người tàn tật, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp y tế...

- *Giữ ổn định kinh tế - xã hội*: Bằng những chính sách tài khóa và tiền tệ để tác động đến sản lượng, việc làm và lạm phát nhằm giảm bớt những tác động tiêu cực trong sự vận động có tính chu kỳ của nền kinh tế.

Kinh nghiệm từ nhiều nước cho thấy, sự phát triển kinh tế cũng đồng thời kéo theo một loạt các vấn đề về xã hội, như nạn thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo, mất cân bằng sinh thái, các chứng bệnh nan y và cả sự thay đổi về các giá trị đạo đức, giá trị tinh thần... Theo quan điểm hiện đại, mục tiêu phát triển bền vững không chỉ dựa trên những thành quả của phát triển kinh tế mà còn bao hàm cả các chỉ tiêu về phát triển giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, các chỉ tiêu về phát triển con người, phát triển khoa học, công nghệ và chỉ tiêu về bảo vệ môi trường... Chính vì vậy, bên cạnh các chính sách kinh tế, chính sách xã hội đóng vai trò như một cán cân điều tiết, đem lại đời sống tốt đẹp, sự công bằng, dân chủ cho mỗi thành viên trong xã hội.

Chính sách kinh tế, chính sách xã hội là hai phạm trù riêng rẽ nhưng không tách rời nhau, có mối quan hệ tương hỗ và thống nhất. Sự đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là điều kiện cần và đủ để bình ổn và phát triển của mỗi quốc gia. Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội và ngược lại, sự ổn định, công bằng và tiến bộ của xã hội đạt được

thông qua các chính sách xã hội lại tạo ra những động lực mạnh mẽ để thực hiện các mục tiêu kinh tế, nhằm làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chính sách kinh tế và chính sách xã hội đều có mục tiêu chung là phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Làm rõ mối quan hệ giữa hai loại chính sách này thực chất là làm rõ mục tiêu xã hội trong chính sách kinh tế, làm rõ điều kiện kinh tế ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách xã hội. Đây cũng đồng thời là quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và mục tiêu công bằng xã hội. Sự hài hòa, đồng thuận giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, mạnh, bền vững nhưng không làm ảnh hưởng đến thực hiện công bằng xã hội, không dẫn đến sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, không làm mất ổn định xã hội, không gây xáo trộn và hủy hoại môi trường sinh thái...

Tăng trưởng kinh tế không thể giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội vì sự tác động của các quy luật kinh tế đã làm cho các chính sách kinh tế không chứa đựng được hết các vấn đề xã hội vốn rất phức tạp. Vì vậy, cần có các chính sách, chương trình xã hội riêng để giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể, nổi lên trong từng thời điểm nhất định, do tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường. Các chính sách và chương trình xã hội phải được thực hiện đồng thời hoặc lồng ghép với các chính sách kinh tế để tạo sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội còn giúp chúng ta có cơ sở để tìm ra giới hạn giữa hai loại chính sách này. Song đây là vấn đề hết sức phức tạp, khó khăn. Điều quan trọng là phân tích để đánh giá đúng những tác động tích cực hoặc hậu quả tiêu cực của các chính sách,

từ đó có thể đề ra các biện pháp kiểm soát, khống chế hoặc thúc đẩy. Ví dụ: sai lầm về chính sách kinh tế có thể khắc phục được sau một vài chu kỳ sản xuất, nhưng hậu quả do những sai lầm của chính sách xã hội có thể để lại di chứng lâu dài. Một chính sách xã hội nếu không tính đến khả năng của nền kinh tế hoặc không quan tâm đến lợi ích kinh tế có khi lại trở thành "vật cản" cho sự tăng trưởng kinh tế.

Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy, nếu chính sách xã hội đi sau chính sách kinh tế thì sẽ bị mục tiêu kinh tế lấn át, tính bền vững trong phát triển bị phá vỡ; nhưng nếu chính sách xã hội đi trước chính sách kinh tế sẽ dễ rơi vào chủ quan, duy ý chí. Chính sách có thể hay nhưng không khả thi, thiếu điều kiện thực hiện, cuối cùng trở thành hứa suông, làm mất lòng tin của quần chúng. Cách lựa chọn đúng đắn là kết hợp ngay từ đầu giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Điều đó khẳng định rằng, khi xác định mục tiêu, phương hướng chiến lược cho một thời kỳ dài hay xây dựng thể chế luật pháp đều kết hợp đúng đắn giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Chính sách kinh tế và chính sách xã hội là một thể thống nhất biện chứng, nương tựa vào nhau, ràng buộc lẫn nhau. Sự kết hợp tối ưu giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội có tác động thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Nguyên tắc chung cho sự kết hợp đó là: chính sách kinh tế phải tạo được động lực trong xã hội, bảo đảm cho xã hội ổn định; đến lượt nó, chính sách xã hội phải thúc đẩy nền kinh tế phát triển vừa phải phù hợp với điều kiện kinh tế cho phép, vừa đặt ra những thách thức mới, hướng tới sự phát triển bền vững.

Để hướng tới việc tạo lập một nước Việt Nam thịnh vượng, công bằng, dân chủ, văn minh, Đại hội IX của Đảng đã đề ra chiến

lược phát triển kinh tế - xã hội cho thời kỳ 2001 - 2010 bằng việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Những mục tiêu kinh tế - xã hội của cả thời kỳ này là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước Việt Nam trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng và thực hiện quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đó, Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh việc hoạch định, bổ sung, điều chỉnh các chính sách kinh tế và chính sách xã hội, xem sự phối hợp, lồng ghép hợp lý các loại chính sách này như một bảo đảm tất yếu cho sự thành công. Các chính sách kinh tế tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu:

- Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và công dân đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật, đổi mới công tác chỉ đạo thực hiện để bảo đảm các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, thực sự là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục chính sách mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển, tích cực chuẩn bị các điều kiện về kinh tế, thể chế, cán bộ... để thực hiện thành công quá trình hội nhập trên cơ sở phát huy nội lực, bảo đảm độc lập, tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi.

Các chính sách xã hội cần được thực hiện đồng thời và tập trung vào những nhiệm vụ: đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài; chú trọng sử dụng và phát huy tiềm năng trí thức của người Việt Nam ở nước ngoài; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học; có các chính sách thích hợp tạo công bằng về cơ hội và bình đẳng về trách nhiệm cho mọi công dân, mọi doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc tìm và tự tạo việc làm, trong tiếp cận với thông tin kinh tế, thông tin thị trường... Khuyến khích và tôn vinh những người làm giàu chính đáng đi đôi với chống tham nhũng, gian lận thương mại; cải cách cơ bản hệ thống tiền lương, hợp thức hóa các thu nhập mang tính chất lương. Thực hiện công khai, minh bạch về thu nhập, hạn chế sự phân hóa giàu - nghèo thông qua những biện pháp điều tiết thu nhập; cải cách cơ chế bảo hiểm xã hội và bảo đảm xã hội. Ban hành Luật Bảo hiểm xã hội; tiếp tục phòng chống các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và tai nạn giao thông; công khai hóa các nội dung và cơ chế, phương pháp giám sát của các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân về thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thực tiễn ở Việt Nam từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay cho thấy, thông qua đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện các chính sách kinh tế, chính sách xã hội đã đạt nhiều thành tựu tích cực. Nền kinh tế đã có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hóa - xã hội không ngừng tiến bộ, khả năng độc lập, tự chủ tăng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đã đạt được, còn tồn tại nhiều bất cập, điển hình là:

+ Nền kinh tế kém hiệu quả và sức cạnh tranh còn yếu. Tích lũy nội bộ và sức mua trong nước còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý. Đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài thiếu ổn định, quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, hạn chế việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Chưa có chuyển biến trong việc đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển chậm. Các thành phần kinh tế khác chưa phát huy hết năng lực. Cơ chế quản lý, chính sách phân phối có mặt chưa hợp lý, chênh lệch giàu - nghèo tăng nhanh.

+ Giáo dục, đào tạo còn yếu về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp, có nhiều bất hợp lý trong dạy, học và thi cử... Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, thông tin, thể thao còn hạn chế. Việc đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này triển khai chậm.

+ Đời sống của đại bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu và vùng thường xuyên bị thiên tai. Số lao động chưa có việc làm và không có việc làm

còn lớn. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm nhiều.

Những yếu kém, bất cập nói trên có phần do điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, mà trước hết là sự thiếu ăn khớp, thiếu hài hòa, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội trong hệ thống công cụ quản lý thống nhất của Nhà nước. Những trục trặc này không chỉ bộc lộ trong quá trình triển khai vào thực tiễn mà ngay từ khi định hình chính sách; không chỉ ở việc xác định những ưu tiên trong từng thời kỳ, từng hoàn cảnh đối với mỗi chính sách mà ngay cả việc phân tích, đánh giá đúng mối quan hệ biện chứng của các tác động do việc thực hiện các chính sách kinh tế, chính sách xã hội mang lại. Mặt khác, ngay cả khi đã thống nhất được mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội trong các chính sách, đã chú ý đến sự cần thiết tất yếu phối hợp chính sách kinh tế và chính sách xã hội cho sự phát triển bền vững, nhưng cách thức điều hành, sự sẵn sàng và hoàn thiện của thể chế luật pháp, sự thích ứng của đội ngũ cán bộ lại đuối tâm, không bảo đảm cũng đều làm cho những bất cập trở nên sâu sắc, hiệu quả thực hiện bị hạn chế, chi phí để sửa chữa những khuyết tật của xã hội tăng lên.

Mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững đã trở thành kim chỉ nam cho việc hoạch định, điều chỉnh và tổ chức thực thi các chính sách kinh tế, chính sách xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Những giải pháp điều chỉnh chính sách kinh tế, chính sách xã hội cần tập trung là:

Thứ nhất, nắm vững những quan điểm chủ yếu về bổ sung, điều chỉnh các chính sách

kinh tế, chính sách xã hội. Đó là quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử, quan điểm gắn lý luận với thực tiễn, quan điểm hệ thống đồng bộ, quan điểm nhân văn.

Thứ hai, điều chỉnh các chính sách đã ban hành nay không còn phù hợp do sự phát triển kinh tế - xã hội diễn ra liên tục. Đặc biệt là sự tụt hậu của chính sách xã hội so với những diễn biến quá nhanh của kinh tế thị trường, đã làm cho những nguy cơ tiềm ẩn của cơ chế kinh tế bùng phát bất lợi.

Thứ ba, xây dựng mới các chính sách kinh tế và chính sách xã hội cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là chính sách đối với người lao động trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Thứ tư, tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong việc thực hiện chính sách kinh tế, chính sách xã hội. Các chính sách kinh tế, chính sách xã hội cần hướng vào việc thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện công bằng, dân chủ. Xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan nhà nước, xác định đúng hình thức, phương pháp quản lý của các cơ quan này trong việc thực hiện các chính sách. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý những hành vi vi phạm các chính sách.

Thứ năm, khắc phục những nhận thức lệch lạc về cách thức giải quyết hai loại chính sách kinh tế và chính sách xã hội, như cho rằng chỉ cần thực thi tốt các chính sách phát triển kinh tế là các vấn đề xã hội sẽ được giải quyết, hoặc cho rằng: các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế chỉ nên tập trung làm kinh tế còn vấn đề xã hội là chức năng của Nhà nước. Xu hướng muốn giải quyết tất cả các vấn đề xã hội cùng một lúc mà không tính đến khả năng của nền kinh tế và sự tổ chức quản lý xã hội của Nhà nước cũng là một sai lầm. □

Xóa đói giảm nghèo ở vùng Bắc Trung Bộ

THANH HÙNG *

BA tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh (gọi tắt là Thanh - Nghệ - Tĩnh) đất rộng, người đông, tiềm năng đất đai, rừng, biển phong phú, nhưng nhiều năm về trước đều là những tỉnh nghèo do khí hậu khắc nghiệt, thiên tai thường xảy ra. Tình trạng thiếu đói lúc giáp hạt xảy ra thường xuyên, nhất là đối với các hộ nghèo ở nông thôn. Nhớ lại năm 1988, do lũ lụt có lúc miền Bắc có trên 9,3 triệu người bị đói, trong đó 3 tỉnh này chiếm gần 30%, riêng Thanh Hóa có trên 1 triệu người thiếu lương thực trong nhiều tháng.

Trong những năm đổi mới, nhất là 5 năm đầu thế kỷ XXI, các địa phương trong vùng đã phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, tạo tiền đề và điều kiện, thực hiện khá tốt các chương trình xóa đói giảm nghèo.

1. Thực trạng xóa đói giảm nghèo vùng Bắc Trung Bộ

Theo báo cáo sơ kết chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm của Chính phủ (Chương trình 143), tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn quốc tế cả nước đã giảm (xem bảng).

Tuy tốc độ giảm nghèo của ba tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh chậm so với nhiều địa phương

khác, nhưng những kết quả đạt được của 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh về xóa đói giảm nghèo trong 5 năm qua là rất đáng ghi nhận. Tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức chung của cả nước. Đó là thành công của ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực của từng địa phương, từng hộ gia đình, từng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội dưới sự lãnh đạo và

chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền. Kết quả đó còn là thành công của các chương trình, dự án quốc gia và quốc tế do Trung ương hỗ trợ bằng nhiều hình thức để phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo bền vững. Năm năm qua các chương trình 143, 134, 135, trồng 5 triệu héc-ta rừng, 773, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn, nước sạch nông thôn, phát triển y tế xã, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... đều đã góp phần tích cực vào kết quả và thành công của chương trình xóa đói giảm nghèo ở Thanh - Nghệ - Tĩnh. Sự kết hợp giữa nội lực và ngoại lực một cách hài hòa và hiệu quả là một trong những yếu tố tạo nên thành công về xóa đói giảm nghèo ở 3 tỉnh này.

Bảng: Tỷ lệ nghèo đói cả nước và Thanh - Nghệ - Tĩnh (đơn vị tính %)

Giai đoạn	Cả nước	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh
1997 - 1998	37,4	19,0	18,1	19,0
2001 - 2002	28,9	15,4	14,3	17,0
2003 - 2004	24,1	11,9	9,6	12,0
2005	17,0	10,5	8,4	12,0

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê

* Tổng cục Thống kê

Không chỉ giảm tỷ lệ hộ nghèo mà mức nghèo ở nông thôn cũng đã giảm nhiều so với các năm trước. Tình trạng thiếu đói giáp hạt những năm gần đây đã giảm xuống dưới 2%. Trong 3 năm 2003 - 2005, dù ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, thiên tai dồn dập trên diện rộng, nhất là bão số 6, số 7 năm 2005 tàn phá nặng nề, nhưng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản vẫn đạt kết quả khá nên thu nhập và đời sống dân cư nông thôn được về cơ bản vẫn bảo đảm, số hộ, số khẩu thiếu đói không tăng nhiều so với các năm trước. Thiên tai năm 2005 gây thiệt hại hàng chục vạn tấn thóc (Thanh Hóa giảm 81 nghìn tấn, Nghệ An giảm 57 nghìn tấn, Hà Tĩnh giảm 24,5 nghìn tấn), hàng chục nghìn héc-ta diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển, trong đồng, vậy mà sau bão tình hình lương thực, thực phẩm của 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh về cơ bản vẫn ổn định. Các huyện Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Nga Sơn, Tĩnh Gia, Quảng Xương (Thanh Hóa), Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc (Nghệ An), Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) bị thiệt hại nặng nề, nhưng không để xảy ra nạn đói, dịch bệnh. Được sự quan tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của đồng bào cả nước và nhất là sự nỗ lực chủ quan của chính quyền và nhân dân địa phương nên tình hình sản xuất và đời sống dân cư không có biến động lớn. Số hộ, số khẩu nghèo thiếu ăn sau bão (tính đến tháng 11-2005) của 3 tỉnh tuy có tăng so với cùng kỳ năm 2004 nhưng cũng chỉ chiếm tỷ lệ trên - dưới 1,2% số hộ và khoảng 1% số khẩu nông nghiệp (cả nước là 0,7% số hộ và 0,6% số khẩu nông nghiệp). Thực tế đó cho thấy, nạn thiếu đói thường xảy ra và kéo dài sau mùa bão lụt lớn ở khu vực nông thôn Thanh - Nghệ - Tĩnh như những năm trước đây về cơ bản đã được khắc phục. Tình trạng thiếu lương thực trong các hộ nghèo cũng chỉ diễn ra trên diện hẹp và thời gian ngắn, chủ yếu là những hộ neo đơn, già cả, tàn tật và những vùng bị thiên tai,

lũ lụt nặng, nhà đổ hoặc tài sản bị trôi. Trong bối cảnh khó khăn của năm 2004 và 2005, nhưng chương trình xóa đói giảm nghèo vẫn tiếp tục triển khai và đạt kết quả tốt. Tính chung 5 năm (2001 - 2005), 3 tỉnh đã cơ bản xóa hộ đói và giảm hộ nghèo với tốc độ trung bình 1,5%/năm và xu hướng tái nghèo ở nông thôn đang được hạn chế và giảm dần.

Trong kết quả chung xóa đói giảm nghèo đã đạt được của cả 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đã xuất hiện nhiều điển hình vượt khó, vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng có thể coi là mô hình tốt cần tổng kết nhân rộng. Đó là mô hình nông - lâm kết hợp, phát triển kinh tế gò, đồi ở các huyện miền núi, trung du; mô hình kinh tế trang trại nuôi trồng thủy sản ven biển; phát triển ngành nghề, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong nông nghiệp... Dưới đây là một số mô hình tiêu biểu về xóa đói giảm nghèo ở các huyện nghèo của Thanh - Nghệ - Tĩnh trong 5 năm qua:

- Ở Thanh Hóa, mô hình xóa đói giảm nghèo và làm giàu bằng phương thức kết hợp nông nghiệp với phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống và dịch vụ để tạo việc làm và tăng thu nhập ở nông thôn. Nga Sơn là huyện ven biển, có lợi thế về trồng cói và nuôi trồng thủy sản. Năm năm qua, các xã trong huyện đã tập trung khai thác lợi thế này để phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng thu nhập của hộ nông dân. Đến 2005, tỷ lệ hộ và lao động ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp đã chiếm gần 50% tổng số hộ và lao động nông thôn toàn huyện. Sản phẩm ngành nghề rất đa dạng: thảm cói, quạt, chiếu cói. Các mặt hàng sản xuất từ đây, cói không chỉ bán trong nước, mà còn xuất khẩu sang Trung Quốc với kim ngạch hàng triệu USD/năm. Hoạt động nuôi trồng

và khai thác thủy sản phát triển. Phong trào thâm canh cao và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch ổn định nên thu nhập từ nông nghiệp tăng nhanh và khá vững. Những khởi sắc trong sản xuất và dịch vụ đã góp phần tích cực vào chương trình xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm nhanh: từ 22% năm 2000 xuống còn 12,65% năm 2003 và ước còn dưới 10% năm 2005 dù có bị thiệt hại lớn do bão số 6,7, trở thành huyện có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh nhất trong các huyện đồng bằng ven biển của Thanh Hóa. Các huyện miền núi nhờ thực hiện chương trình 134, 135, trồng mới 5 triệu héc-ta rừng có kết quả nên tốc độ xóa đói giảm nghèo khá nhanh, trong đó huyện Thường Xuân giảm tỷ lệ đói nghèo từ 65,6% năm 2000 xuống 49,1% năm 2004; Mường Lát: từ 57,3% xuống còn 39,9%; Quan Hóa: từ 38,9% xuống 26,6% trong thời gian tương ứng... Nhờ có các chương trình đó nên nhiều xã miền núi đã phát huy nội lực, khai thác tiềm năng đất đai, rừng và hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi thông qua các mô hình nông - lâm kết hợp, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

- Ở Nghệ An nhiều mô hình tiêu biểu về xóa đói giảm nghèo cho từng vùng: đồng bằng ven biển, trung du và miền núi. Thanh Chương là một huyện thuần nông nghèo ở vùng trung du nên giải pháp xóa đói giảm nghèo của huyện này 5 năm qua là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nông - lâm kết hợp, đa dạng hóa ngành nghề. Là huyện trung du có lợi thế về đồng cỏ, rất thuận lợi cho chăn nuôi đại gia súc, nên huyện đã triển khai rộng rãi chương trình sin hóa đàn bò. Kết quả là năm 2004 đã có 27,5% đàn bò của huyện được sin hóa, thể mạnh về đất đồi trung du được khai thác hợp lý để tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp. Song song với phát triển nông nghiệp truyền thống, phong trào nuôi cá vụ đông trên ruộng lúa được nhân rộng và đem lại kết quả

khá. Toàn huyện có 326 ha mặt nước ruộng lúa được nuôi cá và sản lượng đạt khá, góp phần xóa thế độc canh. Các điển hình về xóa đói giảm nghèo bằng xây dựng trại vườn, nông - lâm kết hợp ngày càng nhiều, các ngành nghề thủ công phát triển, tạo việc làm mới, tăng thu nhập cho nông dân. Điển hình là các xã Thanh Tường, Thanh Lĩnh, Thanh Đồng...

Để phát triển sản xuất và xóa đói giảm nghèo bền vững, Hội Nông dân huyện Thanh Chương đã phối hợp với chính quyền các cấp và Ngân hàng Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nhất là các hộ nghèo vay vốn. Năm 2002, toàn huyện có 18.656 lượt hộ nông dân được vay vốn ngân hàng gần 31 tỉ đồng là kết quả cụ thể. Các năm 2003 - 2005, số hộ nghèo được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách tăng dần, tạo điều kiện cho các hộ nghèo mua bò, lợn phát triển chăn nuôi, tăng thu nhập, xóa được đói, giảm được nghèo.

- Ở Hà Tĩnh có Kỳ Anh là một huyện nghèo vào loại bậc nhất của tỉnh những năm 80 - 90 của thế kỷ XX. Giai đoạn 2001 - 2005 nhất là 3 năm 2003 - 2005 huyện đã được Trung ương và tỉnh hỗ trợ thông qua các chương trình quốc gia và quốc tế, đảng bộ và nhân dân trong huyện đã từng bước vươn lên xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế nông - lâm - ngư kết hợp trên 4 vùng sinh thái để thoát nghèo và đã thành công. Sau 5 năm phấn đấu liên tục, không mệt mỏi, đảng bộ và nhân dân Kỳ Anh đã tích cực thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo bằng con đường chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Thông qua sự hỗ trợ của các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh, các tổ chức quốc tế, sản xuất nông nghiệp và nông thôn vùng đất khô cằn, nghèo đói xưa kia đã biến thành vùng kinh tế năng động của tỉnh Hà Tĩnh. Những năm gần đây Kỳ Anh không chỉ đủ lúa gạo cho

các nhu cầu tiêu dùng trong huyện mà còn dư thừa các mặt hàng nông sản để xuất khẩu như lạc, rau quả, hạt tiêu, thủy sản, lâm sản.... Mô hình thâm canh lúa cao sản ở Kỳ Bắc, Kỳ Xuân, Kỳ Giang đã đưa sản lượng lúa gấp 3 lần so với những năm 90 của thế kỷ XX. Mô hình trồng lạc cao sản ở vùng đất khô cằn 3.500 ha, sản lượng 5.000 tấn/năm; mô hình kinh tế trang trại vườn rừng với 300 trang trại trồng cây ăn quả, tiêu, dó trầm, chăn nuôi trâu bò đàn ở vùng đồi trung du. Mô hình nuôi trồng thủy sản ở vùng III, trong đó có hàng nghìn héc-ta nuôi tôm, nhiều hộ nuôi tôm trên cát đạt năng suất 3 - 4 tấn/ha, có sản phẩm xuất khẩu. Nét mới ở Kỳ Anh là các mô hình phát triển kinh tế nông thôn và xóa đói giảm nghèo không dừng lại ở nông, lâm nghiệp, thủy sản, mà đã vươn tới phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ để từ đó tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho hộ nông dân. Cảng Vũng Áng, khu công nghiệp Vũng Áng, liên doanh Việt - Nhật sản xuất ván dăm gỗ xuất khẩu với công suất 190 nghìn tấn/năm, nhà máy chế biến rau quả, chế biến lâm sản Cheng Linh, Khu liên hợp cán thép nóng, đóng tàu... đã và đang đi vào sản xuất. Các cơ sở đó cùng với thị trấn Kỳ Anh đã và đang tạo thành vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ sôi động gắn với nông nghiệp, nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế của huyện. Đến năm 2005 toàn huyện có trên 150 km đường nhựa hóa, 125 km kênh mương cứng, 100% xã có điện, 100% trạm y tế có đủ giường bệnh, 100% nhà ở nông thôn được ngói hóa, 10/31 xã có trung tâm giáo dục cộng đồng để trao đổi kinh nghiệm làm ăn và trình diễn các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Nhờ đó kinh tế phát triển, thu nhập và đời sống nông dân được cải thiện, chương trình xóa đói giảm nghèo đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2003, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện, chủ yếu là vùng nông thôn chỉ còn 20%,

năm 2005 ước chỉ còn 15% mặc dầu Kỳ Anh vừa chịu thiệt hại khá nặng về nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản do 3 cơn bão 6, 7, 8 và mưa lớn gây ra trong 2 tháng 9 và 10. Tốc độ xóa đói giảm nghèo của huyện trong 5 năm qua đạt trung bình trên 2%/năm.

Các mô hình và điển hình tiên tiến về xóa đói, giảm nghèo ở vùng nông thôn 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đều có khó khăn chung là thiếu vốn, thiếu kiến thức khoa học - kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, nên tốc độ thoát nghèo còn chậm... Nhận thức được thực trạng này, những năm qua chính quyền và các ngành, các đoàn thể địa phương đã đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo bằng sự kết hợp giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách với sự tham gia của Hội Nông dân để giải quyết vốn cho các hộ nông dân vay phát triển sản xuất, mở rộng khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư. Qua 5 năm thực hiện chương trình này, nhiều hộ nghèo đã hiểu thêm cách làm ăn mới, từ bỏ lối sản xuất nhỏ độc canh cây lúa năng suất thấp, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng gắn sản xuất với tiêu thụ. Nhờ đó, hầu hết các hộ nghèo được vay vốn ưu đãi, được hướng dẫn kỹ thuật canh tác mới, làm ăn có hiệu quả và xóa được đói, giảm được nghèo, từ đó trả được nợ ngân hàng. Vai trò của Hội Nông dân các cấp có vị trí đặc biệt quan trọng trong vận động và giúp đỡ hướng dẫn các hộ nghèo sử dụng vốn vay đúng mục đích, đạt hiệu quả tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và nhiều hộ vươn lên làm giàu trên vùng đất khô cằn, đất dốc, đất chua mặn ven biển. Từ năm 2002, thực hiện Quyết định 80/2002/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông sản hàng hóa theo hợp đồng, các hộ nông dân trong huyện đã được các doanh nghiệp kinh doanh hàng nông lâm thủy sản ký kết hợp đồng đầu tư ứng trước và bao tiêu sản phẩm một số nông sản chủ yếu. Nhiều

sản phẩm chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, trong đó có sản phẩm của chương trình xóa đói giảm nghèo có đầu ra ổn định, thu nhập và đời sống của các hộ nghèo tăng lên. Sau 3 năm sản xuất hàng hóa của 3 tỉnh nói chung, của các hộ nghèo nói riêng, đều có bước phát triển theo hướng gắn sản xuất với thị trường.

Do lợi thế có rừng, có biển, có đồng bằng và hệ thống đường giao thông thuận lợi, có các trung tâm thương mại và công nghiệp lớn nên Thanh - Nghệ - Tĩnh phát triển nhanh các hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa. Tính chung ở 3 tỉnh, năm 2005 có gần 3.000 trang trại (có hơn 1.000 trang trại nuôi trồng thủy sản), thu hút 16,5 nghìn lao động, trong đó có 9 nghìn lao động của các hộ nghèo làm thuê thời vụ cho các chủ trang trại với thu nhập ổn định. Nhờ đó nhiều hộ nghèo có công ăn, việc làm, tăng thu nhập và từng bước thoát nghèo, vươn lên làm giàu. Nhiều chủ trang trại nuôi tôm, lâm nghiệp vùng này và các chủ trang trại lâm nghiệp vùng miền núi, đồi rừng thuộc 3 tỉnh trên hiện nay, vốn xuất thân từ các hộ nghèo nhiều năm trước đây. Đối với các hộ nghèo, kinh tế trang trại không chỉ tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập mà quan trọng hơn là nơi họ tiếp cận với phương thức sản xuất nông nghiệp hàng hóa, là trường học của các hộ nghèo có chí hướng vươn lên làm giàu.

Từ thực tế những kết quả đạt được trong công tác xóa đói giảm nghèo của Thanh - Nghệ - Tĩnh trong những năm đổi mới, nhất là 5 năm 2001 - 2005 có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, tổng kết nhiều mô hình và điển hình mới có hiệu quả để nhân rộng.

2. Những giải pháp về xóa đói giảm nghèo

Một là: Tập trung mọi nguồn lực của Trung ương, của địa phương, của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, quốc gia, tạo tiền đề và điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong từng tỉnh, từng huyện với tốc độ cao hơn, vững chắc hơn để

từng bước thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững. Trọng tâm của phát triển kinh tế theo hướng gắn nông thôn với thành thị, nông - lâm - ngư nghiệp hàng hóa với công nghiệp và dịch vụ, chú trọng chế biến nông - lâm - thủy sản để tăng giá trị và hiệu quả kinh tế, tạo thêm việc làm mới, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập cho dân cư, nhất là dân nghèo. Đối với khu vực nông thôn, không thể xóa đói giảm nghèo chỉ bằng các dự án của Nhà nước, mà phải phát huy nguồn lực tại địa phương là chính, xóa dần thể độc canh, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển mạnh ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp. Khôi phục các làng nghề truyền thống, mở mang các nghề mới để tạo thêm việc làm mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Hai là: Trong tổ chức chỉ đạo và thực hiện các chương trình quốc gia và quốc tế về kinh tế - xã hội, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn lòng ghép hợp lý hơn nhằm tăng hiệu quả của từng đồng vốn. Khắc phục bằng được tư tưởng thành tích, đầu tư theo phong trào, hiệu quả thấp, hiện tượng tái nghèo trong nông thôn, nhất là các huyện miền núi.

Ba là: Tăng cường vai trò của Nhà nước trong công tác xóa đói giảm nghèo, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng vốn đầu tư cho các chương trình, dự án đối với vùng Bắc Trung Bộ, nhất là các xã vùng III, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Làm tốt quản lý nhà nước đầu tư chiều sâu sẽ khơi dậy tiềm lực tại chỗ để phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bốn là: Tổng kết, nhân rộng các mô hình xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế bền vững, có hiệu quả trong vùng phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng dân tộc và đặc điểm tự nhiên của từng vùng sinh thái. Trong công tác tổ chức và chỉ đạo chương trình xóa đói giảm nghèo cần đặc biệt quan tâm các

huyện miền núi cao, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các xã thuộc Chương trình 135.

Năm là: Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách có tính đột phá nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo theo hướng:

- Tăng đầu tư cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cả trung ương và địa phương. Trong cơ cấu đầu tư cần dành tỷ lệ hợp lý cho nội dung xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, dạy nghề cho nông dân bao gồm đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn bằng các ngành nghề nông nghiệp và công nghiệp dịch vụ. Ưu tiên đào tạo nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp của các hộ nghèo. Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi lớn, nhất là các hồ chứa đại thủy nông giữ nước mùa mưa, chống hạn mùa khô, tiến tới chủ động tưới tiêu, từng bước bê-tông hóa hệ thống đê biển, đê sông, trồng rừng phòng hộ để tăng khả năng phòng chống thiên tai, nhất là bão lũ, hạn hán, gió mùa Tây - Nam.

- Thực hiện giải pháp “kích cầu” bằng các chính sách “khoan sức dân” ở nông thôn. Trước mắt, từ năm 2006, Nhà nước cần miễn các loại phí và lệ phí đối với tất cả các hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp, đồng thời hỗ trợ các hộ nghèo, xã nghèo, vùng nghèo vay vốn phát triển sản xuất, dịch vụ và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, lao động theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Các tỉnh vùng bắc Trung Bộ cần có cơ chế, chính sách và giải pháp khả thi thu hút nhân tài, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đến làm việc lâu dài, đầu tư vốn, khoa học - công nghệ vào địa phương, coi đó là “chìa khóa” để phát triển sản xuất và mở rộng dịch vụ, tạo thêm việc làm mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.□

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 53)

kiên định mục tiêu độc lập, dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; củng cố và phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tích cực, chủ động nghiên cứu xây dựng hoàn thiện hệ thống lý luận về công tác biên phòng trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế.

- Giữ vững và không ngừng tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội và Bộ đội Biên phòng. Nâng cao sức mạnh chiến đấu và khả năng ứng phó với mọi tình huống xảy ra trên biên giới, vùng biển đảo, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa quân đội” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc, và nhân dân; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, chủ động giải quyết tốt các tình huống, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao cho. Bồi dưỡng và phát huy tốt phẩm chất tốt đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ” và truyền thống vẻ vang của Bộ đội Biên phòng.

- Tổ chức quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia và xây dựng Bộ đội Biên phòng trong thời kỳ mới. Tích cực nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, từng bước tin học hóa, hiện đại hóa công tác biên phòng, phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường chỉ đạo sâu sát công tác tổng kết rút kinh nghiệm trên tất cả các mặt như: lý luận chính trị tư tưởng, lý luận nghiệp vụ, lý luận tổ chức..., góp phần bổ sung, làm phong phú hơn kho tàng lý luận, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trong giai đoạn mới. □

HỘI An vốn là thương cảng nổi tiếng từ nhiều thế kỷ, đến nay vẫn còn lưu giữ hàng nghìn di tích thuộc quần thể kiến trúc đô thị cổ, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào tháng 12-1999. Mảnh đất, con người Hội An giàu truyền thống văn hóa và cách mạng. Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân thị xã tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, kiến thiết quê hương và giành được những thành tựu xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Cán bộ và nhân dân Hội An đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Xuất phát từ quan điểm, mục tiêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng là: *Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và hiệu quả với phát triển văn hóa - xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, tạo chuyển biến rõ nét về tiến bộ và công bằng xã hội*, Đảng bộ thị xã đã vận dụng chủ trương của Đảng và Nhà nước để tìm ra lời giải cho bài toán phát triển cụ thể trên các điều kiện, đặc điểm riêng có ở Hội An là: *Chỉ có làm tốt công tác giữ gìn và phát huy những giá trị di sản văn hóa mới tạo ra cơ sở vững chắc và động lực mạnh để phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Hội An*. Giá trị độc đáo của văn hóa Hội An là con người sống cùng di tích, sống với di tích. Nếp sống phố thị hòa lẫn nếp sống làng quê, tạo nên một nét đặc trưng tốt đẹp được lưu truyền từ bao đời nay. Do vậy, bên cạnh việc lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết bảo tồn quần thể kiến trúc đô thị cổ, Đảng bộ luôn đặc biệt quan tâm đến quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Trên nền tảng chính trị vững chắc và sự phong phú của các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở địa phương, Thị ủy Hội An đã xây dựng "Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII" *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

Trong chiến lược phát triển toàn diện nhằm làm cho Hội An trở thành thị xã *"Giàu về kinh tế, mạnh về an ninh chính trị, phát triển về văn hóa và tiến bộ về xã hội"* có nội dung được Đảng bộ,

chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương đặc biệt quan tâm là xây dựng Hội An nhanh chóng trở thành một thị xã văn hóa. Chủ trương này được cụ thể hóa bằng Nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thị xã và thông qua *"Đề án xây dựng Hội An - thị xã văn hóa"*.

Đến nay, qua hơn 5 năm thực hiện, hầu hết các chỉ tiêu mà "Đề án" đã đề ra đều đạt hoặc vượt mức, thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

1 - *Kinh tế tăng trưởng cao, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện*. Những năm qua,

mức tăng trưởng kinh tế của thị xã luôn ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 14,8%, tăng 2,8% so với chỉ tiêu kế hoạch. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng. Qua 4 lần quyết định chuyển dịch cơ cấu, đến nay du lịch - dịch vụ - thương mại đã thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tỷ trọng GDP toàn ngành năm 2000 là 54,33% đến năm 2004 tăng lên 58,79% trong tổng GDP toàn thị xã. Các ngành ngư - nông - lâm nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển

Xây dựng đời sống văn hóa ở thị xã **HỘI AN**

NGUYỄN HUNG *

* Thị ủy Hội An, tỉnh Quảng Nam

khá mạnh, giá trị sản xuất từng ngành đều tăng từ 131,6% đến 322,5% so với năm 2000. Cơ cấu kinh tế - lao động trong nội bộ từng ngành chuyển dịch theo hướng tích cực. Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao hơn trước. Năm 2004, thu nhập bình quân của người dân thị xã đã đạt trên 12,5 triệu đồng, gấp 2,5 lần so với chỉ tiêu mà đề án đề ra, gần gấp đôi mức bình quân chung của cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới năm 2004 giảm xuống còn 2,48%, trong khi đó chỉ tiêu đề án đưa ra 2005 là 4%. Chính sách đến ơn đáp nghĩa và các phong trào tương thân, tương trợ trong nhân dân được thực hiện tốt. Đến nay, thị xã đã cơ bản xóa xong nhà tạm cho gia đình chính sách và hộ nghèo. Kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội cũng được đầu tư xây dựng khá nhiều, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, các ngõ kịet, hẻm phố, hệ thống điện chiếu sáng... Các tuyến đường giao thông trên địa bàn thị xã và các xã, phường đã cơ bản trải nhựa và bê-tông hóa; 60/78 thôn - khối phố xây dựng đủ thiết chế văn hóa và có nhà sinh hoạt hợp hội và tổ chức các hoạt động văn hóa - thông tin.

2 - Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân thị xã được nâng cao rõ rệt. Diện mạo văn hóa thị xã Hội An khởi sắc. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao thị xã phát triển khá mạnh, huy động nhiều lực lượng tham gia, phát huy được tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân trong sáng tác, biểu diễn và hưởng thụ văn hóa - văn nghệ. Các loại hình văn hóa - văn nghệ dân gian truyền thống được phục hồi và chấn hưng. Nhiều câu lạc bộ hát hò khoan, hát tuồng, bài chòi và các loại hình khác được duy trì, các đội văn nghệ quần chúng phát triển tương đối đồng đều ở khắp các xã, phường. Hoạt động lễ hội, hội thi, hội diễn, liên hoan giao lưu gắn với nội dung kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước được tổ chức thường xuyên ở cấp thị xã cũng như cấp cơ sở với chất lượng chương trình cao. Các đội tuyển của Hội An còn tham gia đầy đủ và đạt nhiều giải cao tại các hội thi, hội diễn cấp tỉnh và trung ương. Công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn, quảng bá văn hóa, xuất bản sách văn hóa, lịch sử và phát huy các di sản văn hóa đạt được nhiều thành quả. Một số tập sách có giá trị và được các nhà khoa học,

nhà nghiên cứu đánh giá cao như: Kỷ yếu lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An qua các thời kỳ; Nghiên cứu về văn hóa phi vật thể ở Hội An; Công cụ đánh bắt trên sông nước ở Hội An; Đề án quản lý, bảo tồn di sản văn hóa qua mạng máy tính; Lịch và lễ hội hằng năm ở Hội An... Các hoạt động lễ hội truyền thống với nhiều quy mô, cấp độ, đối tượng khác nhau cũng được tổ chức khá thành công trong những năm qua càng làm phong phú, đẹp thêm diện mạo và sự sinh động của văn hóa đô thị cổ Hội An; đồng thời thúc đẩy quá trình xã hội hóa văn hóa, tạo môi trường để nhân dân vừa hưởng thụ vừa sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

3 - Công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được cấp ủy và chính quyền địa phương quan tâm đầu tư đúng mức. Mạng lưới trường lớp các cấp học được đầu tư xây dựng kiên cố, phát triển đa dạng và hoàn chỉnh ở tất cả cơ sở xã, phường. Đến hết năm học 2004 - 2005, toàn thị xã có 40 trường với trên 30.000 học sinh; 19 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó bậc học mẫu giáo, tiểu học có 16 trường, trung học cơ sở có 3 trường, đặc biệt Trường trung học cơ sở Kim Đồng được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Tất cả xã, phường hoàn thành chương trình phổ cập trung học cơ sở, mức cao nhất về phạm vi cấp huyện, thị xã trong toàn quốc. Mạng lưới y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân ở cả hai mảng công tác dự phòng và khám chữa bệnh đều thực hiện nghiêm túc, đạt chất lượng cao theo các nghị quyết của Đảng các chỉ thị của Bộ Y tế về nâng cao ý thức của người thầy thuốc, xây dựng bệnh viện tình thương, tổ chức phong trào thi đua và duy trì chất lượng phong trào ổn định. Ở các xã, phường đều có trạm y tế đủ y, bác sỹ phụ trách. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế không ngừng được cải thiện nâng cấp. Mạng lưới y tế cơ sở đã làm tốt chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng. Đến cuối năm 2004, số hộ được dùng nước sạch đạt trên 98%; có 10/13 trạm y tế xã - phường đạt chuẩn quốc gia; tỷ suất sinh giảm còn 12%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 13%, vượt 3% so với đề án.

4 - Xây dựng và thực hiện tốt các quy chuẩn của thiết chế văn hóa cơ sở trong cộng đồng dân cư. Việc soạn thảo và thực hiện Quy ước

xây dựng gia đình văn hóa ở Hội An được phát động từ năm 1993. Vốn là một địa phương có nền nếp và môi trường ít bị xâm hại bởi văn hóa độc hại nên Quy ước được đông đảo các tầng lớp nhân dân thảo luận, thống nhất và đăng ký thực hiện. Hàng năm Quy ước vẫn được rà soát, bổ sung thêm những tiêu chí mới, hoặc điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc bình xét, đánh giá, xếp loại gia đình văn hóa được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, công khai và nâng dần các tiêu chí về chất lượng. Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa: năm 1996 là 52,8%, đến năm 2004 tăng lên 85,35% vượt 15,35% so với chỉ tiêu đề ra. Mô hình tộc họ văn hóa triển khai từ năm 1996 và phát triển mạnh từ năm 1999 đến nay. Hiện nay, toàn thị xã có 58 tộc đã đăng ký xây dựng tộc văn hóa và đã có 38 tộc được thị xã công nhận thực hiện tốt nội dung quy ước gia tộc. Phong trào xây dựng thôn - khối phố văn hóa triển khai từ năm 1997 theo Chỉ thị 04 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Thôn Hà Trung, xã Cẩm Nam được chọn làm điểm xây dựng mô hình thôn văn hóa của toàn tỉnh. Đến tháng 3-2004 có 100% thôn - khối phố trong toàn thị xã phát động phong trào xây dựng thôn - khối phố văn hóa. Qua kiểm tra đợt cuối năm 2004 có 63 đơn vị (80,7%) đạt danh hiệu thôn - khối phố văn hóa cấp thị xã, trong đó có 33 thôn - khối phố được tỉnh công nhận, đang có nhiều nội dung hoạt động mới, không chỉ duy trì tốt phong trào mà còn phát triển thành những mô hình sinh động, độc đáo. Về xây dựng đơn vị cấp xã - phường văn hóa, tuy là một mô hình còn khá mới mẻ, chưa có sự hướng dẫn cụ thể của cấp trên, chưa có mô hình kinh nghiệm của các địa phương khác, nhưng trước diễn biến thực tế của phong trào, năm 2001 thị xã đã chọn xã Cẩm Nam làm điểm xây dựng xã văn hóa để tự rút kinh nghiệm chỉ đạo theo diện rộng. Cuối năm 2003 Hội An đã hoàn thành phương án và tổ chức phát động xây dựng xã - phường văn hóa trên toàn địa bàn. Qua kết quả kiểm tra có 10 đơn vị đạt danh hiệu xã - phường văn hóa, vượt 0,7% so với chỉ tiêu của đề án. Mô hình xây dựng công sở văn hóa ở thị xã Hội An triển khai khá sớm, nhưng đến năm 2001 mới chính thức đi vào hoạt động đúng quy trình và dần dần được điều hành, quản lý chặt chẽ hơn. Nội dung và chất lượng phong trào ở nhiều đơn vị ngày càng được nâng cao thể hiện

qua chỉ số hộ gia đình cán bộ, đảng viên, công chức, giáo viên, công nhân lao động không đạt danh hiệu gia đình văn hóa giảm dần. Năm 2004 có 107 cơ quan, đơn vị đạt các tiêu chuẩn đơn vị, cơ quan văn hóa, chiếm tỷ lệ 87,7%.

5 - *Công tác quản lý nhà nước, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội đã đạt được những bước chuyển biến tích cực.* Ủy ban nhân dân thị xã đã ban hành các chỉ thị, quy chế quan trọng về công tác vệ sinh môi trường đô thị, giải quyết các tệ nạn xã hội và tệ nạn trong kinh doanh - du lịch; thiết lập trật tự kinh doanh trong khu phố cổ; xây dựng tác phong và ứng xử văn hóa của người kinh doanh dịch vụ và hướng dẫn, giáo dục, chấn chỉnh vi phạm của khách tham quan; duy trì trật tự đô thị và môi trường du lịch; quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích và danh thắng Hội An; quy chế quản lý các hoạt động quảng bá, cổ động biển hiệu... Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giữ được ổn định. Các tranh chấp của người dân được thị xã xử lý giải quyết minh bạch, rõ ràng, dứt điểm theo luật nên đã không để phát sinh điểm nóng trên địa bàn. Cấp cơ sở đã phát huy hoạt động tốt các tổ hòa giải ở địa bàn thôn - khối phố, coi trọng vai trò hòa giải trong gia đình, tộc họ. Các tệ nạn xã hội như: xì ke, ma túy, mại dâm... không tồn tại trên địa bàn, tạo môi trường lành mạnh, an toàn cho du khách khi đến tham quan phố cổ Hội An.

Đề án xây dựng Hội An thành thị xã văn hóa tuy chỉ mới ở giai đoạn đầu nhưng đã đem lại nhiều kết quả rất quan trọng. *Việc xây dựng và phát triển đời sống văn hóa đã thật sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy thị xã Hội An tăng trưởng nhanh và bền vững về kinh tế, vững mạnh về an ninh chính trị - xã hội, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân* đúng như nội dung và mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Qua quá trình lãnh đạo xây dựng thị xã văn hóa, gắn phát triển kinh tế với xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn, bước đầu chúng tôi nêu ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn sau đây:

Một là, nhận thức một cách đầy đủ, thấu đáo, toàn diện các quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời các cấp ủy và chính quyền, luôn coi trọng công tác nắm vững tình hình thực tiễn kể cả những suy nghĩ thực tiễn "nằm lòng" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để dự báo, dự lường để ra nhiệm vụ, nội dung sát hợp cho từng giai đoạn, từng đối tượng, từng mô hình cụ thể. Đây có thể được xem là bài học kinh nghiệm hàng đầu và cơ bản nhất trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở Hội An trong những năm qua.

Hai là, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở không chỉ dừng lại ở những chủ trương đúng đắn, kịp thời mà còn thể hiện vai trò gương mẫu trong đời sống và sinh hoạt, trong quá trình trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý phong trào của cán bộ, đảng viên. Từ trước đến nay, hệ thống bộ máy Ban chỉ đạo, Ban xây dựng đời sống văn hóa ở Hội An từ cấp thị xã đến các địa phương, đơn vị cơ sở đều do cấp ủy trực tiếp điều hành, do đồng chí bí thư (hoặc phó bí thư) cấp ủy làm trưởng ban, hoạt động theo quy chế đã được thảo luận thống nhất ban hành. Chính nhờ vậy, phong trào đã tạo được sức mạnh tổng hợp từ sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, sâu sát và có hiệu lực của các cấp ủy và hiệu quả quản lý của Nhà nước; từ vai trò phối hợp chỉ đạo tác chiến giữa các cơ quan, ban, ngành với Mặt trận và đoàn thể của từng cấp, giữa cấp thị xã với cấp cơ sở.

Uy tín sự lãnh đạo của Đảng bộ Hội An trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đời sống văn hóa còn được thể hiện bởi sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, của các tổ chức cơ sở đảng. Trước hết, phải làm cho toàn thể đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp nhận thức đúng đắn về ý nghĩa đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng đời sống văn hóa. Từ đó tạo ra sự đoàn kết nhất trí, đồng tâm hợp lực phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ, nội dung, chương trình công tác đã đề ra. Vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên càng được phát huy thông qua việc xây dựng gia đình văn hóa, tham gia sinh hoạt cùng chi bộ đảng ở địa bàn cư trú. Việc phân loại đảng viên, bình xét công chức nhà nước hàng năm đều căn cứ vào kết quả thực hiện các tiêu chuẩn về xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa ở địa bàn dân cư. Xét công nhận danh hiệu trong sạch vững mạnh đối với các tổ chức cơ sở đảng và phong trào thi

đua yêu nước của các địa phương, đơn vị cũng có thêm một tiêu chí là căn cứ vào kết quả chỉ đạo điều hành cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở cơ sở.

Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa, gắn với việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa. Để nhân dân và cán bộ hiểu rõ và tự giác thực hiện, các cấp ủy cơ sở nên lấy việc kiên trì vận động, tuyên truyền, thuyết phục bằng nhiều hình thức, nhiều lực lượng, phương tiện làm phương pháp chủ yếu; làm cho những nội dung của cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng thị xã văn hóa thấm đến mỗi gia đình, cá nhân, mỗi nhóm người, mỗi tập thể. Phải coi đây là việc làm thường xuyên, liên tục của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, các khu dân cư, tộc họ, trong đó vai trò nòng cốt thường trực là ngành văn hóa thông tin - truyền thanh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Bên cạnh việc vận động, hướng dẫn xây dựng các quy ước khả thi của cộng đồng, công tác quản lý nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng thị xã văn hóa cần được tiến hành chặt chẽ, chủ động.

Bốn là, cùng với việc kiên trì vận động, tuyên truyền, thuyết phục làm phương pháp chính, phải coi trọng phát huy dân chủ của nhân dân, khơi dậy ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác của nhân dân, huy động tiềm năng to lớn của nhân dân trong việc bảo vệ và sáng tạo các giá trị văn hóa làm động lực. Mặt khác, cần tổ chức và quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, chú trọng công tác phòng ngừa, đấu tranh kiên quyết với các tệ nạn xã hội và những hiện tượng tiêu cực ngay tại mỗi địa bàn dân cư; đồng thời phải thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, sơ kết, kiểm điểm, tổng kết đúng định kỳ, rút kinh nghiệm và động viên kịp thời những điển hình tiên tiến, phát hiện những khuyết điểm, những vấn đề bất cập để có những điều chỉnh bổ sung phù hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện, phải luôn chú trọng công tác nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn những mô hình và phương thức hoạt động phù hợp, cải tiến và nhân rộng những mô hình đã có, xây dựng thêm những mô hình mới nhằm tăng thêm sức hấp dẫn và nâng cao chất lượng phong trào bảo đảm tính khoa học, bền vững và sự phát triển liên tục.□



APEC VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

VŨ TUYẾT LOAN *

1 - Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập năm 1989 theo sáng kiến của Ô-xtrây-li-a tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế - Thương mại và Ngoại giao tổ chức tại Can-be-ra (Ô-xtrây-li-a). Tập hợp của 12 nền kinh tế thành viên sáng lập, APEC ra đời nhằm phục vụ cho hoạt động hợp tác và đối thoại kinh tế trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương (1). Sau 4 lần kết nạp thêm thành viên, đến nay APEC có 21 thành viên, đóng góp tổng sản phẩm quốc nội (GDP) khoảng 19 nghìn tỉ USD (60% GDP toàn cầu); tổng giá trị thương mại 5,5 nghìn tỉ USD; chiếm khoảng 52% diện tích lãnh thổ, 59% dân số và 70% nguồn tài nguyên thiên nhiên trên thế giới. Mục tiêu ban đầu của APEC là xây dựng một khu vực thịnh vượng thông qua việc thúc đẩy hợp tác, tăng trưởng kinh tế. Hiện nay APEC còn quan tâm đến hợp tác an ninh - chính trị do bối cảnh an ninh thế giới có nhiều bất ổn, cùng những khó khăn về kinh tế của khu vực do thất bại của vòng đàm phán Đô-ha.

Là thành viên của APEC từ năm 1998, Việt Nam có nhiều cơ hội thuận lợi trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế qua việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, gia tăng khối lượng thương mại, đặc biệt là việc học hỏi những kinh nghiệm từ các thành viên khác của APEC...

Năm 2006, Việt Nam đón nhận một sự kiện quan trọng - tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh

APEC tại Hà Nội. Với tư cách là nước chủ nhà, Việt Nam sẽ đưa ra những sáng kiến thích hợp, bảo đảm tính khoa học và có hiệu quả cao.

2 - Gần hai thập kỷ trôi qua, APEC đã đi một chặng đường khá dài, vượt qua không ít khó khăn, thử thách và đã đạt được những thành quả đáng kể: số lượng thành viên tăng từ 12 lên 21 thành viên; từ Hội nghị diễn đàn cấp bộ trưởng nâng lên cấp nguyên thủ quốc gia; nội dung hoạt động phong phú, xoay quanh ba trụ cột hợp tác chính là *tự do hóa thương mại và đầu tư, thuận lợi hóa thương mại và đầu tư và hợp tác kinh tế - kỹ thuật*. APEC ngày càng khẳng định vị trí của mình trong hệ thống thương mại đa phương, thể hiện vai trò trong việc giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế.

Trong bối cảnh hợp tác kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng phát triển, khi tự do hóa kinh tế, thương mại và đầu tư đang trở thành xu thế toàn cầu, có thể nói APEC ra đời như một sự đáp ứng đúng lúc đối với yêu cầu và lợi ích của các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương. Từ chỗ hoạt động như một thực thể khu vực đi đầu trong việc thúc đẩy tự do hóa mậu dịch, đầu tư

* TS, Viện Nghiên cứu Đông - Nam Á

(1) 12 nước thành viên tiền thân của APEC bao gồm: Mỹ, Nhật, Ô-xtrây-li-a, Niu Di Lân, Ca-na-đa, Hàn Quốc, Thái Lan, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a

và hợp tác kinh tế, ngày nay, APEC hội tụ tất cả các nền kinh tế lớn trong khu vực, các nền kinh tế năng động nhất trên thế giới. Rõ ràng, qua 15 năm phát triển, APEC đang ngày càng biến chuyển từ một tập hợp lỏng lẻo trở thành một thực thể khu vực ngày càng lớn mạnh và đang tiến lên theo hướng xây dựng một cộng đồng khu vực. Thực tế, quá trình phát triển của APEC những năm qua đã bao hàm nhiều yếu tố của một cộng đồng, được xây dựng về nhiều phương diện. Đó là một xu hướng không thể đảo ngược trong tương lai lâu dài và là sự thể hiện tâm nhìn của các nhà lãnh đạo APEC khi họ chấp nhận chủ đề của năm APEC Chi-lê - 2004 là năm vì *"Một cộng đồng - Tương lai của chúng ta"* và năm APEC Hàn Quốc - 2005 là năm *"Tiến tới một cộng đồng: đối phó với những thách thức, tạo ra sự thay đổi"*.

Nhìn chung, APEC vẫn luôn được thừa nhận với vai trò quan trọng cùng những hoạt động ngày càng sống động và thiết thực. APEC luôn cần có sự đổi mới và cải cách. Mục tiêu và ba trụ cột chính của APEC vẫn tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, quá trình phát triển của APEC không chỉ xoay quanh quan niệm về chủ nghĩa khu vực mở mà sẽ hướng tới một APEC chú trọng hơn đến chính sách ngoại giao và chiến lược tổng thể. Hiện nay, vấn đề đáng chú trọng của APEC là sự diễn biến chậm chạp của vòng đàm phán Đô-ha, đang làm ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ chương trình nghị sự của APEC. Những vấn đề mà Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đang vướng mắc trong quá trình đàm phán như: *thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, chính sách cạnh tranh, minh bạch hóa trong mua sắm của chính phủ và tự do hóa sản phẩm công nghệ thông tin...* hiện đang được các thành viên tích cực đưa ra thảo luận để xây dựng chương trình hành động của APEC trong thời gian tới.

Không những thế, APEC sẽ phải có những cam kết mạnh mẽ hơn đối với việc xây dựng năng lực con người và thể chế. Hỗ trợ các nước thành viên dễ bị tổn thương thực hiện các chính sách phát triển và cải cách thể chế cần thiết nhằm hiện thực hóa các cơ hội có được từ tự do

hóa thương mại và đầu tư mang lại. Có như vậy, *"quá trình APEC"* mới đem lại lợi ích cho tất cả các thành viên. Đây là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự đồng thuận, cũng như tính hiệu quả cao của APEC. Do APEC không phải là một định chế hỗ trợ phát triển, nên cần có sự phối hợp với các định chế quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)... nhằm triển khai các chương trình hỗ trợ, nhất là đối với các nền kinh tế thành viên đang phát triển.

Ngoài ra, Hội nghị Bộ trưởng APEC tại Busan (Hàn Quốc - 2005), những bất đồng trong nội bộ các nước tham gia vòng đàm phán thương mại toàn cầu đã được chỉ ra. Việc phá vỡ sự bế tắc trong WTO về các khoản trợ cấp nông nghiệp của châu Âu và một số nước phát triển khác đã trở thành trọng tâm của các cuộc đàm phán thương mại. Do vậy, APEC cần phải đóng một vai trò trung tâm hơn trong các cuộc đàm phán này.

3 - Sau hơn 7 năm gia nhập APEC (từ 1998 đến nay), quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước thành viên APEC có sự tăng trưởng vượt bậc. APEC hiện là khu vực đầu tư nước ngoài lớn nhất (62,7% tổng số vốn đầu tư nước ngoài), có lượng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất cho Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu vào APEC của Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu: năm 2003 đạt 14,7 tỉ USD (72,8%); năm 2004 đạt khoảng 15,5 tỉ USD (58,5%). Nhập khẩu của Việt Nam từ APEC cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các khu vực: năm 2003 đạt 20,1 tỉ USD (79,4%); năm 2004 đạt khoảng 25,3 tỉ USD (79,2%). Đầu tư trực tiếp của APEC vào Việt Nam tính từ 1998 đến tháng 7-2005 có 5.354 dự án, với tổng số vốn 35,3 tỉ USD.

Tham gia APEC, Việt Nam có được những lợi ích thiết thực từ các hoạt động hợp tác, đồng thời có thể mở rộng quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nền kinh tế thành viên. Thông qua APEC, Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ của các đối tác trong khu vực châu Á-

Thái Bình Dương trong tiến trình gia nhập WTO.

Việt Nam đã thể hiện vai trò tích cực trong các hoạt động hợp tác chung của diễn đàn. Nhiều sáng kiến của Việt Nam đã được các thành viên đánh giá cao. Đặc biệt, gần đây, Việt Nam được các thành viên tín nhiệm bầu làm Chủ tịch, đồng cai **Hội nghị APEC-2006**. Đây là minh chứng sống động về vai trò, uy tín ngày càng cao của Việt Nam trong khu vực.

Hoạt động chủ yếu của Việt Nam trong APEC bao gồm việc tham gia kế hoạch hành động quốc gia, một số chương trình trong kế hoạch hành động tập thể, các chương trình hợp tác kỹ thuật và các hoạt động khác:

Kế hoạch hành động quốc gia (IAP) không chỉ là văn bản thể hiện các bước đi của Việt Nam tiến tới thực hiện mục tiêu Bô-go của APEC về tự do hóa thương mại và đầu tư, mà còn là công cụ quan trọng để phổ biến các thông tin về chính sách kinh tế thương mại của Việt Nam cho các doanh nghiệp của các nước APEC, nhằm góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại, thu hút đầu tư.

Việt Nam tham gia tích cực trong việc xây dựng mẫu IAP mới (e-IAP) của APEC nhằm làm cho IAP của các thành viên rõ ràng, minh bạch hơn với mục tiêu mang lại lợi ích tối đa cho các doanh nghiệp. Hằng năm, các bộ, ngành hữu quan tiếp tục cập nhật những thay đổi về cơ chế chính sách trong các lĩnh vực chuyên trách, tạo ra những bước tiến mới để hướng tới việc rà soát tham vấn IAP của Việt Nam. Thông qua việc xây dựng và đệ trình IAP hằng năm, Việt Nam đẩy nhanh quá trình minh bạch hóa các chính sách và quy định về kinh tế - thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp, đồng thời xúc tiến quá trình đổi mới các công cụ quản lý kinh tế của nhà nước.

Kế hoạch hành động tập thể (CAP) bao hàm rất nhiều lĩnh vực như: thương mại, đầu tư, sự lưu chuyển của doanh nhân, sở hữu trí tuệ... Việc tham gia sâu rộng vào các lĩnh vực này là đặc biệt khó khăn. Vì vậy, theo chỉ đạo của

Chính phủ, những năm vừa qua, đặc biệt là năm 2003, Việt Nam đã tích cực tham gia vào hai lĩnh vực hợp tác chính là **tiêu chuẩn và chứng nhận hợp chuẩn (SCSC)** và **thủ tục hải quan (SCCP)**. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực mới như sở hữu trí tuệ và sự lưu chuyển của doanh nhân.

Bên cạnh đó, tại các diễn đàn, Việt Nam đưa ra một số đề xuất thiết thực như đề nghị trợ giúp kỹ thuật, thuyết phục các nước thành viên không đưa ra yêu cầu đàm phán song phương; đồng thời tận dụng cơ chế hợp tác song phương phối hợp với Ô-xtrây-li-a, Mỹ, Nhật Bản xây dựng một loạt các dự án hỗ trợ nâng cao năng lực, trong đó có những dự án quan trọng như xây dựng pháp lệnh thương mại điện tử, hỗ trợ xây dựng luật cạnh tranh; tổ chức các hoạt động trao đổi thông tin, đối thoại chính sách, hợp tác nghiên cứu trong APEC; góp phần nâng cao trình độ và năng lực cán bộ, tăng cường hiểu biết về hợp tác APEC nói riêng và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Sau 7 năm hoạt động trong APEC, số lượng dự án hợp tác của Việt Nam trong khuôn khổ diễn đàn APEC ngày càng tăng, tập trung chủ yếu vào những lĩnh vực mới như chính sách cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, công nghệ sinh học, thương mại điện tử, công nghệ thông tin. Đến nay, Việt Nam đã thực hiện được 11 dự án với tổng số vốn khoảng 6 triệu USD. Việt Nam cũng tích cực và chủ động đề xuất 20 sáng kiến tại các lĩnh vực khác nhau của APEC (2).

Kết quả tham gia APEC trong hơn 7 năm qua của Việt Nam là đáng khích lệ. **Thứ nhất**, Việt Nam có cơ hội tiếp xúc và nắm bắt những vấn đề mới nổi lên trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới, khu vực nhằm giúp Việt Nam hội nhập hơn nữa vào nền kinh tế thế giới.

(2) Sáng kiến về quỹ hỗ trợ năng lực cho doanh nghiệp siêu nhỏ; đối thoại công tư về thuận lợi hóa thương mại và thủ tục hải quan; kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài từ các tập đoàn đa quốc gia; thông lệ trong lĩnh vực tiêu chuẩn hợp chuẩn; phát triển bền vững nghề cá; chuyển giao công nghệ sau thu hoạch; tăng cường đào tạo qua mạng; bảo mật thông tin cho các giao dịch chính phủ điện tử và thương mại điện tử...

Thứ hai, Việt Nam có cơ hội học hỏi các thông lệ quản lý, cách thức điều hành hiệu quả trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Thứ ba, Việt Nam gặp thuận lợi trong việc xúc tiến nhanh tiến trình đàm phán gia nhập WTO bởi 15 lĩnh vực thuộc chương trình IAP và CAP của APEC đều là lĩnh vực chủ yếu của WTO.

Thứ tư, Việt Nam có điều kiện nâng cao năng lực trong các ngành nghề quan trọng như nghề cá, du lịch, khoa học - kỹ thuật, nông nghiệp, viễn thông, năng lượng...

Trong những năm sắp tới, bên cạnh việc tham gia có chọn lọc những hoạt động của APEC, Việt Nam cần tập trung hơn nữa vào xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia. Việc xây dựng IAP không chỉ để thực hiện cam kết với APEC mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm giới thiệu hệ thống chính sách pháp luật của Việt Nam với các nước.

4 - Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao, ông Lê Công Phụng, người sẽ đảm nhiệm vai trò Chủ tịch APEC - 2006 đã khẳng định: *Đã cai APEC - 2006 là một trong những hoạt động đối ngoại quan trọng nhất của Việt Nam năm 2006.* Việc xác định những vấn đề trọng tâm của năm APEC - Việt Nam 2006 phụ thuộc vào những nhân tố: *Một là*, tổng kết về lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới, tổ chức Đại hội X của Đảng để đề ra kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội cho tới năm 2010, khẳng định với quốc tế quyết tâm đẩy mạnh chính sách đổi mới và hội nhập quốc tế. *Hai là*, phấn đấu gia nhập và phát huy có hiệu quả việc gia nhập WTO nhằm hỗ trợ cao nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời gian tới. *Ba là*, là nền kinh tế đang phát triển và là thành viên mới của APEC, Việt Nam có nhu cầu làm tốt vai trò Chủ tịch APEC năm 2006 nhằm đóng góp thực chất vào sự phát triển của APEC và nâng cao vai trò, uy tín quốc tế của Việt Nam ⁽³⁾.

Năm 2006, Việt Nam cần tập trung ưu tiên cho những lĩnh vực trọng tâm sau: thực hiện lộ trình Bu-san, thúc đẩy việc hoàn tất vòng đàm phán Đô-ha; đẩy mạnh đầu tư và chuyển giao công nghệ; tạo dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi và an toàn; thúc đẩy hợp tác

giữa khu vực công và khu vực tư nhân nhằm bảo đảm an ninh con người; đẩy mạnh phát triển xí nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng; đẩy mạnh hợp tác kinh tế - kỹ thuật nhằm bảo đảm cùng chia sẻ lợi ích và cùng phát triển; phát triển bền vững thông qua tăng cường hợp tác có hiệu quả; hướng tới thực hiện Tầm nhìn của APEC về xây dựng cộng đồng.

Trên cơ sở các mục tiêu chung của APEC, Việt Nam là nước chủ nhà cần hình thành chủ đề cho năm APEC của mình. Về nguyên tắc, chủ đề chính, chủ đề phụ và các ưu tiên (TSP) do nước chủ nhà đưa ra cần được sự nhất trí chung trong APEC nhằm hướng mọi nỗ lực của các nền kinh tế thành viên vào việc thực hiện các chủ đề và ưu tiên của năm APEC này.

Về cơ bản, việc hình thành TSP phải đáp ứng ít nhất 3 yêu cầu sau: *Tầm nhìn, tính tiếp nối và dấu ấn của nước chủ nhà.* Với việc đề xuất và thực hiện TSP, Việt Nam sẽ để lại dấu ấn đậm nét cho APEC - 2006 thông qua việc làm nổi bật *tính nhân văn của quá trình phát triển và nhu cầu của thời đại về phát triển bền vững*, đồng thời thúc đẩy một định hướng quan trọng trong tiến trình APEC - *định hướng hợp tác vì con người* ⁽⁴⁾.

Chủ đề chính APEC Việt Nam - 2006 là *"Hướng tới một cộng đồng năng động vì sự phát triển bền vững và thịnh vượng"*. Chủ đề và các tiểu chủ đề mà Việt Nam đưa ra đã được các thành viên APEC ủng hộ. Các vị lãnh đạo APEC đều khẳng định sẽ ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện để Việt Nam tổ chức thành công với vai trò chủ nhà của Diễn đàn APEC và Hội nghị cấp cao APEC năm 2006.

Chúng ta tin tưởng rằng, với sự cố gắng hết sức và quyết tâm cao của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam, Hội nghị Cấp cao APEC Việt Nam - 2006 sẽ thành công tốt đẹp. □

(3) Xem: Trần Trọng Toàn - Phó giám đốc điều hành Ban Thư ký APEC: *"Những vấn đề có thể là trọng tâm trong chương trình nghị sự của APEC Việt Nam 2006"* - Bài tham luận tại Hội nghị quốc tế chuẩn bị cho APEC Việt Nam 2006 tại Hà Nội từ 21 - 22-7-2005

(4) Trần Trọng Toàn, *ltd*

DỰ ÁN GIẢM NGHÈO CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC



Dự án Giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc chính thức thực hiện vào ngày 6 tháng 3 năm 2002 ngày dự án có hiệu lực. Dự án sẽ kết thúc vào cuối tháng 12 năm 2007. Năm đầu tiên, trọng tâm là đào tạo và tăng cường năng lực, các hoạt động thuộc hợp phần 1-3

Dự án làm lợi cho khoảng hơn một triệu người ở 356 xã vùng sâu khó khăn nhất thuộc 44 huyện của 6 tỉnh miền núi phía Bắc: Bắc Giang, Hoà Bình, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La và Yên Bái.

Dự án áp dụng một hướng tiếp cận tổng hợp trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội, tăng cường năng lực quản lý các cấp ở những khu vực này với các hợp phần đường và chợ nông thôn, thủy lợi nhỏ và cấp nước sinh hoạt, mô hình ứng dụng và nghiên cứu tại chỗ, phát triển đồng bộ y tế và giáo dục ở cấp xã và thôn bản, ngân sách phát triển xã và tăng cường năng lực phục vụ phân cấp lập kế hoạch. Hợp phần ngân sách phát triển xã là mô hình phân cấp đặc biệt cho cấp xã từ khâu lựa chọn danh mục đầu tư cho đến thanh quyết toán, vận hành duy tu bảo dưỡng.

Sau ba năm thực hiện, dự án đã thu được những kết quả đáng khích lệ và đã được các tổ chức tài trợ như: Ngân hàng Thế giới (WB), Bộ phát triển quốc tế Anh (DFID)... đánh giá cao về những bài học kinh nghiệm thu được từ dự án Giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc dựa vào cộng đồng cụ thể là việc thực hiện hợp phần ngân sách phát triển xã và tiến độ triển khai thực hiện tốt của tiểu hợp phần mô hình nông nghiệp của dự án, những hợp phần này đã có những đóng góp quan trọng cho hoạt động sinh kế của người dân sống trong các cộng đồng nghèo nhất của nước ta. Đặc biệt, tiểu hợp phần mô hình nông nghiệp cho thấy khả năng vươn rộng của các hoạt động trong tiểu hợp phần. Các tổ chức tài trợ này cũng đã có những đề nghị với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan hữu quan khác hỗ trợ triển khai áp dụng, nhân rộng những cách làm hay đã được minh chứng trong dự án nói trên vào việc thực hiện chương trình 135 mới thông qua chương trình sinh kế và hạ tầng cơ sở cho các xã nghèo đã được đề xuất.

MỘT SỐ ĐIỂM SÁNG TRONG DỰ ÁN GIẢM NGHÈO CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

+ Hợp phần mô hình nông nghiệp:

- Bắc Giang là tỉnh có mô hình nông nghiệp thiết thực với người dân mang lại hiệu quả cao và có tính bền vững đó là mô hình trồng lúa lai tại một số xã như: Kim Sơn, Tân Lập, Tân Mộc huyện Lục Ngạn, mô hình trồng ngô lai cũng cho năng suất khá cao. Đặc biệt mô hình bò lai Sind của huyện Lục Nam được đánh giá là có hiệu quả và tính bền vững rất cao. Dự án còn hỗ trợ cho người dân trong diện nghèo máy tuốt lúa và đã được nhân dân trong vùng hưởng ứng một cách rộng rãi. Đây là sự khích lệ lớn lao đối với những người làm dự án vì đã đưa công nghiệp đến sản xuất nông nghiệp cho người dân.

- Hiệu quả cao từ những mô hình nông nghiệp ở Yên Lập, Phú Thọ. Đó là mô hình cây lương thực, mô hình chăn nuôi lợn móng cái sinh sản, mô hình trồng cây nông lâm kết hợp, mô hình cây lâm nghiệp với việc trồng luống xen keo, mô hình trồng cây công nghiệp ngắn ngày với sự lựa chọn dành cho cây lạc, mô hình trồng chè và mô hình chăn nuôi đại gia súc. Các mô hình này đã thu hút sự tham gia của 159 hộ và đã thu được kết quả cao, được Yên Lập phát triển và tạo ra những kinh nghiệm quý báu cho địa phương khi triển khai 7 mô hình nông nghiệp trong vụ mùa năm 2005 với sự tham gia của 579 hộ nghèo.

+ Hợp phần ngân sách phát triển xã:

- Một năm thực hiện hợp phần ngân sách phát triển xã ở Lào Cai đã cho những kết quả bước đầu. Đó là việc công khai hóa thông tin, tính minh bạch và dân chủ của chính quyền cơ sở thông qua việc quản lý các tiểu dự án. Người dân được cùng hiểu, cùng bàn và cùng kiểm tra từ khâu khảo sát thiết kế, lập dự toán, đấu thầu, lựa chọn thầu, thi công, giám sát chất lượng... và họ gánh trách nhiệm của mình đối với nguồn vốn đầu tư, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

+ Hạng mục đầu tư kết cấu hạ tầng:

- Hoà Bình: hoàn thành 70% tổng số gói thầu: Điển hình ở Kim Bôi- vui cùng những nhà thầu nông dân.

- Yên Bái: trên 78,8 tỉ đồng cho 331 công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Bắc Giang: hoàn thành xây lắp 484 công trình dân sinh với tổng giá trị hơn 102 tỉ đồng (từ năm 2002 đến cuối tháng 10 - 2005).

- Sơn La: 9.725 hộ được hưởng lợi từ các công trình giao thông nông thôn. Đến nay Sơn La đã hoàn thành việc xây dựng 31 công trình đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài các đoạn đường đạt 117km với số vốn đầu tư trên 42 tỉ đồng. Hơn nữa, Sơn La còn chỉ trọng hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ xã, thôn bản để bảo đảm công tác giảm nghèo của tỉnh.

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHÚ THỌ



Lãnh đạo Sở kiểm tra quá trình thực hiện dự án "Bưởi đặc sản Đoàn Hùng"



Đ/C Đinh Văn Ngọc, Giám đốc Sở, kiểm tra thực hiện đề tài "Phục hồi phát triển chè Trung du búp tím"

Năm 2005, đảng viên và CBCNV sở KHCN Phú Thọ đều hoàn thành nhiệm vụ, có nhiều đóng góp tích cực vào các phong trào đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hoá... Thể hiện cụ thể qua các mặt công tác như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc công tác chuyên môn

Tổ chức 2 kỳ họp Hội đồng Khoa học tỉnh đánh giá kết quả nghiên cứu KHCN năm 2004, kế hoạch năm 2005, tổng kết đánh giá hoạt động KHCN 5 năm giai đoạn 2001- 2005, xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng điểm 2006 - 2010.

Đề xuất với bộ KHCN 1 số dự án trong chương trình KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi: chè chất lượng cao, bảo tồn và phát triển bưởi đặc sản Đoàn Hùng, hồng Gia Thanh... Bộ đã chấp nhận cho thực hiện 2 dự án: dự án trồng 300 ha bưởi Đoàn Hùng, dự án trồng 30 ha hồng Gia Thanh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai các đề tài, dự án năm 2005 với tổng số 36 đề tài, dự án thuộc 7 chương trình trọng điểm của tỉnh. Đã tổ chức thẩm định 13/15 đề tài, dự án (trong đó có 2 dự án cấp nhà nước, 11 đề tài cấp tỉnh). Đã trình UBND tỉnh phê duyệt 9/11 đề tài với tổng kinh phí 2.479,33 tỉ đồng.

Nhìn chung các đề tài, dự án KHCN năm 2005 tập trung ưu tiên cho nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học xã hội nhân văn, xây dựng mô hình ứng dụng

công nghệ thông tin, truyền thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các vùng nông thôn miền núi...

2. Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng

Tổ chức học tập quán triệt các Nghị quyết của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, Kết luận Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành TW khoá IX.

Tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống, tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đại hội Đảng toàn quốc.

3. Làm tốt công tác xây dựng Đảng

Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kỳ, chế độ phê và tự phê bình.

Quy chế dân chủ được thực hiện đầy đủ và thường xuyên tạo môi trường tốt cho CBCNV phát huy tinh thần làm chủ.

Thực hiện tốt việc kiểm tra đảng viên và việc thực hiện Quy chế cấp ủy.

Đã làm thủ tục công nhận chính thức cho 3 đồng chí đảng viên, kết nạp được 2 quần chúng tốt vào Đảng.

100% đảng viên chấp hành tốt Điều lệ Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chi bộ sở KHCN được xét công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh năm 2005.

Phát huy thành tích đã đạt được, toàn thể CBCNV Sở KHCN Phú Thọ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính trị giai đoạn tới 2006- 2010 góp phần xây dựng quê hương Phú Thọ ngày càng giàu đẹp.

Địa chỉ: Đường Kim Đồng - phường Gia Cẩm - TP Việt Trì

Số điện thoại: 0210. 349854 Fax: 0210. 847 333

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SAO MAI

326 Hùng Vương - TP. Long Xuyên - tỉnh An Giang

ĐT: 076.840 138

Fax: 076.840 139

Sẽ có những tín hiệu vui từ thị trường bất động sản



KHU ĐÔ THỊ CAO CẤP - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH - TP. LONG XUYỀN

Đến với An Giang hôm nay, bạn cũng dễ dàng cảm nhận tiến trình đô thị hoá thay đổi từng ngày, đời sống tinh thần của người dân, bộ mặt kinh tế - xã hội cũng từ đó thay da đổi thịt. Có thể nói đây là nỗ lực của Đảng, Chính quyền, nhân dân trong tỉnh, hơn hết là sự đóng góp không nhỏ của các nhà doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình đầu tư ở tỉnh...

Nếu trước đây, các dự án khu dân cư, nhà ở An Giang chủ yếu dành cho những người dân nghèo, đặc biệt là các nông dân vùng ngập lũ "an cư lạc nghiệp", chưa mang dáng hình của khu đô thị thời công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì hôm nay với những chính sách ưu đãi về đầu tư của tỉnh, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã mạnh dạn đến tìm hiểu, tham gia đầu tư ở nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, trong đó có lĩnh vực bất động sản. Tiêu biểu có thể kể đến Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Mai do ông Lê Thanh Thuận - bí thư đảng bộ, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc đơn vị đã đầu tư, xây dựng một khu đô thị cao cấp tại Bình Khánh (thành phố Long Xuyên). Đây là dự án mà theo đánh giá của ngành xây dựng, hội đủ những tiêu chuẩn của một đô thị cao cấp, với quy mô 58 ha có tổng vốn đầu tư lên đến 340 tỉ đồng nằm trong trung tâm thành phố Long Xuyên sầm uất. Đây thực sự là một khu đô thị văn minh hiện đại và là niềm ước mơ của nhiều người dân theo đúng nghĩa của nó! Dự án ra đời như một minh chứng cho một chiến lược sản xuất kinh doanh mang tính bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Mai tại thị trường bất

động sản ở An Giang. Và hơn hết, nó đã thể hiện được tiêu chí, mục đích kinh doanh của công ty là sản sinh ra sản phẩm hàng hoá thực thụ. Chất lượng của khu đô thị là chất lượng của sản phẩm hàng hoá sẽ lưu thông trên thị trường nên nó phải đủ sức hướng dẫn và có tính thuyết phục cao, đáp ứng được nhu cầu chất lượng sử dụng không ngừng tăng lên của khách hàng.

Ở thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang, với dự án Khu đô thị Cao cấp Sao Mai P. Bình Khánh, ngoài việc mang lại cho những nhà đầu tư thứ cấp và người tiêu dùng sản phẩm bất động sản hoàn hảo sẽ góp phần tích cực giúp thành phố Long Xuyên đẩy nhanh tiến trình đô thị hoá theo hướng hiện đại.

Hiện nay, Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành đang ra sức "hâm nóng" trở lại thị trường bất động sản. Với những nỗ lực như thế, chắc chắn trong một tương lai không xa, các giao dịch nhà đất sẽ lại sôi động, thị trường bất động sản sẽ vào giai đoạn hồi sinh và thịnh vượng, góp phần tích cực vào việc tăng các nguồn thu cho ngân sách nhà nước phục vụ việc xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng.

CÔNG TY CÀ PHÊ 49

xã Phú Xuân - huyện Krông Năng - tỉnh Đắk Lắk

ĐT: (050) 676 504 - 676 502

Giám đốc: Ông TRẦN NHỎ AN

Lĩnh vực kinh doanh

**- Sản xuất thu mua
chế biến nông sản**

Cà phê 49 - Khơi dậy niềm đam mê



www.vietcombank.com.vn



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH CẦN THƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN LỰC THANH HÓA

ĐƠN VỊ ANH HÙNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



Đ/c NGUYỄN ĐỨC ĐỦ
Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện lực Thanh Hóa là đơn vị chuyên ngành xây lắp đường dây và trạm biến áp, đưa điện lưới quốc gia phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng và đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước. Từ tháng 9-1999 công ty tách các bộ phận thành các công ty thành viên. Đến nay Công ty phát triển theo mô hình "Công ty mẹ- Công ty con" gồm 6 công ty với 100% vốn của cổ đông.

NHỮNG KINH NGHIỆM QUÝ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

☆ Mở rộng thị trường, chấp nhận mạo hiểm:

☆ Năm 2001- 2003, Công ty đã bỏ vốn trước (không tính lãi) theo hình thức BT đầu tư đường dây trung thế, trạm biến áp và đường dây hạ thế với tổng trị giá dự án gần 100 tỉ đồng. Chỉ trong 2 năm Công ty đã đưa điện lưới quốc gia đến các xã trong dự án, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc vùng cao, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

☆ Mở rộng hoạt động ra các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Nam Định, Thái Bình với khối lượng thi công hàng trăm công trình hàng năm. Hiện nay Cty đang tập trung thi công 4 gói thầu đường dây 110 KV trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Hà Giang và Tuyên Quang.

☆ Công tác quản lý kinh doanh điện nông thôn: cuối năm 2003 Cty đã đề xuất xin lập phương án tiếp nhận lưới điện hạ thế NT, tổ chức quản lý, bán điện cho dân theo giá trần của CP (700 đ/KW/h) đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rất lớn cho nhân dân, làm lợi hàng tỉ đồng do giảm điện năng thất thoát, giảm gánh nặng cho ngân sách, đóng góp của dân. Đây là mô hình được đánh giá cao và được áp dụng ở nhiều tỉnh.

☆ Khắc phục hậu quả cơn bão số 7 vừa qua với gần 2000 cột điện hư hỏng chỉ trong 2 ngày.

☆ Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện:

☆ Liên tục 15 năm Đảng bộ đạt danh hiệu "Trong sạch vững mạnh".

☆ Hệ thống các tổ chức đoàn thể được tổ chức bộ máy chuyên môn.

☆ Công đoàn Cty đã 5 lần được tặng cờ thi đua xuất sắc của Tổng LĐLĐ.

☆ Đoàn thanh niên Cty liên tục nhiều năm đạt danh hiệu Đoàn cơ sở vững mạnh.

☆ Được sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa Công ty đã phát triển liên tục, có đủ năng lực về mọi mặt, không ngừng phấn đấu vươn lên tầm cao mới, đã đạt được các thành tích về vang sau:

☆ Cờ thi đua của Thủ tướng (3 năm liên tục 2002, 2003, 2004).

☆ Cờ thi đua của UBND Tỉnh, của Tổng LĐLĐVN.

☆ Nhiều Bằng khen của Bộ Tài chính, Bộ Công an cho đơn vị và cá nhân.

☆ Huân chương Lao động hạng III (năm 2000) và hạng nhì (năm 2003) tặng tập thể và cá nhân đ/c Nguyễn Đức Đủ - Chủ tịch HĐQT- Giám đốc công ty.

☆ Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới được phong tặng ngày 29 - 8 - 2005.

ĐỊA CHỈ: 232 ĐƯỜNG TRƯỜNG THI - TP. THANH HÓA
ĐIỆN THOẠI: (037) 852 329- 852 393 * FAX: (037) 853 472

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Giám đốc: **ĐỖ VĂN HẠT**

Địa chỉ: 371 Kim Mã- Ba Đình- Hà Nội * ĐT: 04.8 317 821 * Fax: 04.8 461 892 * E-mail: riccc@fpt.vn



CHỨC NĂNG KINH DOANH CHÍNH:

Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư và xây dựng cho các công trình, dự án giao thông đường sắt, đường bộ và các phương tiện thiết bị vận tải đường sắt.

Thiết kế xây dựng đường sắt, cầu đường sắt.

Thiết kế hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt.

Thiết kế mới, nâng cấp cải tạo các đường bộ.

CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TIÊU BIỂU:

Quy hoạch phát triển GTVT đến năm 2020.

Đề án khoa học quy hoạch mạng đường sắt cao tốc.

Dự án đường sắt trên cao khu vực Hà Nội.

Dự án đường sắt hành lang đồng tây.

Dự án nghiên cứu thiết kế chế tạo các loại toa xe khách cao cấp, toa xe khách 2 tầng.

Dự án nghiên cứu thiết kế và chỉ đạo thi công đoàn tàu kéo đẩy...

Hợp tác liên doanh tư vấn với nhiều nước: Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp, Anh, Đức...



MÔ HÌNH ĐƯỜNG SẮT TRÊN CAO HÀ NỘI



Incombank

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF VIETNAM



Nhanh chóng - Thuận tiện - An toàn - Tiết kiệm

Mang đến điều người khác hằng mơ

Thẻ công nghệ cao, an toàn, tiện lợi, văn minh, hiện đại, hiệu quả

Địa chỉ liên hệ

108 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Tel: (84-4) 9421333/9421030 - Fax: (84-4) 9421032

Email: webmaster@icb.com.vn - Website: www.icb.com.vn

HUYỆN ĐỨC CƠ

Bí thư: **NGUYỄN PHI YẾN**

Địa chỉ: thị trấn Chu Ty - huyện Đức Cơ - tỉnh Gia Lai

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội III nhiệm kỳ 2000 - 2005, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Cơ đã đạt được những thành tựu rất quan trọng và có ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn, đó là:

1. Về Kinh tế:

- Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp đạt 337,780 tỉ đồng, tăng 12% so với năm 2000 và chiếm tỷ trọng 63,4% trong cơ cấu kinh tế.

- Giá trị sản xuất CN - tiểu thủ CN đạt 65 tỉ đồng, tăng 26,8% so với năm 2000, chiếm 12,2% trong cơ cấu kinh tế.

- Thương mại - Dịch vụ đạt 130 tỉ đồng, tăng 26,6%, chiếm 24,4% trong cơ cấu kinh tế.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 3.500.000 đồng/năm.

2. Đầu tư kết cấu hạ tầng tiếp tục tăng. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản giai đoạn 2000 - 2005: 62,037 tỉ đồng. Đường giao thông, trường học, trạm y tế, điện, thủy lợi đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh. Khu Kinh tế cửa khẩu đường 19 đã được đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành giai đoạn I.

3. Văn hoá - Xã hội:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển và đã đạt được những kết quả quan trọng: đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên phát triển cả số lượng và chất lượng (96% đạt trình độ chuẩn và tăng 1,5 lần). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được đầu tư bảo đảm cho việc dạy và học ở trường. Chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, xoá mù chữ, chống thất học được củng cố và thu được kết quả quan trọng; đã hoàn thành phổ cập THCS ở 4/10 xã, thị trấn.



- Thực hiện tốt việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, triển khai có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Hiện nay, 100% thôn, làng có nhân viên y tế, 100% xã có y sỹ và nữ hộ sinh, 2 xã có bác sỹ.

- Hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền phổ biến kịp thời đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

- Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được triển khai đều khắp, hiện có 31,3% gia đình văn hoá và 21,1% thôn, làng, tổ dân phố văn hoá.

4. Công tác xây dựng Đảng: đã có chuyển biến tích cực trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ huyện đặc biệt coi trọng việc củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ NHIỆM KỲ 2005 - 2010

- * Tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế theo hướng nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp. Phân đấu đến năm 2010 tỷ trọng nông - lâm nghiệp chiếm 58%; thương mại - dịch vụ chiếm 29,1%, công nghiệp - TTCN - Xây dựng chiếm 12,9%.
- * Tỷ lệ thu ngân sách tăng bình quân 10% hằng năm.
- * Tổng diện tích gieo trồng đạt 13.500 ha.
- * Tổng sản lượng lương thực quy thóc 9.850 tấn.
- * Thu nhập bình quân đầu người đạt 6 triệu đồng/năm.

- * Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 98%.
- * Đến năm 2010 cơ bản không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo hàng năm từ 4-5%, cơ bản xoá xong nhà dột nát trên địa bàn.
- * Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 60%.
- * 90% hộ dùng điện, 90% hộ dùng nước sạch.
- * Phân đấu cuối nhiệm kỳ có 60% trở lên tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đủ tư cách.
- * Kết nạp từ 400 đảng viên trở lên, xoá làng trắng đảng viên.
- * Phân đấu đến năm 2010 có 70% số thôn, làng có tổ chức Đảng.



**Bí thư Huyện ủy
PHAN XUÂN VŨ**

TỈNH GIA LAI

HUYỆN A YUNPA

Địa chỉ Huyện ủy: Thị trấn Ayunpa, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai

Ayunpa được xác định là một trong 4 vùng phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh Gia Lai. 5 năm qua, thực hiện triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và sự quan tâm của HĐND và UBND tỉnh, cùng với truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, Đảng bộ, đồng bào các dân tộc huyện Ayunpa đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực:

1. Về kinh tế: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong 3 năm 2003- 2005 đạt 13%; giá trị sản xuất công nghiệp xây dựng tăng bình quân 15,6%; nông, lâm nghiệp tăng 03,81% và dịch vụ tăng 10,97%; sản lượng lương thực tăng 22,40%; tỷ lệ xã có điện đạt 91,67% (11/12 xã), tỷ lệ hộ dân được dùng nước sạch đạt 70%; thu nhập bình quân đầu người trên 4 triệu đồng/năm.

- Hệ thống đường giao thông được đầu tư mở rộng, nâng cấp 100% thôn, làng đã có đường ô tô đến trung tâm. Một số tuyến đường nội thị được nâng cấp mở rộng, mở mới và làm đường cấp phối đường giao thông nông thôn 41,3 km, bê tông hóa đường giao thông nông thôn và giao thông ven đô, thực hiện đến cuối năm 2005 được 40 km. Các cầu Bến Mộng, Quý Đức, tỉnh lộ 662, 668 được hoàn thành và nâng cấp, các tuyến vận tải hành khách ra ngoài huyện, ngoài tỉnh được mở rộng.

2. Về văn hóa- xã hội:

- Giáo dục - đào tạo: toàn huyện có 39 trường; tỷ lệ huy động trẻ em đến trường đạt 97%; tỷ lệ phổ cập THCS đã thực hiện 66,6% số xã, thị trấn; đã hoàn thành và đưa vào hoạt động Trung tâm dạy nghề huyện, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn.

- Y tế: các chương trình y tế quốc gia đều được triển khai thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế, 86% trẻ em đúng độ tuổi được tiêm vắc- xin, mỗi năm giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 0,05%, trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống còn 32,5%.

- Hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của huyện. Các hoạt động văn hóa nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc được tổ chức định kỳ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Phong trào TDTT đạt nhiều giải thưởng cấp tỉnh. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện đã có nhiều cố gắng phủ sóng toàn huyện, trên 90% dân số trong huyện được xem truyền hình.

3. Quốc phòng - an ninh: kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định về chính trị và an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Công tác xây dựng lực lượng DQTV bảo đảm về số lượng, chất lượng và đạt tỷ lệ 2% so với dân số. Đã tập trung xây dựng, củng cố các đơn vị DBDV, đại đội dân quân cơ động, đạt yêu cầu, công tác tuyển quân hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu được giao.

4. Công tác xây dựng Đảng: toàn huyện có 1.415 đảng viên (nữ: 374 đ/c, dân tộc thiểu số: 375 đ/c), sinh hoạt tại 42 tổ chức cơ sở đảng. Các tổ chức đảng đã nêu cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, nhiều tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh (năm 2004 có 53% TCCSĐ đạt TSVM, 97,7% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ).



SĐ 80



CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 82753



Vì ích nước, lợi nhà
hãy mua
vé số Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Tài

TIẾN
le&B
82232

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Phục
Cộng
Thị
kết

G BẢO
THIỆT

Minh

Đài



UNIV. OF MICH.

APR 13 2006

CURRENT SERIALS

6

3-2006

Digitized by Google



Đ/c SIU MIÊN
Bí thư Huyện ủy

HUYỆN CHƯ SÊ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, cán bộ và nhân dân các dân tộc huyện Chu Sê với truyền thống đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực, đưa huyện ngày càng vững bước đi lên. Cụ thể:

1/Về kinh tế: nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng và có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm là 11,7%, (NQĐH đề ra là 8%), trong đó: nông-lâm nghiệp tăng 8,4%, công nghiệp- xây dựng cơ bản tăng 23,2%, thương mại- dịch vụ tăng 30%. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,78 lần so với năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đúng định hướng; đến năm 2005, ngành nông- lâm nghiệp chiếm 74,8%, giảm 11,2%; công nghiệp- xây dựng cơ bản chiếm 12,75%, tăng 4,93%; thương mại- dịch vụ chiếm 12,45%, tăng 11,05% so với đầu nhiệm kỳ. Thu nhập bình quân đầu người 5,136 triệu đồng, tăng 2,036 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ và tăng 1,136 triệu đồng so với Nghị quyết Đại hội VI. Tỷ lệ huy động giá trị sản xuất vào ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện bình quân 5 năm là 5%.

2/Về văn hóa- xã hội:

- Giáo dục: đến cuối năm 2005, toàn huyện có 11/19 xã, thị trấn được phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đã huy động được 98% trẻ em trong độ tuổi đến trường.

- Công tác y tế: có nhiều tiến bộ rõ rệt, các chương trình y tế quốc gia triển khai có hiệu quả, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 32,5%, giảm 9,9% so với đầu nhiệm kỳ; 100% số dân trong toàn huyện dùng muối i-ốt; 60% số xã có bác sĩ; 100% thôn, làng có nhân viên y tế cộng đồng.

- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao: đã xây dựng được 96 làng văn hóa (42%) và 11 000 gia đình văn hóa. Việc bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được chú trọng. Đã phủ sóng truyền thanh, truyền hình ở tất cả các xã, thị trấn. Các hoạt động thể dục - thể thao ngày càng phát triển sâu rộng.

- Các hoạt động xã hội có nhiều tiến bộ: tỷ lệ tăng dân số hàng năm đạt 2,23%; tỷ lệ hộ đói nghèo giảm bình quân hàng năm 3,45%, đến năm 2005 giảm còn 11,7%, giảm 17,28% so với đầu nhiệm kỳ.

3/Công tác xây dựng Đảng: đến cuối tháng 9/2005 toàn Đảng bộ có 1.566 đảng viên, bình quân hàng năm kết nạp trên 70 đảng viên. Trong nhiệm kỳ đã xóa được 10 thôn làng, tổ dân phố chưa có đảng viên, tăng 25% so với nhiệm kỳ trước/.

Địa chỉ
Huyện ủy:
Thị trấn Chu Sê,
huyện Chu Sê,
tỉnh Gia Lai.
Điện thoại:
(059) 851 130
851 133



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 752

6

3-2006

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú

tại miền Trung :

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú

tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



*Bìa 1: Tuổi trẻ huyện Yên Hưng
(Quảng Ninh) ra quân trồng cây
chấn sùng, làm sạch đẹp bãi biển*

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG - Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững	3
NGUYỄN THỊ DOAN - Gắn chặt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VŨ DƯƠNG NINH - Vấn đề thời cơ trong tiến trình hội nhập quốc tế	13
NHỊ LÊ - Tiếp tục phát triển con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam	18
ĐOÀN VĂN THÁI - Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên hiện nay	24
ĐẶNG CẢNH KHANH - Một vài suy nghĩ về văn hóa thanh niên	27
NGUYỄN THỊ MỸ TRANG - Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên hiện nay	32

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGÔ XUÂN LỊCH - Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu III	37
NGUYỄN THỊ LAN - Đà Nẵng tạo sự đồng thuận trong quá trình phát triển thành phố	42
TRIỀU HẢI HOÀNG - Cục thuế anh hùng của thành phố anh hùng	47
NGUYỄN HÙNG - THANH PHƯƠNG - Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam	52

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGÔ THÀNH DƯƠNG - Bàn về khái niệm xã hội hóa	57
ĐÀM KIẾN LẬP - Mấy suy nghĩ về đảng viên làm kinh tế tư nhân	60

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

HOÀNH NHỊ - Cũng là tiếp tay cho tham nhũng	64
---	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

PHÙNG THỊ HOAN - Công xã Pa-ri - nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới	66
--	----

TÌNH HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng	71
- Hội nghị toàn quốc kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)	71

СОДЕРЖАНИЕ

• ДО НГУЕН ФЫОНГ: Наука и технология в деле за ликвидацию голода, снижение уровня бедности и устойчивое развитие • НГУЕН ТХИ ЗОАН: Тесная связь инспекционной и надзорной работы парком с процессом акционирования государственных предприятий. • ВУ ЗЫОНГ НИНЬ: Вопрос благоприятных возможностей в процессе международной интеграции. • НИ ЛЕ: Дальнейшее развитие социалистического пути во Вьетнаме. • ДОАН ВАН ТХАЙ: Государственное управление и молодёжная работа в настоящее время. • ДАНГ КАНЬ ЮАНЬ: Некоторые мнения о культуре молодёжи. • НГУЕН ТХИ МИ ЧАНГ: Создание культурного образа жизни для молодёжи в настоящее время. • НГО СУАН ЛИТЬ: Партийная работа, политическая работа в вооружённых силах Третьего военного округа. • НГУЕН ХУНГ – ТХАНЬ ФЫОНГ: Сектор, имеющий иностранные инвестиции и экспортная деятельность Вьетнама. • ФУНГ ТХИ ХОАН: Парижская Коммуна – первое пролетарское государство в мире.

CONTENTS

• ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: Science and technology in the cause of famine cancellation, poverty reduction and sustainable development. • NGUYỄN THỊ DOAN: Closely connecting Party committees' inspection and supervision with the process of state enterprises' equitisation. • VŨ DƯƠNG NINH: The problem of an opportunity in the process of international integration. • NHỊ LÊ: Continuously developing the Vietnamese socialist path. • ĐOÀN VĂN THÁI: State management in regards of the current youth matter • ĐẶNG CẢNH KHANH: Some thoughts regarding the youth culture. • NGUYỄN THỊ MỸ TRANG: Building a cultural lifestyle for contemporary youth. • NGÔ XUÂN LỊCH: The Party and political matters in the armed forces of the Third Military Zone. • NGUYỄN HÙNG - THANH PHƯƠNG: That sector with foreign investments and the export activities of Vietnam. • PHÙNG THỊ HOAN: The Paris Commune - the first proletarian state in the World.

SOMMAIRE

• ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG : Les sciences et technologies dans l'œuvre d'éradication de la famine et de réduction de la pauvreté et le développement durable. • NGUYỄN THỊ DOAN : Lier étroitement le contrôle et la surveillance de la section du Parti au processus de mise en actionnariat des entreprises d'Etat. • VŨ DƯƠNG NINH : La question d'opportunité dans le processus d'intégration internationale. • NHỊ LÊ : Poursuivre la voie socialiste au Vietnam. • ĐOÀN VĂN THÁI : La gestion étatique concernant le travail à l'intention des jeunes à l'heure actuelle. • ĐẶNG CẢNH KHANH : Quelques réflexions sur la culture chez les jeunes. • NGUYỄN THỊ MỸ TRANG : Édifier le style de vie culturel pour la jeunesse d'aujourd'hui. • NGÔ XUÂN LỊCH : Le travail du Parti et le travail politique dans les forces armées de la III^e circonscription militaire. • NGUYỄN HÙNG - THANH PHƯƠNG : Le secteur aux capitaux étrangers et les activités d'exportation du Vietnam. • PHÙNG THỊ HOAN : La Commune de Paris – premier Etat prolétarien dans le monde.

SUMARIO

• ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: La ciencia y la tecnología en la obra de liquidar el hambre y disminuir la pobreza y en el desarrollo estable. • NGUYỄN THỊ DOAN: Ligar estrechamente el trabajo de control y supervisión realizado por las instancias del Partido con el proceso de capitalización por acciones practicada en las empresas estatales. • VŨ DƯƠNG NINH: El asunto de oportunidad en el proceso de integración internacional. • NHỊ LÊ : Continuar el desarrollo del camino socialista vietnamita. • ĐOÀN VĂN THÁI: La administración estatal hacia el actual trabajo juvenil. • ĐẶNG CẢNH KHANH: Algunas ideas sobre la cultura juvenil. • NGUYỄN THỊ MỸ TRANG: Construir un estilo de vida cultural a los jóvenes en la actualidad. • NGÔ XUÂN LỊCH: El trabajo partidista, el político practicado en las fuerzas armadas de III Zona Militar. • NGUYỄN HÙNG - THANH PHƯƠNG: El sector de inversión extranjera y las actividades exportadoras de Vietnam. • PHÙNG THỊ HOAN: La Comuna de París – primer estado proletario en el mundo.

目录

• 杜元方：扶贫和可持续发展事业中的科学与技术 • 阮氏端：党委的检查、监督工作必须与国企改革进程紧密结合 • 武杨宁：与国际社会接轨的时机问题 • 珥黎：继续发展越南社会主义道路 • 段文泰：国家管理在当今青年工作的作用 • 邓景卿：有关青年文化的一些思考 • 阮氏美庄：给当今青年树立文化生活方式 • 吴春历：第三军区武装力量中的党政工作 • 阮雄一清方：拥有外资的区域对于越南出口的影响 • 冯氏欢：世界上第一个无产阶级国家——巴黎公社。



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SỰ NGHIỆP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG *

TRONG sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững, khoa học và công nghệ luôn có vai trò hết sức quan trọng. Vấn đề này đã được Đảng ta khẳng định ngay từ năm 1981 trong Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật và sau đó được khẳng định lại trong văn kiện các Đại hội Đảng cũng như trong nhiều nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Dưới ánh sáng của các chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về việc đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội mà trước hết là góp phần xóa đói giảm nghèo, ngành khoa học và công nghệ cùng với các ngành liên quan và các địa phương trên cả nước đã và đang triển khai có hiệu quả công tác ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống thông qua nhiều kênh như:

- Khoa học và công nghệ tham gia tích cực vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của từng địa phương. Trong các chương trình mục tiêu quốc gia như *Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm* (Chương trình 135), *Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*, *Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình* thì khoa học

và công nghệ đóng vai trò then chốt, từ việc triển khai các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đến việc hỗ trợ phát triển chăn nuôi, trồng trọt cho bà con nông dân ở các xã nông thôn, miền núi.

- Nhà nước đã cho thực hiện một chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước có tên là *Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ* phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi. Chương trình này đã trải qua 4 năm thực hiện giai đoạn I (2000 - 2004) với trên 100 dự án đã được đánh giá, nghiệm thu và nhân rộng, và Chính phủ đã cho phép tiếp tục thực hiện giai đoạn II (2006 - 2010). Năm 2003 ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương đã dành 5,3% và năm 2004 là 6,7% để tiến hành các dự án xây dựng mô hình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn, miền núi. Ngoài ra, trong Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn (Chương trình KC-07) cũng có nhiều đề tài, dự án phục vụ trực tiếp cho công tác xóa đói giảm nghèo ở địa bàn nông thôn, miền núi.

* GS. TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

- Các viện nghiên cứu, các trường đại học và nhiều tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cũng đã tiến hành nhiều đề tài, dự án để chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông thôn, miền núi phục vụ cho công cuộc xóa đói giảm nghèo. Thí dụ, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống điều bằng phương pháp vô tính, đưa năng suất tăng lên 800 kg/ha (gấp đôi giống điều cũ về năng suất và gấp 6 lần về tỷ lệ sống), cung cấp hàng triệu cây điều giống chất lượng cao cho khoảng 15.000 ha đất cát trắng của vùng Nam Trung Bộ, tạo ra giá trị gia tăng 60.000 tấn điều, tương đương 900 tỉ đồng/vụ, góp phần thiết thực xóa đói giảm nghèo tại các tỉnh Nam Trung Bộ. Viện Cây lương thực và cây thực phẩm đã nghiên cứu thành công giống cà chua lai, đưa chuột lai, áp dụng cho hầu hết các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Mô hình trồng dưa chuột lai quy mô 50 ha tại Kim Bảng, Hà Nam đã cung cấp hơn 2.000 tấn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo ra 40.000 công lao động, mang lại thu nhập cho nông dân khoảng 35 - 40 triệu đồng/ha.

- Các tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương như các trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ,... cũng đóng góp rất nhiều công sức trong việc đưa các công nghệ phù hợp với tiểu vùng khí hậu và tập quán canh tác của bà con ở từng vùng. Trong số khoảng 1.800 đề tài, dự án do các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện trong năm 2004 có đến 43% số đề tài, dự án phục vụ trực tiếp cho công tác ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và tập trung vào các ngành nghề như: trồng cây lương thực, trồng rừng; chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi trồng thủy, hải sản; chế biến nông - lâm - hải sản, góp phần tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và gần đây là khuyến công của Nhà nước được thiết lập vững chắc từ trung ương đến cơ sở là kênh chuyển giao, hướng dẫn nhân dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất có hiệu quả nhất hiện nay. Công tác khuyến nông được thực hiện thông qua một mạng lưới khuyến nông viên gắn bó trực tiếp với địa bàn thôn, xã và dưới nhiều hình thức phong phú như "cầm tay chỉ việc", "hội thảo đầu bờ", tập huấn tại chỗ và xây dựng mô hình trình diễn,... ở nhiều địa phương, việc phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật canh tác mới cho nông dân còn được kết hợp chặt chẽ với hoạt động của hệ thống trung tâm học tập cộng đồng ở tuyến xã.

Việc triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các tuyến, các kênh đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống của nhân dân ở vùng nông thôn, miền núi đã mang lại hiệu quả rõ rệt cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xóa đói giảm nghèo mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Sự đóng góp của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

1 - Phát triển khoa học và công nghệ luôn tạo ra những công nghệ mới được ứng dụng trong sản xuất và đời sống, từ đó tạo ra những ngành nghề mới và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, nhất là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Một khi có những ngành nghề lao động mới, có công ăn việc làm thì người dân mới có điều kiện để thoát khỏi đói nghèo. Một trong các thí dụ điển hình là mô hình làng nghề sản xuất nắm đồng bộ từ khâu tạo giống, nuôi trồng, thu hái, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nắm đã được áp dụng ở quy mô 100 - 150 hộ sản xuất trong một làng, sản xuất 200 - 300 tấn nắm/năm, tạo

ra 300 - 400 việc làm mới ở mỗi làng mang lại thu nhập khoảng 3 tỉ đồng mỗi năm. Các nghiên cứu về giống cây lâm nghiệp đã tạo ra hàng trăm triệu cây giống có chất lượng cao bằng các công nghệ mô, hom,... góp phần nâng cao năng suất rừng trồng từ 8 - 10 m³/năm lên 15 - 20 m³/năm, đồng thời đã xây dựng các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh, tạo ra công ăn việc làm ở nhiều vùng nông thôn, miền núi. Khoa học và công nghệ thủy sản đã có những bước phát triển đột phá trong tạo giống và phát triển kỹ thuật nuôi trồng mới, đem lại nhiều ngành nghề mới và công ăn việc làm cho người lao động ở khắp mọi miền trong cả nước, nhất là ở khu vực duyên hải miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Thí dụ, công nghệ nuôi cá rô phi đơn tính đã mang lại doanh thu trên 200 triệu đồng trên diện tích một héc-ta trong vòng 6 - 7 tháng nuôi; công nghệ sản xuất giống nhân tạo loài cá song chấm nâu đã được thực hiện thành công và đang được chuyển giao công nghệ cho các tỉnh ven biển, hứa hẹn tiết kiệm ngoại tệ để nhập con giống và tạo việc làm cho hàng trăm ngàn người.

2 - Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất luôn đưa lại năng suất lao động cao hơn, thực tiễn cho thấy chính nhờ áp dụng giống cây trồng, vật nuôi mới và kỹ thuật canh tác tiên tiến mà năng suất lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn đã tăng lên gấp bội, hàng hóa nông sản với chất lượng cao và năng suất lớn đã giúp tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích lên gấp nhiều lần, góp phần mang lại cuộc sống ấm no cho người dân. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông - lâm - ngư nghiệp đều có những đóng góp lớn trong việc tạo ra công ăn việc làm cho nhân dân các địa phương. Thí dụ tại Bình Phước, kết quả của đề tài "Xây dựng mô hình khuyến nông góp phần xóa đói giảm nghèo" đã xây dựng được mô hình chăn nuôi bò lai Sind, mô hình cây tiêu,

mô hình lúa nước năng suất cao, được nhân dân địa phương hết sức hoan nghênh và tiếp thu trong sản xuất. Các địa phương đã chú trọng hướng vào xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để dịch chuyển cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và phát triển ngành nghề, dịch vụ nông nghiệp theo tinh thần liên kết 4 nhà: nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông và nhà quản lý. Tại nhiều địa phương, các nhà khoa học đã xây dựng và nhân rộng mô hình nông - lâm - ngư kết hợp như rừng + tôm, lúa + tôm, rừng + cá, lúa + cá, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Mô hình cá + lúa đã đem lại giá trị thu nhập cao hơn trồng lúa từ 15% đến 20%. Mô hình nuôi tôm trên cát ở vùng ven biển miền Trung khoảng 1.100 ha, sản lượng đạt 4.800 tấn, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, thiết thực xóa đói giảm nghèo ở các vùng cát ven biển.

Trong điều kiện diện tích đất canh tác trên đầu người thấp, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, khoa học và công nghệ đã tập trung nghiên cứu các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tăng cường bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các nhà khoa học đã tạo ra nhiều giống cây trồng nông nghiệp mới, trong năm 2003 - 2004 đã chọn tạo và đưa vào sử dụng trong sản xuất chiếm tỷ lệ diện tích như: lúa 45,1%; ngô 46,6%; lạc 70,5%; đậu tương 60,4%,... Công nghệ nuôi cấy mô tế bào đã được áp dụng phổ biến để nhân giống một số loại cây trồng như chuối, mía, dứa, khoai tây, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây dược liệu và cây cảnh. Nhiều công nghệ sản xuất giống các loại rau, củ, quả đã được chuyển giao cho sản xuất như cà chua lai, khoai tây...

3 - Nhờ có khoa học và công nghệ mà thông tin về sản xuất và thị trường, bao gồm cả tri thức và kinh nghiệm sản xuất đến được với bà con nông dân, giúp bà con nắm bắt được nhu cầu của thị trường, học tập được các biện pháp

kỹ thuật tiên tiến để áp dụng vào sản xuất. Ngày nay việc người nông dân chăm chú học tập kiến thức khoa học - kỹ thuật, theo dõi các chương trình phổ biến kiến thức trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đã là hiện tượng khá phổ biến ở khắp làng quê nước ta. Bộ Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo triển khai hai hướng đột phá của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa và thông tin thị trường công nghệ. Riêng trong năm 2004 đã có 2.700 tài liệu về kinh nghiệm và kỹ thuật tiến bộ của nông dân được tư liệu hóa, đóng góp một nguồn thông tin quan trọng và có giá trị vào nguồn thông tin chung của mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, hàng chục website của các xã miền núi đã được xây dựng trong khuôn khổ *Dự án thông tin khoa học và công nghệ* phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi.

4 - Khoa học và công nghệ có vai trò to lớn trong việc nâng cao dân trí nói chung và nâng cao nhận thức của người nông dân nói riêng. Nhờ có khoa học và công nghệ mà nhân dân đã nhận thức được tầm quan trọng của công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, từng bước làm giàu trên mảnh đất quê hương. Gần đây, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xác định trong các lực lượng tham gia hoạt động khoa học và công nghệ nước ta có thành phần "các cá nhân thuộc mọi tầng lớp xã hội yêu thích khoa học - kỹ thuật, có sáng kiến cải tiến, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào đời sống" để có hình thức hỗ trợ, thúc đẩy đóng góp của lực lượng này trong việc đưa khoa học và công nghệ phục vụ công cuộc xóa đói giảm nghèo.

5 - Khoa học và công nghệ chính là một chất xúc tác quan trọng góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, và đó chính là tiền đề quan trọng để thực

hiện xóa đói giảm nghèo. Việc chuyển giao mạnh mẽ tiến bộ khoa học và công nghệ về địa bàn nông thôn, miền núi, kể cả các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã giúp bà con nông dân có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống từng bước được cải thiện và nâng cao, từ đó tạo ra được lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, tăng cường được tinh thần đoàn kết dân tộc và đó chính là cơ sở vững chắc của sự ổn định chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, là yếu tố quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng và an ninh ở địa bàn nông nghiệp và nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác đưa khoa học và công nghệ phục vụ xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững cũng còn có những điểm hạn chế nhất định. *Trước hết*, nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo nói riêng của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, dẫn đến sự lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động khoa học và công nghệ ở một số địa phương đôi khi còn chưa thực sự trở thành một nội dung lãnh đạo chủ yếu của các cấp ủy như Đảng ta yêu cầu. *Thứ hai là*, sự phối hợp, lồng ghép giữa các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đôi khi còn lỏng lẻo, làm hạn chế vai trò động lực của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế. *Thứ ba là*, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể trong công tác ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa thật chặt chẽ, nhất là sự phối hợp giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp và hộ sản xuất ở các địa phương. *Thứ tư là*, nhiều quy định về chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về địa bàn nông thôn, miền núi còn thiếu tính khả thi, chưa thật phù hợp với thực tiễn, nhất là sự rườm rà, phức tạp trong các thủ tục

về tài chính của các đề tài, dự án, điều đó có ảnh hưởng nhất định đến việc đưa khoa học và công nghệ về với người dân. Cuối cùng là, còn chậm tổng kết, đánh giá thực tiễn để xem xét rút ra những bài học kinh nghiệm hay về vấn đề dựa vào khoa học và công nghệ để tiến hành xóa đói giảm nghèo.

Trong dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trình Đại hội X của Đảng, Đảng ta khẳng định xóa đói giảm nghèo là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững. Vì vậy, cần đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện xóa đói giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Trong toàn bộ quá trình đó, khoa học và công nghệ tiếp tục có vai trò động lực quan trọng, thúc đẩy nhanh quá trình và mang lại hiệu quả thiết thực theo tinh thần "dựa vào khoa học và công nghệ để tạo ra nhiều việc làm mới, tạo ra nhiều ngành nghề mới và mang lại năng suất lao động cao" cho xã hội.

Để thực hiện tốt hơn nữa vai trò của khoa học và công nghệ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững, trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, các cấp, các ngành và các địa phương tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6, khóa IX về *khoa học và công nghệ*, phải coi khoa học và công nghệ là động lực thực sự để tạo thêm nhiều ngành nghề mới, nhiều công ăn việc làm mới cho người lao động. Các cấp ủy và chính quyền địa phương phải coi công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động khoa học và công nghệ ở cơ sở như là một nội dung lãnh đạo thường xuyên và chủ yếu, coi việc đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống là giải pháp hữu hiệu nhất để xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững.

Hai là, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ và vấn đề bảo vệ môi trường ngay từ khâu lập kế hoạch. Đồng thời, phải đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ cả cơ chế, thể chế quản lý kinh tế lẫn cơ chế, thể chế quản lý khoa học và công nghệ, sao cho phát triển kinh tế và phát triển khoa học và công nghệ thực sự có mối gắn bó hữu cơ, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Ba là, phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là giữa các tổ chức khoa học và công nghệ và các doanh nghiệp và hộ sản xuất ở địa bàn nông thôn, miền núi. Bản thân lực lượng khoa học và công nghệ không thể phát huy tốt vai trò của mình trong công tác xóa đói giảm nghèo nếu thiếu sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, sự điều hành quyết liệt của các cấp chính quyền và sự hưởng ứng, tham gia rộng rãi của các đoàn thể quần chúng.

Bốn là, quy định thật cụ thể và phù hợp với thực tiễn trong việc triển khai các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo và các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, bảo đảm hành lang pháp lý thông thoáng và thuận lợi để các nhà khoa học và các tổ chức có thể đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ về địa bàn nông thôn, miền núi.

Năm là, phát huy năng lực nội sinh của tập thể các nhà khoa học trong nước đi đôi với việc hoàn thiện thiết chế khoa học và công nghệ ở địa phương, cơ sở, nhất là thiết chế khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện, xã. Hiện nay, chúng ta đã có hệ thống giáo dục, y tế, khuyến nông đến tận cấp xã, song hệ thống khoa học và công nghệ mới chỉ tạm thời hoàn chỉnh ở cấp tỉnh và một phần đến cấp huyện... Ở cấp xã đang cần một lực lượng cán bộ có thể làm đầu mối để quản lý, tổ chức triển khai mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho nhân dân. □

GẮN CHẶT CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY ĐỐI VỚI TIẾN TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ DOAN *

SAU cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và nhất là sau chiến tranh thế giới lần thứ II, doanh nghiệp nhà nước phát triển nhanh chóng ở hầu hết các quốc gia, kể cả các nước công nghiệp phát triển. Nhưng đến cuối những năm 60 của thế kỷ XX thì khu vực doanh nghiệp nhà nước ở các quốc gia đã bộc lộ nhiều yếu kém, hạn chế, đặc biệt là về hiệu quả kinh tế. Vì thế, sang đầu những năm 70 của thế kỷ XX, hầu hết các quốc gia đã tiến hành cải tổ, cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, mà trọng tâm là chuyển đổi hình thức sở hữu. Tất nhiên mỗi quốc gia áp dụng các hình thức chuyển đổi khác nhau, chẳng hạn Pháp và Anh thì chủ yếu tiến hành tư nhân hóa - bán doanh nghiệp nhà nước cho tư nhân, còn Tây Ban Nha thì chủ yếu tiến hành cổ phần hóa,... chỉ giữ lại những doanh nghiệp nhà nước thật quan trọng đối với quốc gia. Nhờ đó, các nước đã vực dậy được nền kinh tế của mình và thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển vào chiều sâu. Điều đó, chứng tỏ trong những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, việc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước là đòi hỏi khách quan của thực tiễn và rất quan trọng.

Chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước, mà trọng tâm là cổ phần hóa ở nước ta đã có manh nha từ năm 1987, đến năm 1992, bắt đầu thực hiện thí điểm, năm 1996 tiến hành thực hiện trên diện rộng rồi đến Nghị quyết Trung ương 3 *Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước* và Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX: về "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp nhà nước để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Rà soát, thu hẹp hơn nữa diện các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt thực sự cần có vai trò của kinh tế nhà nước". Như vậy, có thể khẳng định: cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một trong những chủ trương lớn của Đảng trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Để thực hiện chủ trương trên, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định về cổ phần hóa

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

và giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, như: Nghị định 44/1998/NĐ-CP, Nghị định 64/2002/NĐ-CP, Nghị định 187/2004/NĐ-CP và các bộ, ngành đã có nhiều thông tư hướng dẫn để thực hiện các nghị định này. Nhờ vậy, việc thực hiện cổ phần hóa đã thu được những kết quả rõ rệt, góp phần tích cực vào quá trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước vẫn thực sự là nòng cốt bảo đảm những cân đối quan trọng của nền kinh tế quốc dân, góp phần quan trọng vào việc bình ổn giá, ổn định và phát triển thị trường. So với trước khi cổ phần hóa, các doanh nghiệp cổ phần hoạt động hiệu quả hơn và đã thu hút được hàng chục ngàn tỉ đồng của các cá nhân, tổ chức ngoài xã hội vào mua cổ phần đầu tư cho phát triển...

Bên cạnh những thành công, tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều vướng mắc và hạn chế. Tuy càng về sau, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, nhận thức về cổ phần hóa càng đầy đủ hơn và việc thực hiện cổ phần hóa được đẩy nhanh hơn, song vẫn còn chậm so với lộ trình đã đề ra. Tính đến hết năm 2005, số lượng doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa mới đạt 74,5% so với phương án sắp xếp tổng thể của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và điều chỉnh bổ sung thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; chủ yếu mới cổ phần hóa được các doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ nên chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược là các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới và chưa tạo được sự đổi mới mang tính đột phá về quản trị doanh nghiệp, đầu tư, thiết bị, công nghệ sản xuất; chủ yếu mới cổ phần hóa trong nội bộ từ bộ, địa phương mà chưa

có sự chỉ đạo cổ phần hóa và sắp xếp theo ngành trên địa bàn lãnh thổ nên chưa thống nhất được chiến lược kinh doanh; việc giải quyết lao động dư thừa còn gặp nhiều khó khăn; việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa, nhất là giá trị đất đai và tài sản vô hình, trong đó có giá trị thương hiệu còn nhiều tồn tại và vướng mắc;... Mặt khác, mục tiêu của cổ phần hóa là xã hội hóa nguồn lực, trong đó có vốn, nhằm thu hút được mọi nguồn lực, nhất là vốn trong xã hội vào đầu tư phát triển doanh nghiệp nói riêng và đất nước nói chung. Nhưng vừa qua một số doanh nghiệp cổ phần lại không đạt mục tiêu này, mà dường như đã được chuyển thành tư nhân hóa một cách "hợp pháp", làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

Những hạn chế, yếu kém trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, trong đó có nguyên nhân quan trọng là tổ chức đảng, cấp ủy các cấp chưa phát huy hết vai trò lãnh đạo của mình, trong đó có lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ủy ban Kiểm tra các cấp chưa tích cực tham mưu cho cấp ủy để cấp ủy thực hiện tốt vấn đề này; đồng thời, ủy ban kiểm tra các cấp cũng chưa chủ động giám sát, phát hiện các dấu hiệu vi phạm của các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để tiến hành kiểm tra uốn nắn...

Trong bối cảnh cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng phải cạnh tranh quyết liệt ở cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa càng trở nên bức thiết. Tuy nhiên, muốn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và không làm thất

thoát tài sản của Nhà nước cần đề ra hệ thống giải pháp, biện pháp thực hiện đồng bộ, trong đó gắn chặt và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đối với tiến trình cổ phần hóa. Đây là một trong những giải pháp đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm phát triển đúng định hướng đã đề ra, đồng thời bảo đảm giải quyết hài hòa giữa các lợi ích, trong đó có quyền lợi của người lao động và các cổ đông. Song để công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đối với tiến trình cổ phần hóa đạt kết quả với chất lượng và hiệu quả cao, theo chúng tôi cần phải thực hiện tốt một số việc sau:

Trước hết, các cấp ủy phải nhận thức lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hóa là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy. Điều lệ Đảng đã quy định: các cấp ủy có nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Và để tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra của cấp ủy, Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-02-1998, của Bộ Chính trị (khóa VIII) đã nhấn mạnh: Các cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy có trách nhiệm lãnh đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Nội dung và phạm vi kiểm tra, giám sát của cấp ủy có nội dung rất rộng gắn liền với chức năng lãnh đạo của Đảng, nhưng trong tình hình mới cần tập trung vào một trong các nội dung là: kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng về sản xuất, phân phối vật tư, tài chính, tiền tệ,... trong các ngành, các đơn vị trên địa bàn, không phân biệt thuộc địa

phương hay Trung ương quản lý. Kiểm tra thu, chi ngân sách bảo đảm thu đủ, chi đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; kiểm tra việc huy động vốn và cho vay vốn đúng chính sách, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả. Kiểm tra khắc phục những tiêu cực, tham ô, lãng phí, gây thất thoát tiền của, tài sản Nhà nước và nhân dân. Vì vậy, các cấp ủy phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Vì đây chính là nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng... Nó là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với chức năng lãnh đạo của các cấp ủy.

Hai là, từ nhận thức đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình trong lãnh đạo và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc cổ phần hóa mà khắc phục tình trạng một số cấp ủy né tránh hoặc vì quyền lợi cá nhân hoặc của nhóm mà buông lỏng kiểm tra việc cổ phần hóa. Phải biến nhận thức thành hành động thực tiễn, các cấp ủy đảng căn cứ vào phương án tổng thể và lộ trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tình hình cụ thể từng ngành, địa phương để xây dựng chương trình và kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến trình cổ phần hóa. Cùng với tiến trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở doanh nghiệp cũng được đổi mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu. Các quy định này đã tạo điều kiện cho các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp hoạt động. Song vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng ở các loại hình doanh nghiệp thuộc các hình thức

sở hữu khác nhau có phát huy được mức độ, hiệu lực, hiệu quả còn phụ thuộc vào thái độ của người chủ hay người quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, cần tiếp tục cụ thể hóa các quy định về chức năng, nhiệm vụ, trong đó có công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng trong các loại hình doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu khác nhau theo hướng thống nhất và nhất quán giữa các loại hình doanh nghiệp nhằm bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực kinh tế, tránh tình trạng chồng, lấn với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và ban giám đốc, gây khó khăn trong quản lý và phát sinh mâu thuẫn nội bộ. Sự lãnh đạo của Đảng là tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy nhanh và đúng định hướng tiến trình sắp xếp, đổi mới mà trọng tâm là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chứ không phải là can thiệp hành chính vào quá trình đó.

Ba là, gắn chặt kiểm tra, giám sát với tự kiểm tra, giám sát; tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới. Đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, các cấp ủy cần tập trung vào kiểm tra, giám sát các nội dung sau: *Thứ nhất*, kiểm tra, giám sát quá trình xử lý công nợ và việc định giá tài sản doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa, bao gồm cả giá trị đất đai, tài sản trên đất và giá trị vô hình như vị trí, thương hiệu... Vấn đề này có ý nghĩa quyết định để xác định đúng giá trị của doanh nghiệp, ngăn chặn được tình trạng thất thoát tài sản của nhà nước, không để biến tài sản của Nhà nước hay lợi thế so sánh của doanh nghiệp thành tài sản riêng hoặc lợi thế so sánh của một số người. Chính cấp ủy chưa phát huy được vai trò kiểm tra, giám sát quá trình định giá tài sản doanh nghiệp mà nhiều khi cổ phần hóa biến thành chia chác tài sản của Nhà nước và thậm chí biến cổ phần hóa thành tư nhân hóa. *Thứ hai*,

kiểm tra, giám sát quá trình bán cổ phần và thực hiện các chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa, trong đó có vấn đề giải quyết lao động dôi dư. Bảo đảm người lao động phải được mua đúng số cổ phần của mình và trực tiếp được thụ hưởng các ưu đãi mà Nhà nước dành cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa. *Thứ ba*, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Dân chủ ở doanh nghiệp là một đặc trưng cơ bản của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp cổ phần hóa nói riêng ở nước ta. Các cấp ủy ở doanh nghiệp phải lãnh đạo và tổ chức thực hiện Quy chế Dân chủ này, bảo đảm cổ đông phải được thực sự tham gia quản lý doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành, các cấp ủy không trực tiếp kiểm tra doanh nghiệp mà thông qua các tổ chức đảng và đảng viên sinh hoạt ở đó để kiểm tra, giám sát, nếu để cấp ủy các doanh nghiệp cổ phần hóa tự kiểm tra, giám sát thì kết quả sẽ hạn chế. Vì vậy, cần tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức đảng ở các doanh nghiệp cổ phần hóa là rất cần thiết và quan trọng. Muốn vậy, phải quy định trách nhiệm của cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng ở doanh nghiệp cổ phần hóa, trong đó quy định rõ cấp ủy cấp trên phải trực tiếp kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng ở doanh nghiệp trực thuộc cổ phần hóa. Những doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa mà chần chừ không thực hiện, hoặc doanh nghiệp có những sai phạm trong cổ phần hóa thì cấp ủy cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới.

Bốn là, trong hoạt động kiểm tra, giám sát tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cấp ủy các cấp phải lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc phối hợp, kết hợp với kiểm tra, giám sát,

thanh tra của các tổ chức khác. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành. Vì vậy, việc phối hợp, kết hợp là rất cần thiết, đặc biệt là phối hợp với các cơ quan chủ quản (bộ, ngành, địa phương) của doanh nghiệp, các cơ quan chuyên ngành như tài chính, kiểm toán, tài nguyên...

Năm là, phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra các cấp. Theo nghĩa rộng thì kiểm tra, giám sát việc chấp hành và thực hiện tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không phải là nhiệm vụ thường xuyên của Ủy ban Kiểm tra các cấp mà là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy. Ủy ban kiểm tra không thể tự động tổ chức các cuộc kiểm tra doanh nghiệp cổ phần hóa. Nói như vậy, không có nghĩa là Ủy ban Kiểm tra đùn đẩy trách nhiệm, do chưa đủ thẩm quyền để tiến hành kiểm tra, giám sát việc cổ phần hóa.

Nhưng Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước. Mặt khác, Ủy ban Kiểm tra là cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên trách của cấp ủy cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Đảng và tham mưu, giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng. Từ đó, cần nhận thức rõ Ủy ban Kiểm tra các cấp có trách nhiệm rất lớn trong việc bảo đảm hiệu quả cả về kinh tế và xã hội của tiến trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa. Để thực hiện trách nhiệm của mình và góp phần quan trọng vào tiến trình đó, Ủy ban Kiểm tra các cấp phải thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp kiểm tra, giám sát quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và thực hiện tốt công việc cấp ủy giao, liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ủy ban Kiểm tra phải chủ động tham mưu cho cấp ủy tiến hành kiểm tra, giám sát việc cổ phần hóa trên địa bàn và ngành, lĩnh vực mà mình được phân công theo dõi và nếu được cấp ủy giao nhiệm vụ, phải lập tổ kiểm tra, xây dựng chương trình kiểm tra, xử lý cụ thể, nếu vượt thẩm quyền xử lý của mình phải báo cáo cấp ủy cùng cấp và Ủy ban Kiểm tra cấp trên để xử lý dứt điểm. **Thứ hai**, chủ động giám sát, phát hiện dấu hiệu vi phạm trong quá trình cổ phần hóa để tiến hành kiểm tra dấu hiệu vi phạm và phải coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mình. Việc nắm bắt dấu hiệu vi phạm trong cổ phần hóa phải căn cứ vào kết quả kiểm tra của cấp ủy và của Ủy ban Kiểm tra; qua việc giám sát và qua đơn thư phản ánh (hoặc tố cáo) của nhân dân và người lao động trong doanh nghiệp...

Tóm lại, trong tình hình hiện nay ở nước ta kiểm tra, giám sát tiến trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hóa là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng và là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban Kiểm tra các cấp. Nếu buông lỏng kiểm tra, giám sát của Đảng thì cổ phần hóa sẽ không đạt được mục tiêu mong muốn mà thậm chí còn bị chệch hướng. Nhưng cũng cần tránh hai khuynh hướng: **Một là**, coi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là công việc của chính quyền nên Đảng chỉ lãnh đạo chung chung mà không kiểm tra đến nơi đến chốn. **Hai là**, quá nóng vội, muốn cổ phần hóa bằng mọi giá, dẫn đến can thiệp sâu bằng biện pháp hành chính đối với doanh nghiệp. □



VẤN ĐỀ THỜI CƠ TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

VŨ DƯƠNG NINH *

TRONG tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, vấn đề giành và tận dụng thời cơ là một yếu tố vô cùng quan trọng. Điều đó đã được kiểm nghiệm trong thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, trong chiến thắng Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bài viết này đề cập đến vấn đề thời cơ cách mạng từ một khía cạnh khác - thời cơ của sự hội nhập quốc tế, nhìn từ những kinh nghiệm lịch sử nước nhà trong thế kỷ XX.

1- Ngay từ lớp huấn luyện đầu tiên cho lực lượng thanh niên cách mạng năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên một luận điểm quan trọng: Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Có lẽ ngày nay, chúng ta đều coi điều đó là bình thường, hầu như là tất nhiên. Nhưng trở lại những trang sử đấu tranh chống xâm lược cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, có thể thấy rằng các nhà yêu nước tiền bối chưa hẳn đã nhận ra chân lý này. Ngay đến các nhà lãnh đạo phong trào có quy mô lớn như Cần Vương khi đó cũng chưa có ý niệm về tầm nhìn quốc tế.

Các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX đã mở ra phong trào Đông du, muốn tìm con đường mới theo trào lưu duy tân, cải cách tư sản ở bên ngoài. Cụ Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng mới đó, đã vượt qua ý thức hệ phong kiến, bắt đầu tiếp nhận trào lưu tư sản tuy còn rất hạn chế. Hoạt động của các cụ đã đẩy lên một phong trào sôi động về ý thức dân tộc, thức tỉnh tinh thần yêu nước trong quần chúng nhân dân, chuẩn bị đào tạo một lực lượng trẻ làm nòng cốt cho sự nghiệp cứu nước, muốn đưa phong trào yêu nước hội nhập vào trào lưu chung của thế giới. Nhưng những nỗ lực đó đều không thành hiện thực. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự thất bại, song một điều khá rõ là khi đó không có được thời cơ thuận lợi cho sự hội nhập. Quả vậy, khi phong trào Đông du hướng về Nhật Bản, thì đất nước này đã tiến hành cải cách được gần 4 thập kỷ, đã vượt qua nguy cơ bị nô dịch và bước vào hàng ngũ đế quốc, tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược nhà Thanh (1894) và nước Nga (1905). Nghĩa là nước Nhật đã thực sự trở thành một đế quốc với tham vọng bành trướng vùng Đông Á nên chính phủ Nhật dễ dàng bắt tay

* GS, Đại học quốc gia Hà Nội

với thực dân Pháp để loại trừ các nhà cách mạng Việt Nam ra khỏi đất nước họ. Cơ hội mà phong trào Đông du trông đợi ở nước Nhật của thời Duy tân Minh Trị đã qua gần nửa thế kỷ rồi!

2- Vào những năm 20 của thế kỷ XX, với luận điểm cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã nắm bắt trào lưu mới của lịch sử sau Cách mạng Tháng Mười Nga để đưa đất nước đi theo con đường cách mạng vô sản. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản vừa làm nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc, vừa tham gia mặt trận chống phát-xít của nhân dân thế giới. Nhờ vậy, Đảng đã chớp được thời cơ khi phát-xít Nhật đầu hàng để giành chính quyền về tay nhân dân, tuyên bố thành lập quốc gia độc lập. Ngay sau đó, trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã gửi thư đến các cường quốc kêu gọi hai điều: công nhận nền độc lập của Việt Nam; kết nạp Việt Nam dân chủ cộng hòa vào Liên hợp quốc. Nhưng trong bối cảnh thế giới đang diễn ra quá trình sắp xếp lại lực lượng sau chiến tranh, đồng minh cũ đang chuyển hóa thành đối thủ thì lời kêu gọi trên không được đáp trả. Phải đến năm 1949 - 1950, sự phân hóa hai cực bộc lộ rõ với sự ra đời các nhà nước có chế độ chính trị đối lập nhau ở Đông Âu và Tây Âu, Đông và Tây nước Đức, Bắc và Nam Triều Tiên, nhất là sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thì yêu cầu khách quan đặt ra là Việt Nam phải xác lập cho mình một chỗ đứng trên bình diện quốc tế. Trong sự đối đầu giữa hai phe ngày càng gay gắt thì đây chính là thời cơ quan trọng và thuận lợi để Việt Nam quyết định hội nhập vào thế giới xã hội chủ nghĩa. Sự thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 giữa nước ta với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ

nhân dân khác đã khẳng định lập trường của Việt Nam trong thế trận quốc tế đầy phức tạp đó. Chính sự hội nhập này đã được tiến hành đúng thời cơ khi sự phân hóa hai cực đã rõ ràng, và nhờ vậy giành được sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, tạo nên một nhân tố quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta đến thắng lợi.

Thực ra, trong suốt cuộc trường chinh đó, không phải bao giờ nhân tố quốc tế cũng là thuận lợi. Đó là khi Việt Nam rơi vào thế bị bao vây, hầu như cô lập với thế giới bên ngoài sau ngày Độc lập; khi các nước lớn của hai phe theo đuổi sách lược hòa hoãn, nhân nhượng lẫn nhau; khi mâu thuẫn nội bộ phe xã hội chủ nghĩa mà chủ yếu là mâu thuẫn giữa hai đảng lớn ngày càng trở nên gay gắt. Trong tất cả các trường hợp đó, vấn đề Việt Nam luôn bị đặt lên bàn các cuộc mặc cả chính trị giữa các nước lớn. Song nhờ giữ vững mục tiêu đấu tranh vì độc lập và thống nhất, vận dụng mềm dẻo sách lược thêm bạn bớt thù, kết hợp nhuần nhuyễn đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, Đảng ta đã đưa con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, nắm bắt thời cơ thuận lợi nhất để từng bước giành thắng lợi, tiến đến toàn thắng vào mùa Xuân 1975. Bài học đúc kết được chính là sự phát huy yếu tố bên trong và tận dụng yếu tố bên ngoài, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó chính là cảm nang của sự hội nhập quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam hợp lưu cùng dòng chảy chung của nhân loại.

3- Sau 30 năm tiến hành chiến tranh cách mạng, nước Việt Nam thống nhất bước vào thời kỳ khôi phục và xây dựng trong điều kiện hòa bình. Khi đó, thời cơ hội nhập rộng mở trên con đường đi tới, song hình như lịch sử lại diễn ra những điều tưởng như nghịch lý. Nhìn

lại năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới ra đời, chưa được quốc tế công nhận, phải tiến hành cuộc kháng chiến không cân sức và có phần đơn độc. Nhưng chỉ 5 năm sau, tình thế cô lập bị phá vỡ, cách mạng Việt Nam nối liền với phong trào cách mạng thế giới, nước Việt Nam hội nhập vào trào lưu chung của các dân tộc đấu tranh vì độc lập và tiến bộ. Bên cạnh những biến chuyển thuận lợi của trào lưu cách mạng, Đảng và Nhà nước ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt kịp thời vận hội khi đưa cuộc kháng chiến gắn vào trào lưu chung của cuộc đấu tranh chống đế quốc trên toàn thế giới, khi công khai khẳng định mục tiêu đấu tranh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khi xác định lập trường đứng hẳn về phe xã hội chủ nghĩa.

Với thắng lợi năm 1975, nước Việt Nam thống nhất đã thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, gia nhập Liên hợp quốc và bước đầu mở ra quan hệ thương mại, văn hóa trong khu vực Đông - Nam Á. Nhưng chưa đầy 5 năm sau, tình hình hầu như bị đảo ngược, quan hệ đối ngoại của nước ta xấu đi chưa từng thấy. Vẫn còn đó mối mâu thuẫn với chủ nghĩa đế quốc, song phải chăng là bất ngờ khi phải đối mặt với cuộc xung đột giữa những đồng minh năm trước, giữa những quốc gia đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo? Từ vị thế rất cao trên trường quốc tế, từ bối cảnh thuận lợi cho sự hội nhập, nước ta rơi vào tình thế bị bao vây với quy mô lớn hơn, với sự siết chặt ác liệt hơn so với những năm cuối của những năm 40. Vậy điều gì đã xảy ra, câu hỏi đó vẫn chưa có lời giải chính thức. Song cái thực tế bỏ lỡ thời cơ hội nhập, dấu sao cũng là bài học đáng suy ngẫm để rút kinh nghiệm cho mai sau.

Nhưng từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, thế giới chuyển động theo chiều hướng mới, từ đối đầu chuyển sang đối thoại mà trước hết là

sự hòa dịu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. Điều đó gây tác động mạnh mẽ đến Đông - Nam Á, nơi đang là "điểm nóng" có liên quan đến lợi ích của nhiều quốc gia bên trong và bên ngoài khu vực. Xu hướng mới đó đã tạo nên thời cơ để hai khối nước Đông Dương và ASEAN xích lại gần nhau, giảm thiểu sự bất đồng, kiếm tìm sự hòa giải. Đảng ta đã nắm bắt đúng thời cơ này để đưa đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng, cải thiện quan hệ đối ngoại, từng bước hội nhập quốc tế. Đường lối quốc tế và hoạt động đối ngoại trong những năm 1986 - 1991, thời gian giữa hai Đại hội VI và VII của Đảng, có ý nghĩa rất quyết định, tạo đà cho sự phát triển tiếp sau.

Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật và đổi mới tư duy, Đảng ta đã định ra đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới của cách mạng. Trong thời gian này, sự tồn tại của phe xã hội chủ nghĩa vẫn còn đó, Đảng vẫn khẳng định quan hệ với Liên Xô là "hòn đá tảng" nhưng đã ý thức về sự cần thiết mở rộng cánh cửa hội nhập thế giới. Đặc biệt, Hội nghị Bộ Chính trị lần thứ 13 (5-1988) đã đánh giá một cách cơ bản những biến động của thế giới, những xu hướng mới đang xuất hiện và đối sách của Việt Nam với phương châm đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa. Từ điểm đột phá rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam khỏi Cam-pu-chia (1989), vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết từng bước cùng với việc cải thiện quan hệ đối ngoại: khôi phục hoạt động giao lưu với các nước Đông - Nam Á, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên minh châu Âu (EU), thỏa thuận về lộ trình 4 giai đoạn với Hoa Kỳ, tăng cường quan hệ với Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và nhiều nước khác. Với những kết quả bước đầu đó, Đại hội VII (6-1991) chính thức tuyên bố: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong

cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Lưu ý rằng việc định hướng và thực thi đường lối đối ngoại theo tinh thần đổi mới diễn ra trong khoảng thời gian trước khi Liên Xô tan rã. Sự kết thúc chế độ Xô-viết sau gần ba phần tư thế kỷ tồn tại là một thách thức rất lớn đối với nước ta, chẳng những về chính trị, kinh tế mà cả về tư tưởng và quan hệ đối ngoại. Các lực lượng đối lập chờ đợi một biến động tương tự sẽ diễn ra ở Việt Nam vào những năm tiếp theo, nhưng điều đó đã không xảy ra. Trái lại, nước ta đã vượt qua được thách thức vô cùng hiểm nguy đó, tiếp tục mở rộng quan hệ với thế giới, khởi đầu bằng việc tham gia ký Hiệp định Thân hữu và Hợp tác Ba-li (7-1992), trở thành quan sát viên của Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Và tiếp sau đó là các cuộc thăm lẫn nhau giữa các nhà lãnh đạo Việt Nam và nguyên thủ các nước ở Tây Âu, Đông - Nam Á, Trung Quốc, Nhật Bản và nhiều nước khác, tạo nên bầu không khí hữu nghị, mở ra khả năng thương mại và đầu tư rộng lớn. Tình trạng bao vây, cấm vận được tháo gỡ dần để đến tháng 7-1995, Việt Nam gạt hái một vụ mùa bội thu về đối ngoại: ngày 11 thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, ngày 17 ký Hiệp định khung với EU, ngày 28 gia nhập ASEAN, trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội.

Như vậy, trên chặng đường 10 năm đổi mới đầu tiên, quan hệ đối ngoại Việt Nam đã thực hiện thành công hai việc lớn: giải tỏa khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập và bước đầu hội nhập quốc tế. Một trong những nhân tố chủ yếu nhất dẫn đến thành công chính là Đảng ta nắm bắt được thời cơ của sự chuyển động tình hình từ bình diện thế giới đến phạm vi khu vực để từ đó hoạch định đối sách đúng đắn và thích hợp của Việt Nam. Đặt giả thiết rằng, nếu như

trong cuối những năm 80 của thế kỷ XX không có một cách nhìn mới để định ra đường lối đổi mới thì sau khi Liên Xô tan rã, vận mệnh đất nước sẽ ra sao? Chắc chắn rằng trong quan hệ đối ngoại, Việt Nam sẽ rơi vào một tình thế hết sức bất lợi, bởi vì chỗ dựa cũ không còn mà quan hệ mới chưa xác lập; chưa ra khỏi tình thế bị bao vây thì sợi dây cấm vận sẽ siết chặt hơn nữa. Nhưng thực tiễn đã không diễn ra như vậy. Điều đó không phải là sự may rủi mà chính là do sự nắm bắt đúng thời cơ, điều chỉnh đúng chính sách đối ngoại và thực thi đúng phương châm rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Có thể nói, đây là một thành công lớn, có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước và nhờ đó nước ta ngày càng hội nhập với thế giới, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

4 – Từ sau tháng 7-1995, Việt Nam bước vào chính trường quốc tế với một tư thế mới, đã tham gia các tổ chức liên châu lục như Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), ký kết nhiều hiệp định quan trọng về hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục và văn hóa với hầu hết các quốc gia, trong đó có tất cả các nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Liên bang Nga và EU... Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN VI, mở đầu cơ chế hợp tác ASEAN + 3, tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực khắc phục hậu quả khủng hoảng tài chính - tiền tệ và góp phần thúc đẩy Hiệp hội tiến tới Cộng đồng ASEAN với Tầm nhìn 2020. Trên tiến trình hội nhập, Đảng xác định rõ hướng đi là chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Đường hướng đó đã đem lại nhiều kết quả khả quan thể hiện trong sự tăng trưởng cao và đều đặn hàng năm, trong sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu,

sự tăng cường vốn đầu tư của nước ngoài và sự cải thiện mức sống của nhân dân.

Bước vào năm thứ 20 của sự nghiệp Đổi mới và cũng là năm tiến hành Đại hội X của Đảng, Việt Nam đang đứng trước những vận hội mới đồng thời những thách thức mới. Có thể tóm tắt thời cơ ngày nay được thể hiện trong ba nhân tố chính sau đây: *Một là*, khu vực Đông Á và Đông - Nam Á tiếp tục phát triển trong không khí hòa bình, an ninh và ổn định. Đã qua một thập kỷ rưỡi tính từ khi vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, các nước trong khu vực đã ra khỏi tình trạng căng thẳng và nghi ngại, thay vào đó là mối quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đó là môi trường hòa bình tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, điều mà vào cuối những năm 80 được đặt ra như một mục tiêu phấn đấu. Chính đây là nhân tố cơ bản cho sự tập trung lực lượng xây dựng kinh tế và xã hội, cố gắng vượt qua đói nghèo để trở thành một quốc gia công nghiệp. *Hai là*, vị thế quốc tế của Việt Nam đã có sự thay đổi căn bản. Ngày nay, hình ảnh của Việt Nam được khắc họa như một nền kinh tế đang vươn tới với độ tăng trưởng cao, một thị trường hấp dẫn trong quan hệ thương mại và đầu tư, một địa chỉ du lịch an toàn đối với người nước ngoài, một nước chủ nhà đáng tin cậy đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn và đang chuẩn bị tích cực cho việc tổ chức Hội nghị APEC cuối năm nay. Sự tín nhiệm đó tạo nên một lợi thế quan trọng cần được khai thác đầy đủ trong quan hệ quốc tế. *Ba là*, tiến trình toàn cầu hóa nói chung và xu hướng khu vực hóa ở Đông - Nam Á và Đông Á nói riêng đang mở ra những khả năng để Việt Nam nhanh chóng hòa vào dòng chảy chung của nhân loại, xuất khẩu hàng hóa vào những thị trường rộng lớn có sức tiêu thụ cao, khai thác những khả năng về công nghệ tiên tiến phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhìn lại

những năm trước, có thể nói những nhân tố trên chưa có được hoặc rất mờ nhạt khi đất nước bước vào cuộc hành trình đổi mới. Nhưng đến nay, đó chính là thời cơ để đẩy nhanh tiến độ hội nhập quốc tế.

Bao giờ cũng vậy, thời cơ không chỉ đem lại thuận lợi mà kèm theo đó thường tiềm ẩn không ít nguy cơ. Thời cơ là yếu tố khách quan, có nắm bắt được thời cơ, loại trừ được những mặt tiêu cực hay không lại là yếu tố chủ quan... Nhận thức được thời cơ là "điều kiện cần", chuẩn bị sẵn sàng để đón bắt đúng thời cơ là "điều kiện đủ", là yếu tố có tính quyết định. Vấn đề đặt ra vào Tháng Tám 1945, vào Tháng Tư năm 1975 chính là như vậy và vấn đề đặt ra hôm nay đối với dân tộc ta cũng là như vậy.

Nhìn thẳng vào sự thực, chúng ta đón nhận thời cơ trong thế yếu của một nền kinh tế đang phát triển, dù đã đạt nhiều thành tựu nhưng mức sống còn rất thấp so với độ trung bình của thế giới, nguy cơ tụt hậu vẫn còn đó, công cuộc đổi mới kinh tế và cải cách hành chính còn phải qua nhiều chặng đường vất vả, đội ngũ lao động và quản lý từ cấp thấp đến cấp cao đều chưa được chuẩn bị đầy đủ để ứng phó với những khó khăn khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), hội nhập sâu vào thế giới. Rõ ràng là vào sân chơi lớn với những điều kiện rất khắt khe, đất nước ta trong thời cơ mới sẽ phải đối mặt với những thách thức vô cùng khắc nghiệt. Còn ngổn ngang biết bao việc phải làm trên chặng đường phía trước. Song yếu tố con người, sức mạnh của người dân vẫn là điều cơ bản nhất.

Tinh thần dân tộc Việt Nam đã từng thức tỉnh, tạo nên sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập, thống nhất. Đến nay, tình thế đòi hỏi phải thức tỉnh ý thức

(Xem tiếp trang 23)

Tiếp tục phát triển con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam

NHI LÊ

1 - Nhìn lại thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng, con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam với hệ tổ chất của nó càng hiện dần lên qua mỗi chặng đường vận động của dân tộc. Đảng ta khẳng định: **"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"**. Từ con đường với tư cách là mục tiêu, lý tưởng tới con đường là sự vận động hiện thực của đất nước; từ con đường là hiện thực còn sơ khai, tới con đường ngày càng rõ nét, và hoàn thiện hơn, dẫn tới gần mục tiêu hơn, thông qua nhiều bước phủ định biện chứng: phủ định chế độ thuộc địa, nửa phong kiến; phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa trong mỗi bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; phủ định mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ... Và cứ như vậy, chúng ta bước đầu xác lập một khái niệm với nội hàm khá đầy đủ và hệ thống về chủ nghĩa xã hội: Vừa là *mục tiêu lý tưởng* vừa là *sự vận động hiện thực rộng lớn của đất nước* vừa là *một chế độ chính trị – xã hội Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại*.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội gắn liền với độc lập dân tộc không chỉ là vấn đề nguyên tắc mà còn là *sợi chỉ đỏ* xuyên suốt toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. "Những thành tựu trong

việc cụ thể hóa một con đường thích hợp quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là tài sản vô giá của những người cộng sản Việt Nam mà còn là nguồn cảm hứng và tin tưởng đối với những người cộng sản và cách mạng trên toàn thế giới" ⁽¹⁾. Đó là con đường phát triển xã hội có *tính chất rút ngắn biện chứng* mang tính lịch sử - cụ thể và hợp quy luật - hiện thân sinh động và sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh - hiện thực tất yếu và sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thực tiễn Việt Nam. Đó chính là con đường xuất phát từ *thực tế Việt Nam*, thực hiện bằng *phương thức, bước đi* Việt Nam kiến tạo nên xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó cũng chính là *con đường nhỏ* trong con đường lớn toàn nhân loại tất yếu tiến lên chủ nghĩa xã hội, một *bộ phận*, một *biểu hiện cụ thể* của xu thế phát triển tất yếu của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. "Thắng lợi của Việt Nam... có ý nghĩa quốc tế, có tầm quan trọng lịch sử ở mức độ góp phần quyết định tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới" ⁽²⁾.

(1) Lời chào mừng Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 53

(2) A. Li-lốp: "Việt Nam biểu tượng của thế kỷ XX", Báo Nhân Dân, ngày 20-9-2000, tr 5

2 - Tiếp tục vững bước mạnh mẽ trên con đường xã hội chủ nghĩa, trong thế kỷ XXI, Đảng ta chỉ rõ: "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại"⁽³⁾. Ở góc nhìn cụ thể khác: "Đường lối đổi mới trong đó kết hợp kinh tế thị trường với kế hoạch, tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở công nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, là con đường của những người mở đường mới mẻ trong lịch sử... mà chưa một ai đi qua"⁽⁴⁾.

Điểm độc đáo, mới mẻ làm nên bản sắc của con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam là, tiến lên chủ nghĩa xã hội "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa". Đó là con đường *Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, bằng hệ phương thức và bước đi phù hợp với quá trình lịch sử – tự nhiên tiến lên chủ nghĩa xã hội thông qua sự rút ngắn các giai đoạn, bước diễn tiến của nền văn minh loài người* (về thời hạn, nấc thang phát triển...) *dựa trên nền tảng sự tăng trưởng vượt bậc sức sản xuất xã hội*. Chúng ta "bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội theo cách riêng của mình hợp quy luật phổ biến, xuất phát từ thực tế của đất nước và hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đảng ta xuất phát từ thực tế của chính bản thân mình, của đất nước mình, không chịu bất cứ một sức ép nào từ bên ngoài và nhất là không ảo tưởng vào một mô hình tiên nghiệm hay sẵn có nào.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nhưng phải rất tôn trọng quá trình lịch sử – tự nhiên, nhất là quá trình phát triển kinh tế, không thể nóng vội hay chủ quan, duy ý chí đối với quá trình này. Chính vì vậy, Đảng ta kiên quyết đẩy mạnh

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm "bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội thống trị. Sự phát triển "rút ngắn" ở đây được hiểu chính là tiến trình *đẩy nhanh tương đối* quá trình phát triển bằng cách thông qua những *khâu trung gian*, những *hình thức quá độ*, nhất là tăng trưởng kinh tế một cách phù hợp. Đó là *sự phát triển đứt đoạn trong liên tục, tuần tự kết hợp với nhảy vọt biện chứng*. Đảng ta cũng ý thức rất rõ và hoạch định *những bước đi cơ bản và quyết định bảo đảm thành công bước "bỏ qua" một cách biện chứng, nhất là những tính quy luật chung của quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*; quyết tâm phát triển cả về quy mô, tính chất và chiều sâu *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* và coi đây là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều rất mới mẻ và cần nhấn mạnh là, việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa luôn được chúng ta xem là một quá trình *có tính chính trị và văn hóa trước khi là một quá trình kinh tế và công nghệ thuần túy* để tránh cái quy luật "cá lớn nuốt cá bé", "kinh tế vì kinh tế", "tiền vì tiền"... Đó là *lợi thế so sánh tuyệt đối* giữa chế độ xã hội chủ nghĩa với bất kể một chế độ chính trị - xã hội nào khác cùng tiến hành nền kinh tế thị trường.

Mặt khác, tiến lên chủ nghĩa xã hội "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa", Đảng ta cũng ý thức hết sức minh triết việc *phủ định một cách biện chứng và việc chủ động kế thừa và phát triển những thành tựu toàn diện, những kết quả tích cực của chủ nghĩa tư bản, nhất là quá trình phát triển lực lượng sản xuất*. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển hiện nay của

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 84

(4) Lời chào mừng, *Sđd*, tr 53

thế giới, khi quy mô và tốc độ toàn cầu hóa kinh tế đang mở rộng và tăng tốc không ngừng, khi kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ và tạo nên những xung lực mới, những cuộc bút phá, đảo lộn với tốc độ vô cùng lớn; khi nền văn minh chính trị và tiến bộ thế giới không ngừng phát triển...

Nói như các chính khách nước ngoài, rằng: "Điều đó chứng tỏ hùng hồn khả năng của Đảng các đồng chí trong việc xử lý những đổi thay ở trong nước, trong khu vực và trên thế giới, đồng thời giữ gìn bản sắc cách mạng cả về thực tiễn và lý luận" (5); "Việt Nam đã đưa ra định nghĩa chủ nghĩa xã hội là: *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Đây rõ ràng là cái đích mà toàn nhân loại hướng tới"(6).

3 - Để tiếp tục đưa đất nước tiến lên mạnh mẽ và vững chắc trên con đường xã hội chủ nghĩa, trong thế kỷ XXI, đòi hỏi chúng ta chủ động giải quyết hàng loạt vấn đề cơ bản và nhiệm vụ nặng nề vừa chiến lược, vừa cấp bách.

Trước hết, phát triển mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội là, tất cả của con người, do con người, cho con người và vì con người. Sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) thể hiện rõ mục tiêu cao cả và thiêng liêng đó.

Trong sáu đặc trưng đó, có tới *ba đặc trưng* trực tiếp đề cập tới con người: "Nhân dân lao động làm chủ", "con người được giải phóng... phát triển toàn diện cá nhân", "các dân tộc... đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ". Đây chính là *một lợi thế so sánh, một bước tiến quan trọng* trong nhận thức và hành động thực tiễn của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội so với trước đây. Con người Việt Nam vừa là *chủ thể* vừa là *động lực* vừa là *mục tiêu* đồng thời là *thước đo* sự phát triển và là

mệnh lệnh của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Đó là góc nhìn đột phá, mới mẻ về nhân tố con người, trên phương diện xã hội. Nhưng chúng ta biết, toàn bộ đời sống của con người không chỉ có vậy và cũng không phải chỉ thuần túy có quan hệ con người với con người. "Chúng ta, với cả xương, thịt, máu và bộ não của chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên và chúng ta nằm trong giới tự nhiên", do đó, chúng ta không thể "sống bên ngoài giới tự nhiên". Bởi vậy, quan hệ giữa con người với tự nhiên là đặc tính thứ hai tất yếu cùng với quan hệ về mặt xã hội của con người. Loài người đã chứng kiến những sai lầm của mình trong việc đối xử với giới tự nhiên và do đó, phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Và khi môi trường tự nhiên bị phá vỡ thì rất khó nói đến bất cứ một sự phát triển mạnh mẽ và bền vững nào, như đã thấy. Bởi, tai họa không chỉ nảy sinh từ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, mà chính mối quan hệ đó đã biến thành mối quan hệ giữa con người với con người, giữa dân tộc này với dân tộc khác qua những xung đột, tranh chấp nhau về tài nguyên, thậm chí cả không gian tự nhiên... Trên thế giới đã xảy ra như vậy. Ở nước ta, khi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng tiến triển cao thì hiểm họa về môi trường tự nhiên càng cận kề, dù vấn đề này đã được khắc phục.

Cố nhiên, nói tới sự phát triển bền vững, không phải thường hoặc chủ yếu chỉ nhấn mạnh đến các yếu tố tự nhiên, đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, tức đồng thời quan tâm tới các "quan hệ song trùng" cơ bản nhất. Về yếu tố xã hội, lâu nay, thường chỉ nhấn mạnh một vấn đề: cần hạn chế phát triển dân số để giảm sức ép đối với

(5) *Lời chào mừng Đại hội VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 114

(6) *Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 1, tr 113

môi trường. Thực ra, vấn đề phát triển, các yếu tố xã hội, mối quan hệ giữa con người với con người, có ý nghĩa quan trọng không kém các yếu tố tự nhiên, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Không thể giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người với tự nhiên nếu không giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người với con người. Đấu tranh chống tàn phá môi trường, lãng phí tài nguyên không thể tách rời với đấu tranh chống nghèo khổ, chống cơ cấu tiêu dùng phi đạo đức, đồng thời tạo công ăn việc làm cho mọi người đến tuổi lao động, khắc phục nạn thất nghiệp - một nguồn gốc chủ yếu của mọi tiêu cực và tệ nạn khác, đang đi ngược lại yêu cầu của phát triển bền vững. Kết hợp hữu cơ giữa "kinh tế" và "xã hội", giữa "hiệu quả kinh tế" và "hiệu quả xã hội" nhằm ổn định xã hội và phát triển bền vững. Đó là hai mặt của vấn đề phát triển hiện đại mà chúng ta cần nghiên ngẫm.

Muốn phát triển bền vững phải vì con người và do con người; kết hợp yêu cầu của sinh thái tự nhiên với yêu cầu của sinh thái văn hóa, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm chất lượng cuộc sống cho mọi người và công bằng xã hội. Phải bảo đảm *tính công bằng* (về phương tiện và cơ hội tìm việc làm, thu nhập, sử dụng tài nguyên và mức sống), *tính bền vững* (bảo vệ tài nguyên sinh thái) và *tính vì mọi người* (không gây phân cách và xung đột xã hội, mọi người được lao động và hưởng thụ thành quả lao động của mình, được tôn trọng nhân cách...). Phải bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và sinh thái vì lợi ích của mỗi người, của toàn xã hội nhằm tránh cuộc *tái khủng hoảng kinh tế - xã hội* hoặc khủng hoảng có *tính cục bộ* trên con đường phát triển.

Bởi vậy, việc phát triển mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước mắt trong tầm nhìn 2020, càng *không thể không hoạch định vấn đề này*. Đây chính là một điều kiện, một nội dung, một bảo đảm để nước ta *phát triển bền*

vững cả về kinh tế, xã hội và sinh thái. Vì xét cho cùng, giới tự nhiên và lịch sử vẫn là hai yếu tố hợp thành của môi trường trong đó chúng ta sống, vận động và tự biểu hiện. Nói như các chuyên gia nước ngoài, rằng: *Cải cách các khu vực xã hội (...), các vấn đề về môi trường là các vấn đề cần có vị trí cao trong chương trình nghị sự của cả chính quyền Việt Nam lẫn cộng đồng tài trợ. Và nhìn một cách tổng thể, vấn đề trên đây cần được coi là một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm thực hiện bước chuyển Việt Nam từ một xã hội tồn tại sang một xã hội có một hệ thống cơ cấu hài hòa, phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Từ xuất phát đó, kế thừa những thành tựu lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới, có thể xác định mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm *tám đặc trưng* sau:

- Nhân dân lao động làm chủ đất nước;
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu;
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực; hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân *trong môi trường xã hội lành mạnh, hài hòa và môi trường tự nhiên cân bằng, bền vững.*
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ;
- *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;*
- Có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới;
- *Đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bền vững và ngang tầm thời đại.*

Theo đó, *mục tiêu bao trùm và xuyên suốt* sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam, cần bổ sung 2 luận đề, gồm 19 chữ là: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, bền vững và ngang tầm thời đại.*

Thứ hai, các lĩnh vực cơ bản và chủ yếu. Đây là tiến trình xử lý các mối quan hệ giữa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa với đề phòng (và khắc phục, nếu xảy ra) nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa (kể cả toàn bộ lẫn cục bộ) trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội đất nước.

Theo đó, trên con đường xã hội chủ nghĩa, trong hàng loạt *nhiệm vụ rất cơ bản và nặng nề* cần giải quyết, nổi bật những nội dung sau:

a - *Đẩy mạnh một cách toàn diện và cụ thể sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa* nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại, vào năm 2020. Tiếp tục xây dựng một chương trình khả thi cho các ngành công nghiệp then chốt có tính mũi nhọn đột phá; cho nông nghiệp và các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm; cho vùng núi, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số... Xây dựng kinh tế nhà nước vững mạnh đủ sức nắm giữ vai trò chủ đạo, cùng với nó là kinh tế tập thể giữ vai trò là nền tảng của nền kinh tế quốc dân; đồng thời, phát huy cao nhất sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế khác hoạt động lâu dài trong khuôn khổ của pháp luật tạo nên sức mạnh tổng hợp của *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, với xung lực là kinh tế tri thức. *Nâng cao năng lực và hiệu quả chủ động hội nhập kinh tế quốc tế* theo hướng đẩy nhanh tối đa tốc độ nội sinh hóa những sức mạnh từ bên ngoài. *Gắn chặt việc phát triển nền kinh tế với tốc độ cao với việc giải quyết đồng bộ, hiệu quả các vấn đề xã hội, tạo ra môi trường kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh.* Đặt việc phát triển sức sản xuất xã hội lên hàng đầu, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm thúc đẩy xã hội tiến bộ không ngừng và toàn diện, thông qua việc bảo đảm giải quyết tất cả các lợi ích, các

vấn đề phát triển văn hóa, xã hội một cách đúng đắn, hài hòa và vững chắc.

b - *Đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị* ngang tầm yêu cầu phát triển của đất nước, trước hết không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm then chốt gắn chặt với việc xây dựng *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xã hội công dân* thông qua một thiết chế thích hợp và hiệu quả. Tất cả phải nhằm tới mục tiêu tăng cường sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới.

c - *Củng cố nền an ninh - quốc phòng* hùng mạnh, chủ động đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong bất cứ tình huống nào.

d - *Tăng cường công tác đối ngoại* theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế với tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước, "không gây thù oán với một ai", như Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn.

Thứ ba, phương châm, cách thức và bước đi. Con đường và cách thức đi tới mục tiêu trên phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ sự *kiên định* về chiến lược với sự *uển chuyển* và *mềm dẻo* về sách lược. Căn cứ vào tình hình cụ thể mỗi giai đoạn để quyết định lựa chọn những phương thức thực hiện phù hợp và hiệu quả. Mặt khác, thận trọng lựa chọn đúng, trúng những mắt khâu *trọng điểm*, có tính chất *đột phá*, tập trung sức đủ mạnh giải quyết một cách dứt điểm, hiệu quả tạo đà giải quyết *đồng bộ và toàn diện* các vấn đề của đời sống kinh tế, xã hội. *Đổi mới - ổn định - và phát triển* phải được xem là phương châm chỉ đạo hàng đầu; và *phát huy sức mạnh tổng hợp* giải quyết vấn đề một cách đúng hướng, hiệu quả trở thành phương châm quán xuyên toàn bộ và sâu sắc. Tức là xây dựng cho được *văn hóa của sự phát triển xã hội chủ nghĩa*. Coi trọng sự phát triển *tuần tự* kết hợp với *nhảy vọt*

biện chứng hoặc rút ngắn hoặc "đi tắt đón đầu" trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội...

Thứ tư, động lực phát triển của đất nước.

Việc đẩy nhanh tốc độ phát triển của đất nước đúng hướng và mạnh mẽ hay không được quyết định ở chỗ, chúng ta có xây dựng được những *động lực căn bản và đủ mạnh* hay không. Hơn bao giờ hết, *chân lý* "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" *phải trở thành động lực căn bản và mạnh mẽ.*

Nói khái quát, đại đoàn kết không chỉ là *quyết tâm chính trị*, là *bản chất nhân văn đã trở thành truyền thống của Đảng* mà còn là *sức mạnh hiện thực của đất nước*, trở thành *đạo lý sống và phương châm ứng xử của dân tộc Việt Nam*. Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải trở thành *nhân tố quán xuyên và điều chỉnh* tất cả các *quan hệ* "hợp tác và đấu tranh", trong mọi sự *khác biệt và tương đồng* về lợi ích trên tất cả các *phương diện* kinh tế, chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng..., ở mọi bình diện *lợi ích* về chính trị tư tưởng hay vật chất và tinh thần... thông qua một hệ thống chính sách đúng đắn và hiệu quả, tạo thành "nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước". Trong *đại đoàn kết toàn dân tộc*, luôn bảo đảm sự thống nhất và hài hòa các quan hệ phức tạp khác nhau thể hiện tập trung ở các lợi ích khác nhau một cách bình đẳng và cùng tiến bộ giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, cá nhân... phù hợp với lợi ích của toàn thể đất nước. Trong *đại đoàn kết quốc tế*, tiếp tục rộng mở vừa hợp tác vừa đấu tranh có nguyên tắc, trên nền tảng truyền thống bang giao dân tộc và luật pháp quốc tế. Đó là *chiến lược của cách mạng Việt Nam* nhằm giải quyết đúng đắn và hiệu quả mối quan hệ giữa nhân tố *bên trong* và nhân tố *bên ngoài*, giữa nhân tố *nội sinh* và nhân tố *ngoại lực*, giữa nhân tố *chủ quan* và nhân tố *khách quan*... nhằm tạo nên hợp lực to lớn và mạnh mẽ phát triển bền vững đất nước. □

VẤN ĐỀ THỜI CƠ...

(Tiếp theo trang 17)

dân tộc trong sự nghiệp xây dựng đất nước, cảm nhận sâu sắc nỗi nhục của sự nghèo đói mà hậu quả không tránh khỏi là địa vị thấp hèn và phụ thuộc bên ngoài. Chắc chắn rằng tất cả công dân Việt Nam, không ai và không bao giờ chịu chấp nhận bi kịch đó. Cho nên, bước vào chặng đường mới của sự nghiệp đổi mới, một công việc cấp thiết là phải động viên tinh thần quật khởi chống đói nghèo, tạo nên một khí thế mới trong lao động nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất và đời sống. đương nhiên, sự động viên đó phải nhằm xây dựng một xã hội có kỷ cương, công bằng và minh bạch. Muốn phát huy đầy đủ vai trò và trách nhiệm của quần chúng với phương châm "DÂN biết, DÂN bàn, DÂN làm, DÂN kiểm tra" thì điều cần được khẳng định là kết quả cuối cùng phải thuộc về "DÂN hưởng". Chỉ khi đầy đủ 5 điều DÂN (với chữ DÂN viết hoa) thì mới tạo nên nguồn động lực vô biên chống đói nghèo, chống bất công, chống mọi tệ nạn xã hội. Không thể nào chấp nhận một nghịch lý là trong khi hàng triệu người lao động cù làm ra từng sản phẩm, gom góp từng đồng bạc thì lại có một số kẻ ăn cắp công quỹ, tiêu xài lãng phí, làm thất thoát hàng tỉ đồng của Nhà nước. Sự suy thoái về phẩm chất, sự sa đọa về đạo đức của một số ít người đó đã đến mức báo động, nhất là khi nó xảy ra trong hàng ngũ những người có "quyền cao, chức trọng", những người đã từng giơ tay tuyên thệ trước cờ Đảng.

Thời cơ đang ở ngay trước mắt, đang hiển hiện trong đời sống hằng ngày. Nhưng nắm bắt và tận dụng thời cơ lại là yếu tố chủ quan mà nhân dân gửi gắm và tin tưởng vào những quyết định của Đại hội X của Đảng sắp tới. □

Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên hiện nay

ĐOÀN VĂN THÁI *

QUẢN lý nhà nước đối với công tác thanh niên giữ vai trò rất quan trọng. Nó bao gồm các hoạt động lập pháp, lập quy của những cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đề ra các chính sách, pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của công dân liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; là hoạt động quản lý của nhà nước đối với công tác thanh niên trong bộ máy hành chính; là hoạt động điều hành của nhà nước nhằm tổ chức và phối hợp các cơ quan trong công tác thanh niên. Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên còn bao gồm cả các hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các cơ quan, tổ chức trong công tác thanh niên.

Quản lý nhà nước đối với thanh niên và đối với công tác thanh niên cùng có chung chủ thể quản lý là nhà nước, nhưng khác nhau tương đối về đối tượng quản lý và phương pháp quản lý. Điều đó được thể hiện:

Thứ nhất, khi nói đến quản lý nhà nước đối với thanh niên là nói đến quản lý nhà nước thông qua hệ thống pháp luật, chính sách tác động trực tiếp tới những thanh niên cụ thể với tư cách là những công dân; được thể hiện ở những quy định tương đối phân biệt với các đối tượng khác. Còn khi nói đến quản lý nhà nước

đối với công tác thanh niên là quản lý của nhà nước thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, cơ chế, tổ chức bộ máy tác động tới thanh niên với tư cách là một lực lượng xã hội, được tập hợp trong các tổ chức và thông qua tổ chức của thanh niên...

Thứ hai, trong quản lý nhà nước đối với thanh niên, đối tượng quản lý là thanh niên, còn trong quản lý nhà nước đối

với công tác thanh niên, đối tượng quản lý là những tổ chức, những cơ chế, quan hệ phối hợp trong công tác thanh niên. Quản lý nhà nước đối với thanh niên là quản lý trực tiếp của nhà nước đối với thanh niên, còn quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên là quản lý của nhà nước đối với thanh niên một cách gián tiếp thông qua tổ chức hay các chủ thể khác tác động tới thanh niên.

Thứ ba, về phương pháp quản lý. Nếu trong quản lý nhà nước đối với thanh niên, phương pháp chính là mệnh lệnh mang tính quyền lực bắt buộc của chủ thể quản lý, thì trong quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên, bên cạnh phương pháp mệnh lệnh, phương pháp quản lý chính sẽ là phát động, vận động, thuyết phục, tư vấn, hỗ trợ, giúp cho thanh niên hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và tự giác tuân thủ pháp luật và các chính sách liên quan.

Thực tế cho thấy, do đặc điểm của hệ thống chính trị cũng như do đặc thù, tầm quan trọng đặc biệt của đối tượng thanh niên và công tác thanh niên, cho nên nhà nước không thể thực hiện chức năng quản lý thanh niên một cách độc lập, mà tiến hành quản lý thanh niên trong

* Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

sự phối hợp chặt chẽ với các chủ thể xã hội khác, đặc biệt là với các tổ chức thanh niên, các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, có thể hiểu, khái niệm quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên bao hàm cả những nội dung quản lý nhà nước đối với thanh niên. Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên có *đặc điểm* :

Một là, chủ thể quản lý là các cơ quan trong bộ máy nhà nước thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp đối với công tác thanh niên; đối tượng quản lý không chỉ là thanh niên mà còn là các chủ thể xã hội trực tiếp hay gián tiếp tác động đến thanh niên và các chủ thể xã hội tiến hành công tác thanh niên. Các ngành (lập pháp, hành pháp, tư pháp) căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình đều tiến hành công tác thanh niên (thông qua việc ban hành, triển khai thực hiện, giám sát thực hiện và xử lý các vi phạm đến các luật pháp, chính sách thanh niên hoặc liên quan đến thanh niên).

Hai là, ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, công tác thanh niên cũng đồng thời là công tác của Đảng, do Đảng trực tiếp lãnh đạo. Thực hiện đường lối của Đảng, các cấp, các ngành, các tổ chức đều có nhiệm vụ tiến hành công tác thanh niên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình đó, bằng luật pháp, chính sách, cơ chế, tổ chức bộ máy và nguồn lực, Nhà nước quản lý, điều phối các chủ thể xã hội trong tiến hành công tác thanh niên. Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên thông qua các chủ thể xã hội hay có sự tham gia của các chủ thể xã hội, như : Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức chính trị - xã hội khác và các đoàn thể nhân dân... là đặc điểm đặc thù ở nước ta.

Ba là, quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên là một dạng quản lý đối với một lực lượng xã hội cụ thể, mà những vấn đề của nó liên quan trực tiếp đến tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cho nên, đây là một

loại quản lý tổng hợp, đa diện và rất phức tạp, đòi hỏi phải có sự phối hợp hài hòa, thống nhất rất cao giữa các ngành (lập pháp, hành pháp, tư pháp), giữa các bộ phận trong cùng một ngành (ví dụ : giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong ngành hành pháp), giữa các cấp (từ trung ương đến cơ sở), giữa các chủ thể tiến hành công tác thanh niên dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bốn là, đây không chỉ là quá trình áp dụng các chế định pháp luật bắt buộc phải thực hiện đối với thanh niên và tổ chức thanh niên, mà do đặc thù lứa tuổi, cũng đồng thời là quá trình vận động, thuyết phục, tư vấn, hướng dẫn và giáo dục. Nói cách khác, trong quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên, bên cạnh việc sử dụng phương pháp mệnh lệnh hành chính (đôi khi chỉ là thứ yếu), Nhà nước còn sử dụng (có khi là chủ yếu) phương pháp giáo dục, thuyết phục, tư vấn và vận động.

Về *nội dung quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên*, có thể khái quát ở mấy điểm sau: Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên (như : các đạo luật, chiến lược, chương trình, các chính sách nhằm bồi dưỡng và phát huy thanh niên); hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên; chuẩn bị về mọi mặt và tổ chức cho thanh niên tham gia hội nhập quốc tế, đồng thời thực hiện các hoạt động đối ngoại về mặt nhà nước trong lĩnh vực công tác thanh niên; điều phối hoạt động của các chủ thể xã hội khác trong công tác thanh niên.

Trong quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên, *vai trò của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp* cũng được xác định cụ thể, theo đó:

Quốc hội ban hành các văn bản luật liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên;

quyết định ngân sách hằng năm cho công tác thanh niên, đồng thời giám sát việc thực hiện chính sách, luật pháp liên quan đến thanh niên ở các cấp.

Chính phủ ban hành, chỉ đạo thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên. Cụ thể: xác định chương trình mục tiêu công tác thanh niên là một bộ phận trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm hoặc các chiến lược phát triển theo vùng miền; chỉ đạo các bộ, ngành và các cấp chính quyền xây dựng và triển khai chương trình thanh niên thuộc lĩnh vực hay địa bàn quản lý của mình; đồng thời kiểm tra việc thực hiện chính sách thanh niên ở các ngành, các cấp. Chính phủ cũng chủ trì tiến hành các nghiên cứu cơ bản định kỳ về thanh niên làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thanh niên liên quan đến ngành, lĩnh vực mình.

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với thanh niên trong địa phương mình; cụ thể hóa các chính sách thanh niên phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Đoàn Thanh niên và chỉ đạo các ngành chức năng trực thuộc phối hợp với Đoàn Thanh niên cùng cấp trong việc triển khai các chương trình công tác thanh niên.

Các cơ quan tư pháp thực hiện nhiệm vụ xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

Để thực hiện chức năng quản lý của mình, Nhà nước lập ra các cơ quan chuyên trách công tác thanh niên, theo đó cấp trung ương có cơ quan phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên là Ủy ban

quốc gia về Thanh niên Việt Nam; cấp tỉnh, huyện có chuyên viên chuyên trách hoặc phòng, tổ công tác thanh niên giúp việc trực tiếp cho lãnh đạo tỉnh, huyện về công tác thanh niên tại văn phòng ủy ban. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức và điều hành các ngành trong việc tham mưu đề xuất và thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

Bên cạnh việc tiến hành quản lý trực tiếp, Nhà nước còn xác lập cơ chế phối hợp, cộng đồng trách nhiệm đối với công tác thanh niên. Cụ thể:

- Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên do Đoàn làm nòng cốt chính trị trong công tác thanh niên (như: tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; vận động và tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; cử đại diện tham gia hội đồng nhân dân các cấp, tham dự các kỳ họp của các cơ quan lãnh đạo nhà nước bàn về thanh niên và công tác thanh niên; tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách thanh niên...).

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác thanh niên, như: tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; xây dựng và thực hiện chương trình công tác thanh niên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình; vận động thanh niên thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước...

- Phát huy vai trò của các tổ chức kinh tế, xã hội trong công tác thanh niên, như: gương mẫu, chủ động thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên, tham gia giải quyết các vấn đề bức xúc của

(Xem tiếp trang 51)

Một vài suy nghĩ về văn hóa thanh niên

ĐẶNG CẢNH KHANH *

1 – Những đặc trưng của văn hóa thanh niên

Văn hóa thanh niên là một hiện tượng văn hóa đặc biệt gắn liền với tuổi trẻ. Nó là một bộ phận của văn hóa trong xã hội. Trong từ điển xã hội học, người ta xếp nó vào dạng các tiểu văn hóa, tương đương với những tiểu văn hóa khác như tiểu văn hóa dân tộc, tiểu văn hóa gia đình, tiểu văn hóa nghề nghiệp, tiểu văn hóa kinh doanh... Nếu các tiêu chí cụ thể để phân biệt văn hóa thanh niên với các dạng thức văn hóa xã hội khác mặc dù còn chưa thực là rõ ràng nhưng về cơ bản chúng ta vẫn có thể cảm nhận được các sắc thái riêng biệt của nó, thì việc nhận định và đánh giá về văn hóa thanh niên lại là điều khó có thể đi tới thống nhất.

Thực tế xã hội cho thấy, văn hóa thanh niên với các hành vi, lối sống, quan niệm, cảm thụ và sáng tạo văn hóa đặc thù của thanh niên, không phải lúc nào cũng lọt qua được tầm mắt của mọi cư dân xã hội. Đặc trưng đầu tiên và dễ nhận biết của văn hóa thanh niên là tính mới mẻ và khác biệt của nó với những dạng thức văn hóa khác. Chúng ta biết, mọi thanh niên đều mong muốn được tự khẳng định mình. Mong muốn được tự khẳng định cũng khiến cho thanh niên muốn được mọi người nhìn nhận một cách chân thực và đúng đắn về

mình. Để thực hiện được điều đó trước hết, họ cảm thấy cần phải gây sự chú ý của người khác đối với mình. Điều mà những người lớn tuổi có phần cho là lố lăng, kệch cỡm, khác đời trong cách ăn mặc, nói năng, cử chỉ ở thanh niên và vị thành niên chính là sự phản ánh các cách thức gây chú ý nói trên. Bởi vậy, thần tượng của thanh niên nói chung thường không phải là những con người bình thường, giản đơn mà phải là những nhân vật có cá tính rõ rệt, có cử chỉ và hành vi hấp dẫn người khác, có những suy tư và tình cảm độc đáo. Thanh niên cũng không đi tìm những khuôn mẫu lý tưởng từ những gì xưa cũ, nhàm chán. Hình ảnh người nông phu dung dị trong đời thường, ngày này qua ngày khác, không có gì thay đổi, chỉ biết cặm cụi với các công việc cày cuốc, cấy hái, mặc dù có thể tạo được một sự kính trọng nhưng thật khó có thể trở thành mẫu người lý tưởng của những thanh niên ham muốn phấn đấu vươn lên.

Là những người trẻ tuổi, tương lai luôn rộng mở ở phía trước, thanh niên cũng có tâm lý không muốn lặp lại những điều cũ kỹ, đi những quãng đường đã mòn của những người đi trước. Họ thường không thỏa mãn với những gì đã có sẵn, không muốn coi mọi cái như đã an bài. Thêm nữa, họ cũng không có quá nhiều kinh nghiệm với cuộc đời để những kinh nghiệm này có thể trói buộc họ vào sự khuôn cứng

Do vậy, văn hóa thanh niên, dù có mặt này mặt khác, có tiêu cực và có hạn chế nhưng bao giờ cũng là văn hóa của sự sáng tạo và đổi mới. Sáng tạo và đổi mới trở thành đặc trưng cơ bản của văn hóa thanh niên, làm nên bản chất của văn hóa thanh niên. Thực tế lịch sử đã

* PGS, TS, Viện trưởng Viện nghiên cứu thanh niên

cho thấy, ở thời đại nào cũng vậy, tuổi trẻ và sự khám phá luôn đồng hành với nhau trong mọi suy nghĩ, nhận thức và hành vi của thanh niên. Sự đồng hành này biểu lộ ra ngoài qua các giao tiếp văn hóa, tạo thành sự khác biệt giữa văn hóa thanh niên với các dạng thức văn hóa khác.

Chính sự phá bỏ các khuôn phép, mà không phải ai cũng có thể cảm thông và chấp nhận được ấy, đã tạo ra ở văn hóa thanh niên một diện mạo đặc biệt. Văn hóa thanh niên là văn hóa thách thức mọi giới hạn. Ở đây, các quy luật của màu sắc, đường nét và âm thanh dường như không còn chính xác. Các ranh giới của sự sáng tạo đều có thể bị phá vỡ. Trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, văn hóa thanh niên có thể gạt bỏ ra ngoài nhiều nguyên tắc thẩm mỹ cơ bản. Những gam màu hài hòa, dịu mắt thông thường có thể được thay thế bằng những màu chói chang, nhức mắt. Những giai điệu hòa hợp dễ nghe quen thuộc có thể bị xếp đặt lại theo một hệ thống khác khiến người nghe ghê rợn. Tuy nhiên, ở một khía cạnh nhất định, đó lại chính là sự sáng tạo và chỉ có sự trẻ trung của thanh niên mới đạt tới được sự sáng tạo tự nhiên đó.

Chính những đặc trưng về sự đổi mới và sáng tạo của văn hóa thanh niên đã khiến cho nó có được một đặc trưng khác nữa, đặc trưng về sự trẻ trung, sôi động, sự hồn nhiên và trong sáng. Về phương diện này, văn hóa thanh niên đã mang dáng vẻ của một khuôn mặt trẻ thơ đang mở rộng cặp mắt trong sáng hướng về những màu sắc mới mẻ và lung linh của cuộc đời. Trong cặp mắt ấy chứa đựng biết bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu sự ngạc nhiên, bao nhiêu những rung động và phản ứng tự nhiên.

Từ những phân tích xã hội học nói trên, theo chúng tôi, bên cạnh sự định hướng cho thanh niên tới những sự cảm thụ văn hóa lành mạnh, chúng ta, những nhà sư phạm và các bậc ông bà, cha mẹ, cũng không nên quá lo

lắng với những mái tóc vàng hoe, cái ống quần loe rộng ra hay bó chặt lại những tiếng ghi-ta chói tai, tiếng trống muốn vỡ tung các ô cửa sổ... Cần bình tĩnh suy ngẫm, tiếp nhận và cảm thông với những nhịp đập tình cảm trong trái tim của con em mình, dù có thể trong những nhịp đập ấy sẽ có những nhịp sai lệch, nhưng chúng ta cần có sự hiểu biết để điều chỉnh và hướng nó tới những điều tốt lành.

Một trong những đặc trưng quan trọng khác của văn hóa thanh niên là ở tính nhân văn, nhân đạo của nó. Khi mà những vấp ngã và thất bại còn đang ở phía sau của những hồn nhiên và chân thực, sự thù hận còn chưa có chỗ để lẩn át được những yêu thương, chiều chuộng của gia đình và cộng đồng ở tuổi mới lớn, thì những cái nhìn ban đầu của thanh, thiếu niên về cuộc đời vẫn còn đầy chất thi vị của sự nhân ái. Ngoài trừ những trường hợp đặc biệt, nhìn chung, với những đặc trưng riêng biệt của tuổi trẻ, thanh niên thường hướng về con người và xã hội, hướng về các quan hệ xã hội phía trước với ánh mắt thương cảm và sẻ chia. Điều đó tạo nên ở đa số thanh niên những hành vi văn hóa mang tính nhân đạo, cảm thông sâu sắc với con người.

Đa số thanh niên không chấp nhận những hành vi thô bạo với con người, họ dễ xúc động với những số phận con người bị đẩy ải khổ cực, bị xã hội vùi dập, bị tan vỡ, chia lìa trong tình cảm gia đình, bạn bè, người thân... Đa số thanh niên cũng bất bình với những thói hư, tật xấu trong xã hội nhất là những thói hư, tật xấu làm tổn thương tới con người. Những tin tức nhân đạo về các trường hợp đau ốm, tàn tật, nghèo đói, chết chóc trên các phương tiện thông tin đại chúng bao giờ cũng gây được sự chú ý đặc biệt của thanh, thiếu niên. Nhiều người trong số họ mặc dù cũng có nhiều khó khăn trong cuộc sống, không giàu có, khá giả gì nhưng vẫn nhin ăn, nhin mặc để tìm cách hỗ trợ cứu giúp các đối tượng bất hạnh trên.

Chính vì vậy, thanh niên cũng luôn là nhóm xã hội có tính tình nguyện cao. Họ sẵn sàng tham gia một cách vô tư, dưới mọi hình thức vào những phong trào tình nguyện do Đoàn thanh niên và các tổ chức xã hội phát động. Màu áo xanh tình nguyện của thanh niên đã tỏa đi khắp các vùng miền, những vùng sâu, vùng xa, để lại nhiều ấn tượng đẹp đẽ, những tình cảm sâu nặng trong lòng nhiều tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Chính tình cảm trong sáng và nhân đạo với con người của thanh thiếu niên làm nên những nội dung nhân văn, nhân đạo của văn hóa thanh niên. Chúng ta đã từng chứng kiến những nhóm thanh niên Híp-pi ngồi ôm đàn ghi ta, hát những bài ca phản chiến, biểu tình hằng tuần lễ dưới mưa tuyết trước cửa Nhà Trắng để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Chính phủ Mỹ.

Tính nhân đạo và nhân văn, tính hồn nhiên và trong sáng, tính mới mẻ và sáng tạo trong văn hóa thanh niên đã tạo ra một chiều cộng cảm rộng lớn trong thanh, thiếu niên. Trong văn hóa thanh niên, chiều cộng cảm này dường như không có giới hạn. Một kiểu thời trang đẹp, một câu nói có sức thuyết phục, một bản nhạc hay... có thể lan tỏa rất nhanh trong cộng đồng thanh, thiếu niên. Bởi vậy tính cộng đồng là một trong những đặc trưng rất đáng chú ý của văn hóa thanh niên.

Tính cộng đồng trong văn hóa thanh niên xuất phát trước hết từ chính "tâm lý cộng đồng" của thanh, thiếu niên. Sự cộng hưởng giữa nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, nhu cầu biểu hiện mình, nhu cầu sáng tạo với bản chất ngây thơ trong sáng của tuổi trẻ, đã tạo ra sức cuốn hút của văn hóa thanh niên. Chỉ có thanh niên và văn hóa thanh niên mới có thể lôi cuốn được một khối lượng đông đảo con người đến như vậy vào trong dòng xoáy mạnh mẽ của mình. Văn hóa thanh niên mở tung cánh cửa của các nhà hát có chỗ ngồi chỉ vài trăm khán

giả, lôi kéo họ đổ tung ra những quảng trường rộng lớn và tràn đầy khí trời, các sân vận động có sức chứa hàng vạn khán giả, với những dàn đèn la-de làm chao đảo bầu trời, những cột loa có công suất hàng nghìn oát làm rung động cây cỏ thiên nhiên. Nó tạo ra một trường điện từ rộng lớn những cảm xúc đồng điệu của hàng vạn con người, xóa bỏ sự ngăn cách giữa người sáng tác và người cảm thụ, vượt qua giới hạn của ngôn ngữ, ranh giới của các dân tộc và quốc gia đưa con người xích lại bên nhau, sát cánh bên nhau.

2 – Văn hóa thanh niên và các sai lệch văn hóa

Thực tế xã hội đã cho thấy, từ sự ngây thơ trong sáng, sự mới mẻ sáng tạo, đến những sai lệch văn hóa đã không có một khoảng cách lớn trong văn hóa thanh niên. Những lỗ hổng trong kiến thức cơ bản chưa được lấp đầy, những thiếu hụt trong tư duy do hiểu biết vấn đề chưa thật thấu đáo, triệt để, có thể kéo theo những nhận thức và hành vi không đúng đắn, phản văn hóa ở một bộ phận thanh niên. Sự phá bỏ công thức dễ biến thành phá hoại. Sự đổi mới, sáng tạo dễ trở thành manh động, dễ dãi. Sự hồn nhiên, sôi động dễ trở thành bông bột, quậy phá.

Sức mạnh sáng tạo và sôi nổi của văn hóa thanh niên đến mức độ nào thì khả năng sai lệch của nó cũng có thể tương ứng như vậy. Nếu người ta đã ngạc nhiên và bất ngờ như thế nào trước sức mạnh đổi mới của văn hóa thanh niên thì họ cũng sẽ phải ngạc nhiên và bất ngờ như vậy đối với sự lệch lạc của chính nó.

Để trả lời câu hỏi về những nguyên nhân dẫn tới các sai lệch trong văn hóa thanh niên, chúng ta có thể phân tích nó trên hai khía cạnh. *Thứ nhất*, quan hệ của văn hóa thanh niên với tính cách là một tiểu văn hóa với văn hóa chung và với xã hội. *Thứ hai*, bản thân sự chuyển hóa nội tại trong văn hóa thanh niên.

Cũng như tất cả các hình thái ý thức xã hội khác, văn hóa, trong đó có văn hóa thanh niên chịu sự tác động mạnh mẽ của những điều kiện kinh tế - xã hội của xã hội. Sự lệch lạc của văn hóa thanh niên về thực chất là sự phản ánh những lệch lạc của chính xã hội. Một xã hội không biết sửa mình, không biết tự điều chỉnh và hoàn thiện, để các quan hệ xã hội ngày càng trong sáng, lành mạnh hơn thì xã hội đó cũng không có khả năng để giải quyết các lệch lạc trong văn hóa, trong đó có văn hóa thanh niên. Trong trường hợp này, mọi sự thuyết phục, tuyên truyền đơn thuần đều không có tác dụng mạnh mẽ, thậm chí còn có thể tạo ra những phản ứng ngược lại.

Văn hóa thanh niên vừa là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, lại vừa là sản phẩm của chính nền văn hóa của xã hội đó. Bởi vậy, sự lệch lạc của văn hóa thanh niên cũng có những nguyên nhân từ chính nền tảng văn hóa chung của xã hội mà văn hóa thanh niên là một bộ phận cấu thành. Một nền văn hóa chung của xã hội phát triển mạnh mẽ và tiến bộ sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển tiến bộ của văn hóa thanh niên và ngược lại. Một đất nước giữ gìn được những bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếp thu được những mặt tiến bộ trong văn hóa của các dân tộc khác thì đất nước đó cũng có cơ sở để định hướng sự phát triển lành mạnh của văn hóa thanh niên.

Điều này liên quan đến sự phát triển của học vấn và giáo dục, sự hình thành các chuẩn mực và giá trị văn hóa tiến bộ và nhân đạo, sự kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, sự mở rộng khả năng lao động và sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa tinh thần, sự định hướng đúng đắn những cảm thụ văn hóa lành mạnh... Nói một cách tổng quát, cần phải có các chính sách và cơ chế thích hợp, nhằm tác động tới đối tượng thanh, thiếu niên với tư cách là những chủ thể của văn hóa thanh niên,

giúp họ có được những nhận thức và hành vi ngày càng đúng đắn hơn trong giao tiếp văn hóa. Trong trường hợp những mặt nêu trên không được quan tâm, chú ý thì những sai lệch trong văn hóa sẽ xuất hiện.

Ngày nay, trong điều kiện phát triển của xã hội thông tin và toàn cầu hóa, trong những sự biến động phức tạp có phần nhiều loạn của những chuẩn mực văn hóa trên thế giới, việc ngăn chặn những sai lệch văn hóa trong đó có văn hóa thanh niên và ảnh hưởng của nó tới đời sống xã hội là rất cần thiết.

3 – Những định hướng cơ bản phát triển văn hóa thanh niên

Sự hình thành và phát triển văn hóa thanh niên vừa mang yếu tố tự phát vừa mang tính tự giác. Nó tồn tại bất chấp chúng ta có mong muốn hay không mong muốn có sự tồn tại đó. Mặt khác, nó lại mang tính tự giác ở chỗ, cũng giống như bất kỳ một hành vi nào, hành vi văn hóa của thanh, thiếu niên cũng chịu sự chi phối bởi khả năng nhận thức của chính thanh, thiếu niên, thông qua việc họ thực hiện xã hội hóa như thế nào, được nuôi dưỡng, dạy dỗ, giáo dục, tiếp nhận và xử lý các nguồn thông tin từ xã hội ra sao.

Chính vì vậy để có một sự phát triển lành mạnh, trong sáng, văn hóa thanh niên cần phải có được những sự định hướng đúng đắn. Cần có sự chủ động đối với việc phát triển văn hóa thanh niên với tư cách là một tiểu văn hóa, xác định rõ vị trí, vai trò của nó trong chiến lược phát triển văn hóa cũng như chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cần phải nhận thức một cách đúng đắn, khoa học về văn hóa thanh niên cũng như mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa thanh niên với văn hóa xã hội.

Thực tế cho thấy, đến nay, chúng ta vẫn chưa có được những hiểu biết một cách đầy đủ về bản chất cũng như những đặc trưng cơ bản của văn hóa thanh niên, chưa nhìn nhận được

đúng đắn văn hóa thanh niên như là một tiểu văn hóa. Sự thiếu hiểu biết về văn hóa thanh niên đã dẫn chúng ta đến những quan điểm hoặc chưa chú trọng đến một kế hoạch định hướng chỉ đạo, việc phát triển văn hóa thanh niên trên cơ sở tôn trọng những đặc trưng của nó hoặc thậm chí đã phủ nhận sự tồn tại khách quan của nó.

Điều này đã dẫn chúng ta tới những sự lúng túng trong việc xử lý rất nhiều vấn đề về văn hóa thanh niên. Chưa có những hiểu biết đầy đủ về nhu cầu văn hóa của thanh, thiếu niên, chúng ta đã chưa đầu tư thật đúng mức cho việc phát triển các cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa, chưa tạo ra được các sân chơi hợp lý có thể cuốn hút được thanh niên tham gia. Thiếu những hiểu biết về tính đổi mới và sáng tạo trong văn hóa thanh niên, chúng ta cũng đã rất lúng túng khi bắt gặp những "sáng kiến quá đà" trong các sinh hoạt văn hóa của thanh niên.

Không đánh giá được những đặc trưng về sự sôi động trẻ trung của văn hóa thanh niên, rất nhiều người trong chúng ta đã thắc mắc vì sao thanh, thiếu niên đã ít say mê với văn hóa - văn nghệ dân gian, với tiểu thuyết tình cảm kinh điển, với âm nhạc cổ điển. Không ít ông bố, bà mẹ đã nhốt con trong nhà vì e ngại chúng tiếp xúc với những thứ mà họ cho là "văn hóa hè phố" với thứ văn hóa mà họ gọi là "nhạc kích động", là "ánh đèn màu cuồng loạn". Cần phải giáo dục, định hướng để giúp thanh, thiếu niên xa lánh những thứ văn hóa phẩm độc hại, nhưng cũng thật tội nghiệp cho chúng nếu chúng ta cứ ngăn cản sự trẻ trung, sôi động, buộc chúng phải cảm thụ văn hóa theo cách thức của những người lớn tuổi trong nhà hát, trên những hàng ghế bọc da, với cốc cồn và cà vạt, không một chút động cựa và ho hắng để bảo đảm cho sự trong trẻo ngất ngây của tiếng nhạc cao siêu.

Không hiểu biết những đặc trưng về tính cộng đồng của văn hóa thanh niên chúng ta đã có lúc tỏ ra ngỡ ngàng trước sức mạnh lạ lùng của nó. Rất nhiều người trong chúng ta đã không hiểu được vì sao chỉ một trận bóng đá thông thường mà lại có thể lôi kéo hàng vạn thanh niên ra đường, mang trên vai cờ đỏ sao vàng hô vang những khẩu hiệu đầy lòng tự hào dân tộc tới tận đêm suốt sáng. Ngược lại, cũng chỉ vì không hiểu biết về tính cộng đồng trong văn hóa thanh niên, mà chúng ta cũng nhận ra được rằng bản thân thanh niên cũng rất dễ bị lợi dụng, lừa gạt, kích động tham gia vào những hành động mù quáng, gây rối trật tự, phá hoại sự ổn định của xã hội.

Cũng chỉ vì không hiểu được về những lệch lạc có thể diễn ra trong văn hóa thanh niên mà chúng ta đã tỏ ra lúng túng trong việc xử lý rất nhiều tình huống từ thực tế của cuộc sống, đặc biệt là xử lý những thanh niên bị lợi dụng lừa gạt để làm những điều sai trái.

Cần phải xây dựng những định hướng cơ bản cho việc phát triển văn hóa thanh niên với những đặc trưng của nó như là một tiểu văn hóa đặc biệt. Phải đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động trong toàn xã hội để nâng cao nhận thức của mọi người dân, của chính quyền, đoàn thể, cộng đồng và gia đình về văn hóa thanh niên, có chính sách đúng đắn trong việc xử lý mối quan hệ giữa phát triển văn hóa thanh niên với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hóa thanh niên với việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Phải chú ý tới những đặc điểm của văn hóa thanh niên trong việc xây dựng các chiến lược phát triển văn hóa, phát triển nguồn lực con người, tạo điều kiện để phát huy những nhân tố tích cực trong văn hóa thanh niên, hạn chế các mặt tiêu cực, hướng các mục tiêu phát triển văn hóa thanh niên vào các mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

1 - Sự cần thiết phải xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên

Lối sống là một phạm trù xã hội học khái quát toàn bộ hoạt động của một cộng đồng xã hội bao gồm các dân tộc, các giai cấp, các nhóm xã hội và các cá nhân trong những điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định và biểu hiện trên các lĩnh vực của đời sống, trong lao động và hưởng thụ, trong quan hệ giữa người với người, trong sinh hoạt tinh thần và văn hóa. Như vậy, lối sống là một biểu hiện của văn hóa, là một trong những lĩnh vực then chốt của văn hóa.

Lối sống văn hóa là biểu hiện văn hóa của một giai cấp, nhóm hay cá nhân đại diện cho một thế giới quan tiến bộ, hệ tư tưởng tiến bộ và đạo đức phù hợp với lợi ích dân tộc, cá nhân và cộng đồng.

Xây dựng và giáo dục lối sống văn hóa là một việc hệ trọng và công phu, phải được quan tâm trong gia đình tới xã hội đối với thế hệ trẻ. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ" (1). Vấn đề thanh niên và lối sống thanh niên luôn có tầm quan trọng đặc biệt trong mỗi thời đại, đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa VII của Đảng đã chỉ rõ: "...thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của cách mạng" (2). Để thanh niên thực sự xứng đáng và phát huy vị trí, vai trò của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần xây dựng lối sống văn hóa cho đối tượng này. Nhờ có lối sống văn hóa mà xã hội nói chung, thanh niên nói

XÂY DỰNG LỐI SỐNG VĂN HÓA cho thanh niên hiện nay

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG*

riêng phát triển một cách lành mạnh, vững chắc theo hướng *nhân văn*.

Hiện nay, xây dựng lối sống văn hóa là một trong những mục tiêu của xây dựng xã hội mới ở nước ta. Đó cũng chính là nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân lao động trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Lối sống văn hóa thúc đẩy sự phát triển và là một trong những yếu tố quan trọng của sự phát triển bền vững. Nó có ảnh hưởng đến sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa, của việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nền kinh tế thị trường, việc xây dựng lối sống văn hóa nhằm góp phần xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" là điều hợp lô-gíc phát triển. Vì thế, xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên - một nhóm xã hội lớn, đặc thù, là một phần của xây dựng lối sống văn hóa trong cộng đồng xã hội dân cư, phù hợp với

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 167.

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr 82

yêu cầu của việc xây dựng lối sống văn hóa ở nước ta hiện nay.

Nước ta có nguồn nhân lực dồi dào. Cơ cấu dân số nước ta thuộc loại hình cơ cấu trẻ. Đó là ưu thế của chúng ta trên thị trường nhân lực ở khu vực và quốc tế. Thanh niên nước ta chiếm trên 55% lực lượng lao động xã hội và 38% dân số. Trong thực tế, thanh niên là những người góp phần tạo ra cục diện mới cho đất nước. Quân đội bảo vệ Tổ quốc là từ thanh niên, lực lượng lao động và phát triển đất nước cũng là thanh niên; trong lao động sáng tạo, tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ mới, thanh niên đóng vai trò chủ lực. Đó là những ưu thế của tuổi trẻ.

Ở nước ta hiện nay, cơ chế thị trường và sự hội nhập quốc tế, bên cạnh những tác động tích cực to lớn cũng đã bộc lộ mặt trái của nó, ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân ta, trong đó có thanh niên. Hạn chế của thanh niên thường dễ nhận thấy: vốn sống còn ít, thiếu sự từng trải nên cách nhìn nhận vấn đề, giải quyết sự việc, lựa chọn giá trị... ở họ thường mang tính chủ quan, phiến diện..., lại chịu tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và sự hội nhập quốc tế; trong khi đó, việc hướng dẫn đối tượng này lựa chọn những giá trị văn hóa, lối sống văn hóa lại chưa được chú trọng đầy đủ nên họ dễ bị lôi kéo, bị ảnh hưởng của lối sống không văn hóa, phản văn hóa, không có sức đề kháng chống lại những phản văn hóa. Chẳng hạn, lối sống gấp, kích động bạo lực, sống thử trước hôn nhân, thêm khát vật chất, coi nhẹ giá trị tinh thần, quay lưng lại với văn hóa truyền thống của dân tộc... đang là vấn đề nổi cộm trong lối sống của thanh niên hiện nay.

Nội dung công tác xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - một tổ chức chính trị - xã hội to lớn và đại diện cho lợi ích của thanh niên Việt Nam chưa được xác định rõ ràng cho xứng với tầm quan trọng của nó, chưa được tách ra

thành công tác riêng biệt mà chỉ được đặt lồng ghép trong công tác giáo dục của tổ chức đoàn, trong khi lối sống của thanh niên đang có những biến đổi lớn, nhanh và là vấn đề được cả xã hội quan tâm. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về lối sống văn hóa cho thanh niên còn chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, định hướng giá trị và xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên đặc biệt quan trọng và cần thiết, không chỉ giúp cho thế hệ này phát triển toàn diện, xứng đáng là lực lượng xã hội to lớn, có tiềm năng hùng hậu mà còn giúp cho họ không lãng quên quá khứ của dân tộc, kính trọng những thế hệ đã hy sinh xương máu vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc... Bởi vì, nếu rơi vào sự vô ơn, vô đạo đức ấy, tuổi trẻ không thể trở thành người tử tế, lương thiện, là đánh mất gốc rễ nhân văn và văn hóa làm người của chính mình

Trong điều kiện hiện nay, sự biến đổi lối sống xã hội cũng ảnh hưởng rất lớn đến lối sống của thanh niên. Có những biến đổi về quan hệ ứng xử, định hướng giá trị từ gia đình; lại có những hiện tượng tiêu cực xã hội phát triển nhanh mà chưa có cách ngăn chặn có hiệu quả; trong lối sống của một số người lớn tuổi, đã thực sự trưởng thành và có vị trí trong xã hội còn có một biểu hiện chưa gương mẫu cho con em họ noi theo như tham nhũng, sống xa hoa...; các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan văn hóa - nghệ thuật, các thiết chế văn hóa còn chưa làm tốt chức năng của mình, cách làm chưa phù hợp với thanh niên. Thậm chí trên một số báo chí, phim ảnh còn có không ít nội dung thiếu lành mạnh ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống thanh niên. Bên cạnh đó, công tác quản lý thanh niên ở nhà trường, trong gia đình, ngoài xã hội và trong các tổ chức của thanh niên còn chưa chặt chẽ, chưa thật sự có sức thuyết phục, hấp dẫn đông đảo tầng lớp thanh niên... Tất cả những điều đó đều ảnh hưởng và có tác động làm biến đổi lối sống thanh niên, dẫn đến những biểu hiện thiếu văn hóa trong lối sống của họ. Thanh niên là lớp người có

phản ứng nhanh, nhạy bén với cái mới. Vì thế, họ dễ bị ảnh hưởng tiêu cực, dễ xảy ra sự biến dạng về lối sống. Hậu quả sẽ là không dựa trên nền tảng của lối sống chuẩn mực, không phù hợp với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, khóa VIII của Đảng đã chỉ ra. Do đó, xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên đang là đòi hỏi khách quan của việc xây dựng đời sống văn hóa mới, của sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ nhằm đào tạo họ trở thành nguồn nhân lực không chỉ đông về số lượng, trẻ, khỏe... mà còn có chất lượng cao, trở thành những con người có văn hóa, biết phát huy khả năng sáng tạo và nhân lên những ưu thế vốn có của thế hệ mình. Nói cách khác, xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên là góp phần đào tạo nguồn nhân lực quan trọng, cơ bản và thật sự là động lực của sự phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Đó còn là đòi hỏi cần thiết, hữu ích để thanh niên có khả năng chống lại những ảnh hưởng xấu của lối sống phản văn hóa, của chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc. Họ đang là một trong những mục tiêu mà các thế lực phản động nhắm tới.

2 – Những yêu cầu của việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên

Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên hiện nay phải đặt trên nền tảng chung là lối sống văn hóa của dân tộc ta. Tuy nhiên, thanh niên là một nhóm xã hội đặc thù, là một đối tượng cụ thể. Vì vậy, việc xây dựng lối sống cho họ phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

Một là, xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên phải dựa trên cơ sở tâm lý, nhu cầu của tuổi trẻ, được định hướng đúng, được phát triển từ môi trường xã hội đổi mới, nhằm đáp ứng sự trưởng thành của thanh niên và phù hợp với lối sống văn hóa của dân tộc ta trong giai đoạn hiện nay.

Thanh niên là một nhóm xã hội bao gồm nhiều nhóm nhỏ, chia theo nghề nghiệp: thanh niên công nhân, thanh niên nông dân, thanh

niên trí thức, thanh niên học sinh, sinh viên, thanh niên trong các lực lượng vũ trang (công an, quân đội), thanh niên làm công tác văn hóa - nghệ thuật; chia theo thành phần dân tộc có thanh niên dân tộc đa số (dân tộc kinh) và thanh niên dân tộc thiểu số; chia theo địa bàn cư trú có thanh niên đô thị, thanh niên nông thôn, thanh niên miền núi, hải đảo... Do đó, còn cần dựa vào những đặc điểm cụ thể của từng nhóm thanh niên bên cạnh những đặc điểm chung của tầng lớp này nhằm phát huy cái hay, cái đẹp, ngăn chặn, hạn chế và đẩy lùi cái xấu, cái chưa văn hóa trong của từng nhóm thanh niên, giúp họ vừa giữ được lối sống đặc trưng của nhóm mình, vừa có lối sống văn hóa của thế hệ trẻ, của dân tộc.

Mặt khác, phải dựa vào những chỉ số về lao động, sáng tạo khoa học, kỹ thuật, tình bạn, tình yêu, nhu cầu vui chơi giải trí và các nhu cầu khác trong cuộc sống, lý tưởng của thanh niên để xây dựng lối sống văn hóa cho họ. Bên cạnh đó, rất cần chú ý đến *tự do và sáng tạo* - những giá trị cơ bản của lối sống văn hóa. Khao khát sự sáng tạo và yêu cầu dân chủ của thanh niên là đặc điểm nổi bật về nhu cầu ở thế hệ này mà khi xây dựng lối sống văn hóa cho họ chúng ta không thể bỏ qua.

Hai là, dựa trên định hướng giá trị nói chung, định hướng giá trị trong thanh niên nói riêng để xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên. Thực tế cho thấy, sự chuyển đổi định hướng giá trị đã có tác động làm thay đổi các định hướng giá trị khác. Xã hội càng phát triển, sự chuyển đổi giá trị được diễn ra cả về bề rộng, chiều sâu và với tốc độ nhanh, đồng thời chi phối lối sống của các nhóm xã hội và các cá nhân. Đây là vấn đề rất quan trọng và cần thiết trong xây dựng lối sống văn hóa nói chung, lối sống văn hóa cho thanh niên nói riêng.

Định hướng giá trị được xem là thái độ, là sự lựa chọn các giá trị vật chất và tinh thần, biểu thị nhu cầu, hứng thú (sở thích) của con người với một giá trị nào đó. Nó cũng là một trong

những nhân tố quan trọng quyết định điều chỉnh hệ động cơ và nhân cách. Chính định hướng giá trị của các nhóm xã hội khác nhau trong cùng hoàn cảnh kinh tế - xã hội như nhau phản ánh thái độ lựa chọn khác nhau của các nhóm xã hội đối với hiện thực xã hội, tạo nên lối sống riêng có ở mỗi nhóm xã hội. Vì thế, *lối sống có liên quan chặt chẽ với định hướng giá trị*. Lối sống ngày nay được xem là một hệ thống giá trị, góp phần nâng cao chất lượng cho mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia. Định hướng giá trị quyết định cho thanh niên lựa chọn lối sống nào. Do đó, nghiên cứu định hướng giá trị và dựa vào định hướng giá trị của xã hội, của nhóm xã hội thanh niên trong xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên là một yêu cầu tất yếu khách quan.

Ba là, xây dựng lối sống văn minh, lịch thiệp và năng động cho thanh niên. Lối sống này chi phối mọi hoạt động đời sống vật chất và tinh thần của thanh niên trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên có chất lượng cần phải bảo đảm những điều kiện ổn định xã hội, kỷ cương xã hội, phải dựa trên công tác quản lý xã hội, công tác xây dựng và quản lý văn hóa, công tác quản lý và giáo dục thanh niên của Đảng, Nhà nước, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Sinh viên và các cơ quan có liên quan.

3 – Một số biện pháp nhằm xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên nước ta hiện nay

Thứ nhất, coi xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên là trách nhiệm của toàn xã hội, là công việc thường xuyên, *vừa cấp bách, vừa cơ bản, vừa lâu dài* giúp thanh niên biết phân biệt cái có ý nghĩa, cái thiết thân đối với họ với cái vô nghĩa, cái không bản chất trong lối sống. Do đó, Đảng, Nhà nước và xã hội nâng cao nhận thức của mình về vai trò của lối sống văn hóa đối với thanh niên; tăng cường sự lãnh đạo và quản lý của mình đối với thanh niên trong việc

chỉ đạo công tác tư tưởng, định hướng hoạt động, kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động của các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Sinh viên theo định kỳ. Bên cạnh đó, việc gặp gỡ trao đổi, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, tâm tư của thanh niên, giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của họ, có chính sách đãi ngộ, ưu tiên, khen thưởng thỏa đáng với những thanh niên có lối sống đẹp (truy bắt cướp, hy sinh khi làm nhiệm vụ, cứu người bị nạn, thực hiện tốt nghĩa vụ xây dựng Tổ quốc ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn...) của Đảng, Nhà nước có tác động rất lớn đến việc xây dựng lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Thanh niên là lớp người trẻ tuổi, bản thân còn thiếu kinh nghiệm sống lại chịu sự tác động lớn của môi trường xã hội. Do đó, mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, ở các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo nêu gương về văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh. Đó sẽ là những tấm gương mẫu mực, cụ thể, sinh động để thanh niên noi theo.

Thứ hai, xác định chuẩn mực giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xã hội cộng đồng và gia đình trong việc xây dựng môi trường văn hóa. Đây là biện pháp đúng đắn và có giá trị khả thi trong việc xây dựng lối sống văn hóa, văn minh đối với thanh niên, giúp cho họ biết phân biệt, lựa chọn và tiếp nhận những giá trị văn hóa thích hợp cho mình trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giao lưu với thế giới.

Cần nhấn mạnh rằng, vai trò của gia đình có ý nghĩa quyết định đến việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên. Đó là cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường đầu tiên, có tác động một cách trực tiếp và thường xuyên trong việc hình thành nhân cách cho đối tượng này. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: "Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của

xã hội"⁽³⁾. Mặt khác, "xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội" trong giáo dục lối sống văn hóa cho thanh niên, nhất là đối với thanh niên học sinh, sinh viên do tâm lý lứa tuổi của họ và coi đây là lực lượng nòng cốt để giáo dục lối sống văn hóa trong nhà trường.

Thứ ba, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan văn hóa trong việc quản lý văn hóa, xây dựng các thiết chế văn hóa, hoàn chỉnh các văn bản luật pháp về văn hóa, nghệ thuật, thông tin trong điều kiện của cơ chế thị trường nhằm sàng lọc và loại bỏ những nọc độc phản văn hóa có ảnh hưởng xấu đến lối sống của người dân nói chung, đối với thanh niên nói riêng. Bên cạnh đó, nhà trường có nội dung, kế hoạch cụ thể về giáo dục lối sống văn hóa học sinh, sinh viên như: đưa văn hóa truyền thống vào giáo dục trong nhà trường (chèo, cải lương, tuồng...), giáo dục văn hóa thẩm mỹ, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, học tập các gương sáng trong thế hệ trẻ trong công cuộc đổi mới... Các cơ quan thông tin đại chúng nâng cao chất lượng và đưa nhiều gương điển hình về lối sống đẹp của thế hệ trẻ trong các chương trình có liên quan trực tiếp đến xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên như: "Người đương thời", "Hành trình văn hóa"... , thi viết và tìm hiểu về các tác phẩm văn học nói về lối sống đẹp của thanh niên, nêu gương người tốt việc tốt trong thanh niên...

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Sinh viên về nội dung, nhiệm vụ xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên. Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên là nội dung rộng lớn, có liên quan đến nhiều mặt trong hoạt động sống của thanh niên. Vì thế, không thể coi xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên chỉ là nhiệm vụ của công tác giáo dục. Tất cả các bộ phận của các tổ chức thanh niên trong các cơ quan chuyên trách về thanh niên, các tổ chức đoàn trong cơ quan, đơn vị,

trường học, doanh nghiệp... coi xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên là nhiệm vụ của mình chứ không chỉ là nhiệm vụ của bộ phận làm công tác tư tưởng. Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp Thanh niên và Hội Sinh viên cần có chương trình đoàn kết tập hợp đoàn viên, thanh niên cùng tham gia xây dựng lối sống văn hóa cũng như sự phối, kết hợp chặt chẽ của các tổ chức thanh niên này trong việc chỉ đạo chương trình trên. Đây là biện pháp vừa vận động đồng đảo thanh niên tham gia, vừa thống nhất được nội dung xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên.

Các tổ chức rộng lớn của thanh niên nói trên cần tăng cường và tạo ra các sân chơi văn hóa, các hoạt động xã hội phong phú, bổ ích trong việc xây dựng lối sống đẹp cho thanh niên qua việc phối hợp với các cơ quan làm công tác văn hóa, giáo dục, các cơ quan thông tin đại chúng, các đoàn thể xã hội... Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thanh niên, các cuộc vận động, các chương trình... với khẩu hiệu hành động "Tuổi trẻ Việt Nam thi đua học tập, rèn luyện, lao động, sáng tạo, xung kích, tình nguyện xây dựng và bảo vệ tổ quốc", để thanh niên có điều kiện phấn đấu, được rèn luyện trong thực tiễn cuộc sống và tự họ sẽ lựa chọn cho mình lối sống phù hợp nhất, đẹp nhất.

Thứ năm, phát huy và nâng cao vai trò chủ thể của thanh niên trong việc xây dựng đời sống văn hóa cho đối tượng này. Thanh niên là đối tượng cụ thể của việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên và chịu sự tác động của lối sống này. Họ phải có khả năng, ý thức tham gia vào việc xây dựng và điều chỉnh lối sống văn hóa cho mình khi cần thiết. Phương pháp tốt nhất để thanh niên thực hiện vấn đề này là phương pháp *đồng tham gia* trong cả quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện lối sống văn hóa cho chính họ. □

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 116



CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU III

NGÔ XUÂN LỊCH *

QUÂN khu III là địa bàn có vị trí chiến lược trọng yếu cả về kinh tế và quốc phòng của quốc gia; có vùng đồng bằng rộng lớn, có biên giới, biển, đảo; là một trong 3 vùng kinh tế động lực của cả nước, với những thành phố phát triển nhanh, những khu công nghiệp, du lịch lớn và nhiều công trình kinh tế trọng điểm. Thời gian qua, tình hình biên giới, biển, đảo và nội địa trên địa bàn Quân khu III nhìn chung an ninh chính trị ổn định, kinh tế các địa phương tăng trưởng khá, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, lực lượng vũ trang từng bước được cải thiện và nâng cao rõ rệt.

Lực lượng vũ trang Quân khu III thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Đối với nước ta, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, âm mưu "phi chính trị hóa" quân đội; đẩy mạnh hoạt động chống phá, dụ dỗ, lôi kéo một số dân ở địa bàn trọng yếu nhằm kích động ly khai, gây mất ổn định. Bên cạnh đó, địa bàn Quân khu III thời gian qua vẫn còn không ít khó khăn, bức xúc trong lĩnh vực văn hóa - xã hội; tình hình khiếu kiện của một bộ phận nhân dân vẫn xảy ra ở một số nơi, gây ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng và Tổng cục Chính trị, công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu III đã chấp hành nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX: *Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*; luôn bám sát định hướng lớn của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Tổng cục Chính trị, chủ động tham mưu với Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Một số thành công của công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu III trong 5 năm qua, thể hiện:

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong lực lượng vũ trang Quân khu. Đảng bộ và lực lượng vũ trang Quân khu luôn coi việc xây dựng về chính trị, củng cố trận địa tư tưởng của Đảng trong lực lượng vũ trang là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu; tập trung chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc

* Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu III

việc tổ chức giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt, triển khai các nghị quyết của Đảng; tích cực đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận, chính trị; coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, giữ gìn, phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ"; lãnh đạo tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chủ động phát hiện, ngăn chặn và kịp thời đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch. Cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Quân khu luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng chiến đấu; nhất trí cao, tin tưởng tuyệt đối và chấp hành nghiêm túc, sáng tạo đường lối đổi mới; nêu cao ý thức tự lực, tự cường, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đoàn kết nội bộ, gắn bó máu thịt với nhân dân. Trận địa tư tưởng của Đảng trong lực lượng vũ trang Quân khu được củng cố ngày càng vững chắc.

– *Chăm lo xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.* Năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngày càng được nâng cao, nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện nghiêm túc. Công tác phát triển đảng thực hiện đúng phương châm, phương hướng, thủ tục, nguyên tắc. Quân khu đã tổ chức được 638 lớp bồi dưỡng cho 12.186 quần chúng đối tượng đảng, kết nạp 5.223 đảng viên; tổ chức 5 đợt đổi thẻ cho 8.740 đảng viên khối chủ lực và 5.414 đảng viên khối địa phương. Các đơn vị của Quân khu đều tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Đảng ủy Quân sự Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, tổ chức cơ quan chính trị, về công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội; phối hợp chỉ đạo hoàn thành tốt đại hội đảng bộ các cấp, bảo đảm nguyên tắc, quy định, hoàn thành tốt 4

nội dung, đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Đại hội các cấp trong đảng bộ Quân khu đã thực sự phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, đề cao trách nhiệm, tăng cường đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ. Các đồng chí cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị đều được bầu vào cấp ủy với số phiếu tín nhiệm cao.

– *Công tác kiểm tra tích cực, chủ động thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình, phương pháp, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đảng viên.* Các cấp ủy đều có nghị quyết chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra nhiệm kỳ và kế hoạch công tác kiểm tra hằng năm. Cấp ủy các cấp đã kiểm tra 2.655 lượt tổ chức đảng và 25.625 lượt đảng viên. Ủy ban Kiểm tra các cấp được kiện toàn đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Việc xử lý kỷ luật, giải quyết tố cáo nghiêm túc, kịp thời, đúng phương châm, nguyên tắc và nghiêm minh; nên đã sớm ngăn chặn, khắc phục những sai trái; góp phần tạo niềm tin, sự phấn khởi trong đông đảo cán bộ, chiến sỹ.

– *Tích cực chủ động triển khai nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.* Thời gian qua, Quân khu đã triển khai nhiều biện pháp có hiệu quả hướng về đội ngũ cán bộ cơ sở như: mở các lớp đào tạo, chuyển loại, điều động, luân chuyển; ưu tiên điều động học viên tốt nghiệp các học viện, nhà trường về đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Quân khu đã chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chiều sâu, giảm dần số lượng. Quá trình tuyển chọn bám sát quy hoạch và phân hướng sử dụng cán bộ, chủ động tạo nguồn từ các đối tượng. Đã xếp đủ 2 cán bộ chính trị cấp tiểu đoàn (đạt 100%), 2 cán bộ chính trị cấp đại đội (đạt 81,1%) và 90,85% các cán bộ

trung đội. Tuyển cử 7.227 lượt cán bộ đi học các trường, chủ động liên kết với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trường đại học Kinh tế quốc dân đào tạo tại chức cho 190 cán bộ. Hiện nay, cán bộ được đào tạo qua trường là 100% (97,5% qua trường đúng cương vị), 74,6% được đào tạo cơ bản (61% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên, tăng 13,3% so với năm 2001). Công tác điều động, bổ nhiệm, đề bạt và nâng lương tiến hành chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đúng hướng dẫn, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và tạo nguồn cán bộ các cấp.

– Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được triển khai toàn diện, tích cực, chủ động đạt kết quả tốt, góp phần bảo đảm cho lực lượng vũ trang Quân khu vững vàng về tư tưởng, trong sạch về chính trị. Để thực hiện tốt công tác này, Đảng ủy Quân khu đã ban hành quy chế về công tác bảo vệ chính trị nội bộ của lực lượng vũ trang Quân khu trong tình hình mới và các quy định về tăng cường công tác bảo vệ an ninh trong các hoạt động kinh tế đối ngoại, đối ngoại quân sự. Thường xuyên làm tốt công tác xét duyệt tiêu chuẩn chính trị trong tuyển chọn, sử dụng và quản lý nội bộ; kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện giảm sút ý chí, quan điểm sai trái, các mối quan hệ phức tạp để có biện pháp giáo dục; phòng ngừa không để phần tử xấu móc nối, lợi dụng, tuyên truyền phá hoại. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng làm tốt công tác giáo dục bộ đội nâng cao cảnh giác, bảo vệ bí mật, an toàn; đồng thời, tích cực thực hiện cuộc vận động xây dựng đơn vị an toàn gắn với xây dựng địa bàn an toàn. Có 100% đơn vị an toàn tuyệt đối về chính trị và 94,5% đơn vị an toàn chung (năm 2001 tỷ lệ đơn vị an toàn chung là 90,3%). Công tác bảo vệ an ninh trong hoạt động kinh tế đối ngoại, đối ngoại quân sự và an ninh tư tưởng, văn hóa có chuyển biến tích

cực góp phần giữ vững trận địa chính trị, tư tưởng của lực lượng vũ trang Quân khu.

– Triển khai toàn diện và thực hiện có hiệu quả công tác chính sách trong lực lượng vũ trang Quân khu. Thực hiện tốt các chính sách đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp và các nghị định về khám chữa bệnh cho thân nhân sĩ quan tại ngũ. Chính sách hậu phương quân đội và "phong trào đền ơn đáp nghĩa" đi vào chiều sâu, thực sự có hiệu quả thông qua các hoạt động xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ giống, vốn, công cụ sản xuất cho các gia đình đối tượng chính sách và giải quyết tồn đọng sau chiến tranh. Công tác khen thưởng thực hiện tích cực, đúng quy trình với số lượng lớn. Đã báo cáo Bộ Quốc phòng, trình Nhà nước 449 đơn vị và 14 cá nhân đề nghị phong tặng và truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

– Công tác dân vận của lực lượng vũ trang Quân khu được triển khai tích cực, chủ động, sáng tạo, có chiều sâu và đạt hiệu quả thiết thực. Để làm tốt công tác dân vận, Thường vụ Đảng ủy Quân khu đã ra nghị quyết: Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác dân vận của lực lượng vũ trang Quân khu trong tình hình mới. Công tác dân vận đã đi sâu xây dựng cơ sở chính trị địa phương, làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, tham mưu và tham gia trực tiếp củng cố các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở nhiều địa phương; tích cực tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, di tản dân ra các vùng dự án tuyến biên giới, ven biển, hải đảo, "đền ơn đáp nghĩa", xây dựng làng, xã mới... Qua đây, đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường khối đoàn kết quân dân, củng cố lòng tin với Đảng, giữ vững ổn định chính trị,

ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu chống phá của địch.

– *Các tổ chức quần chúng hoạt động tích cực, có hiệu quả góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng vũ trang Quân khu.* Công tác *thanh niên*: thực hiện tốt việc giáo dục lý luận chính trị, giáo dục lý tưởng, truyền thống cho thế hệ trẻ thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, học tập, thi tìm hiểu để nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Các phong trào "Giành 3 đỉnh cao quyết thắng", "3 nhất, 2 dứt điểm" đã thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia. Công tác *phụ nữ* thông qua các đợt học tập và các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tích cực tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ nhận thức chuyên môn, nghiệp vụ cho hội viên. Các phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà", "phụ nữ tích cực học tập, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", "vì phụ nữ khó khăn"... đã phát huy vai trò, trách nhiệm của các hội viên trong thực hiện nhiệm vụ đơn vị. Đặc biệt, phụ nữ lực lượng vũ trang Quân khu tham gia các hội thi toàn quân đều đạt giải cao. Công tác *công đoàn*: Tích cực xây dựng đội ngũ công nhân viên quốc phòng vững mạnh góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, bảo đảm việc làm, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc của người lao động. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, thi đua và xây dựng tổ chức công đoàn đạt kết quả tốt. Tổ chức thi thợ giỏi từ cơ sở đến Quân khu và tham gia thi toàn quân đạt kết quả cao.

– *Thường xuyên chăm lo nâng cao chất lượng cơ quan chính trị, đội ngũ cán bộ chính trị và hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị; đồng thời, tích cực hoạt động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương.*

Cơ quan chính trị các cấp của Quân khu được kiện toàn đủ biên chế, thực hiện nghiêm chế độ nền nếp công tác. Đội ngũ cán bộ chính trị cơ bản ổn định, hằng năm được tập huấn bồi dưỡng theo phân cấp, năng lực công tác được nâng lên. Công tác đảng, công tác chính trị luôn quán triệt chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy và nhiệm vụ của đơn vị; luôn được tiến hành tích cực, chủ động và có hiệu quả; nhất là, sẵn sàng chiến đấu, tuyển quân, huấn luyện, rèn luyện kỷ luật, xây dựng đơn vị chính quy, trong các công ty, xí nghiệp... Hoạt động phối hợp giữa Cục Chính trị Quân khu với các ban, ngành địa phương có nền nếp, đi vào chiều sâu. Hằng năm, Cục Chính trị tổ chức các hội nghị rút kinh nghiệm hoạt động phối hợp với ban Tuyên giáo, Tổ chức, Dân vận, Ủy ban Kiểm tra, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh thành trên địa bàn đạt kết quả tốt. Đây là việc làm thực sự có hiệu quả nhằm phối hợp hoạt động giữa Quân khu và các tỉnh, thành phố trong triển khai thực hiện công tác quân sự, quốc phòng địa phương và xây dựng cơ quan quân sự địa phương vững mạnh.

Năm năm qua, do quán triệt sâu sắc, chấp hành nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, sự chỉ đạo hướng dẫn trực tiếp của Tổng cục Chính trị và luôn bám sát tình hình thực tiễn, thực sự hướng về cơ sở nên lực lượng vũ trang Quân khu III đã hoàn thành xuất sắc công tác đảng, công tác chính trị. Cán bộ, chiến sỹ luôn thể hiện rõ sự vững vàng về chính trị, tư tưởng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng lên rõ rệt; đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn tiên phong, gương mẫu, năng lực công tác được nâng lên; đoàn kết quân dân ngày càng gắn bó; các tổ chức quần chúng hoạt động có nền nếp, hiệu quả; nhiều năm liền, công tác đảng, công tác chính trị của lực lượng vũ trang

Quân khu được Tổng cục Chính trị đánh giá hoàn thành tốt,... thiết thực góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Quân khu.

Những kết quả đạt được của công tác đảng, công tác chính trị của Quân khu thời gian qua có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Đó là, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Nhà nước, Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng; sự nỗ lực phấn đấu cao của cấp ủy, chỉ huy các cấp, của cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Quân khu; sự phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của Quân đội cách mạng; sự phát huy truyền thống "đoàn kết, chủ động, sáng tạo, hy sinh, chiến thắng" của Quân khu; đồng thời, của sự phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ về mọi mặt của cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân các địa phương trên địa bàn Quân khu.

Mặc dù vậy, công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu thời gian qua cũng bộc lộ một số yếu kém, khuyết điểm cần sớm khắc phục như: Công tác tư tưởng ở một vài đơn vị còn chậm đổi mới, đơn giản, thiếu chiều sâu và độ bền vững; một số cán bộ, đảng viên nhận thức, trách nhiệm chưa cao và chưa thật sự nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trước đơn vị; cá biệt còn có đồng chí vi phạm kỷ luật; năng lực lãnh đạo toàn diện sức chiến đấu của một số cơ sở đảng có mặt còn hạn chế, việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ trên một số lĩnh vực công tác cũng chưa triệt để; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chỉ bộ tuy đã được đổi mới về nội dung và phương pháp, nhưng nhìn chung, tính chiến đấu chưa cao; tình hình vi phạm kỷ luật, pháp luật và tai nạn giao thông tuy có giảm nhưng chưa ổn định, vững chắc, hằng năm vẫn còn xảy ra một số vụ việc nghiêm trọng. Việc nắm tình hình và kết quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị của cơ quan và cán bộ chính trị ở một

số đơn vị chưa kịp thời nên chất lượng tham mưu đề xuất còn hạn chế.

Từ thực trạng công tác đảng, công tác chính trị ở Quân khu III trong 5 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục thực hiện tốt hơn các công tác này ở Quân khu thời gian tới là:

- Quán triệt sâu sắc đường lối, chiến lược, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nhiệm vụ chung và nhiệm vụ của cấp mình; phải thấu suốt quan điểm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng, an ninh với kinh tế; chủ động, sáng tạo, thực sự đổi mới tư duy và tác phong công tác, nhất là tư duy về quốc phòng, an ninh, kinh tế.

- Nắm vững quan điểm: xây dựng Quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; trong đó, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở nền tảng nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Thường xuyên xây dựng mối quan hệ đoàn kết, thống nhất cao trong đảng bộ, đơn vị; trước hết là trong cấp ủy, chỉ huy; tăng cường quan hệ gắn bó máu thịt với cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương, tạo thành sức mạnh tổng hợp, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

- Thẩm thấu tư tưởng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trong từng thời gian, thời điểm phải biết tập trung, dồn sức vào những trọng tâm, trọng điểm có tính chất quyết định. Kết hợp chặt chẽ phong trào thi đua quyết thắng trong lực lượng vũ trang Quân khu với các cuộc vận động lớn và phong trào thi đua yêu nước ở các địa phương, tạo động lực to lớn thúc đẩy hoàn thành thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ của Quân khu. □

Đà Nẵng là một trong những đô thị lớn của nước ta, phát triển nhanh, khá toàn diện. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng thời gian qua Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng: GDP tăng 3 lần, đạt tốc độ bình quân trên 11% năm, thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 3 lần. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 4 lần, nông nghiệp tăng 1,5 lần, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực, kim ngạch xuất khẩu tăng 2 lần, vốn đầu tư phát triển tăng gấp 5 lần so với năm trước, các hoạt động văn hóa - xã hội có bước tiến bộ. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự xã hội được giữ vững.

Nhìn lại chặng đường qua, Đà Nẵng đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô, tầm vóc, diện mạo cũng như về trình độ, chất lượng kinh tế, văn hóa góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của đất nước. Trong đó, nổi bật là công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị. Những đại lộ như: Cách mạng Tháng 8; 2 tháng 9; Nguyễn Tất Thành; Phạm Văn Đồng; Nguyễn Văn Linh và nhiều con đường khác đã đổi mới bộ mặt thành phố. Hệ thống điện, đường, trường, trạm ở nông thôn được xây dựng nhanh chóng và khá đồng bộ... Sự phát triển của Đà Nẵng không những là niềm tự hào của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố mà còn được cả nước khen ngợi.

Để đạt được những thành tựu đó là cả một quá trình phấn đấu bền bỉ, kiên cường kế tiếp truyền thống "anh dũng, kiên cường, đi đầu

ĐÀ NẴNG tạo sự đồng thuận trong quá trình phát triển thành phố

NGUYỄN THỊ LAN *

diệt Mỹ" của toàn thể cán bộ, nhân dân thành phố. Nhưng, nguyên nhân cơ bản nhất theo lãnh đạo Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc thành phố Đà Nẵng là có được lòng dân. Bằng những việc làm cụ thể, thực tế và hiệu quả, Đà Nẵng đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Chính sự đồng thuận đó đã trở thành nguồn lực to lớn, ủng hộ, cổ vũ sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố, là hệ phống để Đà Nẵng tăng tốc và cất cánh. Yếu tố quan trọng nhất và có tính chất quyết định là Đà Nẵng đã khơi dậy được sức mạnh của lòng dân, những chủ nhân của thành phố anh hùng, đã đồng thuận và hiệp lực với mọi chủ trương và quyết sách của Đảng bộ, chính quyền thành phố trong công cuộc cải tạo, xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng. Khi nói đến hai từ đồng thuận, người dân và chính quyền Đà Nẵng rất tự hào, coi đó là truyền thống của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sự

* ThS, Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Nghệ An

đồng thuận xã hội đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn đưa đến những thay đổi lớn của Đà Nẵng hôm nay.

Có thể hiểu đồng thuận xã hội là sự đồng tình, ủng hộ, cùng thống nhất ý tưởng, hành động trên cơ sở những điểm tương đồng của xã hội, đồng thời, vẫn chấp nhận những sự khác biệt nhất định. Xây dựng sự đồng thuận xã hội là một chủ trương lớn của Đảng để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong quá trình đổi mới, tư tưởng về xây dựng sự đồng thuận xã hội đã được Đảng ta chú trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định: để tập hợp được mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải dựa trên cơ sở lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng. Muốn vậy cần tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau hướng tới tương lai. Tư tưởng xây dựng sự đồng thuận xã hội đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX. Tại Hội nghị này, Đảng ta đã chính thức đưa ra chủ trương xây dựng sự đồng thuận xã hội. Đồng thuận xã hội không có nghĩa là không còn sự khác biệt mà sự khác biệt đó vẫn tồn tại ở những mức độ khác nhau, nhưng thỏa thuận với nhau, tìm được điểm tương đồng để đi đến thống nhất. Xây dựng sự đồng thuận xã hội là "cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng giảm thiểu". Chủ trương đó vừa kế thừa truyền thống nhân ái của dân tộc với tinh thần "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay

cường bạo", vừa phù hợp với tinh thần khoan dung của Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Trong dự thảo Báo cáo Chính trị Đại hội X, tư tưởng về xây dựng đồng thuận xã hội là một nội dung quan trọng được Đảng ta kế thừa, phát triển.

Có thể nói, Đà Nẵng là địa phương đi đầu trong việc phát huy vai trò của đồng thuận xã hội. Nhân dân đã đồng tình ủng hộ chủ trương, chính sách do Đảng, chính quyền đề ra, dấu rằng hiện tại, có thể những chủ trương đó ít nhiều đã làm thiệt thòi lợi ích cá nhân trước mắt của họ. Vì sự phát triển của thành phố, vì lòng yêu mến mảnh đất mà bao người con anh hùng đã ngã xuống, vì mong muốn thành phố ngày càng đẹp, hiện đại, văn minh hơn nên người dân đã đồng tình ủng hộ những chủ trương lãnh đạo của thành phố. Phải thừa nhận rằng, không phải mọi người dân đều nhất trí với những chủ trương, chính sách do Đảng, chính quyền đưa ra. Vẫn còn không ít người chưa bằng lòng với cuộc sống hiện tại ở khu tái định cư, nhưng vì tương lai của thành phố, họ sẵn sàng chấp nhận thiệt thòi một phần quyền lợi của mình. Người dân chỉ mong các cấp chính quyền thành phố thực hiện công bằng và bần bạc dân chủ, công khai. Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, mỗi người dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã kiên cường dũng cảm hy sinh để quê hương được giải phóng khỏi ách kìm kẹp của Mỹ - ngụy thì trong thời kỳ xây dựng đất nước, họ đã không so đo, tính toán thiệt hơn. Sở dĩ, nhân dân Đà Nẵng đồng thuận với những chủ trương, quyết sách của Đảng, chính quyền là vì những chủ trương đó đều xuất phát từ lợi ích lâu dài của nhân dân, vì tương lai của thành phố, trong đó có tương lai của mỗi con người.

Lĩnh vực khó khăn nhất nhưng đạt được sự đồng thuận cao trong xã hội là xây dựng kết cấu hạ tầng, giải tỏa mặt bằng, chỉnh trang đô thị. Sự đồng thuận cao trong lĩnh vực này đã góp phần làm nên một "hiện tượng Đà Nẵng" mà cả nước phải quan tâm. Trong 8 năm qua, 61.000 hộ dân liên quan đến việc giải tỏa, di dời đã làm được nghĩa vụ của mình. Riêng đường Điện Biên Phủ và đường Sơn Trà - Điện Ngọc đã có trên 2.500 hộ dân di dời trong vòng chưa đầy 8 tháng. Với phương châm, nhà nước và nhân dân cùng làm, lãnh đạo thành phố đã có nhiều sáng kiến để giải quyết vấn đề khá phức tạp này. Chẳng hạn, những công trình có vốn đầu tư quá lớn, nếu chỉ dựa vào ngân sách của thành phố và vốn đầu tư của Trung ương thì khó thực hiện được, lãnh đạo thành phố đã vận động nhân dân đóng góp. Điển hình là việc xây dựng cầu sông Hàn, nhân dân, các doanh nghiệp và những người yêu mến Đà Nẵng (kể cả Việt kiều ở nước ngoài) đã đóng góp 27.469 triệu đồng, chiếm 29% vốn đầu tư xây dựng cầu. Điều quan trọng ở đây không chỉ là số tiền đóng góp mà là thông qua chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm, toàn thể nhân dân đều xem công trình đó là của mình, đều quan tâm đến tiến độ và chất lượng thi công. Cầu sông Hàn trở thành biểu tượng đẹp của Đà Nẵng thể hiện ý chí quyết tâm của mỗi người dân đối với nguyện vọng xây dựng một thành phố đẹp, hiện đại, văn minh.

Trong quá trình giải phóng mặt bằng, chính quyền đã bảo đảm dân chủ, không áp đặt và nhân dân được quyền lựa chọn để đưa ra phương án tối ưu. Chính quyền thành phố nhận định, nếu không thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm thì phải 10 năm nữa thành phố mới có bộ mặt như hôm nay. Điều đáng nói là chính từ sự

chất chịu, đóng góp từng ngàn đồng, từng thước đất của người dân mà nhân dân càng thắt chặt thêm tình làng, nghĩa xóm, gắn bó hơn với thành phố thân yêu, tin tưởng hơn ở chế độ, từ đó tạo nên sự đồng tình nhất trí cao.

Bàn bạc dân chủ, công khai minh bạch, đối thoại trực tiếp là bài học rút ra từ sự thành công trong chỉnh trang đô thị ở Đà Nẵng. Trong các cuộc họp bàn về vấn đề đền bù giải tỏa mặt bằng, nhân dân đã thỏa thuận, nêu lên những vướng mắc, đề đạt những ý kiến để Ban dự án xem xét cho đến khi đại đa số nhất trí. Ở đây, không áp đặt nguyên tắc thiếu số phải làm theo đa số mà đa số tác động để làm chuyển biến thiểu số. Đây chính là một nguyên tắc của sự đồng thuận và nguyên tắc này đã góp phần làm cho sự đồng thuận đạt được ở mức độ cao. Công khai, minh bạch là điều cần thiết để nhân dân có lòng tin, tránh được sự nghi ngờ. Từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chi tiết và nội dung dự án, đến khung giá loại đất, kết quả kiểm định áp giá đều công khai cho nhân dân biết để dân bàn và góp ý kiến. Lãnh đạo thành phố, Ban dự án đã tổ chức những cuộc đối thoại trực tiếp với nhân dân. Đó là phương cách để gần dân, sát dân, nghe dân nói, nói cho dân tin. Thông qua những lần đối thoại đó, nhân dân đã trực tiếp trình bày ý kiến với chính quyền thành phố và được chính quyền thành phố trả lời công khai nên nhìn chung nhân dân đều phấn khởi, cho dù những điều mong muốn của họ chưa được đáp ứng thỏa đáng. Cũng qua đối thoại trực tiếp, người dân ngày càng thấy được đây là chủ trương đúng đắn để xây dựng thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống nhân dân, tạo môi trường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Với cách làm ngày càng tiến bộ, dân chủ, công bằng hơn, nên mức độ đồng

tình ủng hộ của nhân dân với những chủ trương của lãnh đạo thành phố ngày càng cao. Từ những đồng chí lãnh đạo thành phố đến các cán bộ dự án đã luôn luôn thực hiện phương châm gần dân, sát dân, đối thoại với dân, lắng nghe ý kiến của dân. Cả hệ thống chính trị của thành phố đã vào cuộc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn hướng về dân, gắn bó với dân và ngày càng có trách nhiệm với dân hơn.

Trong việc thực hiện chủ trương chỉnh trang đô thị, Mặt trận Tổ quốc đã góp phần quan trọng tạo nên sự đồng thuận trong nhân dân. Trên cơ sở đi sâu, đi sát nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, Mặt trận đã đề xuất những kiến nghị chính đáng với chính quyền và thường được chấp nhận. Do đó, trong quá trình thực hiện các dự án đã có rất ít trường hợp phải cưỡng chế, không xảy ra điểm nóng, không có các vụ khiếu kiện tập thể gửi đơn ra Trung ương.

Đạt được sự đồng thuận cao trong một lĩnh vực phức tạp như vậy là một thành công lớn của Đà Nẵng. Thành công đó, trước hết là do lãnh đạo thành phố đã có chủ trương đúng đắn để đưa thành phố phát triển. Những chủ trương đó hợp lòng dân nên được nhân dân đồng tình ủng hộ. Không chỉ có chủ trương đúng đắn mà những giải pháp, quyết sách để thực hiện chủ trương cũng hợp lòng dân, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Trong quá trình đó phải chú trọng hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và nhân dân, bảo đảm được dân chủ, tôn trọng ý kiến của nhân dân.

Để tạo nên sự đồng thuận giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, ngoài những vấn đề trên, công tác vận động, thuyết phục, giám sát của Mặt trận và các đoàn thể đóng vai trò rất quan trọng. Mọi chủ trương, chính

sách của Đảng, chính quyền đưa ra, Mặt trận đã tích cực vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện. Trong công tác di dời dân để giải phóng mặt bằng, Mặt trận và đoàn thể các cấp đã trực tiếp gặp gỡ nhân dân, vừa tuyên truyền giải thích cho nhân dân hiểu, vừa nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tìm hiểu những vấn đề đang còn bức xúc trong dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Cuộc vận động đã phát huy hiệu quả của nó trong việc xây dựng tình làng nghĩa xóm, bảo đảm ổn định và đoàn kết ở cơ sở. Với nội dung khá toàn diện, cuộc vận động này đã góp phần quan trọng để xây dựng sự đồng thuận xã hội.

Để sự đồng thuận ngày càng đạt được ở mức độ cao, chính quyền thành phố đã tích cực triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Có phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra thì mới có sự đồng tình nhất trí cao. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã có tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, thực tế một bộ phận cán bộ vẫn còn quan liêu, xa rời quần chúng thường sử dụng biện pháp hành chính, mệnh lệnh hơn là thuyết phục, vận động quần chúng. Hạn chế này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng sự đồng thuận xã hội... Bởi vì bản chất của sự đồng thuận là dựa trên cơ sở hiệp thương, tự nguyện của các bên để đi đến thống nhất chứ không phải bằng bạo lực, cưỡng bức. Xã hội càng phát triển, nguyên tắc này càng được coi trọng. Nó có khả năng ngăn chặn và điều chỉnh được sự chống đối, xung đột để không đi đến chỗ loại trừ lẫn nhau. Hiệp thương đã tạo điều kiện cho các cá nhân, các nhóm xã hội

đang chống đối, xung đột trở thành những đồng sự, những đối tác của nhau.

Hiệp thương bảo đảm được sự đồng thuận và nó được áp dụng để điều hòa quan hệ giữa chính quyền và nhân dân, giữa chủ và thợ, giữa các tổ chức chính trị - xã hội, giữa các thành viên trong tập thể v.v. Mọi cán bộ cần nhận thức đầy đủ vai trò của hiệp thương mới có thể tạo được sự đồng thuận của nhân dân đối với những chủ trương, chính sách của Đảng và chính quyền. Tuy vậy, trong quá trình xây dựng thành phố, nhân dân vẫn có nhiều điều bức xúc, vẫn còn những sự bất bình trước một bộ phận công chức thoái hóa biến chất, những nhiễu, phiền hà, thiếu trách nhiệm. Do đó, vấn đề đặt ra là lãnh đạo thành phố quyết tâm xây dựng được một đội ngũ cán bộ công chức với phương pháp làm việc thật sự "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân", thì sự đồng tình, nhất trí của nhân dân sẽ ngày càng cao.

Với tinh thần "lấy sức dân mà xây dựng cho dân", Đà Nẵng đã thực hiện xã hội hóa nhiều chương trình, tiêu biểu là chương trình "5 không": không có người mù chữ, không có người lang thang ăn xin, không có hộ đói, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng và giết người cướp của. Lúc đưa ra chương trình này nhiều người băn khoăn nghi ngại vì thành phố còn bộn bề phức tạp liệu có thực hiện được không. Cán bộ và nhân dân đã ý thức được rằng để Đà Nẵng phát triển, ngoài những mục tiêu khác, chương trình "5 không" là những mục tiêu nhất thiết phải được thực hiện. Toàn Đảng, toàn dân đã vào cuộc với ý chí quyết tâm cao và 5 năm qua đã đạt được những kết quả bước đầu đáng tự hào. Nếu không có sự góp sức của mỗi người dân thành phố, từ bậc cao

niên đến các cháu nhi đồng; từ các chị buôn gánh bán bưng đến các anh xích lô, xe thồ; từ nhân dân các phường nội thành đến các xã vùng ven... thì chương trình "5 không" khó có thể trở thành hiện thực. Từ sự thành công bước đầu của chương trình này, ngày 29-3-2005, lãnh đạo Đảng và chính quyền thành phố đã phát động chương trình "3 có": Có nhà ở, có việc làm và có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Chương trình này nhằm bảo đảm để mọi người dân đều có chốn an cư lạc nghiệp, để mọi người trong độ tuổi lao động đều có việc làm, có thu nhập ổn định nuôi sống bản thân và gia đình, làm giàu cho mình và cho thành phố, để mọi người dân Đà Nẵng đều có lối sống văn hóa, giàu tính nhân văn, mang đậm tình người.

Chương trình "3 có" nhanh chóng được triển khai sâu rộng, huy động sức người, sức của trong các tầng lớp nhân dân, của các nhà doanh nghiệp, của bạn bè trong nước và quốc tế. Với những thành quả đã đạt được, với sự nỗ lực quyết tâm, sự đồng tình, ủng hộ của mỗi người dân, sự thống nhất giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, chúng ta tin tưởng rằng thời gian không xa nữa, Đà Nẵng sẽ biến những mơ ước của chương trình "3 có" hôm nay thành hiện thực. Dĩ nhiên, để đạt được chương trình này, toàn thể nhân dân Đà Nẵng cần phát huy truyền thống cách mạng, không phân biệt quê quán, lương - giáo, tất cả phải kết thành một khối thống nhất, chung sức chung lòng, đồng tâm hiệp lực. Tinh thần đồng thuận đó được thể hiện qua hành động sẽ góp phần quyết định đưa Đà Nẵng trở thành một thành phố hiện đại, văn minh, xứng đáng là một trung tâm kinh tế của miền Trung và của cả nước. □

CỤC Thuế thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập ngày 21-8-1990 theo Quyết định số 314 TC/QĐ - TCCB của Bộ Tài chính. Cục Thuế thành phố đã trải qua nhiều tên gọi khác nhau, từ Sở Thuế trực thuộc Ủy ban Quân quản thành phố, (thành lập tháng 11-1975); Chi cục Thuế công thương nghiệp thành phố (1980); Chi cục thu quốc doanh (1988). Hiện Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh quản lý thuế gần 40.000 doanh nghiệp; 160.000 hộ kinh doanh

lớn, đòi hỏi Cục Thuế thành phố phải không ngừng nỗ lực tìm kiếm, vận dụng sáng tạo, kịp thời những công cụ và phương pháp quản lý hữu hiệu vào công tác quản lý thu thuế.

Với nhận thức sâu sắc: sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi chính sách tài chính nói chung, chính sách thuế nói riêng phải ngày càng đạt đến các tiêu chí ổn định, hoàn thiện và khoa học, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực nghiên cứu, xây dựng và mạnh dạn triển khai hàng loạt các quy trình quản lý, trong đó đặc biệt đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính trong công tác quản lý thu thuế và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, thể hiện ở các mặt chủ yếu sau đây.

Thứ nhất: Là đơn vị luôn đi đầu trong việc ứng dụng có hiệu quả công nghệ tin học vào công tác quản lý thu thuế.

Cuối thập niên 80 của thế kỷ

trước, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã mạnh dạn thực hiện điện toán hóa trong công tác quản lý thu thuế. Tiếp đó, Cục đã triển khai chương trình "tin học hóa", thực hiện kết nối mạng từ Cục tới Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính, tới Ủy ban nhân dân thành phố và các chi cục trực thuộc, tạo khả năng xử lý thông tin nhanh nhạy, giúp cho việc quản lý chính xác, khoa học và hiệu quả. Từ chỗ ngỡ ngàng, chỉ sau một thời gian ngắn, gần 2.000 cán bộ của Cục đã làm chủ các phương tiện kỹ thuật hiện đại, nhất là sử dụng thành thạo máy vi tính; nhiều cán bộ đã viết được phần mềm quản lý thuế. Trên cơ sở đó, Cục đã đưa kỹ thuật mã vạch 2 chiều (trong việc kê khai và xử lý dữ liệu tờ khai thuế giá trị gia tăng) vào công tác quản lý, trở thành đơn vị đầu tiên của ngành thuế ứng dụng

CỤC THUẾ ANH HÙNG CỦA THÀNH PHỐ ANH HÙNG

TRIỀU HẢI HOÀNG

cá thể, 100.000 người chịu thuế thu nhập cá nhân, gần 1 triệu hộ chịu thuế nhà đất; và mỗi năm có trên 8.000 doanh nghiệp được thành lập. Với quy mô đó, hằng năm thành phố Hồ Chí Minh đóng góp xấp xỉ 30% nguồn thu ngân sách của cả nước. Vì thế, thành công trong công tác thuế của thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất quan trọng về kinh tế và chính trị đối với cả nước. Một trong những thách thức lớn đối với ngành thuế thành phố Hồ Chí Minh là biên chế không tăng và luôn thiếu từ 300 đến 500 người, trong khi đó, đối tượng nộp thuế tăng nhanh từng ngày, chính sách thuế thường xuyên được bổ sung, thay đổi. Với những đặc điểm đó, thành phố Hồ Chí Minh vừa là môi trường và điều kiện thuận lợi để triển khai công tác thuế, vừa là thách thức

giải pháp kỹ thuật mới, từng bước đưa nghiệp vụ công tác quản lý thu thuế theo hướng hiện đại.

Thứ hai: *Tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý ngành thuế; khơi dậy trách nhiệm và tính tự giác của các tổ chức, cá nhân trong việc kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.* Tư tưởng xuyên suốt của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh là đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác thuế một cách tích cực và chủ động, tạo động lực thúc đẩy khả năng quản lý, huy động các sáng kiến, tập hợp được trí tuệ của tập thể vào công tác quản lý thu thuế. Với quan điểm công khai, minh bạch chính sách thuế của Nhà nước, đồng thời tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho mọi tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, Cục đã vận dụng những biện pháp phù hợp và khoa học vào quản lý thu thuế, liên tục gạt hái những thành công. Năm 1990, thực hiện cải cách thuế bước 1; năm 1995, tách 2 bộ phận quản lý - kiểm soát trong công tác quản lý thu thuế; năm 1999, thực hiện cải cách thuế bước 2. Năm 2000, thí điểm thông báo nhắc nợ thuế thay cho thông báo thuế hằng tháng; năm 2002, thành lập Websitecmtax.gov.vn; hình thành tổ dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế; thành lập phòng thuế thu nhập cá nhân của người có thu nhập cao trên địa bàn. Năm 2003, Cục là đơn vị đầu tiên của cả nước áp dụng mã vạch 2 chiều vào tờ khai; thí điểm cơ chế "cơ sở sản xuất kinh doanh tự khai, tự tính và tự nộp thuế"; thực hiện phân cấp mạnh cho các chi cục thuế quận, huyện (gồm phân cấp quản lý doanh nghiệp có qui mô nhỏ, phân cấp lệ phí trước bạ và thu khác, ủy nhiệm thu thuế cho ủy ban nhân dân phường, xã; tổ chức lại lực lượng

quản lý ở các chi cục thuế). Năm 2004, Cục thành lập phòng tuyên truyền hỗ trợ, phòng lưu trữ, đồng thời thí điểm áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001: 2000; sắp xếp lại toàn bộ máy theo Quyết định số 189/BTC/QĐ, ngày 14-11-2003 của Bộ Tài chính. Riêng việc ủy nhiệm thu đối với hộ kinh doanh nhỏ cho phường, xã đã giúp Cục rút một lượng đáng kể nhân lực của mình (khoảng 600 người) về thực hiện đào tạo lại để tăng cường cho các khu vực khác có số thu lớn hơn. Biện pháp này thể hiện quyết tâm sắp xếp lại bộ máy, tiết kiệm được nguồn chi phí lớn trong quản lý (mỗi năm vài chục tỉ đồng); tăng quyền hạn cho cơ sở, và giúp các phường, xã có nguồn thu để đầu tư cho các công trình hạ tầng. Các mục tiêu cơ bản mà Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh luôn quan tâm là năng suất, chất lượng, hiệu quả, thể hiện ở số thu tăng, giảm chi phí và thời gian cho cả người thu thuế và người nộp thuế; phấn đấu để với một bộ máy gọn, nhẹ mà vẫn giám sát có hiệu quả hoạt động của các đối tượng nộp thuế, bảo đảm các yêu cầu: khoa học, đúng pháp luật, tránh phiền hà, chống thất thu.

Thứ ba: *Đi tiên phong trong cải tiến, ứng dụng các quy trình và phương pháp quản lý mới, không ngừng phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác thu thuế.* Trong vai trò là "người tiên trạm", Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã thí điểm nhiều mô hình, sau khi thành công được nhân rộng ra các địa phương trong cả nước. Từ thực tiễn của cơ sở, phát hiện những vướng mắc trong vận hành, Cục đã chủ động nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và kịp thời đề xuất nhiều giải pháp khả thi được Tổng cục và Bộ Tài chính đánh giá cao và được vận dụng vào thực tiễn. Những phát hiện, đề xuất kịp thời của Cục

đã góp phần đạt được các yêu cầu đề ra là không gây biến động mạnh về giá cả, ổn định sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng cường hạch toán kinh tế, bảo đảm được nguồn thu ngày càng tăng cho ngân sách nhà nước, góp phần đưa các Luật Thuế vào cuộc sống. Nhằm đem lại những lợi ích thiết thực cho cả người nộp thuế, cơ quan thuế và cho xã hội, sau khi thành lập tổ dịch vụ hành chính công, Cục đã tiến đến thành lập phòng tuyên truyền hỗ trợ tổ chức và cá nhân nộp thuế, coi đây là hoạt động mũi nhọn, là mảng công tác quan trọng của công tác thuế. Cục cũng là nơi sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức và phương tiện giao tiếp như hướng dẫn trực tiếp, qua điện thoại, qua mạng in-tơ-nét, qua tập huấn hoặc bằng văn bản... để người nộp thuế chủ động lựa chọn hình thức tiếp nhận phù hợp.

Với quan điểm "Cơ quan thuế, cán bộ thuế là bạn đồng hành với doanh nghiệp", bằng trách nhiệm và năng lực chuyên môn của mình, cán bộ Cục đã từng bước giúp doanh nghiệp hiểu đúng các quy định pháp luật về thuế, để từ chỗ đối phó, thậm chí trốn tránh đã tự nguyện thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình. Mặt khác, cán bộ của Cục cũng thường xuyên lắng nghe và kịp thời chuyển tải những băn khoăn, bức xúc của doanh nghiệp lên các cấp có thẩm quyền để giải quyết thỏa đáng. Đề thiết thực động viên, khuyến khích các đối tượng nộp thuế, Cục thường xuyên tổ chức các hội nghị thi đua khen thưởng nhằm biểu dương, tôn vinh những doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân sản xuất - kinh doanh giỏi, nộp thuế tốt, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp.

Sự nỗ lực phấn đấu cùng các biện pháp hữu hiệu đó đã giúp Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh liên tục hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ được giao, bảo đảm số thu năm sau luôn cao hơn năm trước từ 10% trở lên, liên tục bảo đảm số thu trên địa bàn bằng 30% tổng thu ngân sách của cả nước. Năm 1990, Cục thực hiện tổng thu thuế 941,9 tỉ đồng; 1995 là 10.325 tỉ đồng, gấp 10 lần so với năm 1990; năm 1998 thu 15.192 tỉ đồng, gấp 1,5 lần năm 1995 và gấp 16 lần so với năm 1990; năm 2003 thu 22.959,5 tỉ đồng, gấp 1,5 lần so với năm 1998 và 24 lần so với năm 1990; năm 2005 thu 36.031 tỉ đồng; bằng 106,56% so với dự toán pháp lệnh và bằng 112% so với năm 2004; trong đó thu nội địa là 30.269 tỉ đồng, tăng 12,30% so với năm 2004; thu dầu thô 5.672 tỉ đồng...

Với những đóng góp to lớn đó, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã giành được những phần thưởng xứng đáng. Liên tục nhiều năm, Đảng bộ Cục luôn giữ vững danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh", năm 2003 được Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu". Cục đã hai lần nhận Cờ luân lưu của Chính phủ (1993, 2003); Huân chương Lao động hạng hai (1999); Huân chương Lao động hạng nhất (2004); từ 1990 đến 1998: 6 Huân chương Lao động hạng ba; 264 bằng khen; từ 1999 đến 2005: 18 Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; 5 cờ Thi đua xuất sắc của thành phố; 51 bằng khen của Thủ tướng, 1.453 bằng khen của Bộ Tài chính, của Tổng cục Thuế và của UBND thành phố. Đặc biệt năm 2004, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, là đơn vị thứ hai của ngành thuế cả nước đón nhận danh hiệu cao quý này. Năm 2005, đồng chí Cục trưởng Nguyễn Thị Phương Dung được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Sau 15 năm xây dựng và trưởng thành, từ những thành tựu đạt được của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, có thể rút ra mấy bài học quan trọng sau đây.

Một là, thừa kế và phát huy được truyền thống của một tập thể có tinh thần đoàn kết chặt chẽ từ trên xuống dưới; từ trong đảng ủy ra quần chúng, từ các đoàn thể đến từng thành viên. Truyền thống đó trở thành sức mạnh tiềm tàng, giúp Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh luôn vượt qua mọi khó khăn thử thách, đi từ thành công này đến thành công khác - đây là bài học quan trọng nhất. Truyền thống quý báu đó được thể hiện ở sự nhất quán, đồng thuận cao về quan điểm; ở sự công khai bàn bạc và tinh thần nỗ lực phấn đấu hết mình vì nhiệm vụ chung. Nhờ vậy, khi đã thành công sẽ có tác động dây chuyền, tạo ra sự ổn định và hiệu quả trong các hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền cũng như công đoàn.

Hai là, triệt để tuân thủ luật pháp của Nhà nước và các quyết định, quy định của Bộ, của Tổng cục về công tác thuế; chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố; vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chính sách, pháp luật thuế vào công tác quản lý thu. Luôn bám sát các mục tiêu thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, đồng thời tích cực khơi thông, chú trọng khai thác tốt các nguồn thu từ đất, thuế thu nhập cá nhân, tăng cường chống thất thu ngân sách. Triển khai kịp thời, có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, đôn đốc thu nợ thuế đi đôi với đẩy mạnh kiểm tra quyết toán thuế. Xuyên suốt quá trình đó là sự quan tâm sâu sát của Cục đối với các đơn vị cơ sở.

Ba là, được sự lãnh đạo của Chính phủ, sự chỉ đạo sâu sát Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố

với những giải pháp về cơ chế, chính sách sát đúng, phù hợp. Những ý kiến, đề xuất của Cục luôn được các cấp trung ương và thành phố quan tâm xem xét, điều chỉnh kịp thời. Cục cũng luôn được sự phối hợp chặt chẽ, sự hỗ trợ đắc lực của các cấp chính quyền, các sở, ban, ngành của thành phố; đặc biệt là sự chia sẻ, ủng hộ nhiệt thành của đông đảo các doanh nghiệp, tập thể và cá nhân người nộp thuế. Ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của họ là nguồn động viên, cổ vũ thiết thực và là động lực quan trọng giúp Cục Thuế thành phố vượt lên mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Bốn là, thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ, coi trọng công tác cán bộ và các nhân tố liên quan đến con người. Hiện Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh có 3.583 cán bộ, công chức thuế với 42 đơn vị trực thuộc. Để cán bộ công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác chăm lo đội ngũ thuế về mọi mặt; từ tuyển dụng, bố trí đến đào tạo cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ này không ngừng được nâng cao chất lượng về mọi mặt. Trọng tập thể đó, mọi người không ngừng được học tập cả về nghiệp vụ và kiến thức quản lý nhà nước, cả về kiến thức luật pháp và chính trị; được phát huy mọi khả năng của mình; được ghi nhận sự đóng góp bằng các chế độ khen thưởng, động viên kịp thời. Đến nay, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã có được một đội ngũ viên chức thuế có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có trách nhiệm cao, nhanh nhạy trong tiếp thu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào công tác, được xếp vào loại xuất sắc nhất của ngành thuế Việt Nam. Nếu năm 1990, toàn Cục chỉ có 20% cán bộ tốt nghiệp trung cấp và đại học, đến nay, tỷ lệ đó là 87,6%; 100% cán bộ, công chức

ở bộ phận quản lý đều đã tốt nghiệp trung cấp, đại học và sau đại học.

Như vậy, một trong những nhân tố quan trọng đưa đến thành công của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh là đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó bài học sâu sắc nhất là, mọi đề án cải cách chỉ có thể thành công nếu có sự quyết tâm cao của ban lãnh đạo, đứng đầu là thủ trưởng đơn vị có sự đoàn kết thống nhất từ trên xuống dưới, có một đội ngũ cán bộ nòng cốt thực sự có năng lực và tâm huyết, cùng với những giải pháp cụ thể và có sự giám sát, kiểm tra thường xuyên.

Để tiếp tục tăng tốc về cải cách hành chính trong công tác thuế, bên cạnh hệ thống Luật thuế và Luật về quản lý thuế hoàn chỉnh cùng với một hệ thống các quy chế, quy định, quy trình rõ ràng, ngành thuế cả nước nói chung, ngành thuế thành phố Hồ Chí Minh nói riêng phải được sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống thông tin - hệ thống điện toán hiện đại và một bộ máy quản lý thuế tinh - gọn - hợp lý; trong đó đội ngũ công chức viên chức thuế phải thực sự tinh thông, năng động và tận tụy với nghề. Chỉ có hội đủ các tiêu chí quan trọng đó, ngành thuế mới có thể khẳng định được vai trò, vị trí của mình, chủ động để hội nhập vào khu vực và thế giới.

Phấn khởi, tự hào về những thành tựu đã đạt được, phát huy những kinh nghiệm quý, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh càng vững tin, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính về thuế, bám sát và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng vào hoạt động thực tiễn, từ đó tạo lập những thành tựu to lớn hơn nữa, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xứng danh Cục Thuế anh hùng của thành phố anh hùng được vinh dự, tự hào mang tên Bác Hồ kính yêu. □

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 26)

thanh niên; góp ý xây dựng chính sách, pháp luật về thanh niên...

- Đề cao vai trò của gia đình trong giáo dục thanh niên và tham gia quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên (như gia đình gương mẫu thực hiện các chính sách, luật pháp nhằm giáo dục và phát huy thanh niên; vận động thanh niên thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên...).

Quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên là một dạng quản lý xã hội đặc thù, mang tính quyền lực nhà nước đối với một đối tượng đặc biệt là thanh niên; là quá trình tác động của hệ thống các cơ quan nhà nước đối với công tác thanh niên bằng chính sách, luật pháp, cơ chế vận hành và tổ chức bộ máy, bằng kiểm tra, giám sát; đồng thời cũng thông qua các chính sách, luật pháp và tổ chức bộ máy. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý đối với công tác thanh niên trong sự phối hợp và huy động sự tham gia cộng đồng trách nhiệm của mọi tổ chức, mọi nguồn lực xã hội trong công tác thanh niên. Sự tham gia của các chủ thể xã hội trong quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên; sự phong phú trong nội dung và phương pháp quản lý đối với công tác thanh niên của Nhà nước; sự kết hợp hài hòa giữa phương pháp mệnh lệnh hành chính với phương pháp vận động, thuyết phục là những đặc điểm đặc thù của công tác thanh niên ở nước ta. Cần tiếp tục có sự quan tâm chăm lo, góp sức của mọi thành phần, mọi lực lượng và các cơ quan có trách nhiệm, sao cho các chủ trương, chính sách về công tác thanh niên và thanh niên thật sự đem lại hiệu quả, để phát huy hơn nữa vai trò to lớn của thanh niên, nâng cao vị thế của công tác thanh niên trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. □

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đổi với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam

NGUYỄN HÙNG * - THANH PHƯƠNG **

THU hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm hỗ trợ cho sản xuất hàng xuất khẩu là mục tiêu ưu tiên của nhiều quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển, bởi đây không chỉ là nguồn vốn đầu tư đơn thuần, mà còn là công nghệ, quản lý có tác dụng nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong sản xuất hướng tới xuất khẩu. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế, một bộ phận cấu thành của nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Điều đó thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

Một là, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần ngày càng nhiều vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong những năm qua, nếu so với các nguồn vốn khác thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp lớn vào sự gia tăng nhanh chóng của tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, vào việc nâng cao vai trò và vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường

quốc tế. Đây chính là kết quả của những nỗ lực đáng khích lệ từ cả hai phía (Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trong việc đẩy mạnh xuất khẩu. Điều đó thể hiện tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng liên tục kể từ năm 1995 đến nay. Nếu năm 1995, khu vực có vốn

đầu tư nước ngoài chỉ đóng góp 27% vào tổng kim ngạch xuất khẩu, thì năm 2000 con số này đã là 47%⁽¹⁾. Năm 2005, hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt kết quả khả quan hơn mức dự báo: nếu tính cả dầu thô, xuất khẩu của khu vực này là 19 tỉ USD, chiếm 57,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước⁽²⁾.

Đạt được kết quả trên là do số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tăng khá nhanh; đồng thời tỷ trọng hàng xuất khẩu của khu vực này ngày càng cao. Theo số liệu thống kê, đến nay đã có hơn 700 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động xuất khẩu, trong đó hơn 100 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 3,5 triệu USD, khoảng 20 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 10 triệu USD, có doanh nghiệp kim ngạch xuất khẩu lên đến 570 triệu USD.

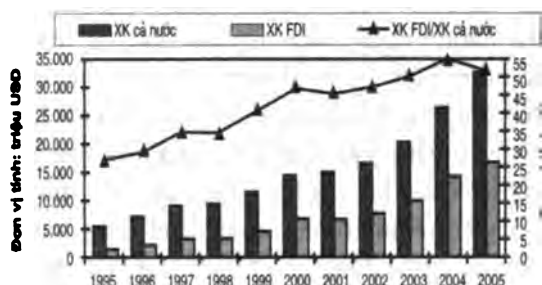
* Ban Đối ngoại Trung ương

** Viện Nghiên cứu Thương mại

(1) Số liệu của Niên giám Thống kê năm 2005

(2) Theo Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 256, ngày 26-12-2005

Biểu đồ: So sánh xuất khẩu của khu vực FDI với xuất khẩu cả nước (1995 – 2005)



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê (kể cả đầu thô). Số liệu năm 2005 là số liệu ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu so với doanh thu của các doanh nghiệp cũng tăng khá nhanh: bình quân những năm 1991 - 1995 đạt 30%; đến những năm 1996 - 2000 tăng lên 43%; dự kiến 5 năm 2001 - 2005 đạt 42%⁽³⁾. Trong một số ngành như dệt may, giày dép... có nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt được tỷ lệ xuất khẩu trong doanh thu khá cao (từ 80% trở lên); còn các ngành khác tỷ lệ xuất khẩu ở mức thấp hơn, như thủy sản đạt 49%, công nghiệp nặng đạt 34%.

Hai là, góp phần đa dạng hóa cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không chỉ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, mà còn có ảnh hưởng không nhỏ tới cơ cấu xuất khẩu. Hiện tại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang sản xuất và chiếm tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất khẩu của một số ngành hàng (chiếm 84% hàng điện tử, máy vi tính và linh kiện máy vi tính, 45% hàng giày dép và 25% hàng may mặc). Điều đáng lưu ý là số các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp tăng mạnh làm cho giá trị xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp trong cơ cấu xuất khẩu ngày càng tăng, nhất là những sản phẩm thuộc các ngành như ô-tô và phụ tùng ô-tô. Các mặt hàng khác như thép cán, xi-măng,

dụng cụ cơ khí,... mặc dù có kim ngạch xuất khẩu còn nhỏ, nhưng đang có xu hướng tăng nhanh. Gần đây, trong cơ cấu hàng xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, xuất hiện thêm một số mặt hàng như dây điện và dây cáp điện, sản phẩm nhựa, phụ tùng xe đạp, sản phẩm gỗ, sữa và các sản phẩm từ sữa, đường, đồ chơi, mì ăn liền.... Như vậy, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã làm đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu, thay đổi cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam và tập trung vào những ngành sản xuất mà Việt Nam có lợi thế so sánh, nhất là những ngành công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động.

Ba là, góp phần nâng cao trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu. Khả năng xuất khẩu của sản phẩm là thước đo trực tiếp sức cạnh tranh của một doanh nghiệp. Làm tăng tính cạnh tranh của một sản phẩm có nghĩa là làm tăng năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung. Khả năng cạnh tranh của một sản phẩm phụ thuộc vào chất lượng, mẫu mã, giá cả và số lượng. Những chỉ tiêu này lại phụ thuộc chủ yếu vào vốn, công nghệ, lao động và trình độ quản lý... So với các doanh nghiệp trong nước, đây là ưu thế hơn hẳn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Vì thế, sản phẩm của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thường có hàm lượng công nghệ và tính cạnh tranh cao hơn rất nhiều so với các sản phẩm của doanh nghiệp trong nước. Nhờ vậy, phần lớn kim ngạch của nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là do khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra. Chẳng hạn, dầu khí chiếm 92% tổng kim ngạch xuất khẩu, hàng điện tử và linh kiện điện tử chiếm 84%, xuất khẩu hàng dệt may, giày dép cũng mang lại hiệu quả cao.

Bốn là, góp phần mở rộng và làm thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu. Từ khi thực hiện chủ trương thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Đảng

(3) Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 6/2005, tr 56

và Nhà nước đến nay, nước ta đã đạt được những bước đột phá trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, cũng như thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu. Trước năm 1978, thị trường xuất khẩu của nước ta chỉ bó hẹp ở khu vực Liên Xô, các nước Đông Âu và một số nước xã hội chủ nghĩa khác với số lượng hàng hóa xuất khẩu chỉ đạt trị giá vài trăm triệu Rúp. Giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1991 là giai đoạn đầu thực thi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và thực hiện công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế nên lượng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thu hút được còn ít, thị trường xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng chưa được mở rộng. Từ cuối năm 1991, khi lượng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài bắt đầu tăng mạnh, thì thị trường xuất khẩu của nước ta cũng được mở rộng nhanh chóng. Lúc đầu là một số nước Đông Á, ASEAN, Trung Á,... sau đó là các nước Tây Âu, Mỹ La-tinh, Ô-xtrây-li-a, Bắc Mỹ, các nước châu Phi,... Đến nay, thông qua hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, thị trường xuất khẩu của Việt Nam đã được mở rộng ra trên 140 nước và các vùng lãnh thổ khác nhau, trong đó có những thị trường mới giàu tiềm năng như Mỹ, EU...

Các nước và vùng lãnh thổ hiện nay đầu tư lớn nhất, ở nước ta gồm có: Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan,... Đây cũng là những nước và vùng lãnh thổ nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Đầu tư nước ngoài từ khu vực EU vào Việt Nam tăng nhanh kéo theo xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào những nước trong khu vực này cũng tăng, với những thị trường xuất khẩu tiềm năng là Anh và Đức. Bên cạnh đó, chúng ta đang mở rộng khai thác các thị trường mới ở Bắc Âu như Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan... Hiện tại, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam. Và, sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết, Mỹ trở thành nước nhập khẩu hàng

hóa lớn thứ 3, sau Nhật Bản và Trung Quốc. Nhìn chung, cơ cấu thị trường xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được thay đổi theo hướng ngày càng tiếp cận với thị trường các nước phát triển có sức tiêu thụ lớn, song cũng đòi hỏi chất lượng hàng hóa rất khắt khe, chứng tỏ năng lực xuất khẩu của khu vực này tăng lên đáng kể. Đó là những dấu hiệu chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu đáng mừng trong đó có sự đóng góp to lớn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Tóm lại, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài những năm qua đã góp phần phát triển hoạt động xuất khẩu của nước ta thông qua việc tăng nhanh khối lượng hàng xuất khẩu, nâng cao đáng kể sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu, từ đó giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào phân công lao động quốc tế, khai thác những lợi thế mà đất nước sẵn có như nguồn lao động và tài nguyên thiên nhiên.

Thành công của hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng trong chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua là nhờ sự nỗ lực không ngừng của các doanh nghiệp và sự quan tâm, khuyến khích thường xuyên của Nhà nước thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách quản lý đúng đắn, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số vấn đề bất cập cần sớm giải quyết để phát huy hơn nữa vai trò của khu vực vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển xuất khẩu của đất nước trong thời gian tới, như sau:

Thứ nhất, cần tháo gỡ những khó khăn, bất cập về cơ chế, chính sách đối với hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản tạo điều kiện cho khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động xuất khẩu tốt ở Việt Nam. Chẳng hạn, cho phép khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được tham gia xuất khẩu, kể từ năm 1999 được quyền xuất khẩu tất cả các loại sản phẩm mà khu vực này khai thác được trên thị trường Việt Nam.

Nghị định số 10/1998/NĐ-CP, Công văn 801/CP-QHQT cho phép bãi bỏ thủ tục phê duyệt kế hoạch xuất khẩu đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, kể từ tháng 9 - 1999, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoàn toàn bình đẳng với khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu. Nhưng, do pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý đầu tư nước ngoài, với tính chất là một hệ thống riêng, tương đối độc lập so với đầu tư trong nước, nên vẫn chưa thực sự tạo ra một "sân chơi" bình đẳng giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Điều này thể hiện không chỉ đối với những vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mà còn cả những vấn đề liên quan đến điều kiện đầu tư và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Trong đó còn một số điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế đã làm cho các nhà đầu tư trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài bất khoan. Một số điểm trong Luật Đầu tư nước ngoài và một số quy định, thủ tục hiện nay phần nào còn gây ra không ít khó khăn cho hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và huy động vốn còn gặp những khó khăn như không được huy động vốn từ nhà đầu tư khác; không được tự do vay vốn ở Việt Nam; không được giảm vốn; khi muốn tăng hoặc cơ cấu lại vốn phải được cấp phép. Việc chuyển nhượng vốn cho người khác của doanh nghiệp phải được "bên" thứ hai đồng ý hoặc tổ chức lại dưới mọi hình thức và phải được phép của cơ quan cấp phép đầu tư. Doanh nghiệp bị khống chế tiêu thụ nội địa, đồng thời cũng không được xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp cũng chỉ được nhập khẩu để phục vụ sản xuất theo kế hoạch đã được Bộ Thương mại phê duyệt. Họ không thể xin được giấy phép kinh doanh trong những ngành, nghề không được Nhà nước khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp

muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam, doanh nghiệp phải được ủy ban nhân dân tỉnh nơi mở chi nhánh văn phòng đại diện chấp thuận... Những quy định về thủ tục xin phép hoặc đăng ký cấp phép đầu tư không rõ ràng, không cụ thể, không nhất quán, tùy tiện và phức tạp, nhiều tầng nấc, gây tốn kém và không dự liệu được thời gian bao lâu thì có thể xin được... đều là những cản trở, nhiều khi gây nản lòng các nhà đầu tư. Chính sách về thuế nhập khẩu của chúng ta trong nhiều trường hợp vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của chiến lược hướng về xuất khẩu, thậm chí còn tạo ra những lệch lạc trong định hướng đầu tư, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, Luật Đầu tư nước ngoài tuy đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng đưa sản xuất hàng xuất khẩu lên vị trí ưu tiên hàng đầu, nhưng Luật Đầu tư trong nước chưa được điều chỉnh theo hướng này. Tóm lại, những biểu hiện cụ thể trên là những bất cập về cơ chế, chính sách cần phải sớm được tháo gỡ, hoàn thiện để hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi hơn.

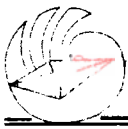
Thứ hai, cần tạo sân chơi bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh. Về mặt quan điểm và đường lối, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã được thừa nhận là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, nhưng trên thực tế vẫn còn bị đối xử chưa thực sự bình đẳng như các thành phần kinh tế khác. Báo chí vừa qua đã đưa những ý kiến như: chất xám của Việt Nam đang chảy sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không tốn một đồng vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhưng lại thu hút hết người tài giỏi của Việt Nam. Chính phủ còn quy định, những lĩnh vực nào doanh nghiệp trong nước có thể đầu tư thì không cho phép khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thuê lao động nước ngoài quá 3% tổng số lao động trong doanh nghiệp...

Giữa chủ trương và những quy định của ta hiện nay là chưa đồng bộ, chưa kể một số quy định vẫn thiếu minh bạch, còn có sự phân biệt đối xử không hợp lý giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, hoặc can thiệp quá sâu vào quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt chưa đáp ứng yêu cầu dành quyền đối xử quốc gia cho các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, có thể nói, những hạn chế này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nếu không sớm được thay đổi.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Để tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, năm 2005, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Doanh nghiệp áp dụng thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Luật Đầu tư quy định về các biện pháp ưu đãi và bảo hộ đầu tư không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay ngoài nước. Hai luật này sẽ có hiệu lực từ ngày 1-7-2006, thay thế cho: Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi năm 2000); Luật Đầu tư trong nước (năm 1998); Luật Doanh nghiệp (năm 1999); Luật Doanh nghiệp nhà nước (năm 2003). Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp mới là hai luật có đối tượng điều chỉnh riêng nên không thể thay thế cho nhau. Như vậy, kể từ ngày 1-7-2006, cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước khi tiến hành đầu tư kinh doanh ở Việt Nam không thể lựa chọn hoặc áp dụng theo luật này hoặc áp dụng theo luật kia mà phải áp dụng cả hai. Theo quy định tại hai luật này, sẽ không còn phân biệt doanh nghiệp theo nguồn gốc vốn mà chỉ còn phân loại theo tiêu chí cách thức góp vốn và chịu trách nhiệm và giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài sẽ có một mặt bằng pháp lý chung.

Các luật mới nêu trên đã minh bạch hơn, tạo thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài cả về việc gia nhập thị trường, thủ tục đầu tư, hình thức đầu tư và ưu đãi đầu tư, xử lý tranh chấp,... Nhưng để nội dung của các luật mới đi vào cuộc sống đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về tư duy, cách hành xử của cán bộ, công chức cũng như tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước đối với môi trường kinh doanh nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng. Cho nên, cần khẩn trương ban hành sớm các văn bản hướng dẫn để các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý nhà nước có thời gian tìm hiểu và áp dụng. Trong quá trình này, cần kịp thời hướng dẫn cụ thể về việc chuyển đổi thủ tục hành chính, củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cho phù hợp với quy định của các luật mới. Một mặt, chú trọng việc bảo đảm cho gần 6.000 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép chuyển sang hoạt động theo luật mới một cách thuận lợi, để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Mặt khác, cần tiếp tục tiến hành rà soát các chính sách liên quan nhằm kịp thời chỉnh sửa, hoàn chỉnh, bảo đảm sự thống nhất của cả hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư. Khẩn trương rà soát các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường để thực hiện theo đúng lộ trình. Tập trung quyết liệt nhằm hoàn thiện cơ chế một cửa ở các cơ quan cấp phép và quản lý đầu tư; tăng cường phân cấp mạnh hơn nữa quản lý đầu tư; giảm dần sự tham gia trực tiếp của cơ quan quản lý ở cấp trung ương vào xử lý các vấn đề cụ thể; giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, hải quan, xuất - nhập khẩu trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thực hiện tốt các giải pháp trên, hy vọng tới đây khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta sẽ có môi trường kinh doanh thuận lợi để tạo ra những bước phát triển mới, đóng góp nhiều hơn nữa vào hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. □



Lời Bộ Biên tập: Vừa qua, Tạp chí Cộng sản nhận được những ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng. Những ý kiến đó đã được tổng hợp và gửi đến Văn phòng Trung ương Đảng, theo hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương.

Trong mục: **Thư gửi Bộ Biên tập** số ra kỳ này Tạp chí đăng hai bài viết của GS Ngô Thành Dương và của ThS Đàm Kiến Lập, để bạn đọc tham khảo.

Đàn về khái niệm xã hội hóa

NGÔ THÀNH DƯƠNG *

GẦN đây trên báo chí và phát thanh truyền hình trong nước một số bài viết và nói đã sử dụng khái niệm "xã hội hóa". Các tác giả nói về chủ trương của Đảng và Nhà nước xã hội hóa giáo dục và văn hóa. Có bài chỉ nói thoáng qua, nhưng có bài lại phân tích lý luận về xã hội hóa. Ở đây tôi muốn trao đổi về mặt lý luận để chúng ta sử dụng khái niệm đó như thế nào cho chính xác.

Lướt lật qua các báo tôi tóm tắt một số ý kiến nói về "xã hội hóa" như sau:

"Tăng nguồn lực đầu tư của Nhà nước để phát triển các lĩnh vực xã hội và thực

hiện các mục tiêu xã hội, đồng thời *đẩy mạnh xã hội hóa* - coi đây là một biện pháp rất cơ bản nhằm huy động mọi nguồn lực, trí tuệ của các thành phần kinh tế, của các tổ chức xã hội, của mọi người".

"Thực hiện *xã hội hóa giáo dục*, huy động nguồn vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục".

"Chuyển một số trường đại học, cao đẳng bán công sang loại hình tư thực. Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước...

"Huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, *xã hội hóa các hoạt động văn hóa*".

Người ta dẫn chứng việc thực hiện chủ trương xã hội hóa đó như là cho phép thành lập một số công ty làm phim tư nhân, vận động xã hội hóa việc tu sửa giữ lại dáng hình xưa của các phố cổ v.v...

Theo cách nói trên, người ta hiểu khái niệm xã hội hóa như sau:

"Xã hội hóa là quá trình chuyển giao để khu vực dân sự (ngoài nhà nước) "gánh đỡ" những công việc trước đây do Nhà nước làm hoặc "quán tính" của tư duy cũ vẫn cho rằng đúng ra Nhà nước phải làm".

Để ca tụng việc xuất hiện cụm từ "xã hội hóa" là sự phát triển sáng tạo về lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, có người viết:

"Xã hội hóa thực chất bao quát phạm vi rất rộng lớn,

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

cả kinh tế, sự nghiệp, hành chính. Xét về lịch sử, xã hội hóa xuất hiện như một kết quả của đổi mới. Chỉ khi thực hiện đường lối đổi mới, chuyển sang thời kỳ đổi mới, xã hội hóa mới xuất hiện".

Như vậy là quan điểm nói trên về xã hội hóa đã rõ. Tôi không đồng ý với quan điểm đó. Theo tôi, cần nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để hiểu xã hội là gì và khái niệm xã hội hóa đã được các nhà kinh điển sử dụng như thế nào?

C. Mác viết: "Xã hội không phải là những cá thể người, mà biểu hiện *tổng số những mối liên hệ và quan hệ của chúng*, trong đó những cá thể đó tồn tại với nhau" ⁽¹⁾.

Thực vậy, xã hội là cộng đồng người. Cộng đồng nhỏ nhất là gia đình, cộng đồng lớn nhất là xã hội loài người. Xã hội hình thành ở từng nước có những đặc điểm riêng. Trong mỗi xã hội ở từng nước lại hình thành những nhóm người theo nghề nghiệp, những tập đoàn người được gọi là giai cấp. Con người còn tạo lập ra những hình thức tổ chức xã hội như các đảng phái, các hiệp hội v.v... Trong xã hội những cá nhân, những tập đoàn người liên hệ với nhau, tác động qua lại với nhau rất phức tạp về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong các mối quan hệ đó, chủ nghĩa Mác - Lê-nin

phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và xã hội. Mỗi cá nhân có những đặc tính riêng. Đó là thế giới của cá nhân, do tác động tổng hợp của các yếu tố cơ thể và xã hội hết sức riêng biệt tạo nên. Với đặc điểm riêng về di truyền, về sinh lý thần kinh, về gia đình, về hoàn cảnh sống v.v... mỗi cá nhân có cuộc sống riêng, tiếp thu và chuyển những giá trị văn hóa của xã hội vào bên trong mình, thực hiện quá trình so sánh, lọc bỏ, tự đánh giá, tự giáo dục, tự tạo nên thế giới riêng của mình. Từ đây hình thành nên những dạng riêng biệt về động lực, lợi ích, lòng tin, định hướng giá trị... trong xúc cảm, suy tư và hành động. Đây là quá trình kép, *xã hội hóa cá nhân* và *cá nhân hóa xã hội*, không thể có mặt này mà không có mặt kia để tạo nên cuộc sống của con người.

Ở đây chủ nghĩa Mác - Lê-nin dùng khái niệm *xã hội hóa cá nhân* để nói về sự chuyển hóa của những tính chung của xã hội vào từng cá nhân, những tính chung của xã hội được cá nhân tiếp thu, nhưng lại được cá nhân hóa, nghĩa là được thể hiện ra ở mỗi người một cách khác nhau.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin phân biệt tính cá nhân và tính xã hội, hai mặt này quan hệ với nhau một cách biện chứng. Để hiểu rõ hơn khái niệm xã

hội hóa, chúng ta cần chứng minh sự phân tích của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về tính chất của công cụ sản xuất trong xã hội.

Hồi đầu, con người sử dụng những công cụ có *tính chất cá nhân* như cái rìu để chặt cây, cái cuốc để xới đất, cái xa quay sợi v.v... Đó là những công cụ mà một người sử dụng cũng làm ra được sản phẩm. Về sau, máy móc ra đời, công cụ sản xuất này *mang tính xã hội* vì phải có sự hợp tác của nhiều người sử dụng máy móc thì mới tạo ra được sản phẩm. Do đó lực lượng sản xuất của xã hội ngày càng được xã hội hóa cao hơn.

Như vậy, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khái niệm "xã hội hóa" nói lên sự chuyển hóa từ tính chất cá nhân thành tính chất xã hội. Ta dùng chữ "hóa" là muốn nói đến sự chuyển hóa từ cái này sang cái kia. Thí dụ: "Công nghiệp hóa" là nói sự chuyển hóa từ một nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. "Hiện đại hóa" là nói sự chuyển hóa từ một nền kinh tế lạc hậu sang nền kinh tế hiện đại.

Khi ta nói "hợp tác hóa" trong nông nghiệp thì có ý nghĩa "xã hội hóa" vì chuyển từ sản xuất cá thể sang sản xuất tập thể trong nông nghiệp.

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, t 46, phần I, tr 214 (tiếng Nga)

Khi ta nói "cổ phần hóa" các xí nghiệp thì cũng là "xã hội hóa" với nghĩa là chuyển từ vốn của một người thành vốn do nhiều người đóng góp để tiến hành sản xuất công nghiệp.

Tôi tán thành đoạn trình bày sau đây trong dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng:

"Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, *thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu*".

Song không thể nói chủ trương cho mở các trường tư thục và thành lập các hãng phim tư nhân là "xã hội hóa" giáo dục và văn hóa. Dùng khái niệm xã hội hóa ở đây là không chính xác, vì thực chất đó là "tư nhân hóa".

Trong các bài báo, có người viết: "Xã hội hóa chính là quá trình đổi mới, khắc phục tình trạng tập trung hóa".

Ở đây người ta so sánh Nhà nước với xã hội, cho rằng xã hội to hơn Nhà nước.

"Nhà nước chỉ là một bộ phận của xã hội, dù "to" đến mức nào cũng không thể là tất cả xã hội".

"Nhà nước phải biết tự thu nhỏ lại, theo nghĩa những gì xã hội (chỉ khu vực ngoài nhà nước) làm được thì để xã hội tự làm".

Ở đây, có sự hiểu không đúng về khái niệm xã hội và

Nhà nước. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Nhà nước là bộ máy thống trị của một giai cấp này đối với một giai cấp khác. Nhưng giai cấp nắm chính quyền Nhà nước nhân danh xã hội để điều hành và quản lý xã hội. Nhà nước không những thực hiện các chức năng giai cấp mà còn phải hoàn thành các chức năng xã hội, nghĩa là Nhà nước có nhiệm vụ phải giải quyết những công việc chung của xã hội về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Chức năng của Nhà nước là như thế trong các chế độ quân chủ, cũng như trong chế độ cộng hòa dân chủ. Đến chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước phải thực sự là "của dân, do dân và vì dân". Như vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự đại diện cho toàn xã hội, chứ không phải chỉ là một bộ phận của xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải lo toan giải quyết tốt mọi vấn đề của xã hội. Những nhiệm vụ mà Nhà nước làm cho dân chính là những nhiệm vụ mang tính xã hội. Trước đây, chúng ta đã mắc sai lầm nóng vội ở chỗ "xã hội hóa" quá cao một cách tràn lan, "tập trung hóa" một cách quan liêu, trong khi nền kinh tế của nước nhà còn nghèo nàn, lạc hậu, cho nên Nhà nước không đủ sức ôm tất cả mọi việc. Đến nay với chủ trương "đổi mới" chúng ta

chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, không phải chúng ta thu hẹp Nhà nước, mà thu hẹp thành phần kinh tế nhà nước, để cho kinh tế tư nhân phát triển. Về mặt xã hội, giáo dục, văn hóa chúng ta động viên mọi người, các tổ chức xã hội "gánh vác" thêm bằng cách đóng góp tiền của, trí tuệ để cùng Nhà nước giải quyết một số mặt. Chủ trương "đổi mới" như thế là đúng đắn trong thời kỳ quá độ từ một nền kinh tế còn nghèo nàn, lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là chủ trương "tư nhân hóa" một số hoạt động về kinh tế, văn hóa, xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo tư duy đổi mới, chúng ta nói rõ chủ trương đó là "tư nhân hóa" trong một phạm vi nhất định.

Trong thời kỳ thực hiện *chính sách kinh tế mới* ở Liên Xô trước đây, Lê-nin đã nói là có thể dùng chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên không phải cứ nói "tư nhân hóa" một số mặt là chệch hướng xã hội chủ nghĩa, mà cứ nói "xã hội hóa" mới chúng ta đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần hiểu đúng và sử dụng đúng khái niệm "xã hội hóa" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. □

VẤN đề đảng viên làm kinh tế tư nhân là nội dung rất mới, quan trọng, nhưng cũng hết sức nhạy cảm, bởi nó liên quan tới lý luận và thực tiễn cách mạng ở nước ta hiện nay, tới lập trường chính trị và bản chất giai cấp của Đảng ta. Nó phản ánh thực chất cuộc đấu tranh giai cấp trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

1 - Cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân là cần thiết, nhưng phải có điều kiện

Xét về mặt thực tiễn, nước ta từ một nước nghèo, kém phát triển, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa; đang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay vẫn còn ở trình độ thấp, sơ khai và tính chất, nhân tố xã hội chủ nghĩa vẫn còn hạn chế, non yếu. Trong điều kiện, hoàn cảnh như thế thì thành phần kinh tế tư nhân vẫn còn phù hợp với tính quy luật "lịch sử - tự nhiên", cho nên nó có vai trò tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Ở các nước kinh tế thị trường phát triển, kinh tế tư nhân đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế. Kinh tế hàng hóa là giai đoạn thấp của kinh tế thị trường, khi nào sản xuất hàng hóa phát triển cao mới thực sự là nền kinh tế thị trường. Cho nên nhìn vào thực

tiễn nước ta cần khuyến khích phát triển thành phần kinh tế này và nên cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân⁽¹⁾, nhằm động viên họ góp phần phát triển đất nước. Trong dự thảo Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng có ghi: "Đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô phải gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng,

Mấy suy nghĩ về đảng viên làm kinh tế tư nhân

ĐÀM KIẾN LẬP *

pháp luật, chính sách của Nhà nước và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương".

Thế nhưng, hiện nay không ít ý kiến phản đối quyết liệt chủ trương này vì cho rằng như thế là trái với chủ nghĩa Mác và với mục tiêu, lý tưởng, bản chất của Đảng, từ đó sẽ dẫn đến biến chất Đảng, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đề ra chủ trương dù là phù hợp với thực tiễn, nhưng lại trái với những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng và cách mạng xã hội chủ nghĩa thì rõ ràng là chưa ổn. Điều đó cho thấy nếu chỉ bằng kinh nghiệm, thực tiễn hoặc vận dụng lý luận máy móc, giáo điều đều chưa thể lý giải thấu đáo vấn đề.

Mặt khác, không ít ý kiến cho rằng kinh tế thị trường là đầy cám dỗ, rất dễ làm hư hỏng cán bộ, đảng viên khi tham gia làm kinh tế tư nhân; do đó bằng tinh thần đầy trách nhiệm với Đảng và sự nghiệp cách mạng, những ý kiến này đã kiên quyết phản đối việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô.

Nếu vậy lại cũng mâu thuẫn với quan niệm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, rằng những người cộng sản phải tiên phong cả về lý luận và thực tiễn⁽²⁾. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm do đó đảng viên cần phải tiên phong trong nhiệm vụ trung tâm này. Cũng như trong kháng chiến trước đây, chiến trường là nơi sống chết, là nơi quyết định

* ThS, Vụ địa phương II - Văn phòng Trung ương Đảng

(1) Thực tế nhiều đảng viên cũng đã làm và Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX cũng đã thừa nhận

(2) Xem: C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 614-615

cho thắng lợi của cách mạng và đảng viên đã thể hiện rõ tính tiên phong của mình. Trong giai đoạn hiện nay, thị trường là nơi đầy cám dỗ, nhưng lại có vai trò quyết định, tại sao chúng ta lại không động viên, thúc đẩy đảng viên làm kinh tế tư nhân để thử thách, tôi luyện, mà lại chỉ sợ đảng viên hư hỏng. Chẳng lẽ lại để tình trạng đảng viên "đứng ngoài cuộc" đối với cuộc sống thật, khi chủ trương của Đảng thực hiện "dân giàu, nước mạnh..."

Theo tôi cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân là hết sức cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế, thử thách đảng viên, để lực lượng cách mạng giành được thắng lợi quyết định trên thị trường, thậm chí còn giúp tinh giản biên chế hiện nay. Song, cần giải quyết vấn đề lý luận cho phù hợp thực tiễn là đảng viên phải tiên phong, gương mẫu trên mặt trận mới - mặt trận xây dựng kinh tế, và làm sao phân biệt được sự khác nhau giữa đảng viên và tư nhân làm kinh tế cả về nội dung bản chất và hình thức thể hiện?

2 - Căn cứ chủ yếu để xác định thực chất sở hữu tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa, để phân biệt kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa với kinh tế mang tính xã hội chủ nghĩa, suy đến cùng là ở chỗ ai được hưởng lợi ích

Để có thể tìm ra lời giải cho những vấn đề trên, trước hết cần trở lại căn nguyên lý luận của vấn đề. Chúng ta đều biết, việc phân biệt các tổ chức kinh tế thuộc những thành phần

kinh tế khác nhau là dựa vào hình thức sở hữu của nó. Các doanh nghiệp, công ty thuộc thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là những tổ chức kinh tế dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bản chất của hình thức sở hữu này là bóc lột, do dựa vào chế độ phân phối theo tư bản.

Song, thực chất thế nào là tư hữu tư bản chủ nghĩa, thế nào là công hữu xã hội chủ nghĩa, cả lý luận và thực tiễn đều không phải đã phân biệt rạch ròi. Bởi *quan hệ sở hữu không chỉ là quan hệ tuyệt đối như quan niệm phổ biến hiện nay mà nó còn mang tính tương đối rất rõ*. Mỗi quan hệ sở hữu cụ thể đều có hai mặt nội dung và hình thức, hai mặt này có quan hệ biện chứng, chúng không phải bao giờ cũng thống nhất với nhau; điều đó làm cho các quan hệ sở hữu có tính tương đối và hình thức sở hữu đạt trình độ xã hội hóa càng cao thì tính tương đối của nó càng cao. Do đó, nếu chỉ căn cứ vào chỗ ai bỏ vốn đầu tư, người ấy là chủ sở hữu thì có khi chỉ mới đúng về mặt hình thức. Cho nên, *muốn xác định thực chất của một quan hệ sở hữu cụ thể cần phải xem xét cả mặt hình thức và cả mặt nội dung của nó và đây là điểm mấu chốt thứ nhất* để lý giải vấn đề. Thực tế cho thấy, sở dĩ còn lúng túng, vướng mắc, chưa lý giải được vấn đề này có lẽ chính là do quá chú trọng mặt hình thức của sở hữu.

Để hiểu rõ hơn tính tương đối hay thực chất của quan hệ

sở hữu, cần xem xét cấu thành của nó. Theo quan niệm thông thường, quan hệ sở hữu chỉ do 3 yếu tố cấu thành là: chủ thể, đối tượng và nội dung các quyền sở hữu. Thế nhưng, từ những nhận thức mới về kinh tế chính trị⁽³⁾ cho thấy quan hệ sở hữu có đến 4 yếu tố cấu thành và 3 yếu tố nói trên chỉ mới tạo nên mặt hình thức. Còn mặt thứ tư là những lợi ích vật chất và tinh thần mà các chủ thể tham gia quan hệ sở hữu mong muốn đạt được mới là yếu tố quyết định nội dung, thực chất của sở hữu. Nói cách khác, không phải người chiếm giữ, quản lý, sử dụng, định đoạt,... mà chính người được hưởng những lợi ích do việc thực hiện các quyền năng sở hữu mang lại mới là *chủ sở hữu thực chất, đích thực* của đối tượng sở hữu. Nói chung, sự thống nhất giữa mặt hình thức và nội dung, sự gắn kết giữa chủ thể với lợi ích sở hữu chỉ là tương đối, cho nên quan hệ sở hữu luôn có tính tương đối.

Do đó, trong thực tế người này có thể khai thác được lợi ích từ sở hữu của người khác. Vận dụng tính chất ấy của sở hữu, có thể cải biến một hình thức sở hữu này thành một dạng sở hữu khác về mặt thực chất, cụ thể là có thể chuyển hóa sở hữu tư nhân thành sở hữu thực chất của

(3) Xem: Nguyễn Đình Kháng và Vũ Văn Phúc: "Những nhận thức kinh tế chính trị trong giai đoạn đổi mới ở Việt Nam", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 52 - 53

người lao động, mang tính chất xã hội chủ nghĩa và ngược lại. Tức là có thể cải tạo hòa bình các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoặc làm biến chất thành phần kinh tế được gọi là nền tảng của chủ nghĩa xã hội. Thực trạng của nhiều doanh nghiệp nhà nước và liên doanh với nước ngoài ở nước ta, cũng như sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cho thấy rất rõ điều đó.

Dựa vào căn cứ trên, chúng ta có thể phân biệt rõ *thực chất* thế nào là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thế nào là sở hữu công cộng xã hội chủ nghĩa.

Bỏ qua mặt lực lượng sản xuất đơn giản hóa vấn đề, có thể khái quát chủ nghĩa tư bản là xã hội dựa trên nền tảng của chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Đó là hình thức sở hữu, trong đó: chủ sở hữu phổ biến là những cá nhân cụ thể; đối tượng sở hữu chủ yếu là vốn, là tư bản; các quyền sở hữu do chủ sở hữu thực hiện hoặc chi phối; đặc biệt là thực hiện chế độ phân phối, phân chia kết quả sản xuất, kinh doanh dựa theo vốn, theo tư bản và *đây là biểu hiện quan trọng nhất để xác định một hình thức sở hữu có phải thực chất là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa hay không*.

Trái lại, chủ nghĩa xã hội là xã hội "do nhân dân lao động làm chủ", dựa trên chế độ sở hữu công cộng xã hội chủ nghĩa. Trong chế độ sở hữu này: chủ sở hữu là toàn dân, hoặc Nhà nước, hoặc tập thể,

nhóm dân cư,... nói chung là mang tính chất cộng đồng của những người lao động; coi lao động (cả trí óc và chân tay) là nhân tố quyết định, lấy sức lao động làm đối tượng sở hữu chủ yếu; người lao động được thực sự làm chủ việc chiếm giữ, quản lý, sử dụng và định đoạt các đối tượng sở hữu; đặc biệt là thực hiện chế độ phân phối theo lao động, chế độ này được hiểu là chế độ phân chia kết quả sản xuất, kinh doanh (cả lợi ích và trách nhiệm, lợi nhuận và rủi ro) cho người lao động căn cứ theo mức đóng góp lao động của họ, và *đây là biểu hiện quan trọng nhất để xác định một hình thức sở hữu có phải thực chất là công hữu xã hội chủ nghĩa không*.

Cũng cần lưu ý là, việc chia sẻ kết quả sản xuất, kinh doanh cho người lao động không phải chỉ vì tính nhân đạo, hay mang tính chất ban ơn, mà chính là vì, như C. Mác đã khẳng định, giá trị thặng dư hay lợi nhuận, nói rộng hơn là kết quả sản xuất, kinh doanh là do người lao động tạo ra. Mặt khác, có phân chia, gắn chặt lợi ích và trách nhiệm của người lao động với kết quả sản xuất, kinh doanh thì mới phát huy được tối đa động lực và trách nhiệm làm chủ của họ. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt các doanh nghiệp thuộc sở hữu công cộng, bởi vì đây chính là khâu mấu chốt làm cho hình thức sở hữu được coi là "vô chủ" này trở nên có chủ một cách thực chất, cụ thể.

3 – Chủ trương, chính sách cần động viên và tạo điều kiện cho đảng viên làm kinh tế tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Về mặt lý luận như trên đã rõ, song trong thực tế cần có chủ trương công khai: *khuyến khích đảng viên bỏ vốn ra thành lập các doanh nghiệp mang tính chất xã hội chủ nghĩa*. Chủ trương này không những phù hợp với lý luận Mác - Lê-nin và thực tiễn đất nước, mà còn hoàn toàn phù hợp với quy luật ra đời và phát triển đặc thù của Đảng ta. Để thúc đẩy phát triển nhanh nền kinh tế nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước cần thực hiện một số chủ trương, chính sách cụ thể như sau:

Thứ nhất: Cần động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên được tự do kinh doanh như mọi công dân, không hạn chế quy mô vốn, lao động. Nhiều người đề nghị nên giới hạn quy mô kinh doanh để đảng viên không biến thành tư sản, nhưng thật là vô lý khi không chế sự phát triển có lợi cho xã hội và như thế là hoàn toàn trái quy luật kinh tế. Song, tổ chức và hoạt động sản xuất, kinh doanh của đảng viên ngoài việc phải gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, còn phải bảo đảm những điều kiện nhất định. Đó là *phải ít nhiều thể hiện rõ tính ưu việt xã hội chủ nghĩa*, tức phải thể hiện được tính tiên tiến

nhất định về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tổ chức quản lý, nhất là phải có trách nhiệm cao đối với người lao động, bình đẳng và dân chủ trong quản lý, công bằng về lợi ích giữa chủ sở hữu với người quản lý, lao động trong doanh nghiệp. Có thể cụ thể hóa những điều kiện đó thành những tiêu chuẩn chủ yếu sau đây:

+ *Về chủ thể sở hữu*: đảng viên có thể một mình bỏ vốn đầu tư, nhưng tốt hơn nên đứng ra vận động nhiều người cùng góp vốn, góp công thành lập doanh nghiệp tập thể dưới nhiều hình thức như: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã... Bởi theo C. Mác, sự ra đời của công ty cổ phần "...là sự thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở ngay trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa" ⁽⁴⁾ và điều này "chúng tỏ sự xuất hiện công ty cổ phần về mặt lịch sử là bước tiến từ sở hữu tư nhân lên sở hữu tập thể của các cổ đông" ⁽⁵⁾.

+ *Về quản lý*: phải tôn trọng và phát huy trên thực tế quyền làm chủ của công nhân, lao động trong doanh nghiệp, tạo điều kiện cho họ được tham gia quản lý và phát huy tính năng động sáng tạo của họ.

+ *Về phân phối*: không những trả lương tương xứng với giá trị sức lao động mà còn thực hiện chế độ phân chia kết quả sản xuất, kinh doanh cho người lao động với tỷ lệ nhất định và ngày càng cao, nhằm

biến quá trình phân phối thành quá trình xác lập quyền làm chủ thực chất của người lao động và từng bước biến họ trở thành các cổ đông, là những người chủ thực sự có cổ phần trong doanh nghiệp.

+ *Về chính trị, văn hóa và xã hội*: tạo điều kiện cho các tổ chức của Đảng, đoàn thể, các hình thức sinh hoạt văn hóa lành mạnh được hình thành và phát triển thuận lợi. Quan tâm và chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động. Tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, nhân đạo, từ thiện...

Thứ hai: Việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân *phải có điều kiện*. Cần thấy rằng những điều kiện đặt ra như trên cũng là yêu cầu và xu thế chung của sự phát triển sản xuất kinh doanh, chúng hoàn toàn không trái buột, cản trở doanh nghiệp; trái lại, đó là những điều kiện mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần vươn tới để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; cho nên chúng không làm cho các chủ doanh nghiệp ngại, mà còn cảm thấy tự hào khi có nhiều cống hiến cho sự nghiệp chấn hưng đất nước.

Thứ ba: Đảng và Nhà nước cần có *những chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, đào tạo,...* để khuyến khích đảng viên làm kinh tế tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng không bao cấp và phải bảo đảm tính độc lập tự chủ của các doanh nghiệp này. Đối với

đảng viên có thể được tín chấp hoặc được tổ chức đảng xem xét bảo lãnh vay vốn. Tổ chức đảng và nhà nước nên mạnh dạn tham gia góp vốn để hỗ trợ cho các doanh nghiệp mang tính chất xã hội chủ nghĩa, thậm chí có thể cho mượn vốn để thực hiện những đề án thành lập doanh nghiệp hoặc dự án kinh doanh có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội. Cần tổ chức rộng rãi, thường xuyên các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về sản xuất kinh doanh, về tổ chức quản lý doanh nghiệp, nhất là hình thức doanh nghiệp cổ phần,... cho đảng viên và mọi người. Đặc biệt, cần áp dụng lãi suất cho vay, giá thuê đất ưu đãi và giảm thuế thu nhập nhằm khuyến khích các doanh nghiệp chia lợi nhuận và chuyển phần lợi nhuận được chia đó thành cổ phần để tạo điều kiện cho người lao động tham gia làm chủ doanh nghiệp. Các doanh nghiệp của đảng viên cần tăng cường liên kết, hợp tác với nhau và với các doanh nghiệp nhà nước, các hợp tác xã để phát triển tạo ra lợi thế cạnh tranh, nhưng không được vi phạm pháp luật và chống độc quyền trong sản xuất kinh doanh.

(Xem tiếp trang 65)

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, t 25, tr 670

(5) Lê Hữu Nghĩa- "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam: Một vấn đề lý luận và thực tiễn" - *Tạp chí Cộng sản*, số 22, 2004, tr 10



CUỘC họp chi bộ vừa tan, ông B. ra về với niềm phấn chấn hiện rõ trên nét mặt. Ở nhà, vợ ông chờ chồng về ăn trưa vẻ sốt ruột. Thấy ông, bà mắng yêu: "Chi bộ họp đầu xuân sao mà lâu thế ! Hay ông được chiêu đãi !"

Ông phân trần: "Nào có chiêu đãi gì đâu. Hôm nay họp là góp ý vào dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng. Chi bộ ai cũng quan tâm, có nhiều ý kiến phát biểu, tranh luận và phải kéo dài thời gian, nên mới về muộn".

Bữa cơm trưa hôm đó của vợ chồng ông B. cũng nhanh chóng kết thúc như thường lệ. Ông B. có đặc điểm là hay quán triệt những vấn đề có tính giáo dục để vợ con nghe, nên sau bữa cơm, ngồi bên ấm trà nóng ông phấn khởi bộc bạch cùng vợ. Thấy ông vui, bà đành ngồi cùng uống trà để ông giải bày quan điểm của mình.

Ông nói: Lâu nay nghe đài báo phê phán tham nhũng là ở những người có chức, có quyền, bởi chính họ mới có điều kiện, môi trường tham nhũng. Nhưng hôm nay họp chi bộ, nhiều ý kiến phát biểu cho rằng: chính người dân cũng tiếp tay cho tham nhũng.

Cũng là tiếp tay cho THAM NHŨNG

HOÀNH NHỊ

Tôi nghe mọi người nói thấy cũng có lý.

Ông nêu cụ thể:

- Để được việc nhanh, nhiều người đã đưa phong bao cho cán bộ, công chức khi đi làm hộ khẩu, giấy tờ nhà, đất. Có khi cán bộ, công chức không yêu cầu (tức vói) cũng đưa, như vậy là tiếp tay cho tham nhũng, nên cũng cần ngăn chặn.

- Nhiều người đến bệnh viện khám bệnh đã kẹp tiền vào sổ để được gọi khám nhanh hơn, nằm viện thì đưa phong bao để bác sỹ quan tâm hơn, y tá tiêm đỡ đau hơn, hộ lý phục vụ tốt hơn. Có con sơ sinh cũng kẹp năm, mười ngàn đồng vào nách cháu nhỏ để được tắm tử tế hơn... Thằng Tôm nhà mình chả thế à!. Bà thấy chưa, những hiện tượng đó đều là từ người dân, rõ ràng đó là sự tiếp tay cho

những hành vi tiêu cực, chứ còn gì!

- Nhiều trường hợp, người tham gia giao thông điều khiển phương tiện không có bằng lái, đi ẩu, phương tiện quá cũ... vi phạm luật, bị công an giữ đã dùng tiền để lót tay. Trên ti-vi còn quay cả những trường hợp lái xe chuẩn bị trước, khi gặp công an kiểm tra là chủ động đưa ngay. Rồi trong việc xét xử của ngành tòa án cũng có không ít người đã dùng tiền để chạy tội, giảm án.

- Trong ngành giáo dục, nhiều thầy, cô giáo sống liêm khiết, trong sạch, luôn quan tâm chăm lo cho sự nghiệp "trồng người". Chỉ có một bộ phận biến chất làm mất đi đạo đức cao đẹp của người thầy mà trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó có cả một số phụ huynh và học

sinh. Họ dùng tiền dưới nhiều hình thức như mua điểm, xin điểm, xin xét lên lớp, cấp bằng, chạy vào trường chuyên, lớp chọn, đội tuyển đi thi...

Nghे ông nêu mấy trường hợp và phân tích tác hại của nó, bà đều thấy đúng. Tệ tham nhũng đã len lỏi vào mọi mặt đời sống xã hội, gây hậu quả hết sức nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước, làm xói mòn đạo đức, phẩm giá con người, cản trở sự phát triển của đất nước.

Điều khiến cho bà băn khoăn, day dứt là các trường

hợp ông B. nêu đều là do người dân tiếp tay. Qua những dẫn chứng và phân tích của ông, bà B. thấy chính mình và mấy người dân trong khu tập thể cũng đã có lúc làm một trong những việc như trên, tức là vô tình tiếp tay cho tham nhũng mà không biết. Bà suy nghĩ và tỏ ra ân hận.

Thấy sự suy tư hiện trên nét mặt bà, ông B. như có ý vỗ về, nói với bà: Để ngăn ngừa các trường hợp trên, mỗi người phải thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: "Quan tham vì dân đại. Nếu dân hiểu biết, không chịu nuốt lút, thì "quan" dù không liêm cũng phải

LIÊM. Vì vậy, dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ, để giúp cán bộ thực hiện chữ LIÊM"⁽¹⁾.

Bà B. nhìn chồng thầm cảm ơn ông đã mang đến thông tin mới từ cuộc họp của chi bộ. Dẫu rằng bà không phải là đảng viên, nhưng nhận thấy cũng cần rút kinh nghiệm, không tiếp tay cho tham nhũng. Nhìn ông B. cất đều tiếng ngáy trong giấc ngủ trưa, bà thấy càng yêu ông hơn... □

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 641

MÁY SUY NGHĨ...

(Tiếp theo trang 63)

Thứ tư: Khuyến khích đảng viên và mọi người làm kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ định kiến những người làm kinh tế thuần túy tư nhân. Bởi vì, như trên đã nói trong điều kiện hiện nay, kinh tế tư nhân và ngay cả các hình thức kinh tế cá thể, tiểu chủ vẫn còn có vai trò tích cực lâu dài đối với sự phát triển đất nước. Mặt khác, trong cùng một môi trường kinh tế, giữa các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tất yếu có sự tác động chuyển hóa theo hướng phát triển; do đó, các doanh nghiệp tư nhân muốn tồn tại cũng không thể giữ mãi sự "thuần túy" của mình.

Điều quan trọng là cần phân biệt vấn đề đảng viên làm kinh tế với vấn đề cán bộ, công chức, viên chức làm kinh tế. Rõ ràng là đảng viên là công chức, viên chức cũng như công chức, viên chức nói chung làm kinh tế phải tuân thủ Pháp lệnh Cán bộ Công chức, tức là phải bảo đảm không được lạm quyền và lợi dụng vị trí, chức trách được Đảng và Nhà nước giao để gây ảnh hưởng nhằm vụ lợi cá nhân, vi phạm pháp luật.

Để đẩy nhanh sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần khuyến khích và tạo điều kiện cho đảng viên đứng ra vận động thành lập, hoặc tham gia thành lập, hoặc tự tổ chức để nhanh chóng hình thành ngày

càng nhiều doanh nghiệp mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng là cần phải mềm dẻo, linh hoạt nhưng kiên quyết không được từ bỏ nguyên tắc của Đảng, tức là *thỏa hiệp phải có nguyên tắc* như Lê-nin đã từng dạy. Có như vậy việc thực hiện chủ trương trên, không những bản chất của Đảng sẽ được giữ vững mà còn thêm sức sống mới cho đất nước ngày một phát triển nhanh, rút ngắn khoảng cách với các quốc gia khác trong khu vực và thế giới, làm cho "véc-tơ" về chống tụt hậu và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế cùng chiều với định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng chính là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. □



CÔNG XÃ PA-RI - NHÀ NƯỚC VÔ SẢN ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI

PHÙNG THỊ HOAN *

CÁCH đây 135 năm, ngày 18-3-1871 là ngày mở đầu cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới. Thành quả lớn nhất của cuộc cách mạng này là đập tan bộ máy nhà nước quan liêu và quân sự của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền mới nằm trong tay Ủy ban trung ương quân đội Vệ quốc do công nhân và thợ thủ công được vũ trang bầu ra (sau đó là sự thay thế của Hội đồng công xã). Sự ra đời của Công xã Pa-ri đã khẳng định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện mới: *không thể duy trì bộ máy nhà nước cũ – nhà nước tư sản, mà phải lập nên một bộ máy chính quyền hoàn toàn mới – nhà nước vô sản*. C. Mác đã chỉ ra rằng, Công xã là cái đối lập trực tiếp với đế chế ⁽¹⁾.

Sau cuộc Cách mạng Tháng Hai năm 1848 lật đổ nền quân chủ của Lu-i Phi-líp và lập ra nền cộng hòa, tính cách mạng của giai cấp tư sản Pháp vừa mới được thể hiện trong cuộc đấu tranh chống phong kiến đã giảm sút và mất dần. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản ngày càng quyết liệt và trầm trọng, trở thành mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Pháp giữa thế kỷ XIX. Trên thực tế, khi tiến hành cuộc Cách mạng 1848, giai cấp tư sản Pháp chỉ nhằm đưa thêm nhiều phần tử tư sản vào bộ máy nhà nước (còn nhiệm vụ cơ bản của cách mạng tư sản đã được giải quyết từ cuộc đại Cách mạng Pháp năm 1789 cho đến giữa những năm 90 của thế kỷ XVIII). Trong khi đó, giai cấp vô sản lại

muốn đẩy cách mạng phát triển hơn nữa, muốn thực hiện tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tuy lúc đó còn mơ hồ.

Do vậy, chỉ không lâu sau cuộc Cách mạng Tháng Hai, ngày 23-6-1848, hơn 4 vạn công nhân Pa-ri đã nổi dậy khởi nghĩa, đòi thi hành sắc lệnh về quyền lao động. Đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang quy mô lớn đầu tiên của giai cấp vô sản chống lại chế độ tư bản, đồng thời báo hiệu sự bùng nổ tất yếu của một cuộc cách mạng mới. Cuộc đấu tranh của công nhân Pa-ri đã làm cho giai cấp tư sản hết sức lo sợ và tìm mọi cách chống phá. Hàng nghìn công nhân bị bắn chết, 11 nghìn người bị bắt. Để bảo vệ quyền lợi của mình, giai cấp tư sản Pháp đi vào con đường "hữu khuynh", mong muốn có một chính quyền mạnh hơn, muốn dùng chính thể quân chủ thay cho chính thể cộng hòa. Lợi dụng cơ hội đó, năm 1851, Lu-i Bô-na-pác, cháu của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác đã dựa vào lực lượng quân phiệt để làm cuộc đảo chính, giải tán quốc hội, mở cuộc lùng bắt lớn trong toàn quốc. Một năm sau, ngày 2-12-1852, Lu-i Bô-na-pác tự phong là Hoàng đế, thiết lập nền Đế chế II.

Dưới thời Na-pô-lê-ông III, nền công, thương nghiệp tư bản Pháp phát triển với tốc độ

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

(1) C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 17, tr 789

khá nhanh và quy mô lớn. Nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu trong nước và tìm kiếm thị trường, Lu-i Bô-na-pác liên tiếp tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược An-giê-ri, Đông Dương... Trong khi đó, giai cấp công nhân và nông dân Pháp vẫn tiếp tục bị bóc lột thậm tệ, phải sống trong cảnh đói khổ cùng cực, trí thức bị thất nghiệp ngày một nhiều... Những mâu thuẫn mới trong xã hội Pháp bắt đầu xuất hiện. Cho đến cuối những năm 60 của thế kỷ XIX, trong Đế chế II của nước Pháp, một cuộc khủng hoảng sâu sắc đã chín muồi. Sự bất bình đối với chính sách của Na-pô-lê-ông III ngày càng tăng lên. Trong thời gian này, phong trào đấu tranh của công nhân lan rộng dưới sự lãnh đạo của Quốc tế I, tư tưởng xã hội chủ nghĩa được truyền bá rộng rãi.

Nhằm củng cố địa vị đang bị lung lay, Lu-i Bô-na-pác quyết định tiến hành cuộc chiến tranh với Phổ. Ngày 19-7-1870, Pháp tuyên chiến. Nhưng cũng chính trong cuộc chiến tranh này, sự yếu kém của nền Đế chế II trước quân Phổ đã bị bộc lộ. Chỉ chưa đầy hai tháng tiến hành chiến tranh, quân đội Pháp đã nhanh chóng bị quân Phổ đánh bại. Ngày 2-9-1870, tại Xê-đăng, Na-pô-lê-ông III đầu hàng. Gần 10 vạn quân Pháp bị bắt làm tù binh. Nhân dân lao động Pháp, những người phải chịu gánh nặng của thuế tiền và thuế máu cho cuộc chiến tranh khi nghe tin thất bại ở Xê-đăng đã vô cùng căm phẫn. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự bùng nổ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pa-ri và các vùng lân cận, đưa tới sự ra đời của Công xã Pa-ri.

Tối ngày 3-9-1870, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pa-ri đã xuống đường hô vang khẩu hiệu "đánh đổ đế chế", "nước Pháp muôn năm" và những đội ngũ công nhân vũ trang được thành lập để bảo vệ thủ đô. Lo sợ chính quyền sẽ rơi vào tay giai cấp vô sản, giai cấp tư sản đã nhanh chóng đứng ra thành lập chính quyền của mình: Chính phủ lâm thời với tên gọi là "Chính phủ quốc phòng". Song,

trước sự tiến công ồ ạt của quân xâm lược, "Chính phủ quốc phòng" đã không tổ chức phòng ngự để bảo vệ nước Pháp mà còn đồng ý nhường Pa-ri cho Phổ hòng mượn tay quân Phổ tiêu diệt đội ngũ công nhân tự vũ trang bảo vệ thủ đô. Tiếp đó, chính phủ này lại chấp nhận điều kiện giảng hòa của Phổ là cắt hai tỉnh An-dát và Lô-ren cho Phổ, chịu nộp 5.000 triệu phrăng tiền bồi thường chiến tranh, để một số pháo đài ở Pa-ri cho quân Phổ chiếm đóng.

Trước hành động "phản quốc" của chính phủ và giai cấp tư sản, nhân dân lao động Pa-ri hết sức căm phẫn. Chỉ vài ngày sau, 20 tiểu đoàn gồm khoảng 3 vạn người do giai cấp công nhân và nhân dân lao động thành lập và tự góp tiền mua vũ khí trang bị, sẵn sàng chống lại quân Phổ đang tiến về Pa-ri. Trong những ngày này, lần đầu tiên ở Pa-ri đã xuất hiện những khẩu hiệu "Cộng hòa thế giới muôn năm", "Nhân loại đoàn kết lại"... Hoảng sợ trước không khí đấu tranh hùng hục của Pa-ri lao động, từ đêm 17 tháng 3 cho tới ngày hôm sau, quân đội của chính phủ mới theo lệnh của Chi-e định cướp lấy đại bác của Vệ quốc quân. Nhưng, ngay lập tức, hàng đoàn công nhân cùng vợ con họ đã xuống đường, chặn binh lính không cho cướp đại bác. Trước hành động dũng cảm đó, binh lính bắt đầu ngả về phía nhân dân, đoàn kết với quân đội Vệ quốc. Chính phủ Chi-e biết không thể tước nổi vũ khí của thành phố Pa-ri cách mạng nên đã vội vã rút chạy về Véc-xay để tập hợp lực lượng chống lại Pa-ri.

Chiều ngày 18 tháng 3, quân Vệ quốc chiếm được tất cả những cơ quan đại hành chính công cộng. Cờ đỏ ⁽²⁾ tung bay trên nóc Tòa thị chính và trụ sở Bộ chiến tranh. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới đã giành thắng lợi giòn giã. Ở Pa-ri, chính quyền đã nằm trong tay Ủy ban Trung ương quân đội Vệ quốc do công nhân và nhân dân lao động vũ trang bầu ra.

(2) Công xã lấy lá cờ đỏ làm tượng trưng, được hiểu là "ngọn cờ của nền Cộng hòa thế giới"

Đến ngày 26-3, lần đầu tiên trên thế giới, nhân dân lao động Pa-ri đã nô nức kéo nhau đi bầu cử Hội đồng Công xã, chọn những người đại diện cho chính mình.

Ngày 28-3-1871, Công xã chính thức tuyên bố thành lập. Nhân dân Pa-ri tung bùng đón chào Hội đồng Công xã - mừng ngày giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Ngay sau khi ra đời, Công xã đã bắt tay vào xây dựng một chính quyền hoàn toàn mới. Cơ quan quyền lực tối cao là Hội đồng Công xã do nhân dân lao động bầu lên bằng hình thức phổ thông đầu phiếu và vì lợi ích của nhân dân. Hội đồng Công xã bao gồm nhiều thành phần theo cơ cấu. Lúc đầu, Hội đồng Công xã có 85 ủy viên, trong đó có 21 người là đại diện của giai cấp tư sản, nhưng sau đó những người phản bội đã bỏ trốn. Hội đồng Công xã còn lại 30 đại biểu của công nhân, trí thức dân chủ... Như vậy, Hội đồng Công xã bao gồm những đại biểu của nhân dân lao động Pa-ri, trong đó công nhân đóng vai trò lãnh đạo. Những ủy viên nào không được nhân dân tín nhiệm nữa thì có thể bị bãi miễn. Hội đồng Công xã cũng ban bố luật pháp và tổ chức ra 10 ủy ban để thi hành pháp luật. Mỗi ủy ban do một ủy viên Hội đồng Công xã làm chủ tịch... Điều đó cho thấy, nhiệm vụ cách mạng và tính chất nhà nước của Công xã đã thể hiện là *Nhà nước của giai cấp vô sản, kết hợp giữa quyền lập pháp và hành pháp*.

Công xã đã tập trung giải quyết hai nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng là vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Trong đó, nhiệm vụ dân tộc là giải phóng nước Pháp khỏi quân Phổ và nhiệm vụ giai cấp là giải phóng công nhân khỏi ách thống trị của tư bản. Trước khi thành lập Hội đồng Công xã, những nhiệm vụ này do Ủy ban Trung ương 20 quận Pa-ri và sau đó là Ủy ban Trung ương quân đội Vệ quốc tổ chức thực hiện. Ngoài việc ấn định ngày tuyển cử, Ủy ban Trung ương quân đội Vệ quốc còn ban hành một số quyết định có tính chất nhà nước như

bãi bỏ quân đội thường trực và các đội đồng quân pháp, tuyên bố ân xá và phóng thích phạm nhân chính trị, công bố tự do báo chí, kéo dài kỳ hạn trả nợ thêm một tháng...

Đồng thời với những việc làm trên, sau khi thiết lập được chính quyền mới với cơ quan quyền lực tối cao là Hội đồng, Công xã đã tiến hành xây dựng bộ máy nhà nước mới thể hiện trên tất cả các lĩnh vực quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục...

Nhiệm vụ được tiến hành trước tiên của Công xã là về mặt quân sự. Công xã ban hành sắc lệnh thực hiện vũ trang toàn dân; nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ nền chính trị mới của Công xã. Cảnh sát trước kia vốn là công cụ của chính phủ trung ương thì nay đã bị tước đoạt hết chức năng chính trị cũ của nó và biến thành cơ quan của Công xã, chịu trách nhiệm và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào. Việc giữ gìn trật tự an ninh thủ đô cách mạng do công nhân vũ trang đảm nhiệm.

Vừa tổ chức lại quân đội, Công xã cũng bắt tay vào xây dựng các cấp quản lý chính quyền mang tính chất dân chủ vô sản và chuyên chính vô sản. Những nhân viên trong chính quyền mới đều do dân bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước dân. Nhân dân có quyền bãi miễn họ. Công xã còn quy định mức lương của các nhân viên nhà nước từ trên xuống dưới đều không vượt quá mức lương của công nhân. Bản thân những ủy viên Hội đồng Công xã cũng chỉ nhận số tiền lương hằng ngày là 15 phrăng tức là 5.475 phrăng một năm⁽³⁾. Các ủy viên Công xã phải đảm nhiệm nhiều chức vụ và trách nhiệm của họ rất nặng nề, nhưng về mặt lương bổng không được cấp thêm một thứ gì nữa dù có kiêm nhiệm thêm chức vụ.

Sau khi gạt bỏ quân đội thường trực và cảnh sát, tức là những công cụ vật chất quyền hành của chính quyền cũ và thay thế chế độ đại nghị

(3) Xem: Hoàng Vi Nam: *Công xã Pa-ri*, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1966, tr 110

bằng một tập thể hành động, một cơ quan thống nhất quyền lập pháp và quyền hành pháp có đầy đủ sức mạnh để thực hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Công xã liền bắt đầu tiến hành nhiệm vụ đập tan công cụ áp bức tinh thần, tức là "thế lực của các giáo sĩ". Đối với Công xã, nhà thờ Thiên chúa giáo là một lực lượng chính trị liên kết chặt chẽ với các thế lực thù địch chống lại sự phát triển của một nhà nước kiểu mới. Vậy nên, Công xã đã ra sắc lệnh tách nhà thờ khỏi Nhà nước, hủy bỏ ngân sách về tôn giáo; những tài sản gọi là bất di bất dịch của các thánh hội tôn giáo, động sản hay bất động sản đều được coi là tài sản quốc gia. Các tăng lữ phải trở về với cuộc sống riêng yên tĩnh như "những bậc thánh tông đồ tiền bối của họ"...

Về chính sách kinh tế và xã hội: Mặc dù bị cuốn vào cuộc chiến đấu ác liệt với chính phủ Véc-xay, nhưng điều đó không ngăn cản Công xã phát triển toàn diện những hoạt động xã hội và kinh tế của một nhà nước vô sản. Ngày 16-4-1871, Công xã ra sắc lệnh chuyển giao các xí nghiệp không hoạt động và xí nghiệp vắng chủ cho Hội đồng Hợp tác của công nhân quản lý, đưa ra nguyên tắc công nhân quản lý sản xuất. Công nhân hợp tác với chính quyền xây dựng các kế hoạch sản xuất và nội quy xí nghiệp. Đối với những công xưởng mà bọn chủ còn ở lại thì Công xã quản lý thông qua việc kiểm soát chế độ tiền lương. Hội đồng Công xã còn ra sắc lệnh cấm giới chủ không được dùng hình thức cúp phạt hoặc bớt lương và phụ cấp của công nhân, cấm làm việc ban đêm trong các xưởng bánh mì...

Hội đồng Công xã đã lập ra 10 ủy ban tạo thành một hệ thống quản lý Nhà nước như Ủy ban Quân sự và An ninh xã hội, Ủy ban Quan hệ đối ngoại, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Tài chính, Ủy ban Lao động, Ủy ban Công nghiệp và Thương nghiệp, Ủy ban Lương thực, Ủy ban Giáo dục, Ủy ban Phúc lợi xã hội, Ủy ban Dịch vụ xã hội (còn gọi là Ủy ban Lao động công nghiệp trao đổi). Các ủy ban này đều phải

chịu trách nhiệm trước Hội đồng Công xã và cũng có thể coi như là các bộ có tính chất tập thể trong chính phủ. Mỗi ủy ban có từ năm đến tám ủy viên.

Bên cạnh đó, Công xã cũng thành lập các tổ chức đoàn thể như nghiệp đoàn, các hợp tác xã, các câu lạc bộ, tổ chức thanh niên, tổ chức phụ nữ... Mặc dù thời gian tồn tại chỉ có 72 ngày, nhưng Công xã thi hành được một số biện pháp nhằm ổn định đời sống người lao động, giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, nâng lương cho những người có mức lương thấp, tăng lương cho giáo viên... Công xã còn đề ra chế độ làm việc ngày 8 tiếng, bảo đảm quyền công dân cho phụ nữ; đề ra kế hoạch xây dựng nhà trẻ cho con em công nhân, quy định lại giá bánh mì và các loại thịt để người lao động có thể mua được... Những công việc mà thời gian cho phép Công xã thực hiện đã chứng tỏ sự quan tâm của Công xã đối với giai cấp công nhân. Điều đó khẳng định thêm rằng, Công xã chính là nhà nước của quần chúng lao động.

Về giáo dục, Công xã luôn coi sự phát triển của giáo dục là một vấn đề trọng đại. Nếu không giải quyết được vấn đề đó thì "nền Cộng hòa chỉ là một chữ trống rỗng". Do vậy, ngày 28-3, Công xã đã ra sắc lệnh thi hành chế độ giáo dục bắt buộc và không mất tiền, mở thêm nhiều trường mới, lập nên hệ thống giáo dục mới tách khỏi nhà thờ; thực hiện nền giáo dục vừa chuyên nghiệp, vừa toàn diện, nghĩa là làm cho "mỗi người vừa có óc suy xét, vừa có bàn tay thực hành". Đồng thời mở rộng cải cách giáo dục để phát triển việc nghiên cứu khoa học, thành lập Ủy ban Giáo dục... Như thế, "giải phóng các trường học khỏi sự bảo hộ và nô dịch của chính phủ, thì lực lượng tinh thần của sự áp bức cũng sẽ bị đập tan, khoa học không những trở thành gần gũi đối với mọi người mà còn thoát khỏi những xiềng xích của sự đè nén của chính phủ và của những thành kiến giai cấp" (4).

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, tr 791

Qua những biện pháp nói trên, người ta có thể thấy Công xã đã quan niệm được khá rõ ràng sự cần thiết của nền giáo dục nhân dân thích hợp với những điều kiện thực tế lúc đó và Công xã đã đặt được những cơ sở cho nền giáo dục ấy.

Về văn hóa, Công xã đã quyết định cho mở lại Cung điện Tu-lu-dơ và các viện bảo tàng khác của Pa-ri; đưa ra chính sách cụ thể nhằm hợp tác các nghệ sĩ và kêu gọi họ hướng tất cả những cố gắng của mình vào việc xây dựng lại trạng thái tinh thần của Pa-ri; đồng thời thành lập Hội liên hiệp các nghệ sĩ Pa-ri để "quản lý nghệ thuật do những nghệ sĩ" với nhiệm vụ "bảo tồn vốn cũ, đem thực hành và soi sáng tất cả những nhân tố đương thời và tái tạo lại tương lai bằng sự giáo dục"⁽⁵⁾.

Để tiến hành những công tác nói trên, Công xã chủ trương dựa vào sự ủng hộ của công nhân, các nghiệp đoàn và câu lạc bộ cách mạng. Nữ công nhân tham gia tích cực vào đời sống chính trị và kiên quyết ủng hộ Công xã, đặc biệt đã tổ chức được một tiểu đoàn nữ binh trong phòng thủ Pa-ri chống lại bọn phản động Véc-xay. Công nhân cũng đem hết sức lực ủng hộ chính phủ của mình. Họ tố cáo những âm mưu phản cách mạng của giai cấp tư sản, góp phần đấu tranh chống nạn đầu cơ...

Toàn bộ hoạt động của Công xã chứng tỏ Công xã Pa-ri chính là biểu hiện đầu tiên của chuyên chính vô sản, mặc dù đó là một nền chuyên chính chưa đầy đủ, chưa mang tính chất vững chắc, nhưng xét về bản chất đã mang dáng dấp của một Nhà nước kiểu mới - Nhà nước vô sản. C. Mác đã chỉ ra rằng, về thực chất, Công xã là một chính phủ của giai cấp công nhân, là kết quả của cuộc đấu tranh của những người sản xuất chống giai cấp chiếm hữu, là hình thức chính trị rút cuộc đã tìm ra được khiến cho có thể thực hiện được việc giải phóng lao động về mặt kinh tế. Công xã đã thay bộ máy nhà nước tư sản bị đập tan bằng một chế độ dân chủ "chỉ" hoàn bị hơn mà thôi. Nhưng, đó thực chất là một sự thay đổi vĩ đại; thay những cơ quan này

bằng cơ quan khác hẳn về nguyên tắc. Đó chính là một trường hợp "lượng biến thành chất", từ chỗ là dân chủ tư sản đã biến thành dân chủ vô sản như V.I. Lê-nin đã chỉ ra. Và như thế, Công xã Pa-ri chính là "mưu đồ" đầu tiên của cách mạng vô sản để đập tan bộ máy nhà nước tư sản, nó là hình thức bộ máy mà người ta có thể và phải dùng thay thế cho bộ máy đã bị đập tan trên.

Mặc dù thất bại, nhưng Công xã Pa-ri đã ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân châu Âu cuối thế kỷ XIX, có tác dụng "khuấy động mạnh mẽ phong trào xã hội chủ nghĩa toàn thể châu Âu... Công xã đã dạy cho giai cấp vô sản châu Âu đặt những vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa một cách cụ thể" và là "tấm gương vĩ đại nhất của phong trào vĩ đại nhất trong thế kỷ XIX" ⁽⁶⁾. Những nguyên lý chủ yếu của Công xã Pa-ri năm 1871 đã được C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ và V. I. Lê-nin tổng kết, phát triển và hoàn thiện cả về lý luận lẫn thực tiễn: Muốn lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản thắng lợi, giai cấp công nhân phải xây dựng một đảng vô sản chân chính, phải dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền, phải đập tan bộ máy nhà nước sẵn có, tức là bộ máy quân sự - quan liêu của giai cấp tư sản, thiết lập nền chuyên chính vô sản thay thế cho nền chuyên chính tư sản. Công xã Pa-ri với những chính sách và biện pháp đã thực hiện, chứng tỏ đó chính là một hình thức nhà nước kiểu mới - nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới.

Hơn một thế kỷ đã qua nhưng những bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri vẫn giữ nguyên giá trị, cho dù tình hình thế giới nói chung và phong trào cộng sản quốc tế nói riêng có nhiều biến đổi, tác động trực tiếp đến cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay. □

(5) Hoàng Vĩ Nam: *Sđd*, tr 133

(6) V.I.Lê-nin: *Những bài học của Công xã*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1965, tr 5

HỘI NGHỊ GÓP Ý KIẾN VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

N NGÀY 14-2-2006, tại Hà Nội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị góp ý kiến dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng.

Đại diện đông đảo các tầng lớp trong xã hội, đại diện các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu trên các lĩnh vực tới dự Hội nghị.

Các ý kiến đã đề cập tới nhiều vấn đề trong dự thảo Báo cáo Chính trị.

Về kết cấu của dự thảo Báo cáo Chính trị, các ý kiến cho rằng, dự thảo nên tập trung trình bày sâu những nhiệm vụ quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển của đất nước, trong nhiệm kỳ Đại hội X, như tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... Đó là những vấn đề cấp bách không chỉ góp phần làm lành mạnh hệ thống chính trị, mà còn nâng cao niềm tin của xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời, trực tiếp nâng cao sức mạnh nền kinh tế của đất nước.

Về một số nội dung của dự thảo, các ý kiến cho rằng, những đánh giá về chủ trương và kết quả thực hiện trên các lĩnh vực khoa học, giáo dục, kinh tế... còn chung chung. Đề nghị nên dành sự tập trung về công tác lập pháp và giám sát thi hành pháp luật, sao cho chủ trương sống và hành động theo Hiến pháp và pháp luật và việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ngày càng hiệu quả.

Nhiều ý kiến cũng nêu lên những sửa đổi chi tiết về cách thể hiện một số vấn đề trong dự thảo.

Nhiều ý kiến tại Hội nghị đề nghị dự thảo Báo cáo Chính trị cần làm rõ hơn nữa vai trò ngày càng quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện chức năng phản biện xã hội đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, công tác điều hành của Chính phủ; đồng thời là mái nhà chung của các tầng lớp nhân dân Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Để Mặt trận Tổ quốc thực hiện thành công điều đó, cần có sự đồng sức, đồng lòng của mọi công dân, mọi giai cấp, tầng lớp vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, và được thể chế hóa bằng pháp luật. □

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)

T TRONG 2 ngày 27 và 28-2, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) đã tổ chức Hội nghị toàn quốc kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ trì Hội nghị có các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2); các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng: Trương Vĩnh Trọng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương; Nguyễn Văn Chi, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Dự Hội nghị còn có các đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), bộ phận thường trực Trung ương 6 (2) ở các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương; lãnh đạo các ban của Đảng ở trung ương.

Báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2) trình bày tại Hội nghị chỉ rõ: Trong 5 năm qua, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

được tăng cường đáng kể, tạo một số chuyển biến tích cực: việc xây dựng, đổi mới thể chế kinh tế, thực hiện công khai, dân chủ tiếp tục được đẩy mạnh; công tác điều tra, kiểm tra, thanh tra được tăng cường; việc chấp hành kỷ luật của Đảng nghiêm minh hơn. Đã đưa ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội một số vụ án lớn. Công tác cán bộ có đổi mới về nội dung và cách làm. Tình trạng mất đoàn kết trong Đảng được khắc phục đáng kể; việc xử lý các vụ việc nổi cộm, các đơn thư khiếu nại, tố cáo được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đã đem lại những kết quả bước đầu. Cuộc vận động đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có tác dụng nhất định cảnh báo, răn đe, đồng thời nuôi dưỡng quyết tâm và niềm tin của xã hội, của nhân dân... Tuy nhiên, qua cuộc vận động, vẫn chưa tạo được những chuyển biến cơ bản, chưa chặn đứng và đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách và công tác cán bộ. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, nhưng chưa cơ bản. Tình hình vẫn còn rất phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức, nảy sinh những vấn đề mới, nếu không nỗ lực ngang tầm, thì sẽ là thách thức lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ.

Hội nghị tập trung trao đổi, thảo luận, thống nhất xác định sáu giải pháp chủ yếu vừa cơ bản, vừa cấp bách từ nay đến năm 2010. Đó là: Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng và luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nâng cao tính chiến đấu, khả năng tự đề kháng, tự ngăn chặn, khắc phục những hư hỏng, tiêu cực của tổ chức đảng và đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, công tác thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, hoạt động giám sát của cơ quan dân cử; thực hiện nghiêm minh việc xử lý kỷ luật Đảng, chính quyền và xét xử theo pháp luật của Nhà nước đối với mọi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên có vi phạm; thực hiện đồng bộ các chủ trương về cải cách tư pháp, cải cách hành chính, phát huy dân chủ, đặc biệt là thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, khuyến khích nhân dân tham gia đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; chăm lo xây dựng tổ chức chuyên trách công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Nhà nước theo Luật Phòng, chống tham nhũng.

Phát biểu ý kiến kết luận Hội nghị, đồng chí Phan Diễn khẳng định, việc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực đã được đẩy mạnh rõ rệt, trở thành cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội và có sự chỉ đạo chặt chẽ, kiên quyết từ trung ương đến cơ sở; khẳng định kết quả bước đầu đã đạt được, chỉ ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, mục tiêu và giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cuộc vận động trong những năm tiếp theo. Đồng chí nhận định, tình hình tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, lãng phí hiện nay vẫn rất phức tạp và nghiêm trọng, căn bệnh còn nặng, nguy cơ còn lớn, Đảng chưa yên tâm, nhân dân chưa bằng lòng. Đồng chí nhấn mạnh, mục tiêu của 5 năm tới là phải kiên quyết tạo cho được sự chuyển biến lớn trong lĩnh vực này, đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, lãng phí quyết liệt và mạnh mẽ hơn, huy động sức mạnh của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và cả xã hội cùng tham gia với quyết tâm chính trị cao, có hình thức và biện pháp phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, văn bản pháp luật và những chế tài đủ mạnh, có tính khả thi cao.

Để tạo những chuyển biến lớn trong những năm tiếp theo, cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đã được Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) xác định, quyết tâm làm và làm triệt để, kiên quyết cuộc đấu tranh này. Trong tổ chức thực hiện cần phải kiên trì, có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp tốt giữa "xây" và "chống"; đề cao vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị gắn với hoàn thiện hệ thống đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Xây dựng chuẩn mực đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nâng cao tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình để tiếp tục đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực có hiệu quả cao. □



CÔNG TY CAO SU KRÔNG NĂNG

Địa chỉ: xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

ĐT: (050) 675 644 - 675 151 Fax: 050.675 251

Giám đốc: NGUYỄN VĂN ĐIỀU



Trụ sở công ty



Hãy thưởng thức hương vị độc đáo trong cà phê bột **VICA**, một sản phẩm đến từ đỉnh cao của núi rừng Tây Nguyên.

Vườn cà phê chè Arabica 650 ha của công ty được chọn giống, trồng tập trung và chăm sóc đặc biệt trong môi trường thiên nhiên ở độ cao từ 800m đến 1200 m. Nguyên liệu được hấp thu từ những làn sương ban mai hòa lẫn không khí trong lành nhất trên vùng đất màu mỡ của vùng cao nguyên Việt Nam.



Vườn cà phê Arabica được trồng ở độ cao > 800m



Nhà máy chế biến công nghệ ướt

Cà phê nguyên liệu trên 1000 tấn/năm được chế biến trên dây chuyền công nghệ mới hiện đại tiên tiến nhất, bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu.

Sản phẩm cà phê bột **VICA** (Arabica Việt Nam) của công ty được chế biến từ nguyên liệu cà phê Arabica nguyên chất có hương vị độc đáo của núi rừng Tây Nguyên.

Các chi nhánh

Hà Nội:

56 Nguyễn Du - Hà Nội
ĐT: 04.8 263 685 - Fax: 04.9 423 983

Đà Nẵng:

622 Tôn Đức Thắng - P. Hòa Khánh
quận Liên Chiểu - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0511.842 719

TP.HCM:

586 đường Cộng Hòa - P.13
quận Tân Bình - TP.HCM
ĐTĐD: 091.8 117 621

Cần Thơ:

78 Nguyễn Thái Học - P. Tân An
quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
ĐT: 071.814 938

HUYỆN KỶ SƠN



BÍ THƯ: HOÀNG MINH TUẤN

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sau khi chia huyện, Đảng bộ huyện Kỳ Sơn đã tiến hành đại hội lần thứ 24 nhiệm kỳ 2002 - 2007 (tháng 12 - 2002). Ba năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đại hội đề ra. Cụ thể:

I/ VỀ KINH TẾ:

Giá trị tổng sản phẩm tăng bình quân trong 3 năm đạt trên 9%; nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 43%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 27,5%; thương mại - dịch vụ - du lịch 29,5%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,2 triệu đồng, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2000 và vượt 30% so với mục tiêu Nghị quyết đề ra (4 triệu đồng). Toàn huyện không có hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 6%.

II/ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Công tác giáo dục đào tạo: 100% các cháu trong độ tuổi vào lớp 1 đến lớp, trên 90% đến trường mầm non. Có 2 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tốt, có 10/10 xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.
- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, gia đình và trẻ em: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 20%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức 1,03%.
- Công tác văn hóa - thể thao: Đến năm 2005 có 70,8% hộ gia đình, 60% xóm khu, 45% cơ quan và 80% trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa, trong đó có 5 hộ gia đình, 60% xóm khu, 45% cơ quan và 80% trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp tỉnh.
- Đài phát thanh và truyền hình có nhiều cố gắng trong tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện.
- Công tác lao động, thương binh và xã hội: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng, làm tốt công tác chăm sóc người có công.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ được chú trọng.
- Phối kết hợp mở các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, tạo việc làm cho con em gia đình đối tượng chính sách và người lao động.
- Thực hiện tốt chủ trương xuất khẩu lao động: Trong 3 năm đã giải quyết cho trên 400 người đi lao động xuất khẩu.

III/ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

Đảng bộ gắn công tác xây dựng Đảng với việc quản lý, rèn luyện đảng viên và củng cố hệ thống chính trị. Hàng năm, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách đạt 98% trở lên, trên 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch - vững mạnh. Nhiều năm liền Đảng bộ huyện không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Năm 2004, Đảng bộ Kỳ Sơn đã xóa xong xóm trắng đảng viên





HIỆP HỘI SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VIỆT NAM

VIỆT NAM PHARMACEUTICAL COMPANIES ASSOCIATION

Địa chỉ: Tầng 4 - nhà B 138B Giảng Vũ - Ba Đình - Hà Nội * Tel: (04) 8.465223 * E-mail: vnPCA@tpt.vn * Website: <http://www.vnPCA.org.vn>



HIỆP HỘI SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VIỆT NAM
LỚP HỌC TRIỂN KHAI THỰC HÀNH GMP WHO
Hà Nội, ngày 14-17.11.1.2005

Hiệp hội sản xuất - kinh doanh dược Việt Nam được phép hoạt động từ tháng 3-2000 theo quyết định số 24/2000/QĐ - BTCCBCP của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ), có chức năng nhiệm vụ:

- Tạo ra sự liên kết chặt chẽ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh dược để cùng nhau giải quyết những khó khăn vướng mắc về kinh tế, kỹ thuật, xây dựng thị trường trong nước ổn định và tìm thị trường để xuất khẩu.

- Giới thiệu và xúc tiến thương mại các sản phẩm của các đơn vị thành viên và các doanh nghiệp dược khác, nhằm thực hiện tốt công tác tiếp thị, tuyên truyền, quảng cáo, hướng dẫn người tiêu dùng, thúc đẩy xúc tiến thương mại trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Tổ chức các dịch vụ như: huấn luyện, đào tạo tư vấn đầu tư,

khoa học, công nghệ, thông tin, hội thảo, quảng cáo ...

- Tổ chức và tạo điều kiện cho các thành viên của Hiệp hội tiếp cận thị trường nước ngoài như: tham gia hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Tham quan, khảo sát thị trường quốc tế phục vụ cho các thành viên của Hiệp hội, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, hỗ trợ sản xuất và kinh doanh phát triển.

- Trao đổi thông tin với các tổ chức, Hiệp hội quốc tế về hoạt động của Hiệp hội, tiến tới gia nhập Hiệp hội quốc tế.

- Tư vấn cho các thành viên của Hiệp hội về đầu tư phát triển khi có yêu cầu, bao gồm: tư vấn thẩm định các dự án, tư vấn phân biện đối với các công trình lớn.

- Tổ chức phối hợp hoạt động của các thành viên trên cơ sở phân công hợp tác trong sản xuất kinh doanh, thống nhất giá cả, thị trường, sản phẩm mới, sản phẩm có thể mạnh của từng doanh nghiệp, sản phẩm có công nghệ cao... cùng các cơ chế thích hợp.

- Kiến nghị với Nhà nước về chiến lược phát triển ngành dược, chủ trương chính sách, các biện pháp bảo hộ hợp lý, hỗ trợ và khuyến khích phát triển sản xuất - kinh doanh dược phẩm có hiệu quả

- Đại diện cho ngành tham gia đàm phán, ký kết với các tổ chức quốc tế liên quan đến các trường hợp tác tác hai bên.

- Cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, khoa học - công nghệ... cho các thành viên của Hội kịp thời xử lý thông tin cần thiết

- Tăng cường mở rộng thị trường quốc tế để xuất khẩu thuốc, phục vụ các thành viên hiệp hội.

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN CẦU HẢI PHÒNG

Giám đốc: ThS. NGUYỄN HỒNG NAM

Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Nhiệm vụ quan trọng của Ban trong giai đoạn 2003-2005 là hoàn thành dự án cầu Bình đúng tiến độ, khởi công dự án cầu Rào II để kỷ niệm 50 năm Hải Phòng giải phóng; đồng thời chuẩn bị các dự án khác như dự án cầu Đinh Vũ - Cát Hải, cầu vượt nút giao thông nam cầu Bình và một số dự án khác, chuẩn bị các điều kiện để quản lý bảo trì và thu phí cầu Bình; Chỉ đạo tốt việc triển khai Dự án cầu Rào II sử dụng khoản vay của Chính phủ Phần Lan; khảo sát lập Dự án cầu Đinh Vũ-Cát Hải, Đường trục Cầu Rào II - Hồ Sen, Dự án khu đô thị mới Hồ Sen - cầu Rào II, Cầu vượt nút giao thông khác mức Nam cầu Bình, đường nối bờ Bắc cầu Bình với Quốc lộ 10, cầu qua hồ Tam Bạc, Dự án trung tâm quản lý khai thác bảo trì cầu Bình, Dự án công viên hai đầu cầu Bình, khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng cầu Khuê.

Năm 2005, chỉ bộ Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng đã hoàn thành vai trò lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Ban Quản lý dự án. Hoàn thành xuất sắc công tác xây dựng đảng, bộ máy quản lý và các đoàn thể quần chúng, làm tốt công tác kết nạp đảng viên, xây dựng và thực hiện công tác cán bộ có hiệu quả, đội ngũ của Ban ngày càng lớn mạnh, đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tập thể Ban Quản lý được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước và 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; có 4 đảng viên được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 1 đảng viên được tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Chỉ bộ Ban Quản lý các dự án cầu là Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh - tiêu biểu 5 năm liên tục.

Địa chỉ: 14 A Minh Khai - Hải Phòng * ĐT: 031 822 701 * Fax: 031 842 436

VIỆN KINH TẾ - KỸ THUẬT THUỐC LÁ

Địa chỉ: 235 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội * Điện thoại: (84.4) 8 584 666 - Fax: (84.4) 8 584 322 email: vtl@fpt.vn



TS TRẦN ĐĂNG KIẾN
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY - VIỆN TRƯỞNG



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thuốc lá.

Sản xuất thử nghiệm trên cơ sở kết quả nghiên cứu.

Các dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho ngành thuốc lá.

Tư vấn cho lãnh đạo Tổng Công ty về các đề án quy hoạch phát triển ngành.

HƯỚNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỚC XU THẾ HỐI NHẬP:

Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào sản xuất ngành thuốc lá.

Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng KHKT.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật quản lý, công nhân lành nghề cho ngành thuốc lá.

Tăng cường hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế.

LỰC LƯỢNG CÁN BỘ: Tổng số cán bộ công nhân viên là 208 người (Trong đó: 7 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ, 70 Đại học, 40 Cao đẳng và Trung cấp, 81 Công nhân kỹ thuật và phục vụ).

NHỮNG DANH HIỆU THI ĐUA KHEN THƯỞNG ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG:

1 Huân chương Lao động hạng 3 (2002)

1 Cờ thi đua Chính phủ (1999)

1 Chiến sĩ thi đua toàn quốc

Nhiều bằng khen các cấp, các ngành.

Danh hiệu tổ chức đáng trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền



CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ

VIỆT HÀ

Địa chỉ: 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội * Giám đốc: **NGUYỄN NGỌC BẢO**



Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà, tiền thân là Nhà máy Thực phẩm Hà Nội, được thành lập từ năm 1966. Từ một nhà máy với xuất phát điểm thấp, đến nay đã phát triển thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất thực phẩm, bia và nước giải khát của Thủ đô Hà Nội. Công ty quản lý 3 loại hình doanh nghiệp khác nhau, bao gồm công ty nhà nước, công ty cổ phần và công ty liên doanh.

NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG 15 NĂM ĐỔI MỚI

1. Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước giao

- * Doanh thu tăng 192 lần (từ 500 triệu đồng lên 960 tỉ đồng).

- * Nộp ngân sách tăng 3.948 lần (từ 50 triệu đồng lên 197,4 tỉ đồng).

- * Vốn tăng 150 lần (từ âm 2 tỉ đồng lên 150 tỉ đồng).

- * Thu nhập bình quân tăng 14 lần (từ 150.000 đồng lên 2.100.000 đồng).

- * Lợi nhuận tăng 10.300 lần (từ 10 triệu đồng lên 103 tỉ đồng).

2. Công ty chú trọng đầu tư mới và mở rộng đạt hiệu quả cao:

- * Đầu tư nâng công suất dây chuyền bia lon, bia chai Halida từ 3 triệu lít/năm lên 45 triệu lít/năm.

- * Đầu tư nâng công suất bia Việt Hà từ 3 triệu lít/năm lên 30 triệu lít/năm.

- * Đầu tư nâng công suất Cổ phần bia Việt Hà từ 3 triệu lít/năm lên 15 triệu lít/năm.

- * Đầu tư nâng công suất nước tinh khiết OPAL từ 2 triệu lít/năm lên 4 triệu lít/năm.

- * Đầu tư xây dựng khu vui chơi giải trí, hệ thống dịch vụ cửa hàng với kinh phí huy động các cổ đông là 2 triệu USD.

3. Là đơn vị đi đầu trong việc xây dựng thành công

thương hiệu sản phẩm và các hoạt động Marketing hiệu quả.

4. Đi đầu trong việc đổi mới công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Nâng cao hiệu quả quản lý, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: duy trì và thực hiện tốt hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, ISO 14000 và HACCP.

Với những kết quả xuất sắc đã đạt được, Công ty được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- * Huân chương Lao động hạng Nhất.

- * 02 Huân chương Lao động hạng Nhì.

- * Huân chương Lao động hạng Ba.

- * Cờ "Đơn vị xuất sắc dẫn đầu khối ngành thực phẩm Hà Nội từ năm 1999 đến nay.

- * Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước liên tục từ năm 1992 đến nay.

- * Thành ủy Hà Nội tặng cờ "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh xuất sắc 5 năm 1995-1999)

- * Sản phẩm: đạt Huy chương Vàng Hội chợ triển lãm hàng CNTQ - 1992, Cúp Vàng chất lượng quốc tế IQM 1993, Huy chương Bạc do Tổ chức Lựa chọn thế giới (Monde Selection) tặng.

THỊ XÃ PHỦ LÝ

Với vị thế là một thị xã tỉnh lỵ nơi trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, nằm ở phía Nam Thủ đô Hà Nội. Chúng ta có rất nhiều thời cơ, thuận lợi mới để xây dựng, phát triển thị xã sớm trở thành đô thị loại 3 và thành phố trực thuộc tỉnh như nghị quyết 14 của ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI đã chỉ rõ: "Thị xã Phủ lý phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp đồng thời phát triển văn hóa- xã hội đồng bộ với xây dựng và phát triển đô thị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Giữ vững quốc phòng- an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ thị đến cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh".

1. Phương hướng:

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, năng lực quản lý điều hành của chính quyền từ Thị đến cơ sở, đặc biệt là năng lực quản lý đô thị. Chủ động đón bắt thời cơ, khai thác tốt lợi thế, tăng cường thu hút đầu tư, huy động có hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch kinh tế theo hướng CNH-HDH tạo bước phát triển nhanh và bền vững.

Củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chú trọng xây dựng nếp sống văn minh đô thị, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Tăng cường vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Mục tiêu:

- Phấn đấu đến năm 2008 thị xã Phủ Lý đáp ứng các tiêu chuẩn và được công nhận là đô thị loại 3. Đến năm 2010 thị

xã Phủ Lý được công nhận là thành phố thuộc tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 14 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam.

- Đến năm 2010 thị xã Phủ Lý được công nhận là thành phố thuộc tỉnh.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế(GDP): 18-19%

- Tăng thu ngân sách năm: 14-15%

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010:

Dịch vụ: 48,5%; Công nghiệp và xây dựng: 47%; Nông nghiệp: 4,5%

- Giá trị sản xuất CN-TTCN và XD tăng: 21-22%

- Tổng mức luân chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng: 17-18%

- Giá trị xuất khẩu tăng 14-15% năm, năm 2010 đạt 50-55 triệu USD.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng: 3-3,5%. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất nông nghiệp đạt 50 triệu đồng/năm

- GDP bình quân đầu người đạt 14-15 triệu đồng(tương đương 950 USD bằng trung bình của cả nước).

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 còn dưới 1,5%

- Giảm tỷ lệ sinh dân số 0,03-0,04% năm. Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,9-1% năm.

- Về văn hóa: 86% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 65-70% số thôn, làng, tổ phố, cơ quan đơn vị được công nhận là đơn vị văn hóa, 100% các làng có nhà, văn hóa, 100% các xã có đủ các thiết chế văn hóa- thể thao.

- Về giáo dục: 100% các trường học, phòng học được kiên cố hóa; 100% các trường mầm non, tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Hàng năm giải quyết việc làm mới cho 2.000- 2.500 lao động.

- Phấn đấu tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh hàng năm đạt từ 90% trở lên.

Các tổ chức nằm trong hệ thống chính trị đạt từ 85% trở lên đạt trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở yếu, phấn đấu 65% đảng viên trở lên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ(trong đó có từ 15% trở lên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). Đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ còn dưới 0,5%.

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUYẾT TÂM XÂY DỰNG THỊ XÃ PHỦ LÝ:
VÙNG VÊ CHÍNH TRỊ, MẠNH VỀ QUỐC PHÒNG AN NINH,
GIÀU VỀ KINH TẾ VÀ TRÍ TUỆ, ĐẸP VỀ CẢNH QUAN VÀ NẾP SỐNG.**



Địa chỉ: Đường Bình Hòa, thị xã Phủ lý, tỉnh Hà Nam - Điện thoại: 0351.851.007 - 851.008

Digitized by Google



TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM CÔNG TY CAO SU BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Thôn 9 - thị trấn Đức Tài - huyện Đức Linh - tỉnh Bình Thuận
ĐT: (84-62) 883 371 - 883 322 - 883 713 Fax: (84-62) 883 447

Giám đốc: **Bùi Ngọc Quan**

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

- ❖ Trồng mới - chăm sóc
khai thác - chế biến
- ❖ Kinh doanh - phát triển
cao su thiên nhiên
- ❖ Dịch vụ kỹ thuật phát triển
cao su tiểu điền tại địa phương



Văn phòng Công ty

Công ty sẵn sàng liên doanh - hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ LƯƠNG THỰC TRÀ VINH Travinh import export and food corporation IMEX TRAVINH

Trụ sở chính: Số 102 Trần Phú - phường 2 - thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (074) 862 636 - 867014 * Fax: (074) 862 778

Email: pkhimextv@hcm.vnn.vn - Website: www.imextravinh.com

CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Chế biến, cung ứng, xuất khẩu và mua bán nội địa gạo trắng hạt dài và gạo thơm
- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản khác
- Nhập khẩu vật tư nông nghiệp
- Đại lý phân phối các sản phẩm tại tỉnh Trà Vinh (xe gắn máy, thức ăn thủy sản và các hàng hoá khác)
- Sản xuất và kinh doanh nước đá, nước uống tinh khiết.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

- Chế biến gạo xuất khẩu: 4.000 - 6.000 tấn/tháng
- Sản xuất nước đá tinh khiết 300 tấn/tháng và nước tinh khiết 120.000 lít/tháng

CÔNG TY LƯƠNG THỰC TIỀN GIANG

256 khu phố 2, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Tel: 84.73.855 604 - 855 683 - 855 470 Fax: 84.73.855 789
Email: tgfood@hcm.vnn.vn * Website: www.tigifood.com

TIGIFOOD



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH ĐỒNG THÁP

Trụ sở: 86/10 bến xe thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp
Tel: (067) 861 745 - 861 746 Fax: (067) 861 750

- ❖ Kết quả mở số vào lúc **16 giờ 30 phút ngày thứ hai** hằng tuần
- ❖ Mua vé số Đồng Tháp là góp phần xây dựng các công trình phúc lợi của tỉnh nhà.
- ❖ Những vé số trúng thưởng được lãnh bằng tiền mặt một lần tại Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp.
- ❖ Khách trúng thưởng đến Công ty sẽ được tiếp đón nồng hậu, lãnh thưởng dễ dàng và nhanh chóng.



HUYỆN PHỔ YÊN

Địa chỉ: Thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên * Điện thoại: 0280.863 141 * Bí thư: **NGÔ XUÂN TRIỆU**



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHỔ YÊN KHOA 27

Đại hội đại biểu lần thứ XXVII của Đảng bộ huyện Phổ Yên tiến hành vào thời điểm cả nước ta đang ra sức thi đua chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, thành tựu 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới và quyết định những mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ tới nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân các dân tộc trong huyện, huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế-xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, củng cố vững chắc quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM (2005-2010)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh của nhân dân các dân tộc trong huyện, huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường đoàn kết, mở rộng dân chủ, giữ vững kỷ cương xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tạo sự phát triển nhanh và bền vững, sớm đưa Phổ Yên trở thành huyện công nghiệp.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hằng năm tăng 13%.
2. Phân cấu trúc kinh tế: Công nghiệp - nông - lâm nghiệp - dịch vụ với tỷ trọng GDP: Công nghiệp 38%, nông - lâm nghiệp 32%, dịch vụ 30%.
3. Thu nhập bình quân đầu người vào năm 2010 là 700 USD (tương đương 11.000.000 VNĐ).
4. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 20-25% năm.
5. Tổng sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt 56.000 tấn. Diện tích chè trồng mới và trồng lại hàng năm 100ha. Trồng rừng mới và trồng lại hàng năm đạt 200ha. Bình quân giá trị thu nhập trên 1ha đất canh tác đạt 35-40 triệu đồng.
6. Thu ngân sách nhà nước hằng năm tăng bình quân 15%.
7. 50% trường đạt chuẩn quốc gia; 100% số trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông vào năm 2010.
8. Hằng năm giải quyết việc làm cho 1.200 - 1.500 lao động.
9. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới xuống còn 10%.
10. Giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,2%.
11. 80% đường giao thông nông thôn được cứng hóa và phối hợp hóa; 100% số thôn, xóm, tiểu khu phố có nhà văn hóa.
12. Về xây dựng Đảng: Hằng năm có 85% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch; mỗi năm kết nạp 250 người vào đảng; 95% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ.

HUYỆN MUỜNG LA

ĐỊA CHỈ: CƠ QUAN HUYỆN ỦY MUỜNG LA - TỈNH SƠN LA * ĐIỆN THOẠI: 022.830 174



CẨM VĂN CHÍNH
BÍ THƯ HUYỆN ỦY



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XVIII NHIỆM KỲ 2005-2010

Trong nhiệm kỳ qua (2001 - 2005), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Mường La đã đồng sức, đồng lòng cùng quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm: phục vụ Dự án thủy điện Sơn La - công trình thế kỷ.

Bên cạnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nền kinh tế của huyện tăng trưởng khá với các kết quả cơ bản sau:

Tốc độ tăng trưởng bình quân: 17,29% (năm 2005).

Thu nhập bình quân: 4,04 triệu đồng (năm 2005).

Toàn huyện không có hộ đói, tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 13,81% (theo tiêu chí cũ).

Đời sống xã hội ngày càng được nâng lên: có 7/16 xã được công nhận phổ cập giáo dục THCS, 15/16 xã có đường ôtô, 65% số hộ được sử dụng điện...

Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng được duy trì, nâng độ che phủ của rừng lên 43,1% năm 2005.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tích cực.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG: luôn được Đảng bộ huyện quan tâm.

Số tổ chức cơ sở đảng tăng từ 42 lên 53 chi, đảng bộ trực thuộc. Số chi bộ cơ sở tăng từ 167 lên 218 chi bộ.

100% trạm y tế, trường học có đảng viên.

Kết nạp mới 1121 người vào Đảng, nâng tổng số đảng viên của huyện lên 3060 người.

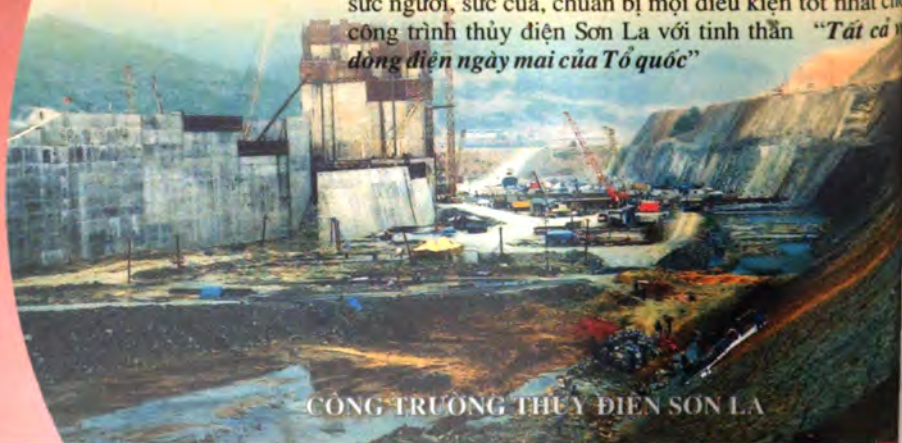
CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CHO LỄ KHỞI CÔNG THỦY ĐIỆN SƠN LA:

Năm 2004, huyện đã tổ chức di chuyển được trên 400 hộ dân.

Lập dự án đền bù nhà ở, hoa màu, hỗ trợ di chuyển cho các hộ gia đình thuộc diện di dời với khối lượng giá trị thực hiện trên 56 tỉ đồng (tính đến cuối năm 2005).

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tốt công trường Thủy điện Sơn La.

Công trình Thủy điện Sơn La mở ra cơ hội mới cho Mường La phát triển du lịch, dịch vụ thương mại, nâng cao đời sống nhân dân. Mường La sẵn sàng cống hiến sức người, sức của, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất cho công trình thủy điện Sơn La với tinh thần **"Tất cả vì dòng điện ngày mai của Tổ quốc"**



CÔNG TRƯỜNG THỦY ĐIỆN SƠN LA

UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 06610 3675

